CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TẬP II-2. BẢN VẼ, KHỐI LƯỢNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CTY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XD TRƯỜNG SƠN

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Văn Phong

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

U.B.N.D XÃ MỸ ĐỨC T.P HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Tân

HÀ NỘI, NĂM 2026

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TUYẾN

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../KT
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Ký tên:.....

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BÌNH ĐỒ HƯỚNG TUYẾN

Tỷ lệ:	KHBV:
Lần xuất bản: 01 Lần chỉnh sửa: 01	Ghi chú:

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

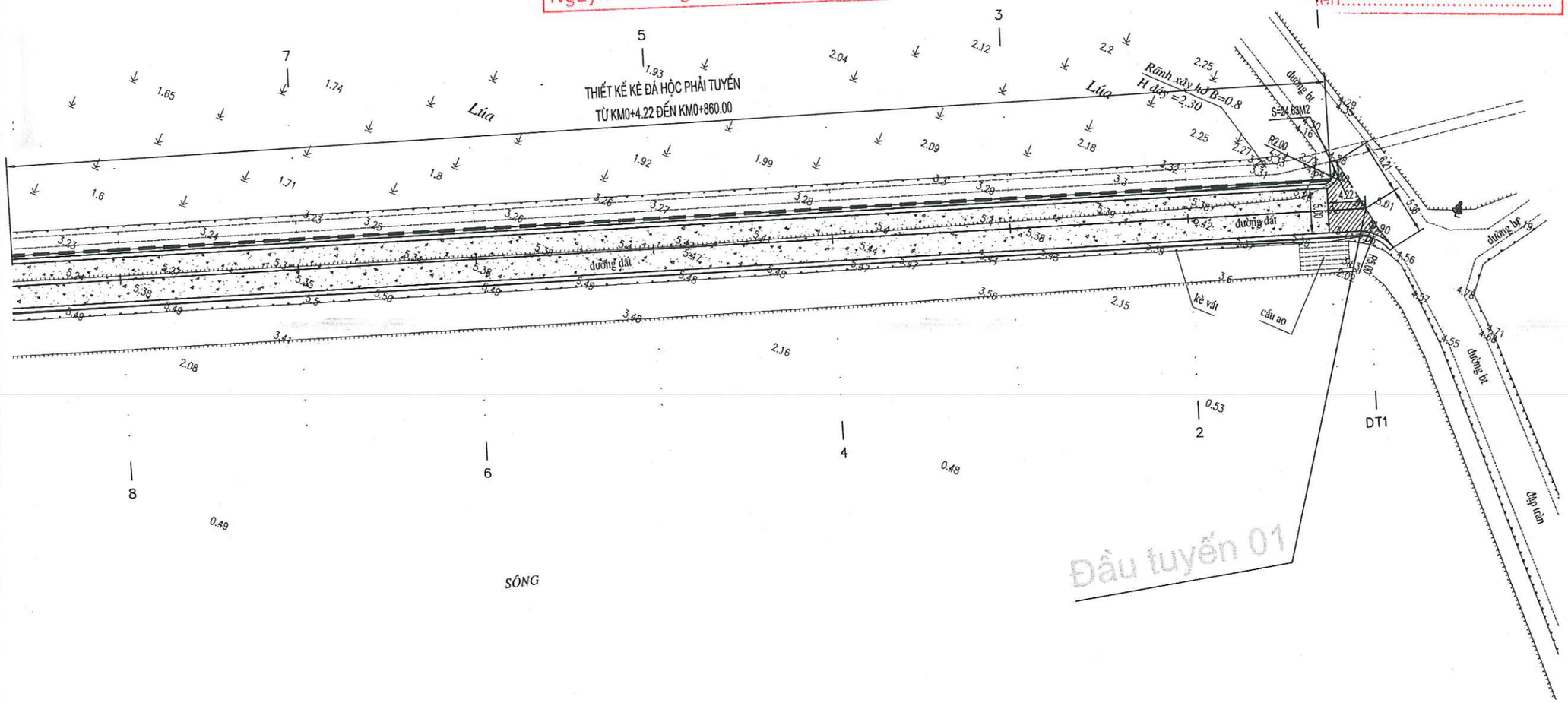

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 135 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-01

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

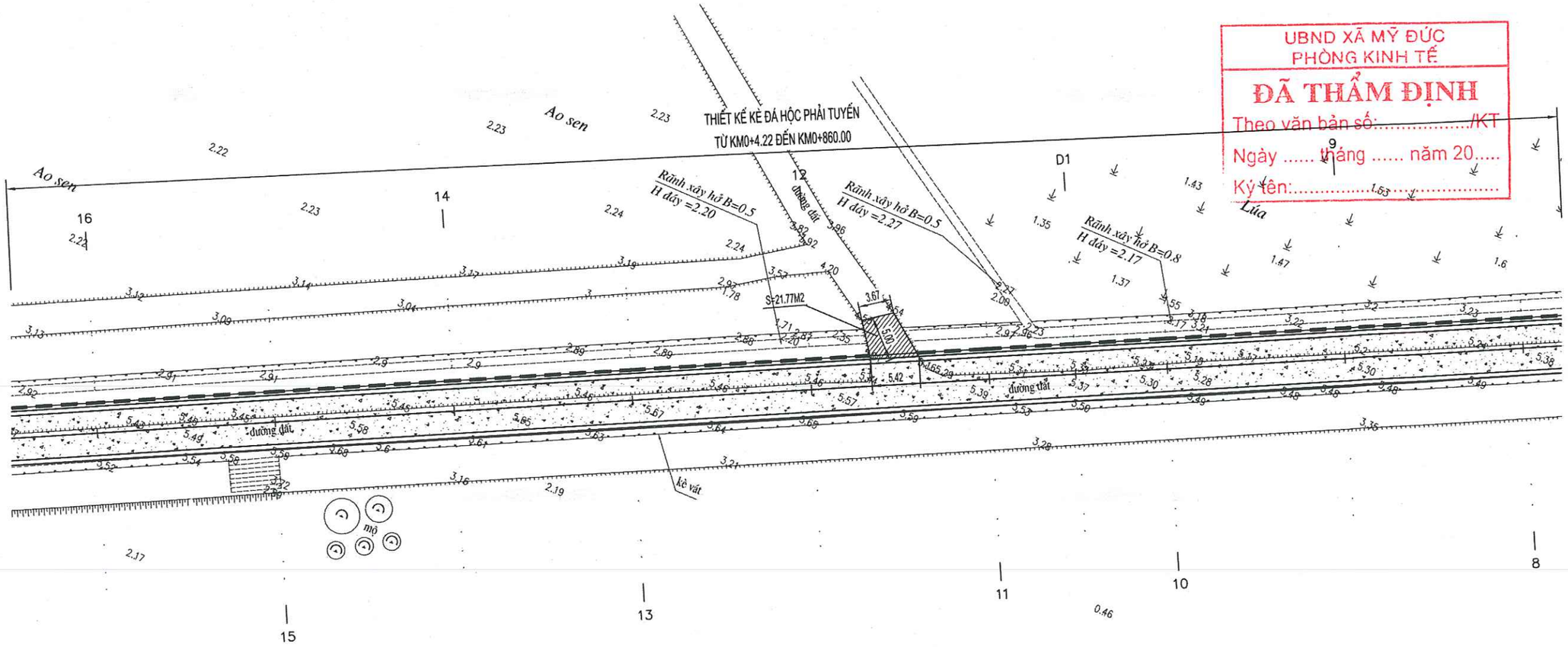

SÔNG

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-02

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

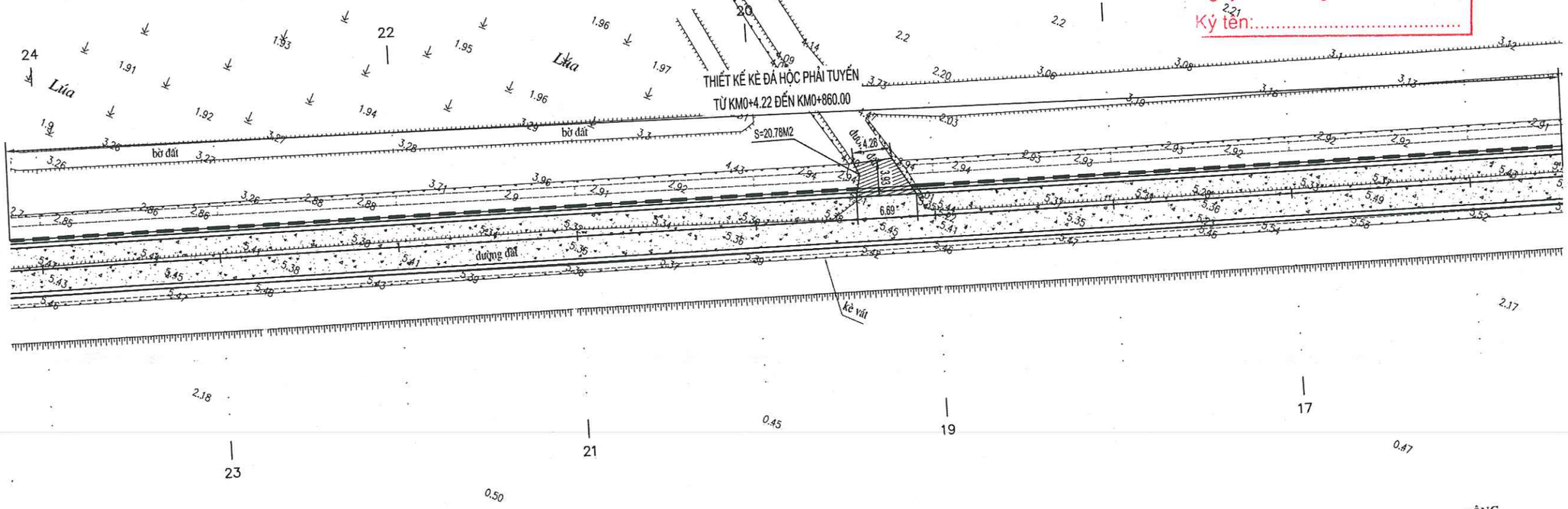

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0832281660

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-03

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

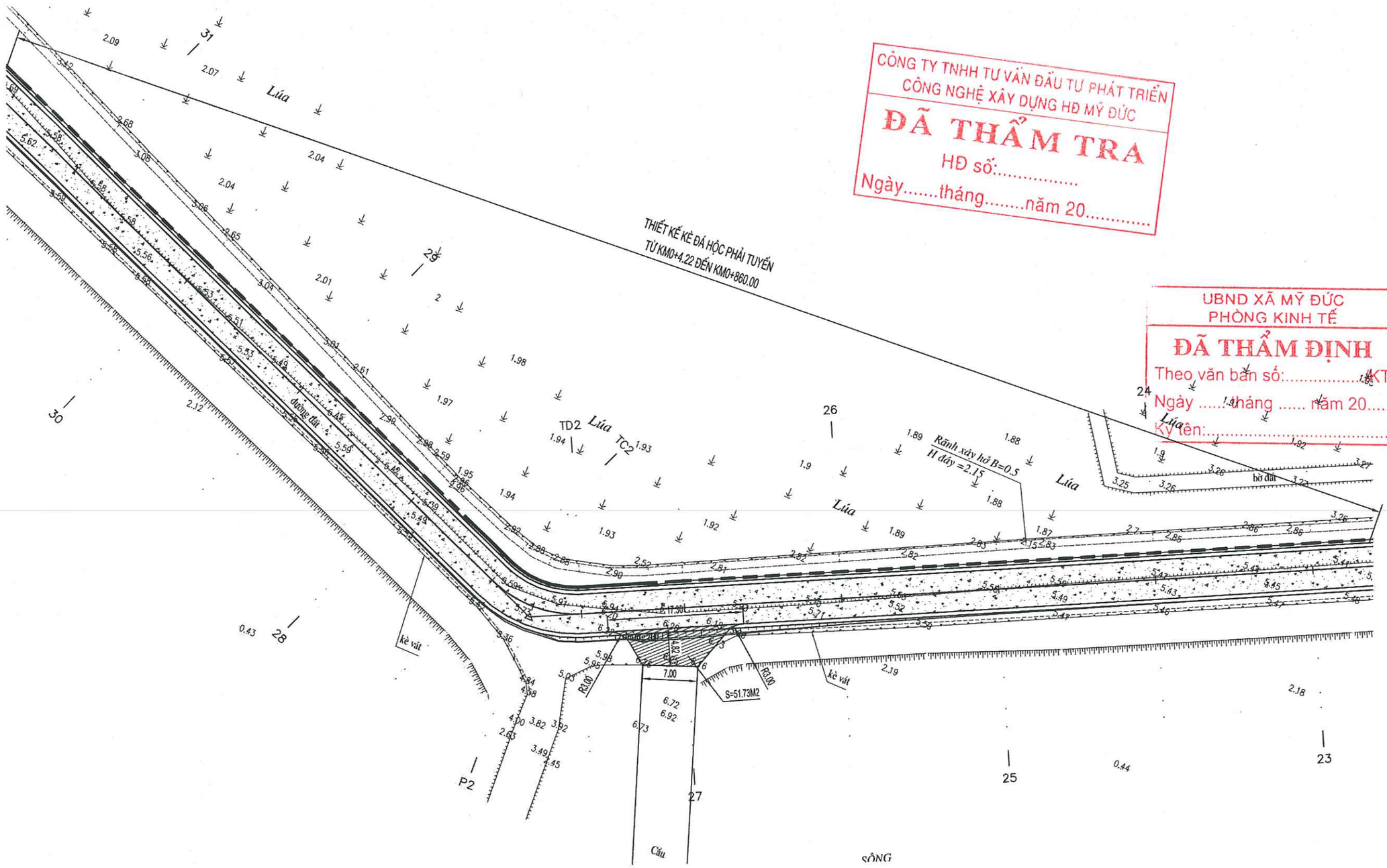

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....KT
Ngày .....tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X4,A - PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-04

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

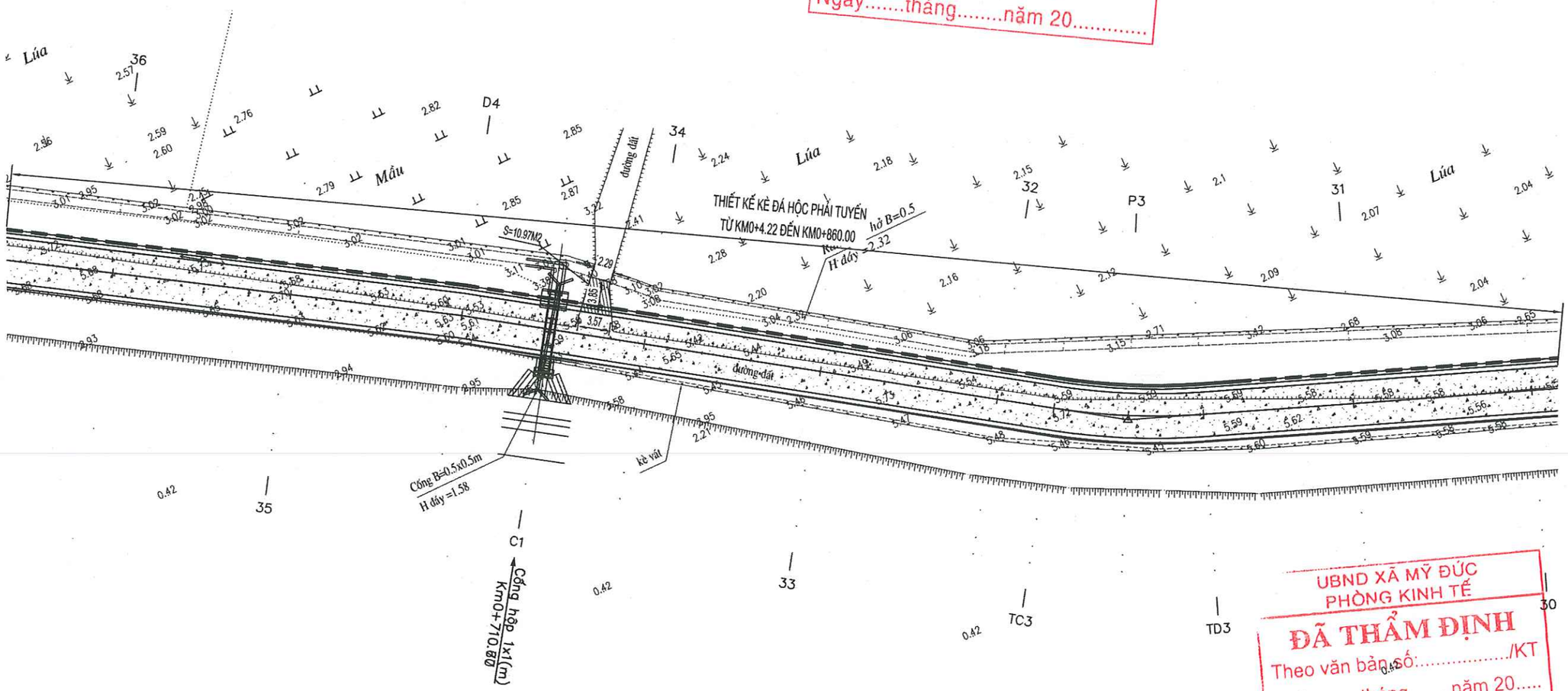

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X.A.L.A. PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-05

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

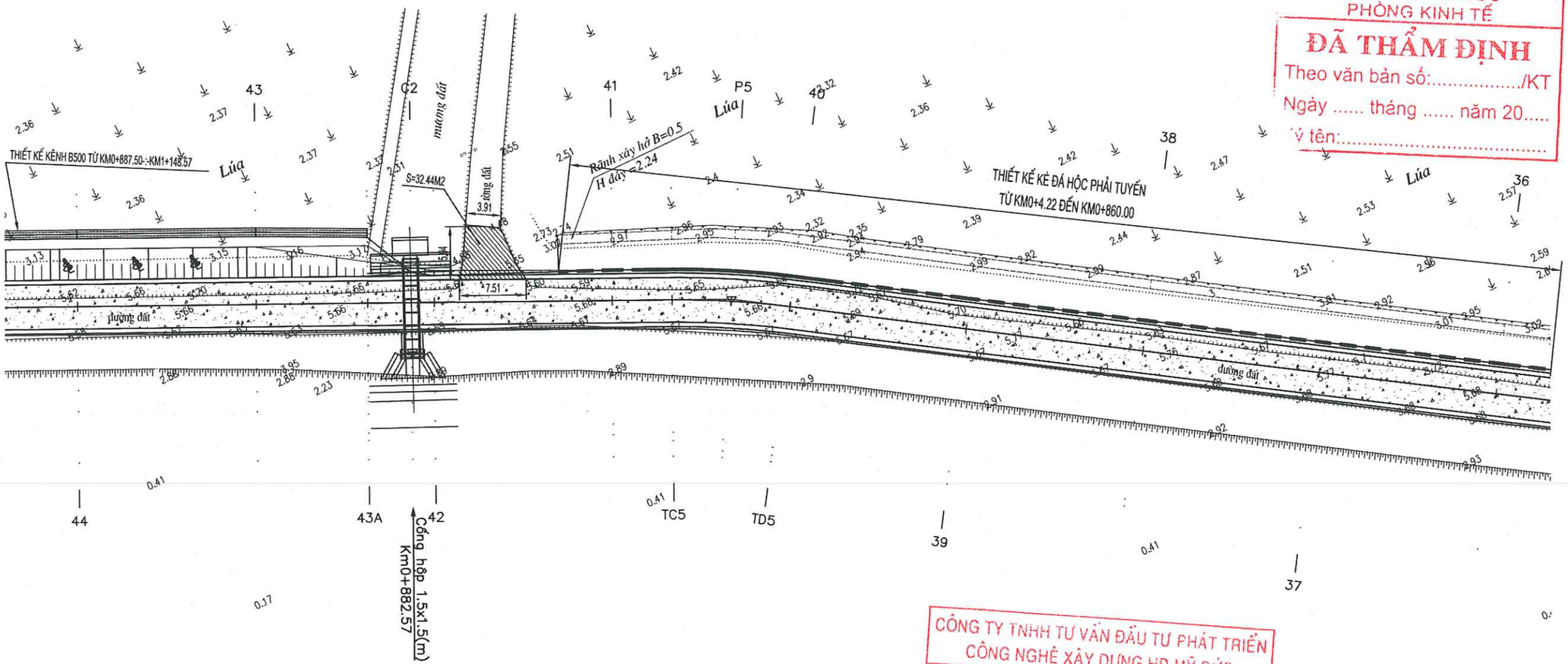

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281988

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-06

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

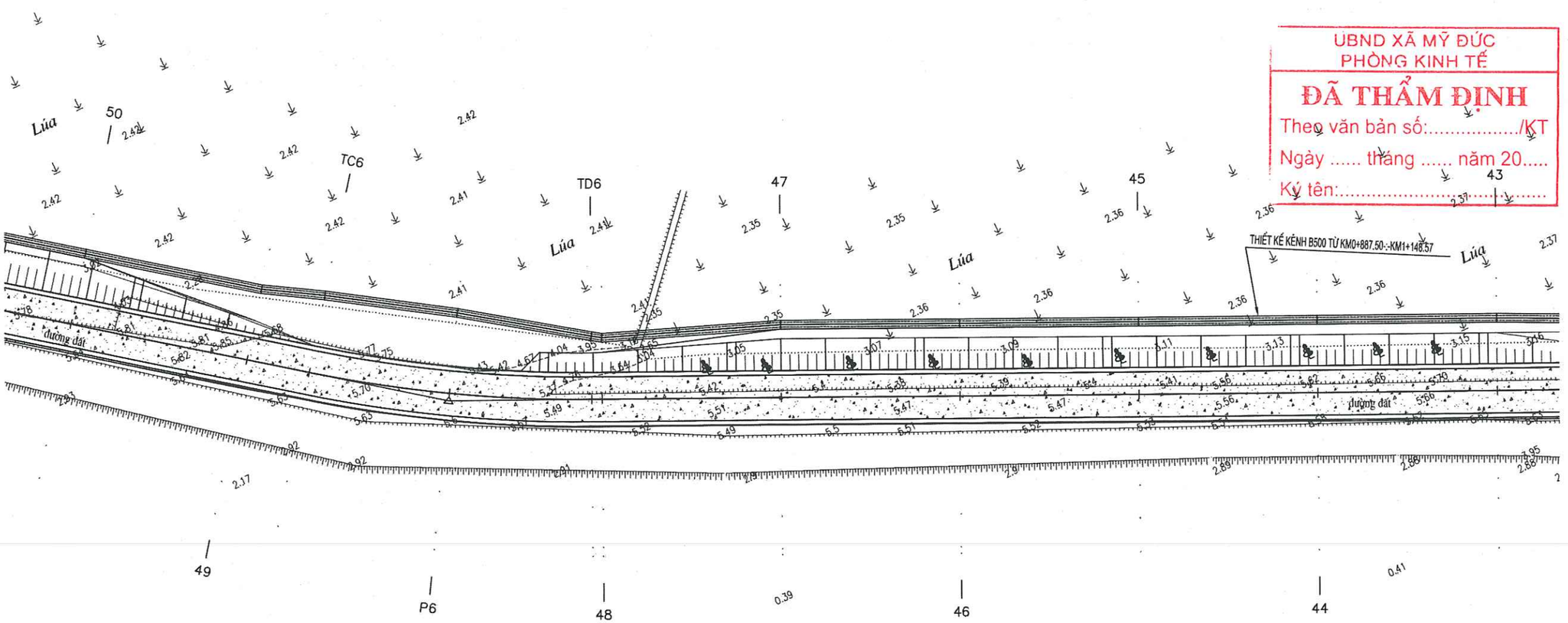

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON.JSC
DỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-07

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

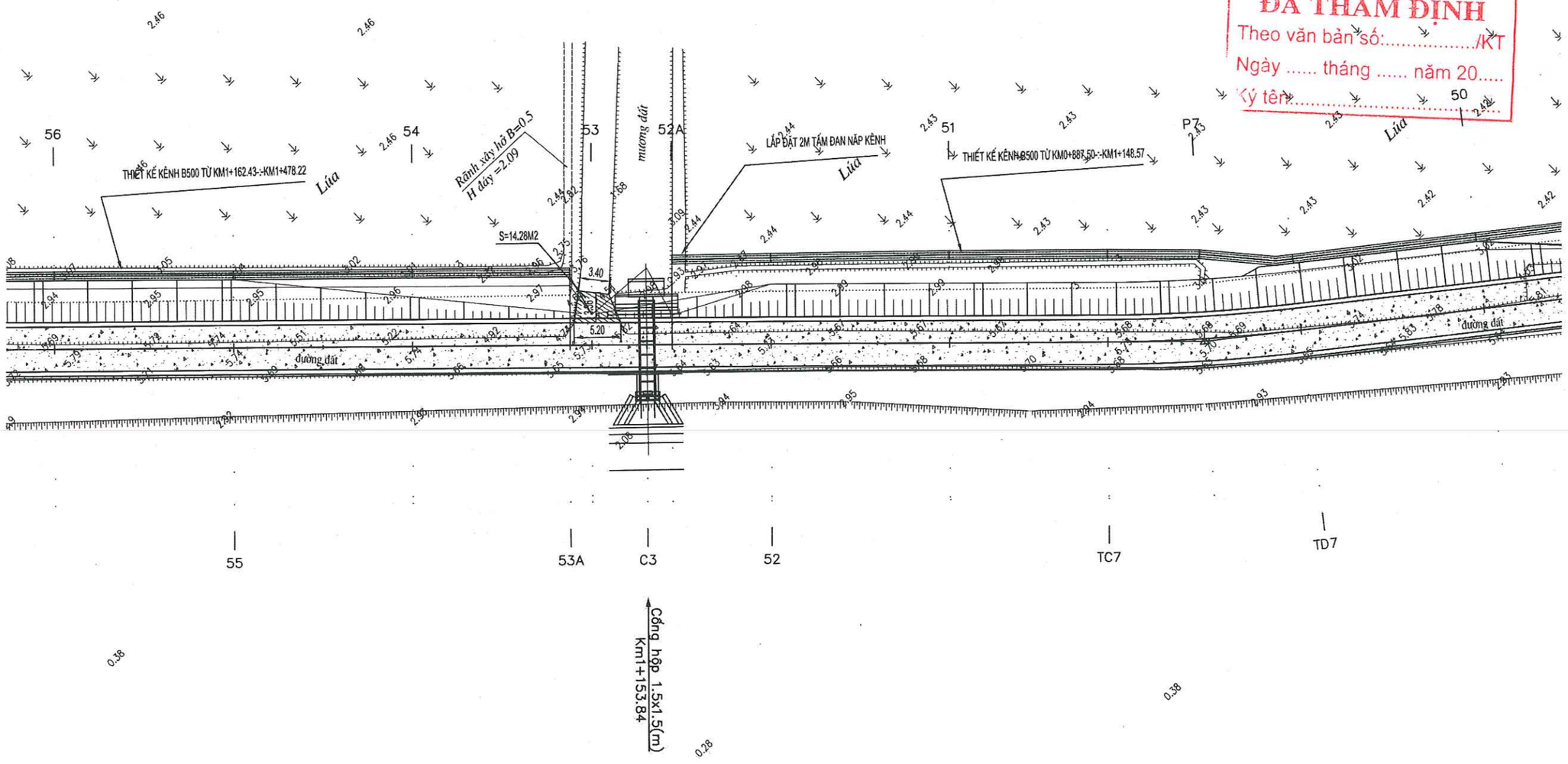

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-08

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày .....tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

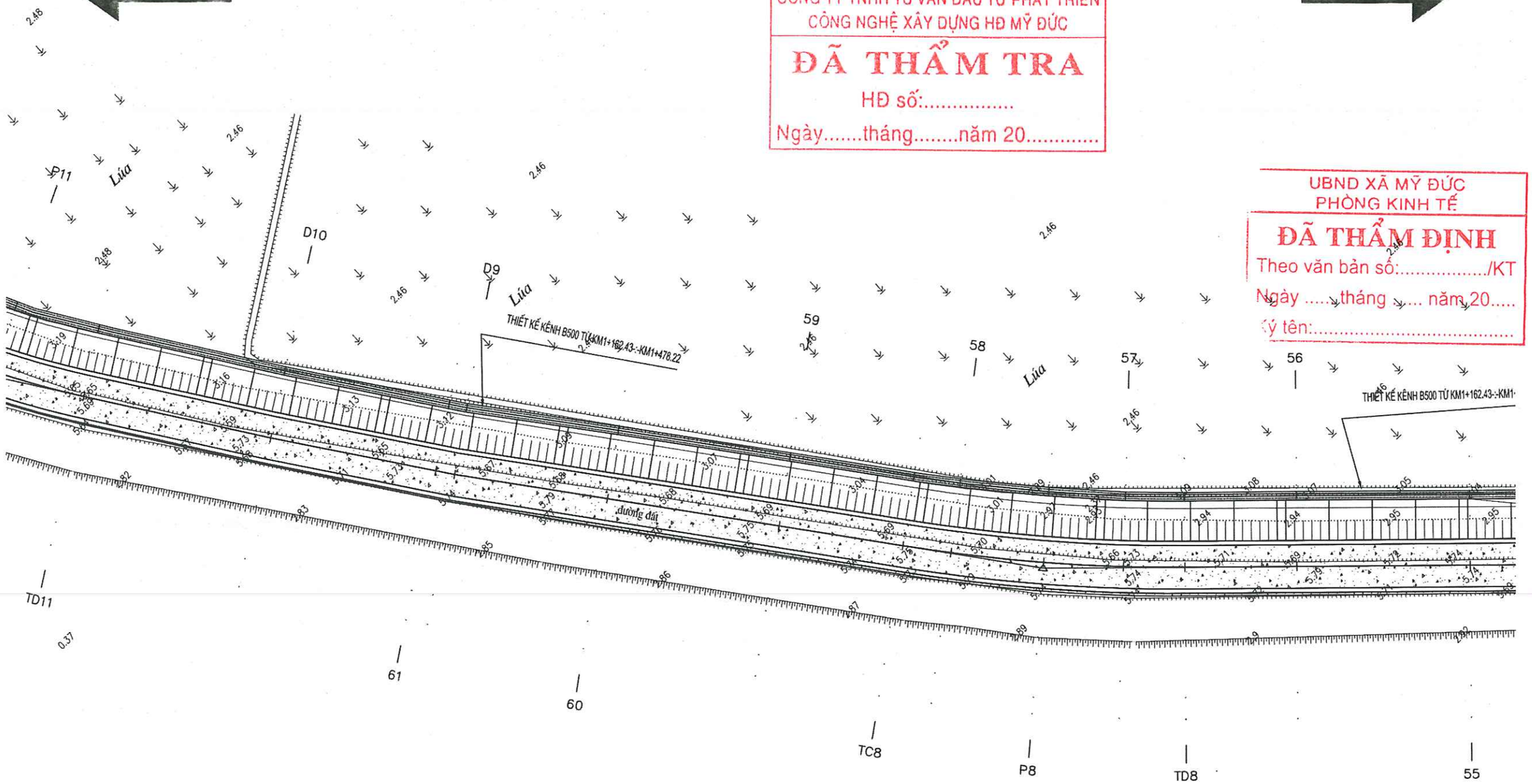

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281880

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-09

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

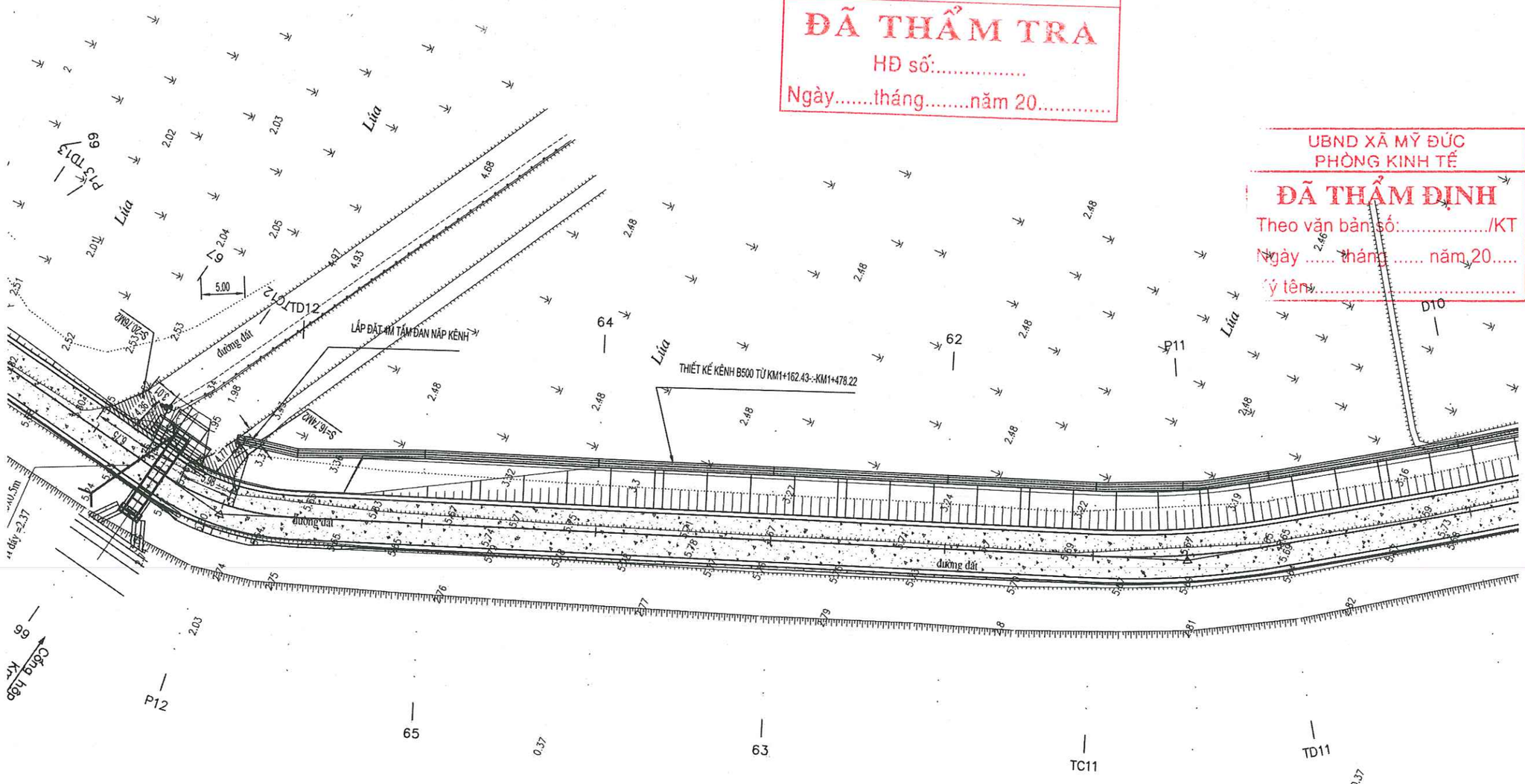

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: BỘ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261961

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-10

ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Tên:.....

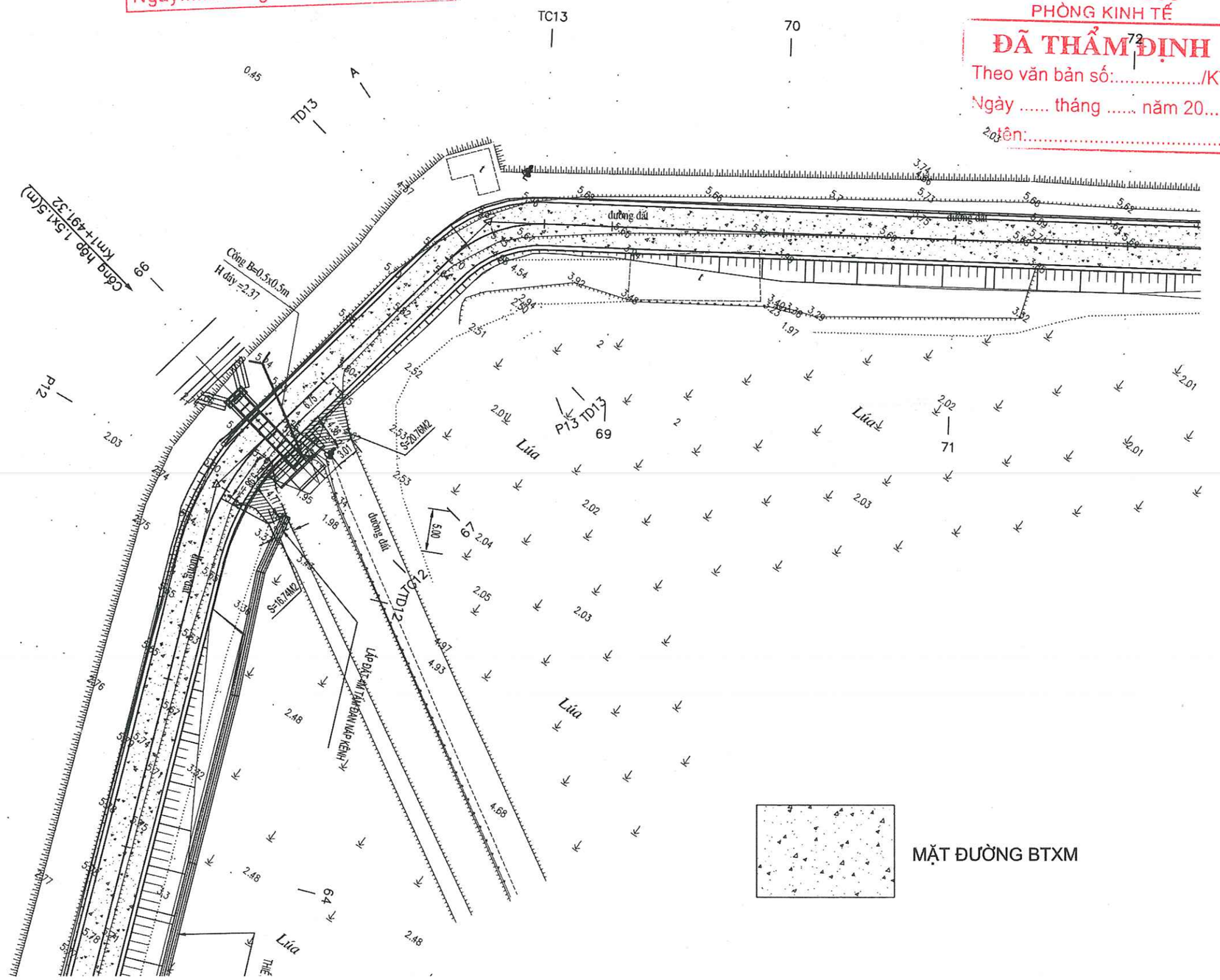

MẶT ĐƯỜNG BTXM

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

TRUONGSON.JSC

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-12

ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

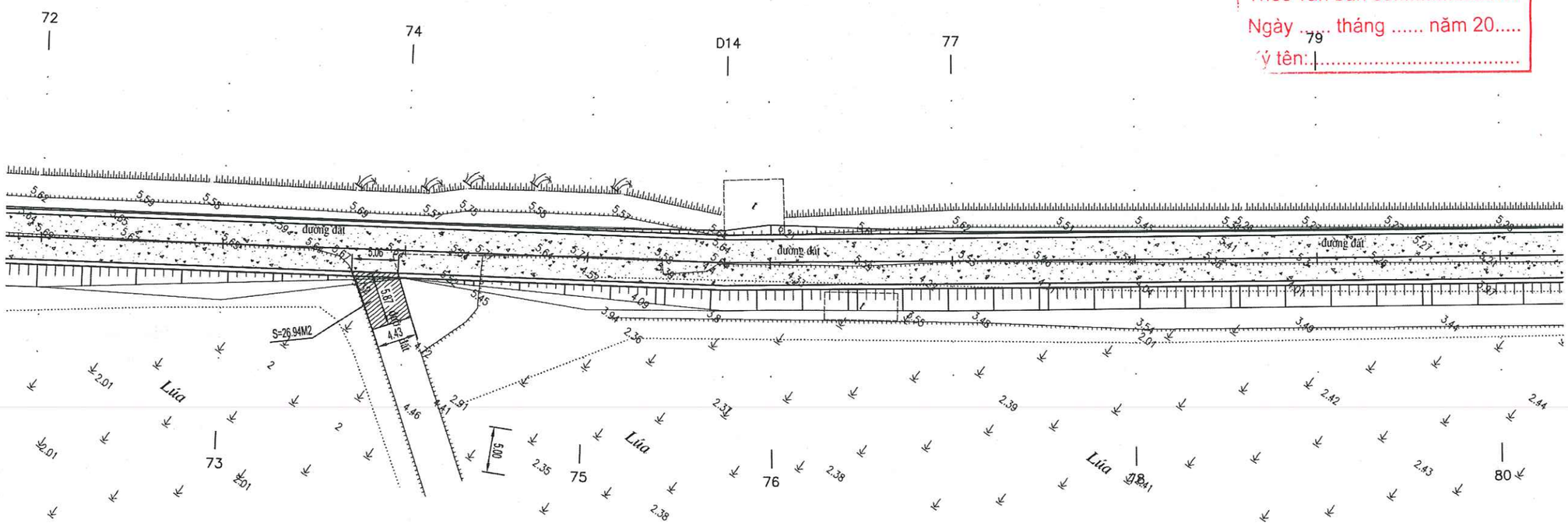

MẶT ĐƯỜNG BTXM

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281980
P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-13

ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

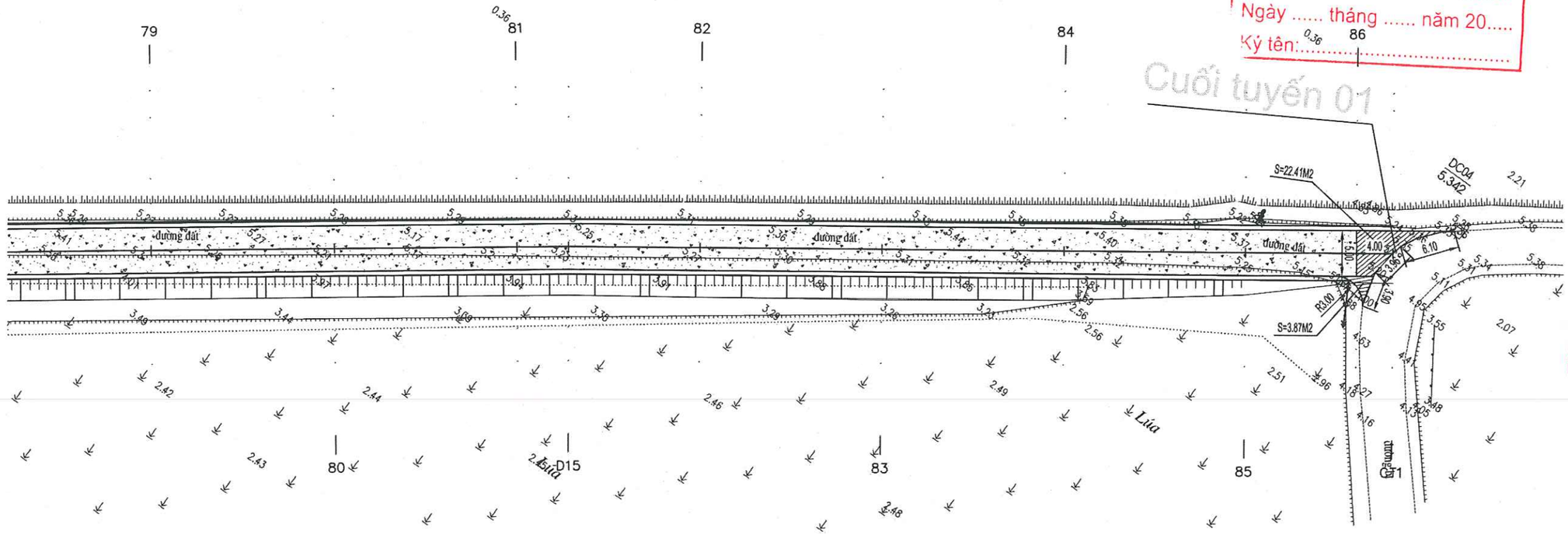

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ỐP MÁI ĐÁ HỘC

KÈ ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281990

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T1-13

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH

TỪ CỌC KM0+0.00 -:- KM0+860.00

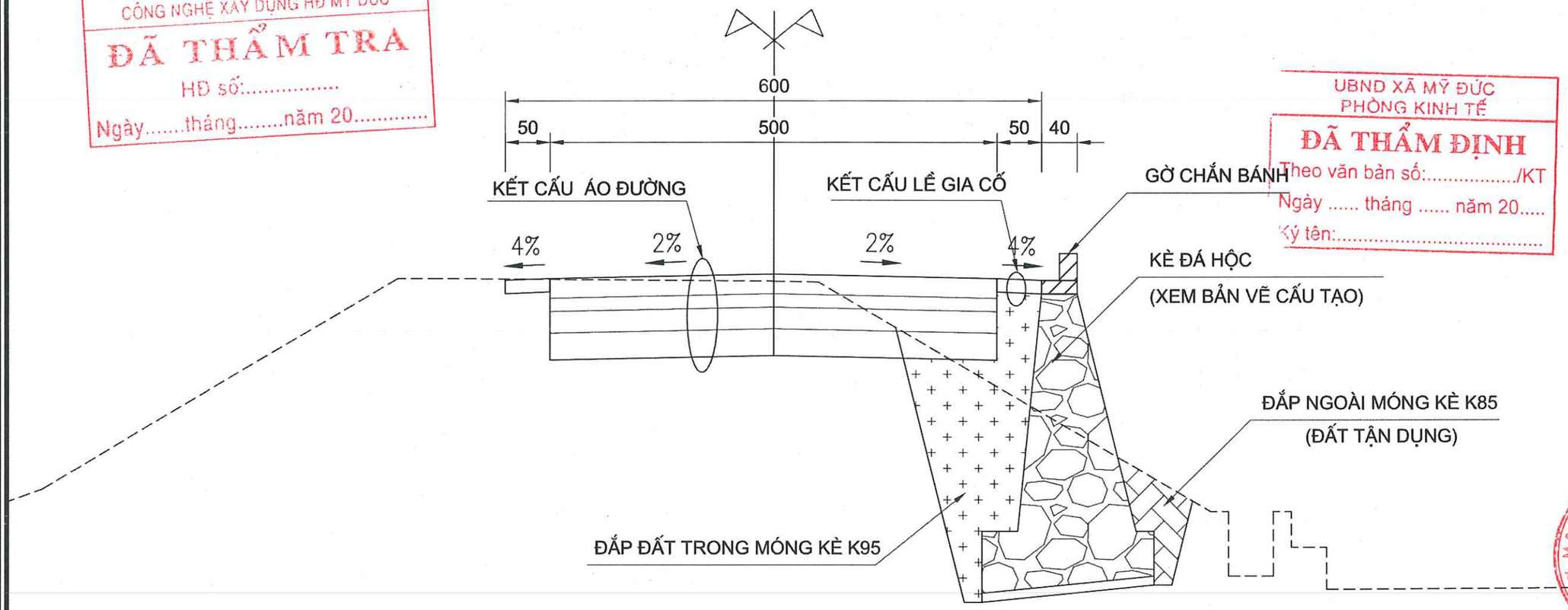

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

KẾT CẤU VUỐT RÊ

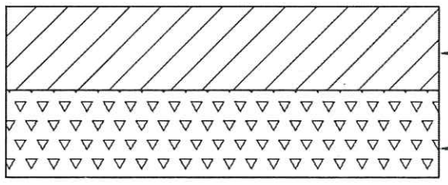

KẾT CẤU LỀ GIA CỐ

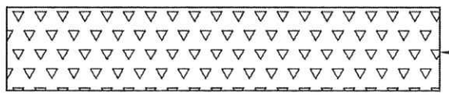

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

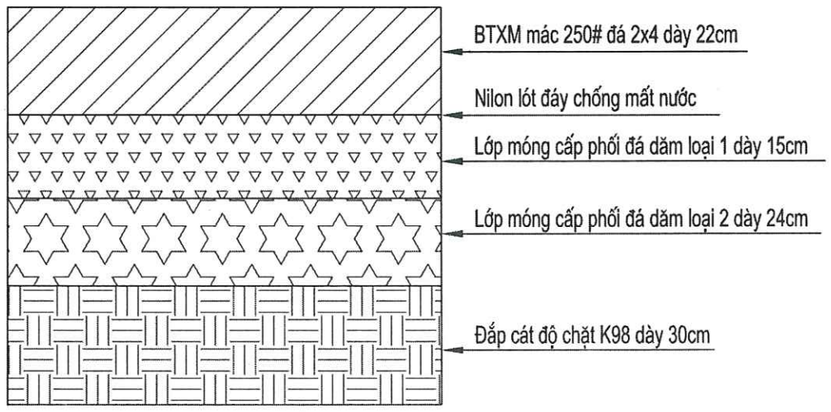

Enền >40 Mpa

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ dùng đơn vị cm.
- B mặt đường Bmặt =5.00m, Bnền =6.00m

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281869

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/50
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	THDH-T1-01

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
TỪ CỌC KM0+860.00 -:- KM1+KM1+482.96

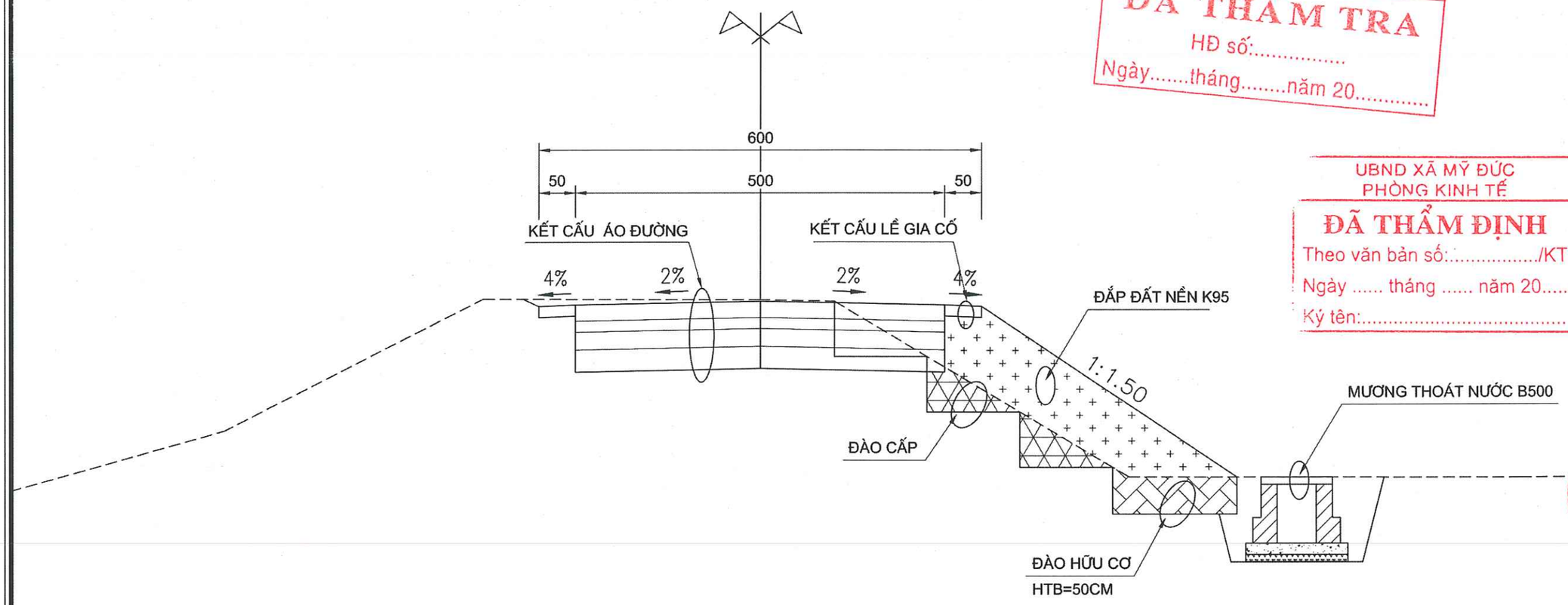

KẾT CẤU VUỐT RÊ

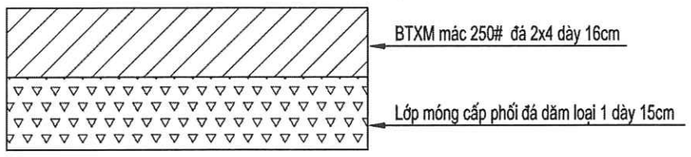

KẾT CẤU LỀ GIA CỐ

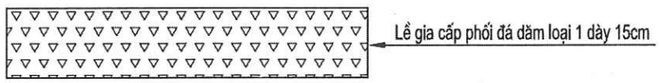

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

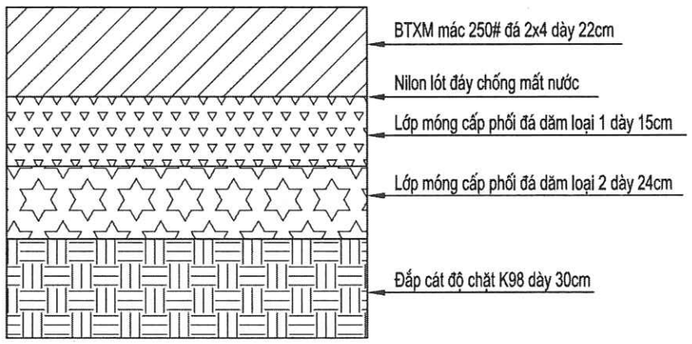

Enền >40 Mpa

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ dùng đơn vị cm.
- B mặt đường Bmặt =5.00m, Bnền =6.00m
- Blgc =2x0.5m

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/75
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	THDH-T1-02

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
TỪ CỌC KM1+482.96 -:- KM1+876.26

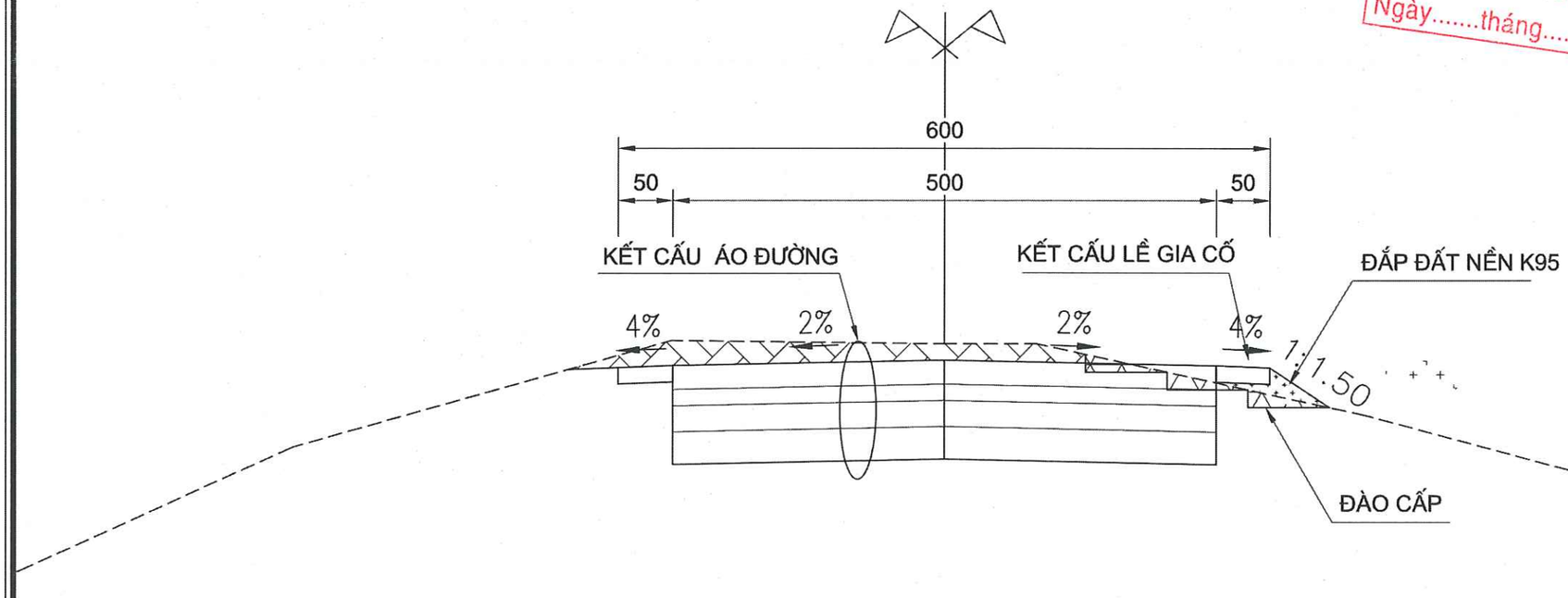

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

KẾT CẤU VUỐT RÊ

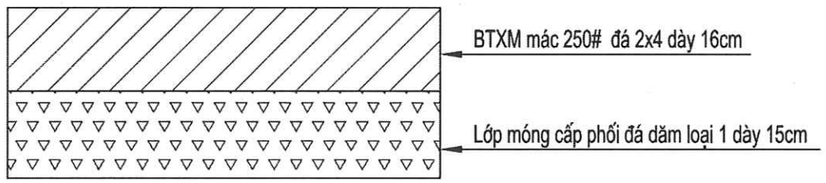

KẾT CẤU LỀ GIA CỐ

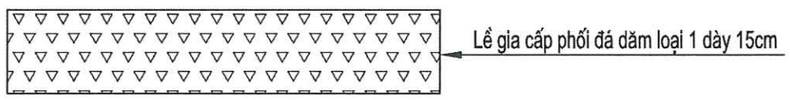

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

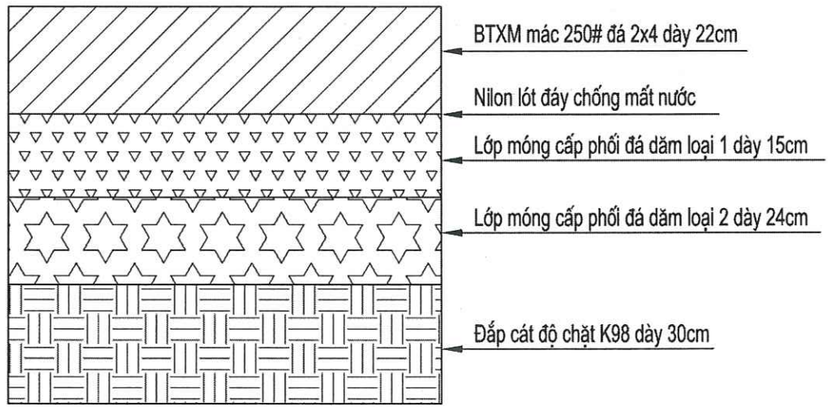

Enền >40 Mpa

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ dùng đơn vị cm.
- B mặt đường Bmặt =5.00m, Bnền =6.00m
- Blgc =2x0.5m

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/75
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	THDH-T1-03

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

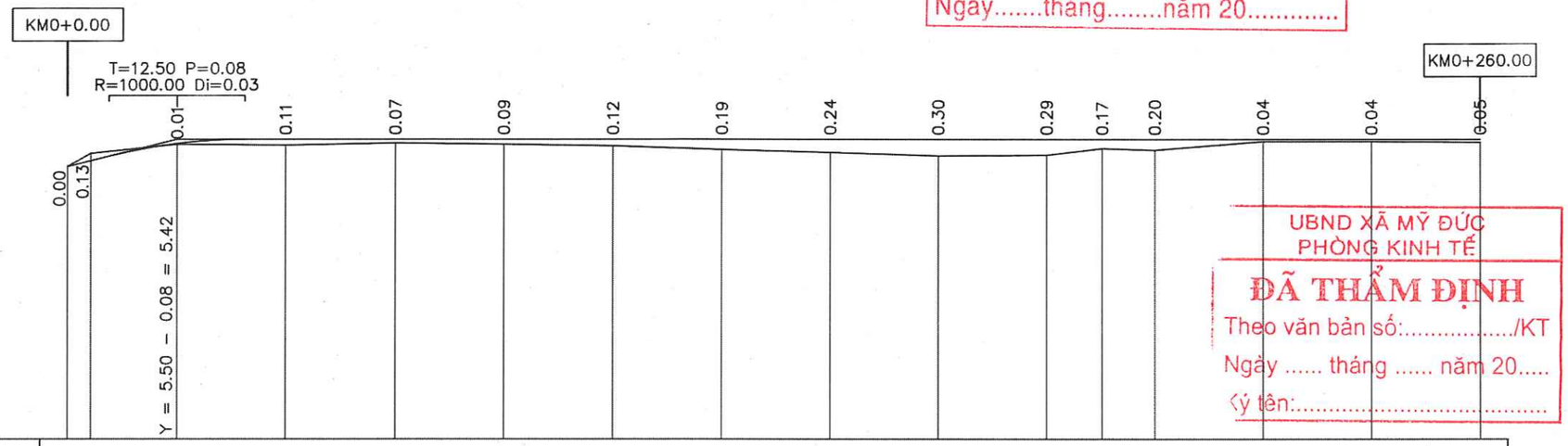

Bình đồ sơ lược																														
Độ dốc thiết kế	2.50% / 20.00																													
Cao độ thiết kế	5.00	5.11	5.42	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50
Cao độ tự nhiên	5.00	5.24	5.41	5.39	5.43	5.41	5.38	5.31	5.26	5.20	5.21	5.33	5.30	5.46	5.46	5.45														
Khoảng cách lẻ		4.22	15.78	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	10.29	9.71	20.00	20.00	20.00														
Khoảng cách cộng dồn	0.00	4.22	20.00	40.00	60.00	80.00	100.00	120.00	140.00	160.00	180.00	190.29	200.00	220.00	240.00	260.00														
Tên cọc	DT1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	D1	11	12	13	14														
Lý trình	KM0						H1						H2																	
Sơ họa tuyến	A=179d53'5.0"																													

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0812281980

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-T1-01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

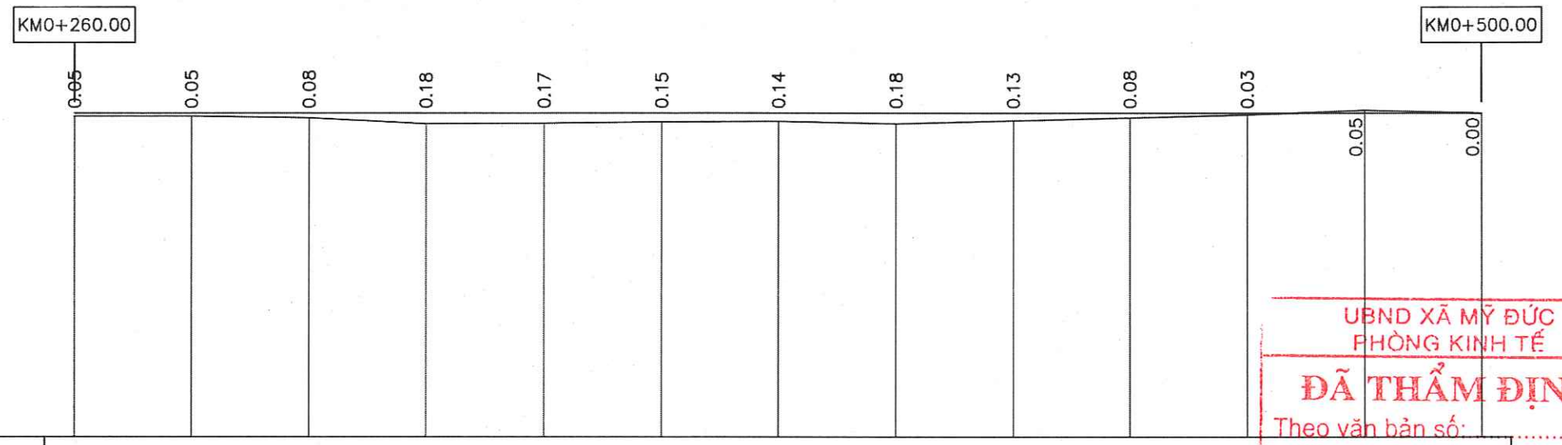

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: ...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

Bình đồ sơ lược														
Độ dốc thiết kế														
Cao độ thiết kế	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	
Cao độ tự nhiên	5.45	5.45	5.42	5.32	5.33	5.35	5.36	5.32	5.37	5.42	5.47	5.55	5.50	
Khoảng cách lẻ		20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	
Khoảng cách cộng dồn	260.00	280.00	300.00	320.00	340.00	360.00	380.00	400.00	420.00	440.00	460.00	480.00	500.00	
Tên cọc	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
Lý trình			H3					H4					H5	
Sơ họa tuyến														

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-T1-02

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

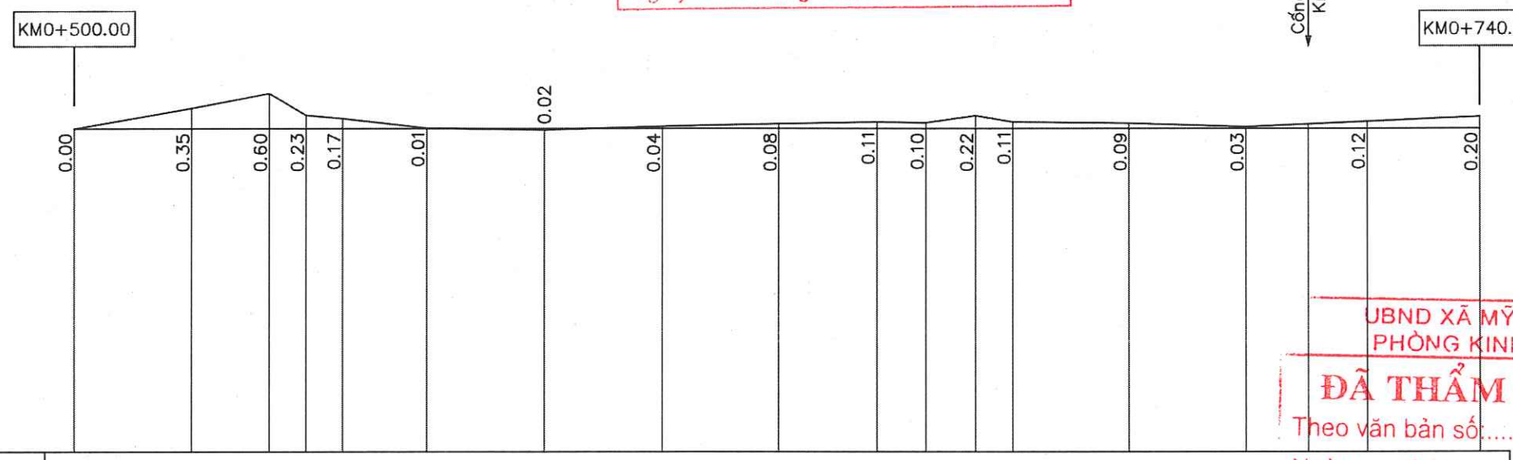

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ý tên:.....

Bình đồ sơ lược	
Độ dốc thiết kế	
Cao độ thiết kế	5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50
Cao độ tự nhiên	5.50 5.85 6.10 5.73 5.67 5.51 5.48 5.54 5.58 5.61 5.60 5.72 5.61 5.59 5.53 5.58 5.62 5.70
Khoảng cách lẻ	20.00 13.07 6.26 6.26 14.41 20.00 20.00 20.00 16.78 8.43 8.43 6.37 20.00 20.00 10.70 9.97 19.32
Khoảng cách cộng dồn	500.00 520.00 533.07 539.33 545.59 560.00 580.00 600.00 620.00 636.78 645.21 653.63 660.00 680.00 700.00 710.70 720.68 740.00
Tên cọc	26 27 TD2 P2 TC2 28 29 30 31 TD3 P3 TC3 32 33 34 C1 D4 35
Lý trình	H5 H6 H7
Sơ họa tuyến	A=132d11'48.0" R=15.00 K=12.51 T=6.65 P=1.41; A=167d7'15.0" R=75.00 K=16.86 T=8.47 P=0.48; A=178d10'36.0"

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LÃ, PHÚC LÃ, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-T1-03

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

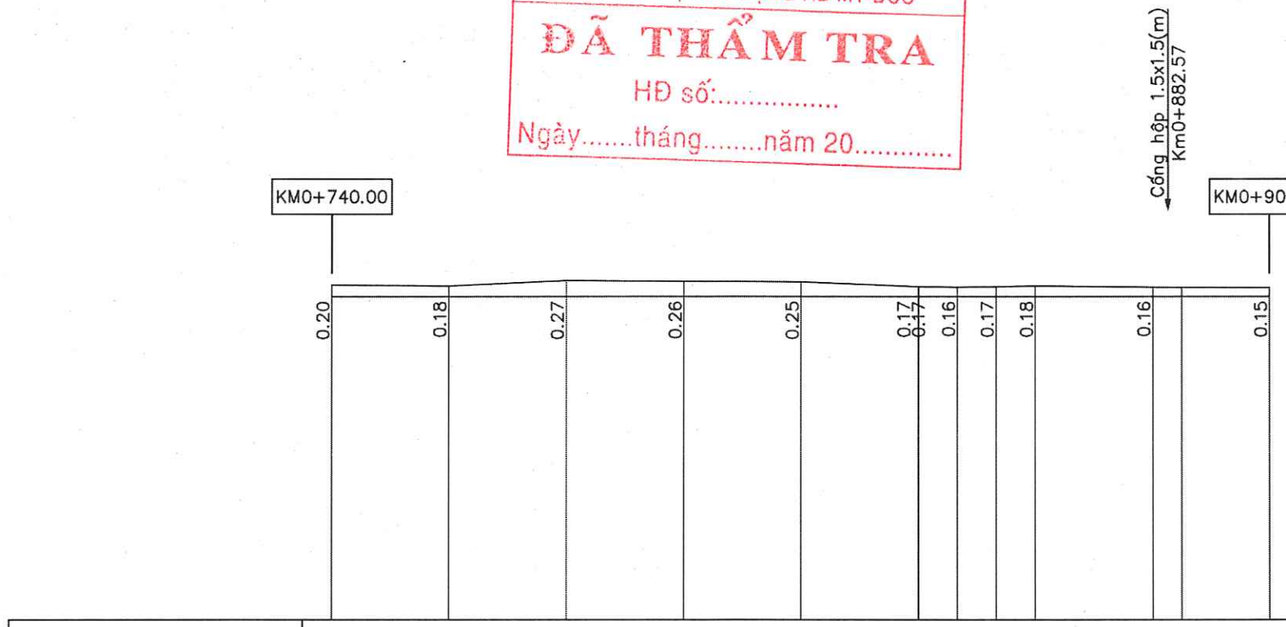

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

Bình đồ sơ lược	
Độ dốc thiết kế	0.00% 1660.00
Cao độ thiết kế	5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50
Cao độ tự nhiên	5.70 5.68 5.77 5.76 5.75 5.67 5.67 5.66 5.67 5.68 5.66 5.66 5.66 5.65
Khoảng cách lẻ	20.00 20.00 20.00 20.00 20.00 0.03 6.63 6.63 6.70 20.00 2.57 4.93 12.50
Khoảng cách cộng dồn	740.00 760.00 780.00 800.00 820.00 840.00 840.03 846.66 853.30 860.00 880.00 882.57 887.50 900.00
Tên cọc	35 36 37 38 39 TD5 40 P5 TC5 41 42 C2 43A 43
Lý trình	H8 H9
Sơ họa tuyến	A=172d23'53.0" R=100.00 K=13.27 T=6.64 P=0.22

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-T1-04

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

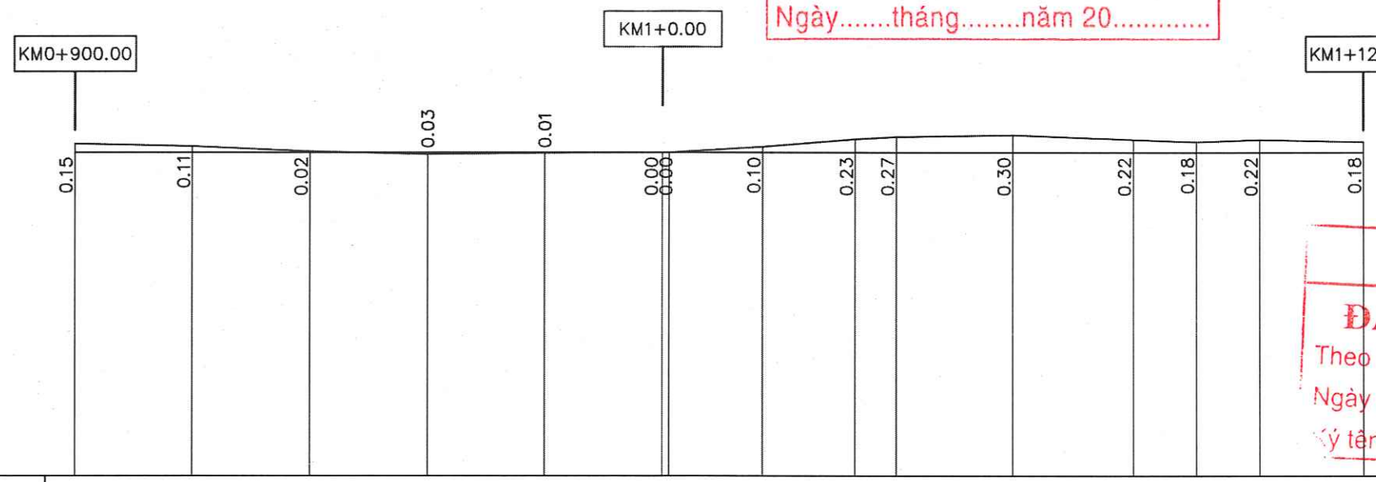

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

| | | |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Cống hộp 1.5x1.5(m)
Km1+153.84

KM1+120.00

KM1+300.00

0.18 | 0.23 | 0.23 | 0.24 | 0.24 | 0.19 | 0.22 | 0.23 | 0.22 | 0.22 | 0.25 | 0.19 | 0.18

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

| | | |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

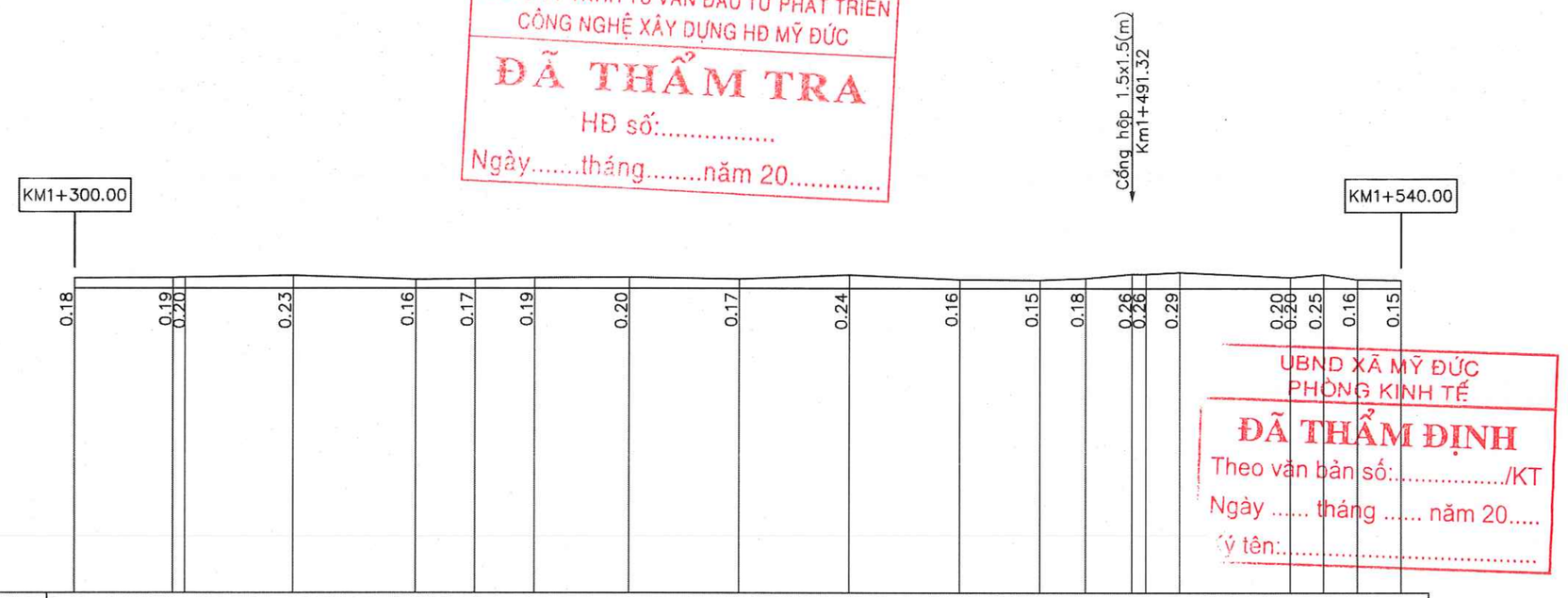

Bình đồ sơ lược	
Độ dốc thiết kế	
Cao độ thiết kế	5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50 5.50
Cao độ tự nhiên	5.68 5.69 5.70 5.73 5.66 5.67 5.69 5.70 5.67 5.74 5.66 5.65 5.68 5.76 5.76 5.79 5.70 5.70 5.75 5.66 5.65
Khoảng cách lẻ	17.79 2.21 19.39 22.04 10.77 10.77 17.03 20.00 20.00 20.00 14.59 8.36 8.36 2.52 6.16 20.00 0.01 6.06 6.05 7.88
Khoảng cách cộng dồn	1300.00 1317.79 1320.00 1339.39 1361.42 1372.20 1382.97 1400.00 1420.00 1440.00 1460.00 1474.59 1482.96 1491.32 1493.84 1500.00 1520.00 1520.01 1526.06 1532.12 1540.00
Tên cọc	60 61 D9 D10 TD11 P11 TC11 62 63 64 65 TD12 P12 66 TC12 67 68 TD13 P13 TC13 69
Lý trình	H3 H4 H5
Sơ họa tuyến	A=177d43'18.0" A=178d44'29.0" A=167d39'19.0" R=100.00 K=21.55 T=10.81 P=0.58 A=148d3'43.0" R=30.00 K=16.72 T=8.58 P=1.20 A=133d44'36.0" R=15.00 K=12.11 T=6.41 P=1.31

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA - PHÚC LA - HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281868

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-T1-07

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

KM1+680.00

KM1+876.26

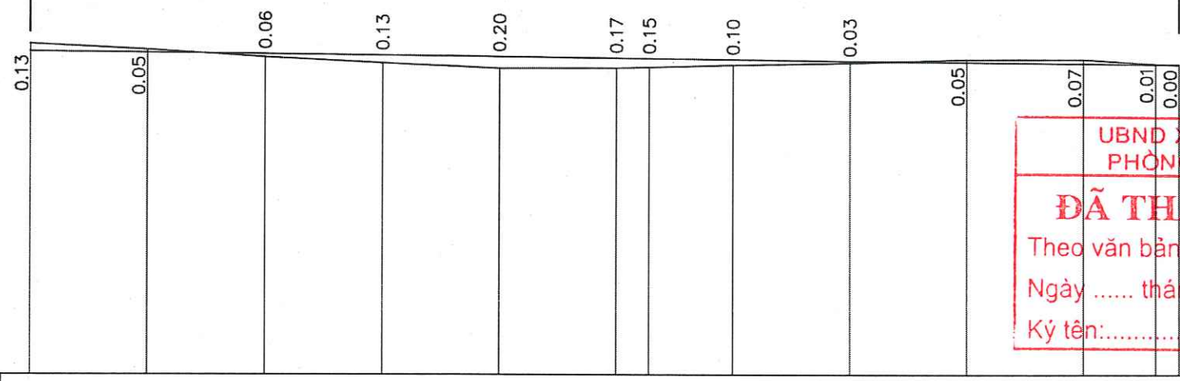

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

| | | |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

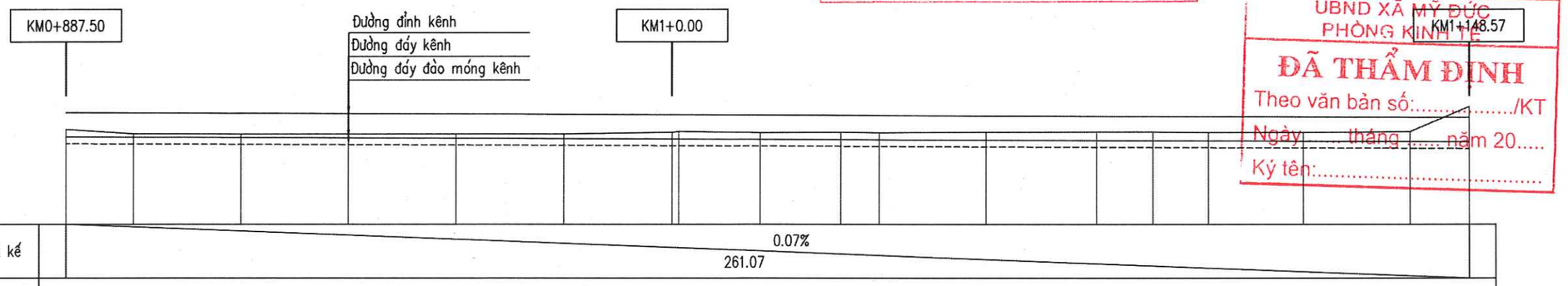

| | | |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Ký tên:.....

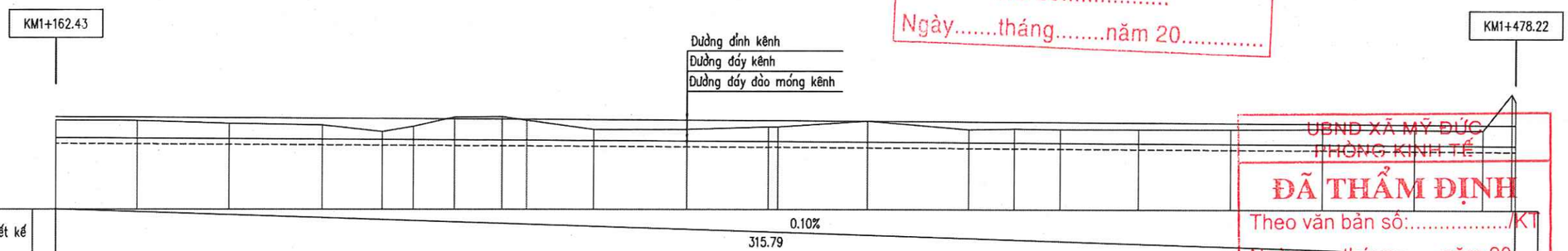

| | | |

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.61m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.36m2
S.Đắp nền k95: 0.54m2

Cọc: DT1
KM0+000.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

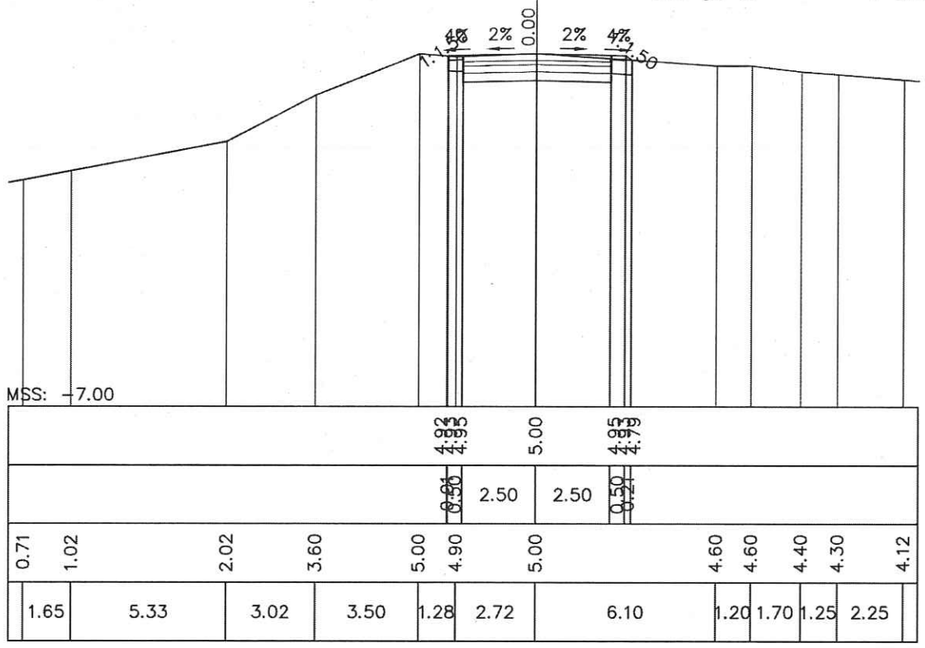

S.Đào nền : 0.82m2
S.Đào hữu cơ : 0.50m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.70m2
S.Đắp nền k95: 0.30m2

Cọc: 1
KM0+004.22

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.23m2

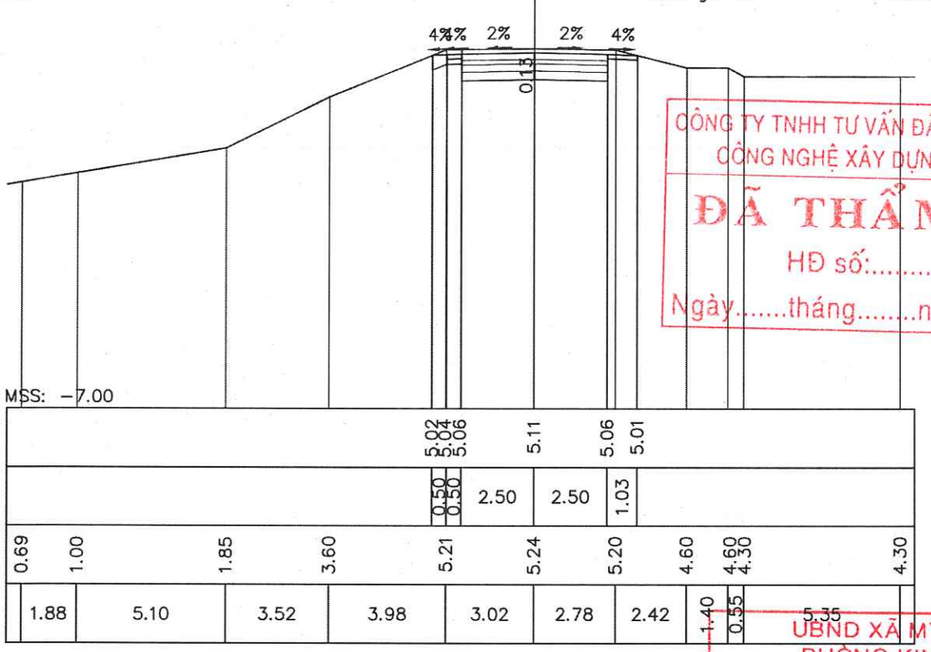

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.28m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 2.97m2
S.Đắp nền k95: 0.59m2

Cọc: 2
KM0+020.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.85m2
S.Đắp móng kè phải : 2.24m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.52m2

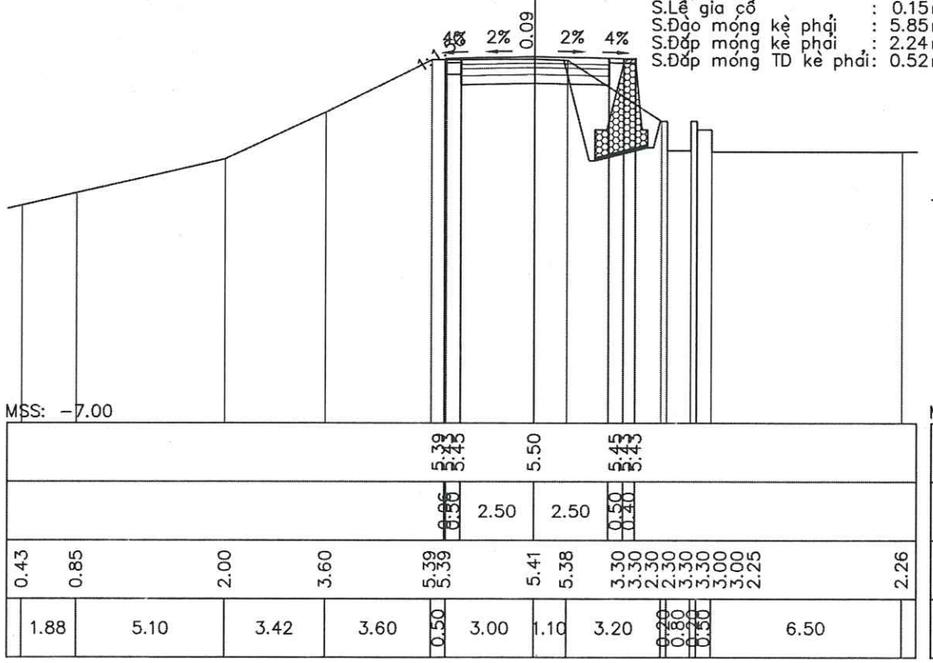

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.27m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 2.93m2
S.Đắp nền k95: 0.62m2

Cọc: 3
KM0+040.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.57m2
S.Đắp móng kè phải : 2.19m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.50m2

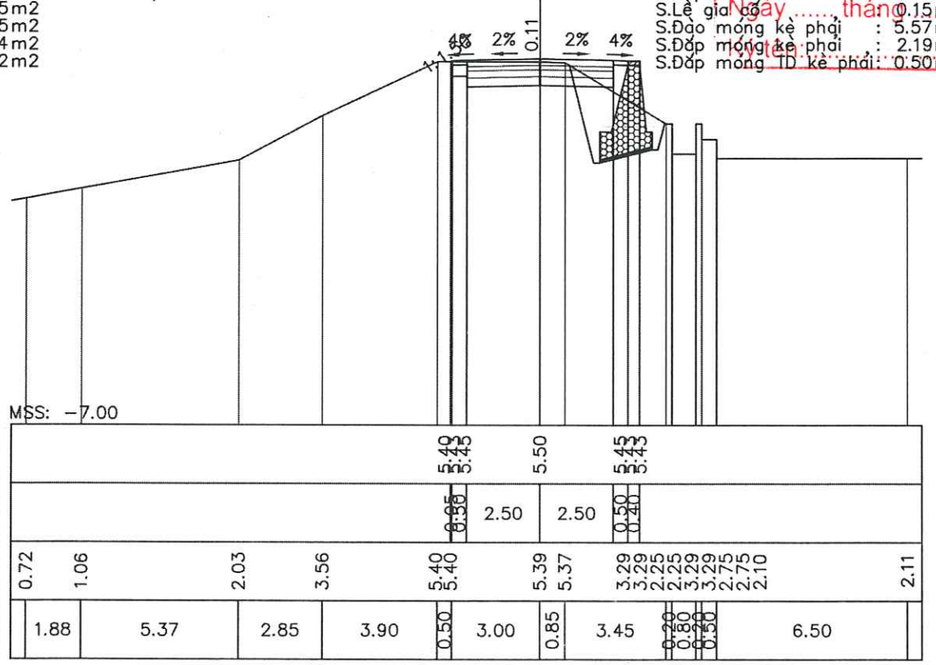

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LỘ, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261880

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../KT
Ngày.....tháng.....năm 20.....

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.26m2
S. đào cấp : 1.50m2
S.Đào khuôn : 2.61m2
S.Đắp nền k95: 1.11m2

Cọc: 4
KM0+060.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 4.17m2
S.Đắp móng kè phải : 1.66m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.33m2

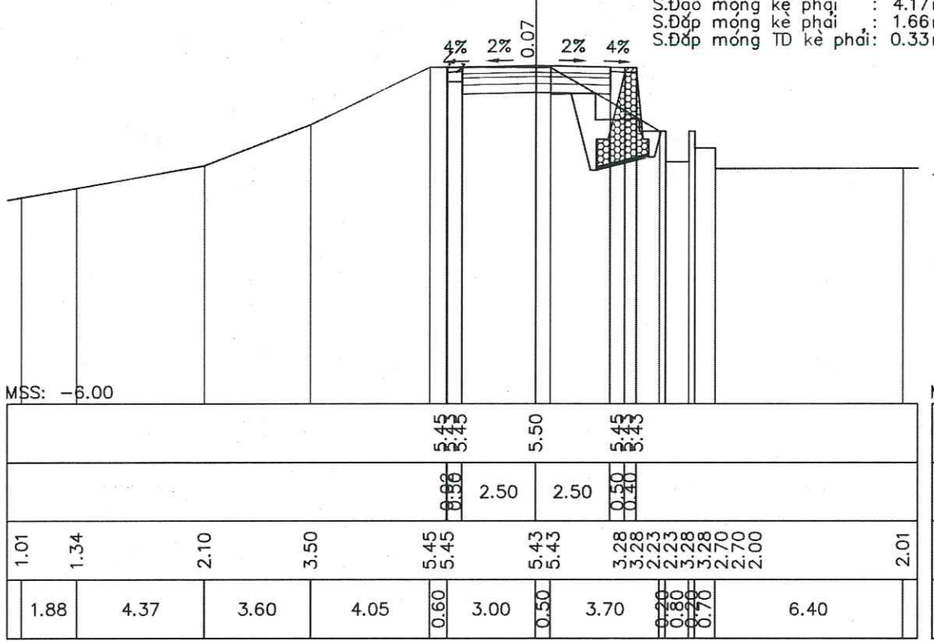

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.27m2
S. đào cấp : 1.54m2
S.Đào khuôn : 2.32m2
S.Đắp nền k95: 1.28m2

Cọc: 5
KM0+080.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 3.90m2
S.Đắp móng kè phải : 1.49m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.30m2

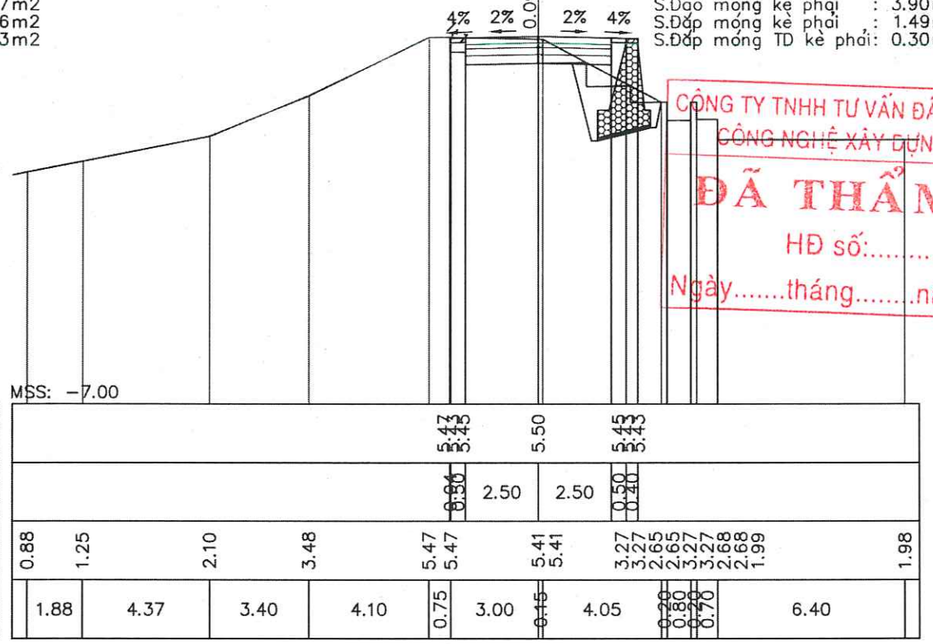

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.27m2
S. đào cấp : 1.50m2
S.Đào khuôn : 2.21m2
S.Đắp nền k95: 1.34m2

Cọc: 6
KM0+100.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 3.90m2
S.Đắp móng kè phải : 1.49m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.30m2

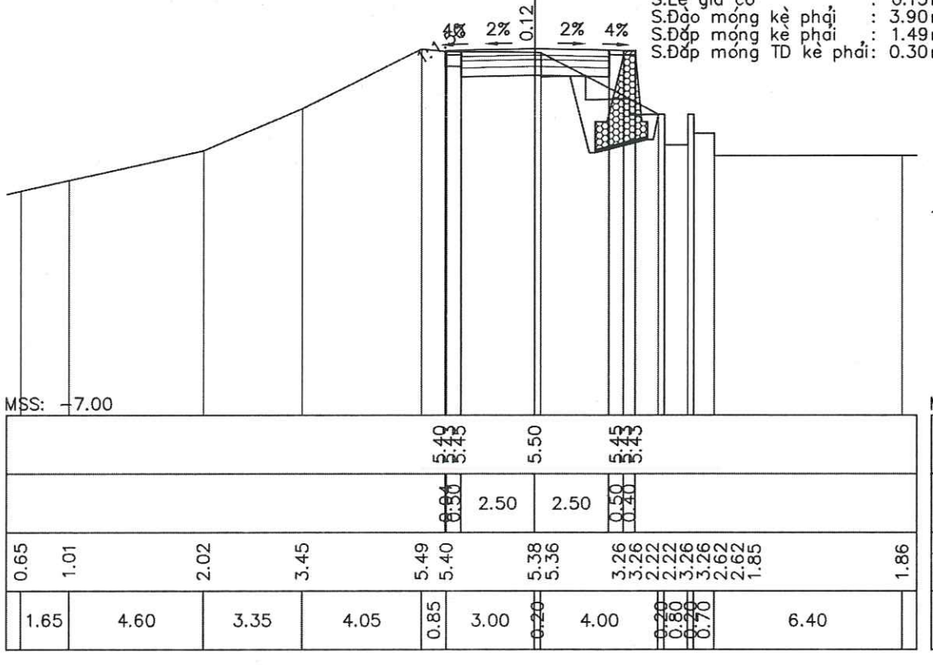

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.27m2
S. đào cấp : 1.44m2
S.Đào khuôn : 2.17m2
S.Đắp nền k95: 1.46m2

Cọc: 7
KM0+120.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 3.78m2
S.Đắp móng kè phải : 1.44m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.25m2

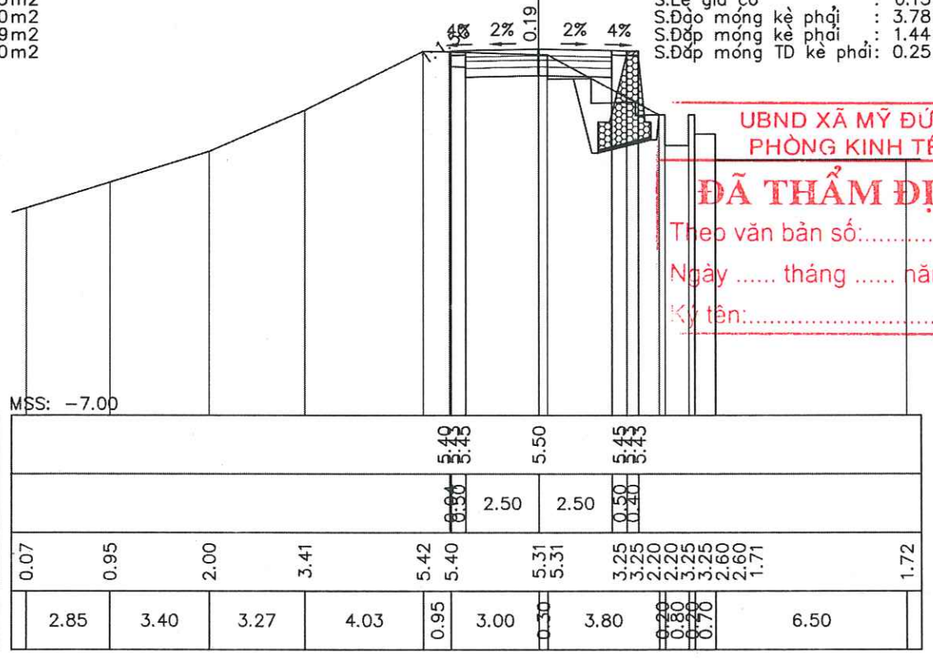

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỌNG LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0812281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 02

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.27m2
S. đào cấp : 1.41m2
S.Đào khuôn : 2.18m2
S.Đắp nền k95: 1.47m2

Cọc: 8
KM0+140.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 3.82m2
S.Đắp móng kè phải : 1.47m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.26m2

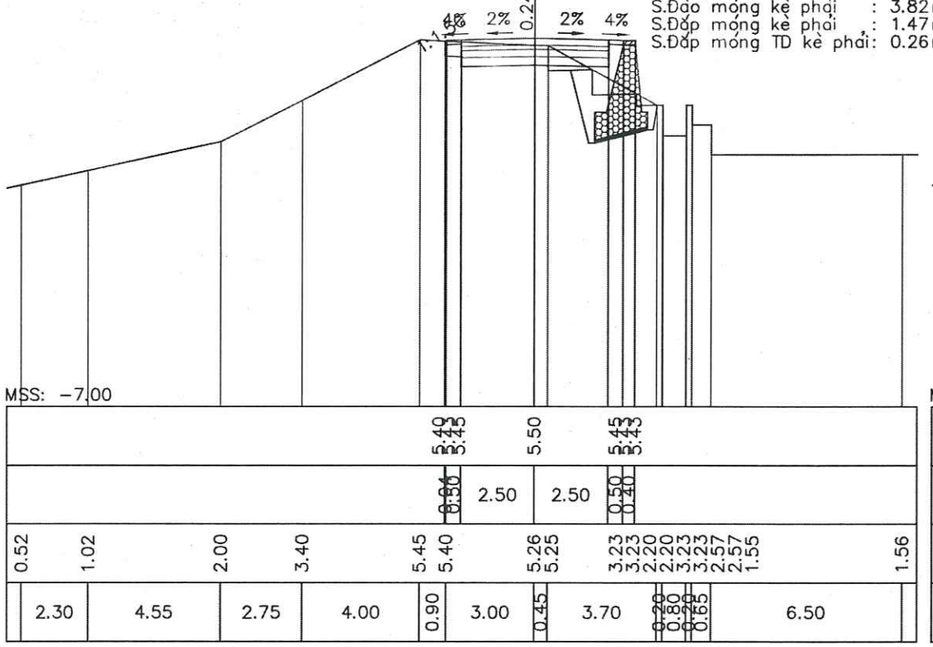

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.33m2
S. đào cấp : 1.39m2
S.Đào khuôn : 2.03m2
S.Đắp nền k95: 1.62m2

Cọc: 9
KM0+160.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 3.73m2
S.Đắp móng kè phải : 1.45m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.24m2

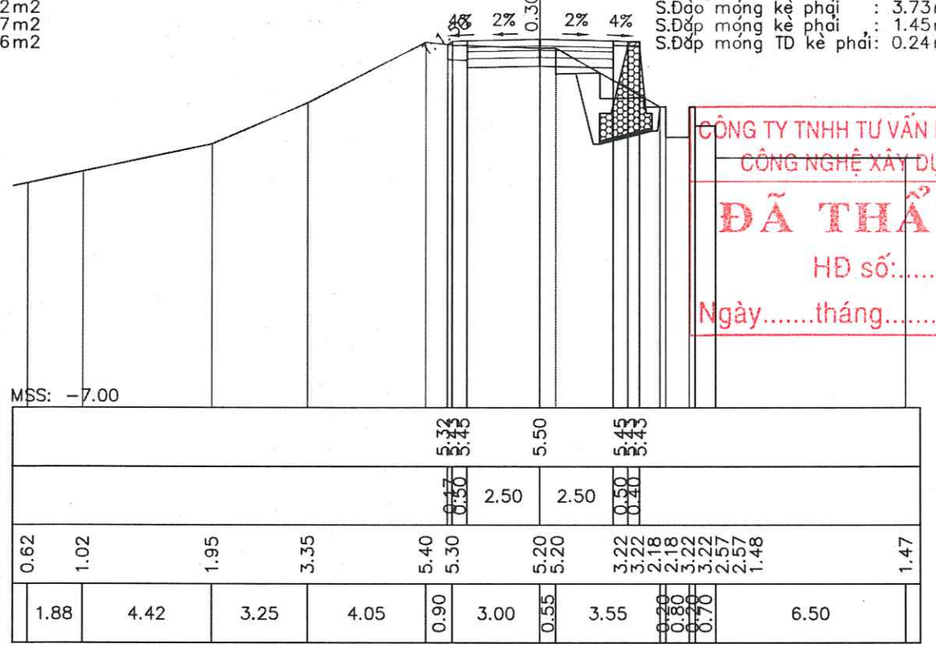

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.34m2
S. đào cấp : 1.40m2
S.Đào khuôn : 2.08m2
S.Đắp nền k95: 1.63m2

Cọc: 10
KM0+180.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 3.72m2
S.Đắp móng kè phải : 1.47m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.23m2

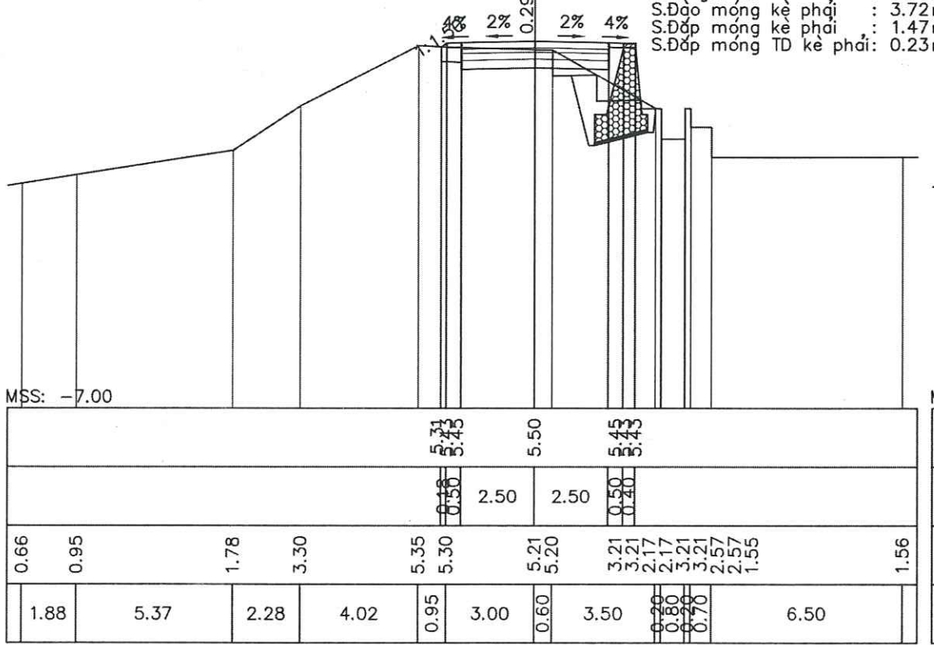

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.26m2
S. đào cấp : 1.42m2
S.Đào khuôn : 2.27m2
S.Đắp nền k95: 1.30m2

Cọc: D1
KM0+190.29

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 3.99m2
S.Đắp móng kè phải : 1.54m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.30m2

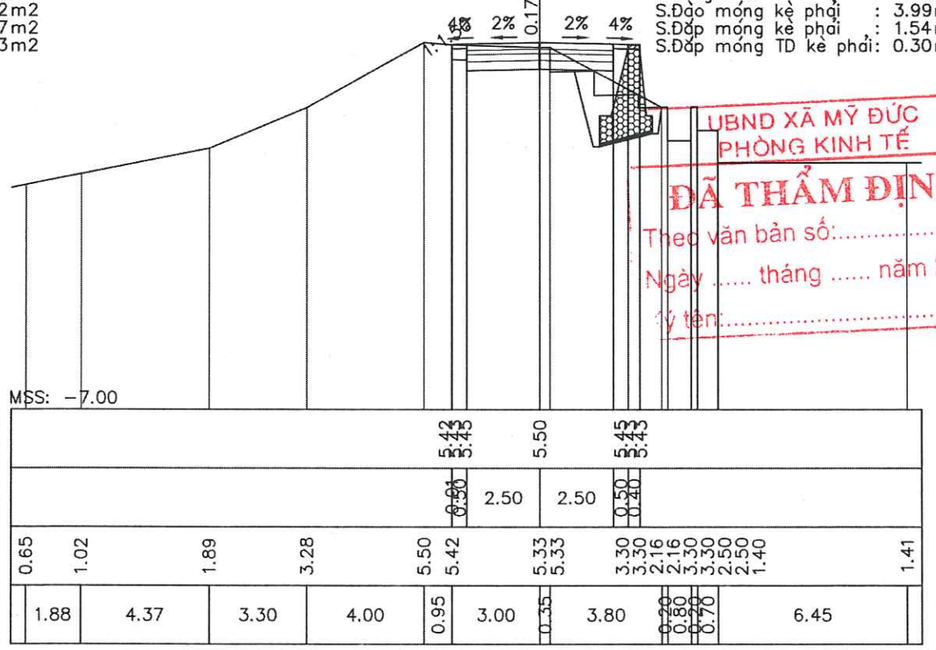

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐỊA CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.26m2
S. đào cấp : 1.70m2
S.Đào khuôn : 2.44m2
S.Đắp nền k95: 1.21m2

Cọc: 11
KM0+200.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.55m2
S.Đắp móng kè phải : 2.35m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.38m2

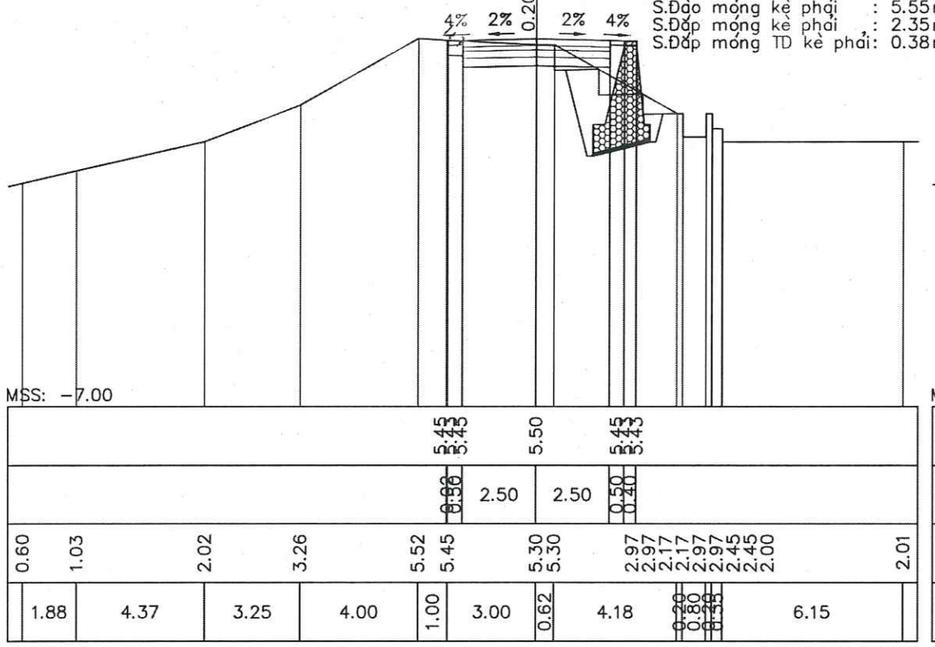

S.Đào nền : 0.12m2
S.Đào hữu cơ : 0.34m2
S. đào cấp : 1.88m2
S.Đào khuôn : 2.86m2
S.Đắp nền k95: 1.03m2

Cọc: 12
KM0+220.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.67m2
S.Đắp móng kè phải : 2.49m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.32m2

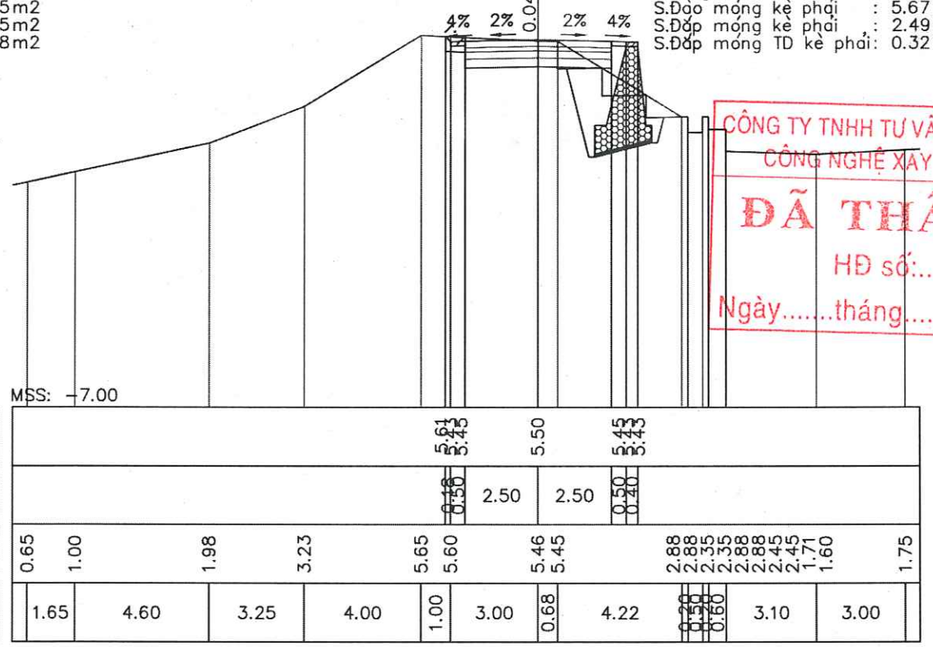

S.Đào nền : 0.12m2
S.Đào hữu cơ : 0.34m2
S. đào cấp : 1.85m2
S.Đào khuôn : 2.87m2
S.Đắp nền k95: 1.03m2

Cọc: 13
KM0+240.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.68m2
S.Đắp móng kè phải : 2.49m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.40m2

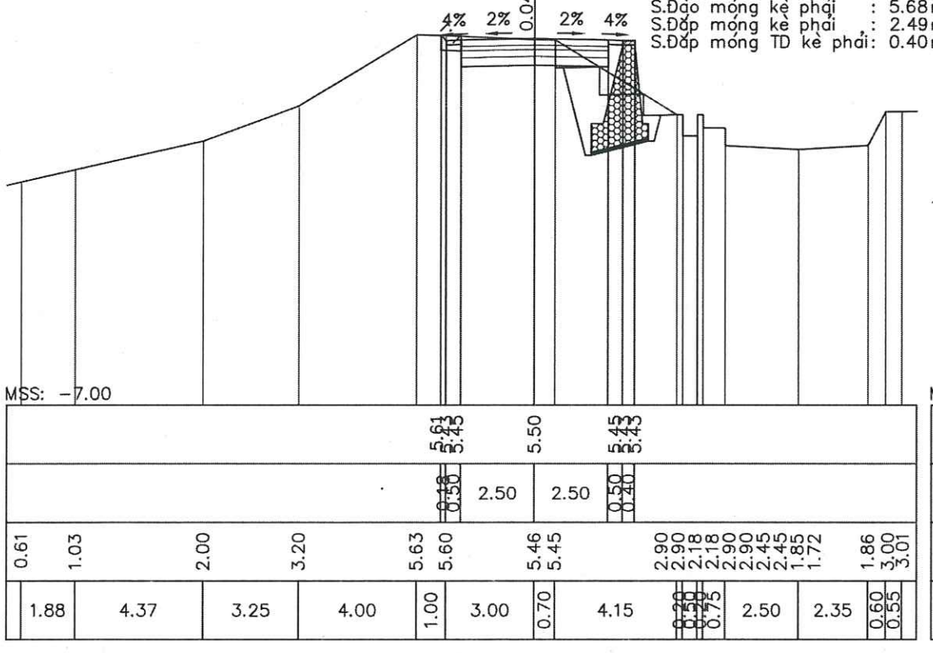

S.Đào nền : 0.06m2
S.Đào hữu cơ : 0.31m2
S. đào cấp : 1.88m2
S.Đào khuôn : 2.81m2
S.Đắp nền k95: 1.03m2

Cọc: 14
KM0+260.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.69m2
S.Đắp móng kè phải : 2.49m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.33m2

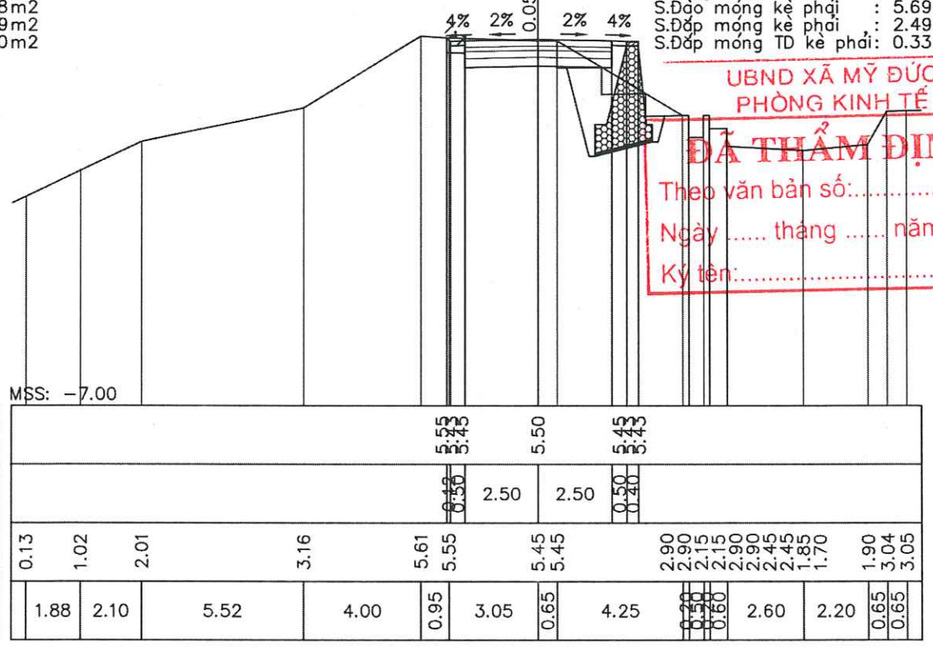

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.05m2
S.Đào hữu cơ : 0.30m2
S. đào cấp : 1.89m2
S.Đào khuôn : 2.77m2
S.Đắp nền k95: 1.05m2

Cọc: 15
KM0+280.00

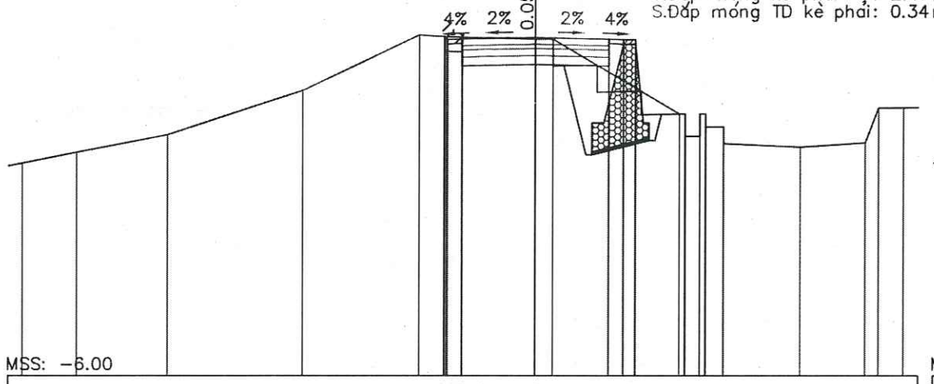

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.66m2
S.Đắp móng kè phải : 2.47m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.34m2

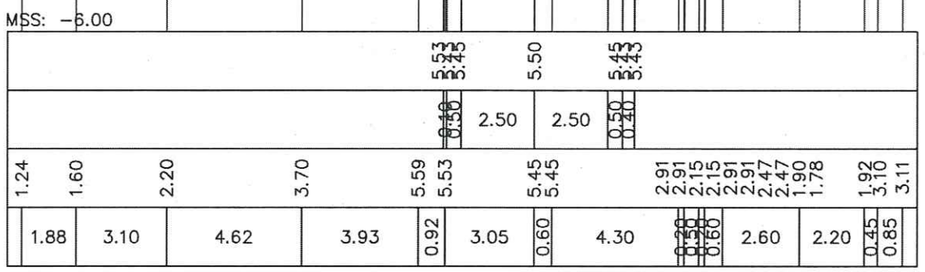

S.Đào nền : 0.01m2
S.Đào hữu cơ : 0.28m2
S. đào cấp : 1.90m2
S.Đào khuôn : 2.62m2
S.Đắp nền k95: 1.11m2

Cọc: 16
KM0+300.00

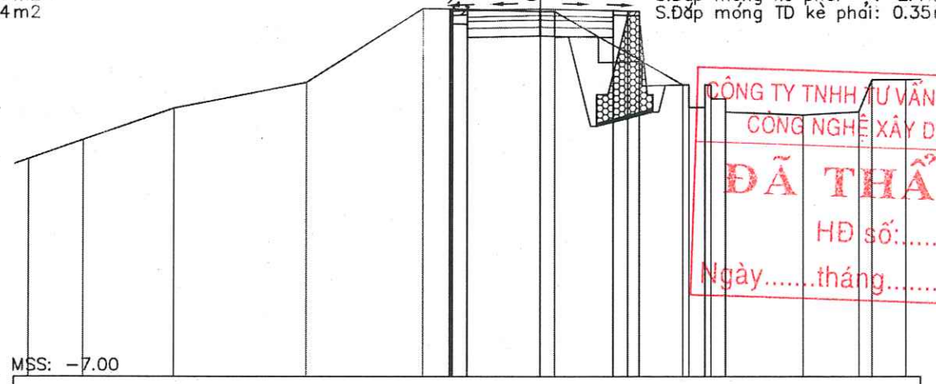

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.57m2
S.Đắp móng kè phải : 2.41m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.35m2

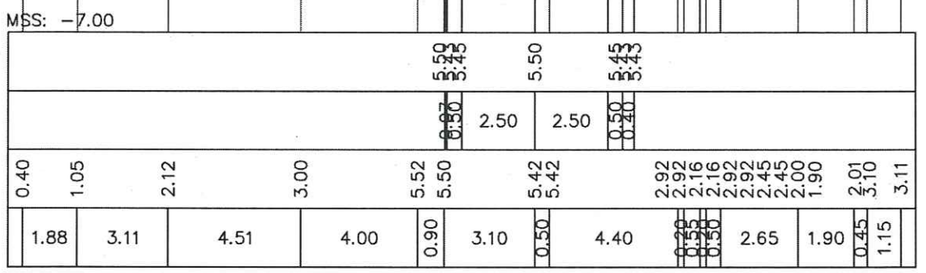

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.25m2
S. đào cấp : 1.83m2
S.Đào khuôn : 2.38m2
S.Đắp nền k95: 1.23m2

Cọc: 17
KM0+320.00

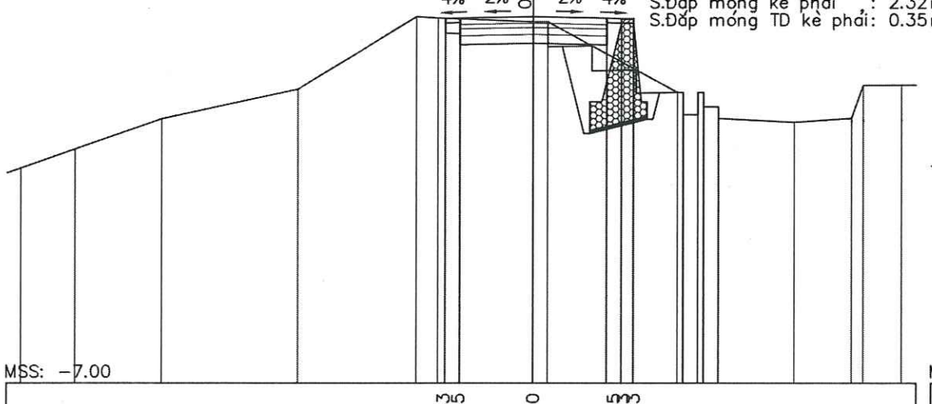

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.46m2
S.Đắp móng kè phải : 2.32m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.35m2

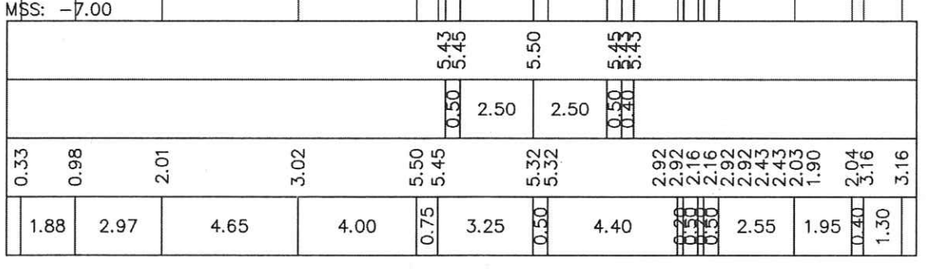

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.27m2
S. đào cấp : 1.82m2
S.Đào khuôn : 2.36m2
S.Đắp nền k95: 1.25m2

Cọc: 18
KM0+340.00

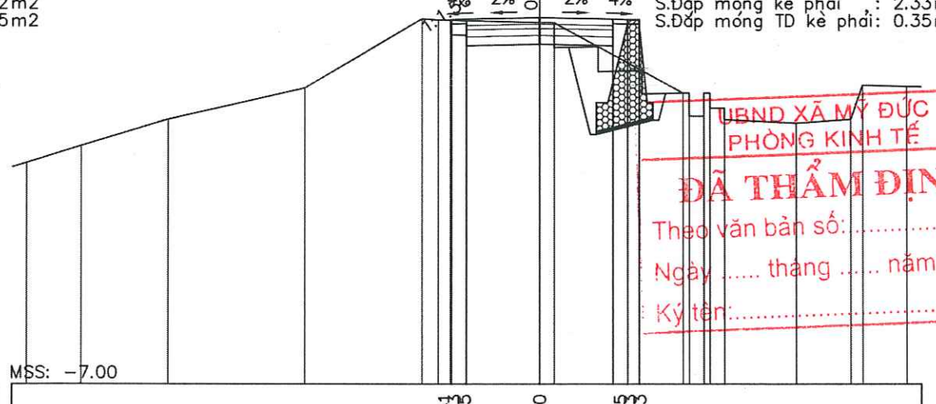

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.48m2
S.Đắp móng kè phải : 2.33m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.35m2

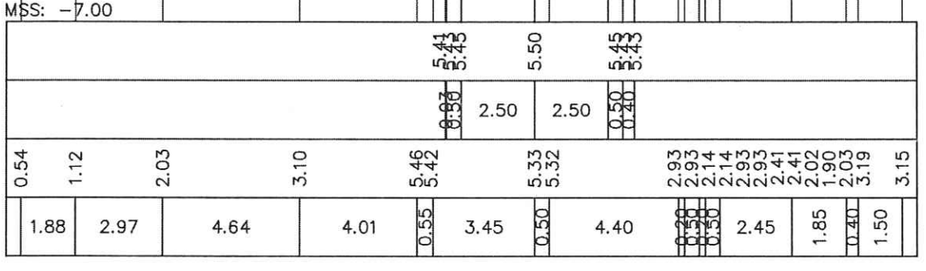

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐỊA CHỈ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.25m2
S. đào cấp : 1.75m2
S.Đào khuôn : 2.53m2
S.Đắp nền k95: 1.16m2

Cọc: 19
KM0+360.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.56m2
S.Đắp móng kè phải : 2.38m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.37m2

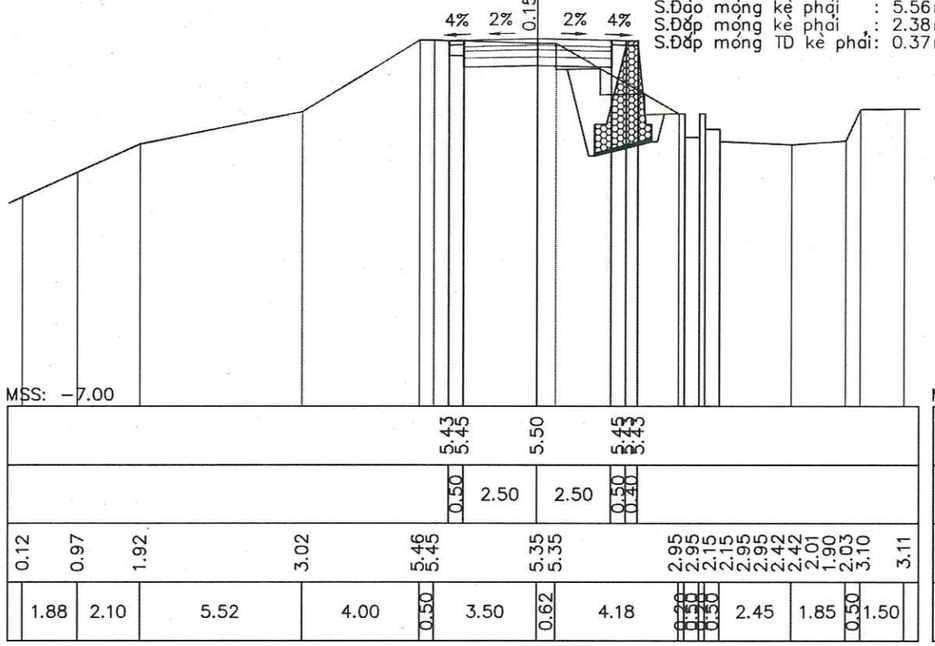

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.28m2
S. đào cấp : 1.76m2
S.Đào khuôn : 2.24m2
S.Đắp nền k95: 1.60m2

Cọc: 20
KM0+380.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 4.96m2
S.Đắp móng kè phải : 2.05m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.35m2

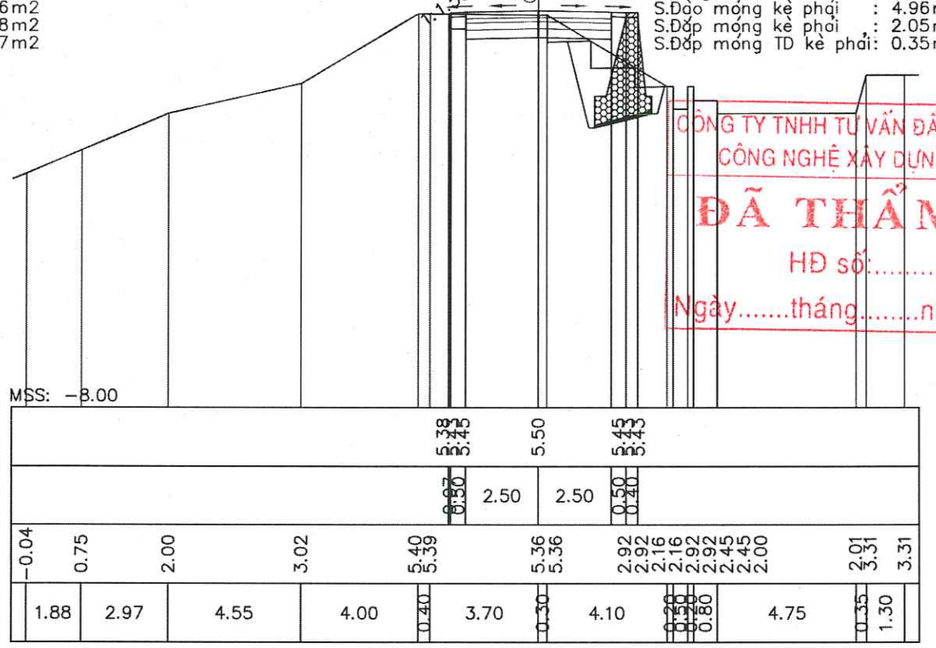

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.31m2
S. đào cấp : 1.68m2
S.Đào khuôn : 2.55m2
S.Đắp nền k95: 1.29m2

Cọc: 21
KM0+400.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.38m2
S.Đắp móng kè phải : 2.35m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.46m2

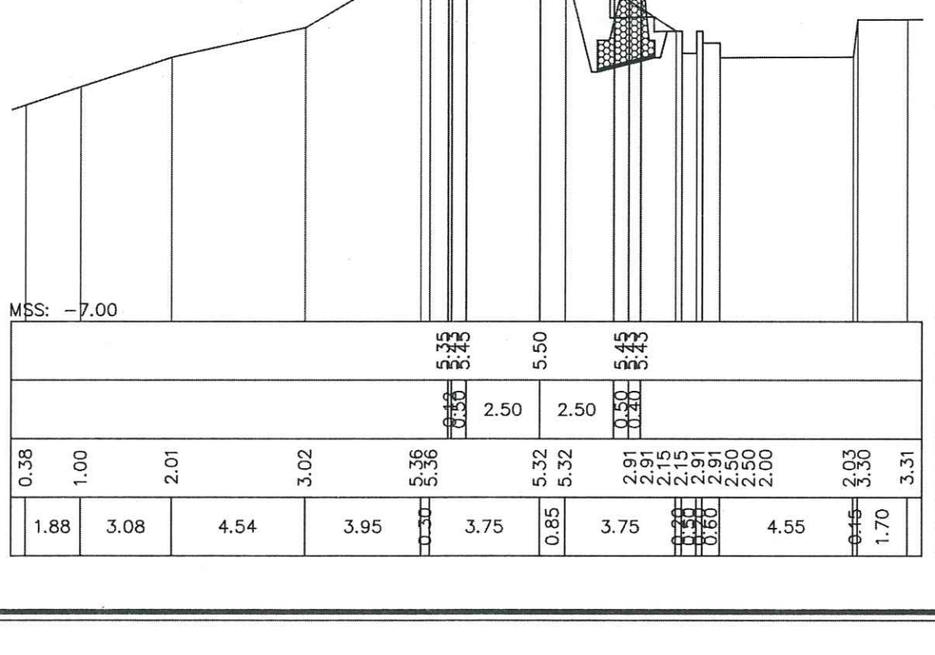

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.28m2
S. đào cấp : 1.78m2
S.Đào khuôn : 2.55m2
S.Đắp nền k95: 1.23m2

Cọc: 22
KM0+420.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.47m2
S.Đắp móng kè phải : 2.37m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.33m2

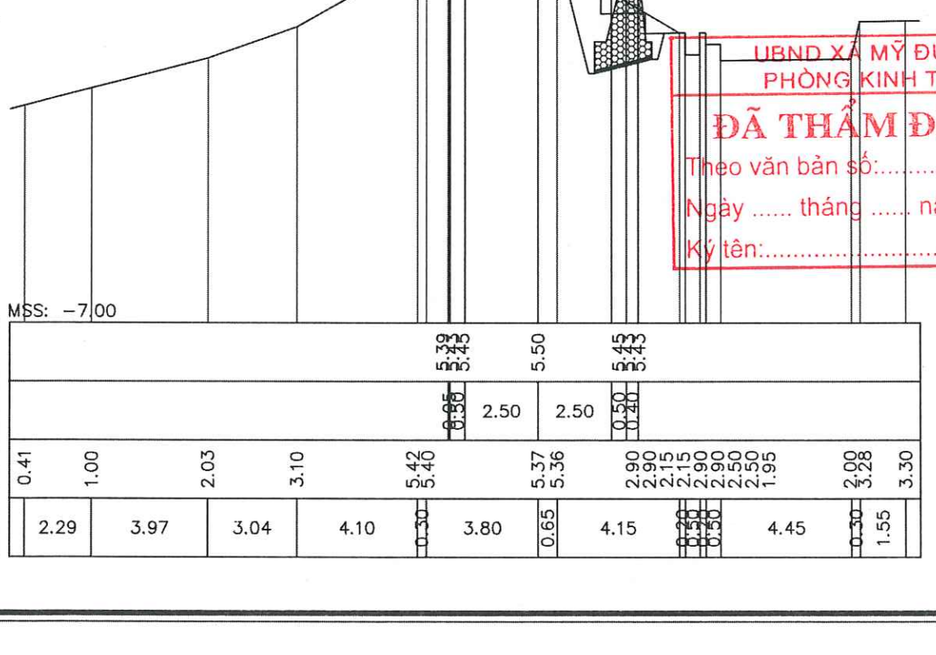

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.25m2
S. đào cấp : 1.94m2
S.Đào khuôn : 2.58m2
S.Đắp nền k95: 1.18m2

Cọc: 23
KM0+440.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.41m2
S.Đắp móng kè phải : 2.35m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.30m2

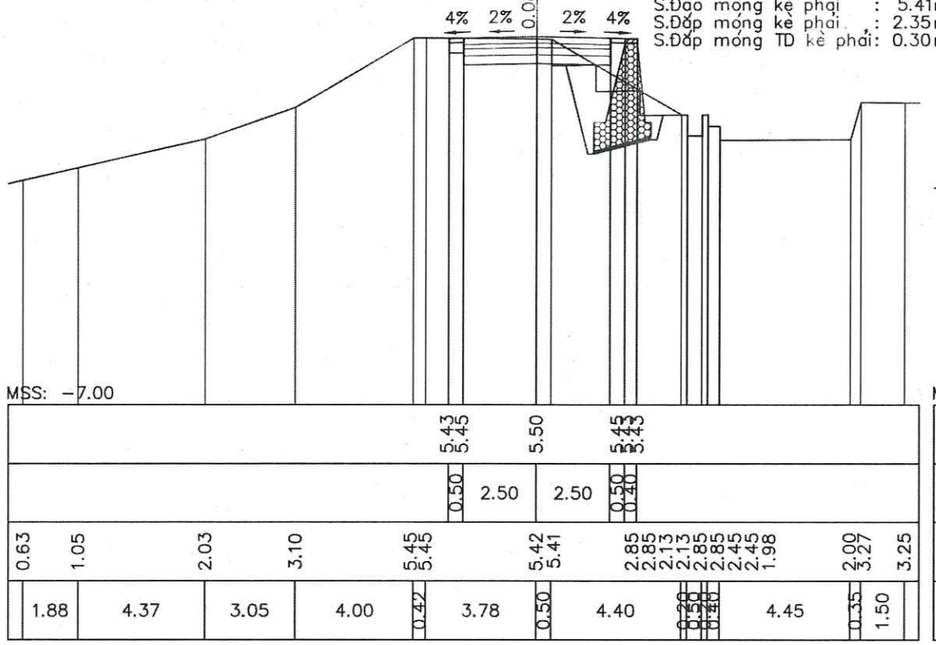

S.Đào nền : 0.01m2
S.Đào hữu cơ : 0.27m2
S. đào cấp : 1.96m2
S.Đào khuôn : 2.54m2
S.Đắp nền k95: 1.19m2

Cọc: 24
KM0+460.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.41m2
S.Đắp móng kè phải : 2.31m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.38m2

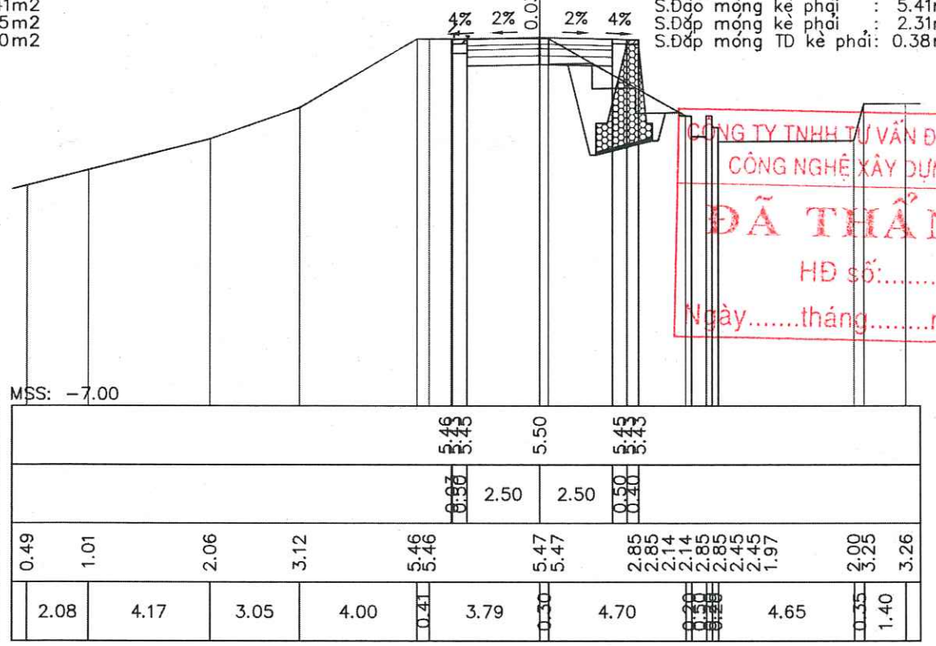

S.Đào nền : 0.20m2
S.Đào hữu cơ : 0.32m2
S. đào cấp : 1.97m2
S.Đào khuôn : 2.40m2
S.Đắp nền k95: 1.28m2

Cọc: 25
KM0+480.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.30m2
S.Đắp móng kè phải : 2.22m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.48m2

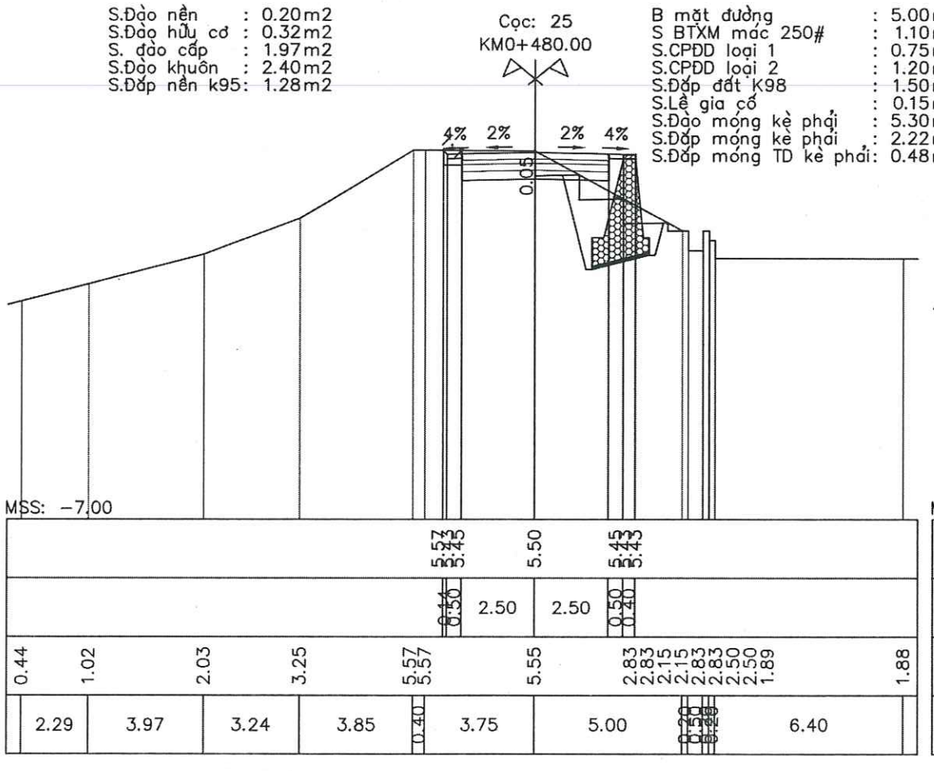

S.Đào nền : 0.48m2
S.Đào hữu cơ : 0.40m2
S. đào cấp : 2.12m2
S.Đào khuôn : 2.32m2
S.Đắp nền k95: 1.32m2

Cọc: 26
KM0+500.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 4.91m2
S.Đắp móng kè phải : 2.09m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.44m2

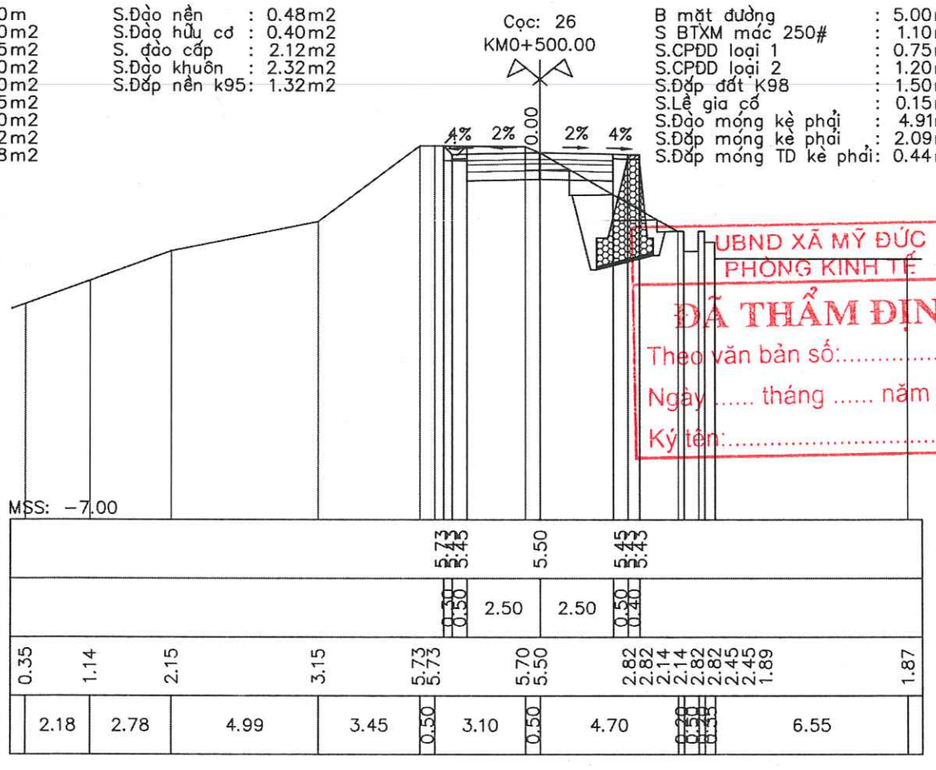

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỸ-XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261060

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 2.94m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 2.30m2
S.Đào khuôn : 2.55m2
S.Đắp nền k95: 1.27m2

Cọc: 27
KM0+520.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 4.85m2
S.Đắp móng kè phải : 2.06m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.28m2

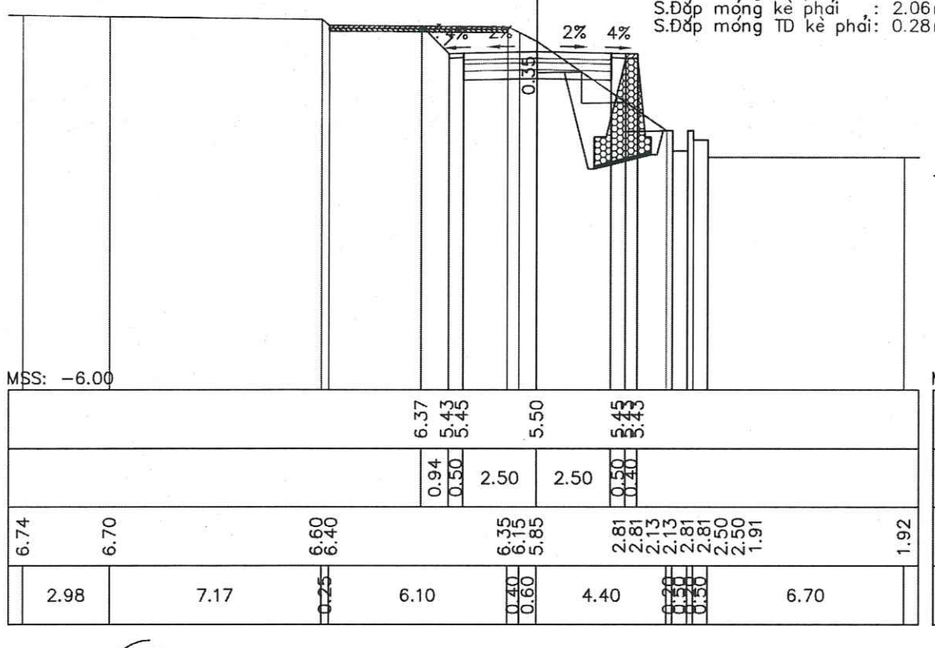

S.Đào nền : 2.46m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 2.24m2
S.Đào khuôn : 3.13m2
S.Đắp nền k95: 0.47m2

R=15.00
it1=−1.50%
ip1=2.00%
w1=0.00

Cọc: TD2
KM0+533.07

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.14m2
S.Đắp móng kè phải : 2.85m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.71m2

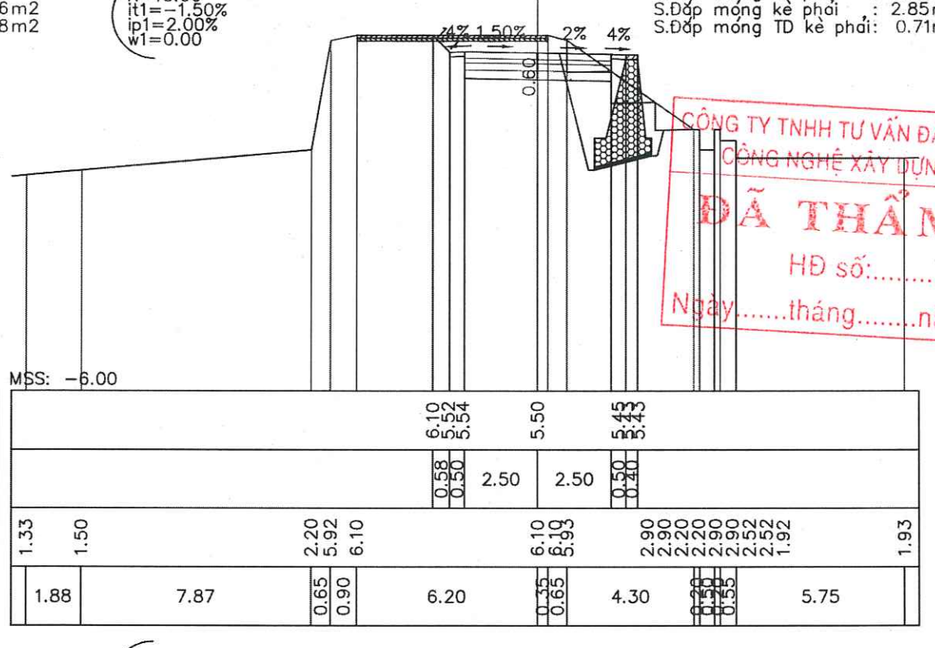

R=15.00
S.Đào nền : 1.13m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 2.16m2
S.Đào khuôn : 3.14m2
S.Đắp nền k95: 0.24m2

Cọc: P2
KM0+539.33

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.55m2
S.Đắp móng kè phải : 3.00m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.95m2

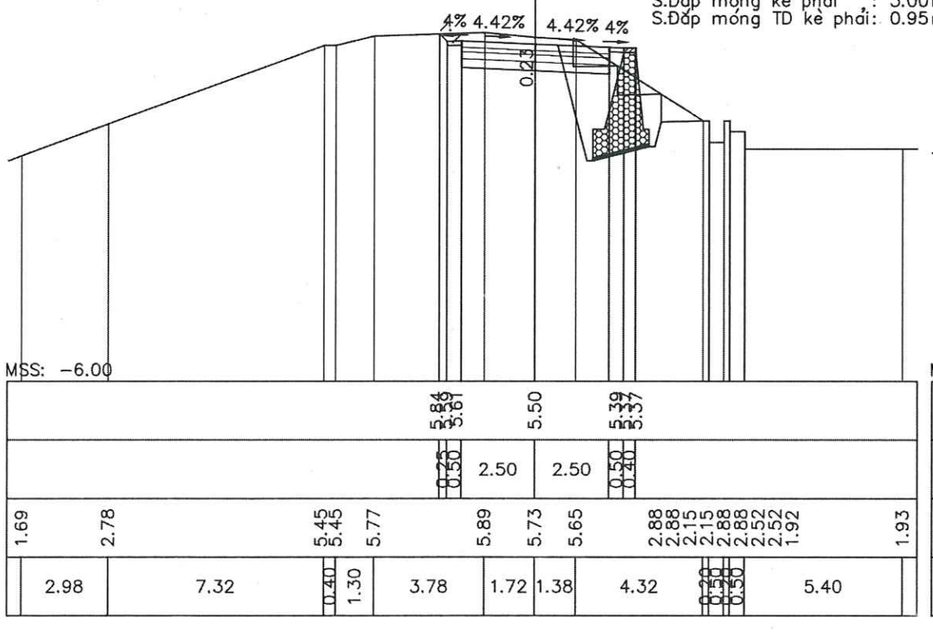

R=15.00
S.Đào nền : 0.67m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 2.09m2
S.Đào khuôn : 3.00m2
S.Đắp nền k95: 0.60m2

Cọc: TC2
KM0+545.59

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 6.67m2
S.Đắp móng kè phải : 2.72m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.59m2

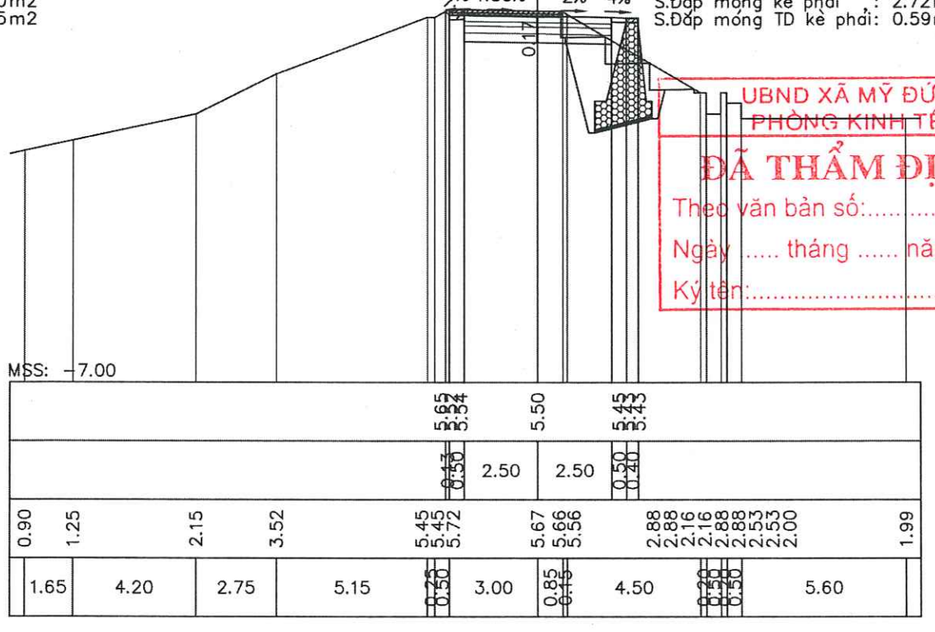

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281969

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.11m2
S.Đào hữu cơ : 0.29m2
S. đào cấp : 1.83m2
S.Đào khuôn : 3.05m2
S.Đắp nền k95: 0.80m2

Cọc: 28
KM0+560.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 6.40m2
S.Đắp móng kè phải : 2.81m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.64m2

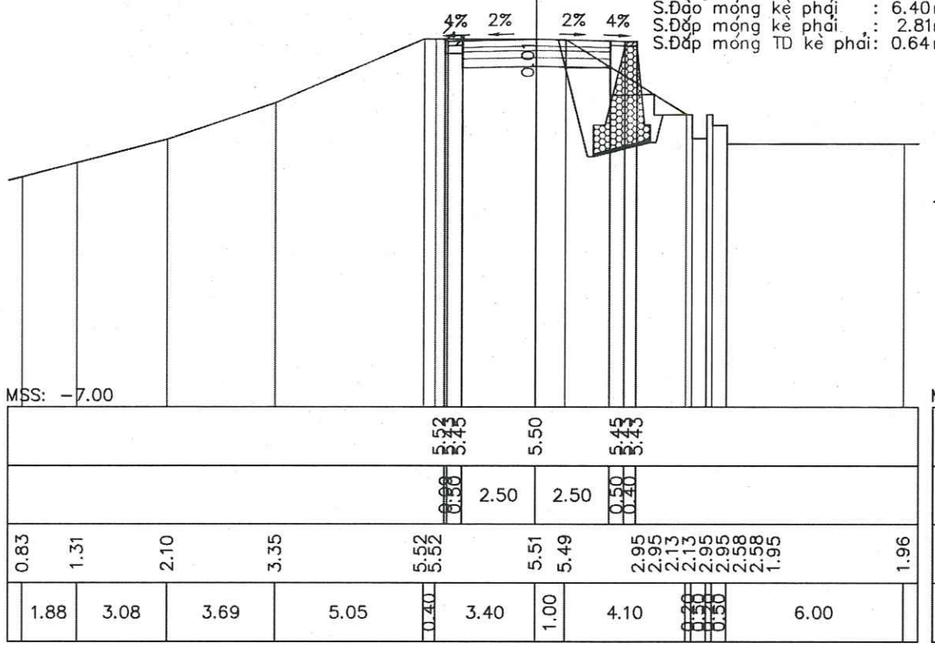

S.Đào nền : 0.04m2
S.Đào hữu cơ : 0.28m2
S. đào cấp : 1.78m2
S.Đào khuôn : 2.86m2
S.Đắp nền k95: 0.81m2

Cọc: 29
KM0+580.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 6.82m2
S.Đắp móng kè phải : 2.70m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.68m2

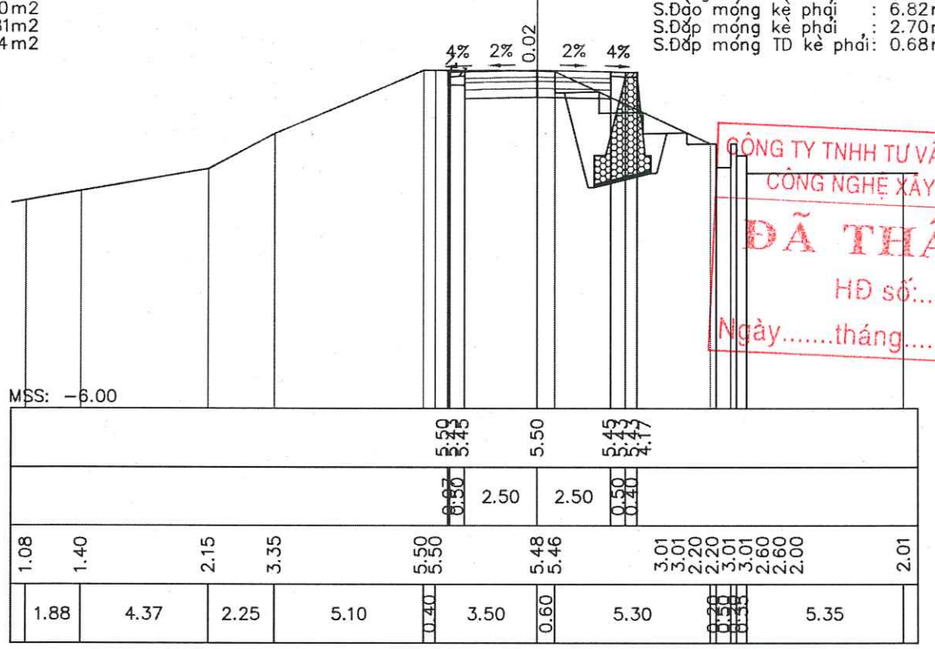

S.Đào nền : 0.19m2
S.Đào hữu cơ : 0.31m2
S. đào cấp : 1.89m2
S.Đào khuôn : 2.74m2
S.Đắp nền k95: 0.71m2

Cọc: 30
KM0+600.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 6.41m2
S.Đắp móng kè phải : 2.41m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.84m2

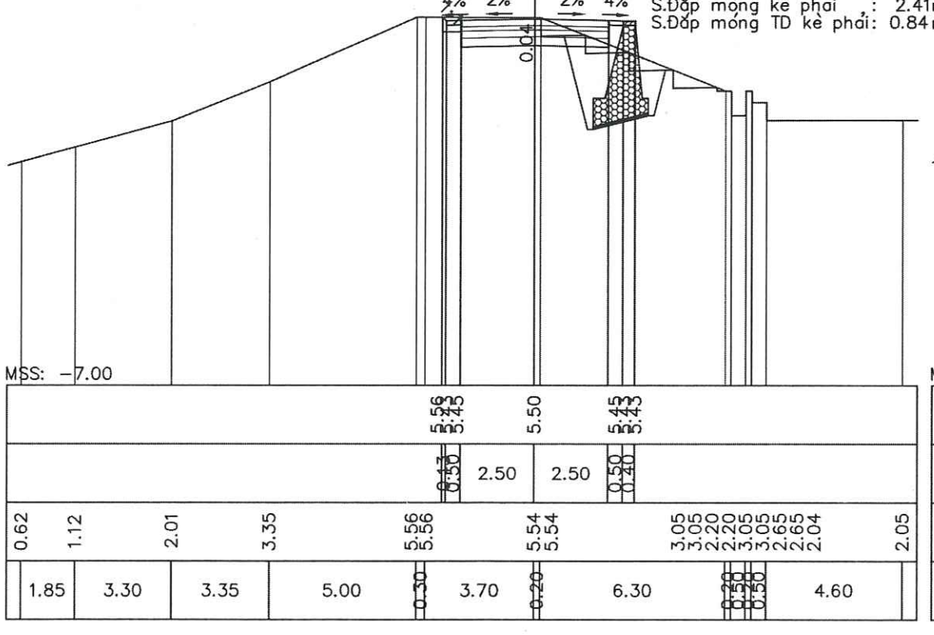

S.Đào nền : 0.32m2
S.Đào hữu cơ : 0.33m2
S. đào cấp : 1.87m2
S.Đào khuôn : 2.97m2
S.Đắp nền k95: 0.57m2

Cọc: 31
KM0+620.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.08m2
S.Đắp móng kè phải : 2.54m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.93m2

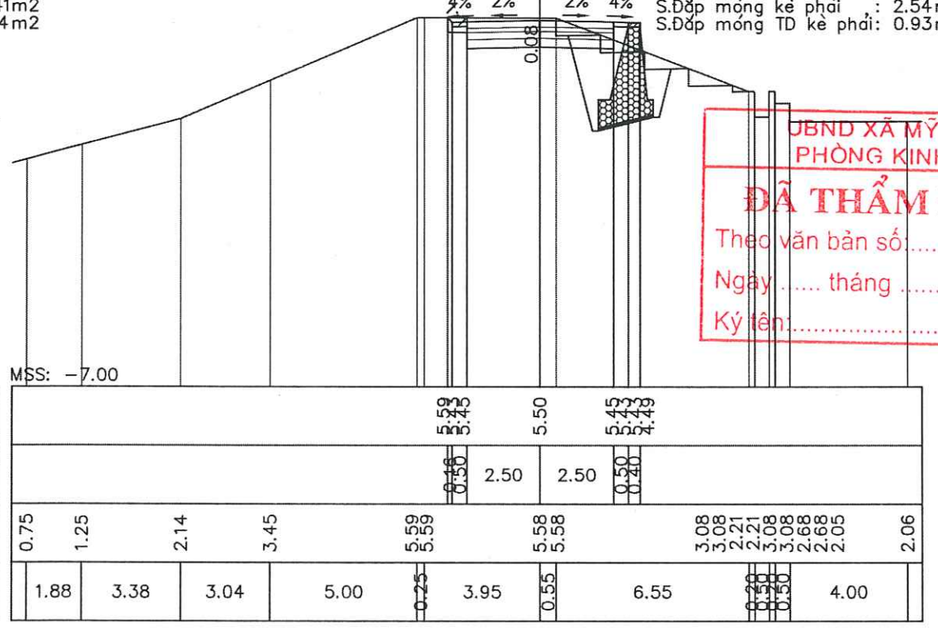

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐỊA CHỈ CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

R=75.00
S.Đào nền 50% : 0.44m2
S.Đào hữu cơ : 0.30m2
S.Đào cấp : 1.90m2
S.Đào khuôn : 3.15m2
S.Đắp nền k95: 0.32m2

Cọc: TD3
KM0+636.78

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 8.55m2
S.Đắp móng kè phải : 2.80m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.46m2

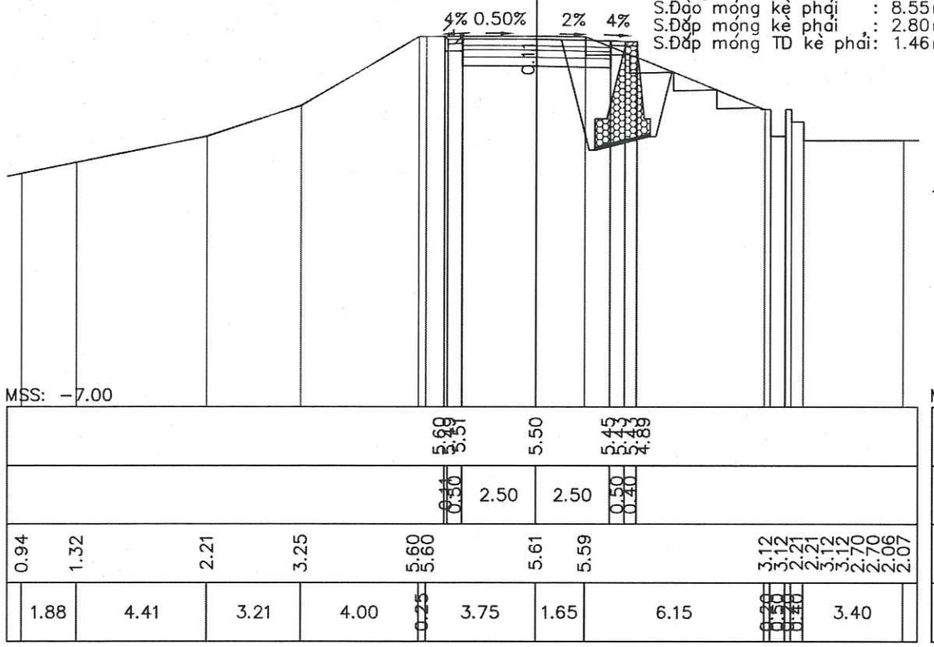

R=75.00
S.Đào nền 50% : 0.30m2
S.Đào hữu cơ : 0.32m2
S.Đào cấp : 1.84m2
S.Đào khuôn : 3.11m2
S.Đắp nền k95: 0.43m2

Cọc: P3
KM0+645.21

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 8.50m2
S.Đắp móng kè phải : 2.75m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.37m2

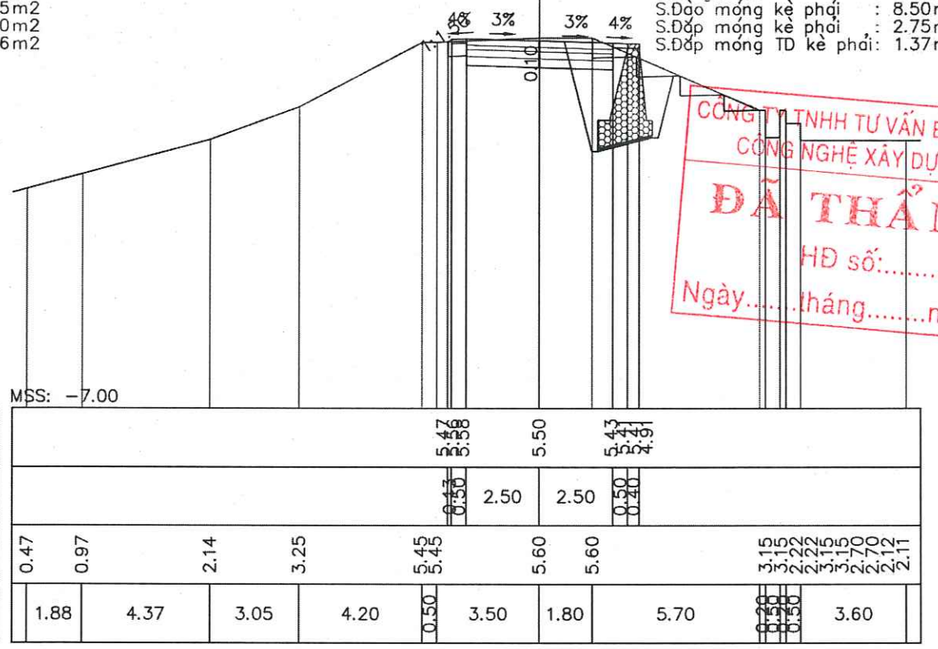

R=75.00
S.Đào nền 50% : 0.85m2
S.Đào hữu cơ : 0.33m2
S.Đào cấp : 2.00m2
S.Đào khuôn : 3.15m2
S.Đắp nền k95: 0.40m2

Cọc: TC3
KM0+653.63

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.98m2
S.Đắp móng kè phải : 2.71m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.21m2

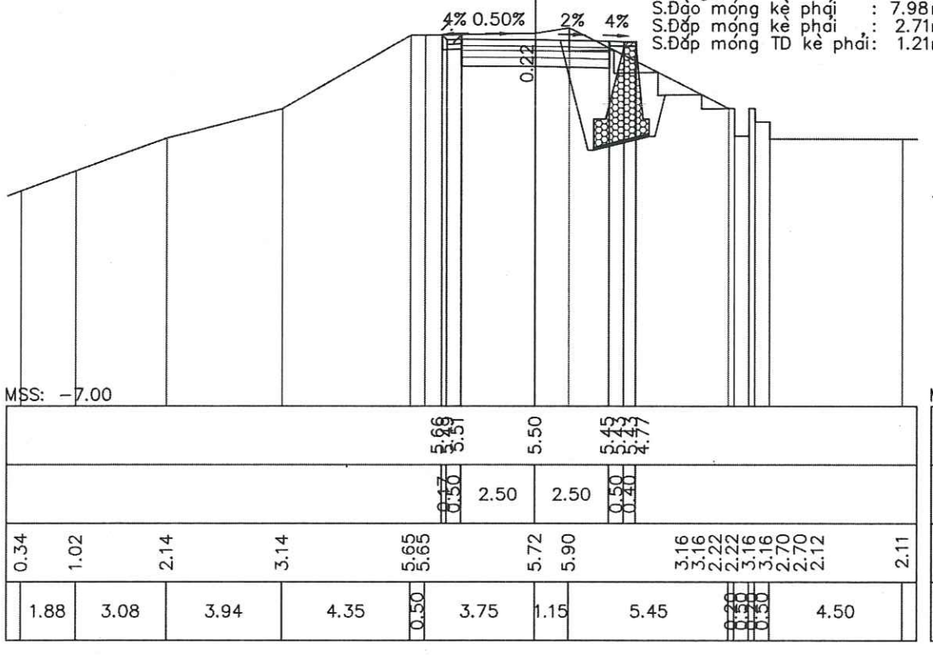

S.Đào nền : 0.36m2
S.Đào hữu cơ : 0.25m2
S. đào cấp : 1.75m2
S.Đào khuôn : 3.20m2
S.Đắp nền k95: 0.58m2

Cọc: 32
KM0+660.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 6.27m2
S.Đắp móng kè phải : 2.49m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.69m2

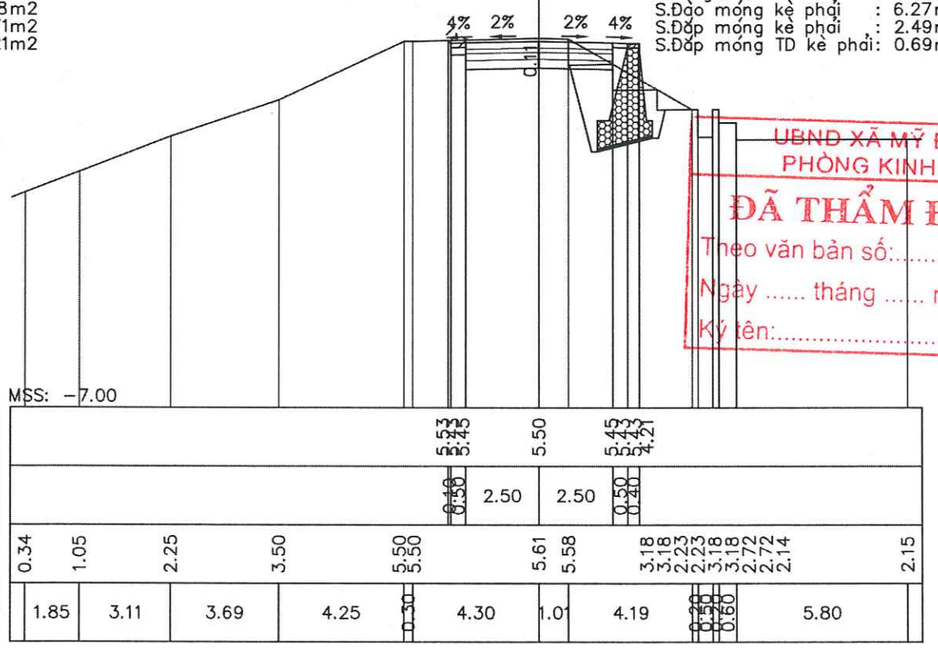

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÝ DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X4LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281060

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.28m2
S.Đào hữu cơ : 0.25m2
S. đào cấp : 1.76m2
S.Đào khuôn : 3.19m2
S.Đắp nền k95: 0.62m2

Cọc: 33
KM0+680.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.51m2
S.Đắp móng kè phải : 2.46m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.55m2

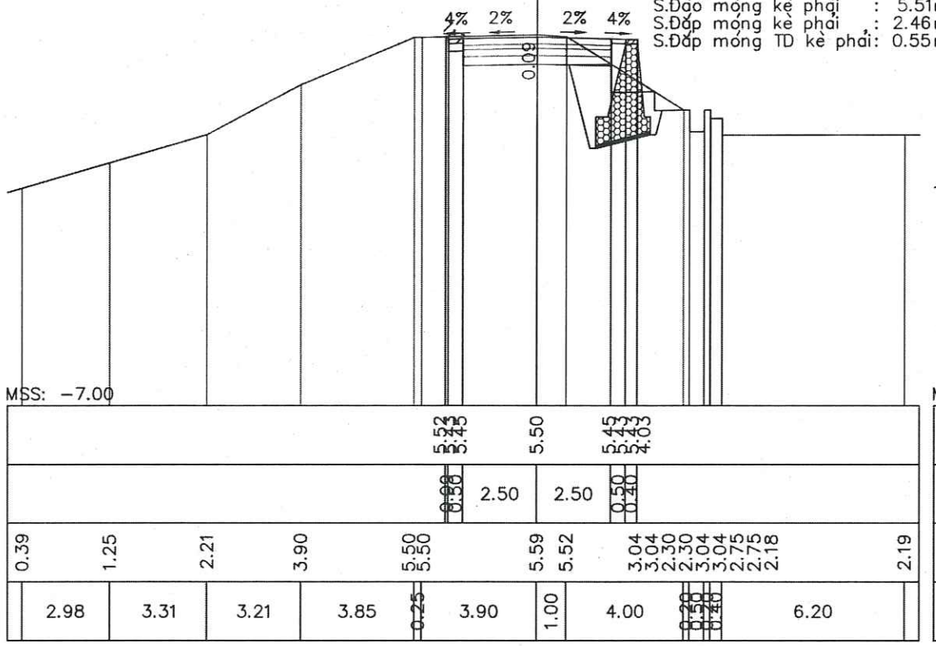

S.Đào nền : 0.08m2
S.Đào hữu cơ : 0.25m2
S. đào cấp : 1.77m2
S.Đào khuôn : 3.15m2
S.Đắp nền k95: 0.67m2

Cọc: 34
KM0+700.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 5.78m2
S.Đắp móng kè phải : 2.44m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.60m2

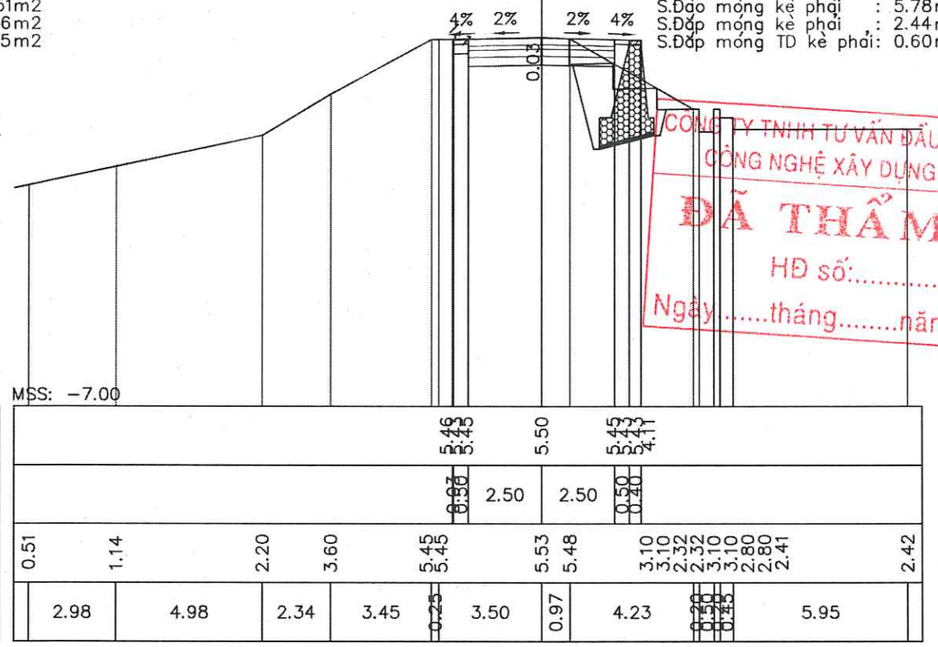

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày .....tháng.....năm 20.....

S.Đào nền : 0.41m2
S.Đào hữu cơ : 0.40m2
S. đào cấp : 2.00m2
S.Đào khuôn : 2.99m2
S.Đắp nền k95: 0.72m2

Cọc: D4
KM0+720.68

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 6.72m2
S.Đắp móng kè phải : 2.46m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.81m2

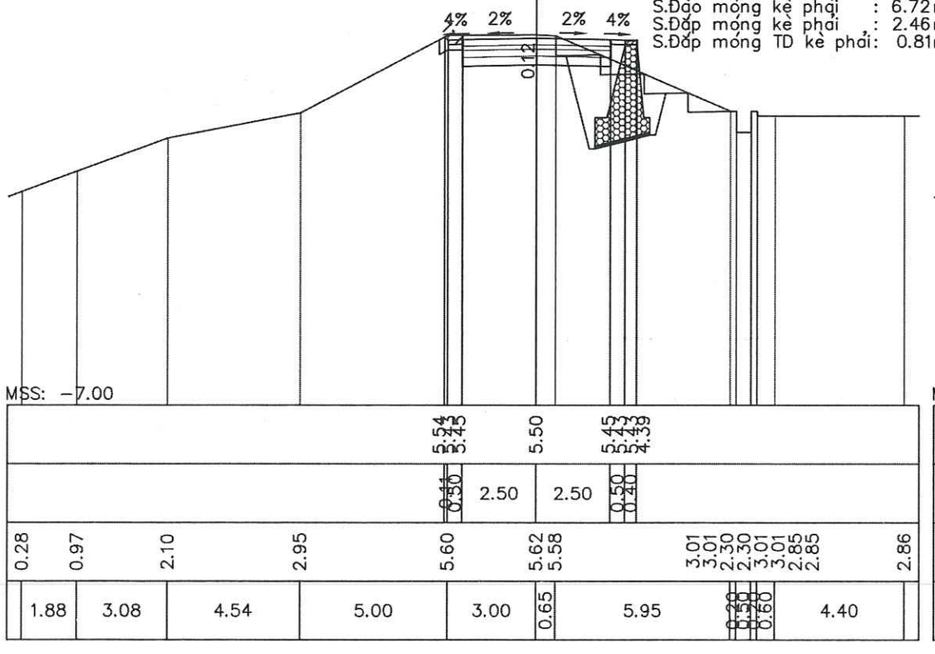

S.Đào nền : 0.71m2
S.Đào hữu cơ : 0.40m2
S. đào cấp : 2.02m2
S.Đào khuôn : 3.15m2
S.Đắp nền k95: 0.51m2

Cọc: 35
KM0+740.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.52m2
S.Đắp móng kè phải : 2.64m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.11m2

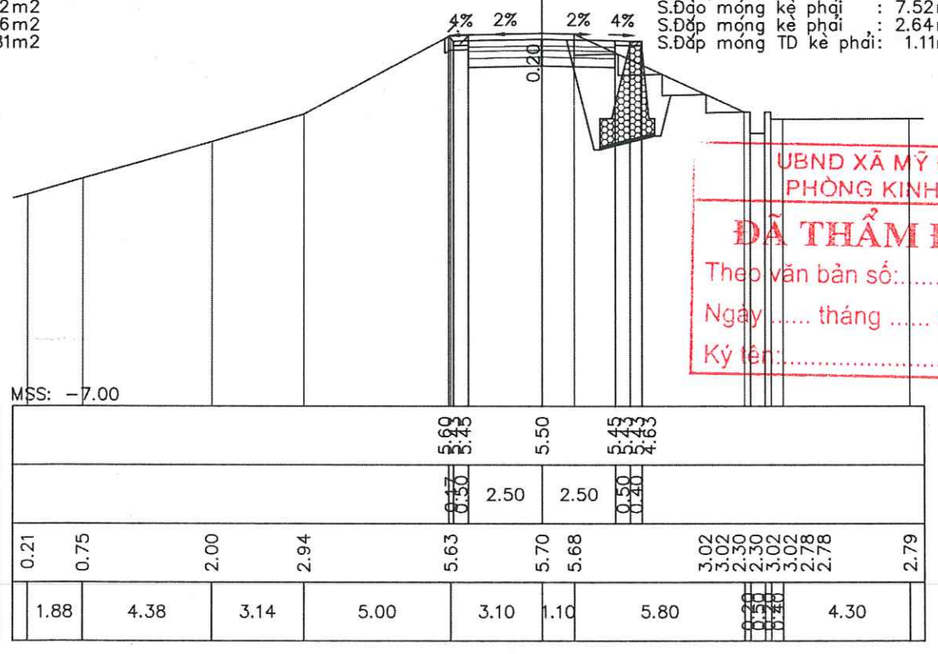

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÉN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281869

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Cống hộp 1x1(m)

Cọc: C1
KM0+710.70

S.Đào nền : 0.34m2
S.Đào hữu cơ : 0.25m2
S. đào cấp : 1.91m2
S.Đào khuôn : 3.43m2
S.Đắp nền k95: 0.50m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.14m2
S.Đắp móng kè phải : 2.83m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.96m2

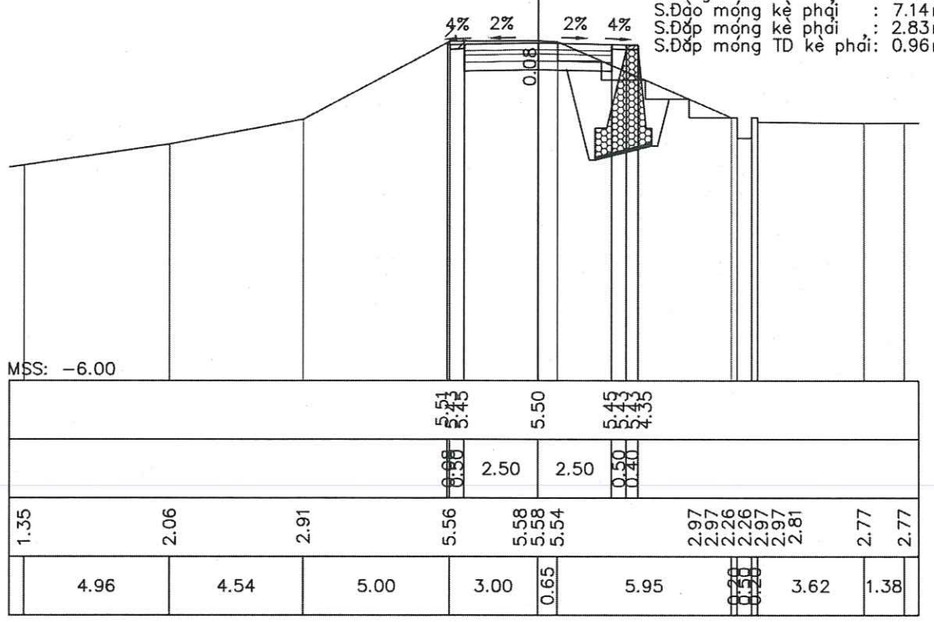

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.90m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 2.04m2
S.Đào khuôn : 3.15m2
S.Đắp nền k95: 0.18m2

Cọc: 36
KM0+760.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.92m2
S.Đắp móng kè phải : 2.77m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.22m2

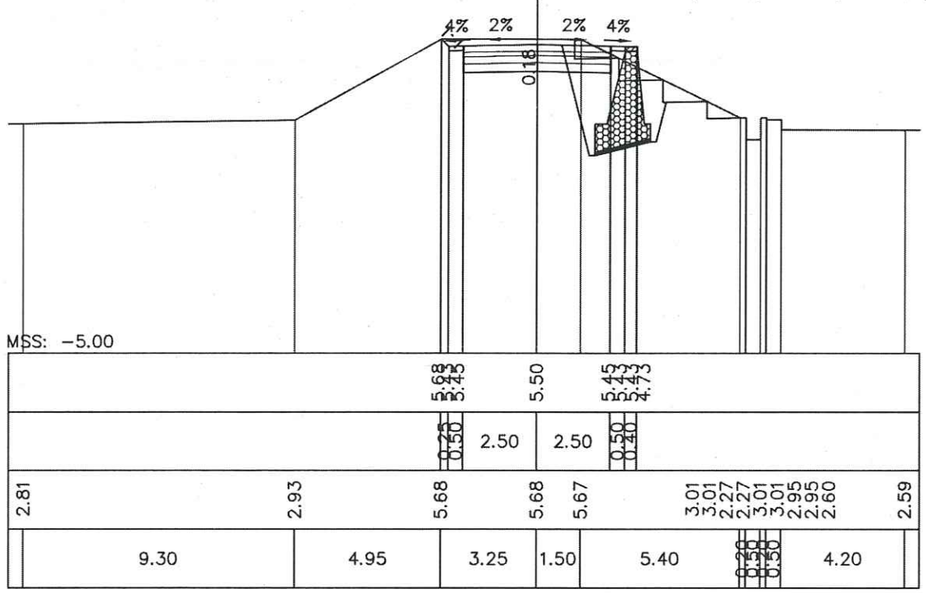

S.Đào nền : 1.22m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.97m2
S.Đào khuôn : 3.22m2
S.Đắp nền k95: 0.15m2

Cọc: 37
KM0+780.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 8.21m2
S.Đắp móng kè phải : 2.80m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.28m2

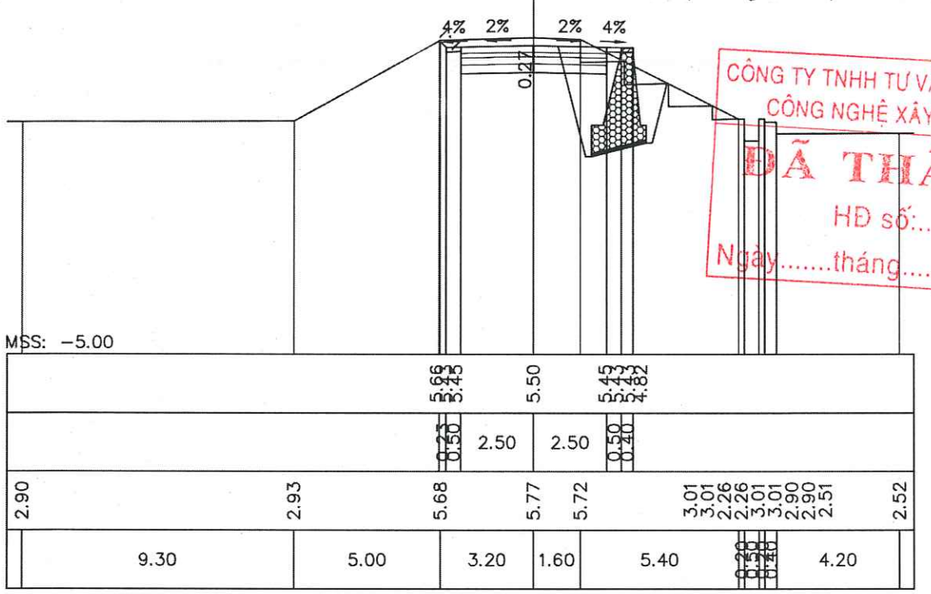

S.Đào nền : 1.22m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.92m2
S.Đào khuôn : 3.22m2
S.Đắp nền k95: 0.19m2

Cọc: 38
KM0+800.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 8.23m2
S.Đắp móng kè phải : 2.76m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.18m2

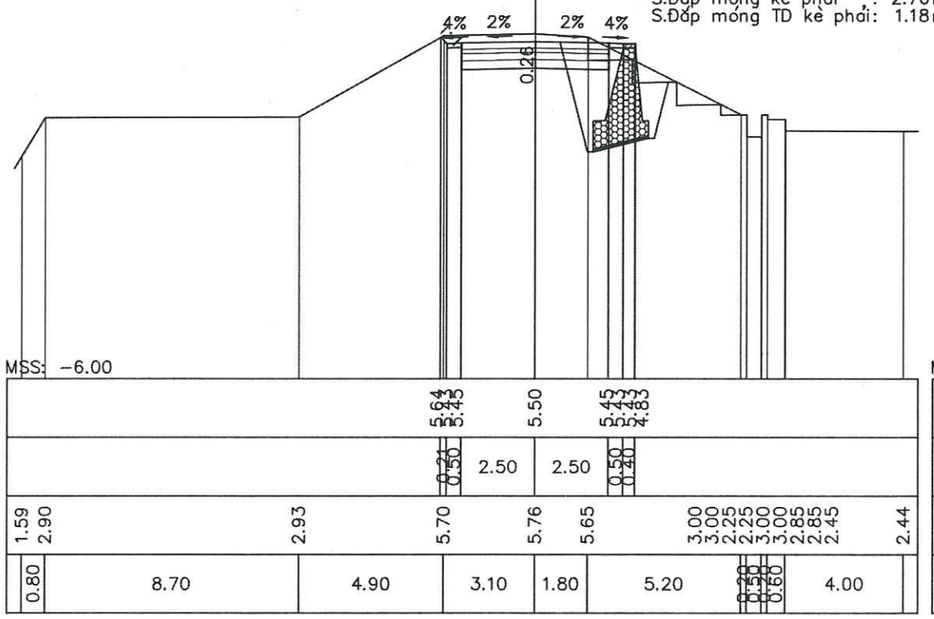

S.Đào nền : 1.10m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.98m2
S.Đào khuôn : 3.22m2
S.Đắp nền k95: 0.15m2

Cọc: 39
KM0+820.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 8.10m2
S.Đắp móng kè phải : 2.79m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.29m2

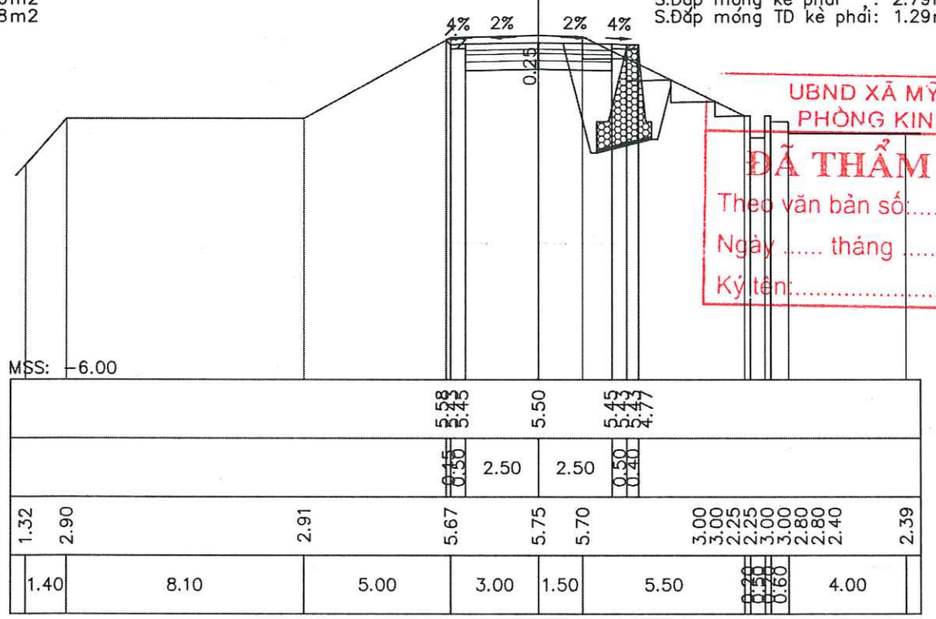

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20...

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÉN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 130 KHU DỊCH VỤ X4LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.96m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.98m2
S.Đào khuôn : 3.20m2
S.Đắp nền k95: 0.24m2

Cọc: 40
KM0+840.00

R=100.00

B mặt đường : 5.00m i1=2.00%
S BTXM mác 250# : 1.10m2 i2=-0.48%
S.CPDD loại 1 : 0.75m2 i1=0.00
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 8.66m2
S.Đắp móng kè phải : 2.79m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.21m2

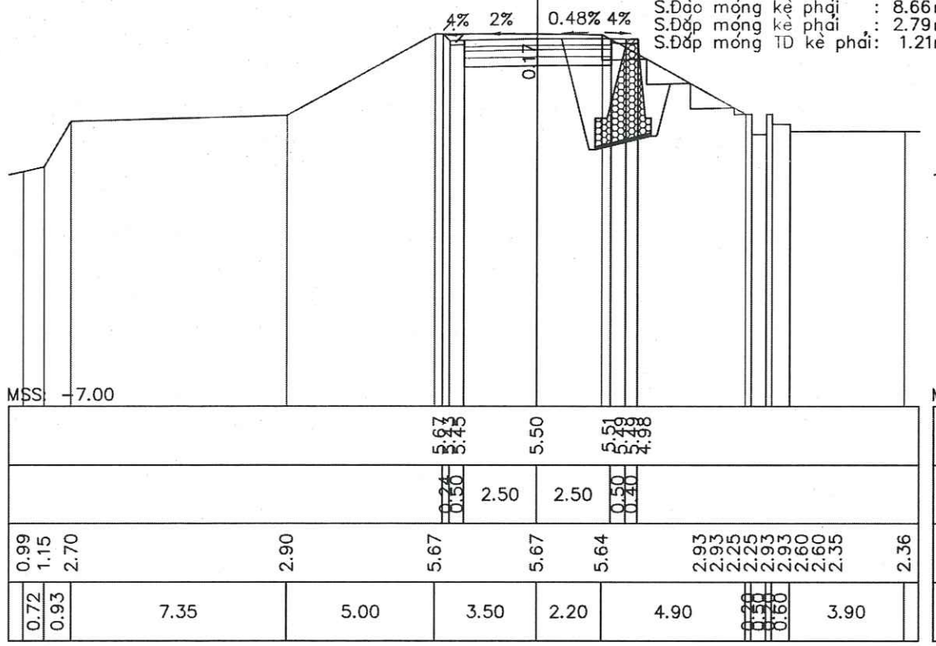

S.Đào nền : 0.96m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.98m2
S.Đào khuôn : 3.20m2
S.Đắp nền k95: 0.24m2

Cọc: TD5
KM0+840.03

R=100.00

B mặt đường : 5.00m i1=2.00%
S BTXM mác 250# : 1.10m2 i2=-0.50%
S.CPDD loại 1 : 0.75m2 i1=0.00
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 8.66m2
S.Đắp móng kè phải : 2.79m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.21m2

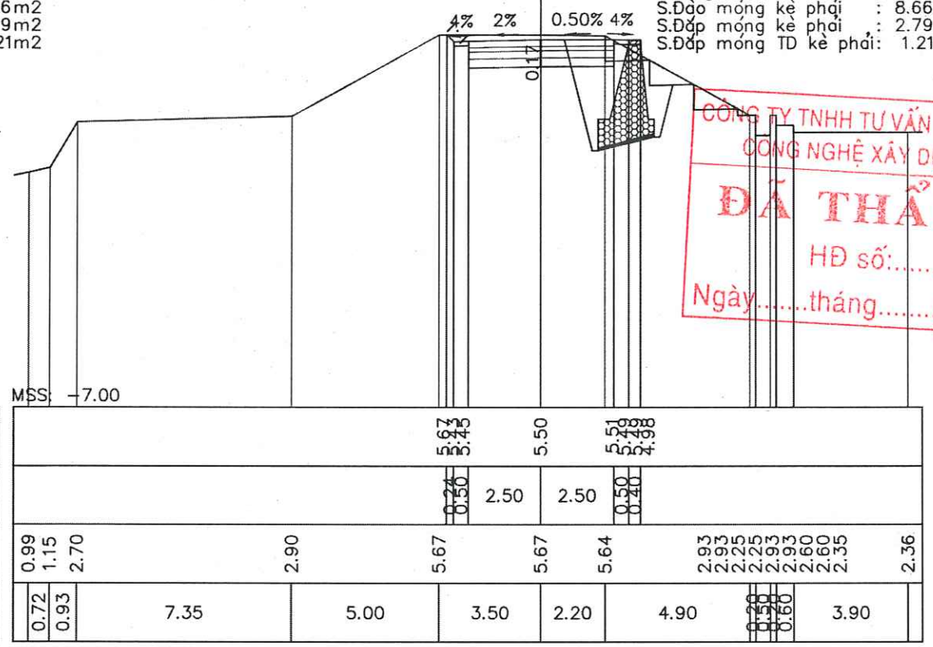

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

S.Đào nền : 0.86m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.98m2
S.Đào khuôn : 3.18m2
S.Đắp nền k95: 0.22m2

Cọc: P5
KM0+846.66

R=100.00

B mặt đường : 5.00m i1=3.00%
S BTXM mác 250# : 1.10m2 i2=-3.00%
S.CPDD loại 1 : 0.75m2 i1=0.00
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 8.17m2
S.Đắp móng kè phải : 2.91m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.24m2

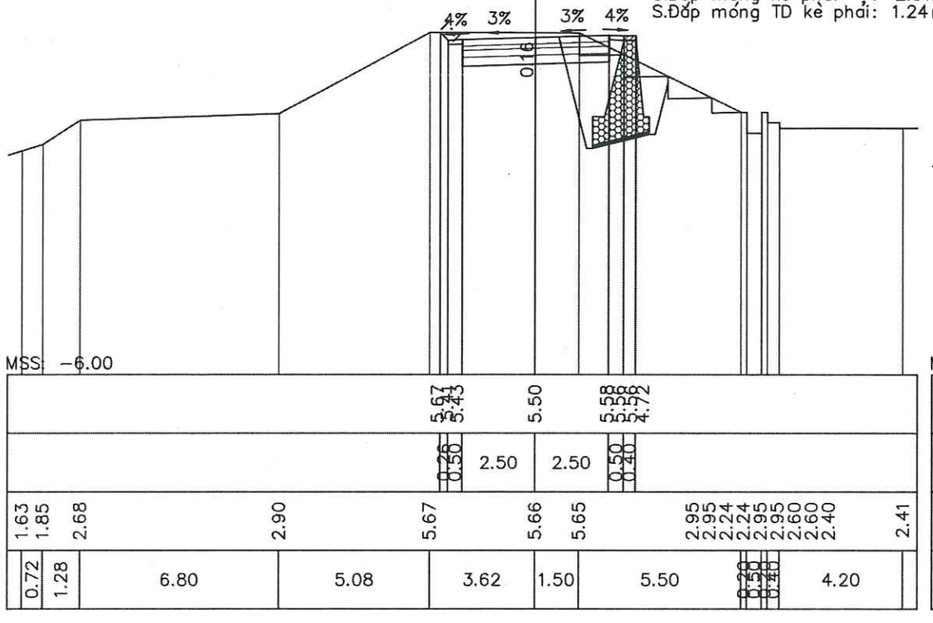

S.Đào nền : 0.80m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 2.03m2
S.Đào khuôn : 3.20m2
S.Đắp nền k95: 0.33m2

Cọc: TC5
KM0+853.30

R=100.00

B mặt đường : 5.00m i1=2.00%
S BTXM mác 250# : 1.10m2 i2=-0.50%
S.CPDD loại 1 : 0.75m2 i1=0.00
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.41m2
S.Đắp móng kè phải : 2.69m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.04m2

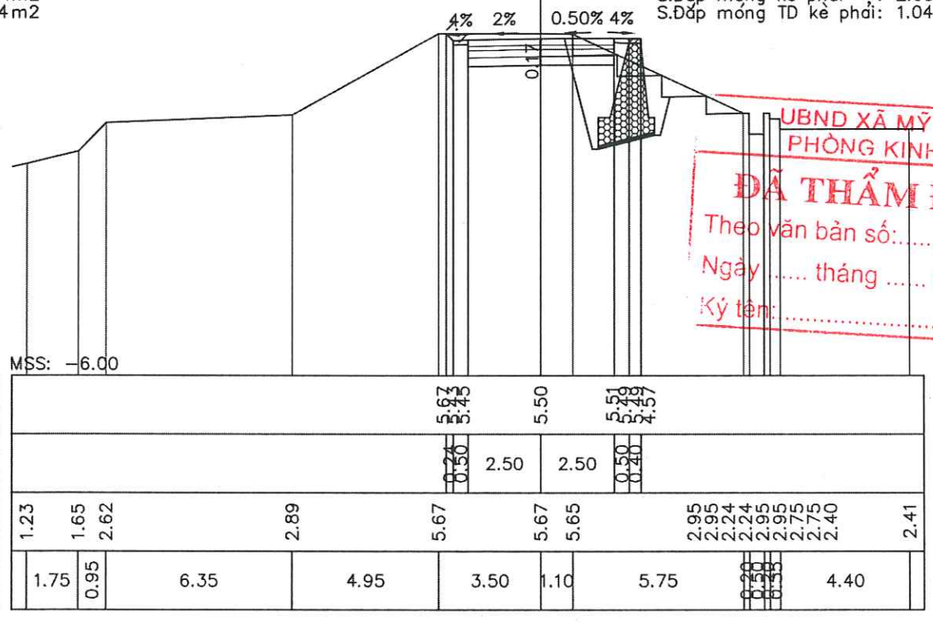

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.83m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.90m2
S.Đào khuôn : 3.22m2
S.Đắp nền k95: 0.24m2

Cọc: 41
KM0+860.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 7.25m2
S.Đắp móng kè phải : 2.71m2
S.Đắp móng TD kè phải: 1.03m2

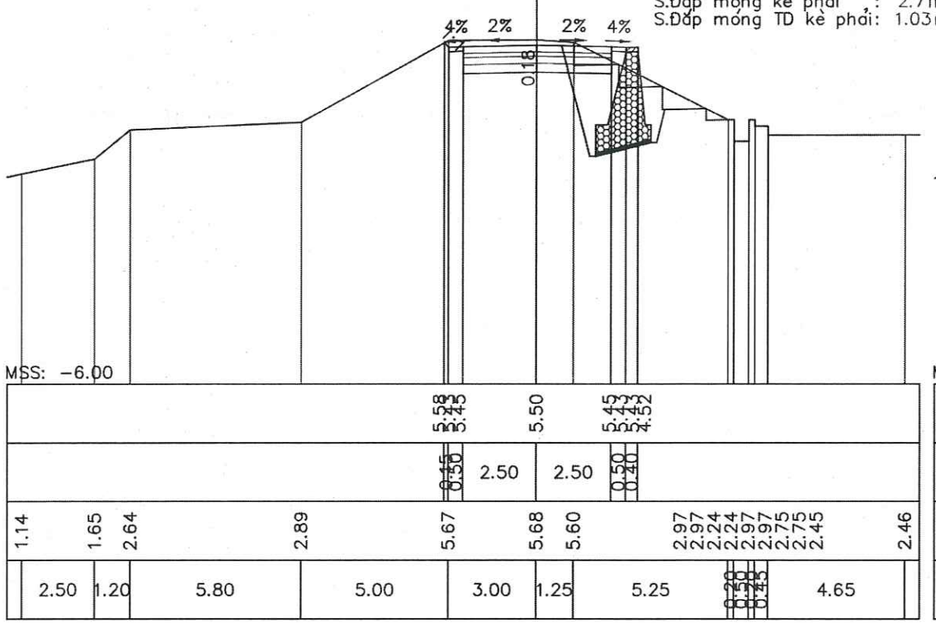

S.Đào nền : 0.74m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 0.38m2
S.Đào khuôn : 4.35m2
S.Đắp nền k95: 0.16m2

Cọc: 42
KM0+880.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

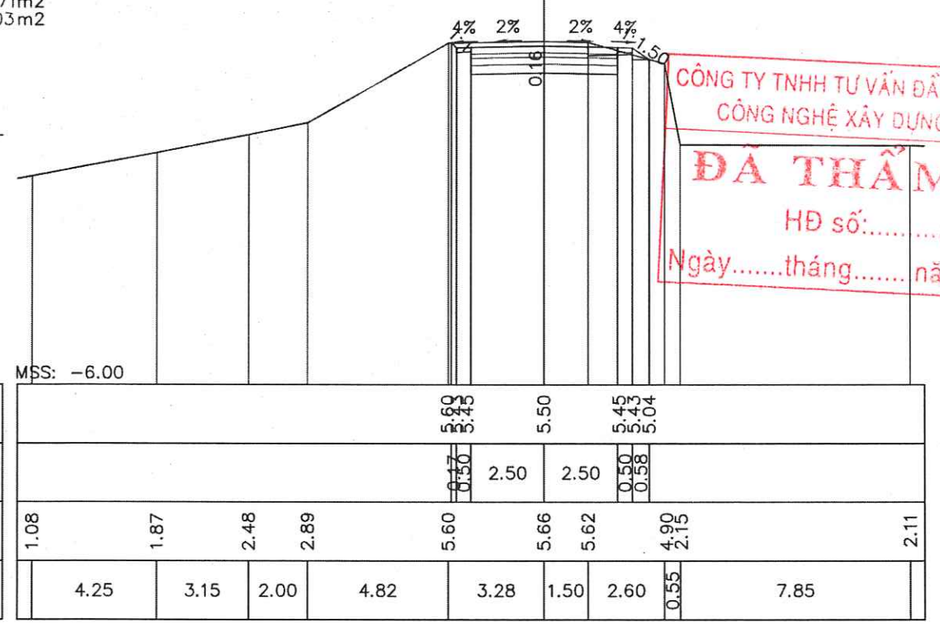

S.Đào nền : 0.73m2
S.Đào hữu cơ : 0.94m2
S. đào cấp : 2.33m2
S.Đào khuôn : 3.26m2
S.Đắp nền k95: 8.60m2

Đào móng kênh : 0.72m2
Đắp móng trong kênh : 0.11m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.11m2

Cọc: 43
KM0+900.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

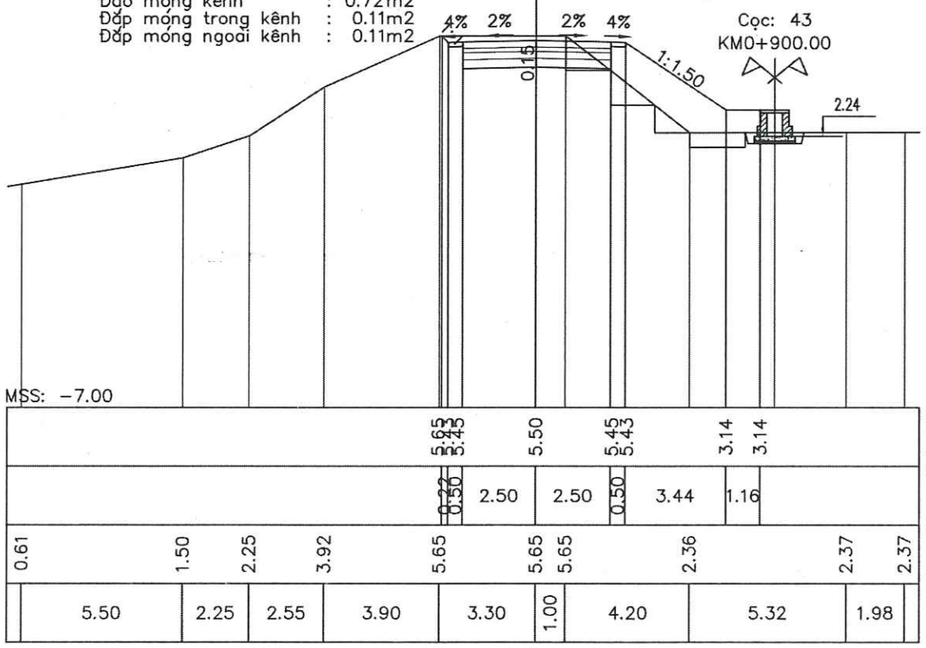

S.Đào nền : 0.52m2
S.Đào hữu cơ : 1.00m2
S. đào cấp : 2.28m2
S.Đào khuôn : 3.26m2
S.Đắp nền k95: 8.88m2

Đào móng kênh : 0.72m2
Đắp móng trong kênh : 0.11m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.11m2

Cọc: 44
KM0+920.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

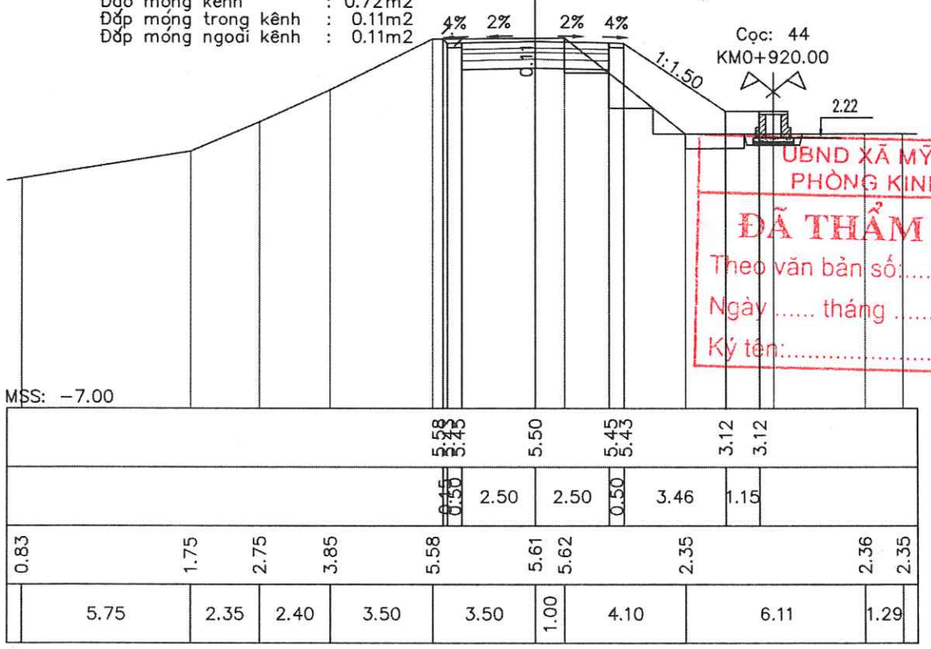

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng..... năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LÃ, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Cống hộp 1.5x1.5(m)

S.Đào nền : 0.77m2
S.Đào hữu cơ : 1.47m2
S. đào cấp : 2.39m2
S.Đào khuôn : 3.26m2
S.Đắp nền k95: 9.73m2

Cọc: C2
KM0+882.57

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

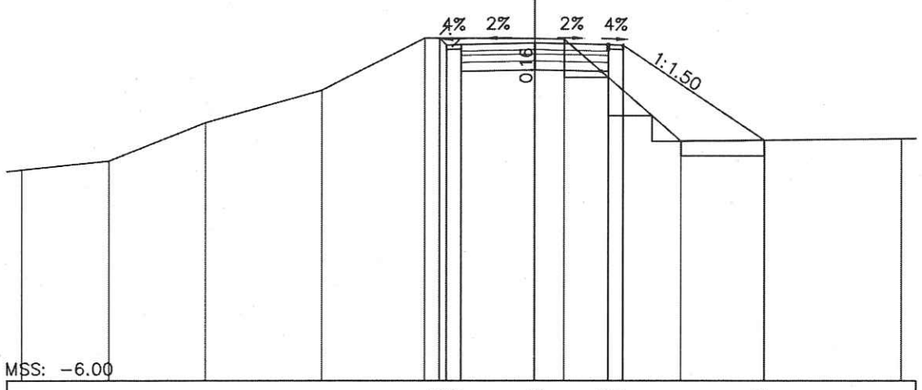

S.Đào nền : 0.72m2
S.Đào hữu cơ : 0.98m2
S. đào cấp : 1.63m2
S.Đào khuôn : 4.33m2
S.Đắp nền k95: 5.35m2

Đào móng kênh : 1.02m2
Đắp móng trong kênh : 0.17m2
Đắp móng ngoại kênh : 0.17m2

Cọc: 43A
KM0+887.50

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

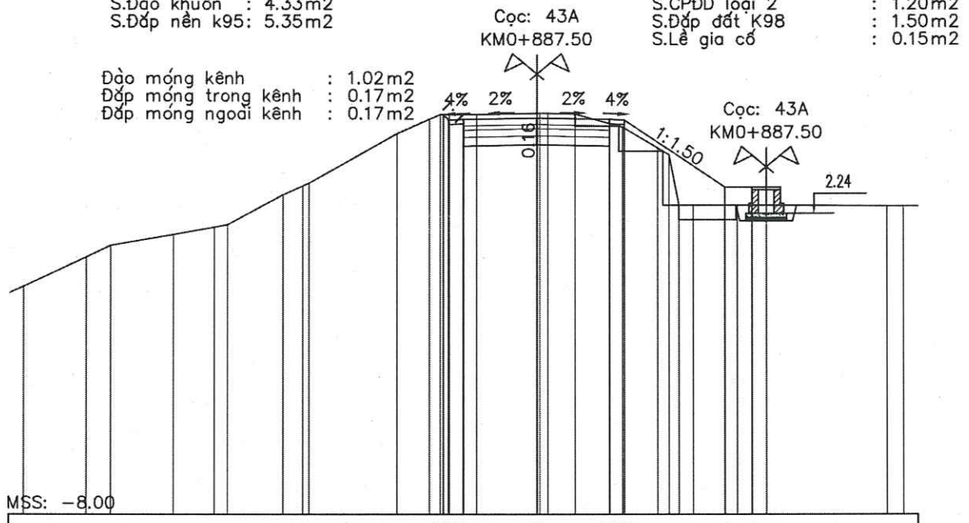

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.19m2
S.Đào hữu cơ : 1.05m2
S. đào cấp : 2.14m2
S.Đào khuôn : 3.28m2
S.Đắp nền k95: 9.17m2

Đào móng kênh : 0.75m2
Đắp móng trong kênh : 0.12m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.11m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

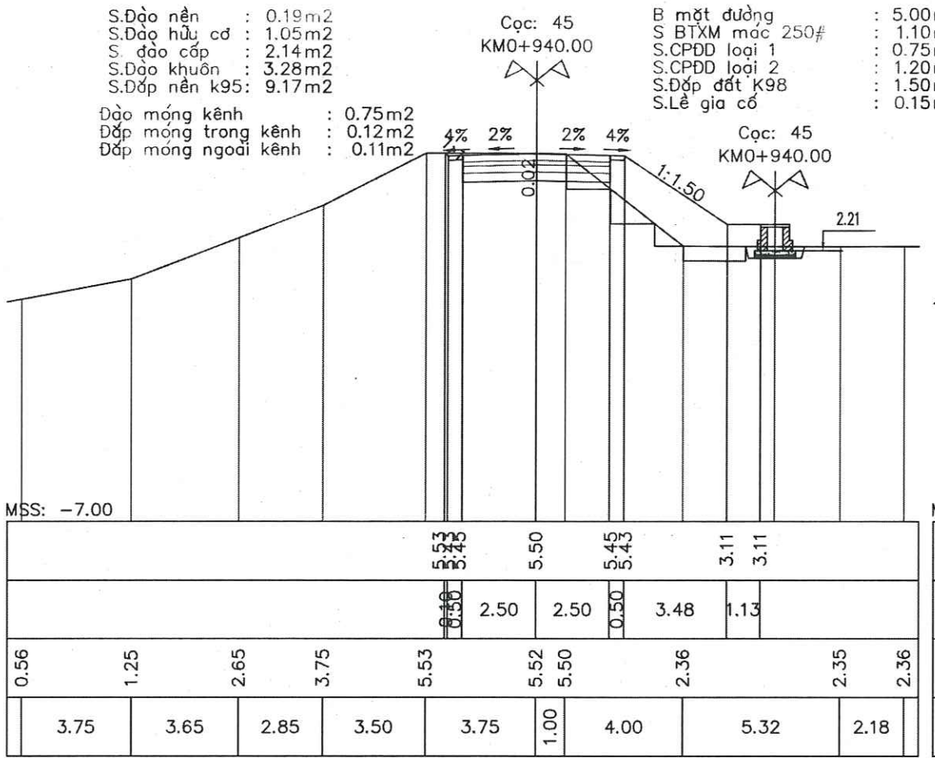

S.Đào nền : 0.05m2
S.Đào hữu cơ : 1.05m2
S. đào cấp : 2.11m2
S.Đào khuôn : 3.20m2
S.Đắp nền k95: 9.29m2

Đào móng kênh : 0.78m2
Đắp móng trong kênh : 0.12m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.12m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

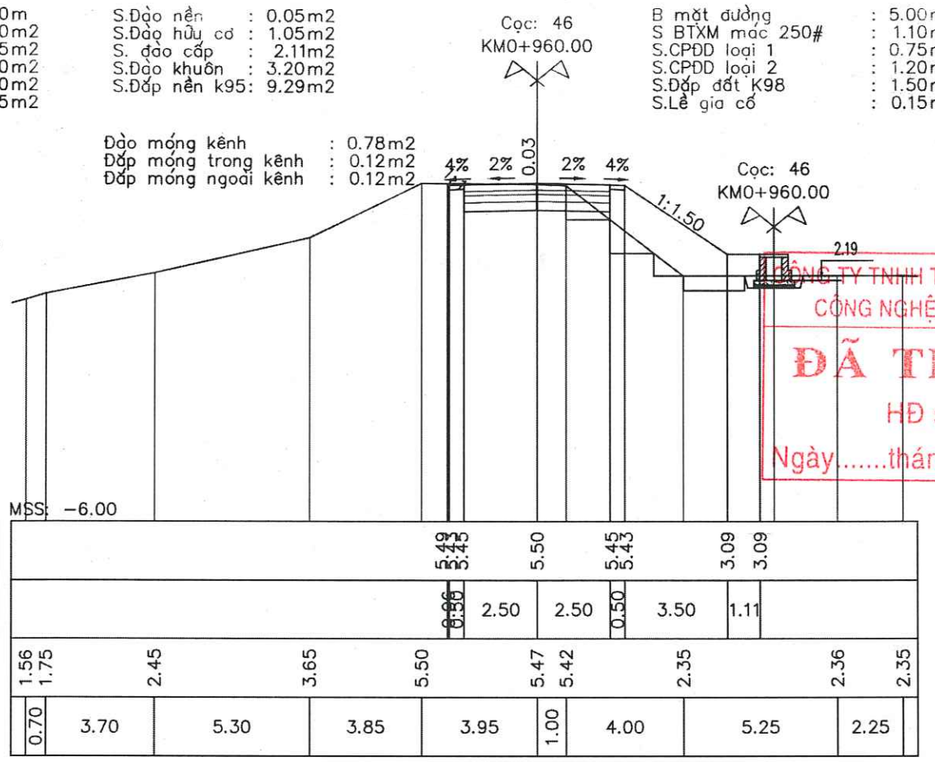

S.Đào nền : 0.06m2
S.Đào hữu cơ : 1.04m2
S. đào cấp : 2.17m2
S.Đào khuôn : 3.11m2
S.Đắp nền k95: 9.33m2

Đào móng kênh : 0.81m2
Đắp móng trong kênh : 0.13m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.12m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

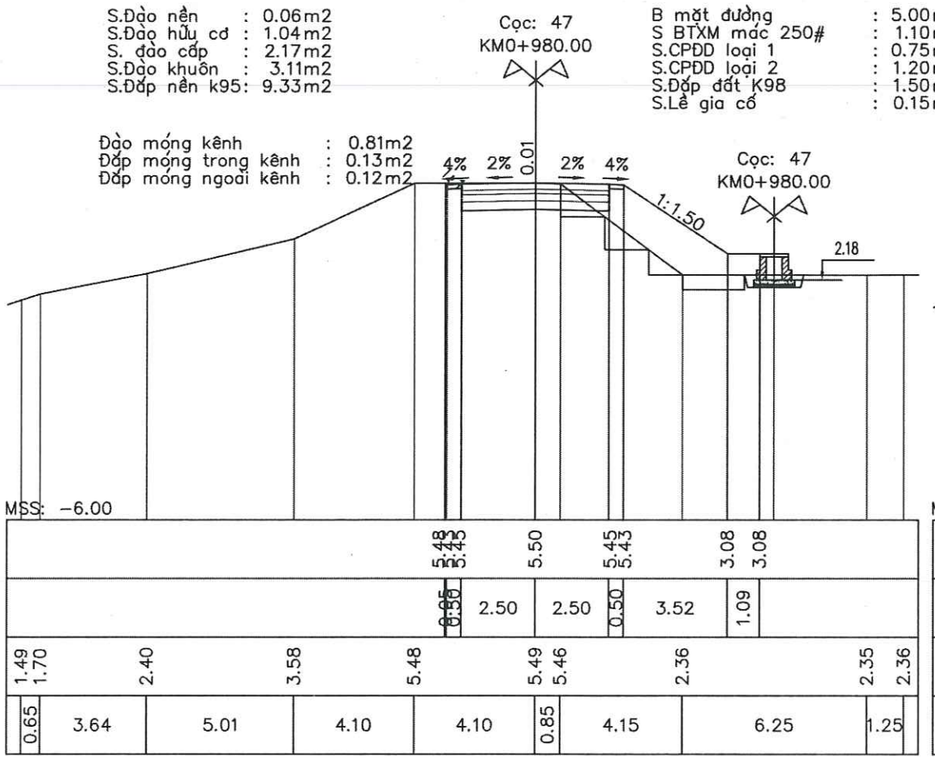

S.Đào nền : 0.11m2
S.Đào hữu cơ : 1.21m2
S. đào cấp : 0.93m2
S.Đào khuôn : 3.01m2
S.Đắp nền k95: 3.83m2

Đào móng kênh : 1.50m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.16m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

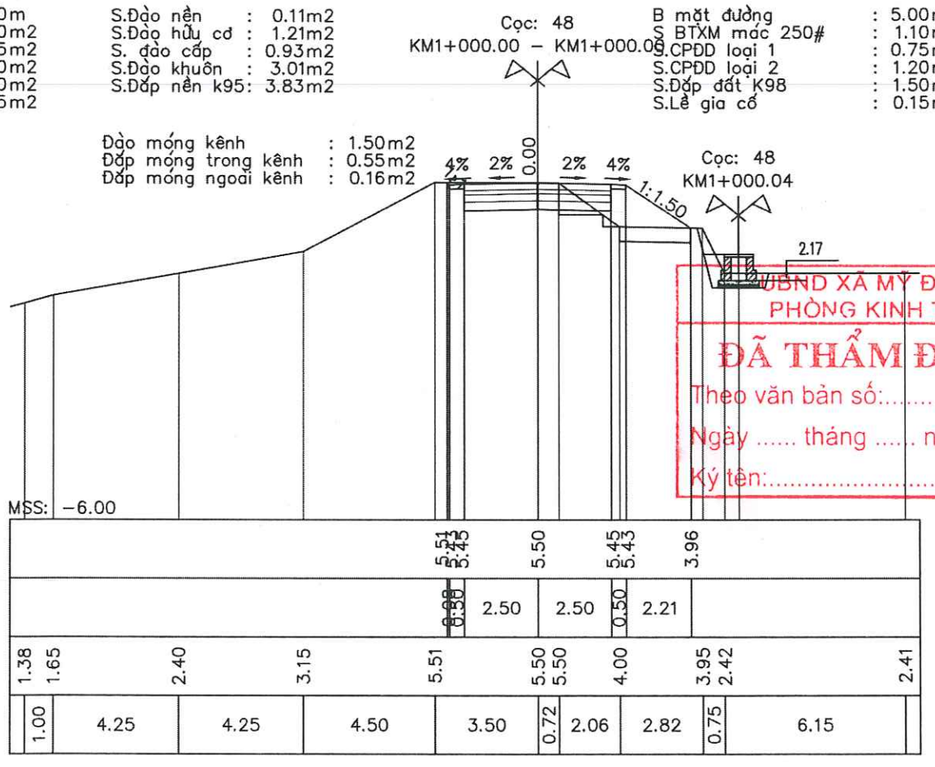

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÉN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚ LÃ, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281869

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

R=150.00
S.Đào nền 0.00% : 0.00m2
S.Đào 3.00% cơ : 1.75m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S.đào cấp : 0.91m2
S.Đào khuôn : 2.33m2
S.Đắp nền k95: 4.15m2

Đào móng kênh : 1.41m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.17m2

Cọc: TD6
KM1+001.18

Cọc: *TD6
KM1+001.24

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

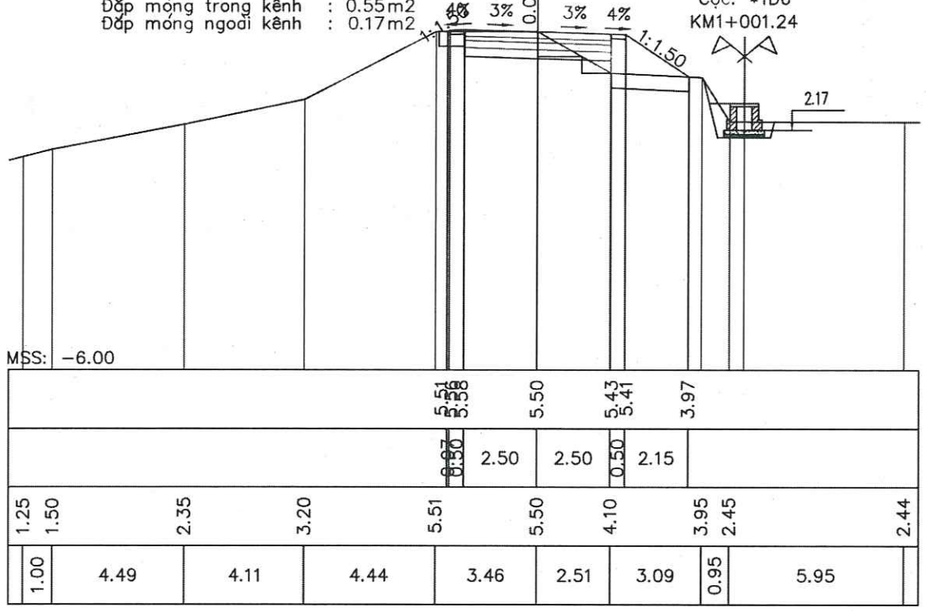

R=150.00
S.Đào nền 0.00% : 0.44m2
S.Đào 3.00% cơ : 0.50m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S.đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.63m2
S.Đắp nền k95: 0.41m2

Đào móng kênh : 1.24m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.15m2

Cọc: P6
KM1+017.04

Cọc: *P6
KM1+016.37

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

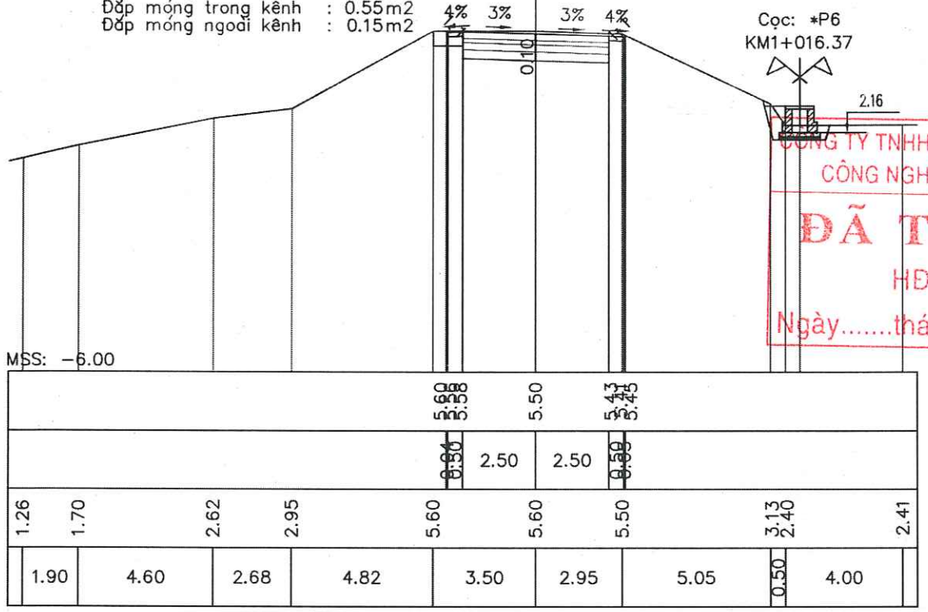

R=150.00
S.Đào nền 0.00% : 1.15m2
S.Đào 3.00% cơ : 0.00m2
S.đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.70m2
S.Đắp nền k95: 0.00m2

Đào móng kênh : 1.24m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.17m2

Cọc: TC6
KM1+032.91

Cọc: *TC6
KM1+031.30

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

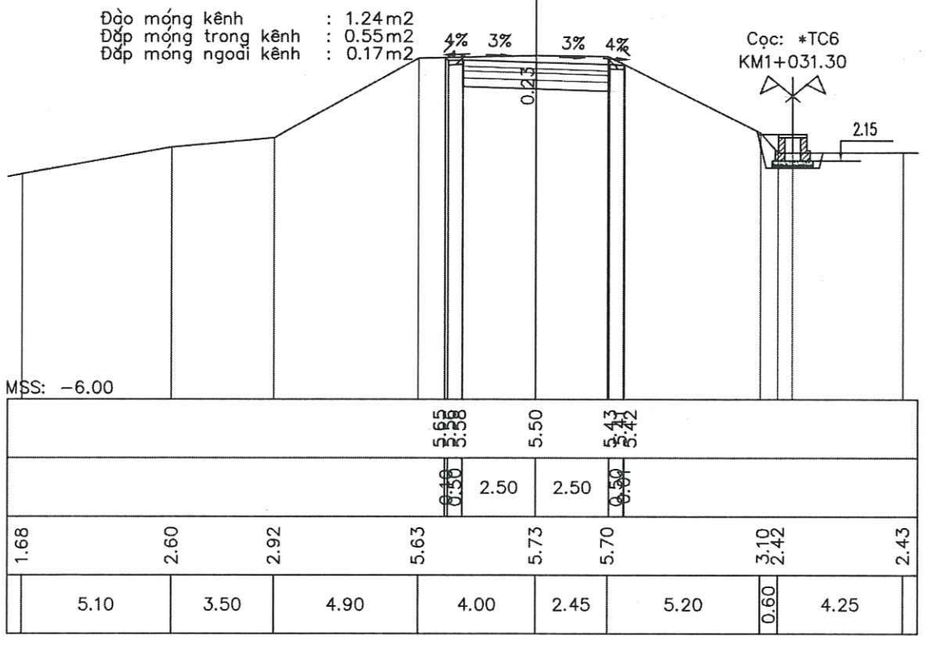

S.Đào nền : 1.40m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 0.78m2
S.Đào khuôn : 4.34m2
S.Đắp nền k95: 0.62m2

Đào móng kênh : 1.20m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.16m2

Cọc: 49
KM1+040.00

Cọc: 49
KM1+038.42

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

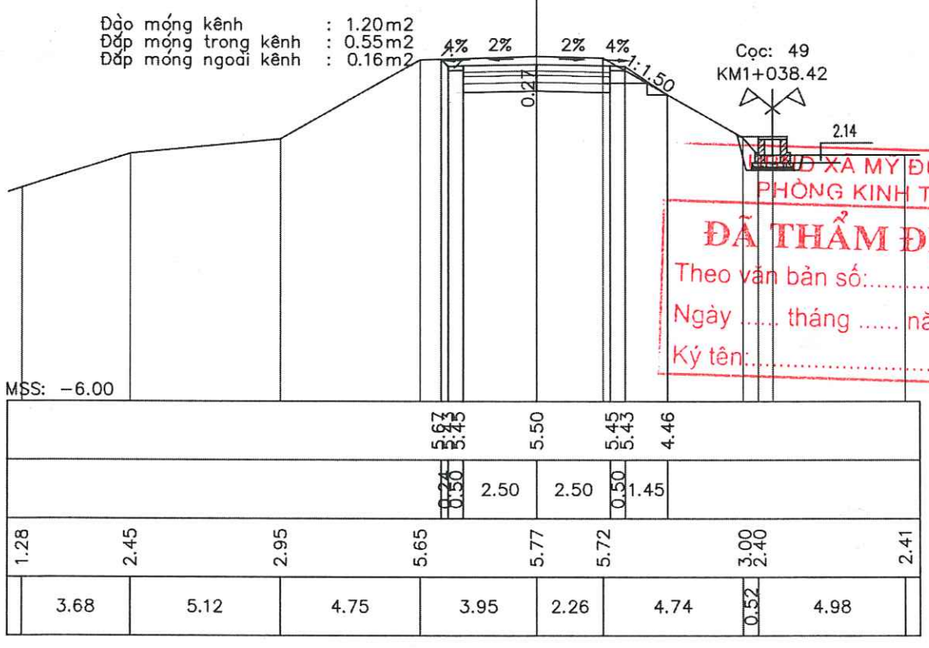

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HỒNG PHÚC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÉN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 130 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281980

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.84m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 2.39m2
S.Đào khuôn : 3.31m2
S.Đắp nền k95: 3.93m2

Đào móng kênh : 1.05m2
Đắp móng trong kênh : 0.18m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.18m2

Cọc: 50
KM1+060.00

Cọc: 50
KM1+058.42

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

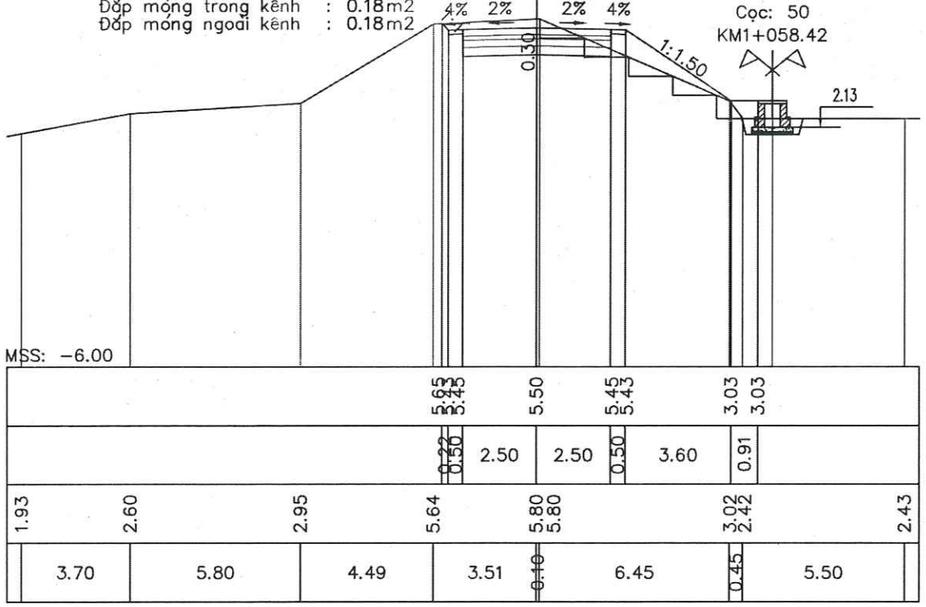

R=200.00
S.Đào 2 mái : 0.72m2
S.Đào 2 mái có : 0.00m2
S.Đào cấp : 2.27m2
S.Đào khuôn : 3.28m2
S.Đắp nền k95: 4.05m2

Đào móng kênh : 1.10m2
Đắp móng trong kênh : 0.19m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.19m2

Cọc: TD7
KM1+080.54

Cọc: *TD7
KM1+078.97

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

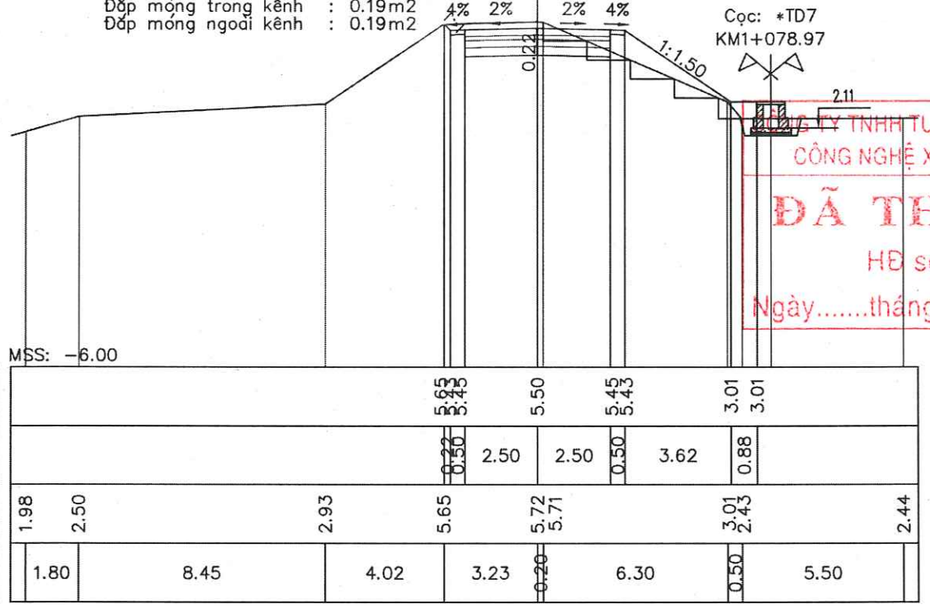

R=200.00
S.Đào 2 mái : 0.77m2
S.Đào 2 mái có : 0.32m2
S.Đào cấp : 1.86m2
S.Đào khuôn : 3.60m2
S.Đắp nền k95: 3.92m2

Đào móng kênh : 1.34m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.19m2

Cọc: P7
KM1+091.39

Cọc: *P7
KM1+089.47

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

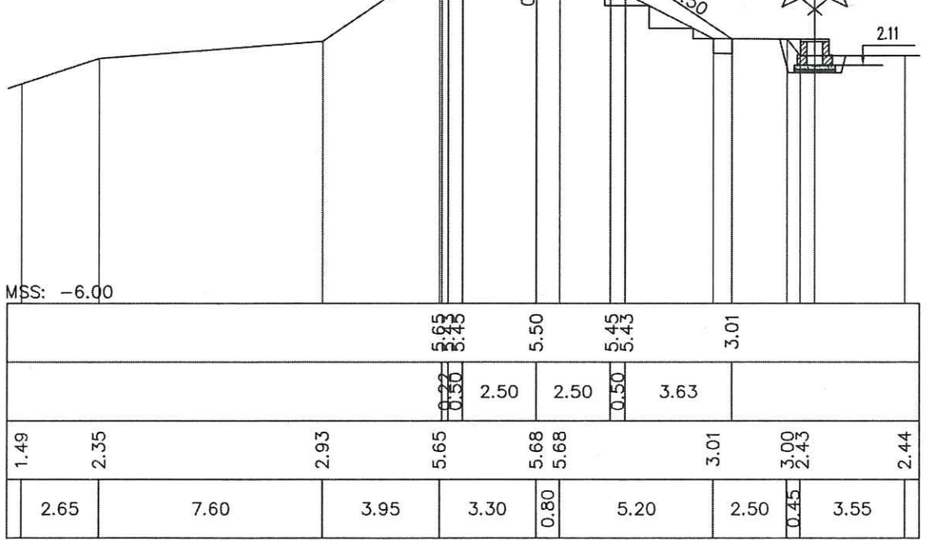

R=200.00
S.Đào 2 mái : 0.91m2
S.Đào 2 mái có : 0.32m2
S.Đào cấp : 1.89m2
S.Đào khuôn : 3.78m2
S.Đắp nền k95: 3.82m2

Đào móng kênh : 1.35m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.18m2

Cọc: TC7
KM1+102.23

Cọc: *TC7
KM1+099.80

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

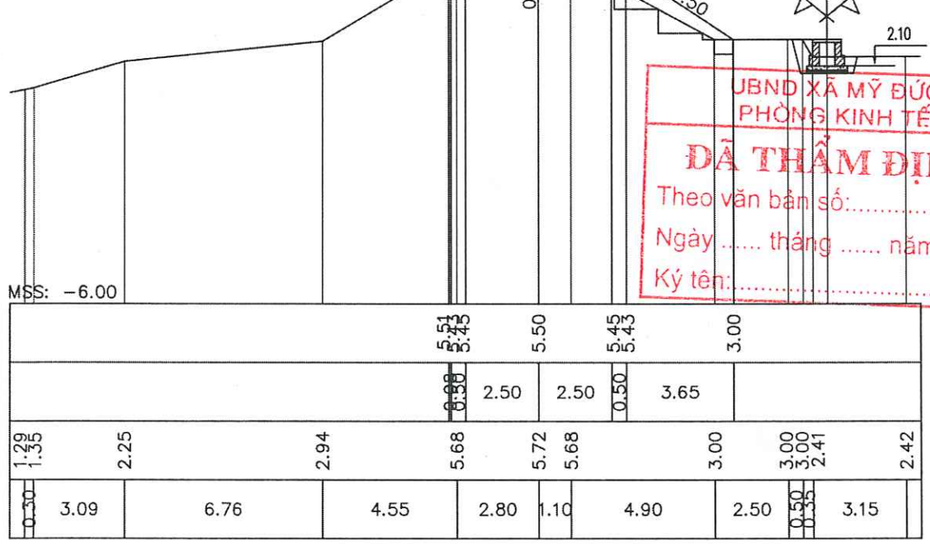

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÝ DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON.JSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.85m2
S.Đào hữu cơ : 0.33m2
S. đào cấp : 1.97m2
S.Đào khuôn : 3.89m2
S.Đắp nền k95: 3.74m2

Đào móng kênh : 1.38m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.19m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

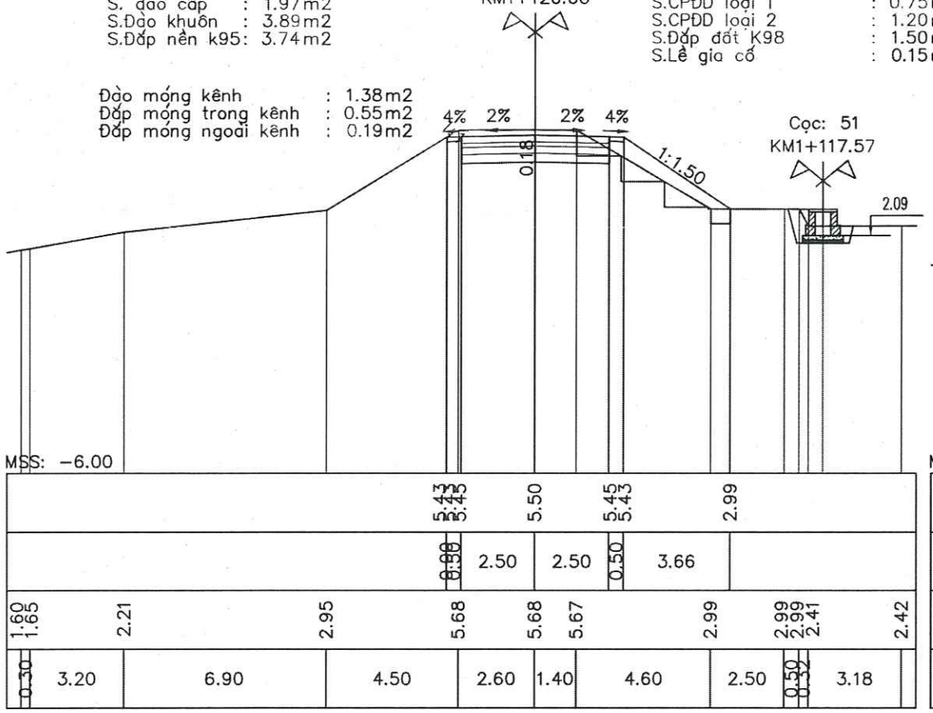

S.Đào nền : 0.94m2
S.Đào hữu cơ : 0.34m2
S. đào cấp : 1.98m2
S.Đào khuôn : 3.89m2
S.Đắp nền k95: 3.78m2

Đào móng kênh : 1.46m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.21m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

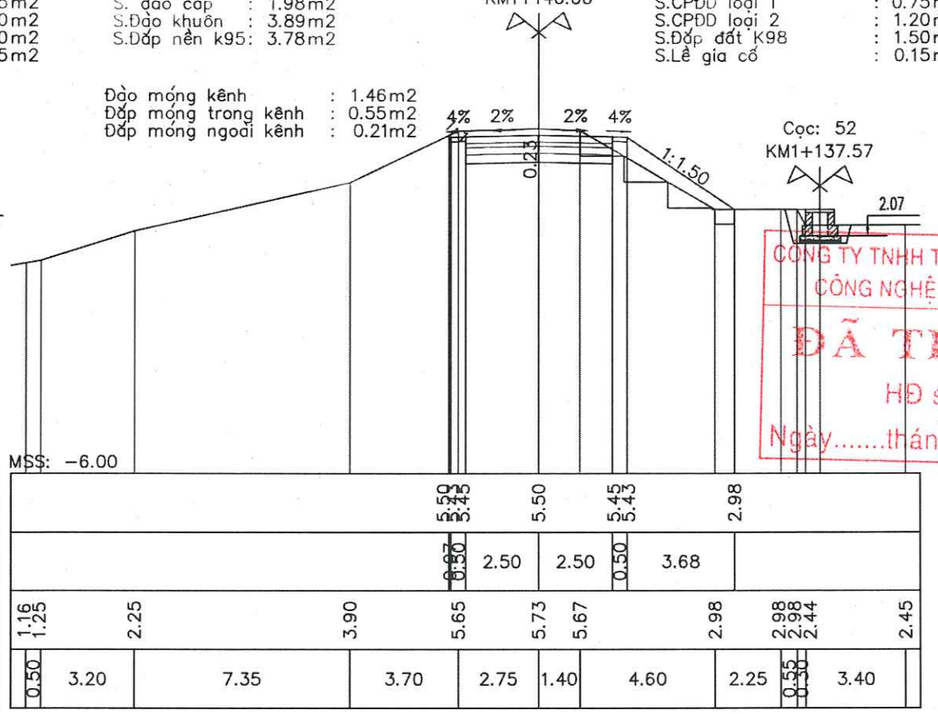

S.Đào nền : 0.85m2
S.Đào hữu cơ : 0.46m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.55m2
S.Đắp nền k95: 0.52m2

Đào móng kênh : 0.00m2
Đắp móng trong kênh : 0.00m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

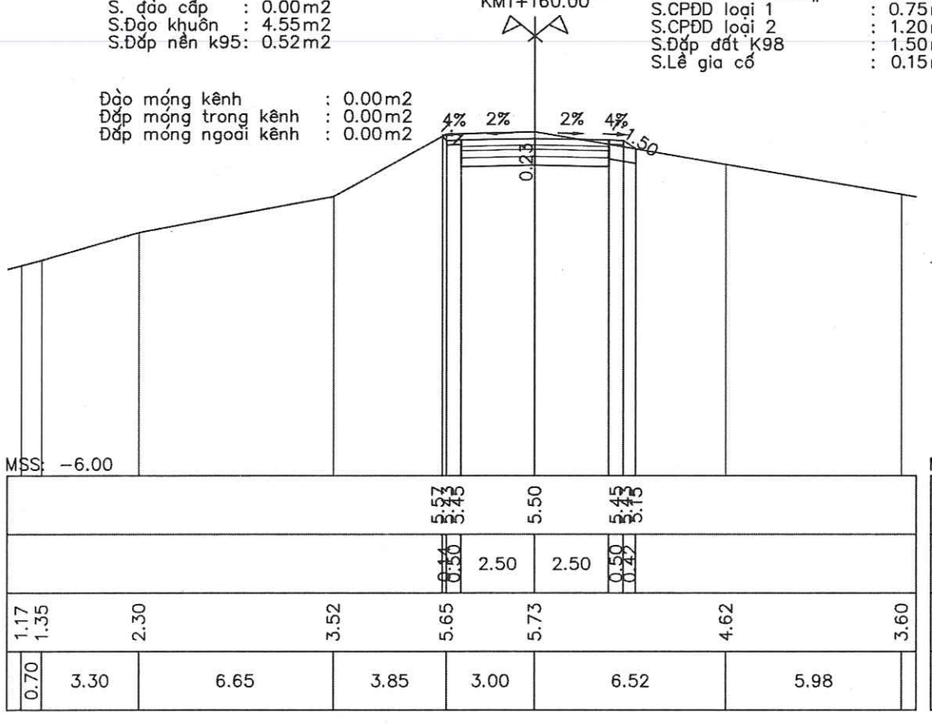

S.Đào nền : 0.73m2
S.Đào hữu cơ : 0.65m2
S. đào cấp : 2.74m2
S.Đào khuôn : 3.28m2
S.Đắp nền k95: 6.99m2

Đào móng kênh : 1.70m2
Đắp móng trong kênh : 0.16m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.24m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

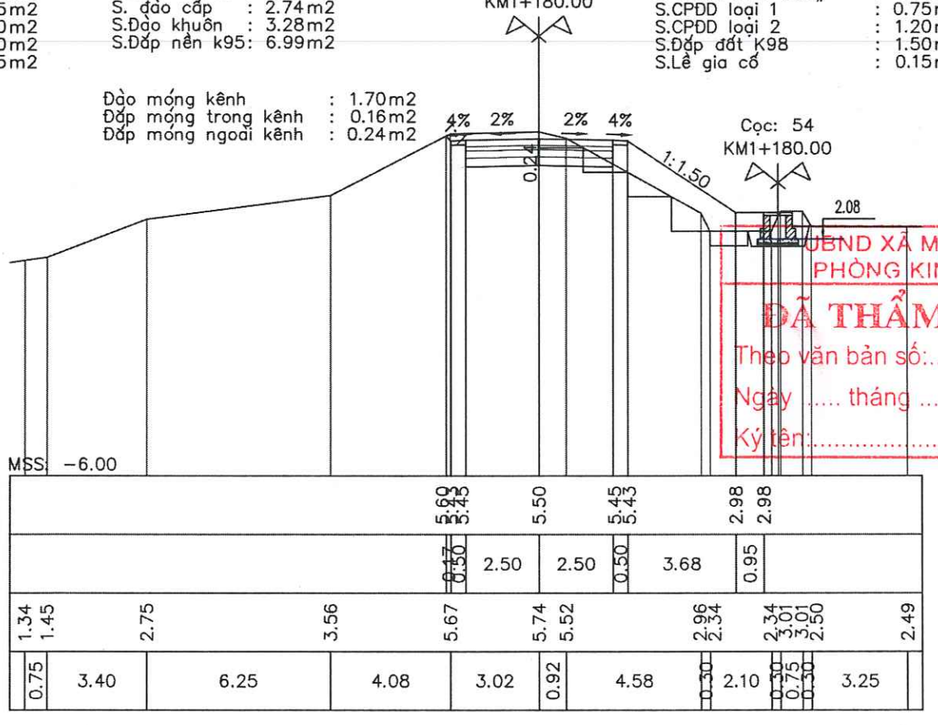

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
DỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X.A.L.A. PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

Cống hộp 1.0x1.5(m)

S.Đào nền : 1.07m2
S.Đào hữu cơ : 1.41m2
S. đào cấp : 2.78m2
S.Đào khuôn : 3.38m2
S.Đắp nền k95: 11.64m2

Đào móng kênh : 0.00m2
Đắp móng trong kênh : 0.00m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

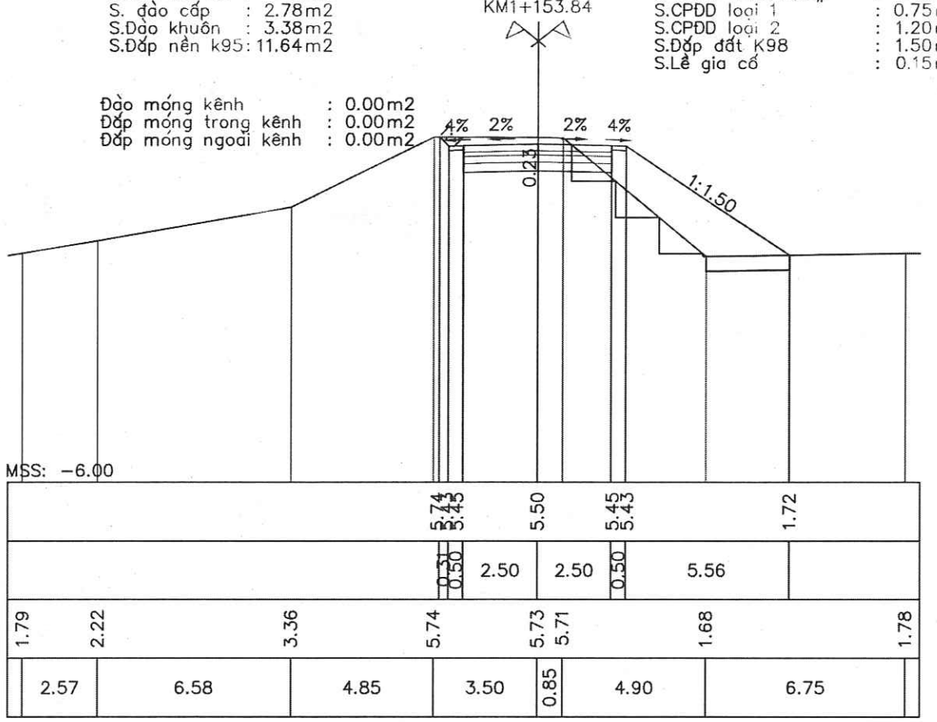

S.Đào nền : 0.96m2
S.Đào hữu cơ : 0.38m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.61m2
S.Đắp nền k95: 0.37m2

Đào móng kênh : 3.43m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.55m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

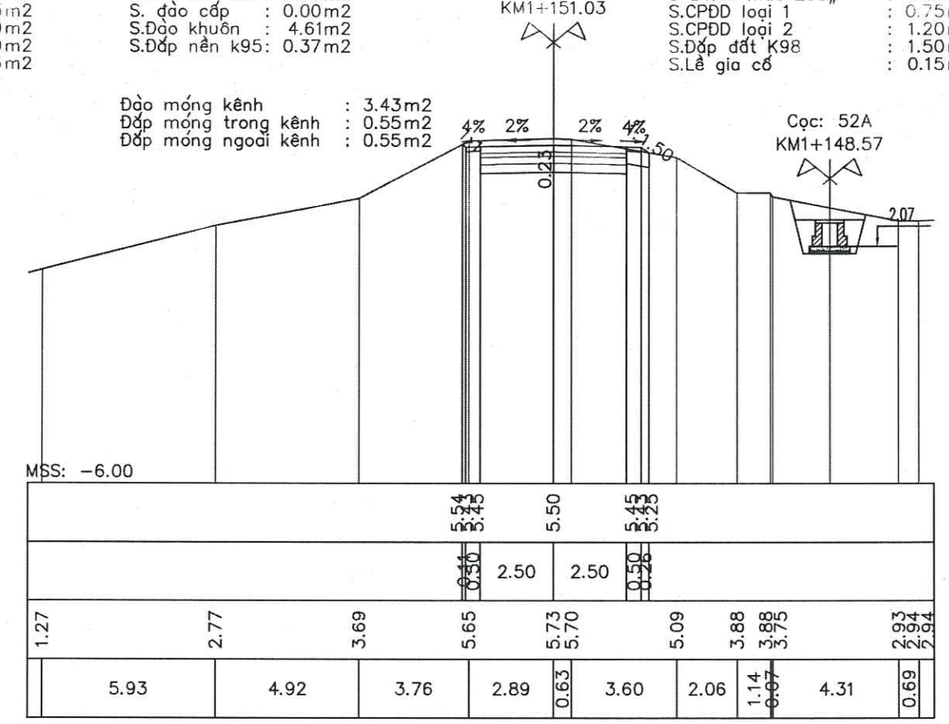

S.Đào nền : 0.71m2
S.Đào hữu cơ : 0.66m2
S. đào cấp : 2.65m2
S.Đào khuôn : 3.28m2
S.Đắp nền k95: 7.02m2

Đào móng kênh : 1.65m2
Đắp móng trong kênh : 0.15m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.23m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

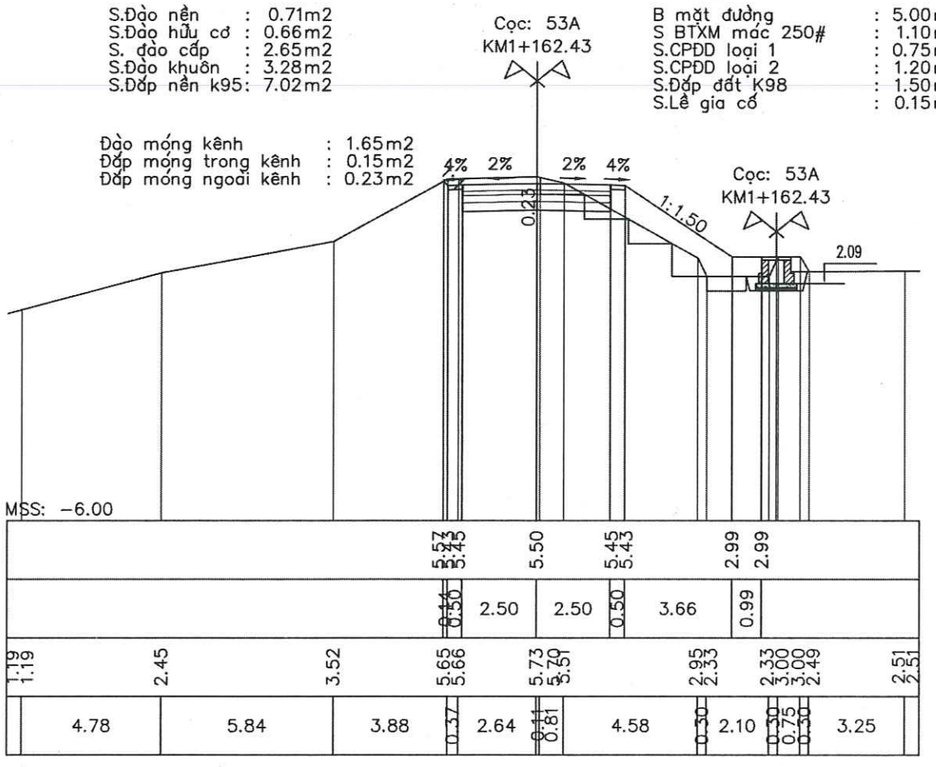

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.94m2
S.Đào hữu cơ : 0.71m2
S. đào cấp : 2.23m2
S.Đào khuôn : 3.37m2
S.Đắp nền k95: 6.84m2

Cọc: 55
KM1+200.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 1.77m2
Đắp móng trong kênh : 0.18m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.23m2

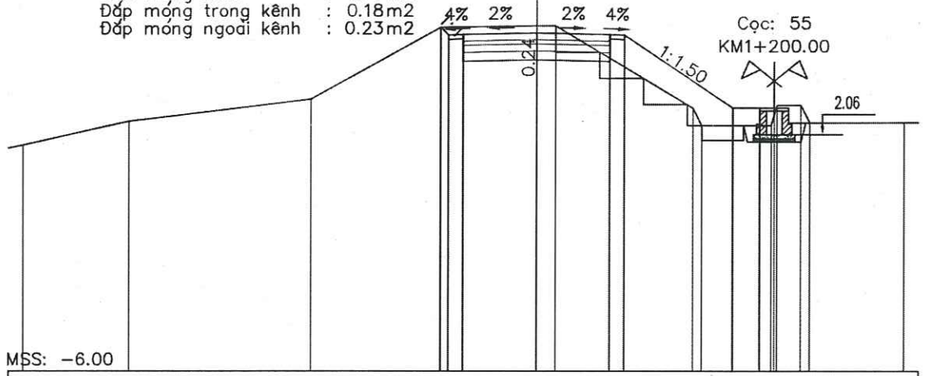

S.Đào nền : 0.85m2
S.Đào hữu cơ : 0.80m2
S. đào cấp : 2.20m2
S.Đào khuôn : 3.21m2
S.Đắp nền k95: 7.38m2

Cọc: 56
KM1+220.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 1.79m2
Đắp móng trong kênh : 0.17m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.24m2

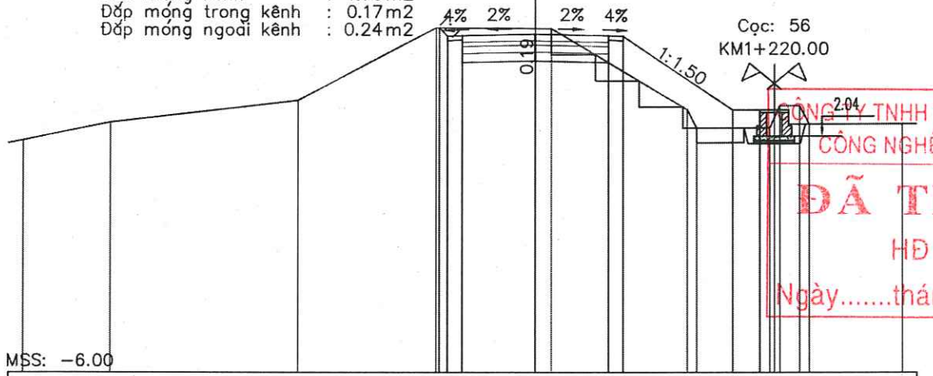

R=200.00
S.Đào nền : 1.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.65m2
S. đào cấp : 2.17m2
S.Đào khuôn : 3.50m2
S.Đắp nền k95: 6.42m2

Cọc: TD8
KM1+232.91

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 1.84m2
Đắp móng trong kênh : 0.19m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.25m2

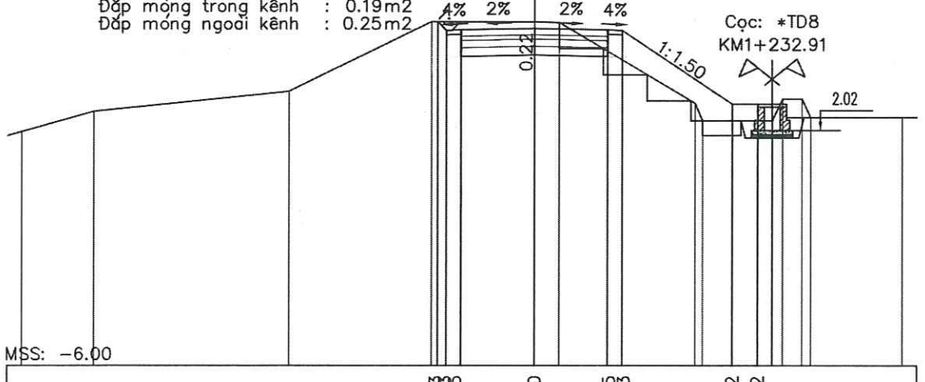

R=200.00
S.Đào nền : 1.03m2
S.Đào hữu cơ : 0.65m2
S. đào cấp : 2.18m2
S.Đào khuôn : 3.48m2
S.Đắp nền k95: 6.46m2

Cọc: 57
KM1+240.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 1.91m2
Đắp móng trong kênh : 0.20m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.25m2

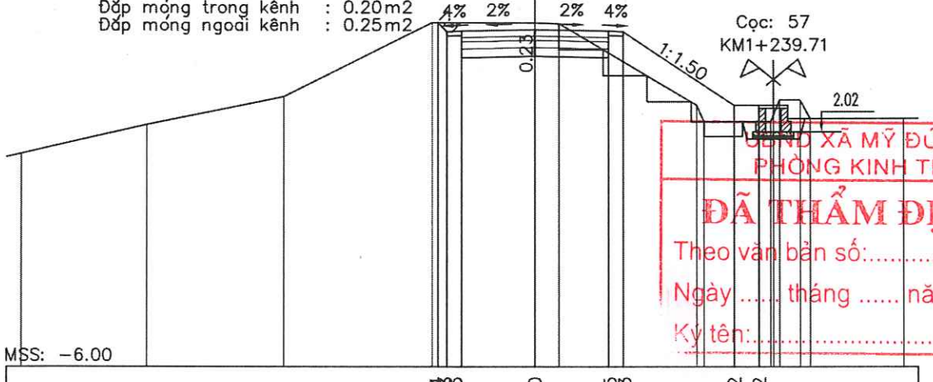

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20...

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
DỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

R=200.00
S.Đào 2 dốc : 1.04m2
S.Đào 1 dốc : 0.51m2
S.đào cấp : 2.24m2
S.Đào khuôn : 3.70m2
S.Đắp nền k95: 5.76m2

Đào móng kênh : 1.91m2
Đắp móng trong kênh : 0.18m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.26m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

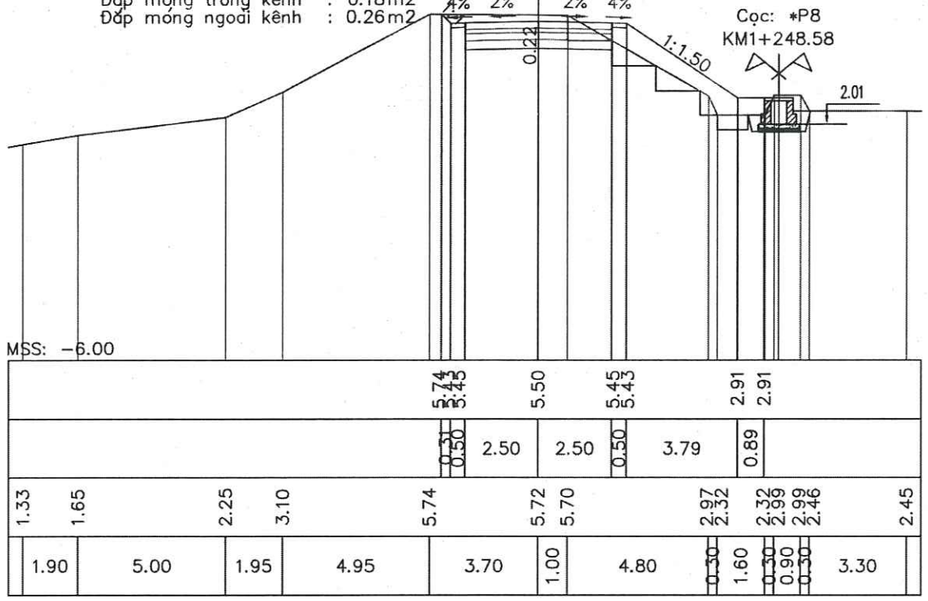

R=200.00
S.Đào 2 dốc : 1.06m2
S.Đào 1 dốc : 0.47m2
S.đào cấp : 2.22m2
S.Đào khuôn : 3.73m2
S.Đắp nền k95: 5.43m2

Đào móng kênh : 1.92m2
Đắp móng trong kênh : 0.21m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.26m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

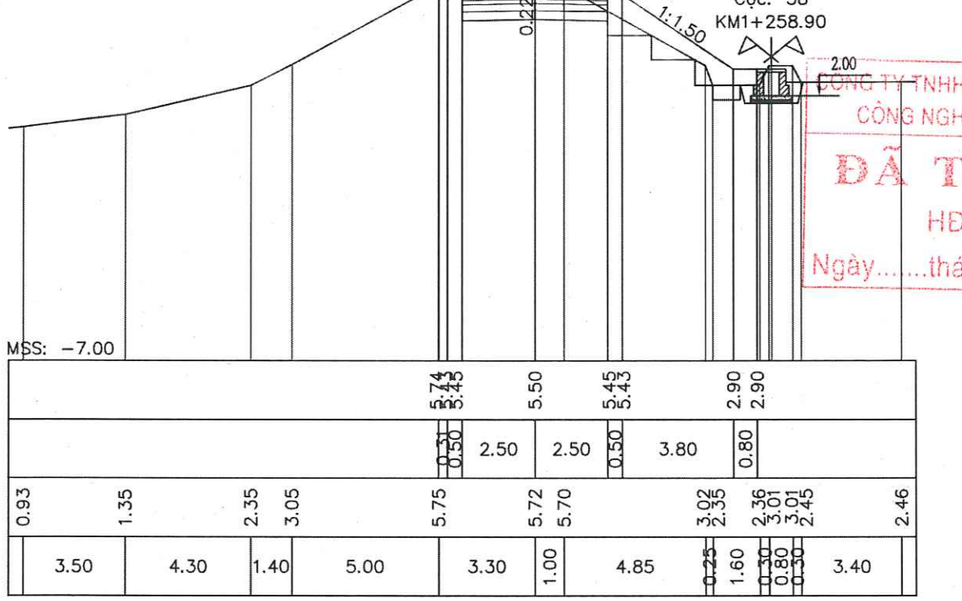

R=200.00
S.Đào 2 dốc : 1.10m2
S.Đào 1 dốc : 0.38m2
S.đào cấp : 2.21m2
S.Đào khuôn : 3.75m2
S.Đắp nền k95: 4.71m2

Đào móng kênh : 1.95m2
Đắp móng trong kênh : 0.24m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.26m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

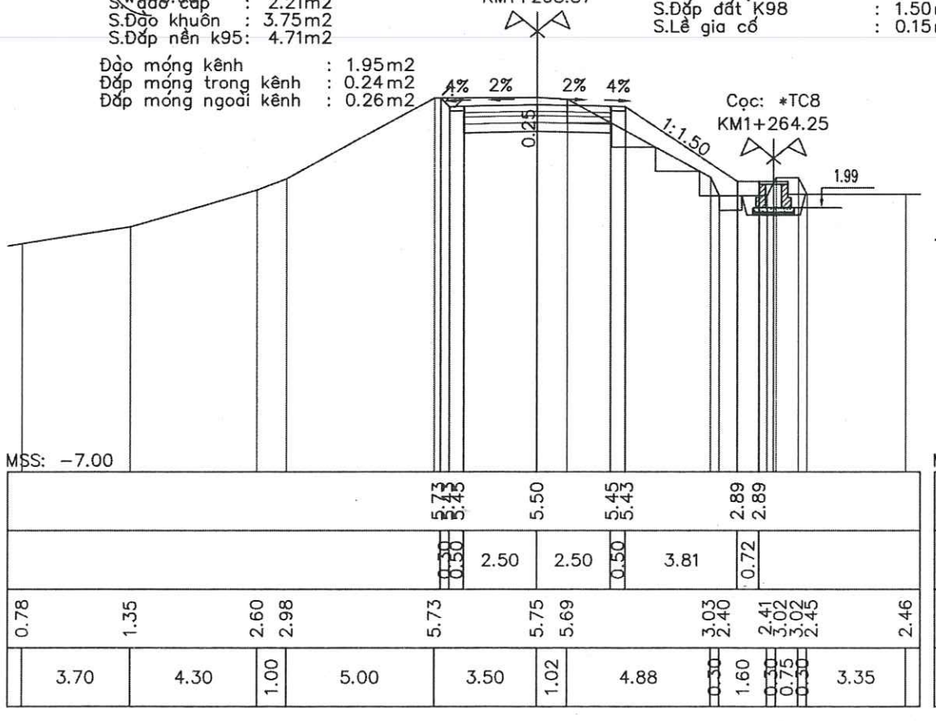

S.Đào nền : 0.96m2
S.Đào hữu cơ : 0.43m2
S. đào cấp : 2.14m2
S.Đào khuôn : 3.79m2
S.Đắp nền k95: 4.99m2

Đào móng kênh : 1.95m2
Đắp móng trong kênh : 0.25m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.28m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

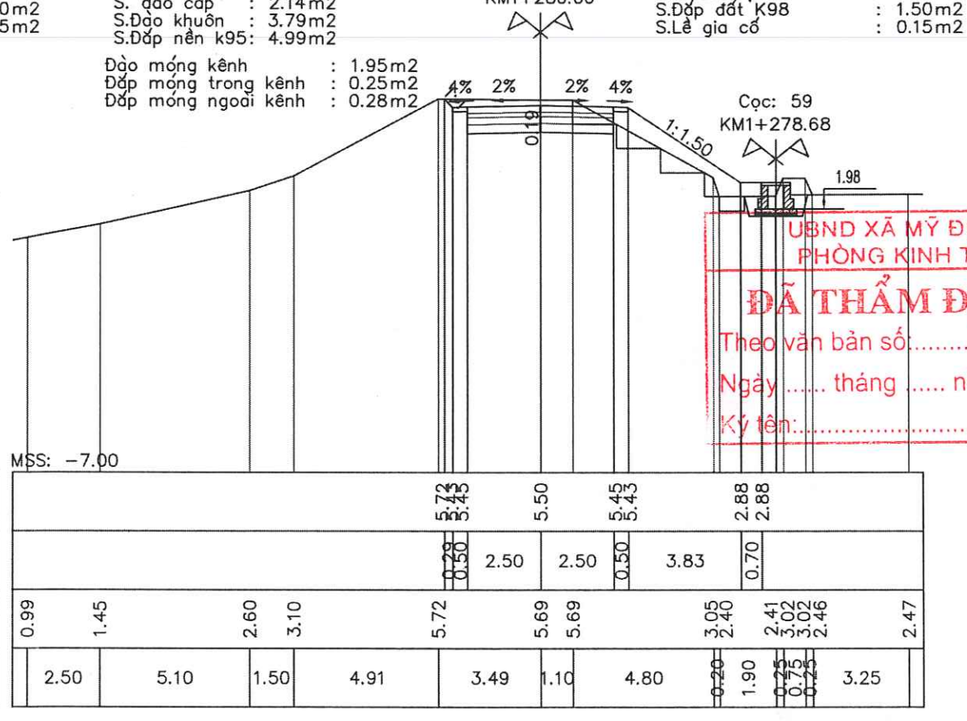

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XA LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261868

GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.98m2
S.Đào hữu cơ : 0.37m2
S. đào cấp : 2.13m2
S.Đào khuôn : 3.78m2
S.Đắp nền k95: 4.76m2

Đào móng kênh : 2.06m2
Đắp móng trong kênh : 0.29m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.26m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

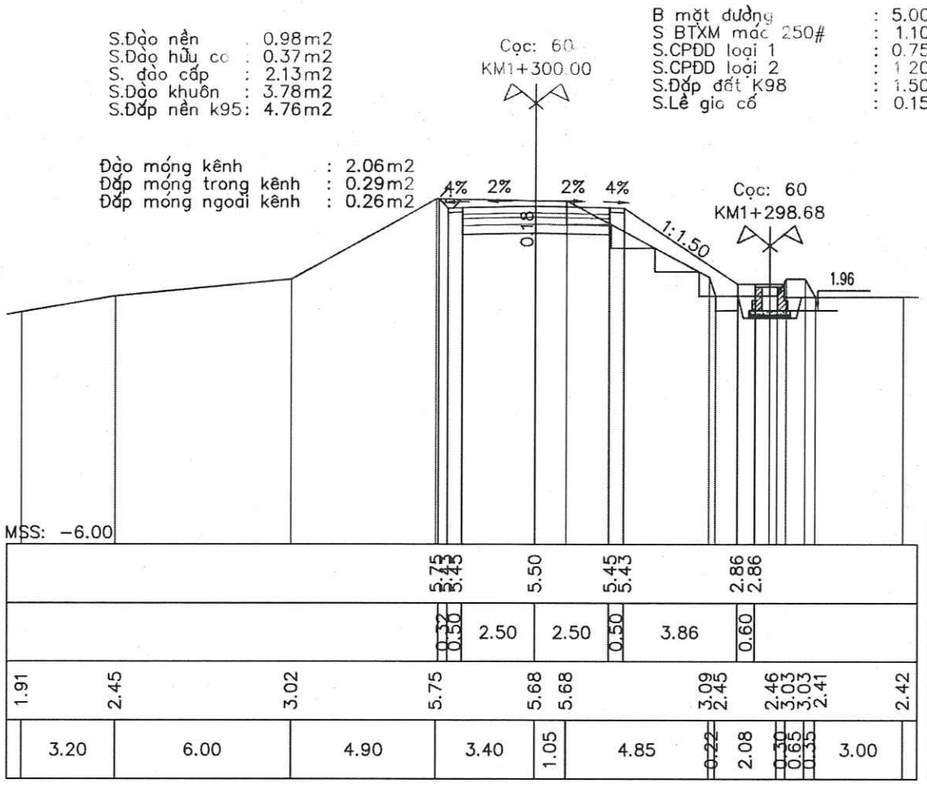

S.Đào nền : 0.96m2
S.Đào hữu cơ : 0.26m2
S. đào cấp : 2.08m2
S.Đào khuôn : 3.75m2
S.Đắp nền k95: 4.46m2

Đào móng kênh : 2.21m2
Đắp móng trong kênh : 0.36m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.31m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

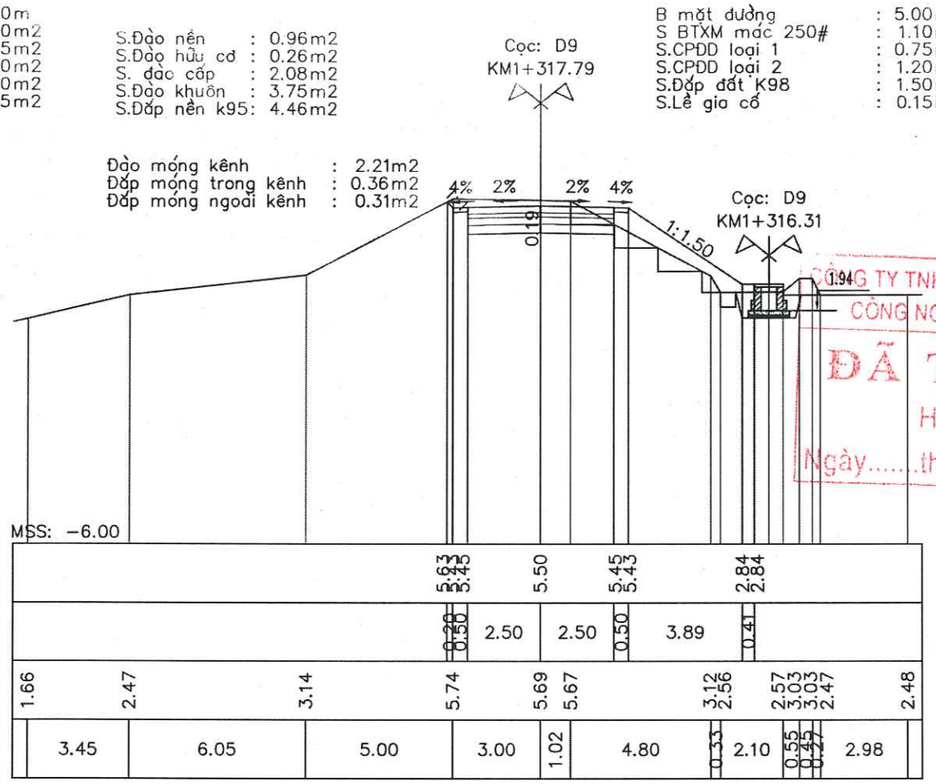

S.Đào nền : 0.98m2
S.Đào hữu cơ : 0.26m2
S. đào cấp : 2.08m2
S.Đào khuôn : 3.75m2
S.Đắp nền k95: 4.46m2

Đào móng kênh : 2.21m2
Đắp móng trong kênh : 0.36m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.31m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

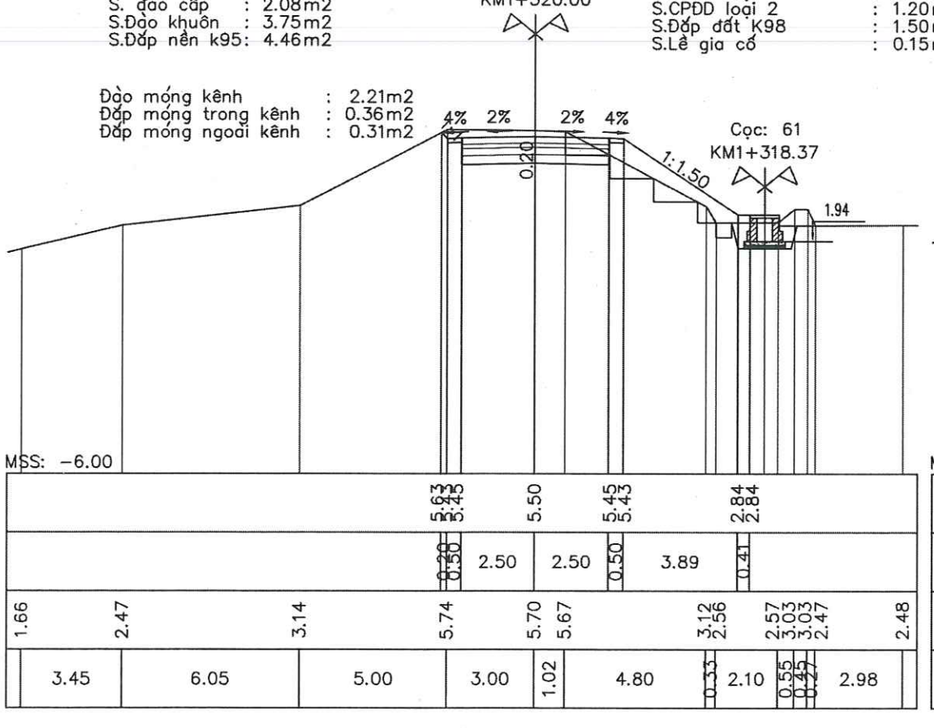

S.Đào nền : 0.85m2
S.Đào hữu cơ : 0.62m2
S. đào cấp : 2.10m2
S.Đào khuôn : 3.34m2
S.Đắp nền k95: 5.95m2

Đào móng kênh : 2.31m2
Đắp móng trong kênh : 0.34m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.31m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

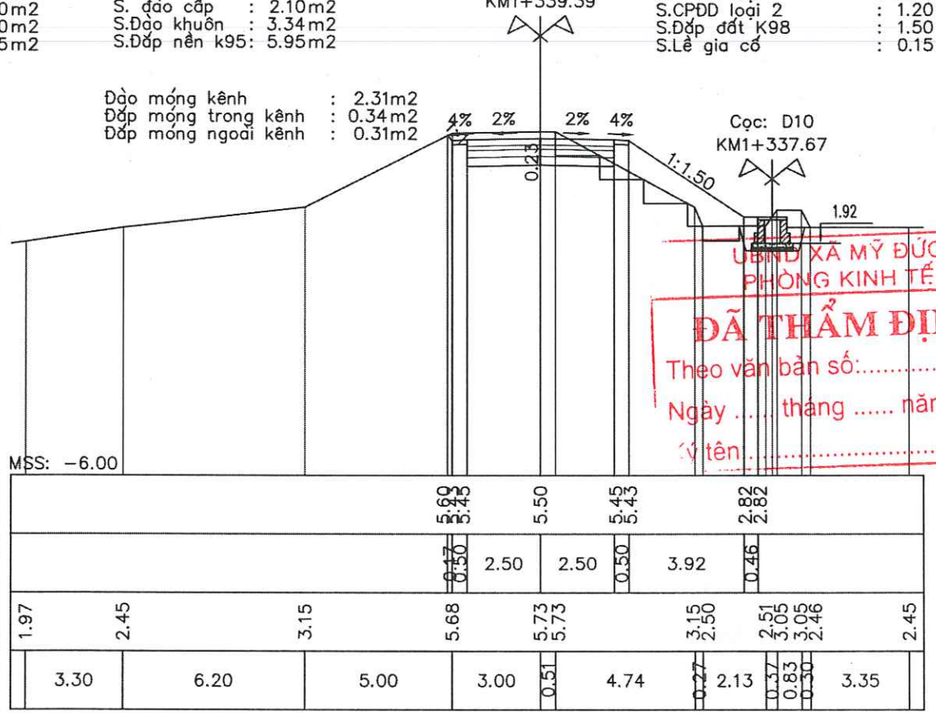

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÉN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 135 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên .....

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

R=100.00
S.Đào nền 50% : 0.53m2
S.Đào hữu cơ : 0.71m2
S.wl=0.00 : 2.00m2
S.đào cấp : 3.23m2
S.Đào khuôn : 6.30m2

Cọc: TD11
KM1+361.42

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 1.63m2
Đắp móng trong kênh : 0.33m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.33m2

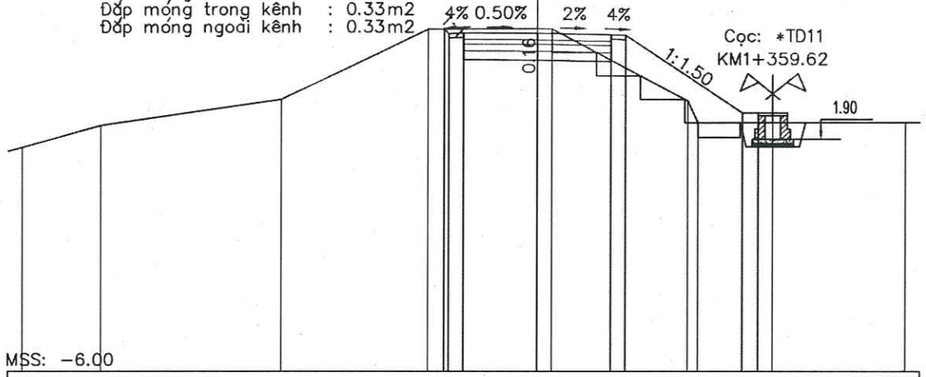

R=100.00
S.Đào nền 50% : 0.60m2
S.Đào hữu cơ : 0.30m2
S.wl=0.00 : 2.13m2
S.đào cấp : 3.76m2
S.Đào khuôn : 4.55m2

Cọc: P11
KM1+372.20

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 1.73m2
Đắp móng trong kênh : 0.36m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.35m2

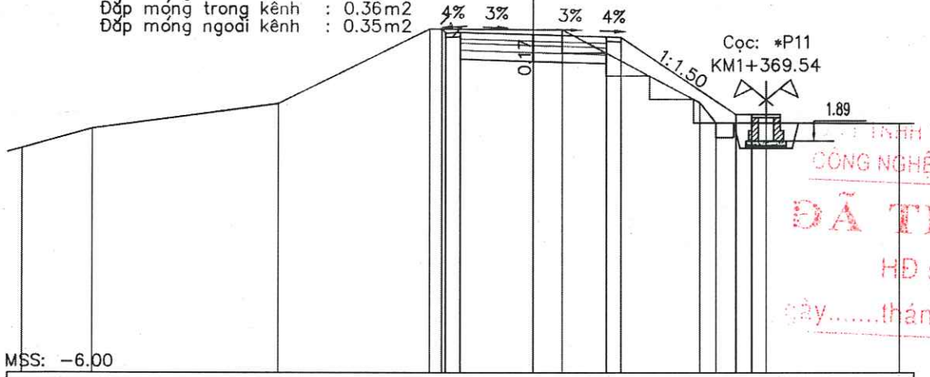

R=100.00
S.Đào nền 50% : 0.64m2
S.Đào hữu cơ : 0.54m2
S.wl=0.00 : 2.12m2
S.đào cấp : 3.30m2
S.Đào khuôn : 5.87m2

Cọc: TC11
KM1+382.97

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 1.70m2
Đắp móng trong kênh : 0.35m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.35m2

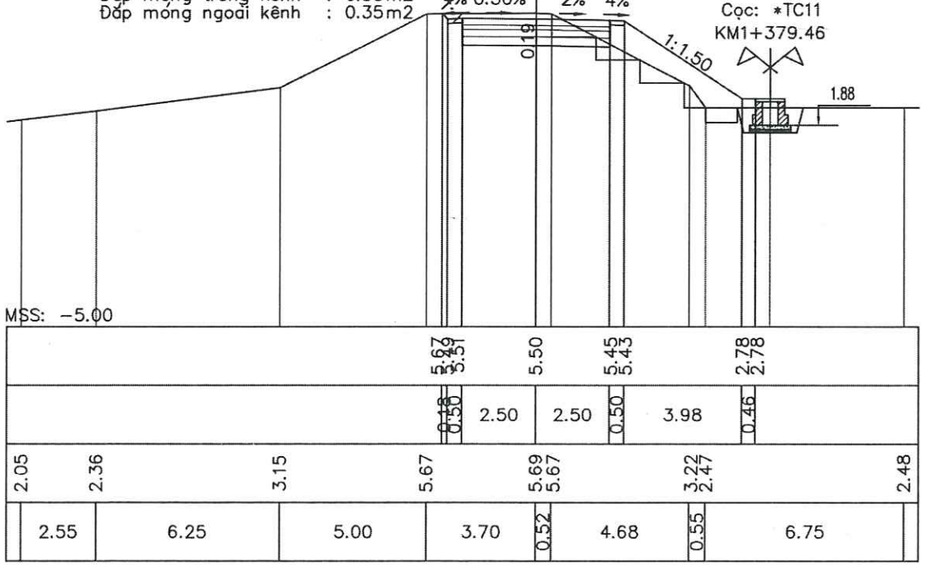

S.Đào nền : 0.84m2
S.Đào hữu cơ : 0.63m2
S. đào cấp : 2.10m2
S.Đào khuôn : 3.25m2
S.Đắp nền k95: 6.09m2

Cọc: 62
KM1+400.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 1.73m2
Đắp móng trong kênh : 0.36m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.36m2

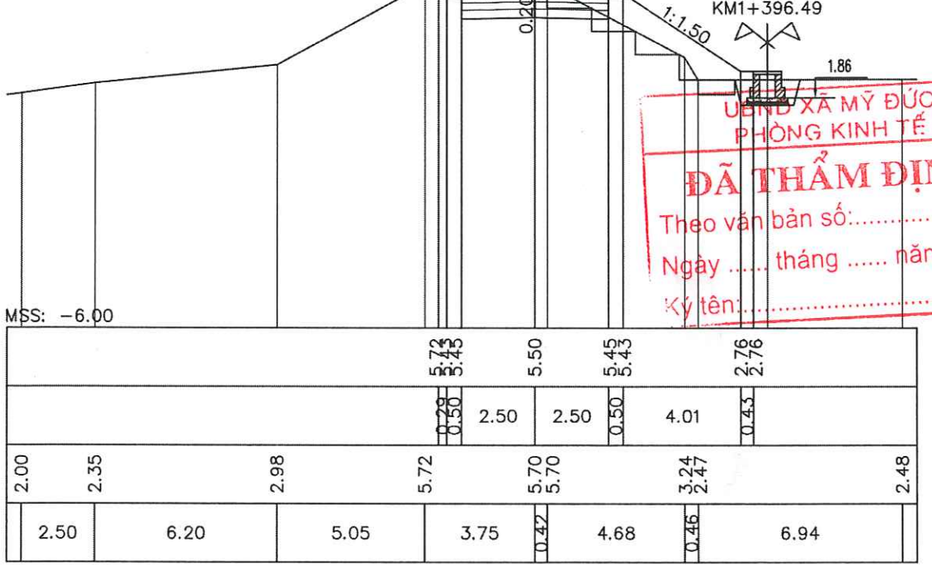

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA- PHÚ LÃ, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÉN DANH ĐI THỊN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.85m2
S.Đào hữu cơ : 0.62m2
S. đào cấp : 2.04m2
S.Đào khuôn : 3.31m2
S.Đắp nền k95: 5.84m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 63
KM1+420.00

Đào móng kênh : 1.78m2
Đắp móng trong kênh : 0.37m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.37m2

Cọc: 63
KM1+416.49

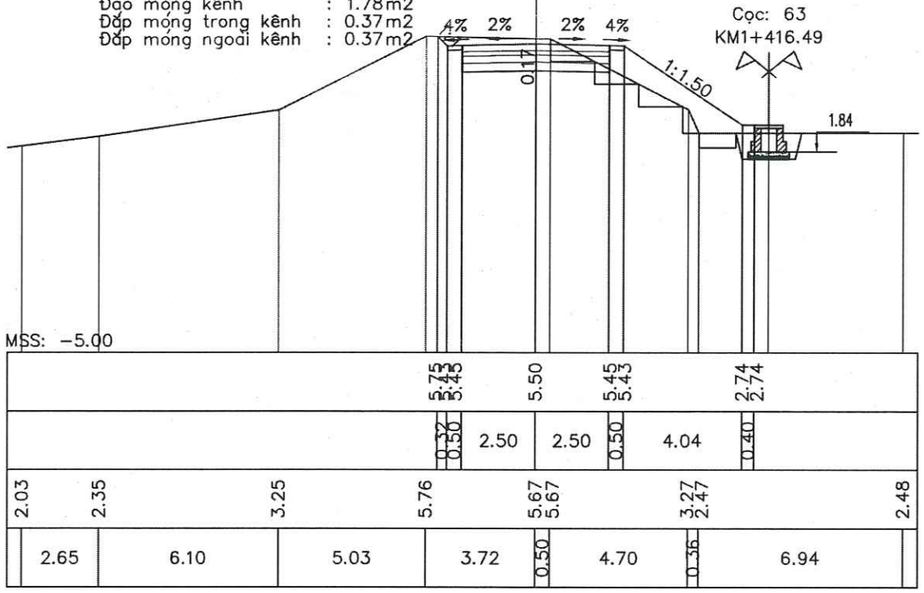

S.Đào nền : 1.10m2
S.Đào hữu cơ : 0.49m2
S. đào cấp : 2.08m2
S.Đào khuôn : 3.61m2
S.Đắp nền k95: 5.02m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 64
KM1+440.00

Đào móng kênh : 1.88m2
Đắp móng trong kênh : 0.40m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.40m2

Cọc: 64
KM1+436.49

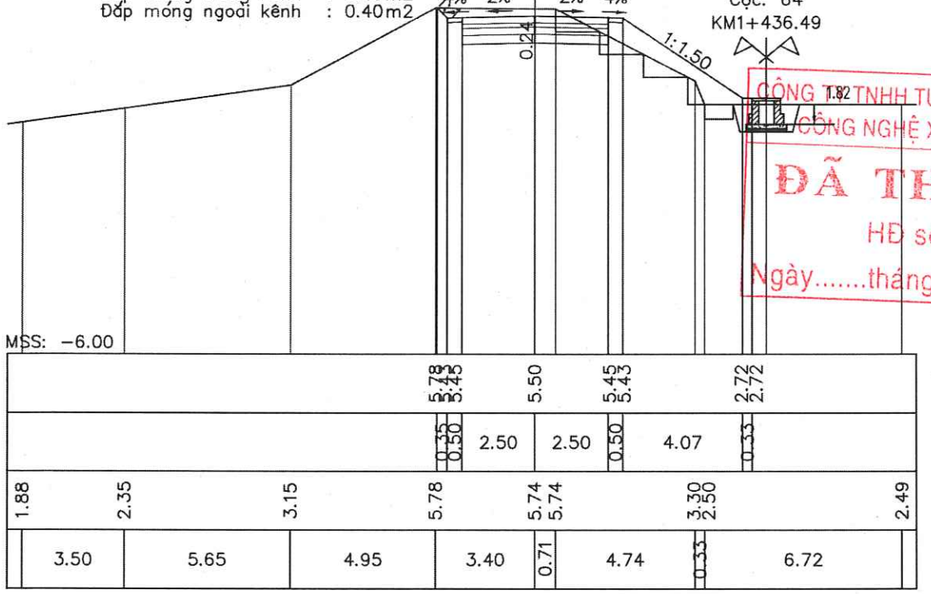

S.Đào nền : 0.76m2
S.Đào hữu cơ : 0.27m2
S. đào cấp : 2.06m2
S.Đào khuôn : 3.88m2
S.Đắp nền k95: 3.90m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 65
KM1+460.00

Đào móng kênh : 1.87m2
Đắp móng trong kênh : 0.39m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.39m2

Cọc: 65
KM1+456.49

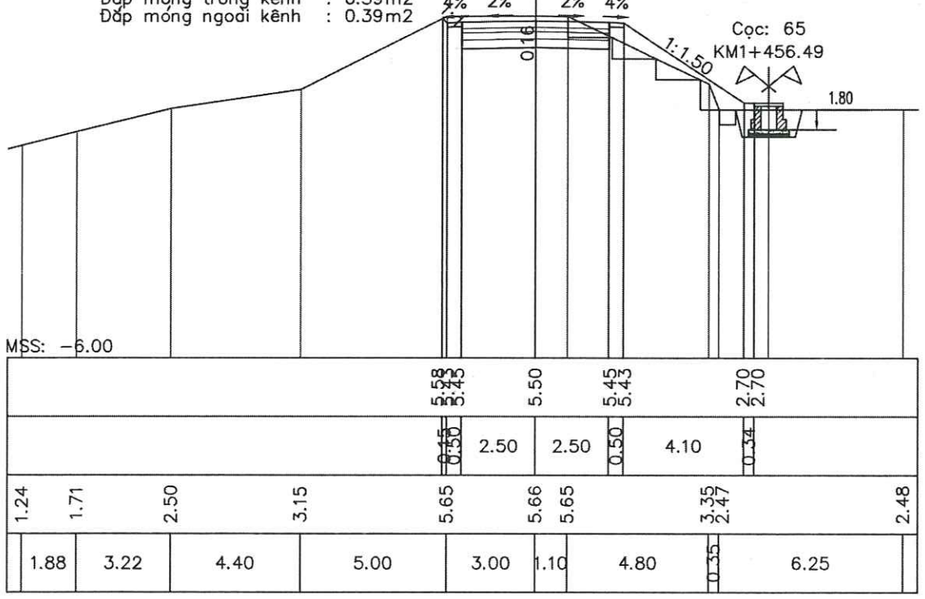

R=30.00
S.Đào nền50% : 0.89m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.70m2
S.Đắp nền k95: 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
S.Đào móng kè phải : 0.00m2
S.Đắp móng kè phải : 0.00m2
S.Đắp móng TD kè phải: 0.00m2

Cọc: TD12
KM1+474.59

Đào móng kênh : 2.51m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.39m2

Cọc: *TD12
KM1+471.09

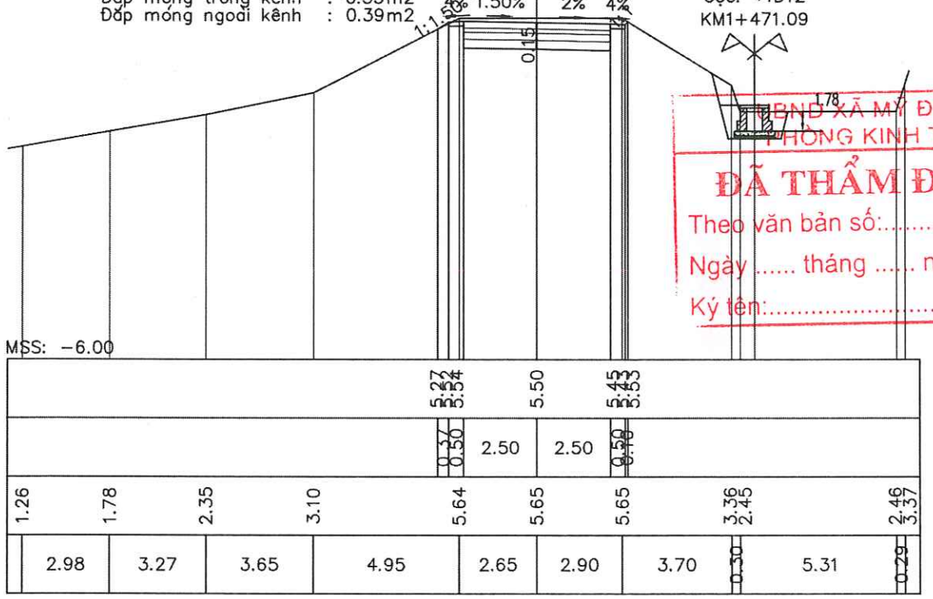

CÔNG TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN ĐANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281869

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

R=30.00
S.Đào nền 50% : 0.67m2
S.Đào hữu cơ : 0.34m2
S.đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.60m2
S.Đắp nền k95: 0.33m2

Cọc: P12
KM1+482.96

Cọc: *P12
KM1+477.34

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

Đào móng kênh : 6.22m2
Đắp móng trong kênh : 0.55m2
Đắp móng ngoài kênh : 0.12m2

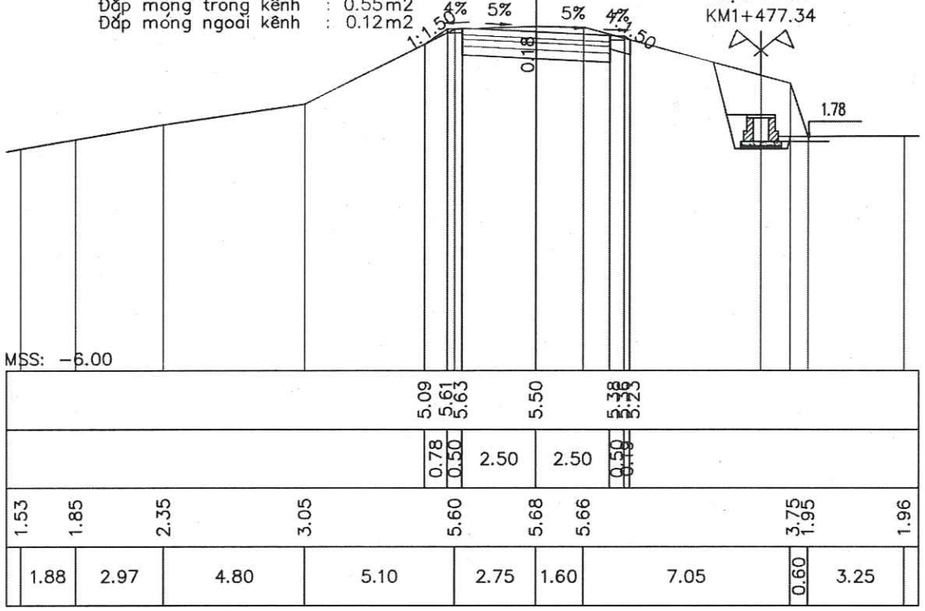

R=30.00
S.Đào nền 50% : 0.99m2
S.Đào hữu cơ : 2.06m2
S.đào cấp : 2.51m2
S.Đào khuôn : 3.81m2
S.Đắp nền k95: 11.53m2

Cống hộp 1.5x1.5(m)
Cọc: TC12
KM1+491.32

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2
: 0.00m2

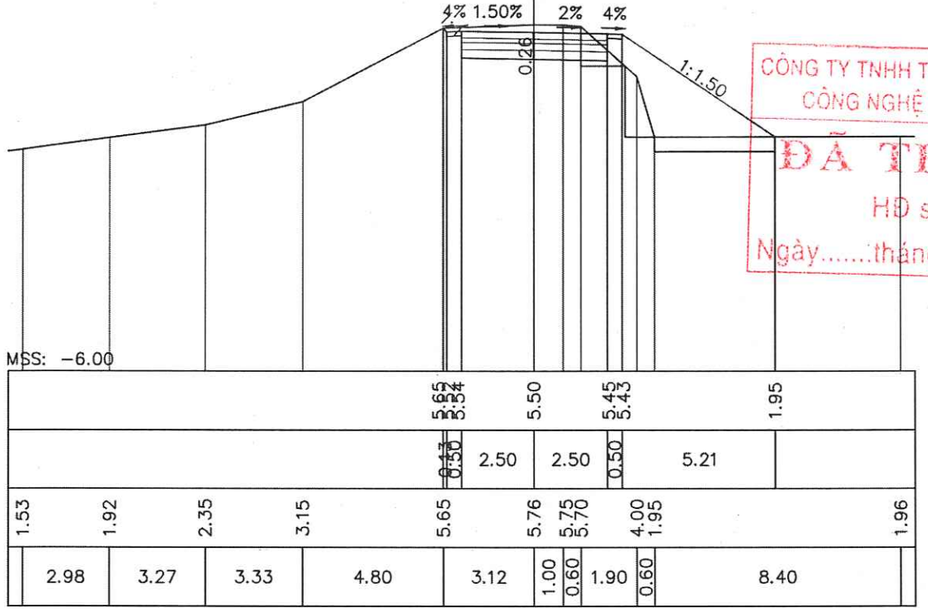

R=30.00
S.Đào nền 50% : 0.77m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S.đào cấp : 0.94m2
S.Đào khuôn : 3.83m2
S.Đắp nền k95: 0.78m2

Cọc: 66
KM1+493.84

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

S.Đào nền : 1.74m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.70m2
S.Đắp nền k95: 0.00m2

Cọc: 67
KM1+500.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

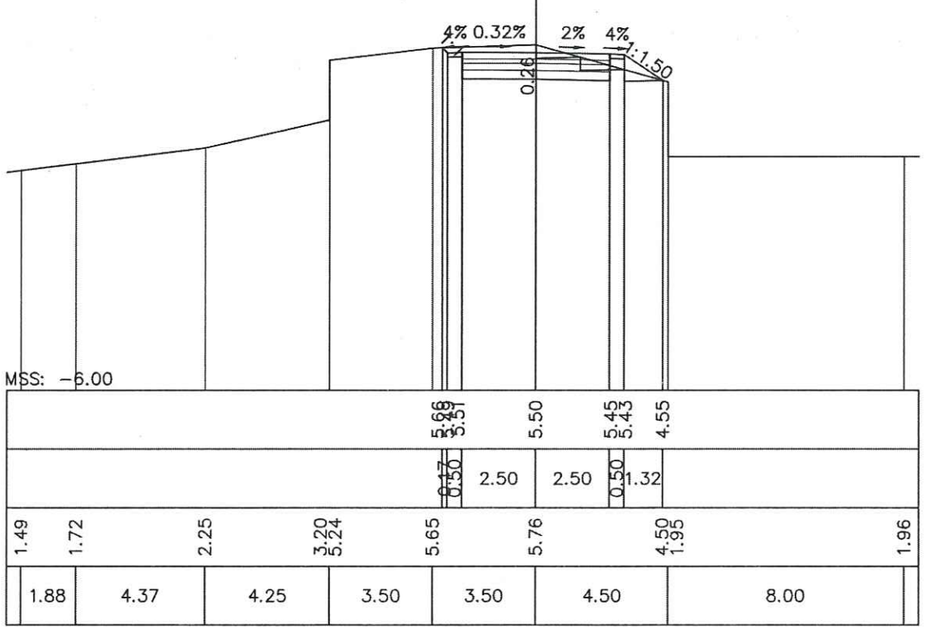

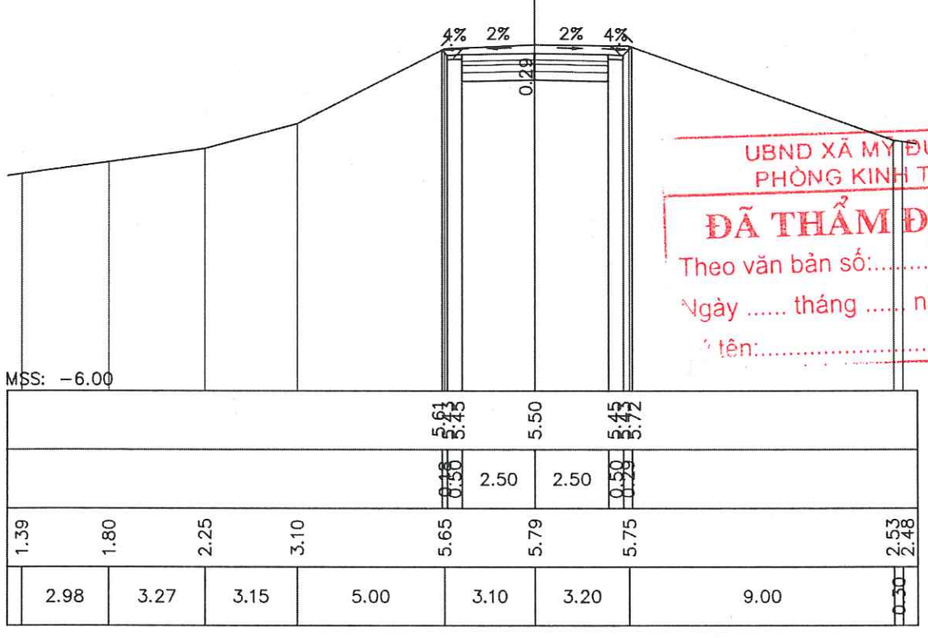

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261080

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

R=15.00
S.Đào-nền50% : 0.70m2
S.Đào-nền100% : 0.00m2
S.đào cấp : 0.62m2
S.Đào khuôn : 4.25m2
S.Đắp nền k95: 0.38m2

Cọc: 68
KM1+520.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

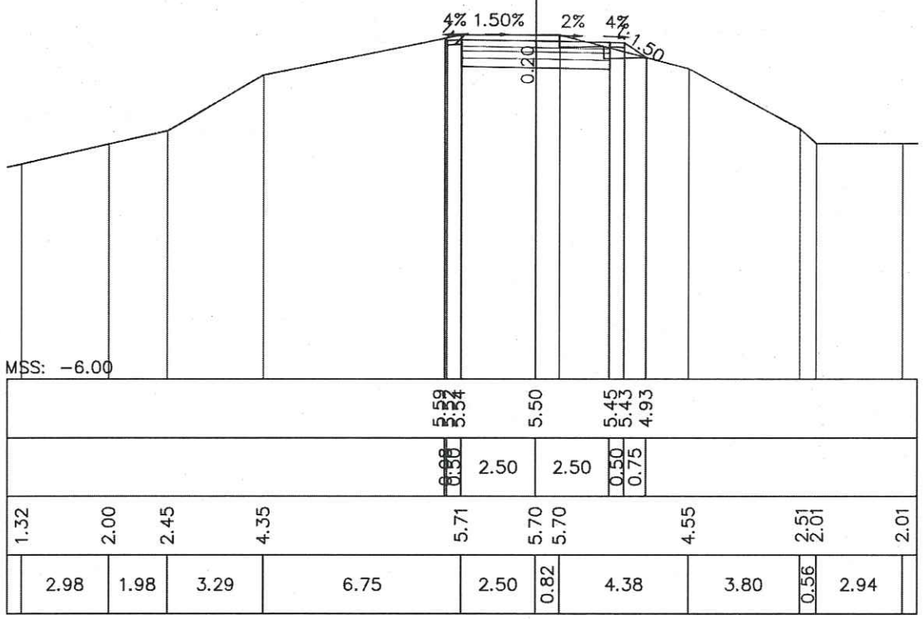

R=15.00
S.Đào-nền50% : 0.70m2
S.Đào-nền100% : 0.00m2
S.đào cấp : 0.62m2
S.Đào khuôn : 4.25m2
S.Đắp nền k95: 0.38m2

Cọc: TD13
KM1+520.01

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

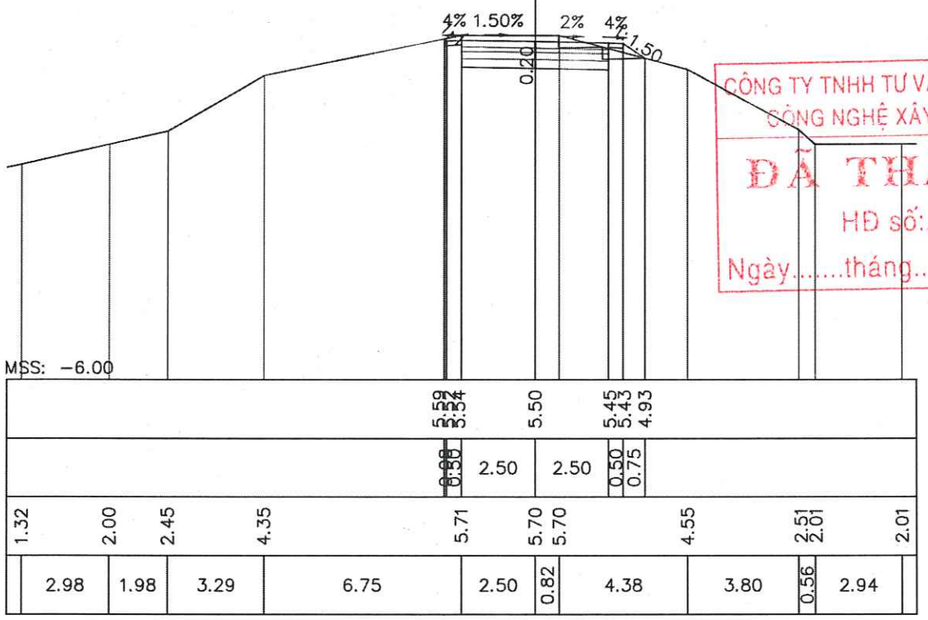

R=15.00
S.Đào-nền33% : 1.19m2
S.Đào-nền100% : 0.00m2
S.đào cấp : 0.53m2
S.Đào khuôn : 4.36m2
S.Đắp nền k95: 0.21m2

Cọc: P13
KM1+526.06

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

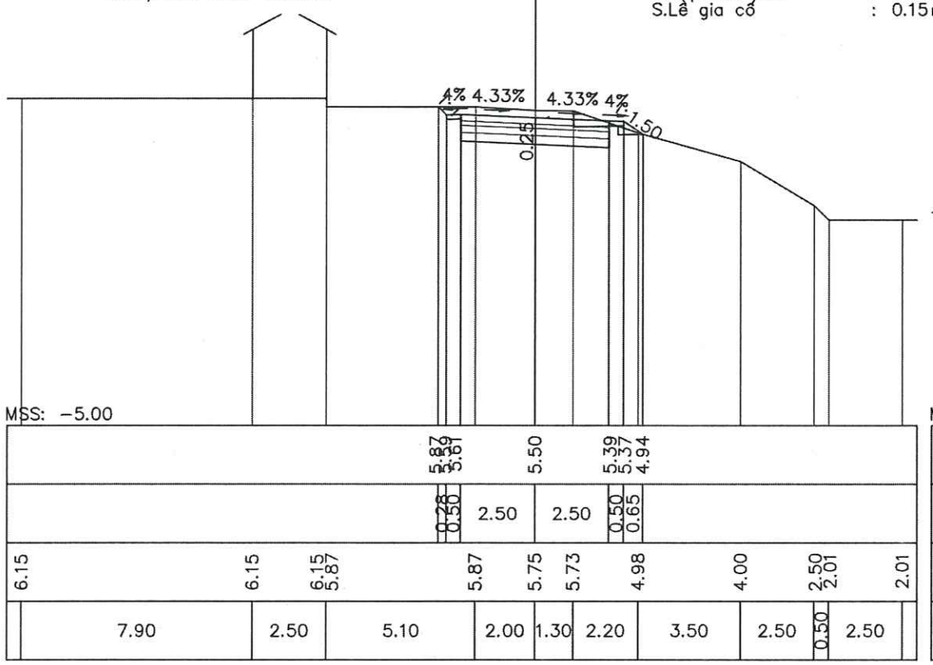

R=15.00
S.Đào-nền50% : 0.71m2
S.Đào-nền100% : 0.00m2
S.đào cấp : 0.35m2
S.Đào khuôn : 4.41m2
S.Đắp nền k95: 0.07m2

Cọc: TC13
KM1+532.12

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

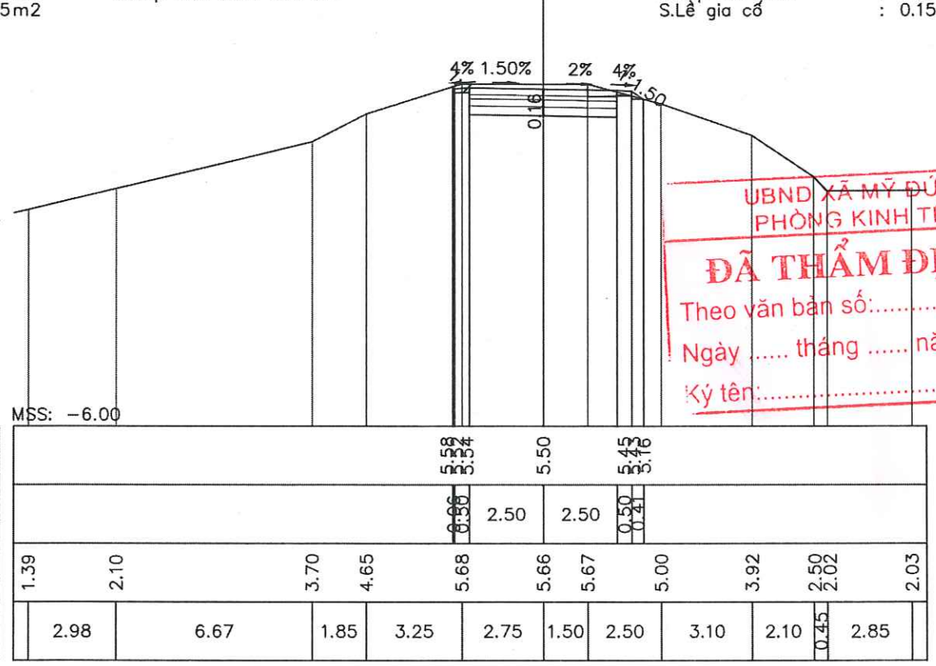

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.70m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 0.43m2
S.Đào khuôn : 4.25m2
S.Đắp nền k95: 0.21m2

Cọc: 69
KM1+540.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

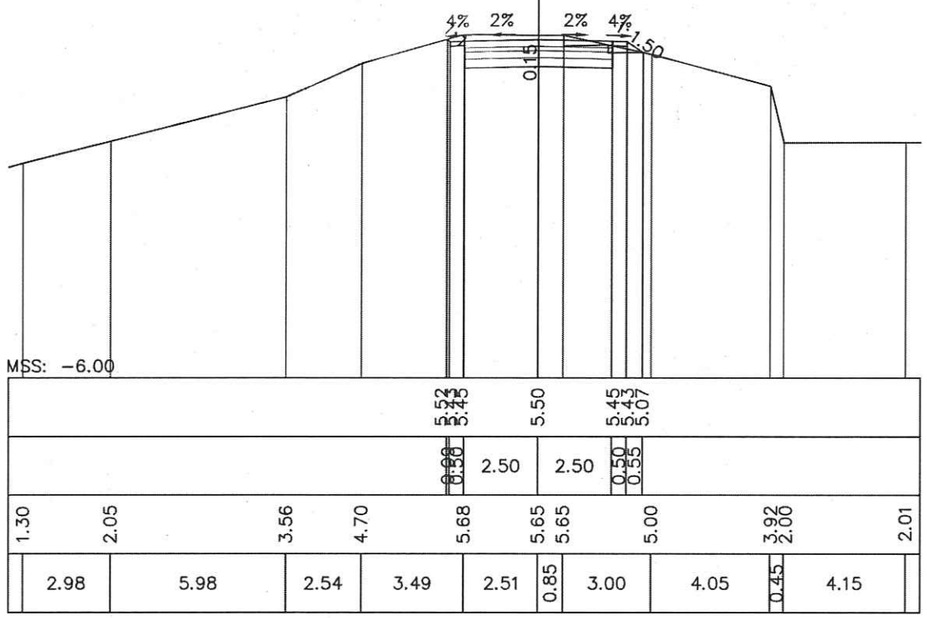

S.Đào nền : 0.73m2
S.Đào hữu cơ : 1.28m2
S. đào cấp : 1.22m2
S.Đào khuôn : 2.82m2
S.Đắp nền k95: 4.22m2

Cọc: 70
KM1+560.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

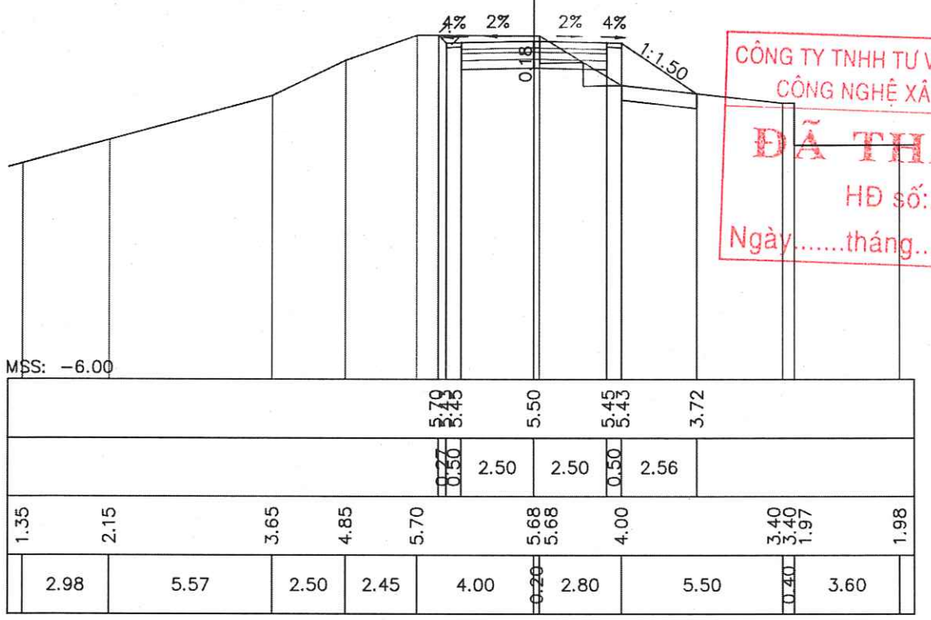

S.Đào nền : 0.69m2
S.Đào hữu cơ : 1.35m2
S. đào cấp : 1.42m2
S.Đào khuôn : 2.61m2
S.Đắp nền k95: 4.93m2

Cọc: 71
KM1+580.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

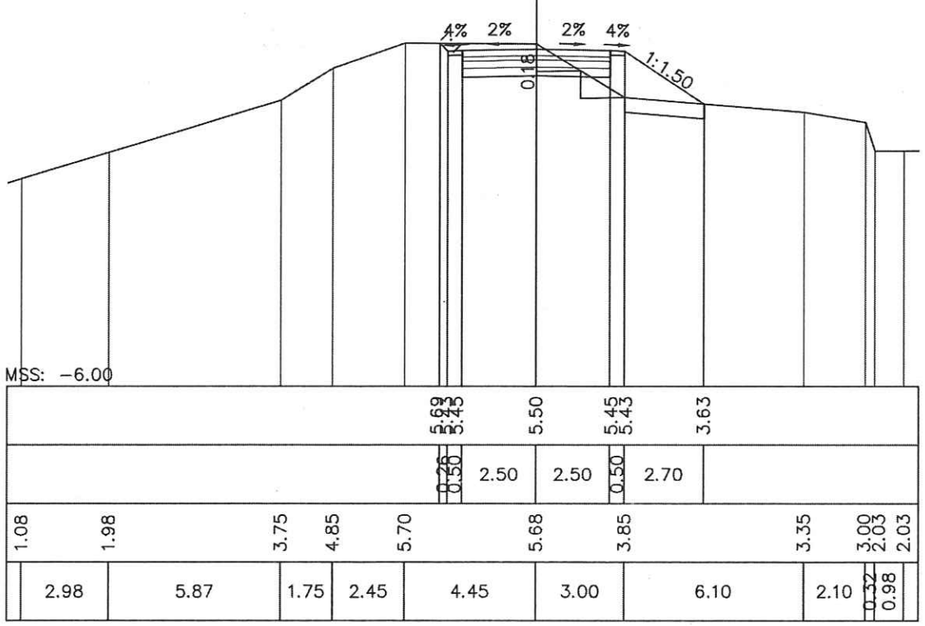

S.Đào nền : 0.59m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.27m2
S.Đào khuôn : 3.01m2
S.Đắp nền k95: 1.95m2

Cọc: 72
KM1+600.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

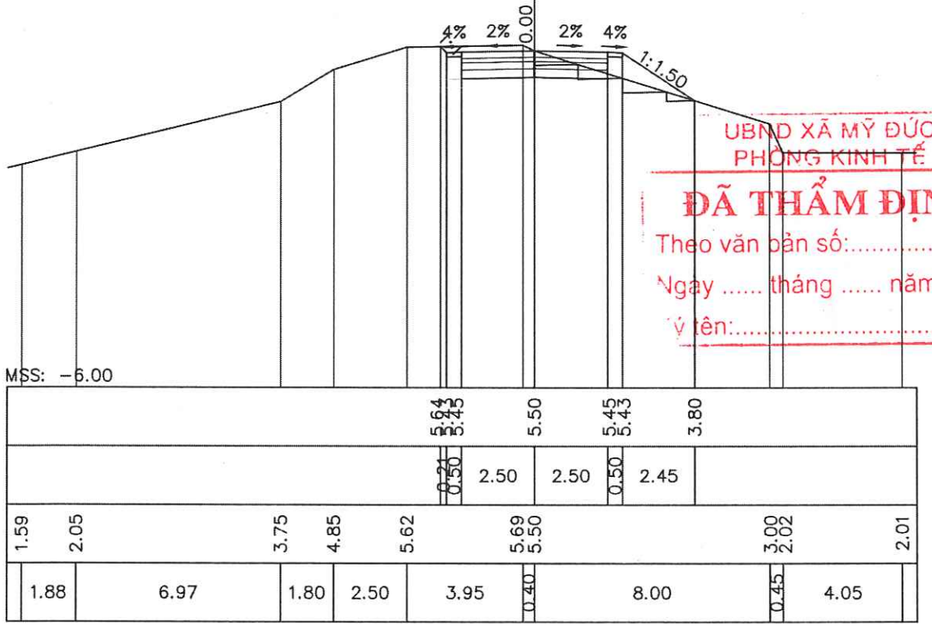

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281880

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.48m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 1.78m2
S.Đào khuôn : 3.09m2
S.Đắp nền k95: 2.74m2

Cọc: 73
KM1+620.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

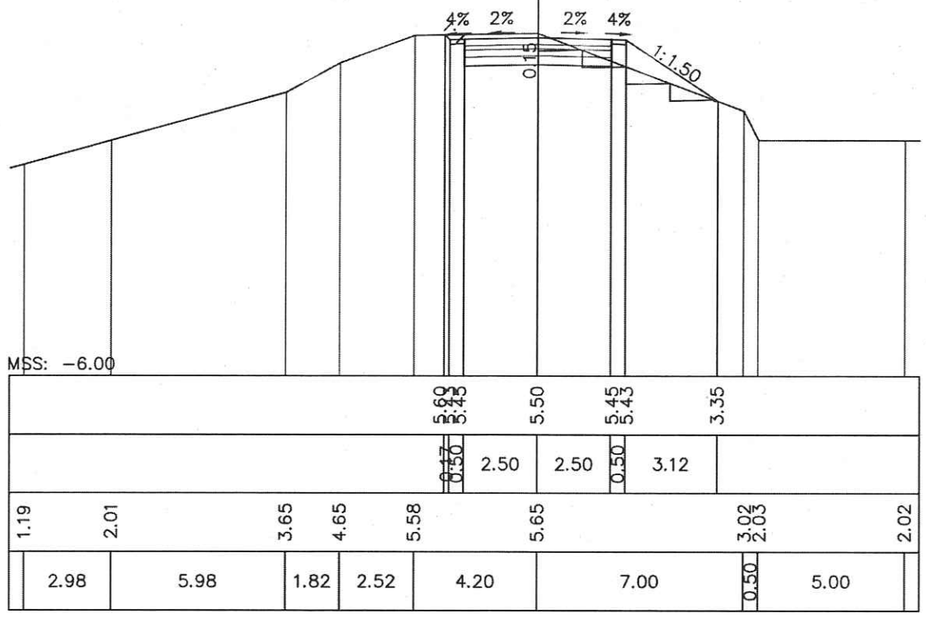

S.Đào nền : 0.73m2
S.Đào hữu cơ : 0.00m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.70m2
S.Đắp nền k95: 0.00m2

Cọc: 74
KM1+640.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

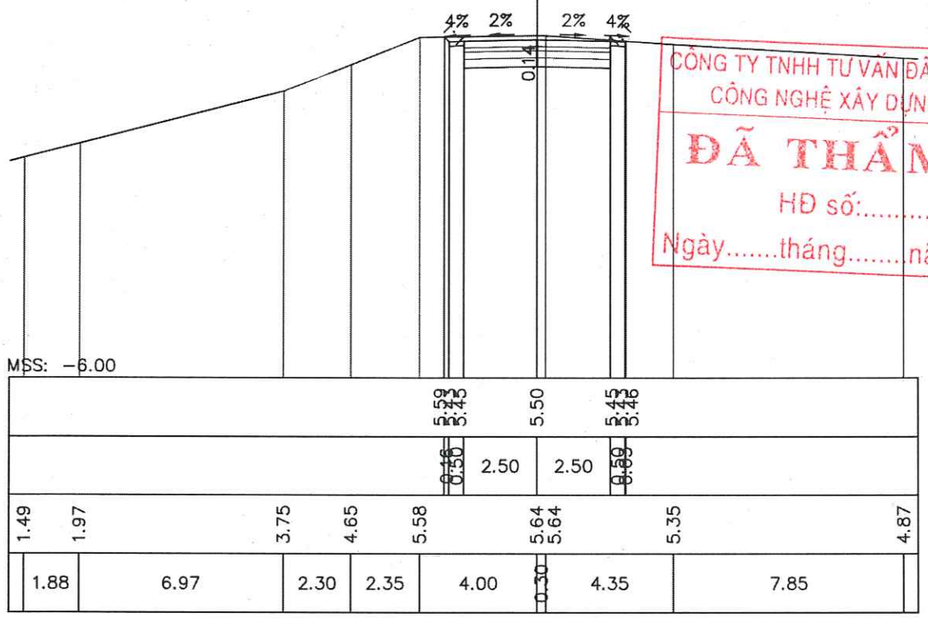

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

S.Đào nền : 0.64m2
S.Đào hữu cơ : 1.85m2
S. đào cấp : 0.77m2
S.Đào khuôn : 2.69m2
S.Đắp nền k95: 3.95m2

Cọc: 75
KM1+660.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

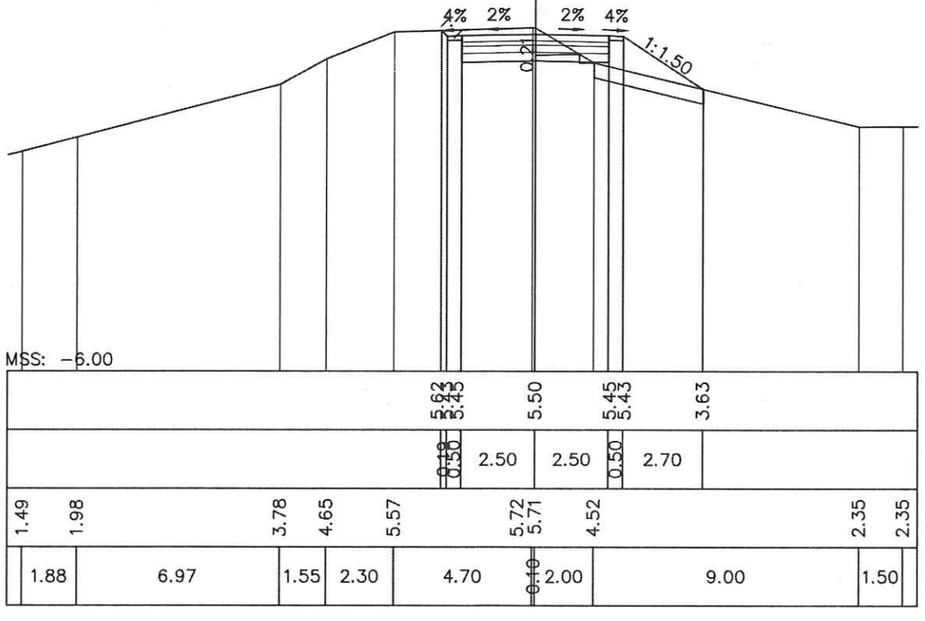

S.Đào nền : 0.67m2
S.Đào hữu cơ : 1.63m2
S. đào cấp : 0.85m2
S.Đào khuôn : 2.49m2
S.Đắp nền k95: 3.70m2

Cọc: D14
KM1+675.03

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

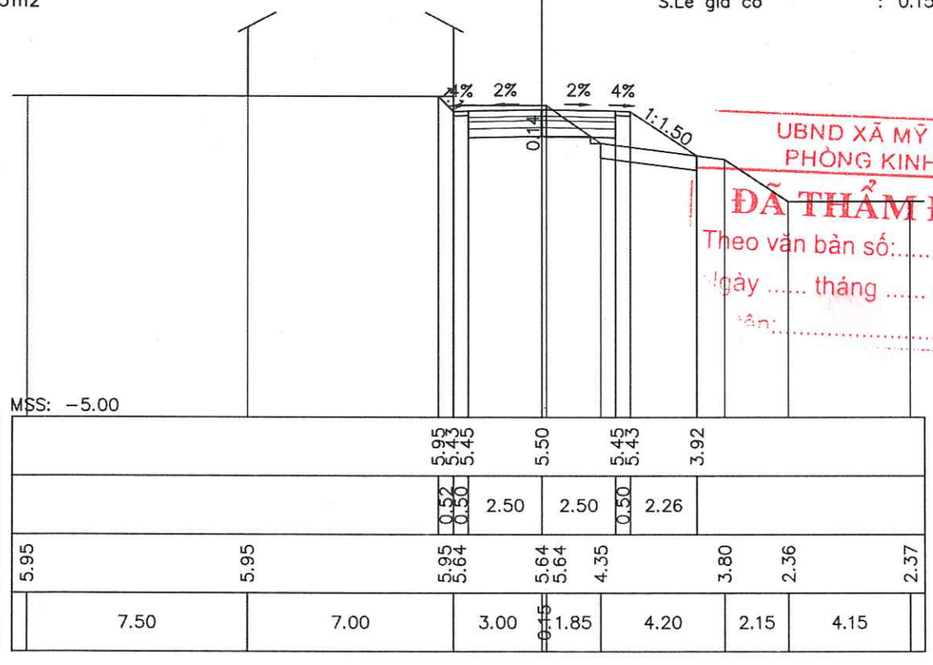

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ý kiến:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281668

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 1.92m2
S.Đào hữu cơ : 1.57m2
S. đào cấp : 0.89m2
S.Đào khuôn : 2.57m2
S.Đắp nền k95: 3.68m2

Cọc: 76
KM1+680.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

S.Đào nền : 0.39m2
S.Đào hữu cơ : 1.34m2
S. đào cấp : 0.93m2
S.Đào khuôn : 2.79m2
S.Đắp nền k95: 3.67m2

Cọc: 77
KM1+700.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

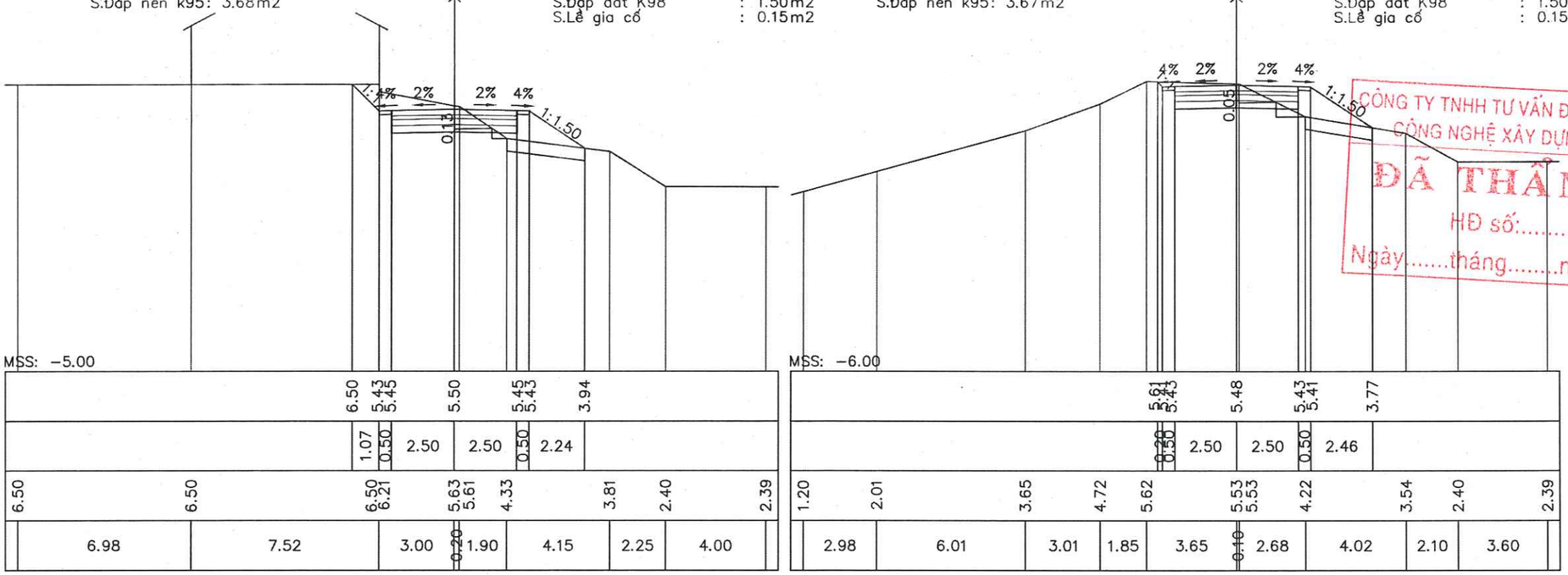

S.Đào nền : 0.02m2
S.Đào hữu cơ : 0.93m2
S. đào cấp : 1.02m2
S.Đào khuôn : 2.92m2
S.Đắp nền k95: 3.30m2

Cọc: 78
KM1+720.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.87m2
S. đào cấp : 1.00m2
S.Đào khuôn : 2.66m2
S.Đắp nền k95: 3.20m2

Cọc: 79
KM1+740.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

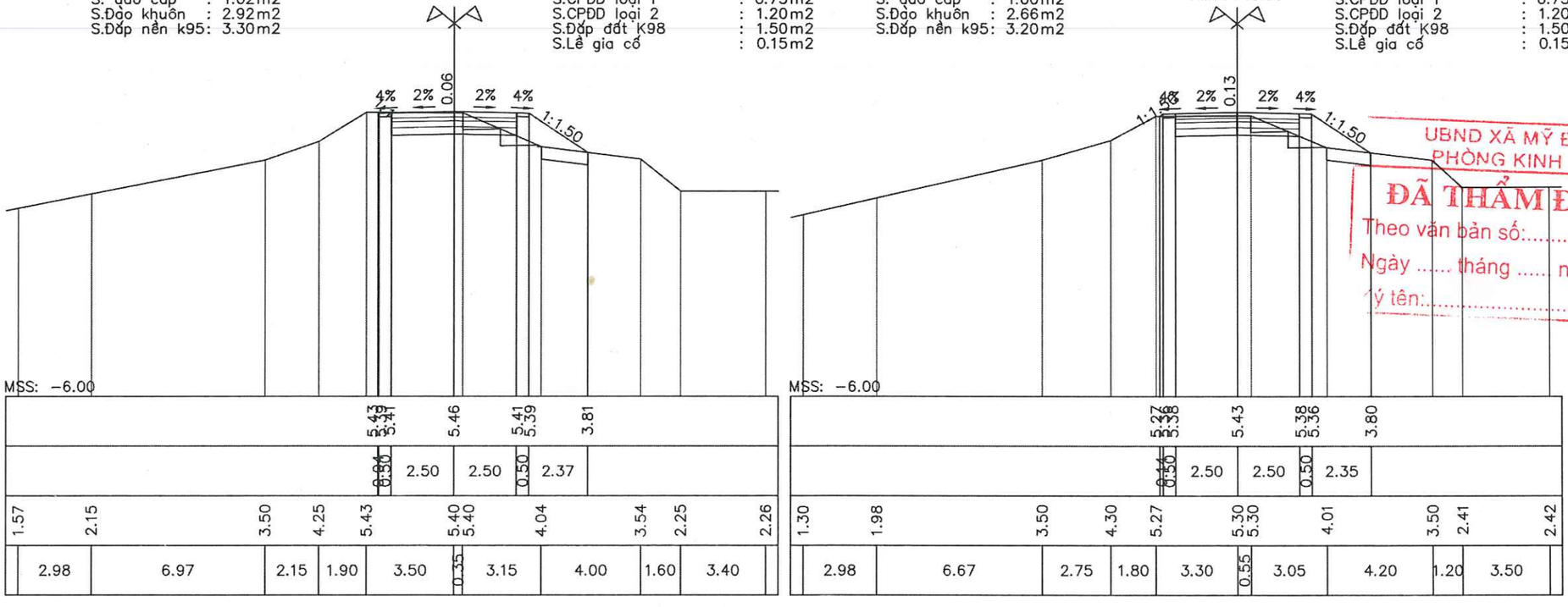

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSONJSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.67m2
S. đào cấp : 0.91m2
S.Đào khuôn : 2.65m2
S.Đắp nền k95: 2.78m2

Cọc: 80
KM1+760.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

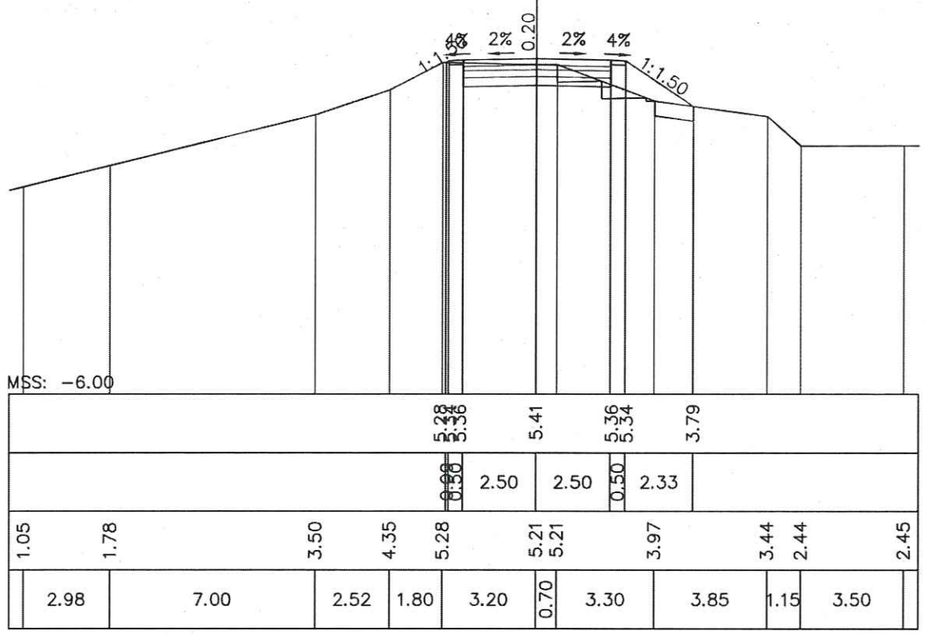

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.62m2
S. đào cấp : 0.96m2
S.Đào khuôn : 3.00m2
S.Đắp nền k95: 2.71m2

Cọc: 81
KM1+780.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

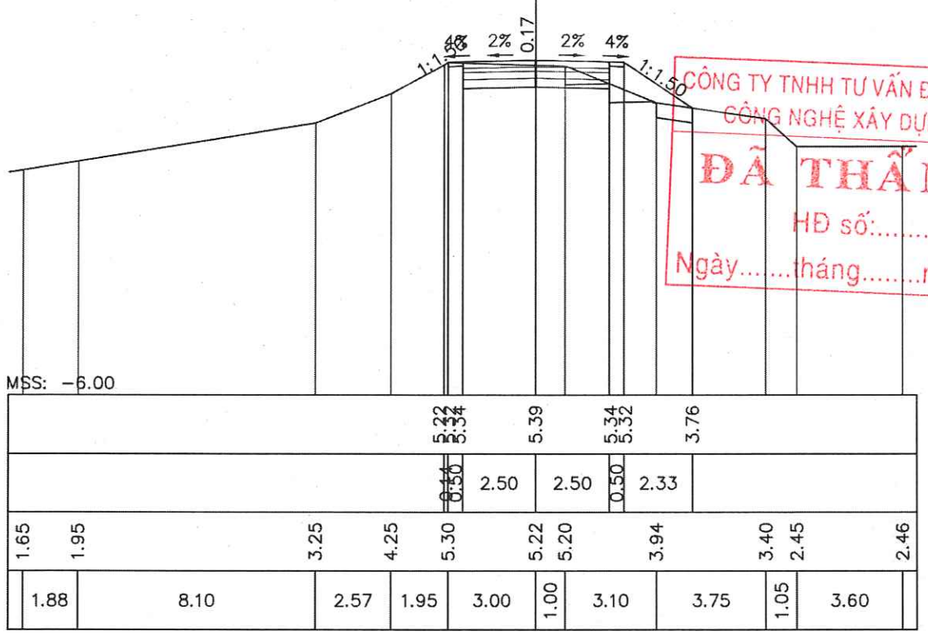

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.61m2
S. đào cấp : 0.98m2
S.Đào khuôn : 3.15m2
S.Đắp nền k95: 2.60m2

Cọc: D15
KM1+785.61

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

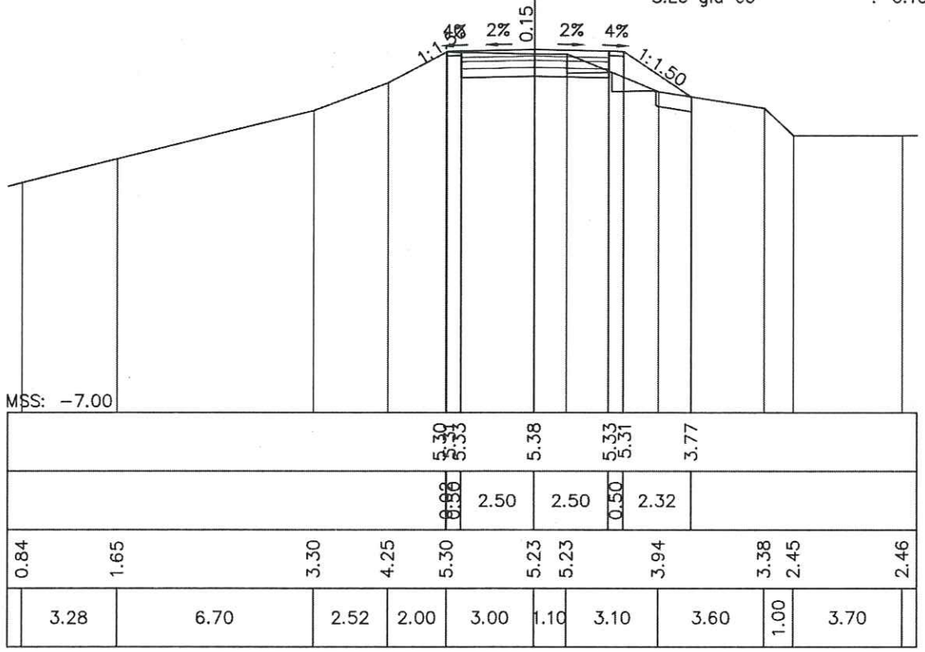

S.Đào nền : 0.00m2
S.Đào hữu cơ : 0.67m2
S. đào cấp : 1.06m2
S.Đào khuôn : 3.34m2
S.Đắp nền k95: 2.80m2

Cọc: 82
KM1+800.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

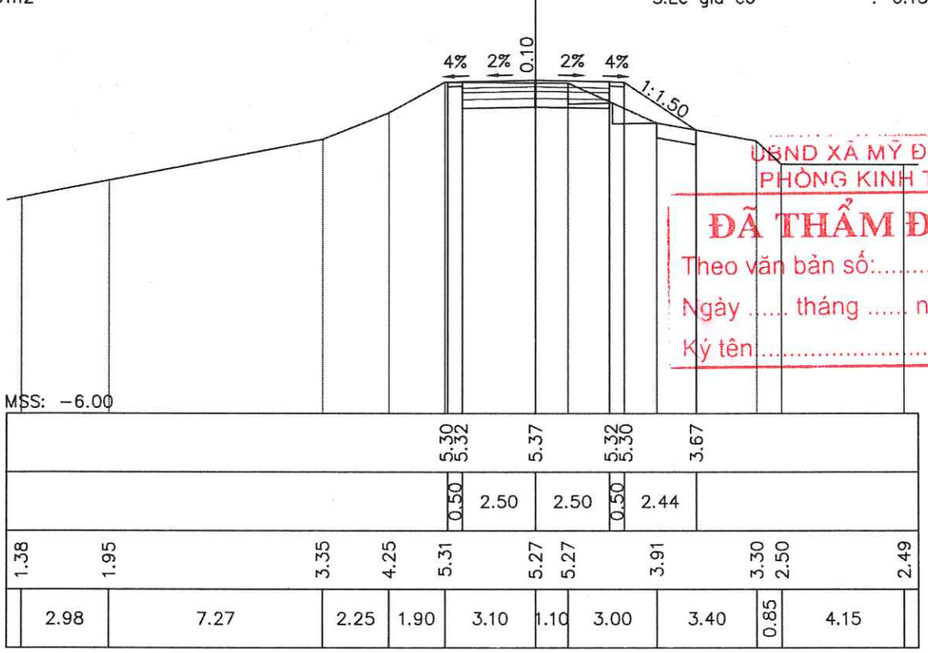

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
DỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281980

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.03m2
S.Đào hữu cơ : 0.78m2
S. đào cấp : 1.06m2
S.Đào khuôn : 3.56m2
S.Đắp nền k95: 2.92m2

Cọc: 83
KM1+820.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

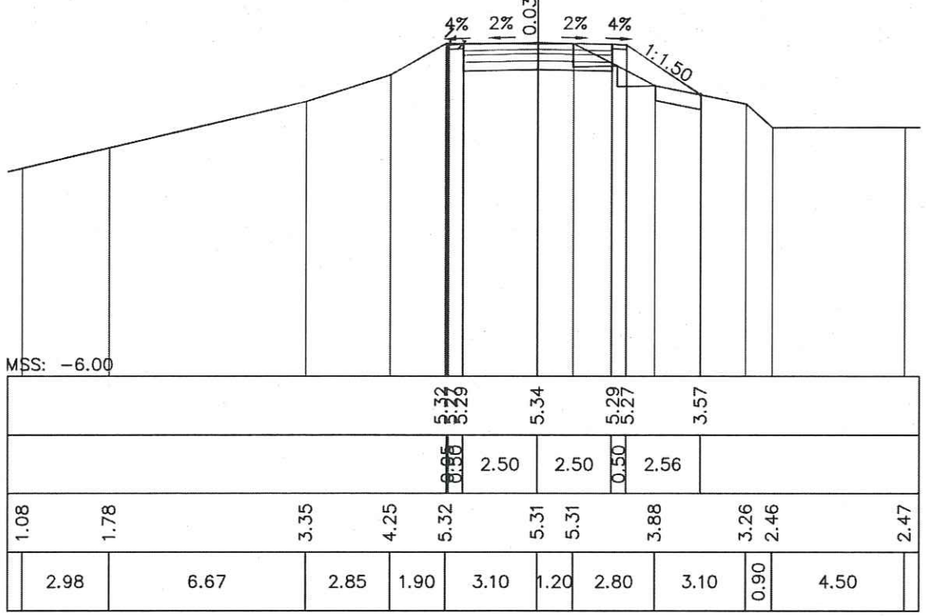

S.Đào nền : 0.31m2
S.Đào hữu cơ : 0.70m2
S. đào cấp : 1.10m2
S.Đào khuôn : 3.64m2
S.Đắp nền k95: 2.80m2

Cọc: 84
KM1+840.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

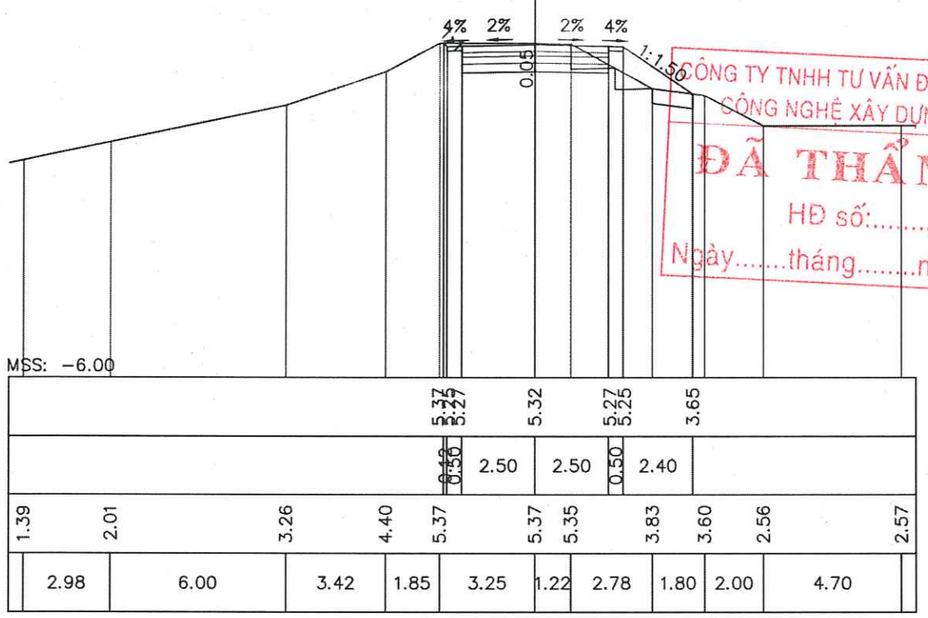

S.Đào nền : 0.18m2
S.Đào hữu cơ : 0.25m2
S. đào cấp : 0.88m2
S.Đào khuôn : 4.05m2
S.Đắp nền k95: 1.19m2

Cọc: 85
KM1+860.00

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

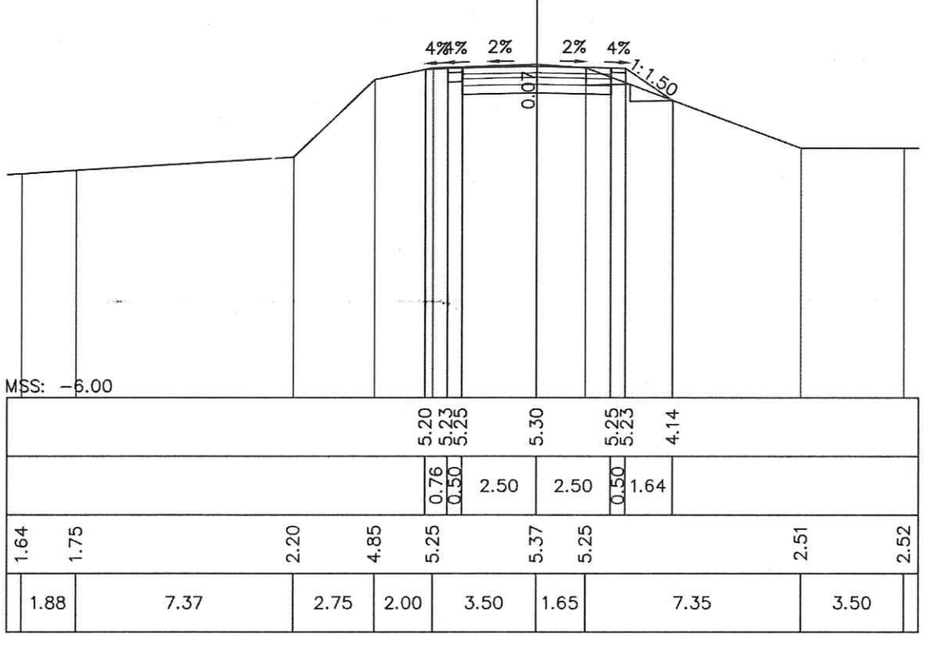

S.Đào nền : 0.04m2
S.Đào hữu cơ : 0.59m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.43m2
S.Đắp nền k95: 0.49m2

Cọc: 86
KM1+872.26

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPDD loại 1 : 0.75m2
S.CPDD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

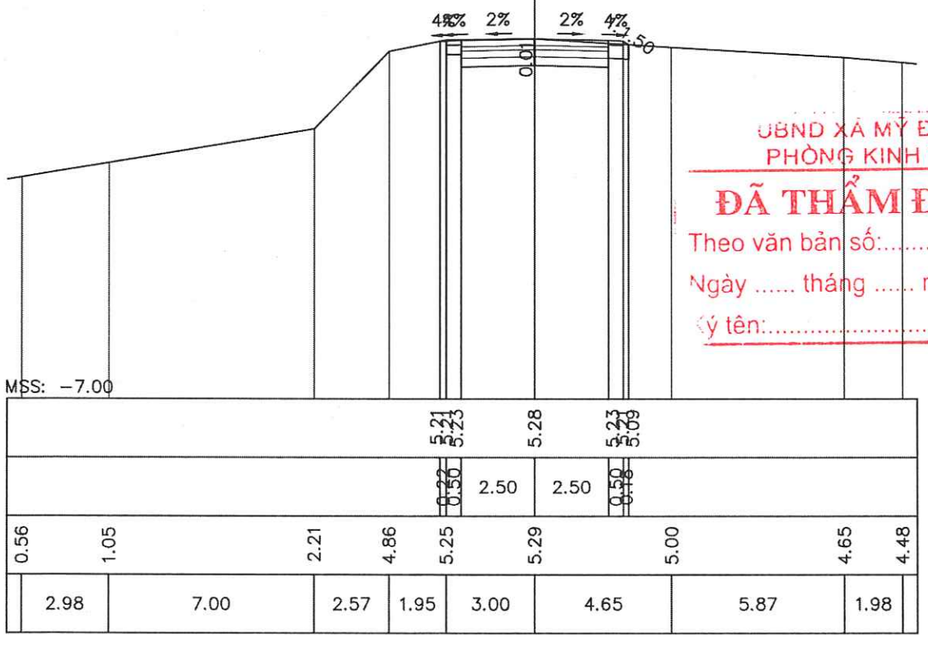

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281060

P. GIÁM ĐỐC: LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ: NGỌ VĂN PHONG

KIỂM: ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

S.Đào nền : 0.02m2
S.Đào hữu cơ : 0.63m2
S. đào cấp : 0.00m2
S.Đào khuôn : 4.38m2
S.Đắp nền k95: 0.55m2

Cọc: CT1
KM1+876.26

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S.CPĐD loại 1 : 0.75m2
S.CPĐD loại 2 : 1.20m2
S.Đắp đất K98 : 1.50m2
S.Lề gia cố : 0.15m2

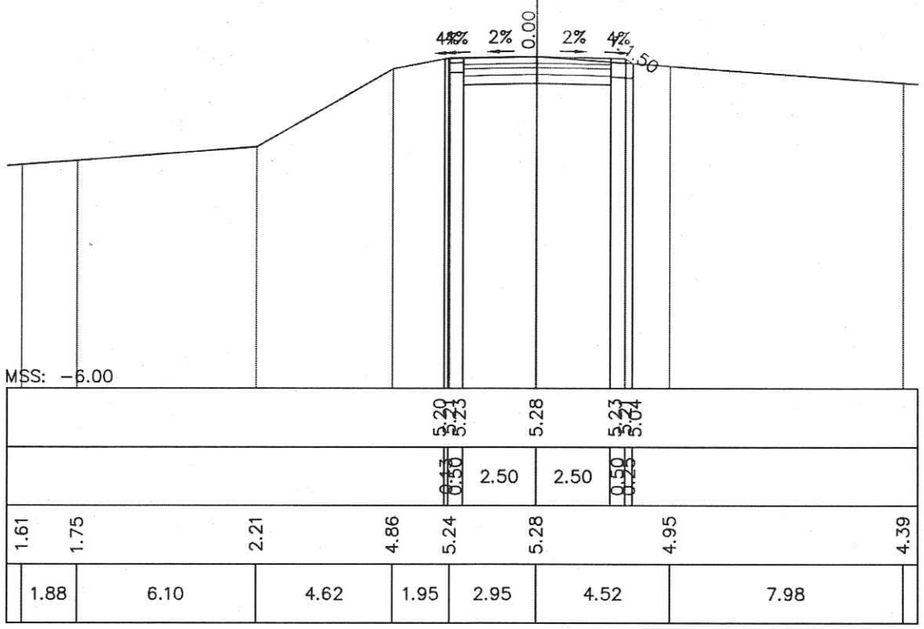

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T1 - 01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

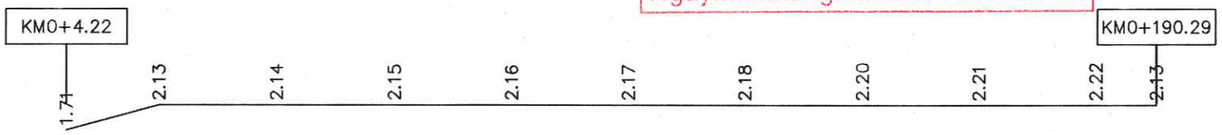

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

Bình đồ sơ lược											
Chiều cao kè H0	2.01	2.35	2.43	2.43	2.43	2.43	2.43	2.43	2.43	2.43	2.43
Cao độ thiết kế đỉnh kè	5.01	5.35	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43
Cao độ thiết kế đỉnh móng kè	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00
Cao độ tự nhiên	3.30	3.30	3.29	3.28	3.27	3.26	3.25	3.23	3.22	3.21	3.30
Khoảng cách lẻ		15.78	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	10.29
Khoảng cách cộng dồn	4.22	20.00	40.00	60.00	80.00	100.00	120.00	140.00	160.00	180.00	190.29
Tên cọc	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	D1
Sơ họa tuyến	A=179d53'5.0"										

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LÃ, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC KÈ ĐÁ PHẢI TUYẾN

TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TDK-T1-01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

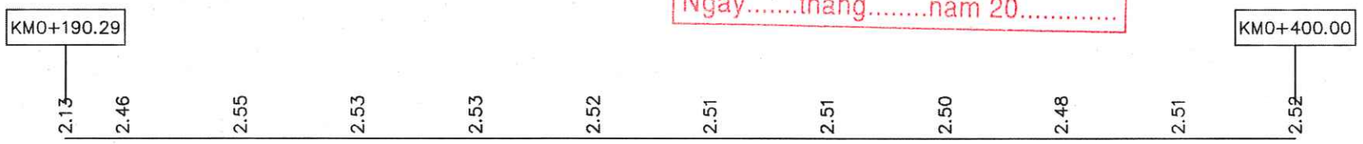

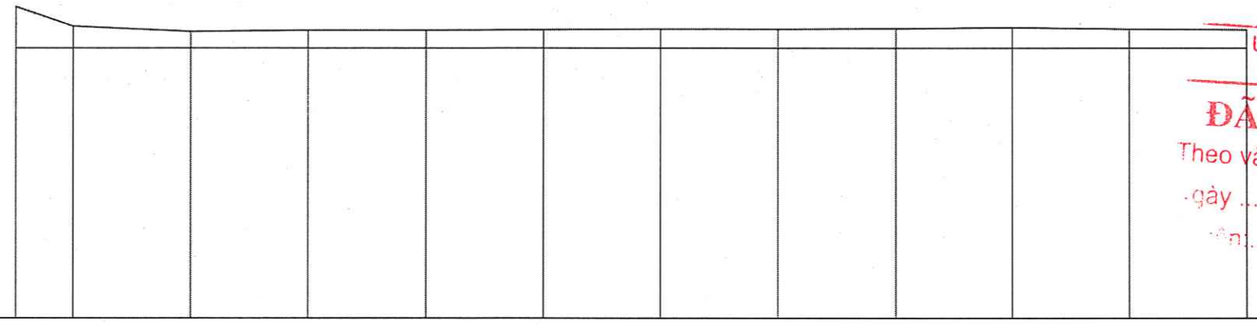

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
ngày ..... tháng ..... năm 20...
Ký tên:.....

Bình đồ sơ lược													
Chiều cao kè H0	2.83	2.83	2.83	2.83	2.83	2.83	2.83	2.83	2.83	2.83	2.83	2.83	
Cao độ thiết kế đỉnh kè	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	5.43	
Cao độ thiết kế đỉnh móng kè	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	
Cao độ tự nhiên	3.30	2.97	2.88	2.90	2.90	2.91	2.92	2.92	2.93	2.95	2.92	2.91	
Khoảng cách lẻ		9.71	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	
Khoảng cách cộng dồn	190.29	200.00	220.00	240.00	260.00	280.00	300.00	320.00	340.00	360.00	380.00	400.00	
Tên cọc	D1	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
Sơ họa tuyến	A=179d53'5.0"												

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÝ DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC KÈ ĐÁ PHẢI TUYẾN
TUYẾN 1

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TDK-T1-02

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

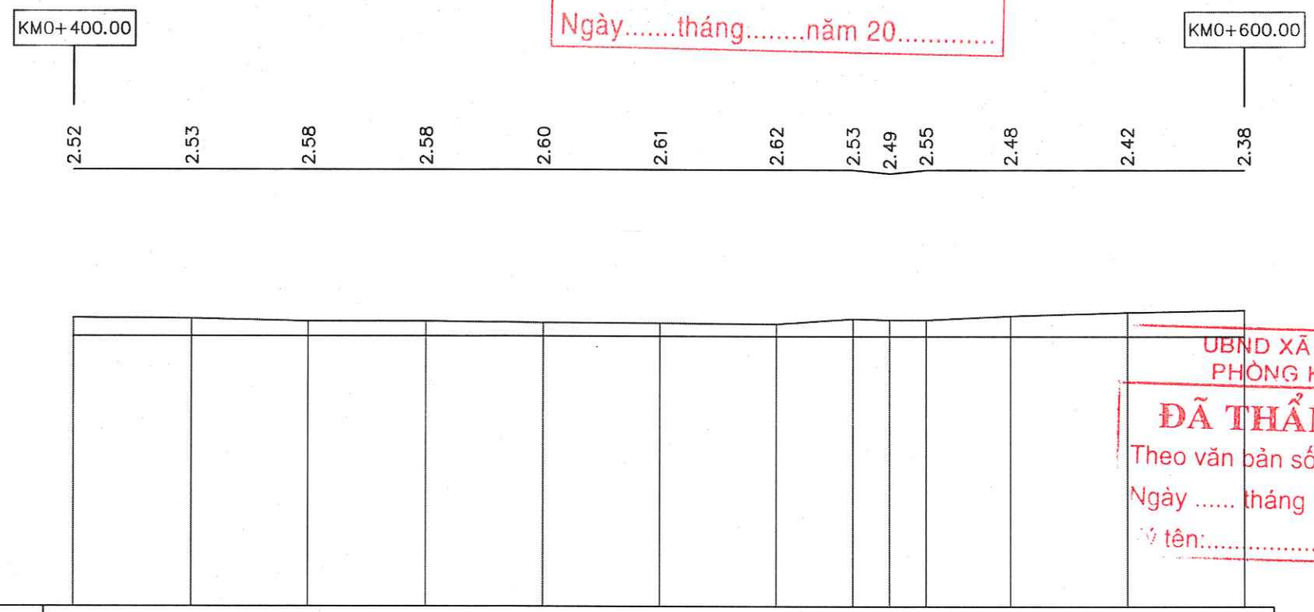

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

| | | |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

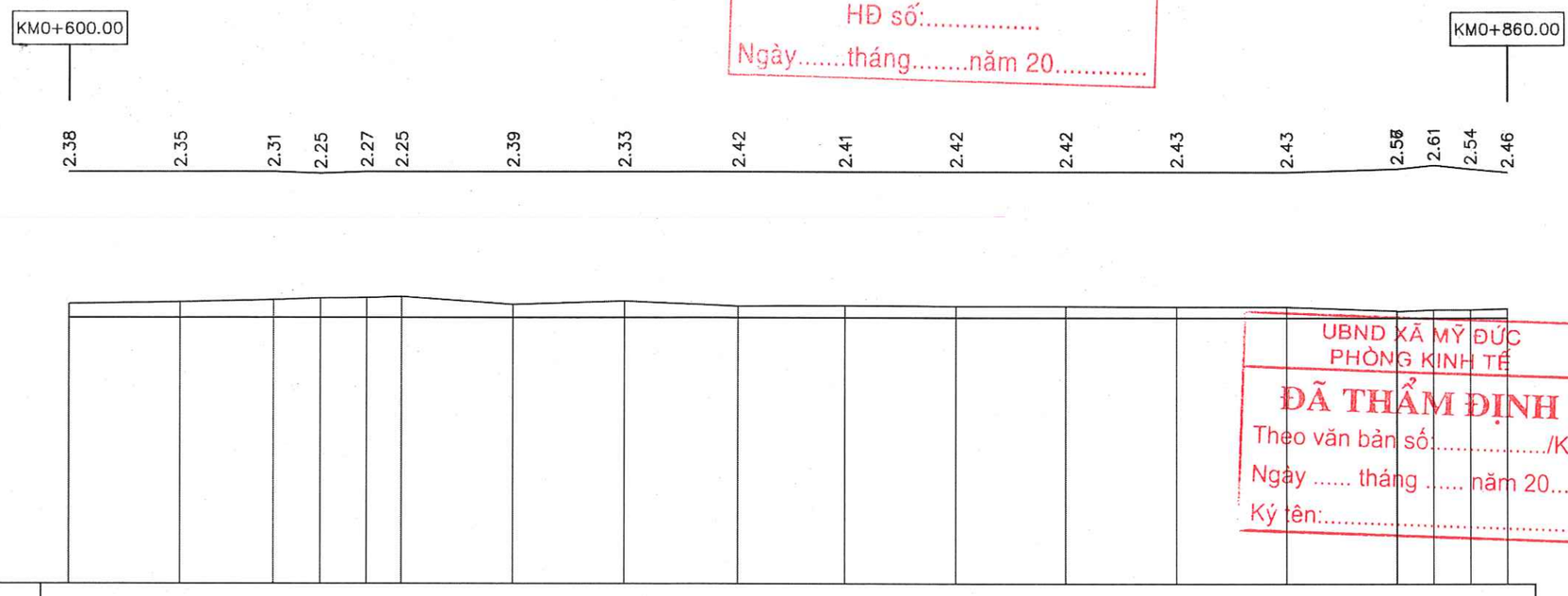

| | | |

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

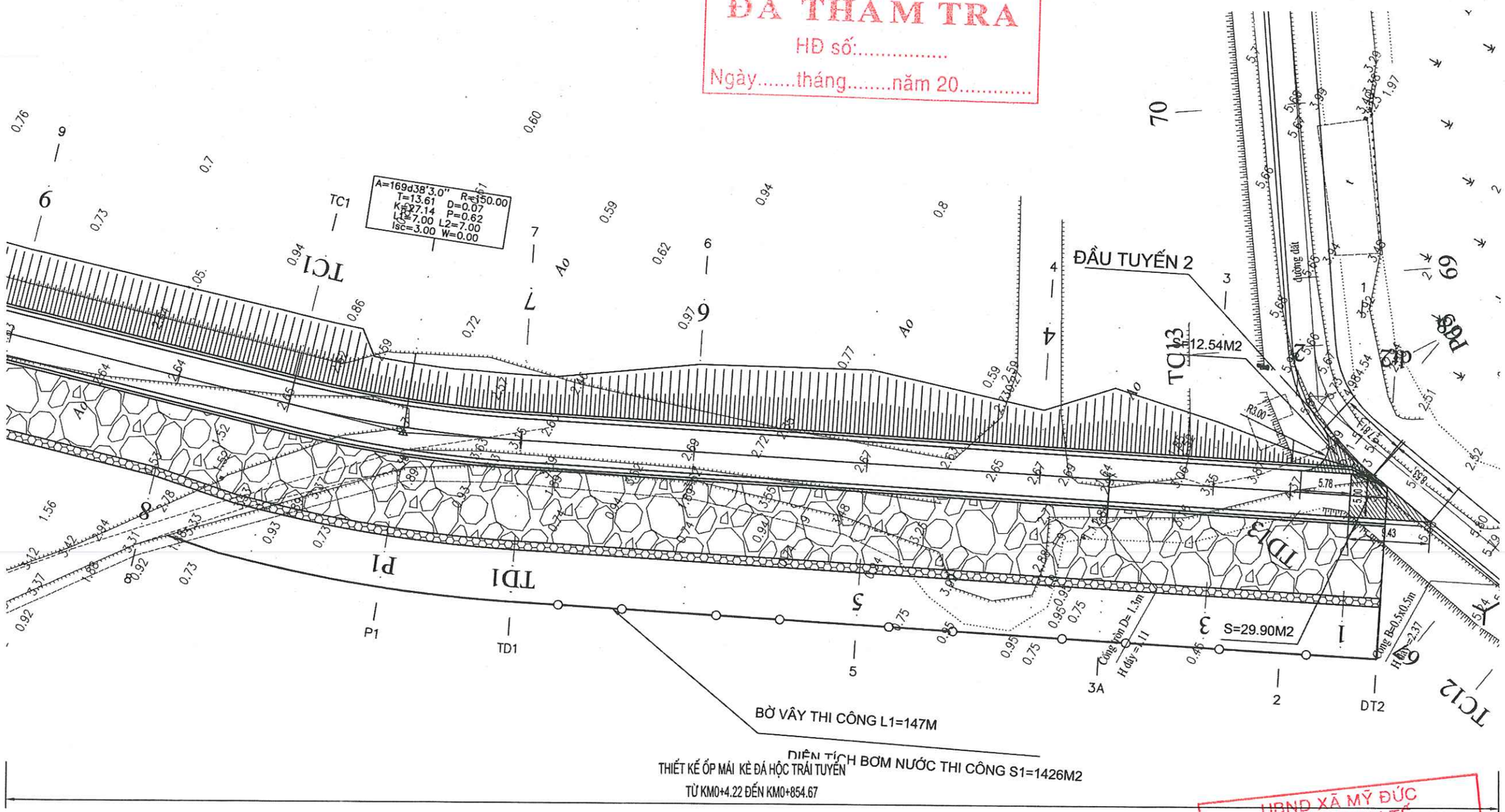

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ỐP MÁI ĐÁ HỘC

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG

ĐIỆN THOẠI: 0912281050

P. GIÁM ĐỐC: LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ: NGỌ VĂN PHONG

KIỂM: ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T2-01

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

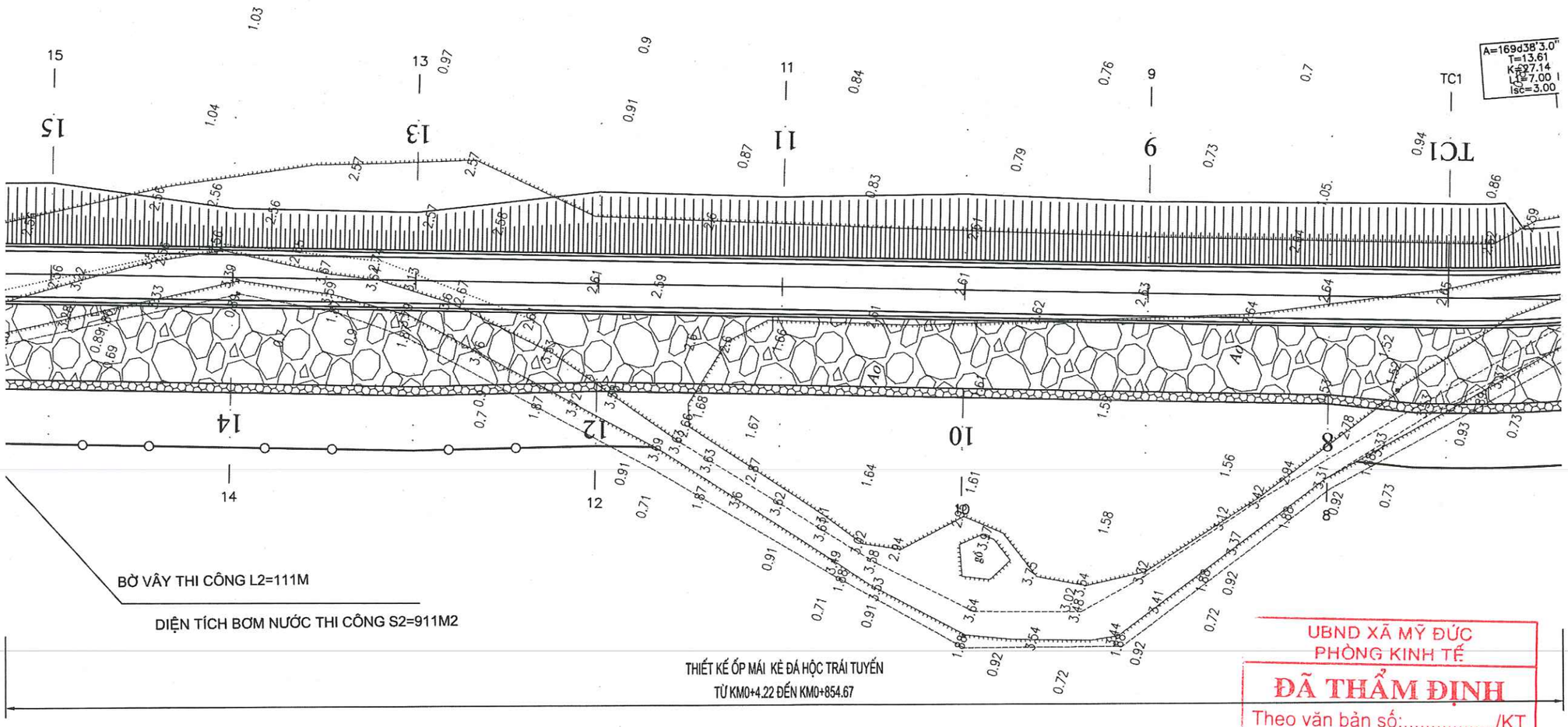

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ý kiến:.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ỐP MÁI ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281060

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T2-02

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

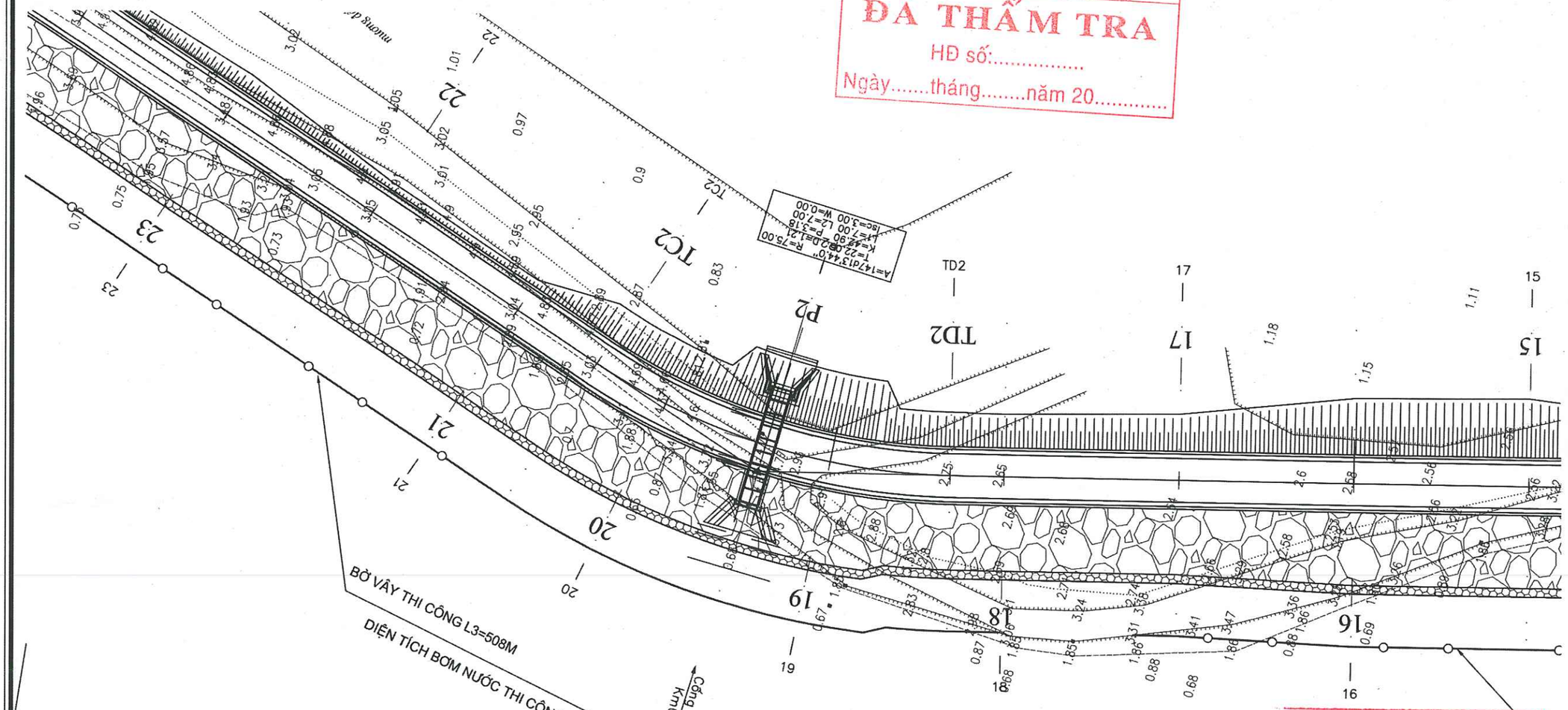

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Họ tên:.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ỐP MÁI ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 138,KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC: LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ: NGỌ VĂN PHONG

KIỂM: ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T2-03

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

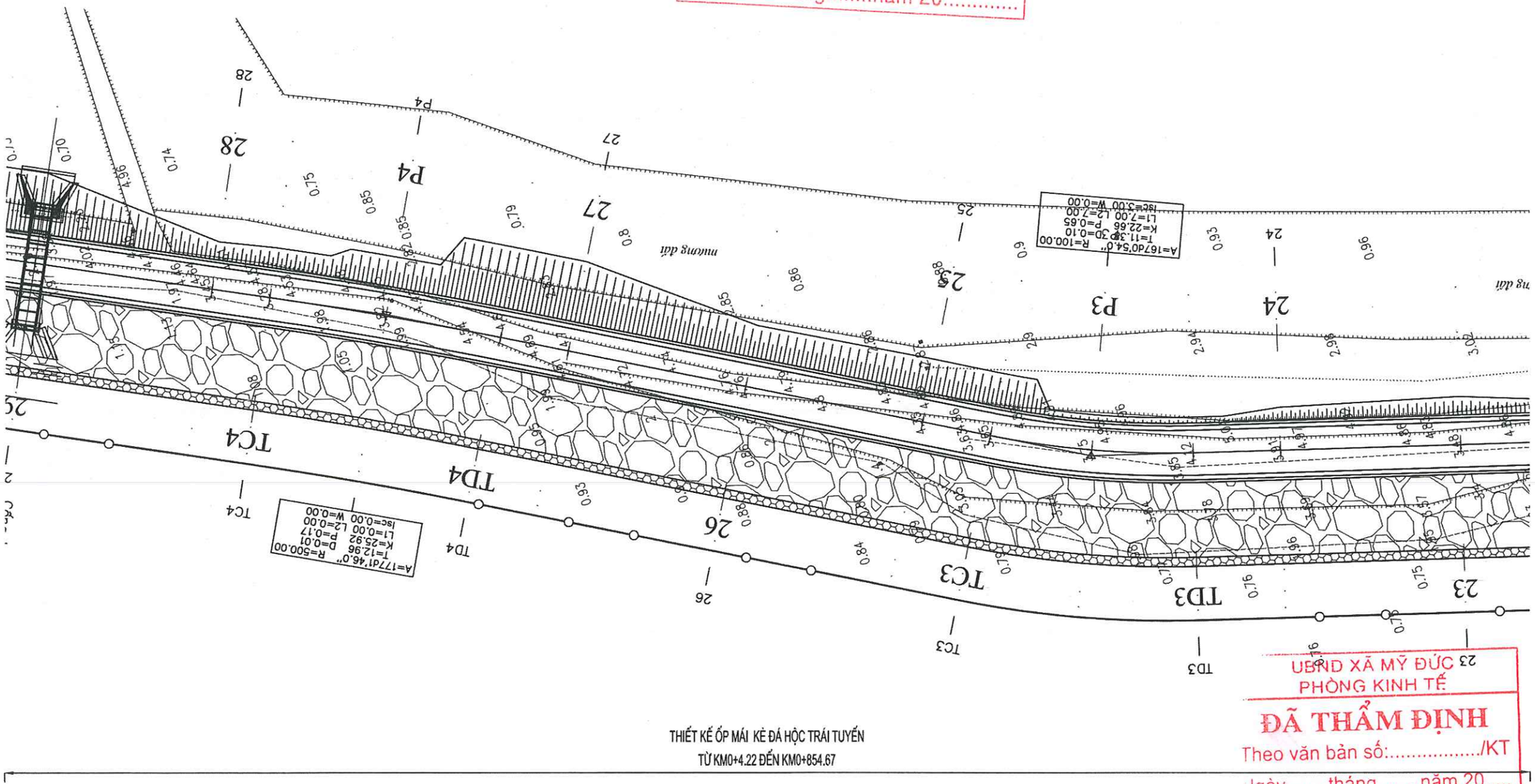

THIẾT KẾ ỐP MÁI KÈ ĐÁ HỘC TRÁI TUYẾN

TỪ KM0+4.22 ĐẾN KM0+854.67

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Họ tên:.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ỐP MÁI ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T2-04

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

ỨC THI CÔNG S4=348.18M2

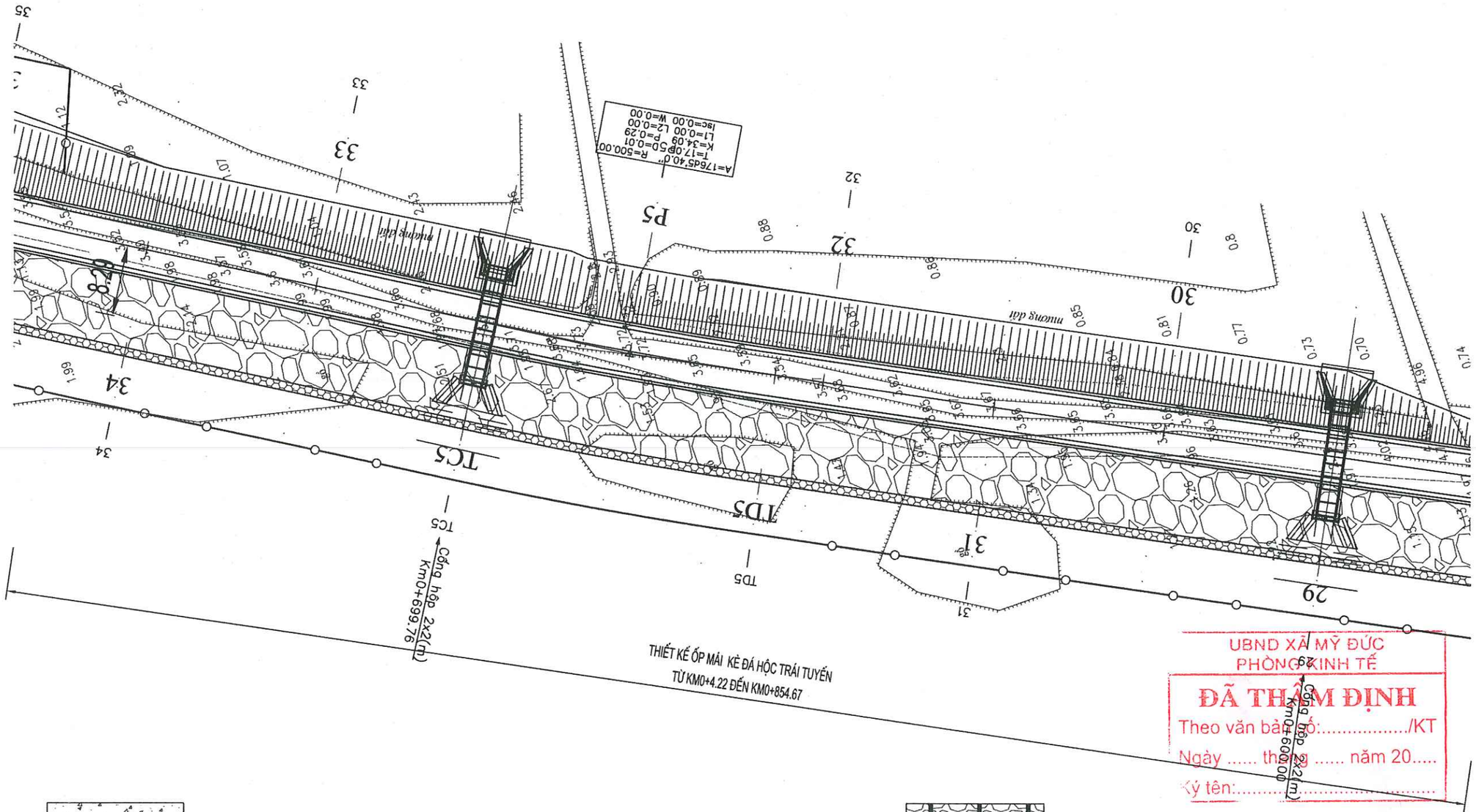

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ỐP MÁI ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261060

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T2-05

CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

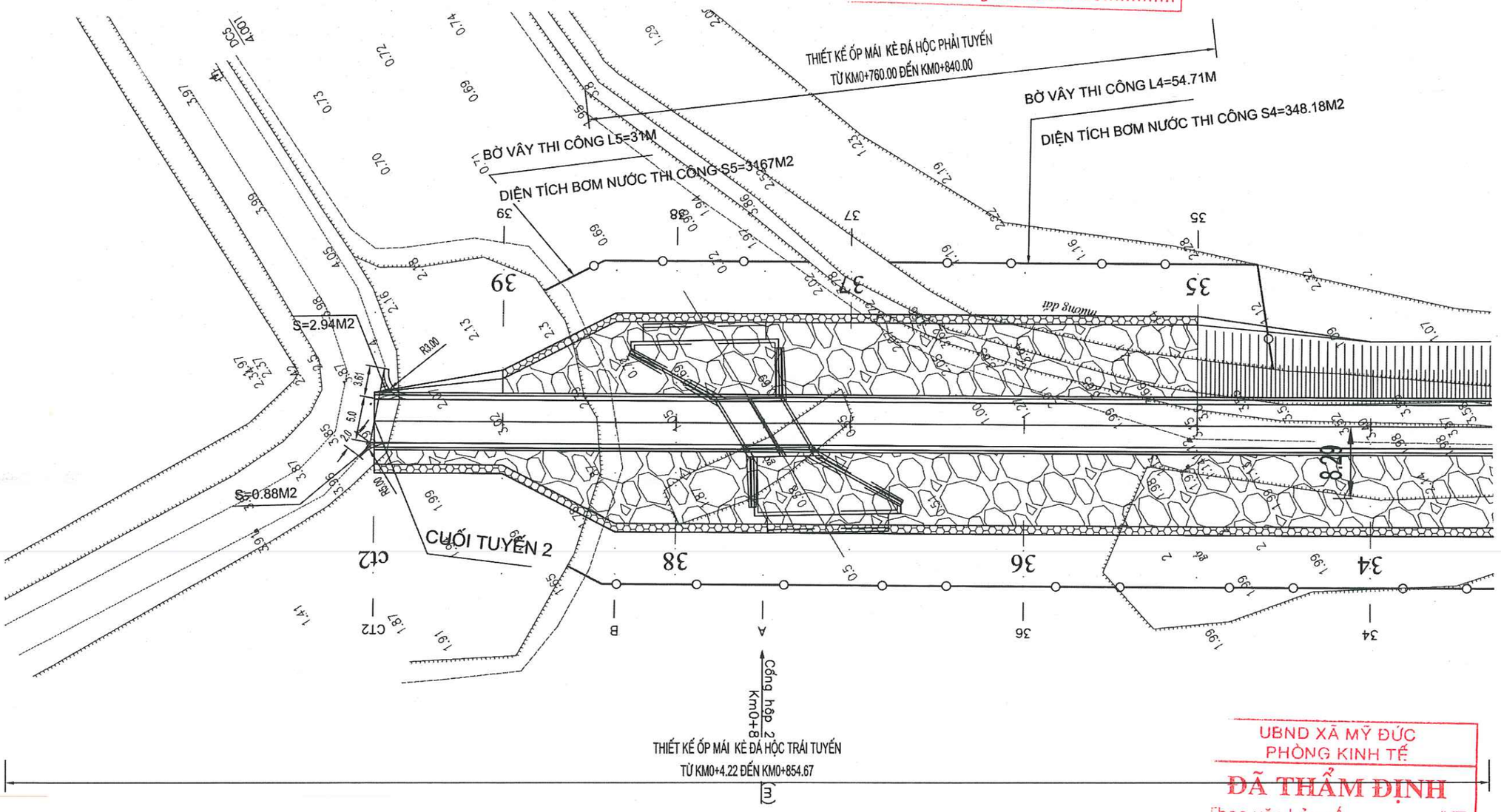

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

MẶT ĐƯỜNG BTXM

KÈ ỐP MÁI ĐÁ HỘC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/500
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	BD-T2-06

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
KM0+0.00 -:- KM0+547.62

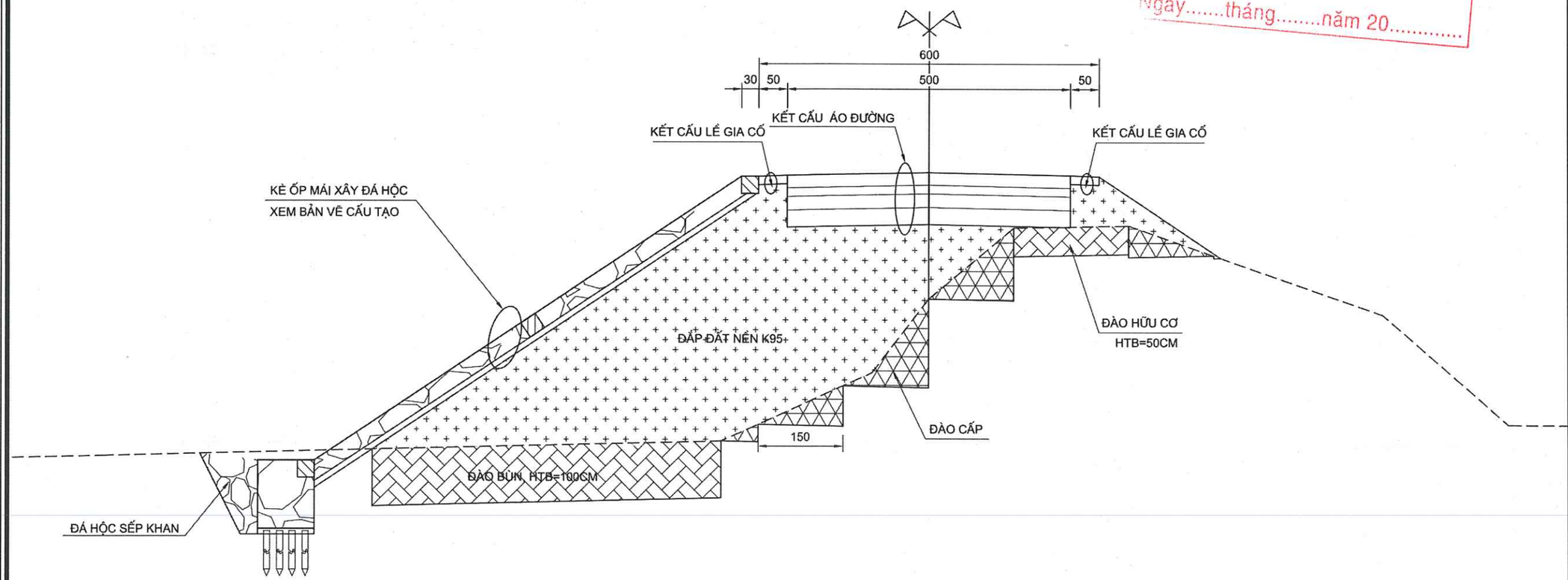

KẾT CẤU VUỐT RÊ

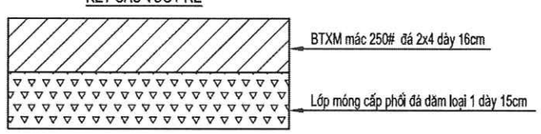

KẾT CẤU LỀ GIA CỐ

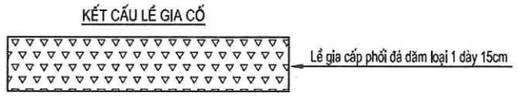

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

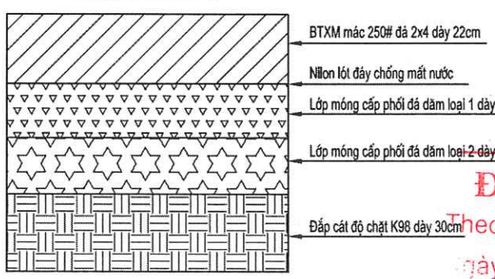

Enền >40 Mpa

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ dùng đơn vị cm.
- B mặt đường Bmặt =5.00m, Bnền =6.00m
- Blgc =2x0.5m

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ CÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	THDH-T2-01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
KM0+547.62 -:- KM0+760.00

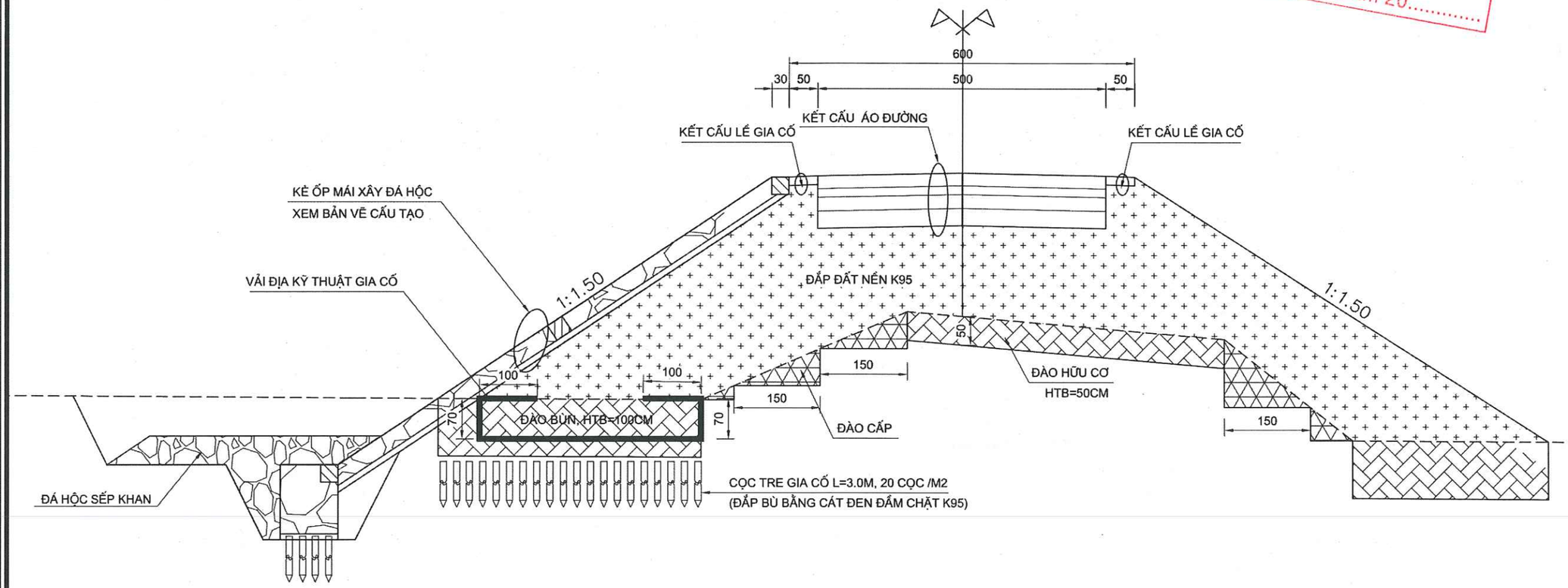

KẾT CẤU VUỐT RÊ

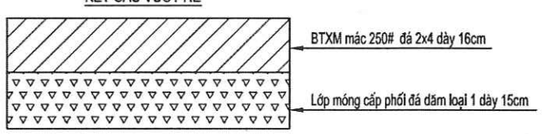

KẾT CẤU LỀ GIA CỐ

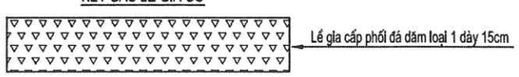

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ dùng đơn vị cm.
- B mặt đường Bmặt =5.00m, Bnền =6.00m
- Blgc =2x0.5m

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

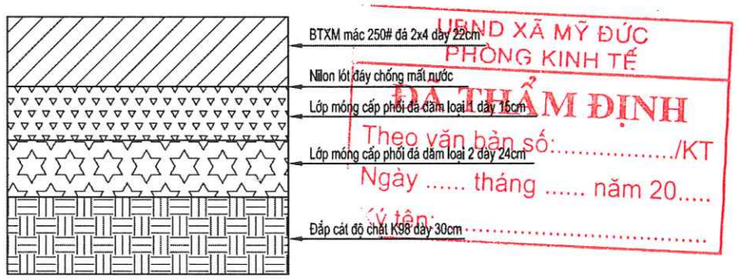

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	THDH-T2-02

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
KM0+760.00 -:- KM0+840.00

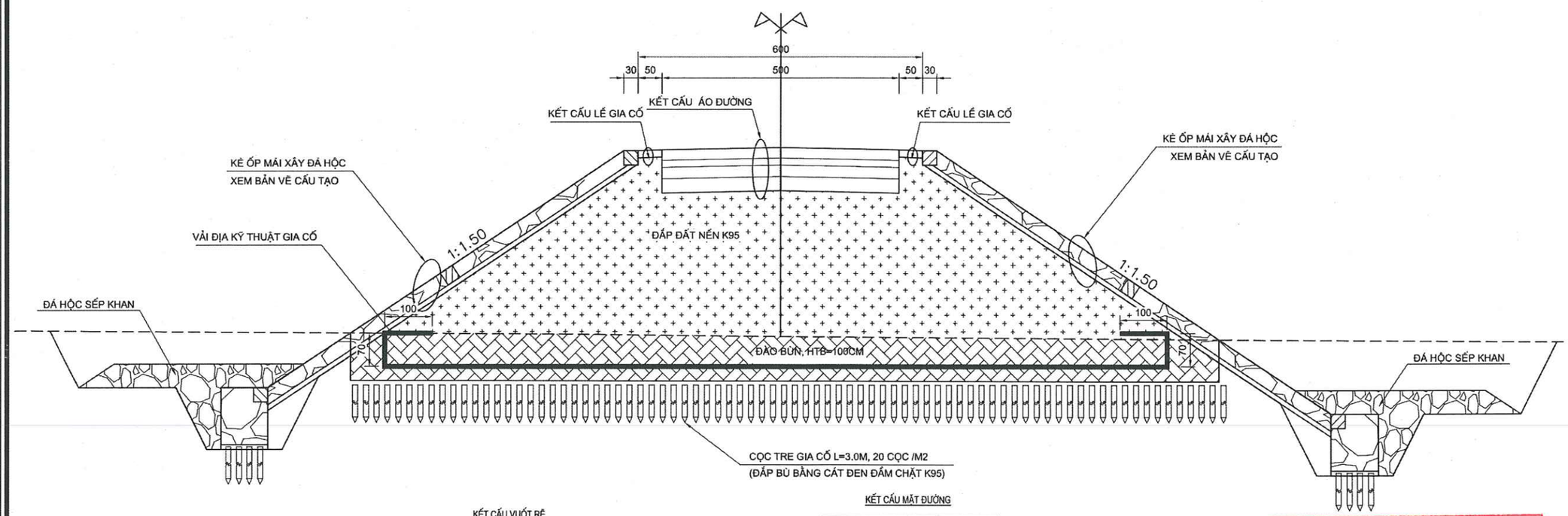

KẾT CẤU VUỐT RÈ

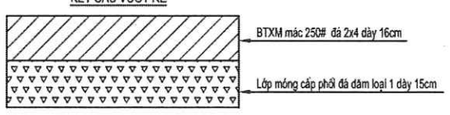

KẾT CẤU LỀ GIA CỐ

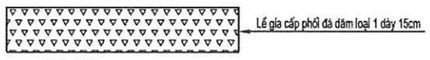

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

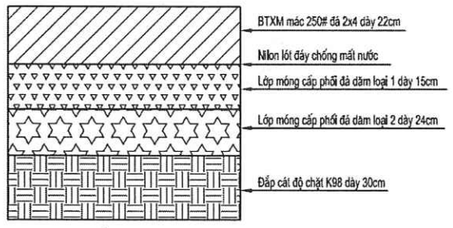

Enền >40 Mpa

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ dùng đơn vị cm.
- B mặt đường Bmặt =5.00m, Bnền =6.00m
- Blgc =2x0.5m

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	THDH-T2-03

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

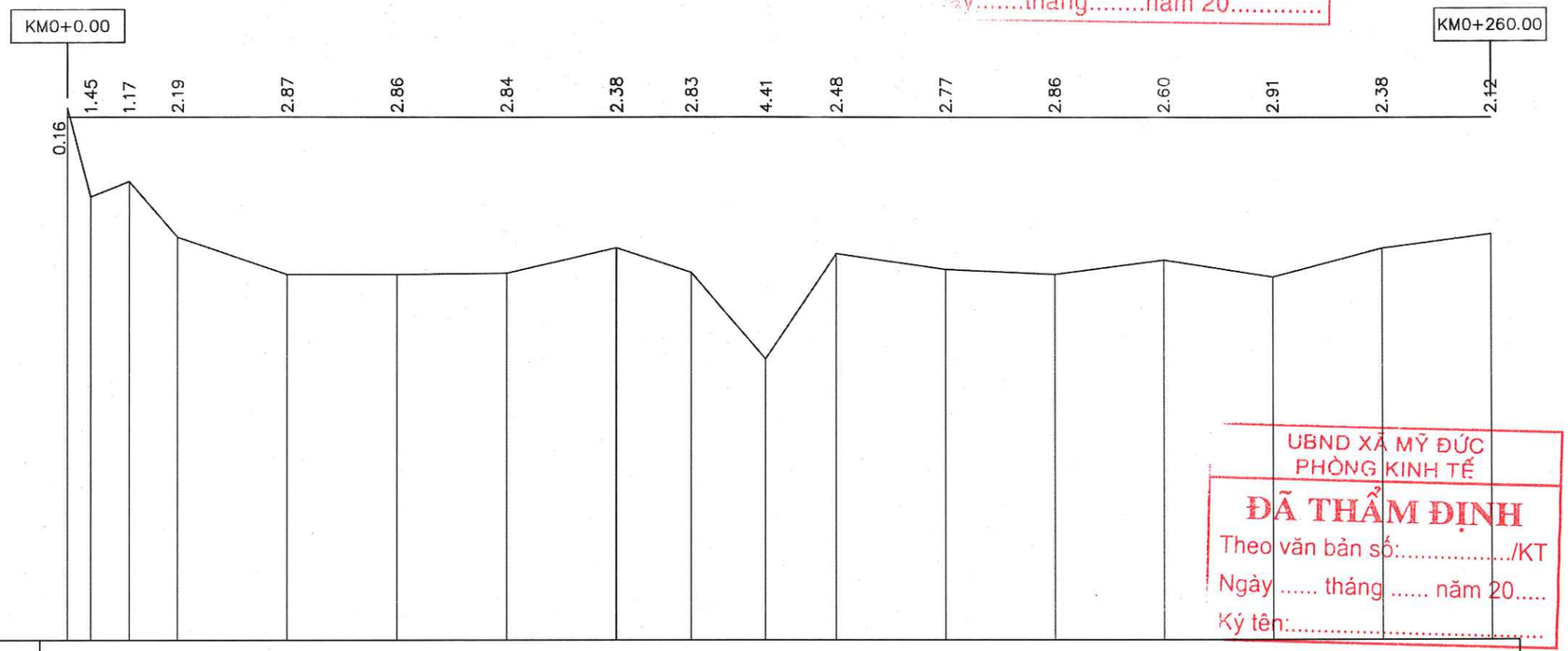

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

| | | |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

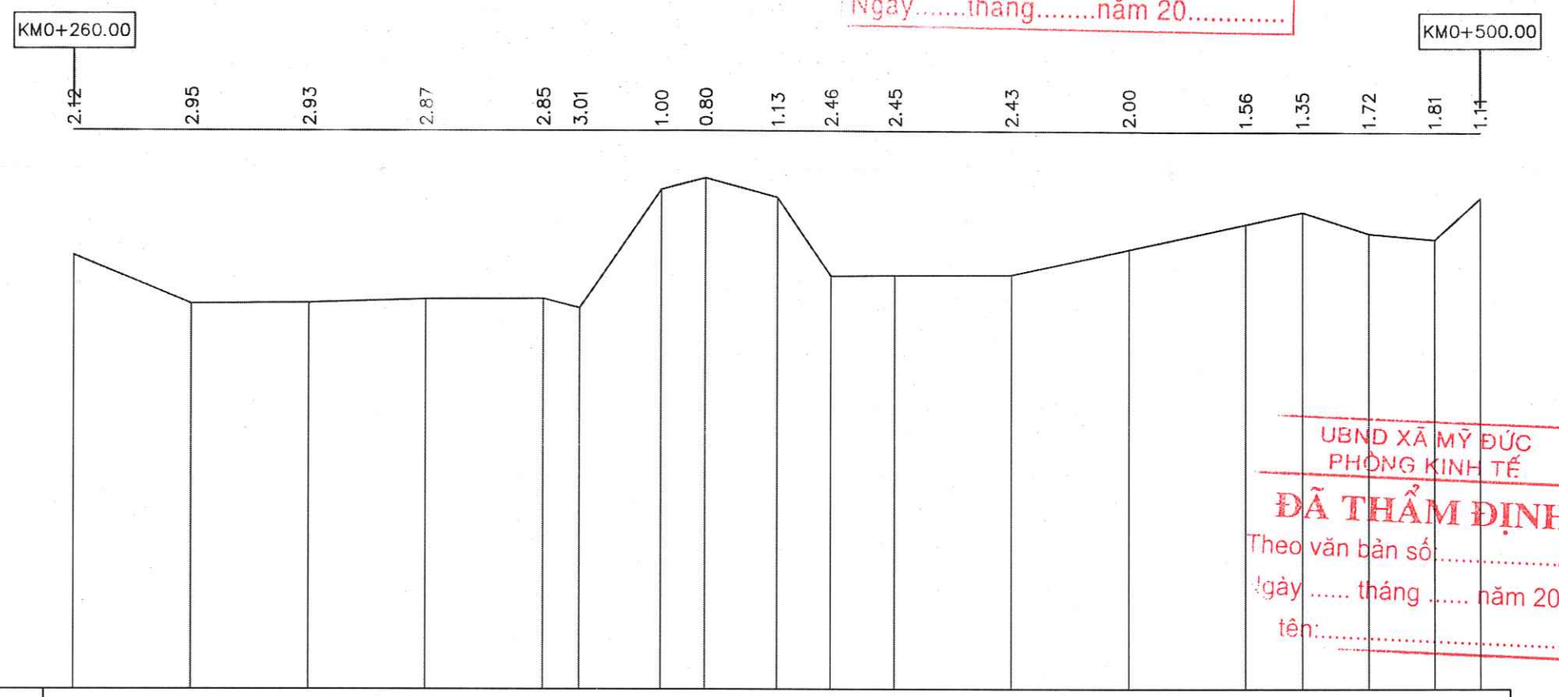

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

BÌNH ĐỒ SƠ LƯỢC																										
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ																										
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	5.51	5.51	5.51	5.51	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.49	5.49	5.48	5.48	5.47	5.47	5.47	5.46	5.46								
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	3.39	2.56	2.58	2.64	2.65	2.49	4.50	4.70	4.37	3.03	3.04	3.05	3.48	3.91	4.12	3.75	3.65	4.35								
KHOẢNG CÁCH LÊ		20.00	20.00	20.00	20.00	6.20	13.80	7.65	12.35	9.10	10.90	20.00	20.00	20.00	9.68	11.33	11.33	7.66								
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	260.00	280.00	300.00	320.00	340.00	346.20	360.00	367.65	380.00	389.10	400.00	420.00	440.00	460.00	469.68	481.01	492.34	500.00								
TÊN CỌC	14	15	16	17	18	TD2	19	P2	20	TC2	21	22	23	24	TD3	P3	TC3	25								
LÝ TRÌNH			H3								H4							H5								
SƠ HỌA TUYẾN	A=147d13'44.0" R=75.00 K=42.90 T=22.05 P=3.18																		A=167d0'54.0" R=100.00 K=22.66 T=11.38 P=0.65							

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-T2-02

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

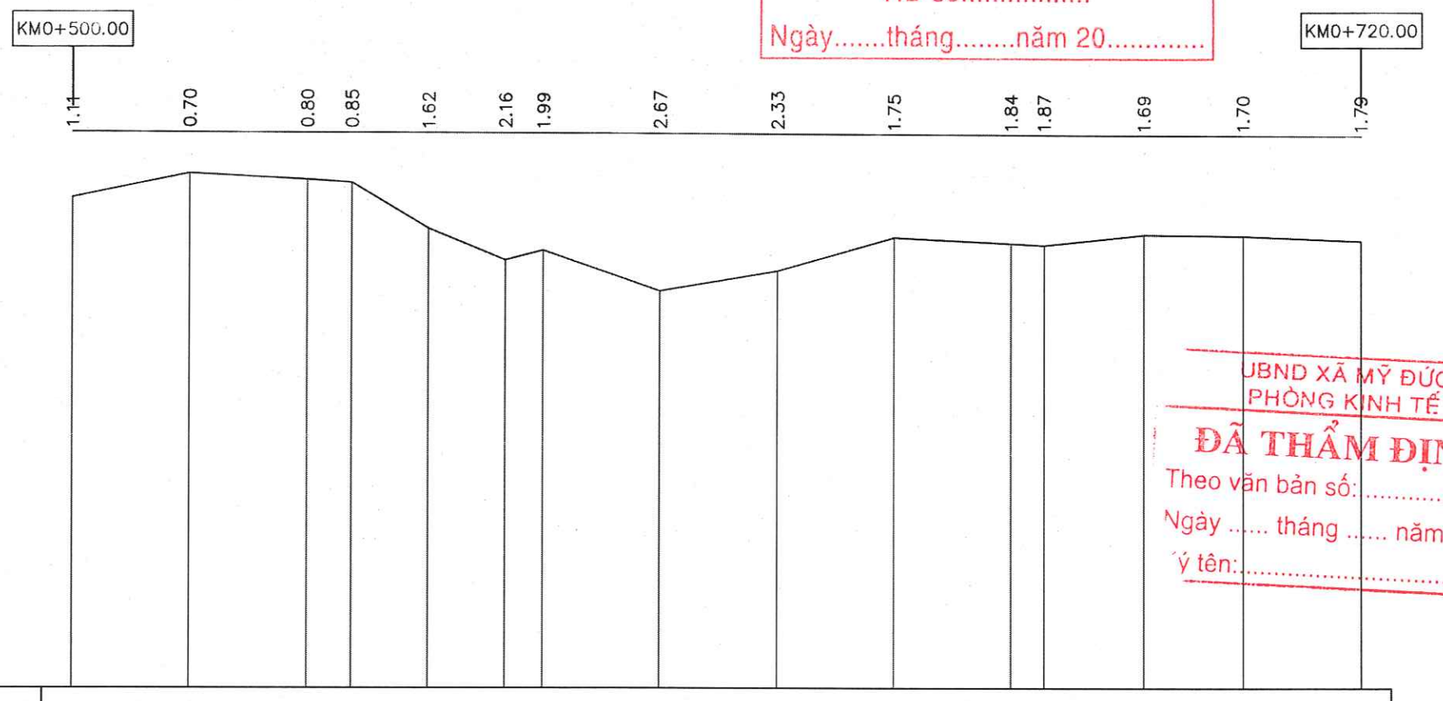

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ý tên:.....

| | | |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

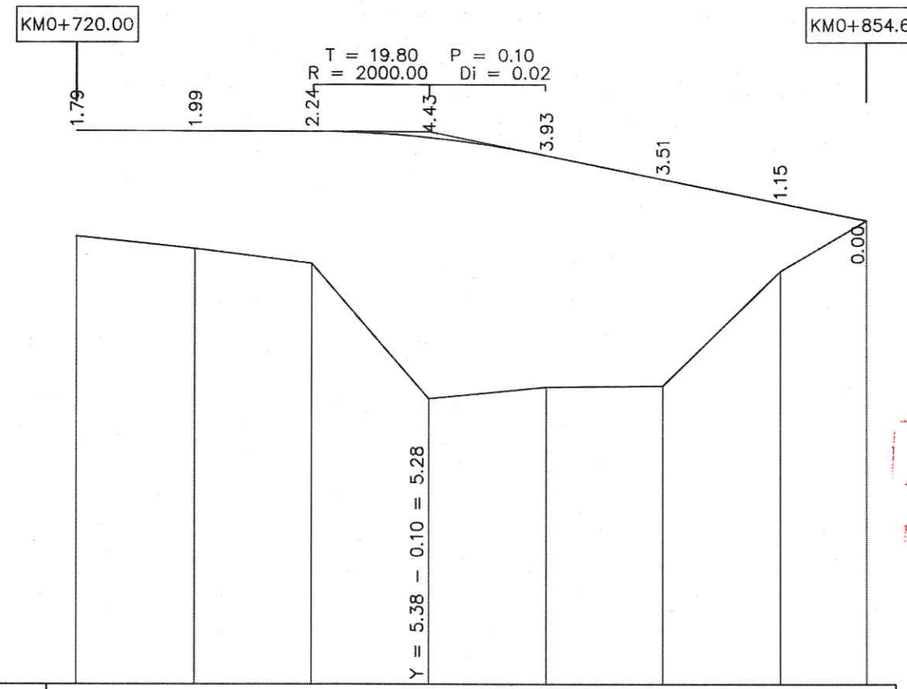

BÌNH ĐỒ SƠ LƯỢC								
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ				74.67	2.01%			
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	5.40	5.39	5.39	5.28	4.98	4.58	4.17	3.88
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	3.61	3.40	3.15	0.85	1.05	1.07	3.02	3.88
KHOẢNG CÁCH LẺ		20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	14.67
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	720.00	740.00	760.00	780.00	800.00	820.00	840.00	854.67
TÊN CỌC	33	34	35	36	37	38	39	CT2
LÝ TRÌNH	H8							
SƠ HỌA TUYẾN								

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/1000,1/100
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-T2-04

S đào hữu cơ : 0.00m2
S đào cấp : 2.00m2
S đào khuôn : 2.33m2
S đắp nền K95 : 7.45m2
S đào nền : 0.23m2
S đào bùn : 1.99m2
Đào móng kè : 15.16m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2

B mặt đường : 3.75m
S BTXM mác 250# : 0.83m2
S CPĐD loại 1 : 0.56m2
S CPĐD loại 2 : 0.90m2
S đắp nền K98 : 1.13m2
S lề gia cố : 0.07m2

Cọc: DT2
KM0+000.00

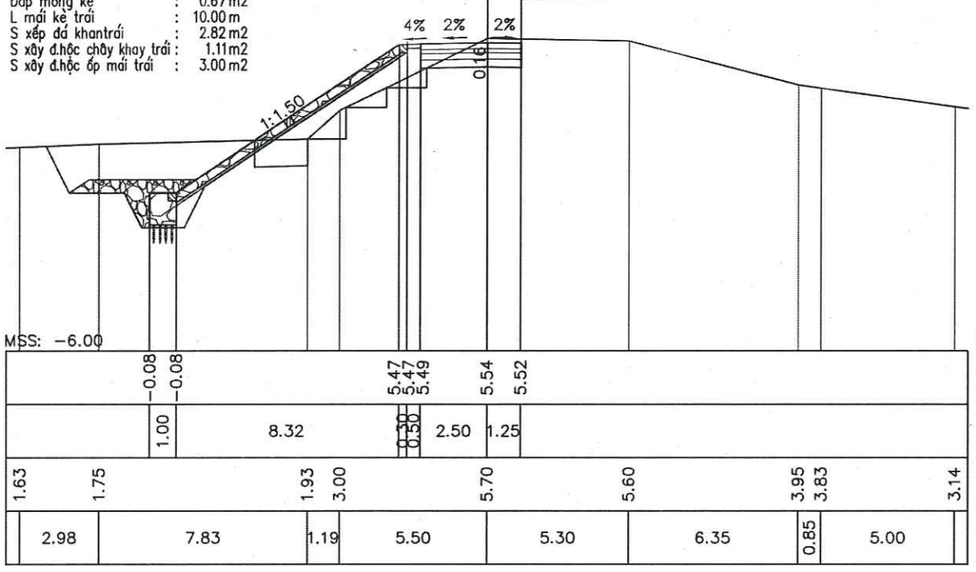

S đào hữu cơ : 0.00m2
S đào cấp : 1.06m2
S đào khuôn : 1.41m2
S đắp nền K95 : 18.79m2
S đào nền : 0.07m2
S đào bùn : 6.79m2
Đào móng kè : 11.12m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.07m2

Cọc: 1
KM0+004.22

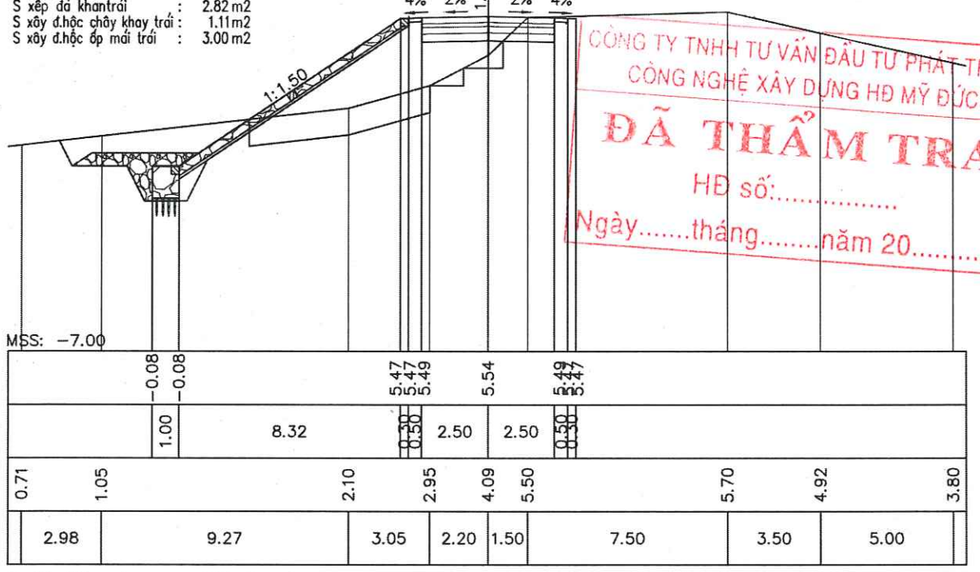

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

S đào hữu cơ : 2.24m2
S đào cấp : 2.21m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 25.36m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 4.46m2
Đào móng kè : 9.39m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 2
KM0+011.12

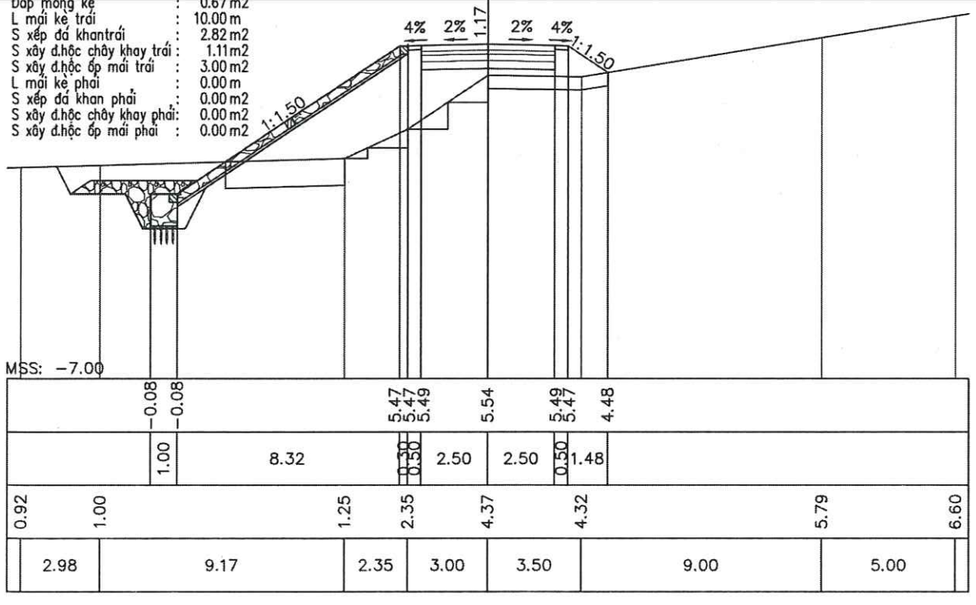

S đào hữu cơ : 5.01m2
S đào cấp : 1.60m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 28.58m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 1.32m2
Đào móng kè : 8.08m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 3
KM0+020.00

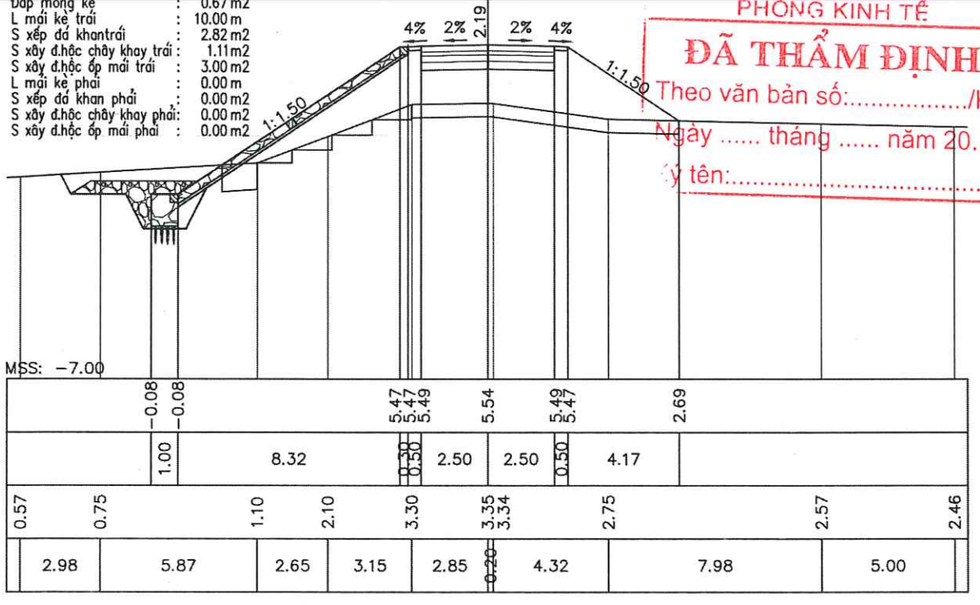

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281060

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 01

S đào hữu cơ : 1.71m2
S đào cấp : 3.26m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 :45.35m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 4.98m2
Đào móng kè : 6.39m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPDD loại 1 : 0.75m2
S CPDD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 3A
KM0+031.96

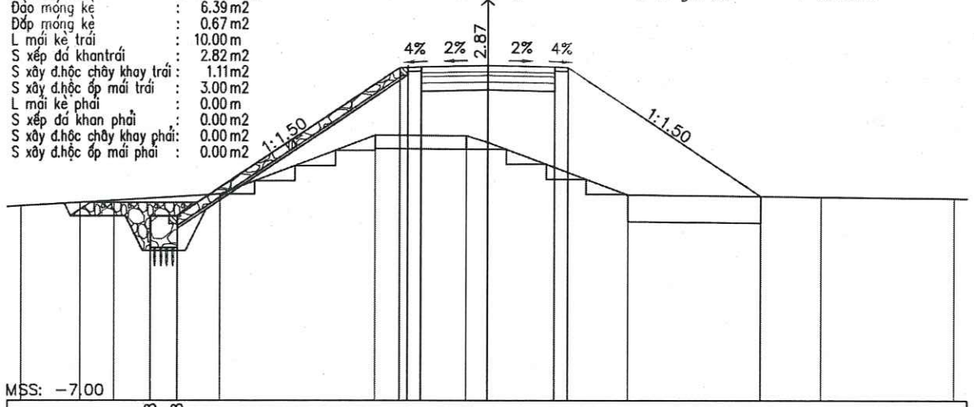

MSS: −7.00

| | | |

S đào hữu cơ : 5.12m2
S đào cấp : 1.61m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 35.99m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 3.91m2
Đào móng kè : 7.07m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: TD1
KM0+099.91

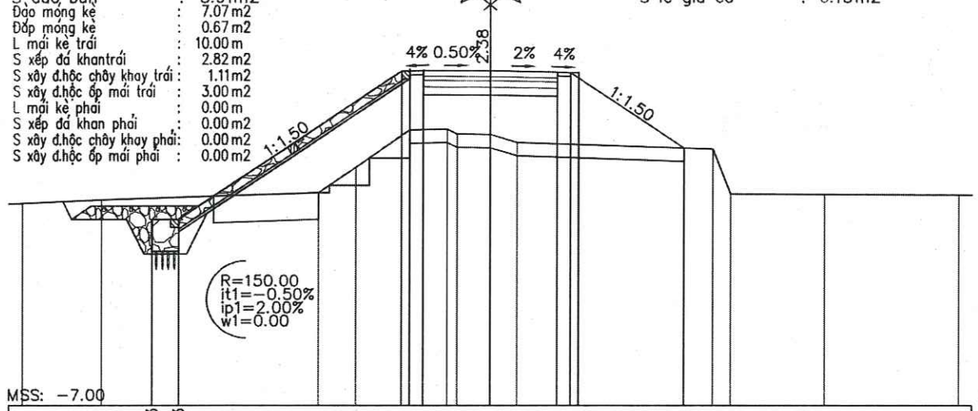

S đào hữu cơ : 5.11m2
S đào cấp : 1.63m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 32.39m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 1.51m2
Đào móng kè : 7.18m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 7
KM0+100.00

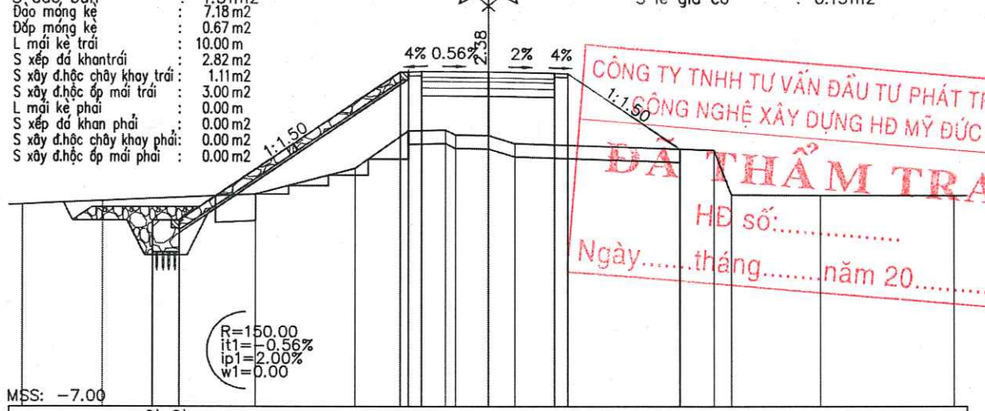

S đào hữu cơ : 5.86m2
S đào cấp : 1.72m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 29.80m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 0.00m2
Đào móng kè : 6.90m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: P1
KM0+113.48

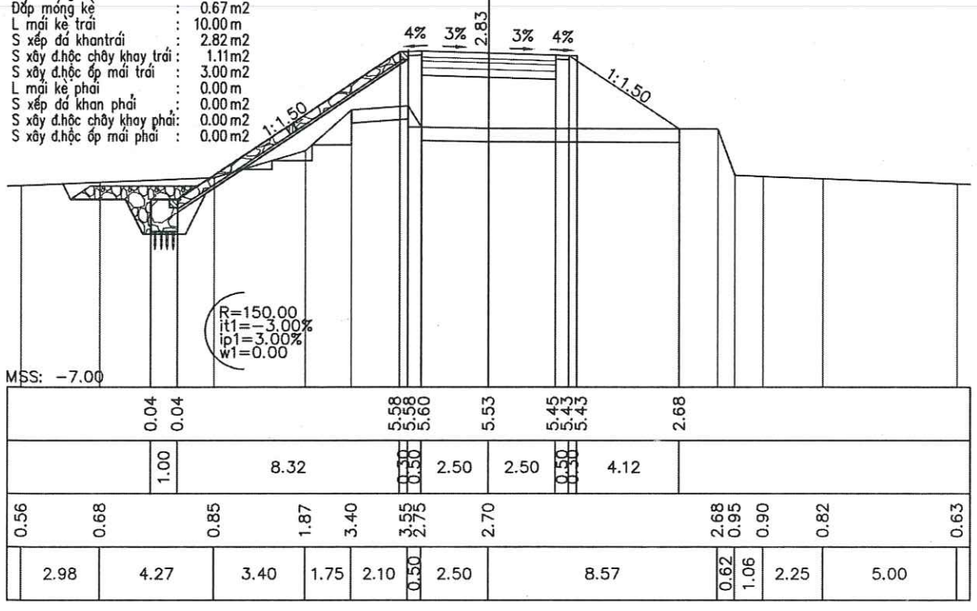

S đào hữu cơ : 2.40m2
S đào cấp : 0.71m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 57.53m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 11.03m2
Đào móng kè : 20.51m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: TC1
KM0+127.05

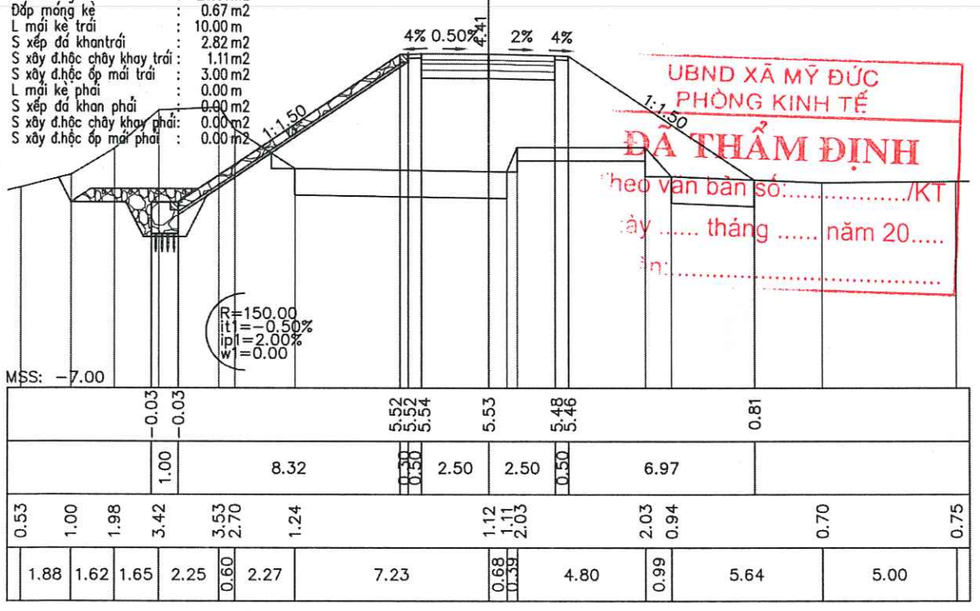

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
theo văn bản số:...../KT
ày ..... tháng ..... năm 20.....
n:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 03

S đào hữu cơ : 2.76m2
S đào cấp : 2.13m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 :43.42m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 7.64m2
Đào móng kè : 9.70m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 9.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 2.70m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPDD loại 1 : 0.75m2
S CPDD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 8
KM0+140.00

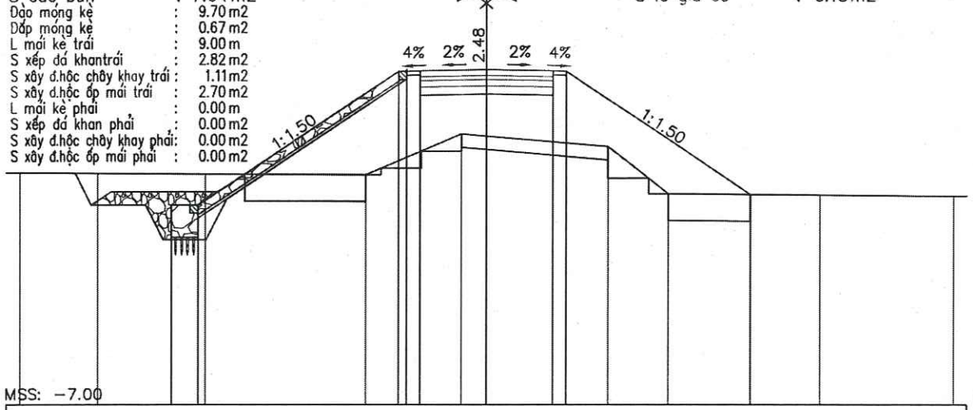

MSS: −7.00

| | | |

S đào hữu cơ : 7.04m2
S đào cấp : 0.95m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 :33.59m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 1.12m2
Đào móng kè : 23.48m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 9.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 2.70m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPDD loại 1 : 0.75m2
S CPDD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 12
KM0+220.00

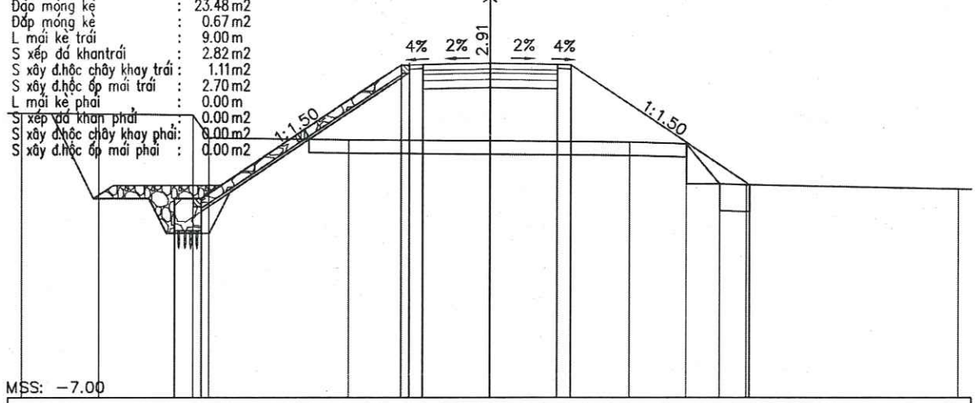

MSS: −7.00

| | | |

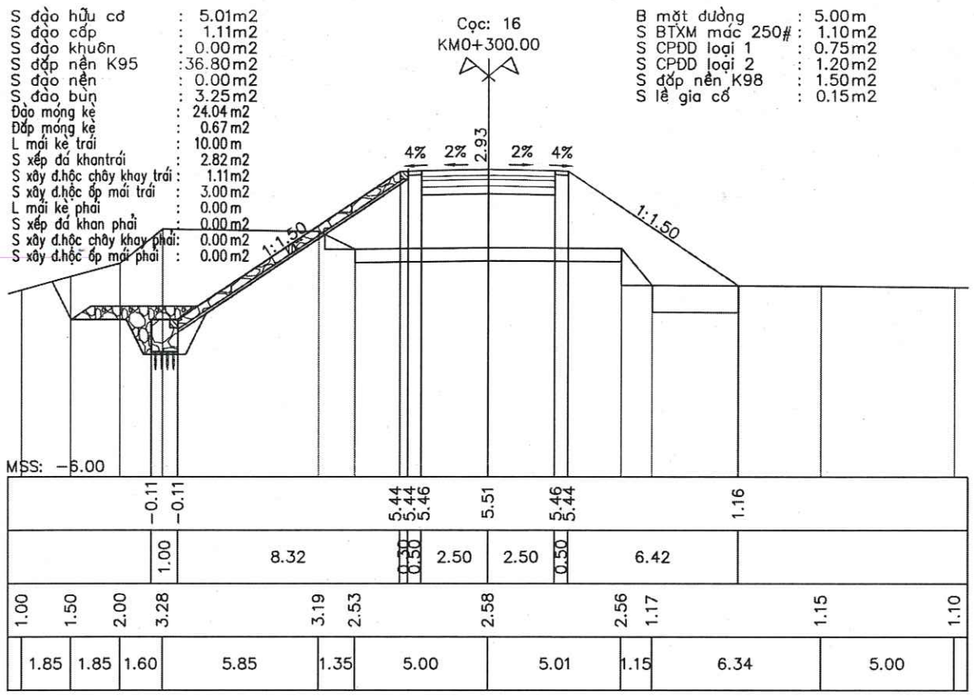

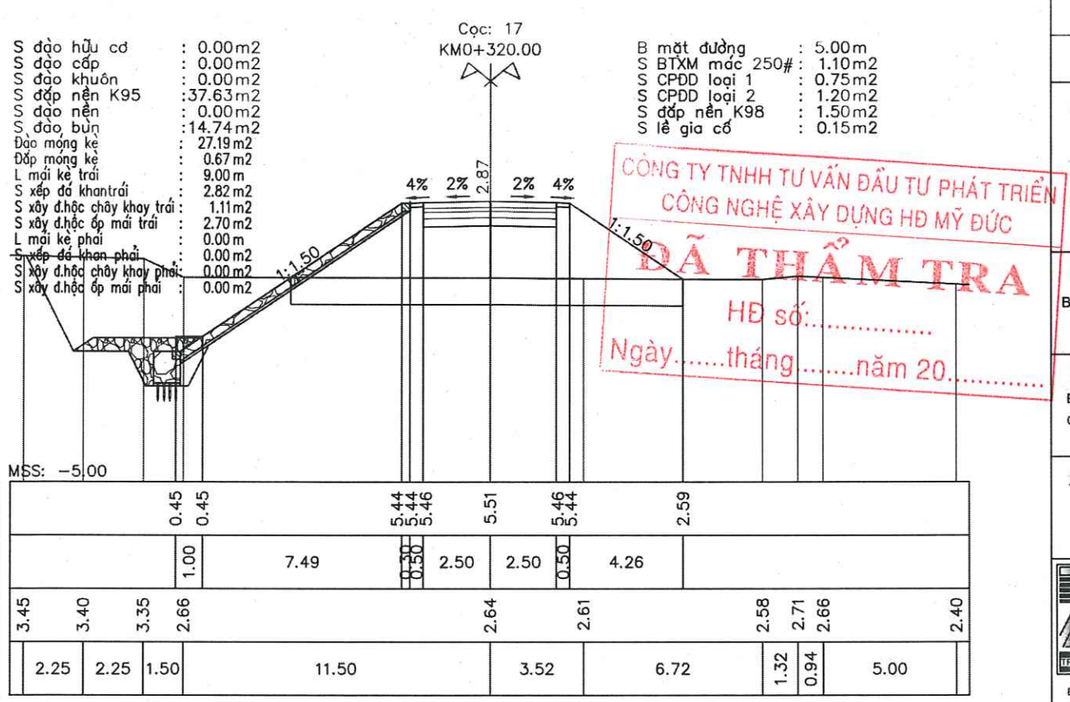

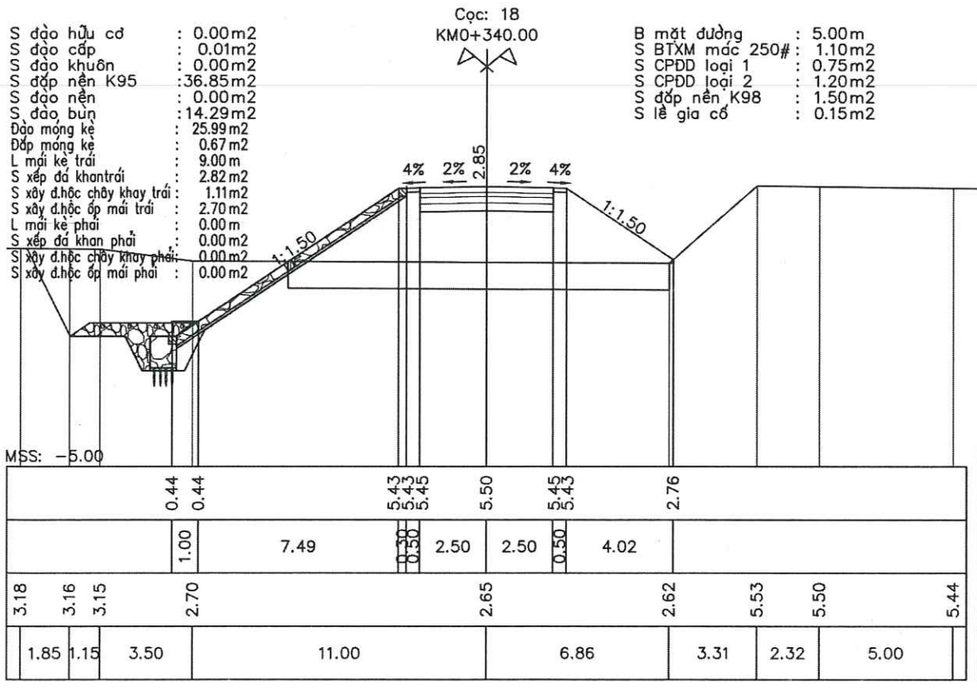

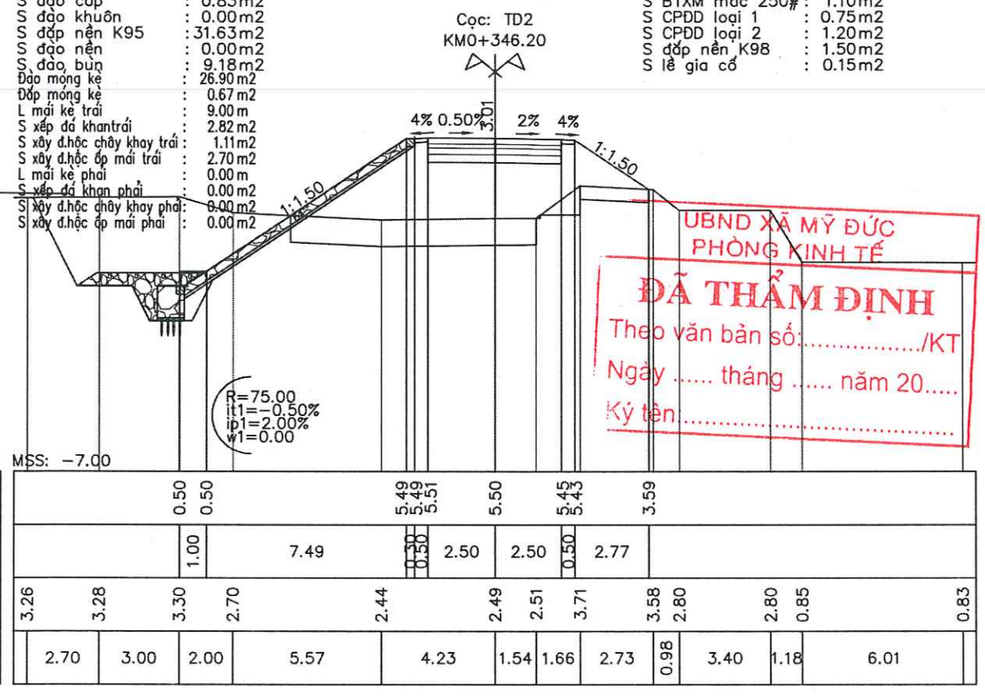

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XÃ LA PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên.....

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 06

S đào hữu cơ : 3.51m2
S đào cấp : 2.22m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 :29.39m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 4.57m2

Đào móng kè : 10.11m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 19
KM0+360.00

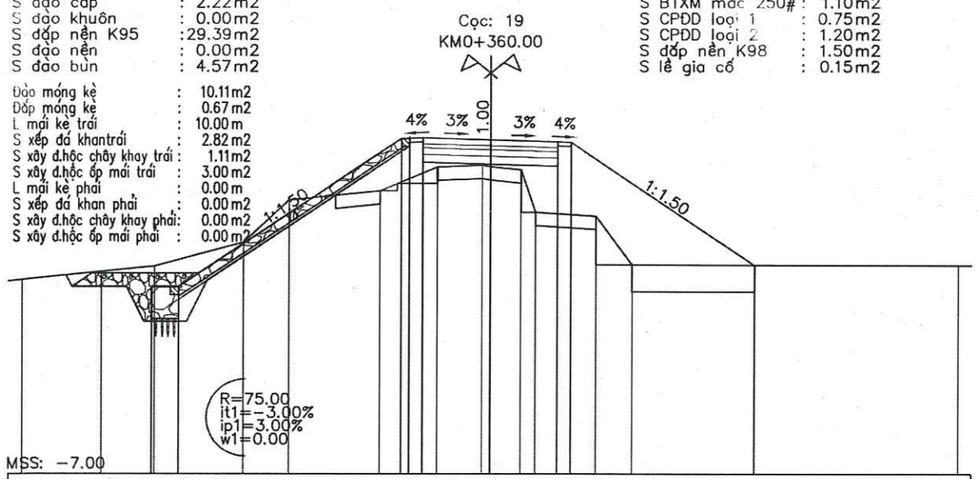

S đào hữu cơ : 3.10m2
S đào cấp : 2.63m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 :29.52m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 4.80m2

Đào móng kè : 12.18m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

Cống hộp 2x2(m)

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: P2
KM0+367.65

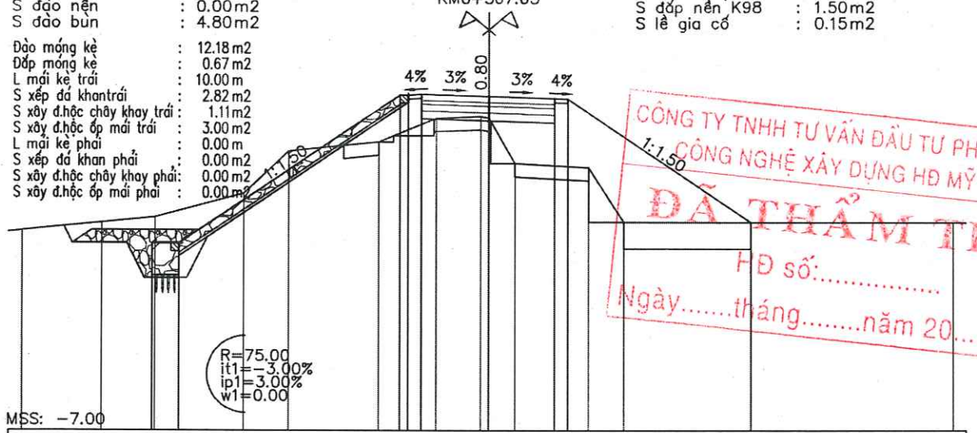

S đào hữu cơ : 2.94m2
S đào cấp : 2.76m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 :24.32m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 4.47m2

Đào móng kè : 7.97m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 20
KM0+380.00

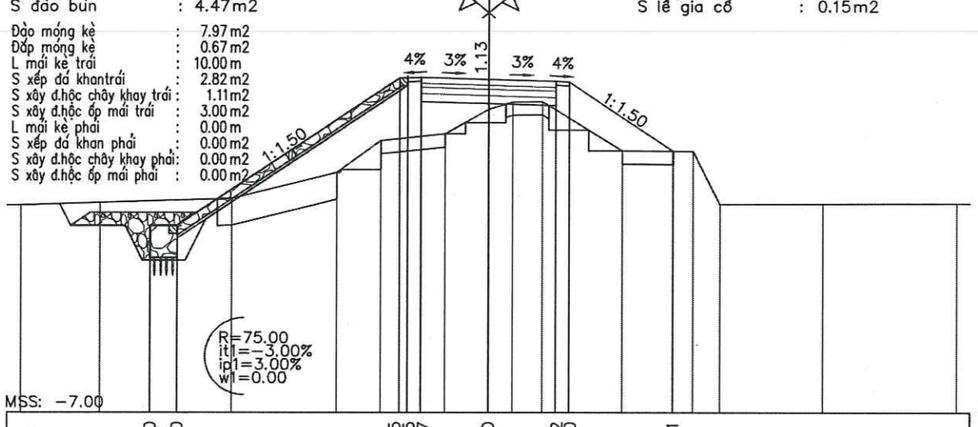

S đào hữu cơ : 2.63m2
S đào cấp : 2.77m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 :29.80m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 6.10m2

Đào móng kè : 7.33m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: TC2
KM0+389.10

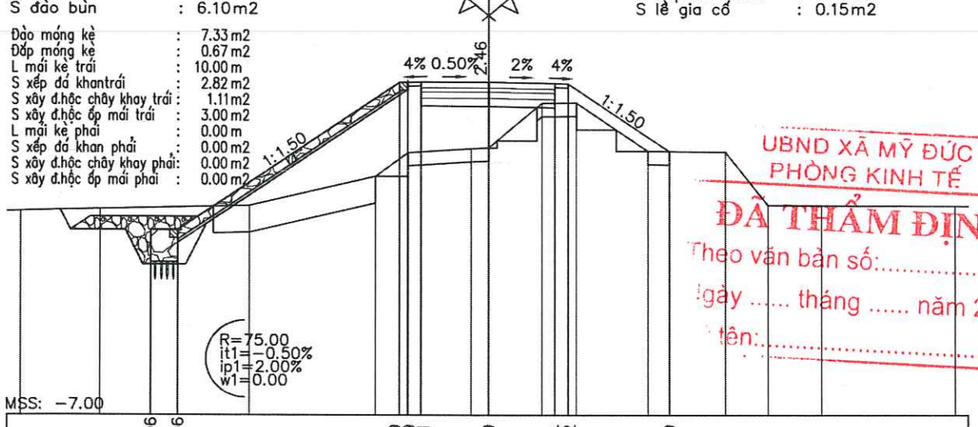

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
ngày ..... tháng ..... năm 20.....
tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0812281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 07

S đào hữu cơ : 2.02m2
S đào cấp : 1.84m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 25.41m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 5.70m2

Đào móng kè : 8.83m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 21
KM0+400.00

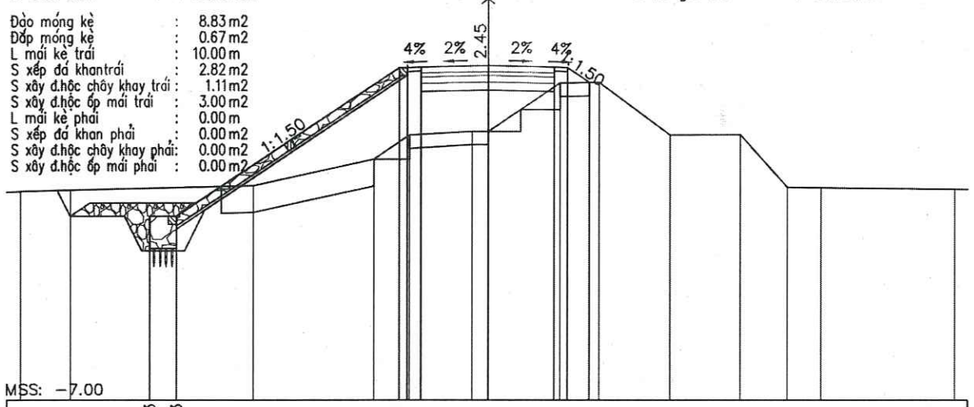

MSS: −7.00

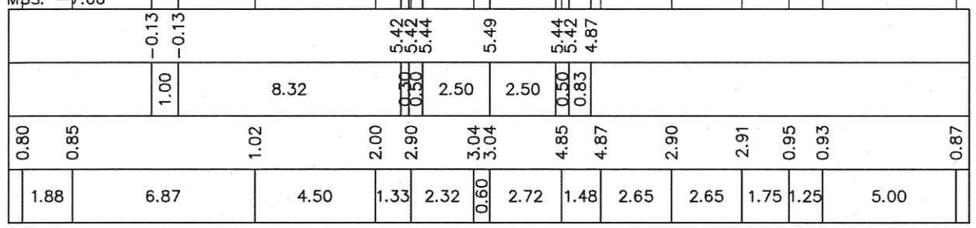

S đào hữu cơ : 1.88m2
S đào cấp : 2.01m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 23.84m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 4.94m2

Đào móng kè : 8.89m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 22
KM0+420.00

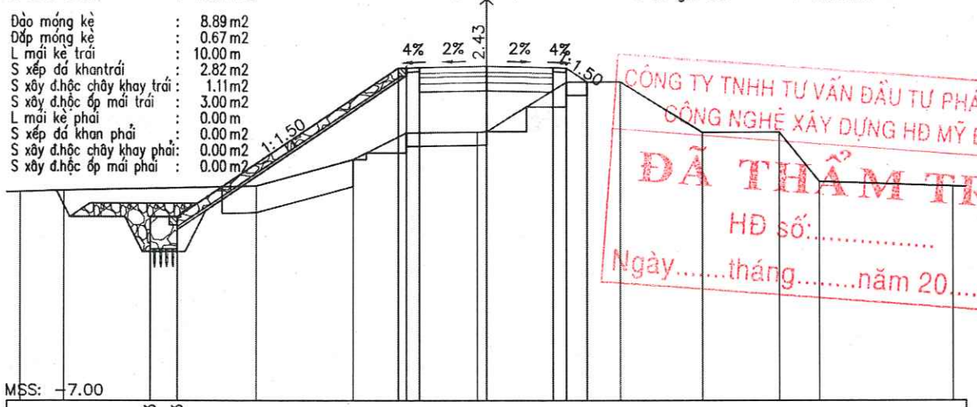

MSS: −7.00

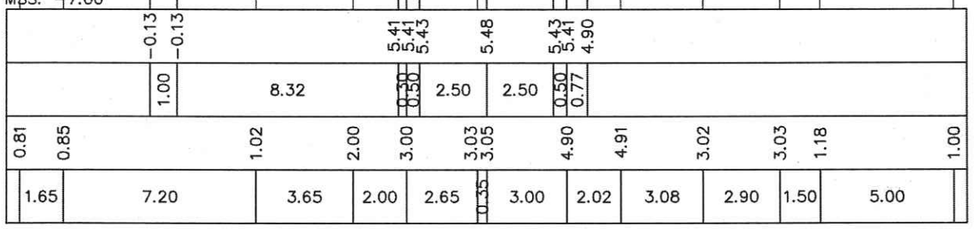

S đào hữu cơ : 4.30m2
S đào cấp : 0.37m2
S đào khuôn : 0.02m2
S đắp nền K95 : 10.89m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 0.00m2

Đào móng kè : 13.28m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 23
KM0+440.00

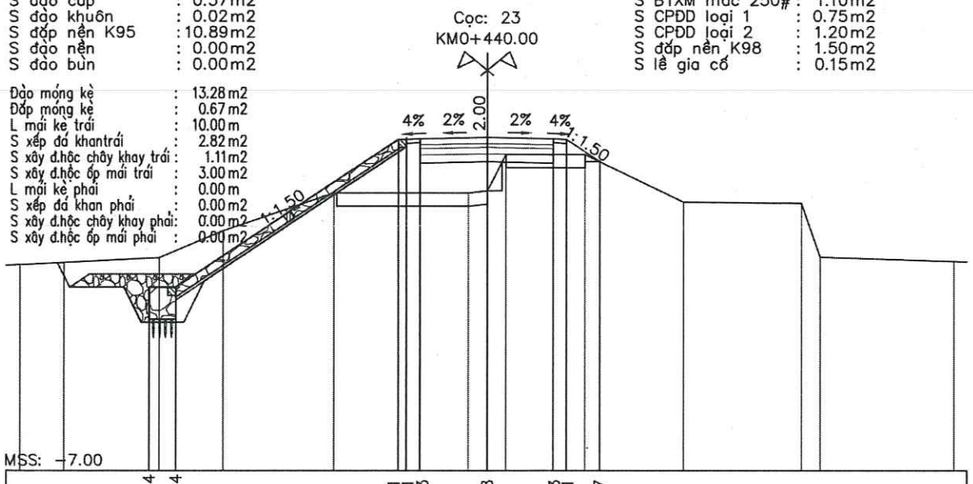

MSS: −7.00

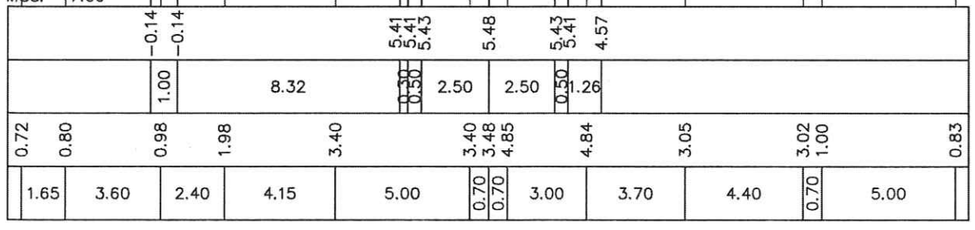

S đào hữu cơ : 3.56m2
S đào cấp : 0.31m2
S đào khuôn : 0.13m2
S đắp nền K95 : 8.10m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 0.00m2

Đào móng kè : 16.98m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 24
KM0+460.00

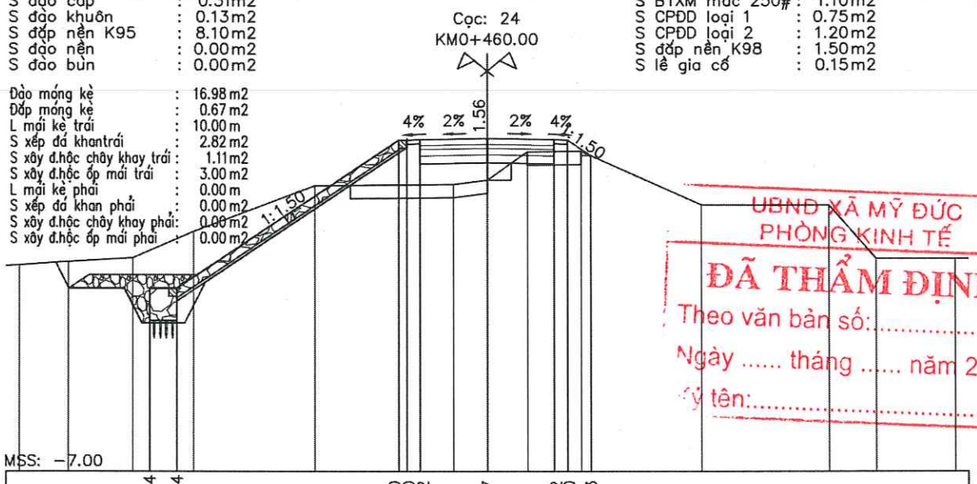

MSS: −7.00

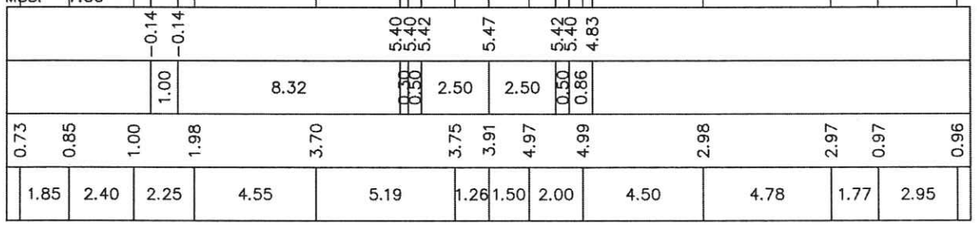

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 08

S đào hữu cơ : 3.39m2
S đào cấp : 0.18m2
S đào khuôn : 0.28m2
S đắp nền K95 : 7.20m2
S đào nền : 0.00m2

Đào móng kè : 17.25m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

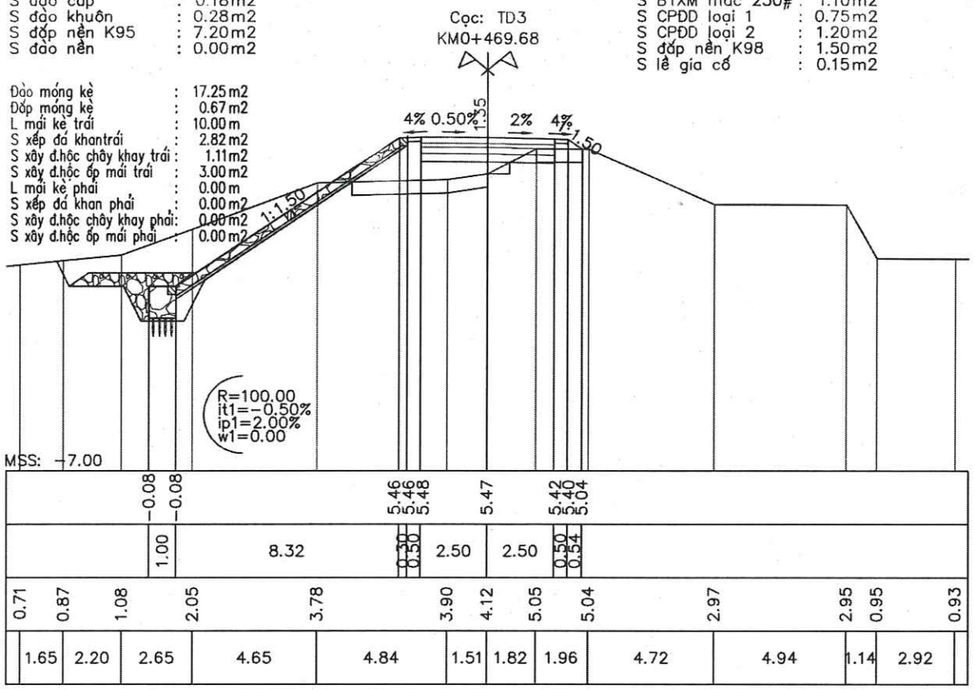

S đào hữu cơ : 3.46m2
S đào cấp : 0.54m2
S đào khuôn : 0.18m2
S đắp nền K95 : 9.82m2
S đào nền : 0.00m2

Đào móng kè : 13.29m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

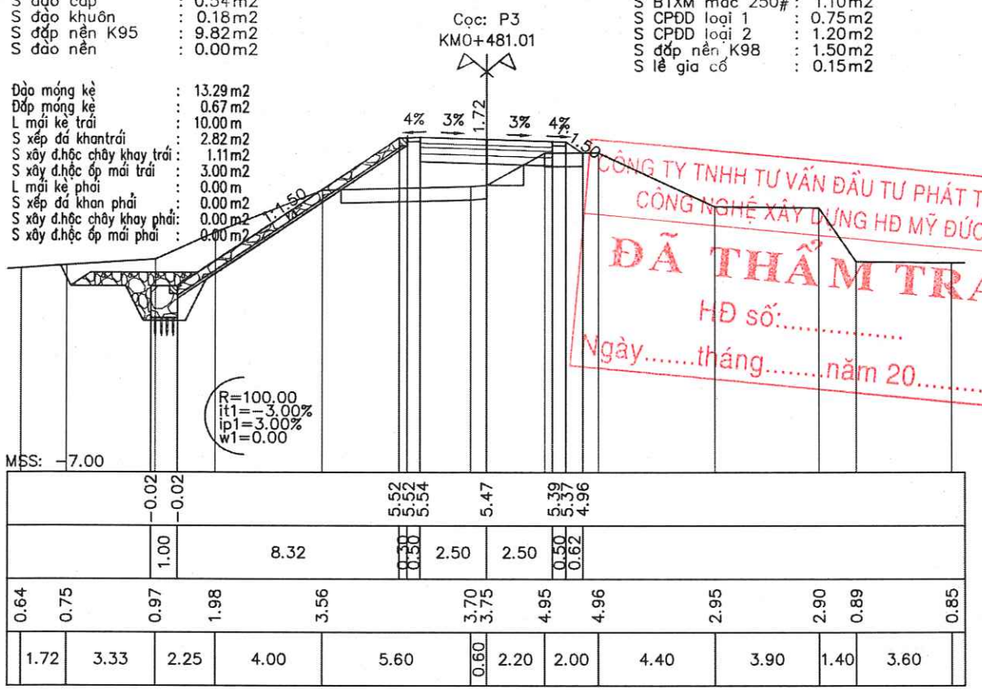

S đào hữu cơ : 4.36m2
S đào cấp : 1.79m2
S đào khuôn : 0.06m2
S đắp nền K95 : 13.84m2
S đào nền : 0.00m2

Đào móng kè : 12.46m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

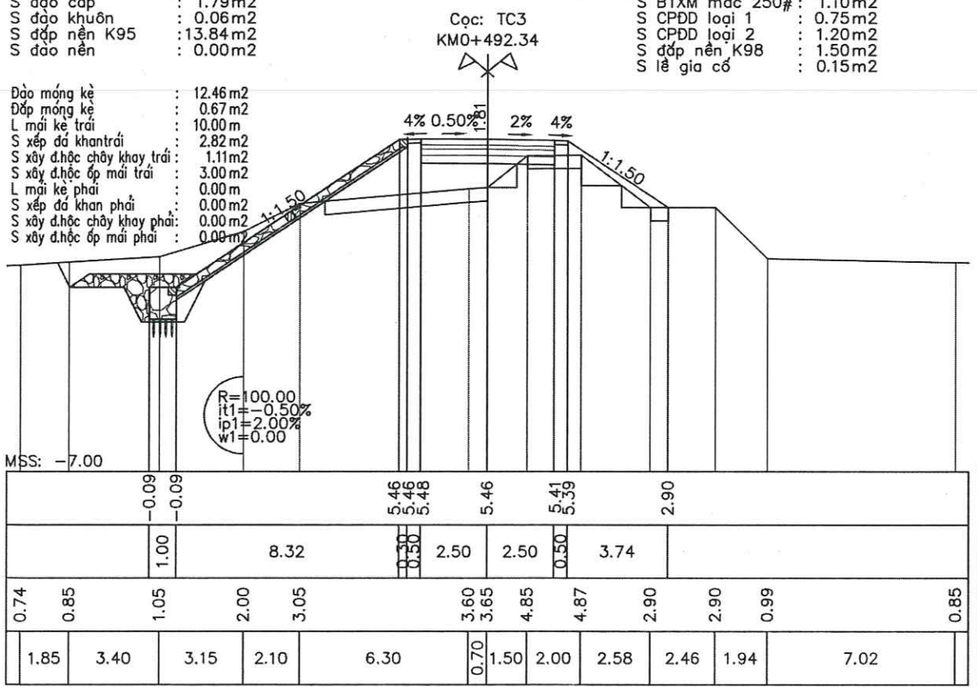

S đào hữu cơ : 1.27m2
S đào cấp : 3.19m2
S đào khuôn : 0.09m2
S đắp nền K95 : 13.10m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 2.63m2

Đào móng kè : 9.98m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

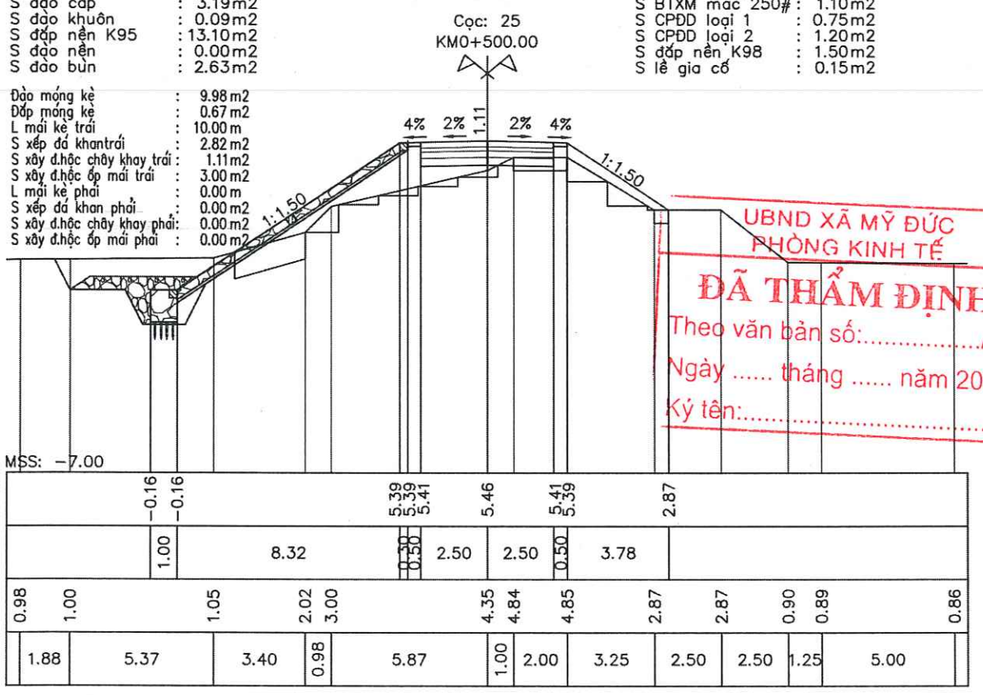

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261983

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 09

S đào hữu cơ : 2.55m2
S đào cấp : 2.70m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 21.72m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 4.65m2

Đào móng kè : 9.20m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2

Cọc: 26
KM0+520.00

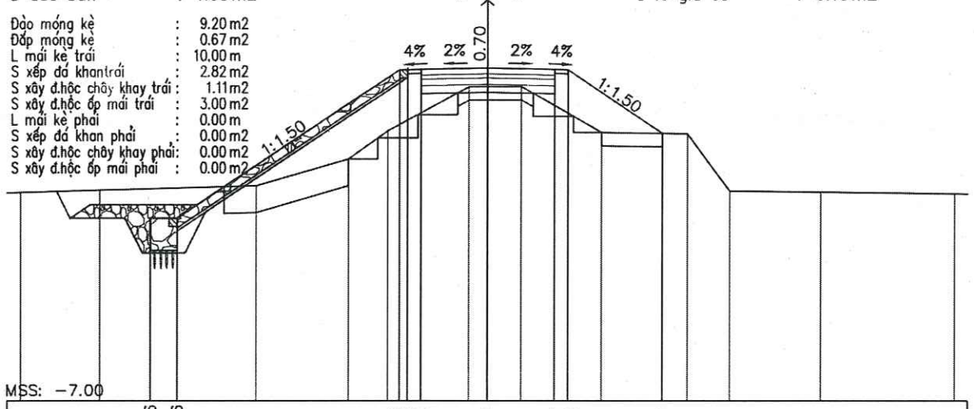

MSS: −7.00

| | | |

S đào hữu cơ : 1.03m2
S đào cấp : 2.82m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 28.15m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 6.78m2
S đắp bù cát đen : 6.60m2
Đào móng kè : 6.80m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 6.78m
L vai địa KT : 9.07m

Cọc: TC4
KM0+573.54

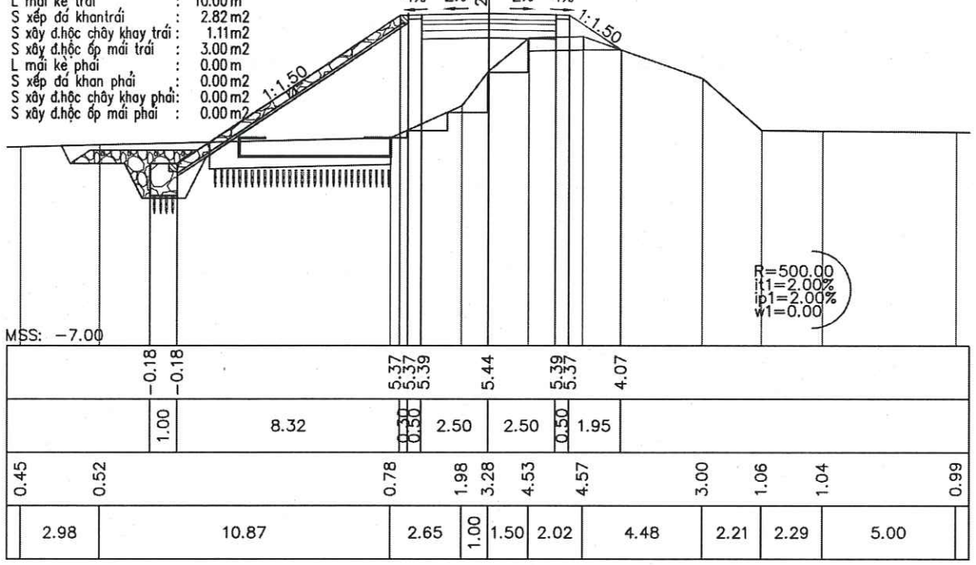

S đào hữu cơ : 1.18m2
S đào cấp : 2.53m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 25.31m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 6.40m2
S đắp bù cát đen : 6.22m2
Đào móng kè : 8.19m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 6.40m
L vai địa KT : 9.07m

Cọc: 28
KM0+580.00

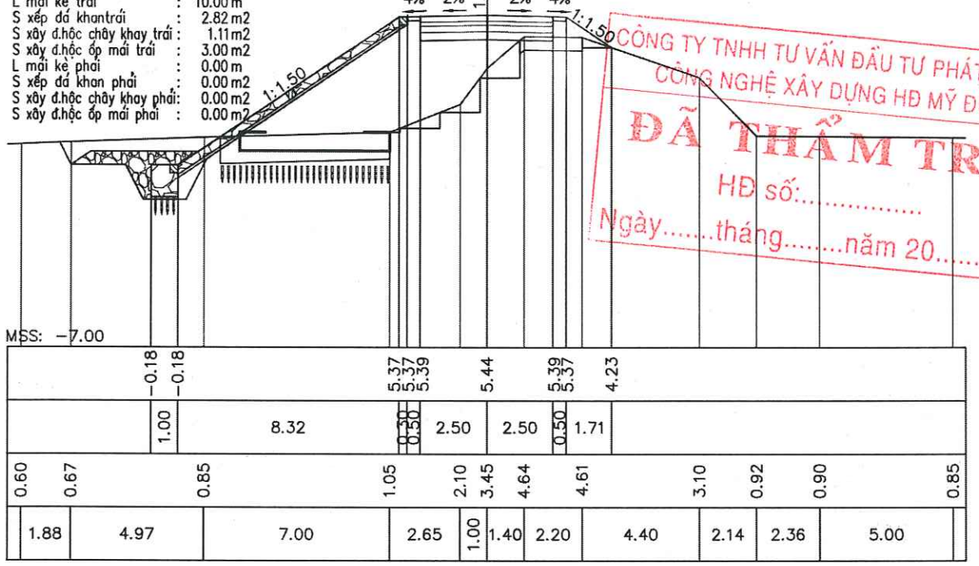

S đào hữu cơ : 1.57m2
S đào cấp : 3.59m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 37.68m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 6.47m2
S đắp bù cát đen : 4.58m2
Đào móng kè : 8.63m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

Cống hộp 2x2(m)

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 4.76m
L vai địa KT : 7.10m

Cọc: 29
KM0+600.00

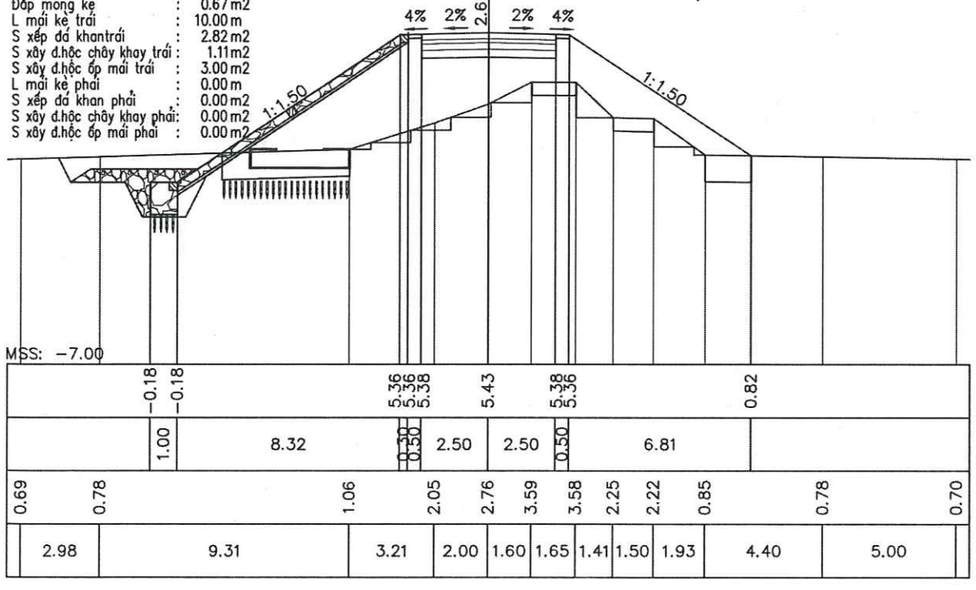

S đào hữu cơ : 1.73m2
S đào cấp : 3.55m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 33.48m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 5.17m2
S đắp bù cát đen : 4.13m2
Đào móng kè : 8.54m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 10.00m
S xếp đá khan phải : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 4.32m
L vai địa KT : 6.65m

Cọc: 30
KM0+620.00

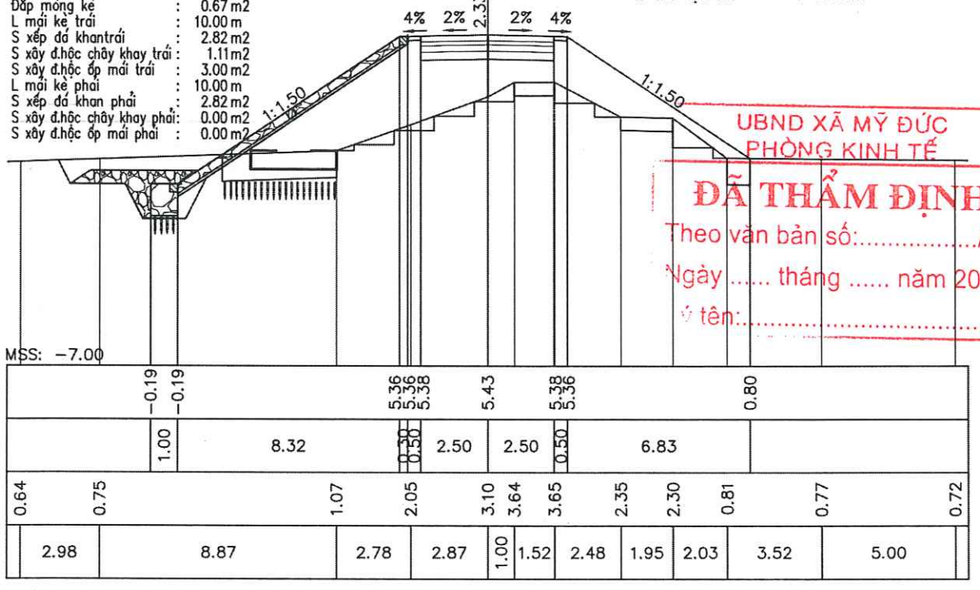

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 11

S đào hữu cơ : 3.58m2
S đào cấp : 3.15m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 30.06m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 3.72m2
S đắp bù cát đen : 2.36m2
Đào móng kè : 19.47m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 2.52m
L vai địa KT : 5.51m

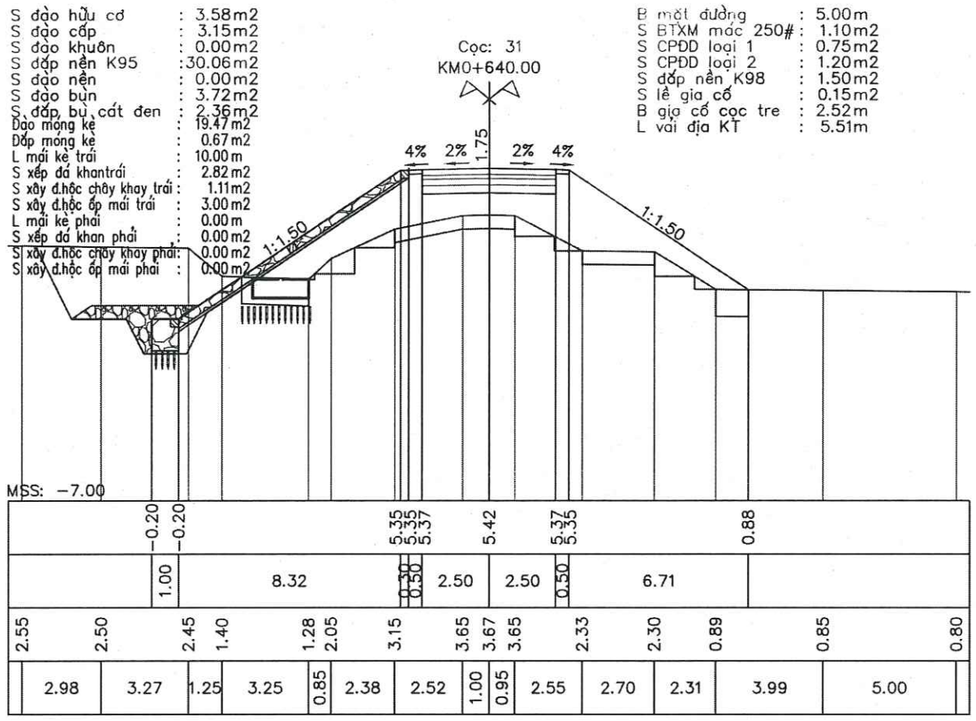

S đào hữu cơ : 1.97m2
S đào cấp : 3.90m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 35.83m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 6.61m2
S đắp bù cát đen : 4.76m2
Đào móng kè : 9.62m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 4.94m
L vai địa KT : 7.55m

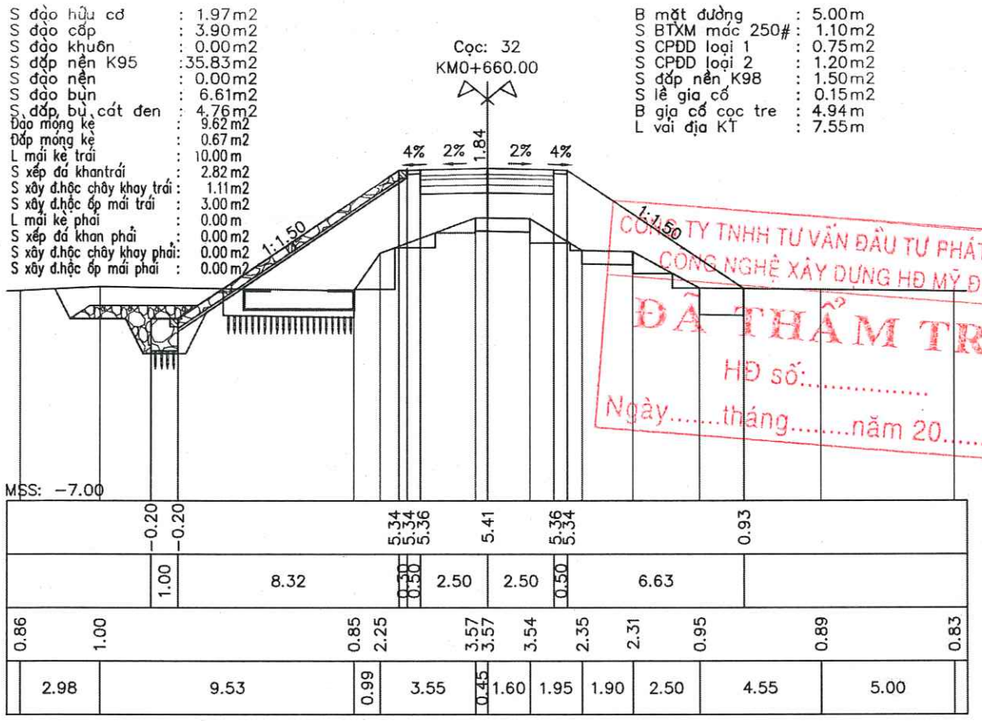

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

S đào hữu cơ : 3.37m2
S đào cấp : 2.26m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 30.82m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 4.81m2
S đắp bù cát đen : 2.65m2
Đào móng kè : 26.31m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 2.67m
L vai địa KT : 6.41m

S đào hữu cơ : 0.93m2
S đào cấp : 3.71m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 38.29m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 7.78m2
S đắp bù cát đen : 3.42m2
Đào móng kè : 8.21m2
Đắp móng kè : 0.67m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 0.00m
S xếp đá khan phải : 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 0.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 3.60m
L vai địa KT : 6.03m

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
DỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261860

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 12

S đào hữu cơ	: 0.72m2
S đào cấp	: 3.82m2
S đào khuôn	: 0.00m2
S đắp nền K95	:40.27m2
S đào nền	: 0.00m2
S đào bùn	: 8.14m2
S đắp bù cát đen	: 3.39m2
Đào móng kè	: 9.40m2
Đắp móng kè	: 0.67m2
L mái kè trái	: 10.00m
S xếp đá khantrái	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái	: 3.00m2
L mái kè phải	: 0.00m
S xếp đá khan phải	: 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải	: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải	: 0.00m2

Cống hộp 2x2(m)

Cọc: TC5

KM0+699.76

B mặt đường	: 5.00m
S BTXM mác 250#	: 1.10m2
S CPĐD loại 1	: 0.75m2
S CPĐD loại 2	: 1.20m2
S đắp nền K98	: 1.50m2
S lề gia cố	: 0.15m2
B gia cố cọc tre	: 3.57m
L vải địa KT	: 5.94m

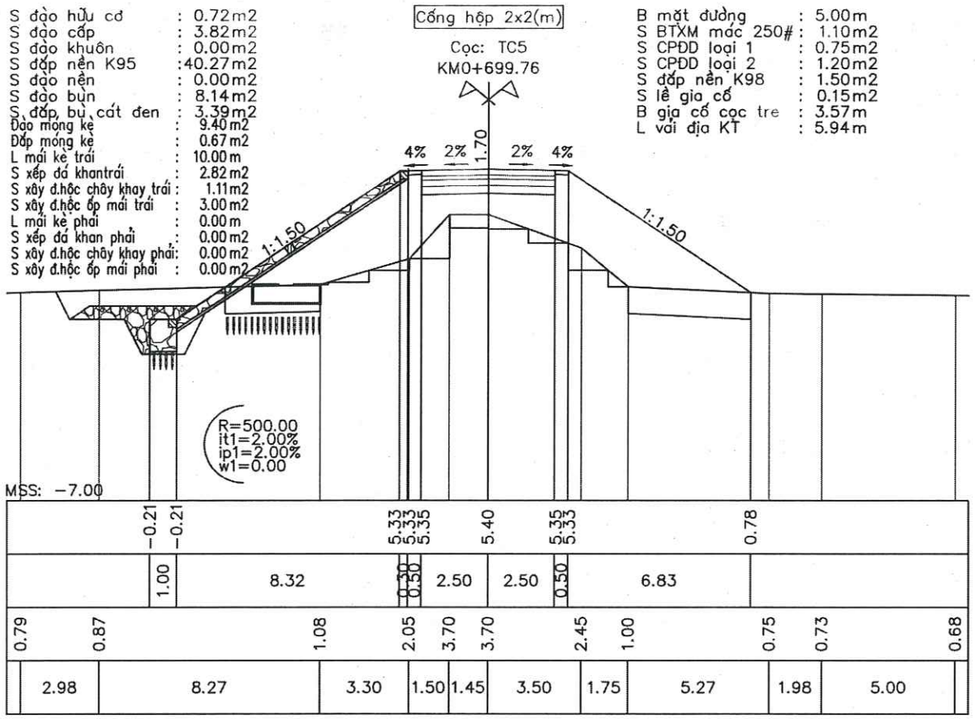

S đào hữu cơ	: 1.17m2
S đào cấp	: 3.90m2
S đào khuôn	: 0.00m2
S đắp nền K95	:38.27m2
S đào nền	: 0.00m2
S đào bùn	: 5.85m2
S đắp bù cát đen	: 2.48m2
Đào móng kè	: 18.24m2
Đắp móng kè	: 0.67m2
L mái kè trái	: 10.00m
S xếp đá khantrái	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái	: 3.00m2
L mái kè phải	: 0.00m
S xếp đá khan phải	: 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải	: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải	: 0.00m2

Cọc: 33

KM0+720.00

B mặt đường	: 5.00m
S BTXM mác 250#	: 1.10m2
S CPĐD loại 1	: 0.75m2
S CPĐD loại 2	: 1.20m2
S đắp nền K98	: 1.50m2
S lề gia cố	: 0.15m2
B gia cố cọc tre	: 2.50m
L vải địa KT	: 5.89m

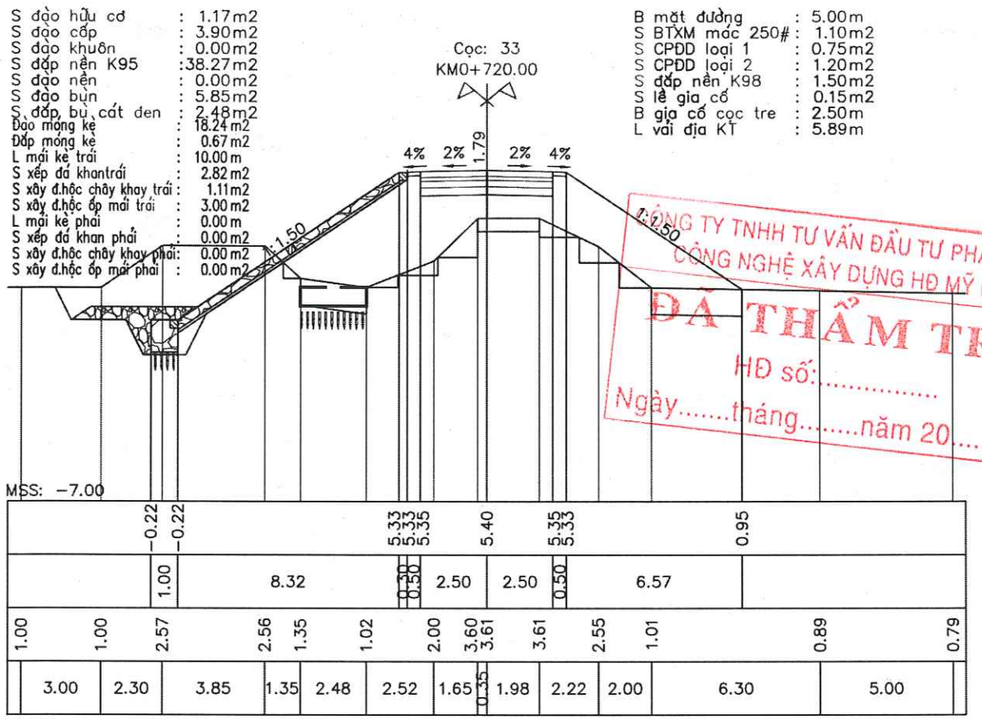

S đào hữu cơ	: 1.27m2
S đào cấp	: 3.46m2
S đào khuôn	: 0.00m2
S đắp nền K95	:34.87m2
S đào nền	: 0.00m2
S đào bùn	: 7.20m2
S đắp bù cát đen	: 4.77m2
Đào móng kè	: 17.45m2
Đắp móng kè	: 0.67m2
L mái kè trái	: 10.00m
S xếp đá khantrái	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái	: 3.00m2
L mái kè phải	: 0.00m
S xếp đá khan phải	: 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải	: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải	: 0.00m2

Cọc: 34

KM0+740.00

B mặt đường	: 5.00m
S BTXM mác 250#	: 1.10m2
S CPĐD loại 1	: 0.75m2
S CPĐD loại 2	: 1.20m2
S đắp nền K98	: 1.50m2
S lề gia cố	: 0.15m2
B gia cố cọc tre	: 4.77m
L vải địa KT	: 8.17m

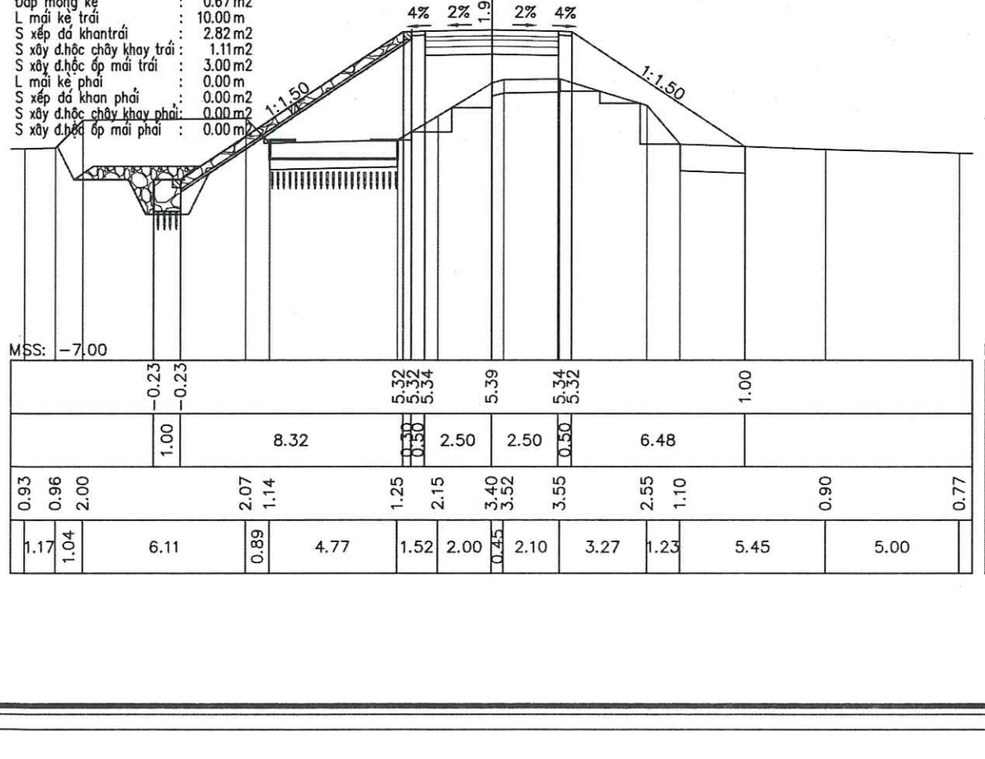

S đào hữu cơ	: 1.79m2
S đào cấp	: 2.80m2
S đào khuôn	: 0.00m2
S đắp nền K95	:26.05m2
S đào nền	: 0.00m2
S đào bùn	: 2.50m2
S đắp bù cát đen	: 2.50m2
Đào móng kè	: 29.78m2
Đắp móng kè	: 1.33m2
L mái kè trái	: 10.00m
S xếp đá khantrái	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái	: 3.00m2
L mái kè phải	: 10.00m
S xếp đá khan phải	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay phải	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái phải	: 3.00m2

Cọc: 35

KM0+760.00

B mặt đường	: 5.00m
S BTXM mác 250#	: 1.10m2
S CPĐD loại 1	: 0.75m2
S CPĐD loại 2	: 1.20m2
S đắp nền K98	: 1.50m2
S lề gia cố	: 0.15m2
B gia cố cọc tre	: 2.50m
L vải địa KT	: 5.89m

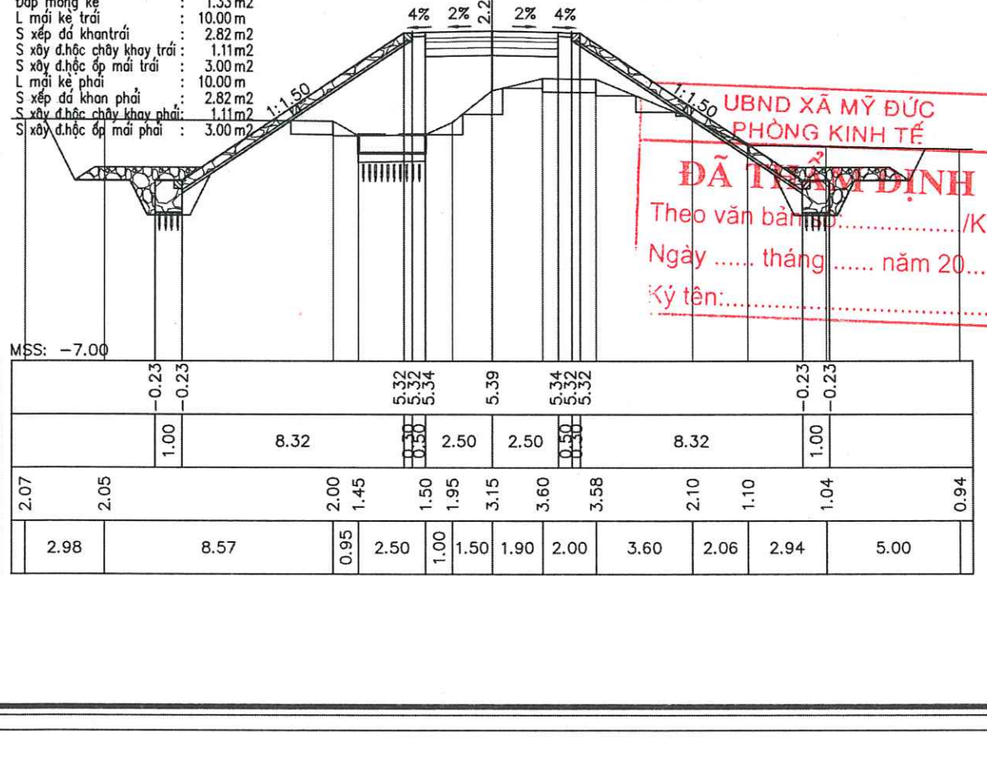

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XÃ LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 13

S đào hữu cơ : 0.00m2
S đào cấp : 1.61m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 39.18m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 10.44m2
S đắp bù cát đen : 10.26m2
Đào móng kè : 28.70m2
Đắp móng kè : 1.33m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 10.00m
S xếp đá khan phải : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 3.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 10.44m
L vải địa KT : 12.91m

Cọc: 36
KM0+780.00

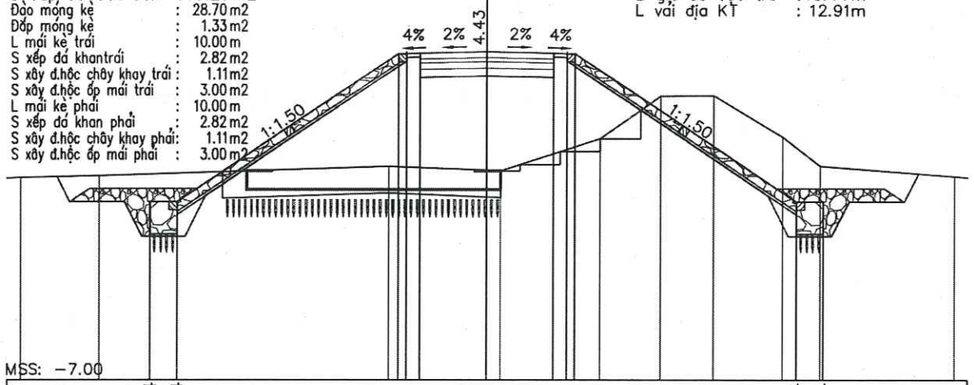

MSS: −7.00

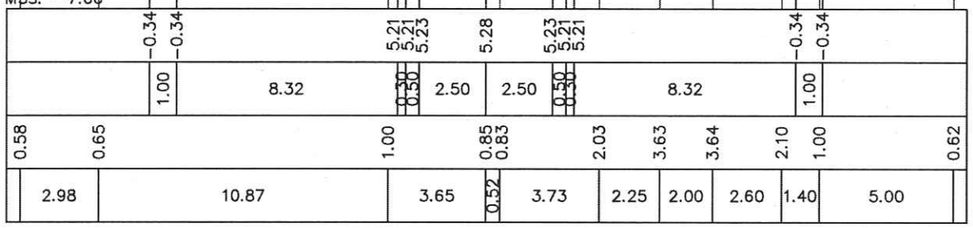

S đào hữu cơ : 0.00m2
S đào cấp : 0.00m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 44.05m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 18.82m2
S đắp bù cát đen : 18.48m2
Đào móng kè : 31.40m2
Đắp móng kè : 1.33m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 10.00m
S xếp đá khan phải : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 3.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 18.83m
L vải địa KT : 21.42m

Cọc: 37
KM0+800.00

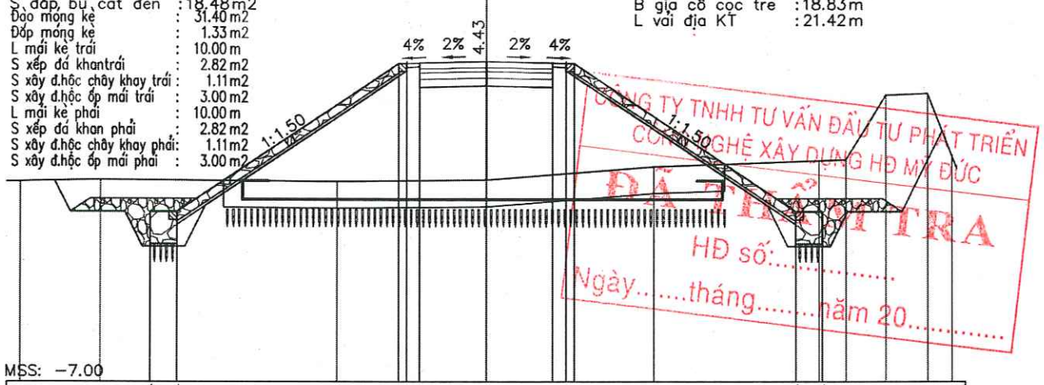

MSS: −7.00

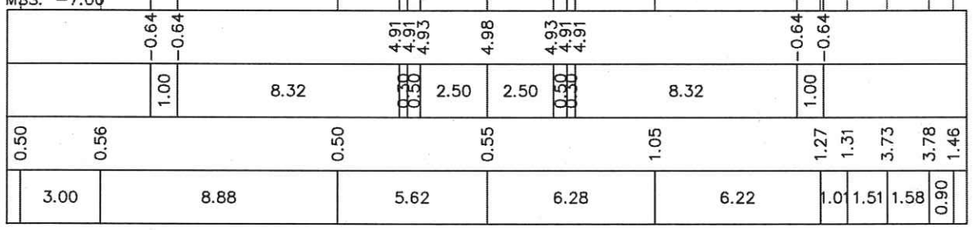

Cống hộp 2x(3x3)(m)

S đào hữu cơ : 0.00m2
S đào cấp : 0.00m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 35.20m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 17.85m2
S đắp bù cát đen : 17.50m2
Đào móng kè : 28.30m2
Đắp móng kè : 1.33m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 10.00m
S xếp đá khan phải : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 3.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 17.85m
L vải địa KT : 19.80m

Cọc: A
KM0+810.00

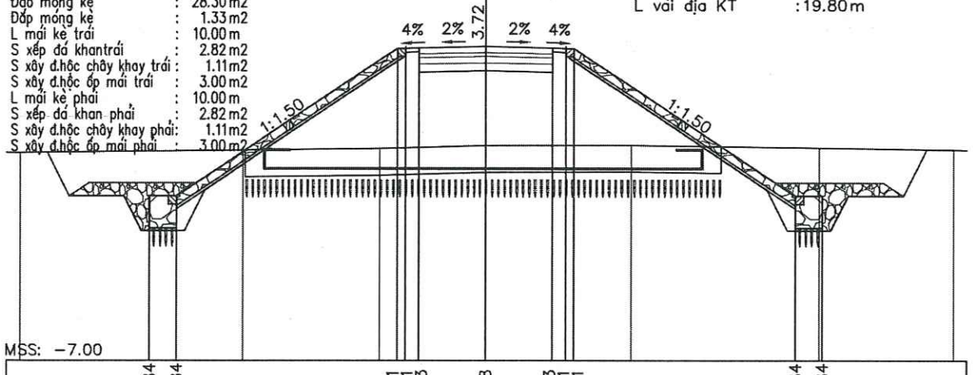

MSS: −7.00

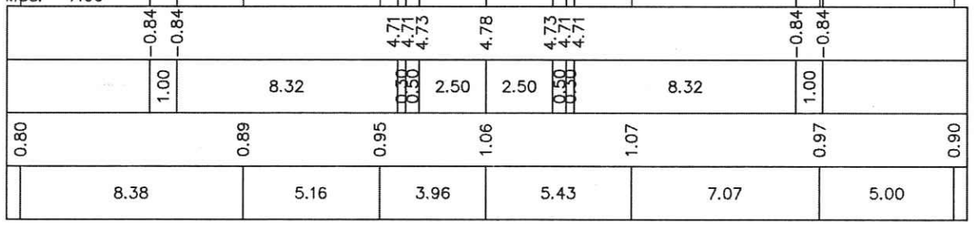

S đào hữu cơ : 0.00m2
S đào cấp : 0.17m2
S đào khuôn : 0.00m2
S đắp nền K95 : 29.68m2
S đào nền : 0.00m2
S đào bùn : 14.37m2
S đắp bù cát đen : 14.19m2
Đào móng kè : 47.26m2
Đắp móng kè : 1.33m2
L mái kè trái : 10.00m
S xếp đá khantrái : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái : 3.00m2
L mái kè phải : 10.00m
S xếp đá khan phải : 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay phải : 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái phải : 3.00m2

B mặt đường : 5.00m
S BTXM mác 250# : 1.10m2
S CPĐD loại 1 : 0.75m2
S CPĐD loại 2 : 1.20m2
S đắp nền K98 : 1.50m2
S lề gia cố : 0.15m2
B gia cố cọc tre : 14.38m
L vải địa KT : 17.04m

Cọc: 38
KM0+820.00

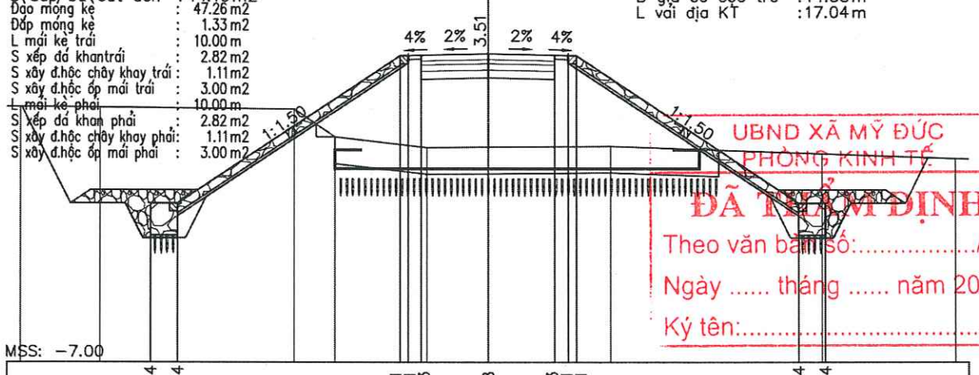

MSS: −7.00

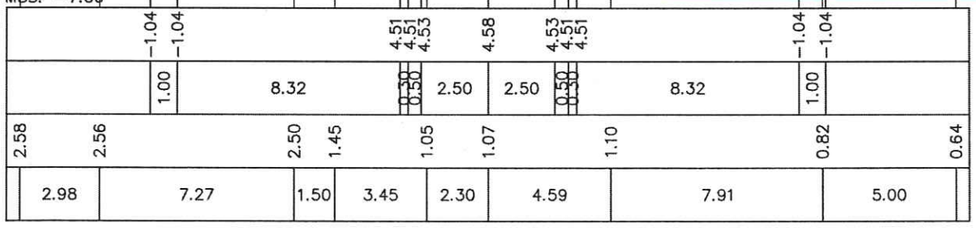

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG GHẺ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSONJSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XA LA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912261060

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 14

Cọc: B
KM0+826.98

S đào hữu cơ	: 0.00m2
S đào cấp	: 0.00m2
S đào khuôn	: 0.00m2
S đắp nền K95	:19.97m2
S đào nền	: 0.00m2
S đào bùn	:14.89m2
S đắp bù cát đen	:14.53m2
Đào móng kè	: 45.10m2
Đắp móng kè	: 1.33m2
L mái kè trái	: 10.00m
S xếp đá khantrái	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái	: 3.00m2
L mái kè phải	: 10.00m
S xếp đá khan phải	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay phải	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái phải	: 3.00m2

B mặt đường	: 5.00m
S BTXM mác 250#	: 1.10m2
S CPĐD loại 1	: 0.75m2
S CPĐD loại 2	: 1.20m2
S đắp nền K98	: 1.50m2
S lề gia cố	: 0.15m2
B gia cố cọc tre	:14.89m
L vải địa KT	:16.45m

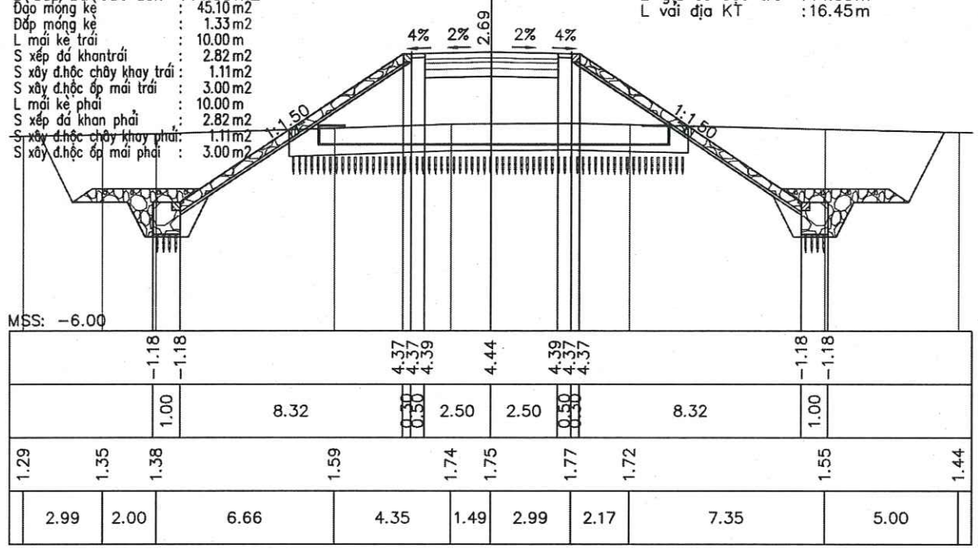

Cọc: 39
KM0+840.00

S đào hữu cơ	: 4.29m2
S đào cấp	: 0.00m2
S đào khuôn	: 0.00m2
S đắp nền K95	: 3.26m2
S đào nền	: 0.00m2
S đắp bù cát đen	: 4.29m2
Đào móng kè	: 5.56m2
Đắp móng kè	: 1.33m2
L mái kè trái	: 2.00m
S xếp đá khantrái	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái	: 0.60m2
L mái kè phải	: 2.00m
S xếp đá khan phải	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay phải	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái phải	: 0.60m2

B mặt đường	: 5.00m
S BTXM mác 250#	: 1.10m2
S CPĐD loại 1	: 0.75m2
S CPĐD loại 2	: 1.20m2
S đắp nền K98	: 1.50m2
S lề gia cố	: 0.15m2
B gia cố cọc tre	: 8.59m
L vải địa KT	:11.70m

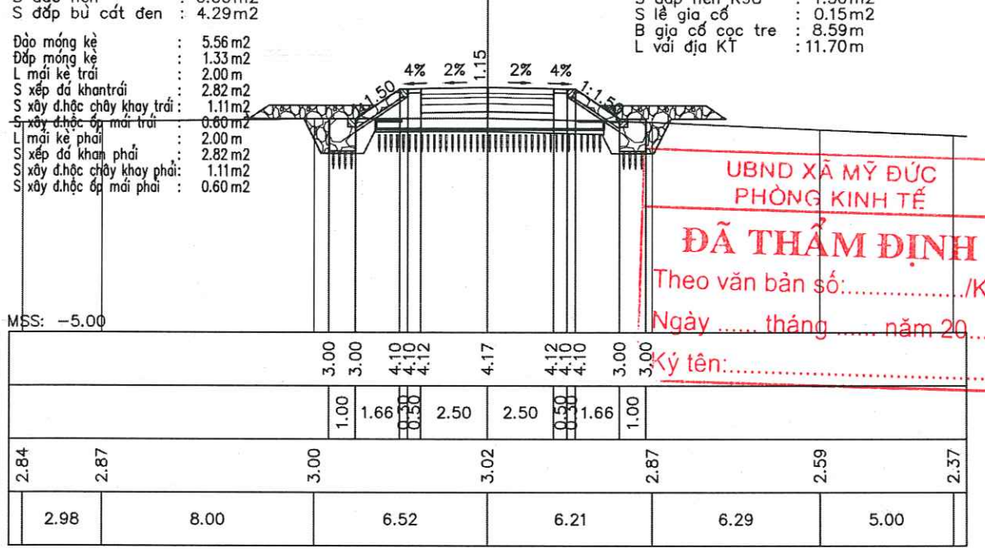

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

Cọc: CT2
KM0+854.67

S đào hữu cơ	: 3.15m2
S đào cấp	: 0.00m2
S đào khuôn	: 2.17m2
S đắp nền K95	: 0.40m2
S đào nền	: 0.00m2
Đào móng kè	: 9.29m2
Đắp móng kè	: 0.67m2
L mái kè trái	: 2.00m
S xếp đá khantrái	: 2.82m2
S xây đ.hộc chây khay trái	: 1.11m2
S xây đ.hộc ốp mái trái	: 0.60m2
L mái kè phải	: 0.00m
S xếp đá khan phải	: 0.00m2
S xây đ.hộc chây khay phải	: 0.00m2
S xây đ.hộc ốp mái phải	: 0.00m2

B mặt đường	: 5.00m
S BTXM mác 250#	: 1.10m2
S CPĐD loại 1	: 0.75m2
S CPĐD loại 2	: 1.20m2
S đắp nền K98	: 1.50m2
S lề gia cố	: 0.15m2

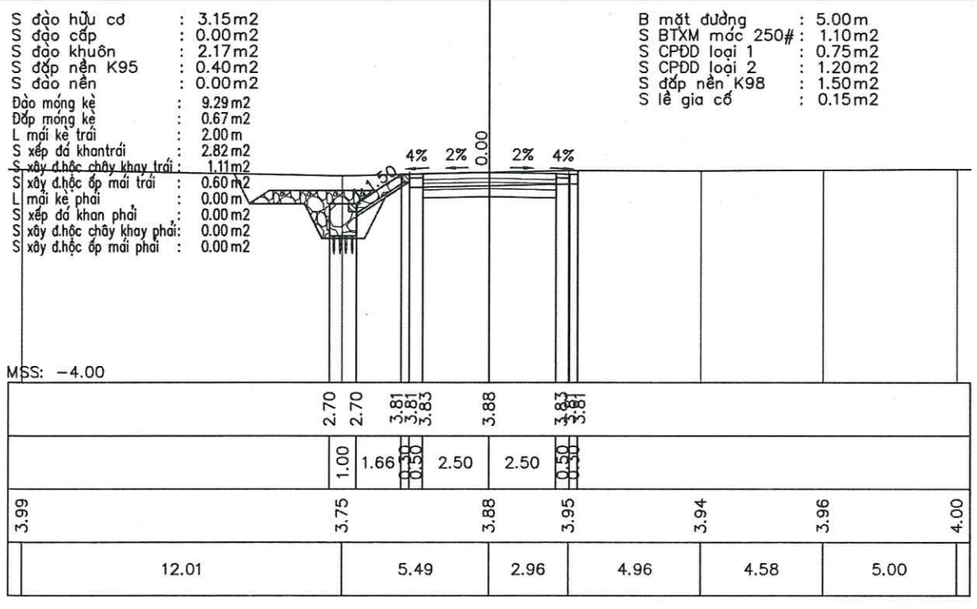

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN-T2 - 15

CẤU TẠO CÁC KHE CO, KHE GIÃN MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KHE CO

1/ MATIT CHÈN KHE
2/ MẠT CỬA TRỘN NHỰA ĐƯỜNG

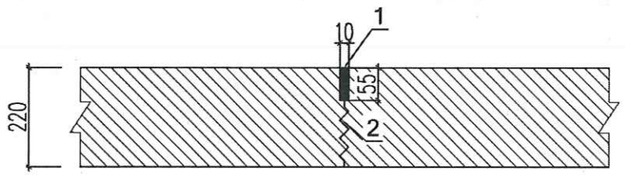

KHE GIÃN

1/ MATIT CHÈN KHE
2/ GỖ ĐỆM CHÈN KHE

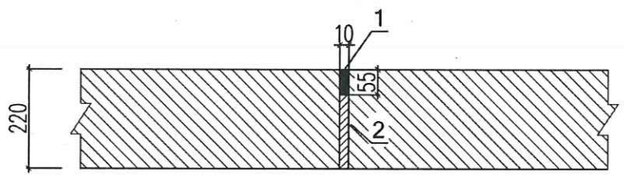

MẶT BẰNG BỐ TRÍ KHE CO GIÃN

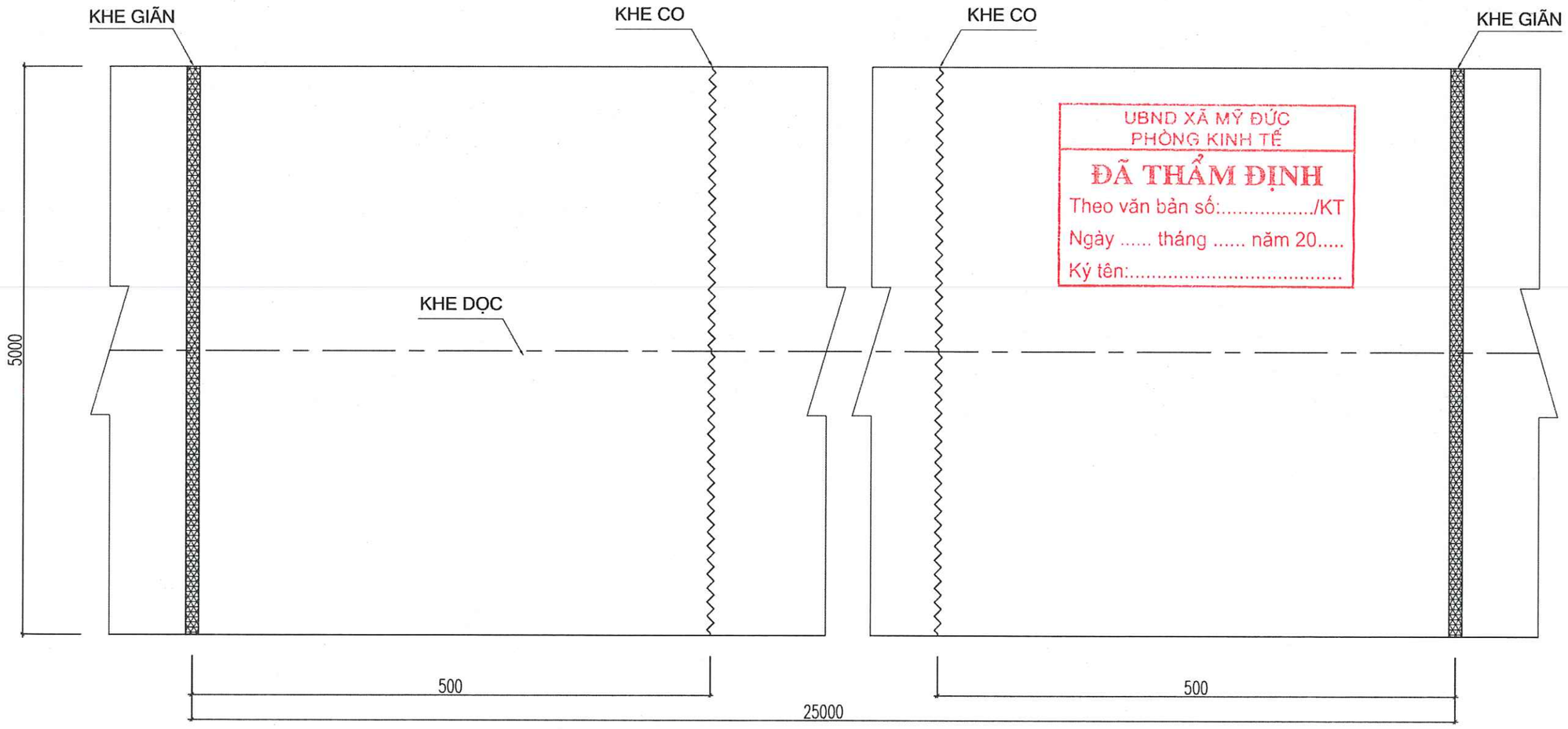

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

GHI CHÚ:

- BỐ TRÍ 5M MỘT KHE CO; 25M BỐ TRÍ MỘT KHE GIÃN
- ĐƠN VỊ THỂ HIỆN TRÊN BẢN VẼ LÀ MM

SỬA ĐỔI			
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT KHE CO GIÃN

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CT-01

GỜ CHẮN BÁNH

MẶT ĐỨNG

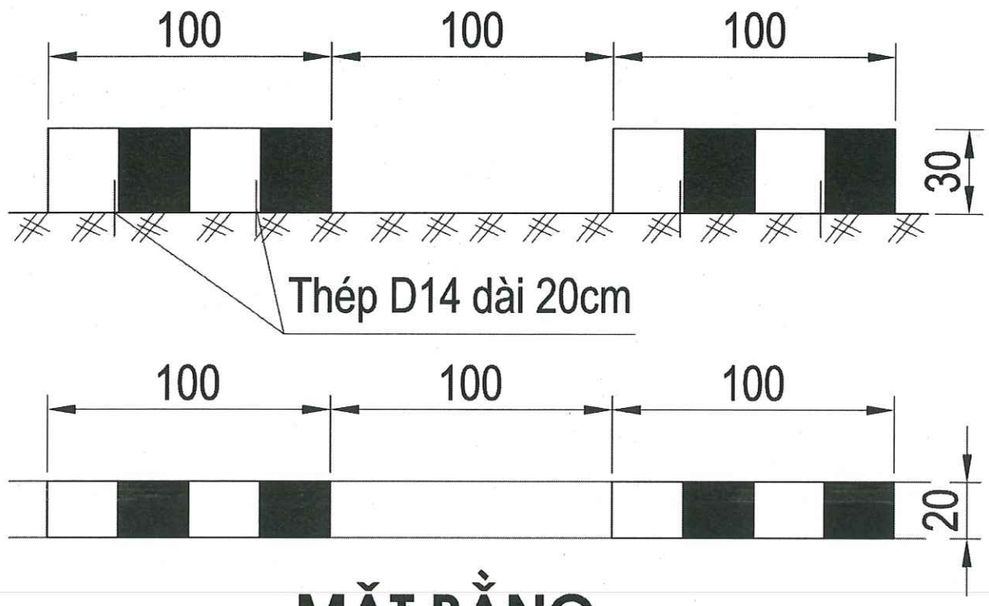

MẶT BẰNG

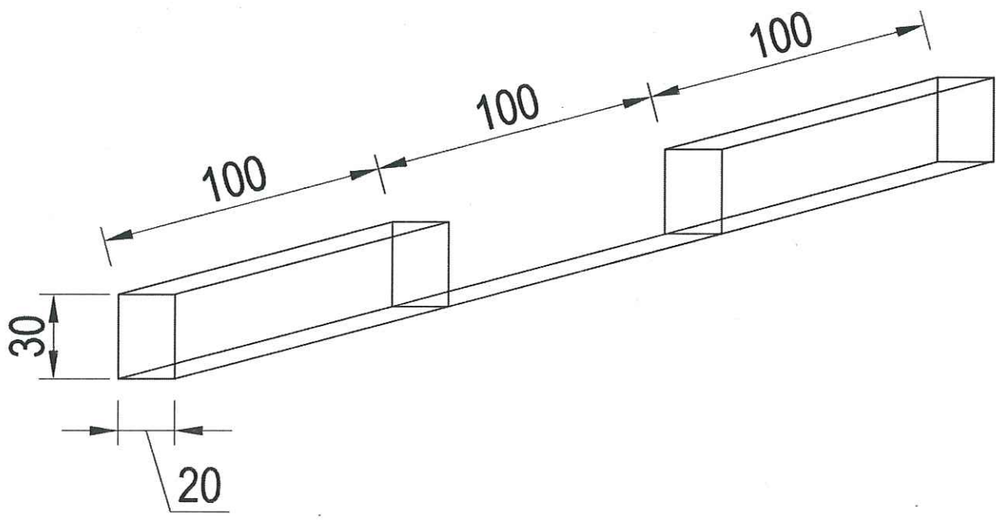

Ghi chú: sơn 03 lớp

- áp dụng cho những đoạn làm kè đá hộc và mương
- BTXM mác 200#, đá 1x2
- Đơn vị thể hiện trên bản vẽ là cm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281950

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO GỜ CHẮN BÁNH (ÁP DỤNG ĐỈNH KÈ)

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CT-02

MẶT ĐỨNG KÈ ĐÁ HỘC

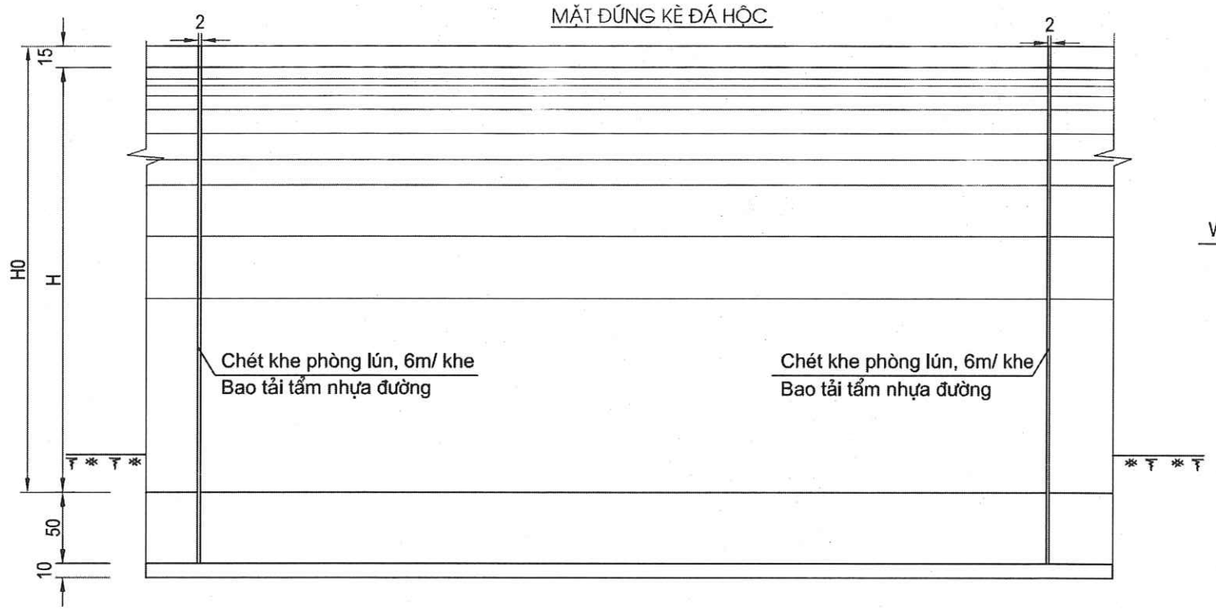

MẶT BẰNG KÈ ĐÁ HỘC

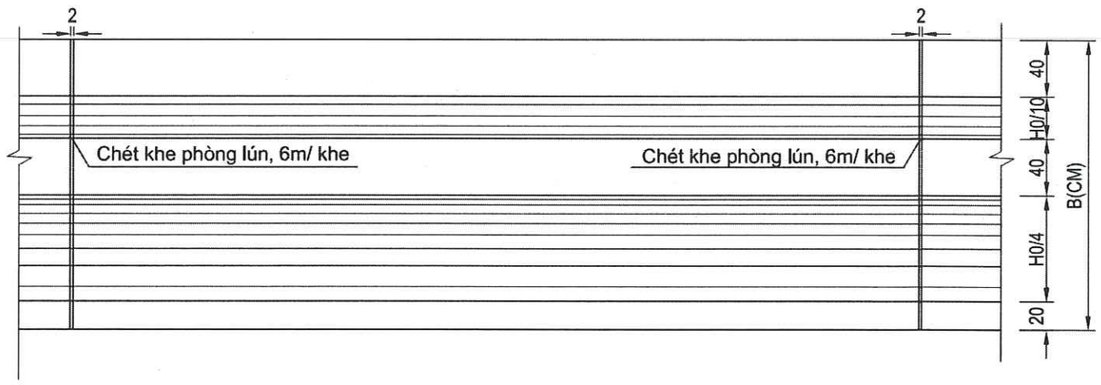

CẮT NGANG KÈ ĐÁ HỘC

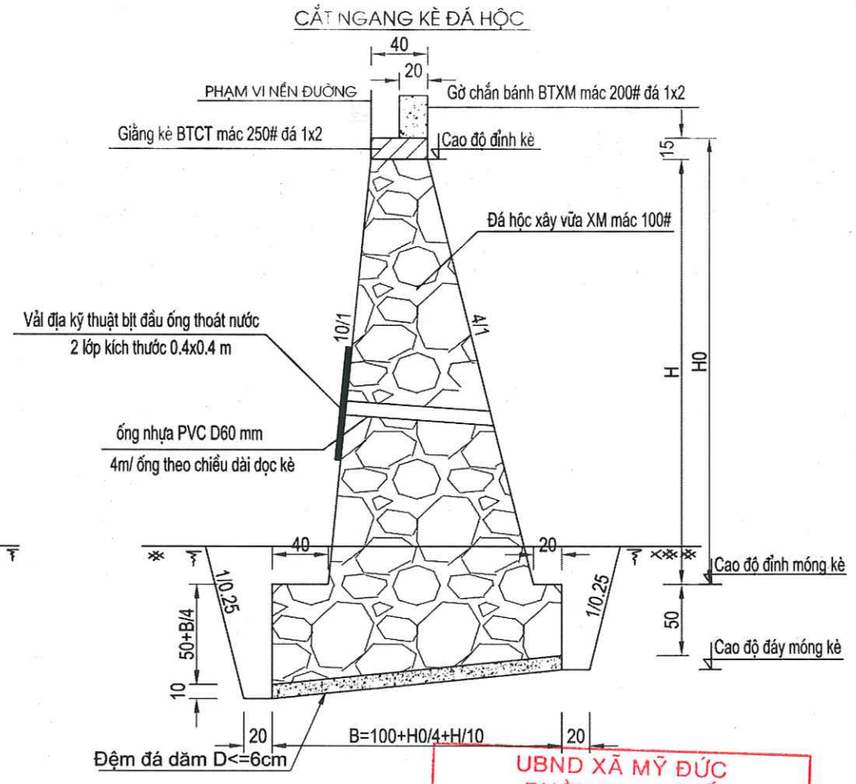

Ghi chú:

1) Diện tích móng kè : ((0.50+0.50+B/10)*0.5*B) (m2)
2) Diện tích thân kè : ((0.4+0.4+H0/10+H0/4)*0.50*H0 (m2)
3) Chiều rộng đáy kè : B=1.00+H0/4+H0/10 (m)
4) Đào, đắp móng kè theo cắt ngang.

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢNG THỐNG KÊ THÉP 1M DÀI GIẰNG

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG / 01C.K	SỐ LƯỢNG C.K	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	KHỐI LƯỢNG (Kg)
GIẰNG G1	1	60 350 60	6	470	3	1	1410	0.313
	2	1000	12	1000	3	1	3000	2.664

GIẰNG BTCT ĐỈNH KÈ

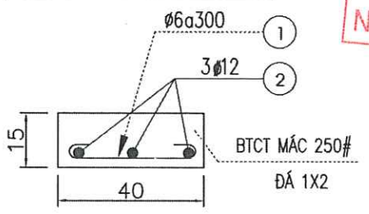

GHI CHÚ:

1. ĐƠN VỊ THỂ HIỆN TRÊN BẢN VẼ LÀ CM

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ HỒNG SƠN

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, PHÚC LA, HÀ ĐÔNG
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO KÈ ĐÁ HỘC
(ÁP DỤNG H>=2M)

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CT-03

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TOÀN TUYẾN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng .....năm 20.....

STT	Hạng mục	Tuyến 1	Tuyến 2	Tổng	Đơn vị	Ghi chú
I	***Nền, mặt đường***					
1	Chiều dài (Lmđ)	1876.26	854.67	2730.93	m	
2	Diện tích mặt đường (Smđ)	9360.75	4270.71	13631.46	m2	
3	Đào hữu cơ	829.90	2063.64	2893.54	m3	
4	Đào cấp	3007.13	1687.83	4694.96	m3	
5	Đào bùn	0.00	5459.55	5459.55	m3	
6	Đào khuôn	5911.21	37.80	5949.01	m3	
7	Đào nền	952.99	0.87	953.87	m3	
8	Đắp bù cát đen K95	0.00	1887.83	1887.83	m3	
9	Đắp nền K95	5003.55	27294.70	32298.26	m3	
10	Đắp nền K98	2808.23	1281.22	4089.45	m3	
11	Móng CPĐD loại 2	2246.58	1024.97	3271.55	m3	
12	Móng CPĐD loại 1	1404.11	640.60	2044.71	m2	
13	Lề gia cố CPĐD loại 1	281.62	128.03	409.65	m2	
14	BTXM mặt đườngmác 250# đá 2x4	2059.37	939.57	2998.93	m2	
15	Ván khuôn mặt đường	825.55	376.05	1201.61	m2	
16	Nilon lót chống mất nước	9360.75	4270.71	13631.46	m2	
17	Gia cố cọc tre, L=3.00m, 20 cọc/m2	0.00	1993.21			
18	Vải địa kỹ thuật	0.00	2818.56			
II	***Vuốt rẽ***					
1	Diện tích vuốt rẽ (Svr)	267.32	46.26	313.58	m2	
2	Đào khuôn	82.87	14.34	97.21	m3	
3	Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm	40.10	6.94	47.04	m3	
4	BTXM mác 250# đá 2x4 dày 16cm	42.77	7.40	50.17	m3	
III	***Kè đá hộc***					
1	Chiều dài	840.09		840.09	m	
2	Diện tích đáy móng kè	1582.96		1582.96	m2	
3	Đào móng kè	4955.10		4955.10	m3	
4	Đắp đất trong móng kè	1945.27		1945.27	m3	
5	Đắp đất TD móng kè	501.80		501.80	m2	
6	Đóng cọc tre đáy móng kè L=2.0m ,20 cọc/m2	0.00		0.00	m	
7	Đệm đá dăm đáy móng kè	158.30		158.30	m3	
8	Xây móng kè đá hộc VXM mác 100#	1164.71		1164.71	m3	
9	Xây thân kè đá hộc VXM mác 100#	1791.86		1791.86	m3	
10	Chét khe bằng bao tải tẩm nhựa đường, 6m/khe	491.32		491.32	m2	
11	Vải địa kỹ thuật 2 lớp :0.4x0.4m	67.21		67.21	m2	
12	Ống nhựa PVC D60mm, khoảng cách 4m / ống, L=0.90m	189.02		189.02	m	
IV	**Giằng kè**					
1	Ván khuôn giằng	252.03		252.03	m2	
2	Cốt thép D<10mm	262.95		262.95	Kg	

M.S.D.N: 0101049446 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày..... tháng ..... năm 20.....

STT	Hạng mục	Tuyến 1	Tuyến 2	Tổng	Đơn vị	Ghi chú
3	Cốt thép D>10mm	2238.00		2238.00	Kg	
4	Bê tông cốt thép M250# đá 1x2cm	50.41		50.41	m3	
V	***Gờ chắn bánh: KT 20x30x100cm***					
1	Số lượng	420.00		420.00	Cái	
2	Ván khuôn gờ chắn bánh	302.40		302.40	m2	
3	BTXM gờ chắn bánh mác 200#, đá 1x2	25.20		25.20	m3	
4	Sơn 2 lớp	386.40		386.40	m2	
5	Thép D14 dài 20cm	203.11		203.11	Kg	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TOÀN TUYẾN 1

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

STT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị	Ghi chú
I	***Nền, mặt đường***				
1	Chiều dài (Lmđ)	Bảng KL nền, mặt đường	1876.26	m	
2	Diện tích mặt đường (Smđ)	Bảng KL nền, mặt đường	9360.75	m2	
3	Đào hữu cơ	Bảng KL nền, mặt đường	829.90	m3	
4	Đào cấp	Bảng KL nền, mặt đường	3007.13	m3	
5	Đào bùn	Bảng KL nền, mặt đường	0.00	m3	
6	Đào khuôn	Bảng KL nền, mặt đường	5911.21	m3	
7	Đào nền	Bảng KL nền, mặt đường	952.99	m3	
8	Đắp nền K95	Bảng KL nền, mặt đường	5003.55	m3	
9	Đắp nền K98	Bảng KL nền, mặt đường	2808.23	m3	
10	Móng CPĐD loại 2	Bảng KL nền, mặt đường	2246.58	m3	
11	Móng CPĐD loại 1	Bảng KL nền, mặt đường	1404.11	m2	
12	Lề gia cố CPĐD loại 1	Bảng KL nền, mặt đường	281.62	m2	
13	BTXM mặt đườngmác 250# đá 2x4	Bảng KL nền, mặt đường	2059.37	m2	
14	Ván khuôn mặt đường	Bảng KL nền, mặt đường	825.55	m2	
15	Nilon lót chống mất nước	Bảng KL nền, mặt đường	9360.75	m2	
II	***Vuốt rẽ***				
1	Diện tích vuốt rẽ (Svr)	Bảng KL vuốt rẽ	267.32	m2	
2	Đào khuôn	Bảng KL vuốt rẽ	82.87	m3	
3	Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm	Bảng KL vuốt rẽ	40.10	m3	
4	BTXM mác 250# đá 2x4 dày 16cm	Bảng KL vuốt rẽ	42.77	m3	
III	***Kè đá hộc***				
1	Chiều dài	Bảng THKL kè	840.09	m	
2	Diện tích đáy móng kè	Bảng THKL kè	1582.96	m2	
3	Đào móng kè	Bảng THKL kè	4955.10	m3	
4	Đắp cát móng kè	Bảng THKL kè	1945.27	m3	
5	Đắp đất TD móng kè	Bảng THKL kè	501.80	m2	
6	Đóng cọc tre đáy móng kè L=2.0m ,20 cọc/m2	Bảng THKL kè	0.00	m	
7	Đệm đá dăm đáy móng kè	Bảng THKL kè	158.30	m3	
8	Xây móng kè đá hộc VXM mác 100#	Bảng THKL kè	1164.71	m3	
9	Xây thân kè đá hộc VXM mác 100#	Bảng THKL kè	1791.86	m3	
10	Chét khe bằng bao tải tẩm nhựa đường, 6m/khe	Bảng THKL kè	491.32	m2	
11	Vải địa kỹ thuật 2 lớp :0.4x0.4m	Bảng THKL kè	67.21	m2	
12	Ống nhựa PVC D60mm, khoảng cách 4m / ống, L=0.90m	Bảng THKL kè	189.02	m	
IV	**Giằng kè**				
1	Ván khuôn giằng	Bảng THKL kè	252.03	m2	
2	Cốt thép D<10mm	Bảng THKL kè	262.95	Kg	
3	Cốt thép D>10mm	Bảng THKL kè	2238.00	Kg	
4	Bê tông cốt thép M250# đá 1x2cm	Bảng THKL kè	50.41	m3	
V	***Gờ chắn bánh: KT 20x30x100cm***				

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:.....

STT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Số lượng	(Lkè)/2	420.00	Cái	
2	Ván khuôn gờ chắn bánh	(0.20*0.30+0.30*1.00)*2*420	302.40	m2	
3	BTXM gờ chắn bánh mác 200#, đá 1x2	0.200.30*420	25.20	m3	
4	Sơn 3 lớp	(0.20*0.30*2+0.30*1.00*2+0.20*1.00)*420	386.40	m2	
5	Thép D14 dài 20cm	2*0.20*1.209*420	203.11	Kg	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT ĐƯỜNG TUYẾN 01

Tên cọc	K/c lẻ	DT mặt đường		Đào hữu cơ		Đào cấp		Đào bùn		Đào khuôn		Đào nền		Đắp nền K95		Đắp nền K98		Móng CPĐD loại 2		Móng CPĐD loại 1		Lề gia cố CPĐD loại 1		BTXM mặt đường mác 250# đá 2x4	
		Bmđ (m)	DT (m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
DT1		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00	
	4.22		10.55		1.06		0.00		0.00		9.92		1.73		0.63		3.17		2.53		1.58		0.49		2.32
1		5.00		0.50		0.00		0.00		4.70		0.82		0.30		1.50		1.20		0.75		0.23		1.10	
	15.78		78.90		6.15		0.00		0.00		60.52		6.47		7.02		23.67		18.94		11.84		3.00		17.36
2		5.00		0.28		0.00		0.00		2.97		0.00		0.59		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.50		0.00		0.00		59.00		0.00		12.10		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
3		5.00		0.27		0.00		0.00		2.93		0.00		0.62		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.30		15.00		0.00		55.40		0.00		17.30		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
4		5.00		0.26		1.50		0.00		2.61		0.00		1.11		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.30		30.40		0.00		49.30		0.00		23.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
5		5.00		0.27		1.54		0.00		2.32		0.00		1.28		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.40		30.40		0.00		45.30		0.00		26.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
6		5.00		0.27		1.50		0.00		2.21		0.00		1.34		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.40		29.40		0.00		43.80		0.00		28.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
7		5.00		0.27		1.44		0.00		2.17		0.00		1.46		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.40		28.50		0.00		43.50		0.00		29.30		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
8		5.00		0.27		1.41		0.00		2.18		0.00		1.47		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		6.00		28.00		0.00		42.10		0.00		30.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
9		5.00		0.33		1.39		0.00		2.03		0.00		1.62		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		6.70		27.90		0.00		41.10		0.00		32.50		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
10		5.00		0.34		1.40		0.00		2.08		0.00		1.63		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	10.29		51.45		3.09		14.51		0.00		22.38		0.00		15.07		15.44		12.35		7.72		1.54		11.32
D1		5.00		0.26		1.42		0.00		2.27		0.00		1.30		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	9.71		48.55		2.52		15.15		0.00		22.87		0.00		12.19		14.57		11.65		7.28		1.46		10.68
11		5.00		0.26		1.70		0.00		2.44		0.00		1.21		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		6.00		35.80		0.00		53.00		1.20		22.40		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
12		5.00		0.34		1.88		0.00		2.86		0.12		1.03		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		6.80		37.30		0.00		57.30		2.40		20.60		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
13		5.00		0.34		1.85		0.00		2.87		0.12		1.03		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		6.50		37.30		0.00		56.80		1.80		20.60		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
14		5.00		0.31		1.88		0.00		2.81		0.06		1.03		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		6.10		37.70		0.00		55.80		1.10		20.80		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
15		5.00		0.30		1.89		0.00		2.77		0.05		1.05		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.80		37.90		0.00		53.90		0.60		21.60		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
16		5.00		0.28		1.90		0.00		2.62		0.01		1.11		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.30		37.30		0.00		50.00		0.10		23.40		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
17		5.00		0.25		1.83		0.00		2.38		0.00		1.23		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.20		36.50		0.00		47.40		0.00		24.80		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
18		5.00		0.27		1.82		0.00		2.36		0.00		1.25		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.20		35.70		0.00		48.90		0.00		24.10		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
19		5.00		0.25		1.75		0.00		2.53		0.00		1.16		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.30		35.10		0.00		47.70		0.00		27.60		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
20		5.00		0.28		1.76		0.00		2.24		0.00		1.60		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.92		34.40		0.00		47.90		0.00		28.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
21		5.00		0.31		1.68		0.00		2.55		0.00		1.29		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.92		34.60		0.00		51.00		0.00		25.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....3.....00...../KT
Ngày..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

Tên cọc	K/c lẻ	DT mặt đường		Đào hữu cơ		Đào cấp		Đào bùn		Đào khuôn		Đào nền		Đắp nền K95		Đắp nền K98		Móng CPĐD loại 2		Móng CPĐD loại 1		Lề gia cố CPĐD loại 1		BTXM mặt đường mác 250# đá 2x4	
		Bmđ (m)	DT (m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
22		5.00		0.28		1.78		0.00		2.55		0.00		1.23		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.30		37.20		0.00		51.30		0.00		24.10		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
23		5.00		0.25		1.94		0.00		2.58		0.00		1.18		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.20		39.00		0.00		51.20		0.10		23.70		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
24		5.00		0.27		1.96		0.00		2.54		0.01		1.19		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.90		39.00		0.00		49.40		2.10		24.70		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
25		5.00		0.32		1.94		0.00		2.40		0.20		1.28		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		7.20		40.60		0.00		47.20		6.80		26.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
26		5.00		0.40		2.12		0.00		2.32		0.48		1.32		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		4.00		44.20		0.00		48.70		34.20		25.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
27		5.00		0.00		2.30		0.00		2.55		2.94		1.27		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	13.07		65.35		0.00		29.67		0.00		37.12		35.29		11.37		19.61		15.68		9.80		1.96		14.38
TD2		5.00		0.00		2.24		0.00		3.13		2.46		0.47		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.26		31.30		0.00		13.77		0.00		19.63		11.24		2.22		9.39		7.51		4.70		0.94		6.89
P2		5.00		0.00		2.16		0.00		3.14		1.13		0.24		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.26		31.30		0.00		13.30		0.00		19.22		5.63		2.63		9.39		7.51		4.70		0.94		6.89
TC2		5.00		0.00		2.09		0.00		3.00		0.67		0.60		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	14.41		72.05		2.09		28.24		0.00		43.59		5.62		10.09		21.62		17.29		10.81		2.16		15.85
28		5.00		0.29		1.83		0.00		3.05		0.11		0.80		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.70		36.10		0.00		59.10		1.50		16.10		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
29		5.00		0.28		1.78		0.00		2.86		0.04		0.81		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.90		36.70		0.00		56.00		2.30		15.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
30		5.00		0.31		1.89		0.00		2.74		0.19		0.71		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		6.40		37.60		0.00		57.10		5.10		12.80		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
31		5.00		0.33		1.87		0.00		2.97		0.32		0.57		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	16.78		83.90		5.29		31.63		0.00		51.35		6.38		7.47		25.17		20.14		12.59		2.52		18.46
TD3		5.00		0.30		1.90		0.00		3.15		0.44		0.32		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	8.43		42.15		2.61		15.76		0.00		26.39		3.12		3.16		12.65		10.12		6.32		1.26		9.27
P3		5.00		0.32		1.84		0.00		3.11		0.30		0.43		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	8.43		42.15		2.74		16.19		0.00		26.39		4.85		3.50		12.65		10.12		6.32		1.26		9.27
TC3		5.00		0.33		2.00		0.00		3.15		0.85		0.40		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.37		31.85		1.85		11.94		0.00		20.22		3.85		3.12		9.56		7.64		4.78		0.96		7.01
32		5.00		0.25		1.75		0.00		3.20		0.36		0.58		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.00		35.10		0.00		63.90		6.40		12.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
33		5.00		0.25		1.76		0.00		3.19		0.28		0.62		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		5.00		35.30		0.00		63.40		3.60		12.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
34		5.00		0.25		1.77		0.00		3.15		0.08		0.67		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	10.70		53.50		2.68		19.69		0.00		35.20		2.25		6.26		16.05		12.84		8.03		1.61		11.77
C1		5.00		0.25		1.91		0.00		3.43		0.34		0.50		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	9.97		49.85		3.24		19.49		0.00		32.00		3.74		6.08		14.96		11.96		7.48		1.50		10.97
D4		5.00		0.40		2.00		0.00		2.99		0.41		0.72		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	19.32		96.60		7.73		38.83		0.00		59.31		10.82		11.88		28.98		23.18		14.49		2.90		21.25
35		5.00		0.40		2.02		0.00		3.15		0.71		0.51		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		4.00		40.60		0.00		63.00		16.10		6.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
36		5.00		0.00		2.04		0.00		3.15		0.90		0.18		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		0.00		40.10		0.00		63.70		21.20		3.30		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
37		5.00		0.00		1.97		0.00		3.22		1.22		0.15		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		0.00		38.90		0.00		64.40		24.40		3.40		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
38		5.00		0.00		1.92		0.00		3.22		1.22		0.19		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		0.00		39.00		0.00		64.40		23.20		3.40		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
39		5.00		0.00		1.98		0.00		3.22		1.10		0.15		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HẢI ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HỒ SƠ
Ngày ... tháng ... năm 20...
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: ...../KT
Ngày ... tháng ... năm 20...
Ký tên:

Tên cọc	K/c lẻ	DT mặt đường		Đào hữu cơ		Đào cấp		Đào bùn		Đào khuôn		Đào nền		Đắp nền K95		Đắp nền K98		Móng CPĐD loại 2		Móng CPĐD loại 1		Lề gia cố CPĐD loại 1		BTXM mặt đường mác 250# đá 2x4	
		Bmđ (m)	DT (m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
	20.00		100.00		0.00		39.60		0.00		64.20		20.60		3.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
40		5.00		0.00		1.98		0.00		3.20		0.96		0.24		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	0.03		0.15		0.00		0.06		0.00		0.10		0.03		0.01		0.05		0.04		0.02		0.00		0.03
TD5		5.00		0.00		1.98		0.00		3.20		0.96		0.24		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.63		33.15		0.00		13.13		0.00		21.15		6.03		1.52		9.95		7.96		4.97		0.99		7.29
P5		5.00		0.00		1.98		0.00		3.18		0.86		0.22		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.63		33.15		0.00		13.29		0.00		21.15		5.50		1.82		9.95		7.96		4.97		0.99		7.29
TC5		5.00		0.00		2.03		0.00		3.20		0.80		0.33		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.70		33.50		0.00		13.17		0.00		21.51		5.46		1.91		10.05		8.04		5.03		1.01		7.37
41		5.00		0.00		1.90		0.00		3.22		0.83		0.24		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		0.00		22.80		0.00		75.70		15.70		4.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
42		5.00		0.00		0.38		0.00		4.35		0.74		0.16		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	2.57		12.85		1.89		3.56		0.00		9.78		1.94		12.71		3.86		3.08		1.93		0.39		2.83
C2		5.00		1.47		2.39		0.00		3.26		0.77		9.73		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	4.93		24.65		6.04		9.91		0.00		18.71		3.67		37.17		7.40		5.92		3.70		0.74		5.42
43A		5.00		0.98		1.63		0.00		4.33		0.72		5.35		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	12.50		62.50		12.00		24.75		0.00		47.44		9.06		87.19		18.75		15.00		9.38		1.88		13.75
43		5.00		0.94		2.33		0.00		3.26		0.73		8.60		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		19.40		46.10		0.00		65.20		12.50		174.80		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
44		5.00		1.00		2.28		0.00		3.26		0.52		8.88		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		20.50		44.20		0.00		65.40		7.10		180.50		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
45		5.00		1.05		2.14		0.00		3.28		0.19		9.17		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		21.00		42.50		0.00		64.80		2.70		184.60		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
46		5.00		1.05		2.11		0.00		3.20		0.08		9.29		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		20.90		42.80		0.00		63.10		1.40		186.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
47		5.00		1.04		2.17		0.00		3.11		0.06		9.33		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		22.50		31.00		0.00		61.20		1.70		131.60		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
48		5.00		1.21		0.93		0.00		3.01		0.11		3.83		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	1.18		5.90		1.75		1.09		0.00		3.15		0.06		4.71		1.77		1.42		0.89		0.18		1.30
TD6		5.00		1.75		0.91		0.00		2.33		0.00		4.15		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	15.87		79.35		17.85		7.22		0.00		55.23		3.49		36.18		23.81		19.04		11.90		2.38		17.46
P6		5.00		0.50		0.00		0.00		4.63		0.44		0.41		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	15.87		79.35		3.97		0.00		0.00		74.03		12.62		3.25		23.81		19.04		11.90		2.38		17.46
TC6		5.00		0.00		0.00		0.00		4.70		1.15		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	7.09		35.45		0.00		2.77		0.00		32.05		9.04		2.20		10.64		8.51		5.32		1.06		7.80
49		5.00		0.00		0.78		0.00		4.34		1.40		0.62		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		0.00		31.70		0.00		76.50		22.40		45.50		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
50		5.00		0.00		2.39		0.00		3.31		0.84		3.93		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.54		102.70		0.00		47.86		0.00		67.68		16.02		81.95		30.81		24.65		15.41		3.08		22.59
TD7		5.00		0.00		2.27		0.00		3.28		0.72		4.05		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	10.85		54.25		1.74		22.41		0.00		37.32		8.08		43.24		16.28		13.02		8.14		1.63		11.94
P7		5.00		0.32		1.86		0.00		3.60		0.77		3.92		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	10.85		54.25		3.47		20.34		0.00		40.04		9.11		41.99		16.28		13.02		8.14		1.63		11.94
TC7		5.00		0.32		1.89		0.00		3.78		0.91		3.82		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	17.77		88.85		5.78		34.30		0.00		68.15		15.64		67.17		26.66		21.32		13.33		2.67		19.55
51		5.00		0.33		1.97		0.00		3.89		0.85		3.74		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		6.70		39.50		0.00		77.80		17.90		75.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
52		5.00		0.34		1.98		0.00		3.89		0.94		3.78		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	11.03		55.15		9.65		26.25		0.00		40.09		11.09		84.05		16.55		13.24		8.27		1.65		12.13
52A		5.00		1.41		2.78		0.00		3.38		1.07		11.46		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	2.81		14.05		2.51		3.91		0.00		11.23		2.85		16.62		4.22		3.37		2.11		0.42		3.09

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:...
Ngày...tháng.....năm 20.....
M.S.D.N: 0104944031 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - T.P. HÀ NỘI
CỘNG XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

Tên cọc	K/c lẻ	DT mặt đường		Đào hữu cơ		Đào cấp		Đào bùn		Đào khuôn		Đào nền		Đắp nền K95		Đắp nền K98		Móng CPĐD loại 2		Móng CPĐD loại 1		Lề gia cố CPĐD loại 1		BTXM mặt đường mác 250# đá 2x4	
		Bmđ (m)	DT (m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
C3		5.00		0.38		0.00		0.00		4.61		0.96		0.37		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.16		30.80		2.59		0.00		0.00		28.21		5.57		2.74		9.24		7.39		4.62		0.92		6.78
53		5.00		0.46		0.00		0.00		4.55		0.85		0.52		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	2.43		12.15		1.36		3.22		0.00		9.51		1.90		9.16		3.65		2.92		1.82		0.36		2.67
53A		5.00		0.66		2.65		0.00		3.28		0.71		7.02		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	17.57		87.85		11.51		47.35		0.00		57.63		12.65		123.08		26.36		21.08		13.18		2.64		19.33
54		5.00		0.65		2.74		0.00		3.28		0.73		6.99		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		13.60		49.70		0.00		66.50		16.70		138.30		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
55		5.00		0.71		2.23		0.00		3.37		0.94		6.84		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		15.10		44.30		0.00		65.80		17.90		142.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
56		5.00		0.80		2.20		0.00		3.21		0.85		7.38		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	12.91		64.55		9.36		28.21		0.00		43.31		11.94		89.08		19.37		15.49		9.68		1.94		14.20
TD8		5.00		0.65		2.17		0.00		3.50		1.00		6.42		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	7.09		35.45		4.61		15.42		0.00		24.74		7.20		45.66		10.64		8.51		5.32		1.06		7.80
57		5.00		0.65		2.18		0.00		3.48		1.03		6.46		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	9.24		46.20		5.36		20.42		0.00		33.17		9.56		44.07		13.86		11.09		6.93		1.39		10.16
P8		5.00		0.51		2.24		0.00		3.70		1.04		3.08		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	10.76		53.80		5.27		23.99		0.00		39.97		11.30		33.84		16.14		12.91		8.07		1.61		11.84
58		5.00		0.47		2.22		0.00		3.73		1.06		3.21		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	5.57		27.85		2.37		12.34		0.00		20.83		6.02		22.06		8.36		6.68		4.18		0.84		6.13
TC8		5.00		0.38		2.21		0.00		3.75		1.10		4.71		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	14.43		72.15		5.84		31.39		0.00		54.40		14.86		69.99		21.65		17.32		10.82		2.16		15.87
59		5.00		0.43		2.14		0.00		3.79		0.96		4.99		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		8.00		42.70		0.00		75.70		19.40		97.50		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
60		5.00		0.37		2.13		0.00		3.78		0.98		4.76		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	17.79		88.95		5.60		37.45		0.00		66.98		17.26		82.01		26.69		21.35		13.34		2.67		19.57
D9		5.00		0.26		2.08		0.00		3.75		0.96		4.46		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	2.21		11.05		0.57		4.60		0.00		8.29		2.14		9.86		3.32		2.65		1.66		0.33		2.43
61		5.00		0.26		2.08		0.00		3.75		0.98		4.46		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	19.39		96.95		8.53		40.53		0.00		68.74		17.74		100.92		29.09		23.27		14.54		2.91		21.33
D10		5.00		0.62		2.10		0.00		3.34		0.85		5.95		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	22.04		110.20		14.66		45.18		0.00		72.40		15.21		135.00		33.06		26.45		16.53		3.31		24.24
TD11		5.00		0.71		2.00		0.00		3.23		0.53		6.30		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	10.77		53.85		5.44		22.24		0.00		37.64		6.09		58.43		16.16		12.92		8.08		1.62		11.85
P11		5.00		0.30		2.13		0.00		3.76		0.60		4.55		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	10.77		53.85		4.52		22.89		0.00		38.02		6.68		56.11		16.16		12.92		8.08		1.62		11.85
TC11		5.00		0.54		2.12		0.00		3.30		0.64		5.87		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	17.03		85.15		9.96		35.93		0.00		55.77		12.60		101.84		25.55		20.44		12.77		2.55		18.73
62		5.00		0.63		2.10		0.00		3.25		0.84		6.09		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		12.50		41.40		0.00		65.60		16.90		119.30		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
63		5.00		0.62		2.04		0.00		3.31		0.85		5.84		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		11.10		41.20		0.00		69.20		19.50		108.60		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
64		5.00		0.49		2.08		0.00		3.61		1.10		5.02		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		7.60		41.40		0.00		74.90		18.60		89.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
65		5.00		0.27		2.06		0.00		3.88		0.76		3.90		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	14.59		72.95		1.97		15.03		0.00		62.59		12.04		28.45		21.89		17.51		10.94		2.19		16.05
TD12		5.00		0.00		0.00		0.00		4.70		0.89		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	8.36		41.80		1.42		0.00		0.00		38.87		6.52		1.38		12.54		10.03		6.27		1.25		9.20
P12		5.00		0.34		0.00		0.00		4.60		0.67		0.33		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	8.36		41.80		10.03		10.49		0.00		35.15		6.94		49.57		12.54		10.03		6.27		1.25		9.20
TC12		5.00		2.06		2.51		0.00		3.81		0.99		11.53		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Ý ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số: .....
Ngày ....tháng....năm 20.....
UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ..... /KT
Ngày .... tháng .... năm 20.....
Ký tên:.....
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THƯỢNG SƠN

Tên cọc	K/c lẻ	DT mặt đường		Đào hữu cơ		Đào cấp		Đào bùn		Đào khuôn		Đào nền		Đắp nền K95		Đắp nền K98		Móng CPĐD loại 2		Móng CPĐD loại 1		Lề gia cố CPĐD loại 1		BTXM mặt đường mác 250# đá 2x4	
		Bmđ (m)	DT (m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
	2.52		12.60		2.60		4.35		0.00		9.63		2.22		15.51		3.78		3.02		1.89		0.38		2.77
66		5.00		0.00		0.94		0.00		3.83		0.77		0.78		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.16		30.80		0.00		2.90		0.00		26.27		7.73		2.40		9.24		7.39		4.62		0.92		6.78
67		5.00		0.00		0.00		0.00		4.70		1.74		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		0.00		6.20		0.00		89.50		24.40		3.80		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
68		5.00		0.00		0.62		0.00		4.25		0.70		0.38		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	0.01		0.05		0.00		0.01		0.00		0.04		0.01		0.00		0.02		0.01		0.01		0.00		0.01
TD13		5.00		0.00		0.62		0.00		4.25		0.70		0.38		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.06		30.30		0.00		3.48		0.00		26.09		5.73		1.79		9.09		7.27		4.55		0.91		6.67
P13		5.00		0.00		0.53		0.00		4.36		1.19		0.21		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	6.05		30.25		0.00		2.66		0.00		26.53		5.75		0.85		9.08		7.26		4.54		0.91		6.66
TC13		5.00		0.00		0.35		0.00		4.41		0.71		0.07		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	7.88		39.40		0.00		3.07		0.00		34.12		5.56		1.10		11.82		9.46		5.91		1.18		8.67
69		5.00		0.00		0.43		0.00		4.25		0.70		0.21		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		12.80		16.50		0.00		70.70		14.30		44.30		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
70		5.00		1.28		1.22		0.00		2.82		0.73		4.22		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		26.30		26.40		0.00		54.30		14.20		91.50		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
71		5.00		1.35		1.42		0.00		2.61		0.69		4.93		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		13.50		26.90		0.00		56.20		12.80		68.80		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
72		5.00		0.00		1.27		0.00		3.01		0.59		1.95		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		0.00		30.50		0.00		61.00		10.70		46.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
73		5.00		0.00		1.78		0.00		3.09		0.48		2.74		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		0.00		17.80		0.00		77.90		12.10		27.40		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
74		5.00		0.00		0.00		0.00		4.70		0.73		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		18.50		7.70		0.00		73.90		13.70		39.50		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
75		5.00		1.85		0.77		0.00		2.69		0.64		3.95		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	15.03		75.15		26.15		12.17		0.00		38.93		9.84		57.49		22.55		18.04		11.27		2.25		16.53
D14		5.00		1.63		0.85		0.00		2.49		0.67		3.70		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	4.97		24.85		7.95		4.32		0.00		12.57		6.44		18.34		7.46		5.96		3.73		0.75		5.47
76		5.00		1.57		0.89		0.00		2.57		1.92		3.68		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		29.10		18.20		0.00		53.60		23.10		73.50		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
77		5.00		1.34		0.93		0.00		2.79		0.39		3.67		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		22.70		19.50		0.00		57.10		4.10		69.70		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
78		5.00		0.93		1.02		0.00		2.92		0.02		3.30		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		18.00		20.20		0.00		55.80		0.20		65.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
79		5.00		0.87		1.00		0.00		2.66		0.00		3.20		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		15.40		19.10		0.00		53.10		0.00		59.80		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
80		5.00		0.67		0.91		0.00		2.65		0.00		2.78		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		12.90		18.70		0.00		56.50		0.00		54.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
81		5.00		0.62		0.96		0.00		3.00		0.00		2.71		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	5.61		28.05		3.45		5.44		0.00		17.25		0.00		14.89		8.42		6.73		4.21		0.84		6.17
D15		5.00		0.61		0.98		0.00		3.15		0.00		2.60		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	14.39		71.95		9.21		14.68		0.00		46.70		0.00		38.85		21.59		17.27		10.79		2.16		15.83
82		5.00		0.67		1.06		0.00		3.34		0.00		2.80		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		14.50		21.20		0.00		69.00		0.30		57.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
83		5.00		0.78		1.06		0.00		3.56		0.03		2.92		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		14.80		21.60		0.00		72.00		3.40		57.20		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
84		5.00		0.70		1.10		0.00		3.64		0.31		2.80		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	20.00		100.00		9.50		19.80		0.00		76.90		4.90		39.90		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00
85		5.00		0.25		0.88		0.00		4.05		0.18		1.19		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	12.26		61.30		5.15		5.39		0.00		51.98		1.35		10.30		18.39		14.71		9.20		1.84		13.49

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HR MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
Hồ sơ số: .....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: ...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên: .....

Tên cọc	K/c lẻ	DT mặt đường		Đào hữu cơ		Đào cấp		Đào bùn		Đào khuôn		Đào nền		Đắp nền K95		Đắp nền K98		Móng CPĐD loại 2		Móng CPĐD loại 1		Lề gia cố CPĐD loại 1		BTXM mặt đường mác 250# đá 2x4	
		Bmđ (m)	DT (m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
86		5.00		0.59		0.00		0.00		4.43		0.04		0.49		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10	
	4.00		10.00		1.18		0.00		0.00		8.86		0.08		0.98		3.00		2.40		1.50		0.30		2.20
CT1		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00	
Tổng	***1876.26***		***9360.75***		***829.90***		***3007.13***		***0.00***		***5911.21***		***952.99***		***5003.55***		***2808.23***		***2246.58***		***1404.11***		***281.62***		***2059.37***

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*KL*	*Đơn vị*
1	Chiều dài (Lmđ)	BKL nền, mặt đường	1876.26	m
2	Diện tích mặt đường (Smđ)	BKL nền, mặt đường	9360.75	m2
3	Đào hữu cơ	BKL nền, mặt đường	829.90	m3
4	Đào cấp	BKL nền, mặt đường	3007.13	m3
5	Đào bùn	BKL nền, mặt đường	0.00	m3
6	Đào khuôn	BKL nền, mặt đường	5911.21	m3
7	Đào nền	BKL nền, mặt đường	952.99	m3
8	Đắp nền K95	BKL nền, mặt đường	5003.55	m3
9	Đắp nền K98	BKL nền, mặt đường	2808.23	m3
10	Móng CPĐD loại 2	BKL nền, mặt đường	2246.58	m3
11	Móng CPĐD loại 1	BKL nền, mặt đường	1404.11	m2
12	Lề gia cố CPĐD loại 1	BKL nền, mặt đường	281.62	m2
13	BTXM mặt đườngmác 250# đá 2x4	BKL nền, mặt đường	2059.37	m2
14	Ván khuôn mặt đường	=Lmđ*2*0.22	825.55	m2
15	Nilon lót chống mất nước	=Smđ	9360.75	m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUỀN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG KÈ ĐÁ HỘC TUYẾN 1

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ KIỂM TRA
Theo số: .....
Ngày .....tháng.....năm 20.....

Tên cọc	K.Cách lẻ	Chiều cao kè H0(m)	Diện tích đáy móng kè		Đào móng kè		Đắp đất móng kè		Đắp đất TD móng kè		Đệm đá dăm đáy móng		Xây móng kè đá hộc VXM mác 100#		Xây thân kè đá hộc VXM mác 100#	
			B(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
1		2.01	1.65		5.85		2.24		0.52		0.165		1.17		1.35	
	15.78			26.99		92.31		35.35		8.21		2.70		19.27		24.27
2		2.35	1.77		5.85		2.24		0.52		0.177		1.28		1.73	
	20.00			35.68		114.20		44.30		10.20		3.57		25.80		35.49
3		2.43	1.80		5.57		2.19		0.50		0.180		1.30		1.82	
	20.00			35.96		97.40		38.50		8.30		3.60		26.06		36.43
4		2.43	1.80		4.17		1.66		0.33		0.180		1.30		1.82	
	20.00			35.96		80.70		31.50		6.30		3.60		26.06		36.43
5		2.43	1.80		3.90		1.49		0.30		0.180		1.30		1.82	
	20.00			35.96		78.00		29.80		6.00		3.60		26.06		36.43
6		2.43	1.80		3.90		1.49		0.30		0.180		1.30		1.82	
	20.00			35.96		76.80		29.30		5.50		3.60		26.06		36.43
7		2.43	1.80		3.78		1.44		0.25		0.180		1.30		1.82	
	20.00			35.96		76.00		29.10		5.10		3.60		26.06		36.43
8		2.43	1.80		3.82		1.47		0.26		0.180		1.30		1.82	
	20.00			35.96		75.50		29.20		5.00		3.60		26.06		36.43
9		2.43	1.80		3.73		1.45		0.24		0.180		1.30		1.82	
	20.00			35.96		75.50		29.20		4.70		3.60		26.06		36.43
10		2.43	1.80		3.82		1.47		0.23		0.180		1.30		1.82	
	10.29			18.50		40.18		15.49		2.73		1.85		13.41		18.75
D1		2.43	1.80		3.99		1.54		0.30		0.180		1.30		1.82	
	9.71			18.14		46.32		18.89		3.30		1.81		13.31		20.15
11		2.83	1.94		5.55		2.35		0.38		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		112.20		48.40		7.00		3.88		28.77		46.58
12		2.83	1.94		5.67		2.49		0.32		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		113.50		49.80		7.20		3.88		28.77		46.58
13		2.83	1.94		5.68		2.49		0.40		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		113.70		49.80		7.30		3.88		28.77		46.58
14		2.83	1.94		5.69		2.49		0.33		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		113.50		49.60		6.70		3.88		28.77		46.58
15		2.83	1.94		5.66		2.47		0.34		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		112.30		48.80		6.90		3.88		28.77		46.58
16		2.83	1.94		5.57		2.41		0.35		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		110.30		47.30		7.00		3.88		28.77		46.58
17		2.83	1.94		5.46		2.32		0.35		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		109.40		46.50		7.00		3.88		28.77		46.58
18		2.83	1.94		5.48		2.33		0.35		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		110.40		47.10		7.20		3.88		28.77		46.58
19		2.83	1.94		5.56		2.38		0.37		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		105.20		44.30		7.20		3.88		28.77		46.58
20		2.83	1.94		4.96		2.05		0.35		0.194		1.44		2.33	

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../KT
Ngày ... tháng ..... năm 20.....

Tên cọc	K.Cách lẻ	Chiều cao kè H0(m)	Diện tích đáy móng kè		Đào móng kè		Đắp đất móng kè		Đắp đất TD móng kè		Đệm đá dăm đáy móng		Xây móng kè đá hộc VXM mác 100#		Xây thân kè đá hộc VXM mác 100#	
			B(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
	20.00			38.76		103.40		44.00		8.10		3.88		28.77		46.58
21		2.83	1.94		5.38		2.35		0.46		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		108.50		47.20		7.90		3.88		28.77		46.58
22		2.83	1.94		5.47		2.37		0.33		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		108.80		47.20		6.30		3.88		28.77		46.58
23		2.83	1.94		5.41		2.35		0.30		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		108.20		46.60		6.80		3.88		28.77		46.58
24		2.83	1.94		5.41		2.31		0.38		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		107.10		45.30		8.60		3.88		28.77		46.58
25		2.83	1.94		5.30		2.22		0.48		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		102.10		43.10		9.20		3.88		28.77		46.58
26		2.83	1.94		4.91		2.09		0.44		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		97.60		41.50		7.20		3.88		28.77		46.58
27		2.83	1.94		4.85		2.06		0.28		0.194		1.44		2.33	
	13.07			25.33		78.35		32.09		6.47		2.53		18.80		30.44
TD2		2.83	1.94		7.14		2.85		0.71		0.194		1.44		2.33	
	6.26			12.07		45.98		18.31		5.20		1.21		8.94		14.33
P2		2.77	1.92		7.55		3.00		0.95		0.192		1.42		2.25	
	6.26			12.07		44.51		17.90		4.82		1.21		8.94		14.33
TC2		2.83	1.94		6.67		2.72		0.59		0.194		1.44		2.33	
	14.41			27.93		94.17		39.84		8.86		2.79		20.73		33.56
28		2.83	1.94		6.40		2.81		0.64		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		132.20		55.10		13.20		3.88		28.77		46.58
29		2.83	1.94		6.82		2.70		0.68		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.76		132.30		51.10		15.20		3.88		28.77		46.58
30		2.83	1.94		6.41		2.41		0.84		0.194		1.44		2.33	
	20.00			38.06		134.90		49.50		17.70		3.81		28.09		43.97
31		2.63	1.87		7.08		2.54		0.93		0.187		1.37		2.07	
	16.78			31.35		131.14		44.80		20.05		3.13		22.99		34.71
TD3		2.63	1.87		8.55		2.80		1.46		0.187		1.37		2.07	
	8.43			15.70		71.87		23.39		11.93		1.57		11.51		17.28
P3		2.60	1.86		8.50		2.75		1.37		0.186		1.36		2.03	
	8.43			15.70		69.46		23.01		10.87		1.57		11.51		17.28
TC3		2.63	1.87		7.98		2.71		1.21		0.187		1.37		2.07	
	6.37			11.90		45.39		16.56		6.05		1.19		8.73		13.18
32		2.63	1.87		6.27		2.49		0.69		0.187		1.37		2.07	
	20.00			37.36		117.80		49.50		12.40		3.74		27.40		41.37
33		2.63	1.87		5.51		2.46		0.55		0.187		1.37		2.07	
	20.00			37.36		112.90		49.00		11.50		3.74		27.40		41.37
34		2.63	1.87		5.78		2.44		0.60		0.187		1.37		2.07	
	10.70			19.99		69.12		28.19		8.35		2.00		14.66		22.13
C1		2.63	1.87		7.14		2.83		0.96		0.187		1.37		2.07	
	9.97			18.62		69.09		26.37		8.82		1.86		13.66		20.62
D4		2.63	1.87		6.72		2.46		0.81		0.187		1.37		2.07	
	19.32			36.09		137.56		49.27		18.55		3.61		26.47		39.96
35		2.63	1.87		7.52		2.64		1.11		0.187		1.37		2.07	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HB MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
Hồ sơ:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐẠI SƠN
HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI
UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày .....tháng .....năm 20.....
Ký tên:.....

Tên cọc	K.Cách lẻ	Chiều cao kè H0(m)	Diện tích đáy móng kè		Đào móng kè		Đắp đất móng kè		Đắp đất TD móng kè		Đệm đá dăm đáy móng		Xây móng kè đá hộc VXM mác 100#		Xây thân kè đá hộc VXM mác 100#	
			B(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
	20.00			37.36		154.40		54.10		23.30		3.74		27.40		41.37
36		2.63	1.87		7.92		2.77		1.22		0.187		1.37		2.07	
	20.00			37.36		161.30		55.70		25.00		3.74		27.40		41.37
37		2.63	1.87		8.21		2.80		1.28		0.187		1.37		2.07	
	20.00			37.36		164.40		55.60		24.60		3.74		27.40		41.37
38		2.63	1.87		8.23		2.76		1.18		0.187		1.37		2.07	
	20.00			37.36		163.30		55.50		24.70		3.74		27.40		41.37
39		2.63	1.87		8.10		2.79		1.29		0.187		1.37		2.07	
	20.00			37.57		167.60		55.80		25.00		3.76		27.61		42.13
40		2.69	1.89		8.66		2.79		1.21		0.189		1.39		2.15	
	0.03			0.06		0.26		0.08		0.04		0.01		0.04		0.06
TD5		2.69	1.89		8.66		2.79		1.21		0.189		1.39		2.15	
	6.63			12.61		55.79		18.90		8.12		1.26		9.30		14.52
P5		2.76	1.91		8.17		2.91		1.24		0.191		1.41		2.24	
	6.63			12.61		51.65		18.56		7.56		1.26		9.30		14.52
TC5		2.69	1.89		7.41		2.69		1.04		0.189		1.39		2.15	
	6.70			12.59		49.11		18.09		6.93		1.26		9.25		14.11
41		2.63	1.87		7.25		2.71		1.03		0.187		1.37		2.07	
Trừ phạm vi đường ngang																
12	5.42	2.83	1.94	10.50	5.67	30.73	2.49	13.50	0.32	1.73	0.19	1.05	1.44	7.80	2.33	12.62
19	6.69	2.83	1.94	12.97	5.56	37.20	2.38	15.92	0.37	2.48	0.19	1.30	1.44	9.62	2.33	15.58
34	3.57	2.63	1.87	6.67	5.78	20.63	2.44	8.71	0.60	2.14	0.19	0.67	1.37	4.89	2.07	7.38
	15.68			***30.14***		***88.56***		***38.13***		***6.35***		***3.01***		***22.31***		***35.59***
Tổng	***840.09***			***1582.96***		***4955.10***		***1945.27***		***501.80***		***158.30***	***1.38***	***1164.71***	***2.12***	***1791.86***

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ... tháng ..... năm 20...
Ký tên:.....

STT	Hạng mục	KL	Đơn vị
I	***Kè đá hộc***		
1	Chiều dài	840.09	m
2	Diện tích đáy móng kè	1582.96	m2
3	Đào móng kè	4955.10	m3
4	Đắp cát móng kè	1945.27	m3
5	Đắp đất TD móng kè	501.80	m2
6	Đóng cọc tre đáy móng kè L=2.0m ,20 cọc/m2	0.00	m
7	Đệm đá dăm đáy móng kè	158.30	m3
8	Xây móng kè đá hộc VXM mác 100#	1164.71	m3
9	Xây thân kè đá hộc VXM mác 100#	1791.86	m3
10	Chét khe bằng bao tải tẩm nhựa đường, 6m/khe	491.32	m2
11	Vải địa kỹ thuật 2 lớp :0.4x0.4m	67.21	m2
12	Ống nhựa PVC D60mm, khoảng cách 4m / ống, L=0.90m	189.02	m
II	**Giằng kè**		
1	Ván khuôn giằng	252.03	m2
2	Cốt thép D<10mm	262.95	Kg
3	Cốt thép D>10mm	2238.00	Kg
4	Bê tông cốt thép M250# đá 1x2cm	50.41	m3

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VUỐT RÊ TUYẾN 1

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*Khối lượng*	*Đơn vị*
I	***Vuốt rê***			
1	Diện tích vuốt rê (Svr)	Bình đồ thiết kế	267.32	m2
2	Đào khuôn	Svr*0.31	82.87	m3
3	Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm	Svr*0.15	40.10	m3
4	BTXM mác 250# đá 2x4 dày 16cm	Svr*0.16	42.77	m3

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TOÀN TUYẾN 2

STT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị	Ghi chú
I	***Nền, mặt đường***				
1	Chiều dài (Lmđ)	Bảng KL nền, mặt đường	854.67	m	
2	Diện tích mặt đường (Smđ)	Bảng KL nền, mặt đường	4270.71	m2	
3	Đào hữu cơ	Bảng KL nền, mặt đường	2063.64	m3	
4	Đào cấp	Bảng KL nền, mặt đường	1687.83	m3	
5	Đào bùn	Bảng KL nền, mặt đường	5459.55	m3	
6	Đào khuôn	Bảng KL nền, mặt đường	37.80	m3	
7	Đào nền	Bảng KL nền, mặt đường	0.87	m3	
8	Đắp bù cát đen K95	Bảng KL nền, mặt đường	1887.83	m3	
9	Đắp nền đất đồi K95	Bảng KL nền, mặt đường	27294.70	m3	
10	Đắp nền K98	Bảng KL nền, mặt đường	1281.22	m3	
11	Móng CPĐD loại 2	Bảng KL nền, mặt đường	1024.97	m3	
12	Móng CPĐD loại 1	Bảng KL nền, mặt đường	640.60	m2	
13	Lề gia cố CPĐD loại 1	Bảng KL nền, mặt đường	128.03	m2	
14	BTXM mặt đườngmác 250# đá 2x4	Bảng KL nền, mặt đường	939.57	m2	
15	Ván khuôn mặt đường	Bảng KL nền, mặt đường	376.05	m2	
16	Nilon lót chống mất nước	Bảng KL nền, mặt đường	4270.71	m2	
17	Gia cố cọc tre, L=3.00m, 20 cọc/m2	Bảng KL nền, mặt đường	1993.21	m	
18	Vải địa kỹ thuật	Bảng KL nền, mặt đường	2818.56	m2	
II	***Vuốt rẽ***				
1	Diện tích vuốt rẽ (Svr)	Bảng KL vuốt rẽ	46.26	m2	
2	Đào khuôn	Bảng KL vuốt rẽ	14.34	m3	
3	Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm	Bảng KL vuốt rẽ	6.94	m3	
4	BTXM mác 250# đá 2x4 dày 16cm	Bảng KL vuốt rẽ	7.40	m3	

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT ĐƯỜNG TUYẾN 2

Tên cọc	K/c lẻ	DT mặt đường		Đào hữu cơ		Đào cấp		Đào bùn		Đào khuôn		Đào nền		Đắp nền đất đồi K95		Đắp bù cát đen K95		Đắp nền K98		Móng CPĐD loại 2		Móng CPĐD loại 1		Lề gia cố CPĐD loại 1		BTXM mặt đường mác 250# đá 2x4		S Gia cố cọc tre		Vải địa kỹ thuật	
		Bmđ (m)	DT (m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	B(m)	DT(m2)	B(m)	DT(m2)
DT2		3.75		0.00		2.00		1.99		2.33		0.23		7.45		0.00		1.13		0.90		0.56		0.07		0.83		0.00		0.00	
	4.22		18.46		0.00		6.46		18.53		7.89		0.63		55.37		0.00		5.55		4.43		2.76		0.46		4.07		0.00		0.00
1		5.00		0.00		1.06		6.79		1.41		0.07		18.79		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	6.90		34.50		7.73		11.28		38.81		4.86		0.24		152.32		0.00		10.35		8.28		5.18		1.04		7.59		0.00		0.00
2		5.00		2.24		2.21		4.46		0.00		0.00		25.36		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	8.88		44.40		32.19		16.92		25.66		0.00		0.00		239.49		0.00		13.32		10.66		6.66		1.33		9.77		0.00		0.00
3		5.00		5.01		1.60		1.32		0.00		0.00		28.58		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	11.96		59.80		40.19		29.06		37.67		0.00		0.00		442.10		0.00		17.94		14.35		8.97		1.79		13.16		0.00		0.00
3A		5.00		1.71		3.26		4.98		0.00		0.00		45.35		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	8.04		40.20		6.87		13.11		78.83		0.00		0.00		331.69		0.00		12.06		9.65		6.03		1.21		8.84		0.00		0.00
4		5.00		0.00		0.00		14.63		0.00		0.00		37.16		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		34.00		9.20		222.30		0.00		0.00		832.00		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
5		5.00		3.40		0.92		7.60		0.00		0.00		46.04		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		53.60		34.10		190.60		0.00		0.00		994.60		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
6		5.00		1.96		2.49		11.46		0.00		0.00		53.42		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	19.91		99.55		70.48		37.83		153.01		0.00		0.00		890.08		0.00		29.87		23.89		14.93		2.99		21.90		0.00		0.00
TD1		5.00		5.12		1.31		3.91		0.00		0.00		35.99		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	0.09		0.45		0.46		0.13		0.24		0.00		0.00		3.08		0.00		0.14		0.11		0.07		0.01		0.10		0.00		0.00
7		5.00		5.11		1.63		1.51		0.00		0.00		32.39		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	13.48		67.40		73.94		22.58		10.18		0.00		0.00		419.16		0.00		20.22		16.18		10.11		2.02		14.83		0.00		0.00
P1		5.00		5.86		1.72		0.00		0.00		0.00		29.80		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	13.57		67.85		56.04		16.49		74.84		0.00		0.00		592.53		0.00		20.36		16.28		10.18		2.04		14.93		0.00		0.00
TC1		5.00		2.40		0.71		11.03		0.00		0.00		57.53		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	12.95		64.75		33.41		18.39		120.89		0.00		0.00		653.65		0.00		19.43		15.54		9.71		1.94		14.25		0.00		0.00
8		5.00		2.76		2.13		7.64		0.00		0.00		43.42		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		51.80		38.90		183.80		0.00		0.00		928.40		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
9		5.00		2.42		1.76		10.74		0.00		0.00		49.42		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		50.00		40.60		205.10		0.00		0.00		1016.20		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
10		5.00		2.58		2.30		9.77		0.00		0.00		52.20		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		56.90		45.40		180.30		0.00		0.00		976.90		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
11		5.00		3.11		2.24		8.26		0.00		0.00		45.49		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		101.50		31.90		93.80		0.00		0.00		790.80		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
12		5.00		7.04		0.95		1.12		0.00		0.00		33.59		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		85.10		28.40		107.20		0.00		0.00		643.70		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
13		5.00		1.47		1.89		9.60		0.00		0.00		30.78		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		49.50		40.10		146.20		0.00		0.00		703.40		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
14		5.00		3.48		2.12		5.02		0.00		0.00		39.56		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		89.80		43.50		90.60		0.00		0.00		744.30		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
15		5.00		5.50		2.23		4.04		0.00		0.00		34.87		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		105.10		33.40		72.90		0.00		0.00		716.70		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
16		5.00		5.01		1.11		3.25		0.00		0.00		36.80		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		50.10		11.10		179.90		0.00		0.00		744.30		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
17		5.00		0.00		0.00		14.74		0.00		0.00		37.63		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	20.00		100.00		0.00		0.10		290.30		0.00		0.00		744.80		0.00		30.00		24.00		15.00		3.00		22.00		0.00		0.00
18		5.00		0.00		0.01		14.29		0.00		0.00		36.85		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	6.20		31.00		4.00		2.60		72.76		0.00		0.00		212.29		0.00		9.30		7.44		4.65		0.93		6.82		0.00		0.00
TD2		5.00		1.29		0.83		9.18		0.00		0.00		31.63		0.00		1.50		1.20		0.75		0.15		1.10		0.00		0.00	
	13.80		69.00		33.12		21.05		94.88		0.00		0.00		421.04		0.00		20.70		16.56		10.35		2.07		15.18		0.00		0.00

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SƠN TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VUỐT RÊ TUYẾN 2

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*Khối lượng*	*Đơn vị*
I	***Vuốt rê***			
1	Diện tích vuốt rê (Svr)	Bình đồ thiết kế	46.26	m2
2	Đào khuôn	Svr*0.31	14.34	m3
3	Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm	Svr*0.15	6.94	m3
4	BTXM mác 250# đá 2x4 dày 16cm	Svr*0.16	7.40	m3

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC

PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Vốn:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HẠNG MỤC IV: CỐNG T01

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Họ tên:.....

HÀ NỘI, NĂM 2026

CỌC: C1

KM0+710.67

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

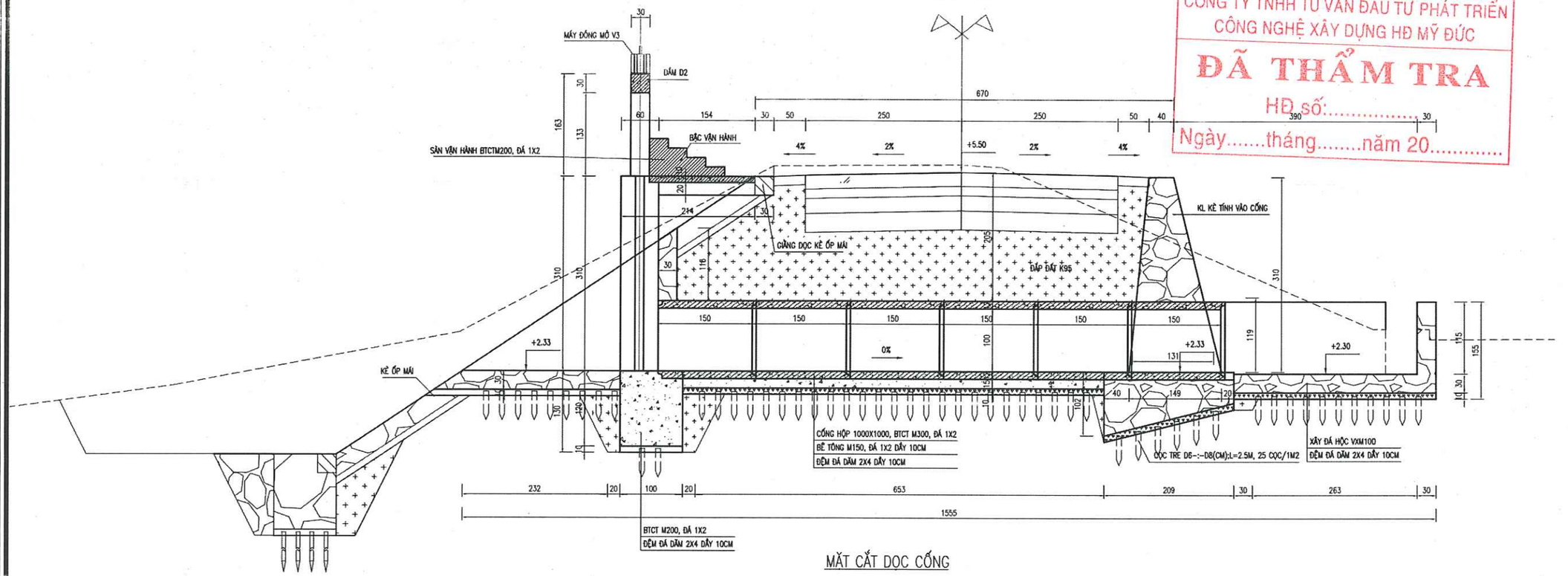

MẶT CẮT DỌC CỐNG

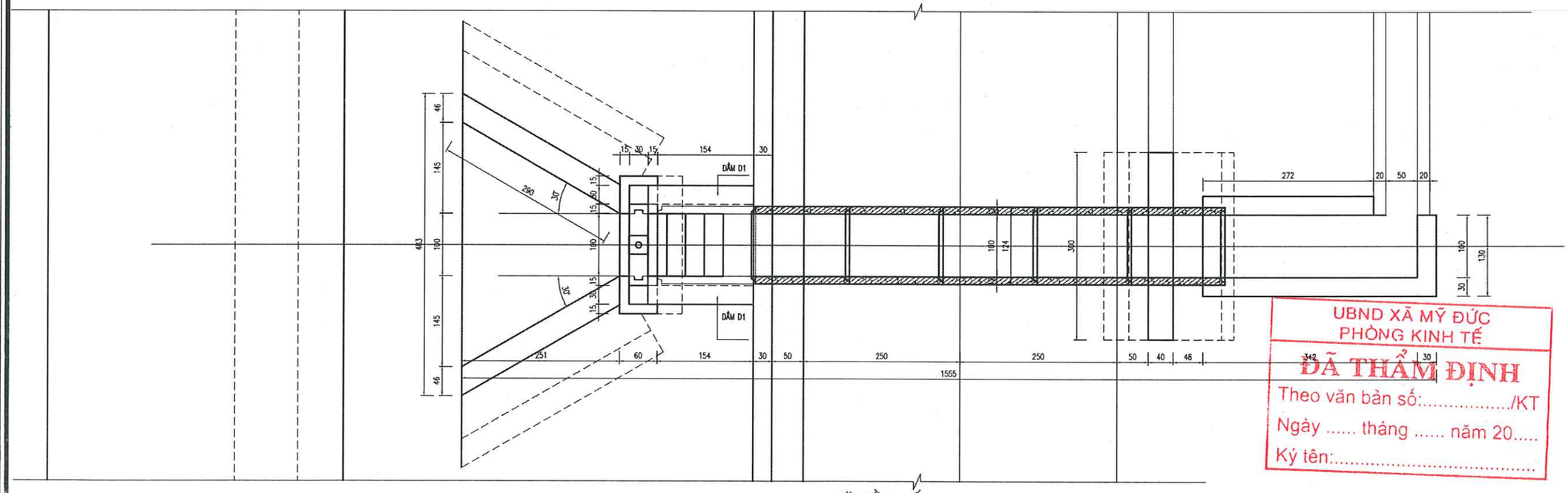

MẶT BẰNG CỐNG

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT CỐNG HỘP 1X1M
CỌC C1 KM0+710.67

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 01/23

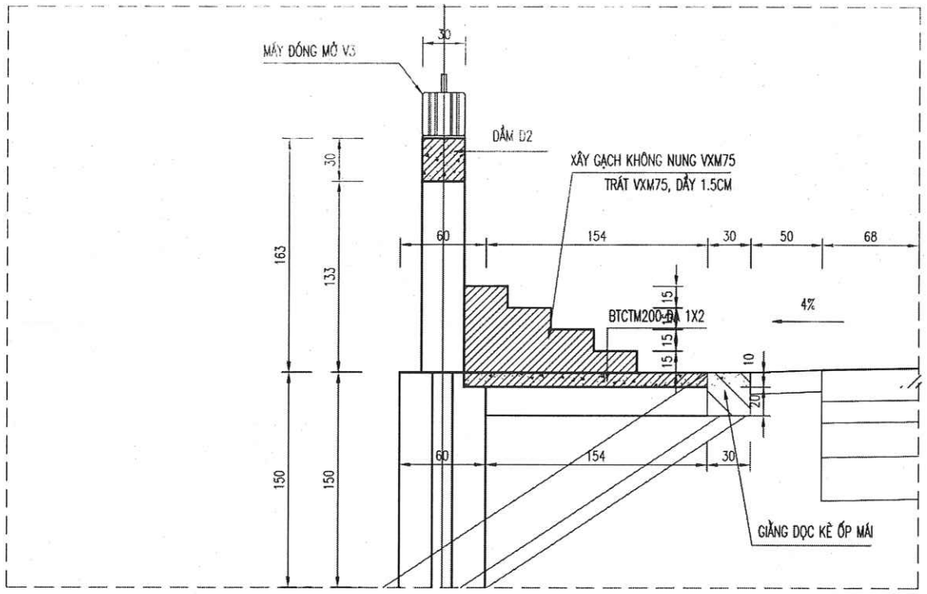

MẶT CẮT 1-1

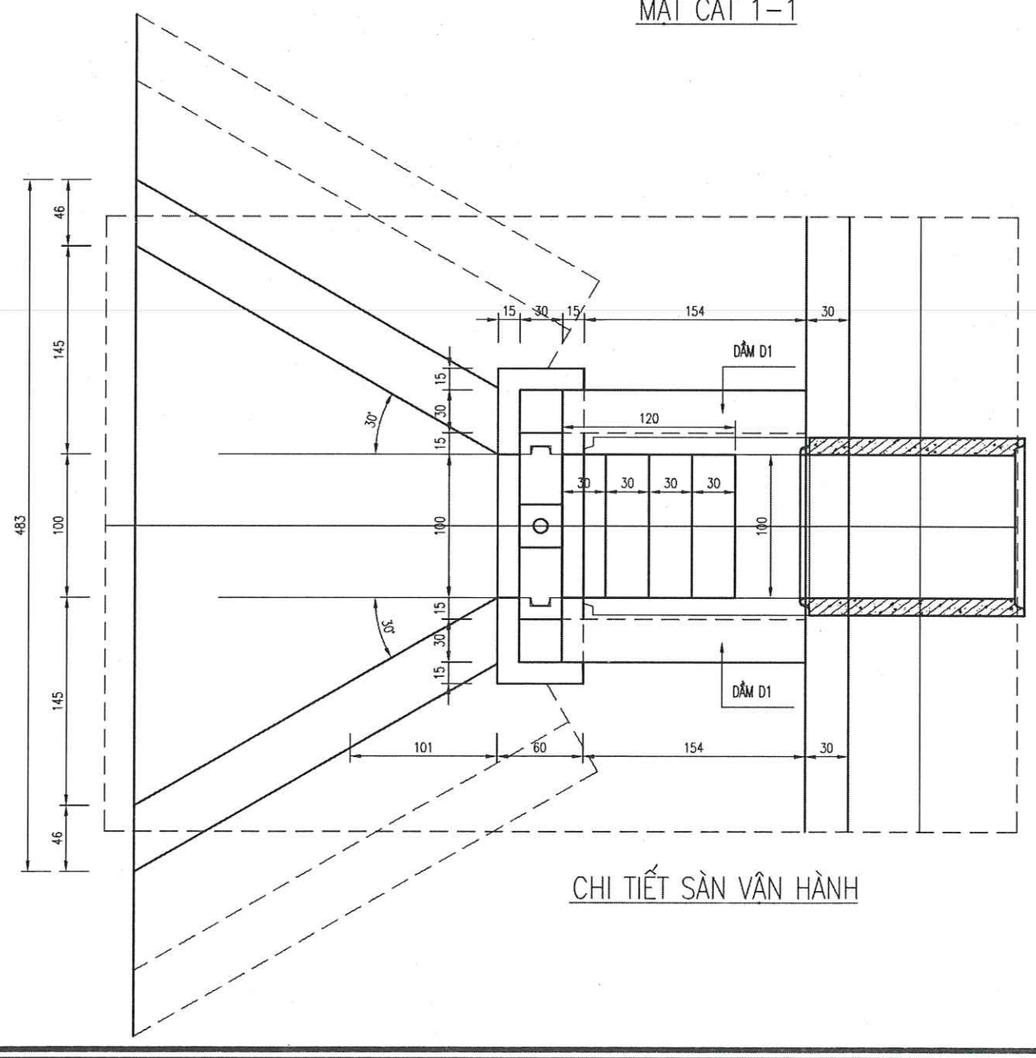

CHI TIẾT SÀN VẬN HÀNH

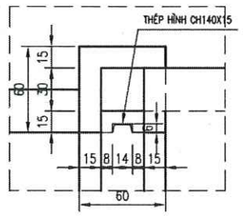

CHI TIẾT KHE PHAI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X2LA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CẦU VẬN HÀNH
CỌC C1 KM0+710.67

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 02/23

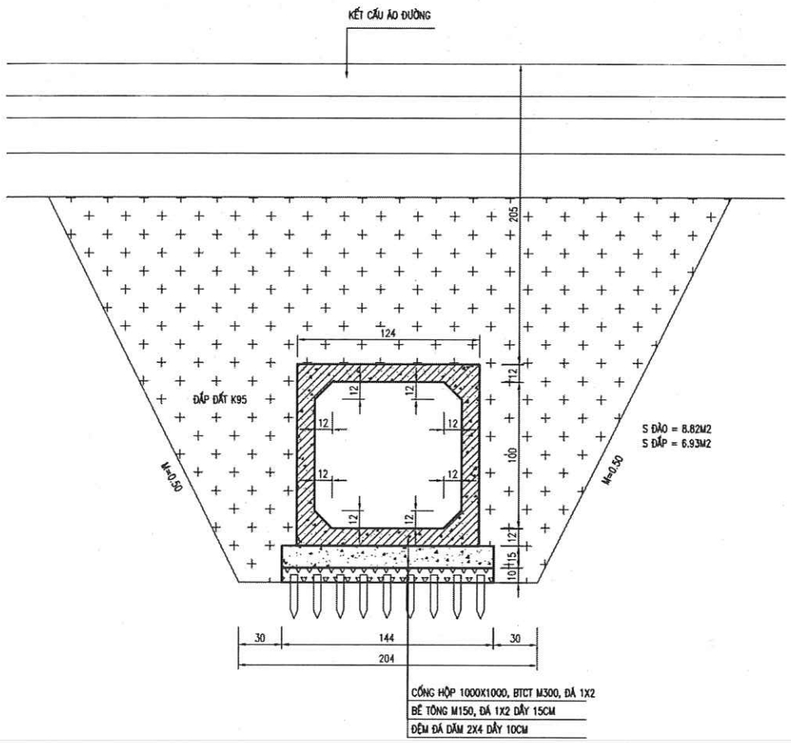

MẶT CẮT NGANG CỐNG

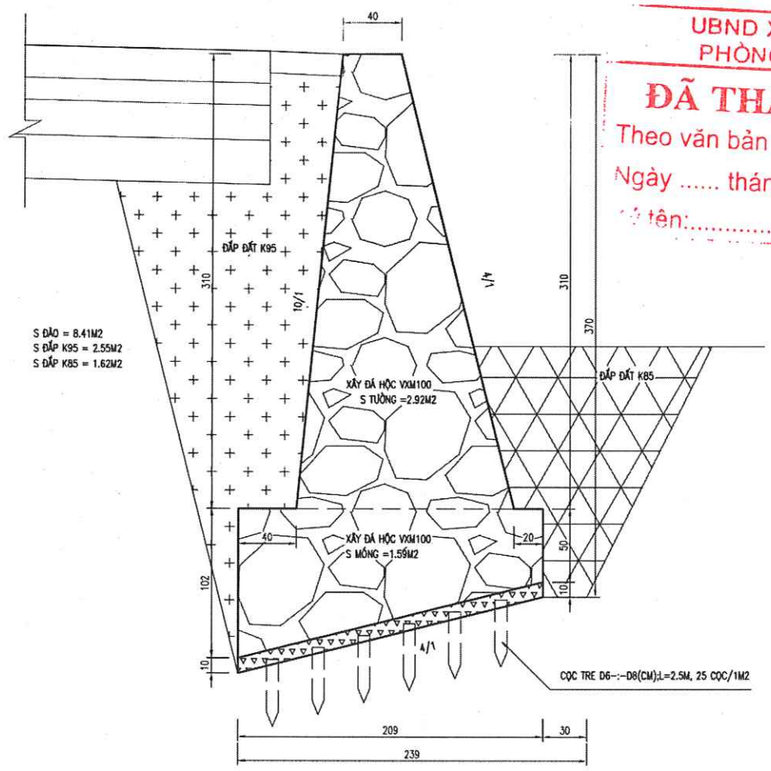

MẶT CẮT NGANG TƯỜNG CÁNH HA LƯU

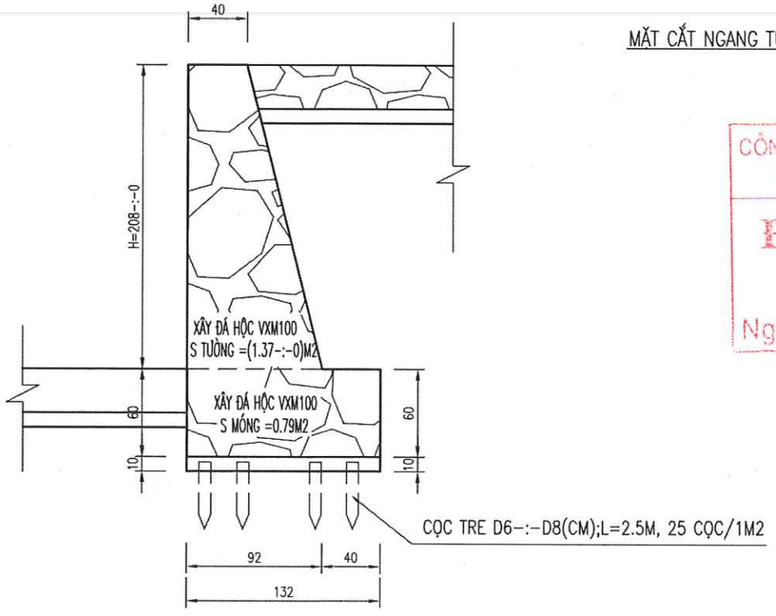

CHI TIẾT TƯỜNG CÁNH THƯỢNG LƯU CỐNG

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Họ tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 17, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG CỐNG, CHI TIẾT TƯỜNG KÈ
CỌC C1 KM0+710.67

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 03/23

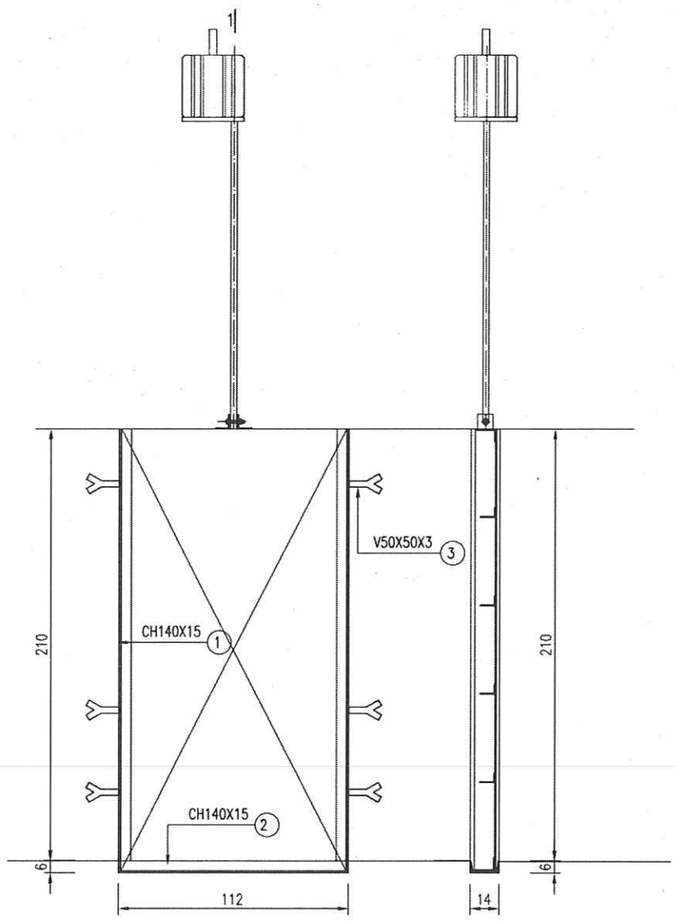

1

CHI TIẾT PHAI CỐNG ĐIỀU TIẾT

MẶT CẮT 1–1

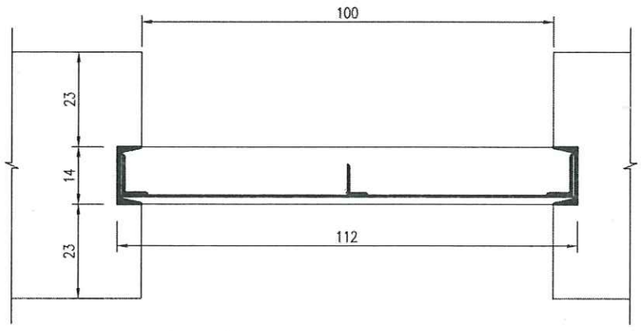

MẶT CẮT 2–2

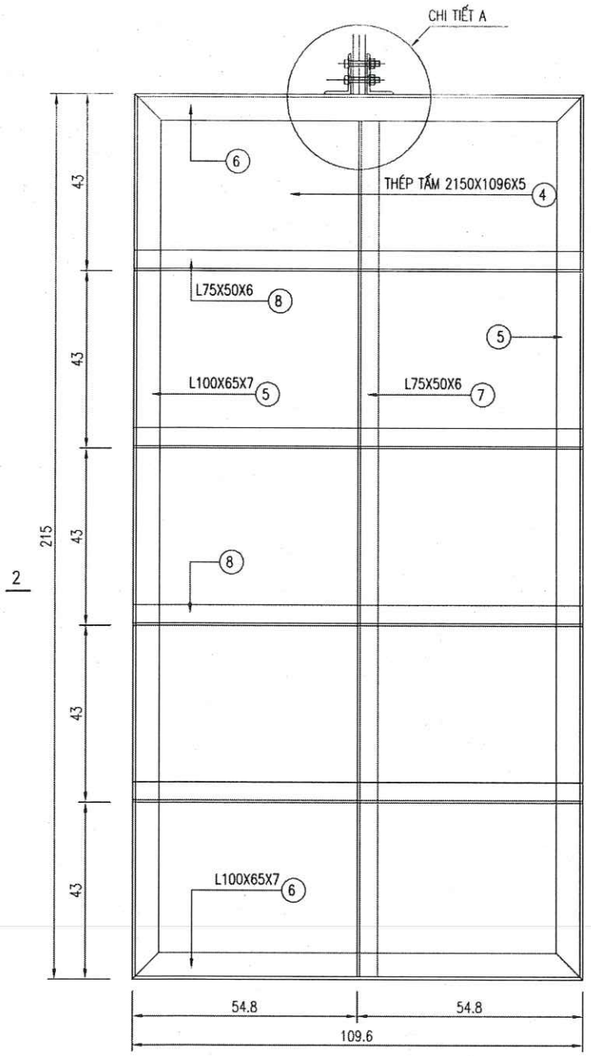

2

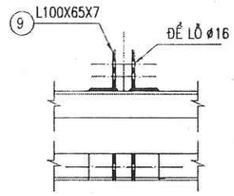

CHI TIẾT A

2

CHI TIẾT CÁNH CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:.....

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN		HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ø(MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH(MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
KHUNG DẪN VAN	1	CH140X15		2160	2	2	4.32	64.8
	2	CH140X15		1120	1	1	1.12	16.8
	3	V50X50X5		250	6	6	1.50	5.66
	4	THÉP TẤM 2150X1096X5			1	1		92.49
	5	L100X65X7		2150	2	2	4.3	37.71
	6	L100X65X7		1096	2	2	2.192	19.22
	7	L75X50X6		2150	1	1	2.15	12.14
	8	L75X50X6		1096	4	4	4.384	24.76
	9	L100X65X7		100	2	2	0.20	1.75
	10	MÁY ĐÓNG MỞ V2				1	BỘ	
		TỔNG (KG) :						275.33

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

TRUONGSON JSC

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT PHAI CỐNG
CỌC C1 KM0+710.67

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 04/23

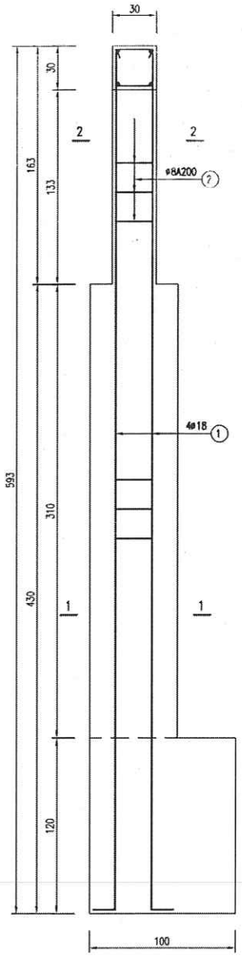

CỐT THÉP CỘT (SL:02)

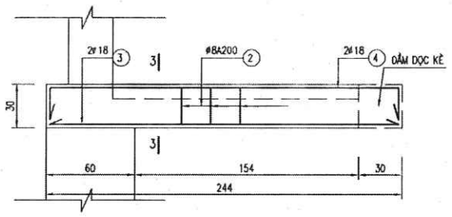

CỐT THÉP DẦM D1(SL:02)

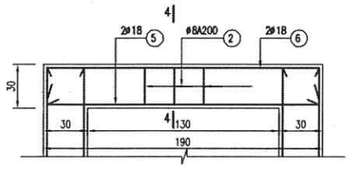

CỐT THÉP DẦM D2(SL:01)

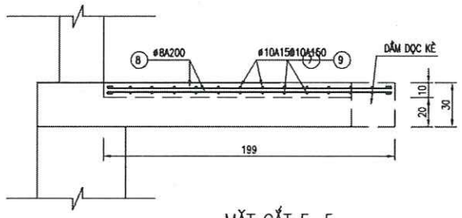

MẶT CẮT 5–5

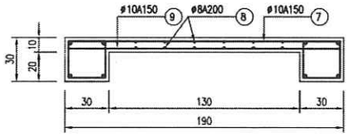

MẶT CẮT 6–6

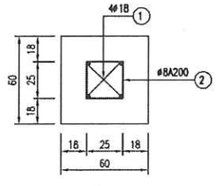

MẶT CẮT 1–1

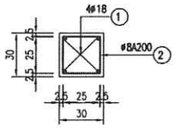

MẶT CẮT 2–2

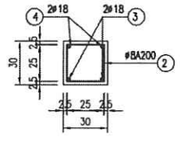

MẶT CẮT 3–3

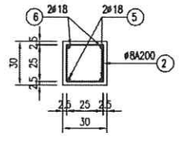

MẶT CẮT 4–4

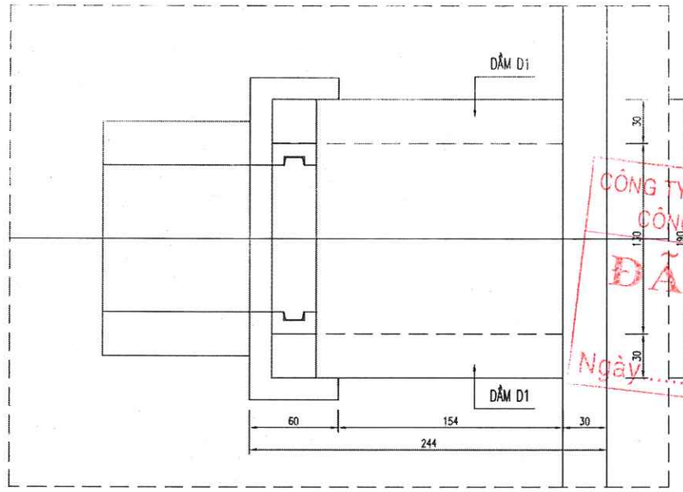

MẶT BẰNG DẦM SÀN VẬN HÀNH

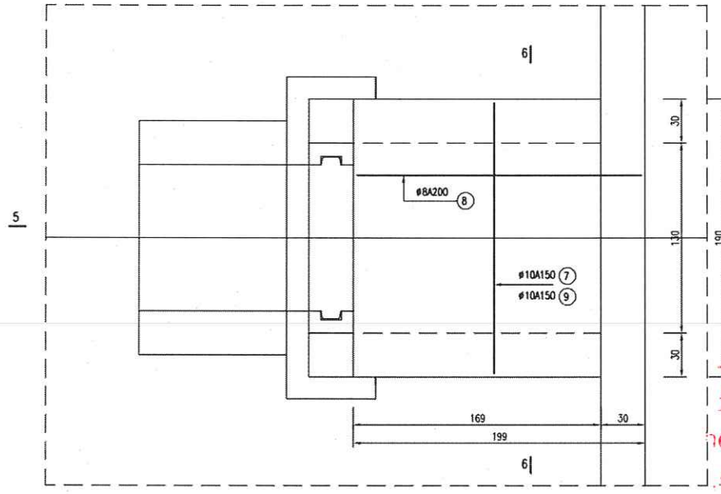

CỐT THÉP SÀN VẬN HÀNH

THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ϕ (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH (MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
CT CỘT	1	150 5880	18	6030	4	8	48.24	96.36
	2	50 250 250	8	1100	30	60	66	26.04
CT DẦM D1	2	50 250 250	8	1100	13	26	28.6	11.3
	3	2390	18	2390	2	4	9.56	19.1
	4	250 2390 250	18	2890	2	4	11.56	23.1
CT DẦM D2	2	50 250 250	8	1100	10	10	11	4.34
	5	1850	18	1850	2	2	3.7	7.39
	6	250 1850 250	18	2350	2	2	4.7	9.39
CT SÀN VẬN HÀNH	7	50 1850 50	10	1950	14	14	27.3	16.84
	8	50 1940 50	8	2040	12	12	24.48	9.67
	9	1850	10	1850	14	14	25.9	15.98

42.49

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0812261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP KHUNG, SÀN DÀN VẬN HÀNH
CỌC C1 KM0+710.67

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 05/23

CỌC: C2
KM0+882.57

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

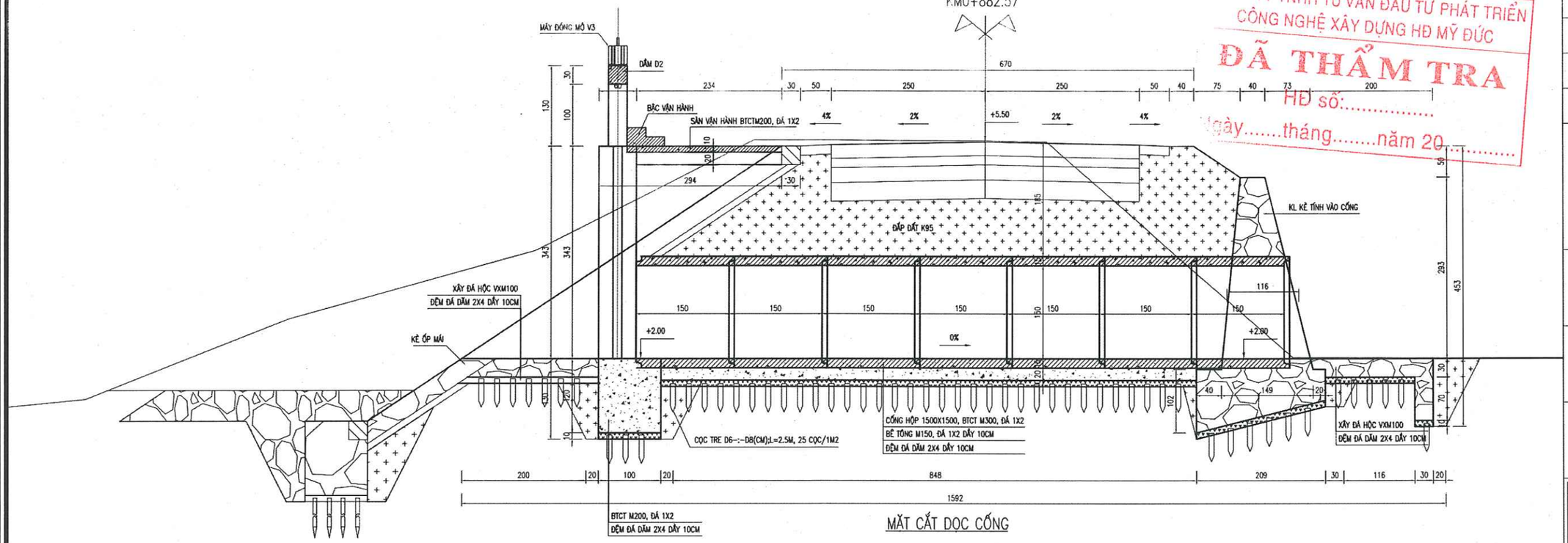

MẶT CẮT DỌC CỐNG

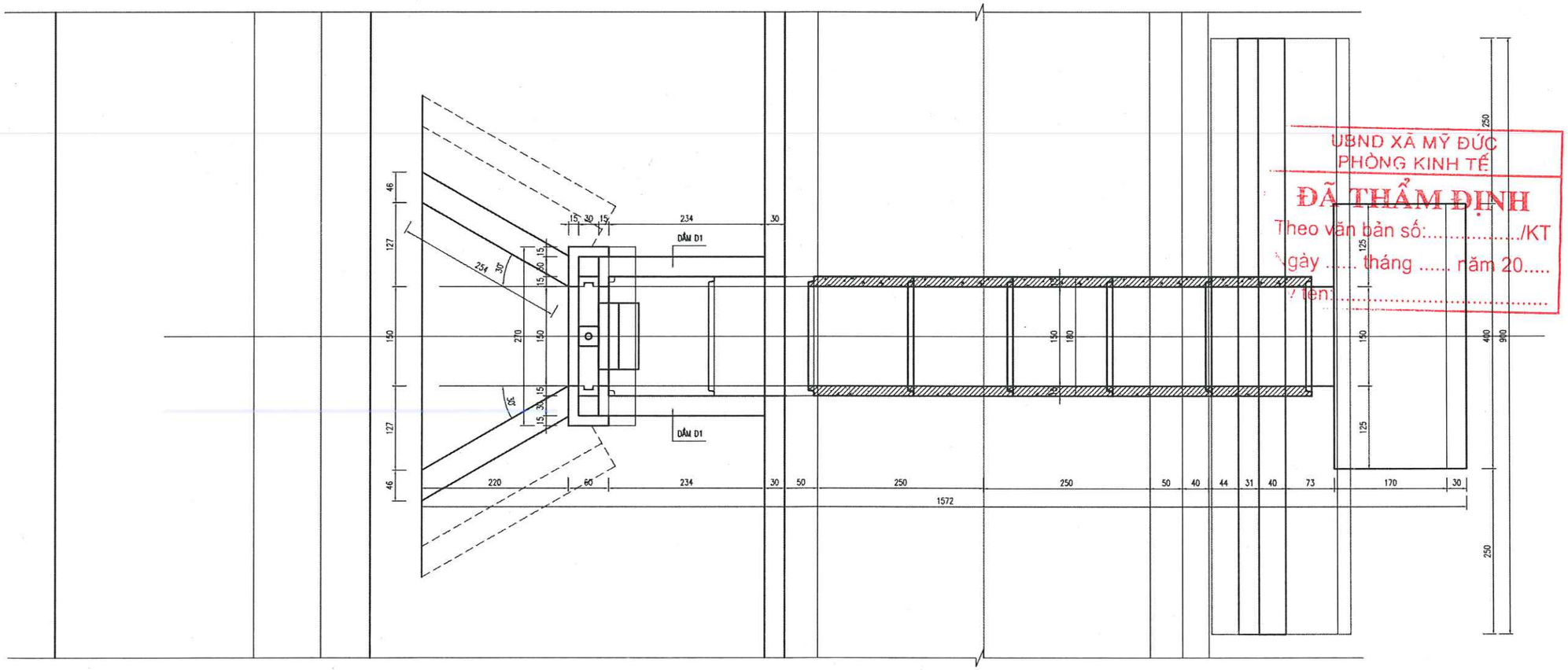

MẶT BẰNG CỐNG

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỤ X2,A, TỔ 1, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT CỐNG HỘP 1.5X1.5M
CỌC C2 KM0+882.57

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 06/23

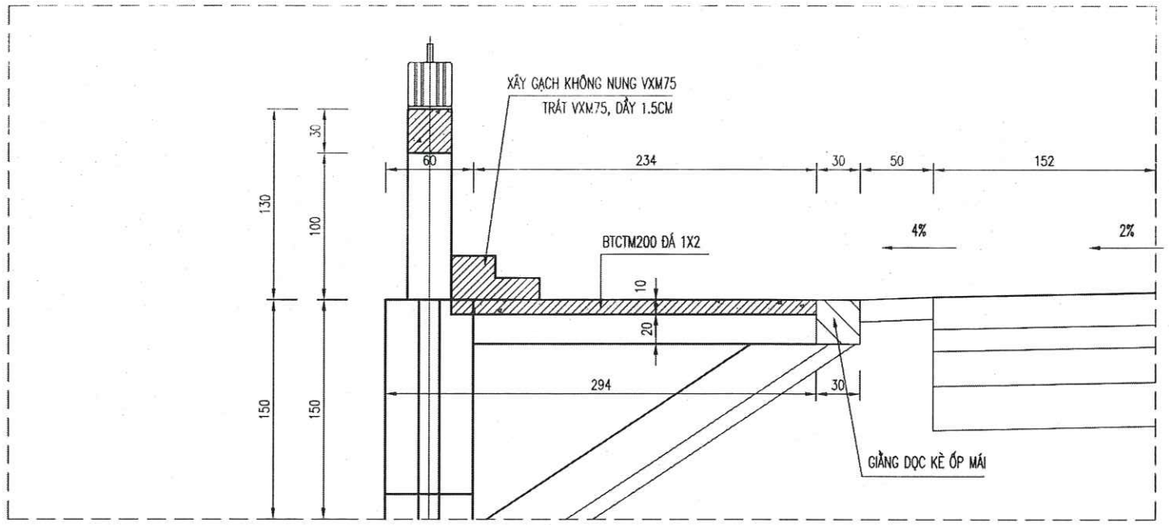

MẶT CẮT 1–1

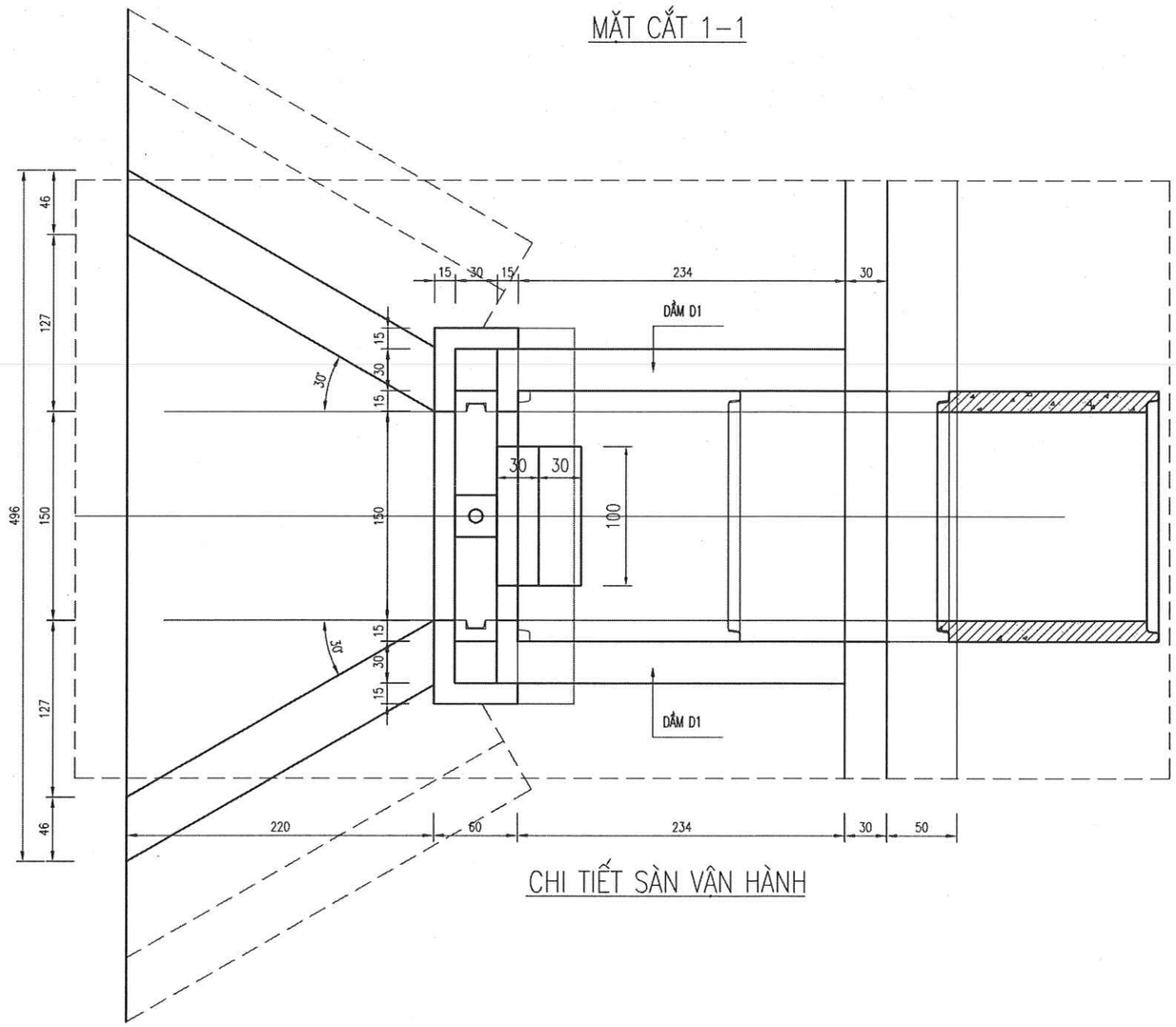

CHI TIẾT SÀN VẬN HÀNH

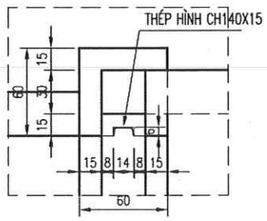

CHI TIẾT KHE PHAI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên: .....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỤ XÃ LỘ, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CẦU VẬN HÀNH
CỌC C2 KM0+882.57

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 07/23

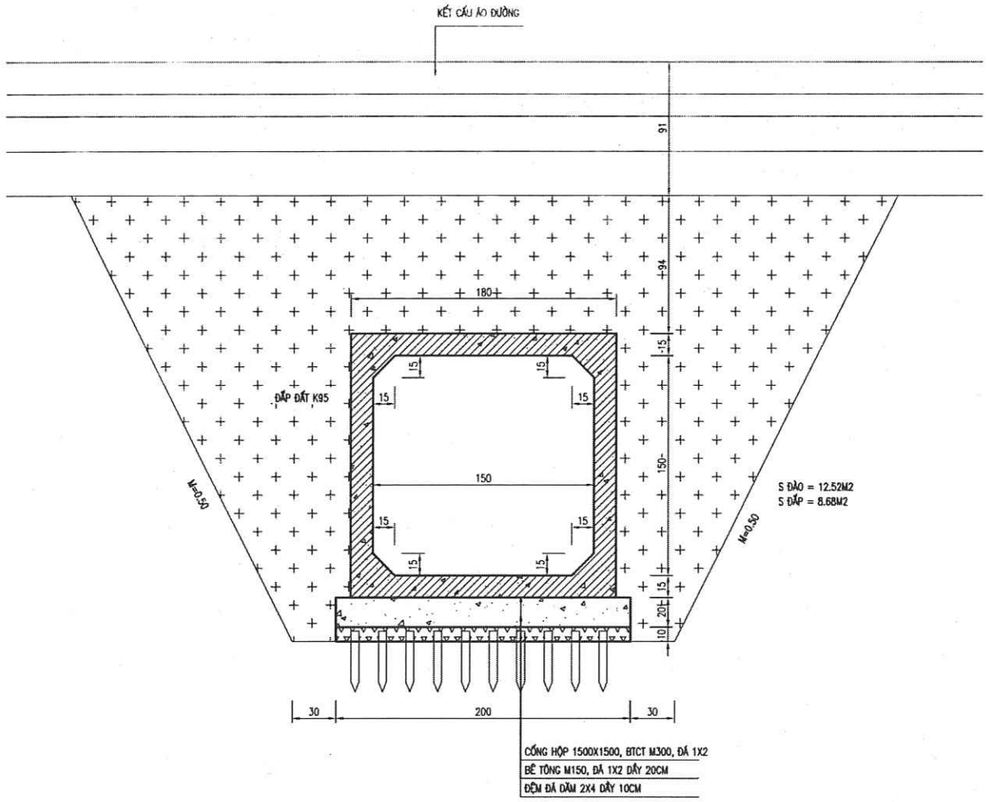

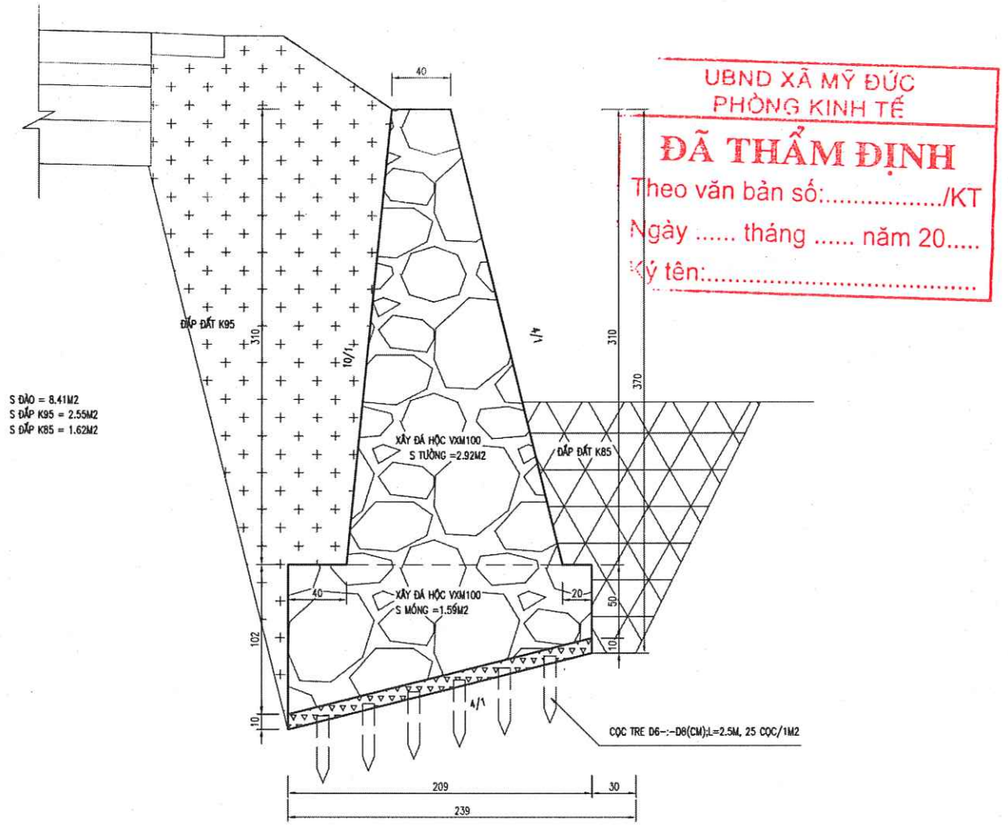

MẶT CẮT NGANG CỐNG

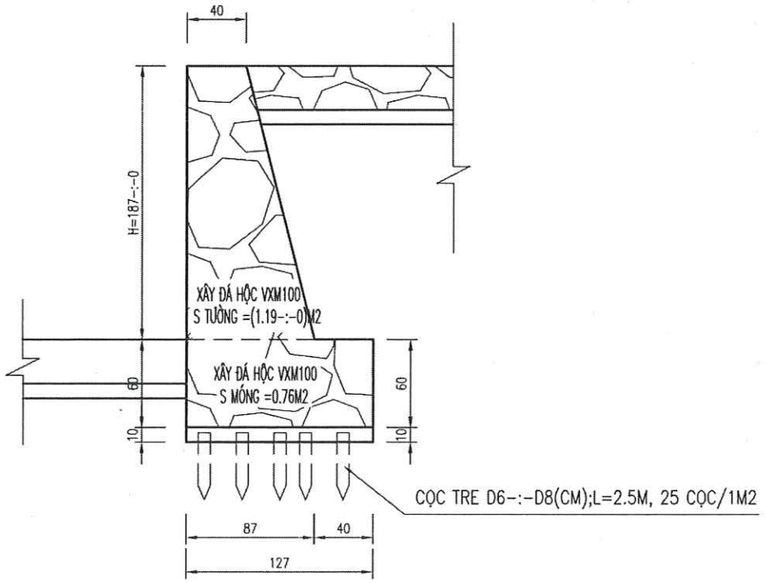

CHI TIẾT TƯỜNG CÁNH THƯỢNG LƯU CỐNG

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG CỐNG, CHI TIẾT TƯỜNG KÈ
CỌC C2 KM0+882.57

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 08/23

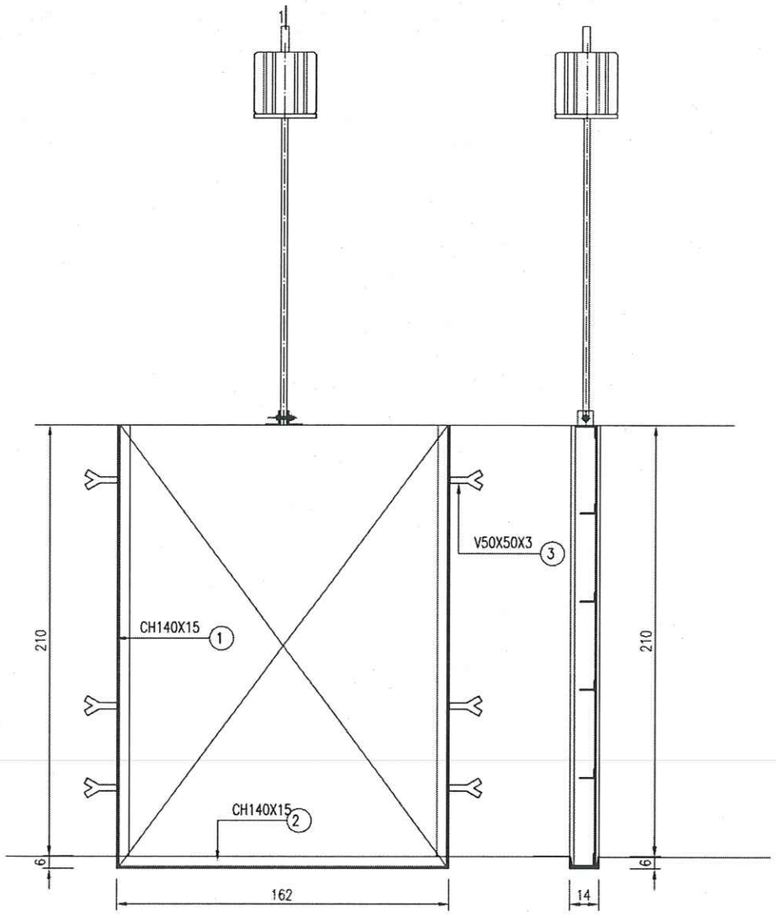

1

CHI TIẾT PHAI CỐNG ĐIỀU TIẾT

MẶT CẮT 1-1

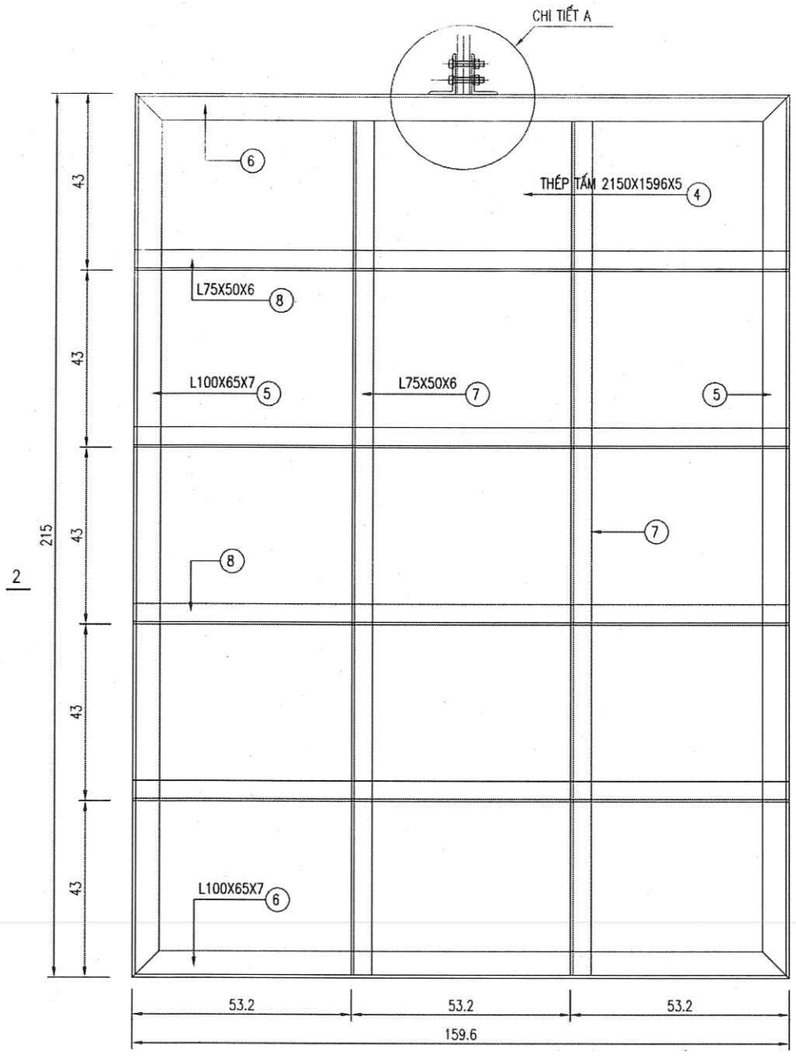

2

CHI TIẾT CÁNH CỐNG

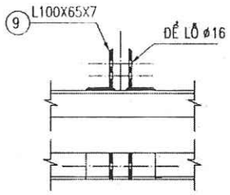

CHI TIẾT A

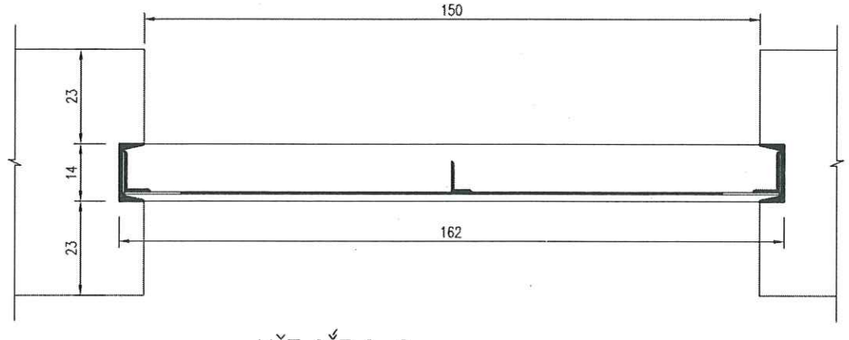

MẶT CẮT 2-2

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN		HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ø(MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH(MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
KHUNG DẪN VAN	1	CH140X15		2160	2	2	4.32	64.8
	2	CH140X15		1620	1	1	1.62	24.3
	3	V50X50X5		250	6	6	1.50	5.66
	4	THÉP TẤM 2150X1596X5			1	1		136.71
	5	L100X65X7		2150	2	2	4.3	37.71
	6	L100X65X7		1596	2	2	3.192	27.99
	7	L75X50X6		2150	2	2	4.3	24.29
	8	L75X50X6		1596	4	4	6.384	36.06
	9	L100X65X7		100	2	2	0.20	1.75
	10	MÁY ĐÓNG MỞ V3				1	BỘ	
		TỔNG (KG) :						359.27

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X.ALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT PHAI CỐNG
CỌC C2 KM0+882.57

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 09/23

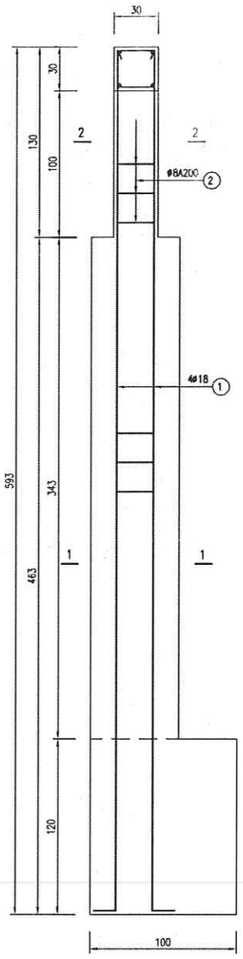

CỐT THÉP CỘT (SL:02)

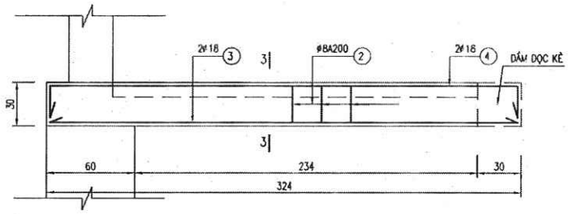

CỐT THÉP DẦM D1(SL:02)

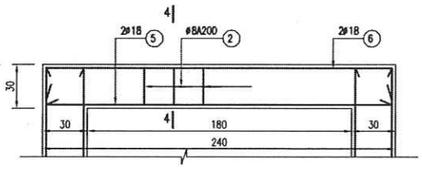

CỐT THÉP DẦM D2(SL:01)

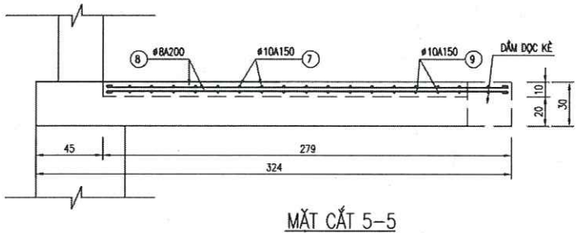

MẶT CẮT 5–5

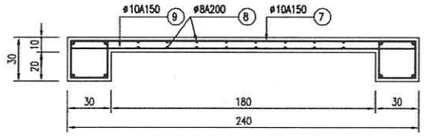

MẶT CẮT 6–6

THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ⌀ (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH (MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
CT CỘT	1	150	18	6030	4	8	48.24	96.36
	2	50 250 250	8	1100	30	60	66	26.04
CT DẦM D1	2	50 250 250	8	1100	17	34	37.4	14.76
	3	3190	18	3190	2	4	12.76	25.49
	4	250 3190 250	18	3690	2	4	14.76	29.48
CT DẦM D2	2	50 250 250	8	1100	13	13	14.3	5.64
	5	2350	18	2350	2	2	4.7	9.39
	6	250 2350 250	18	2850	2	2	5.7	11.39
CT SÀN VẬN HÀNH	7	50 2350 50	10	2450	19	19	46.55	28.72
	8	50 2740 50	8	2840	16	16	45.44	17.95
	9	2350	10	2350	19	19	44.65	27.55

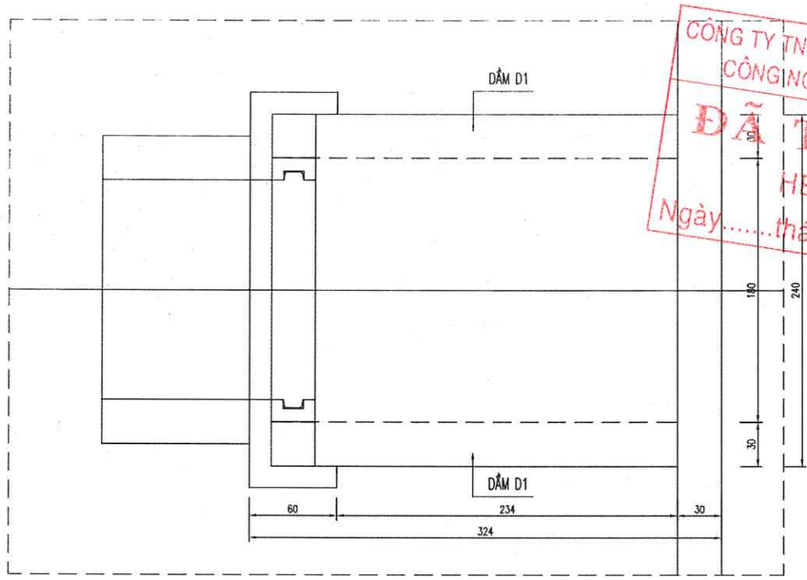

MẶT BẰNG DẦM SÀN VẬN HÀNH

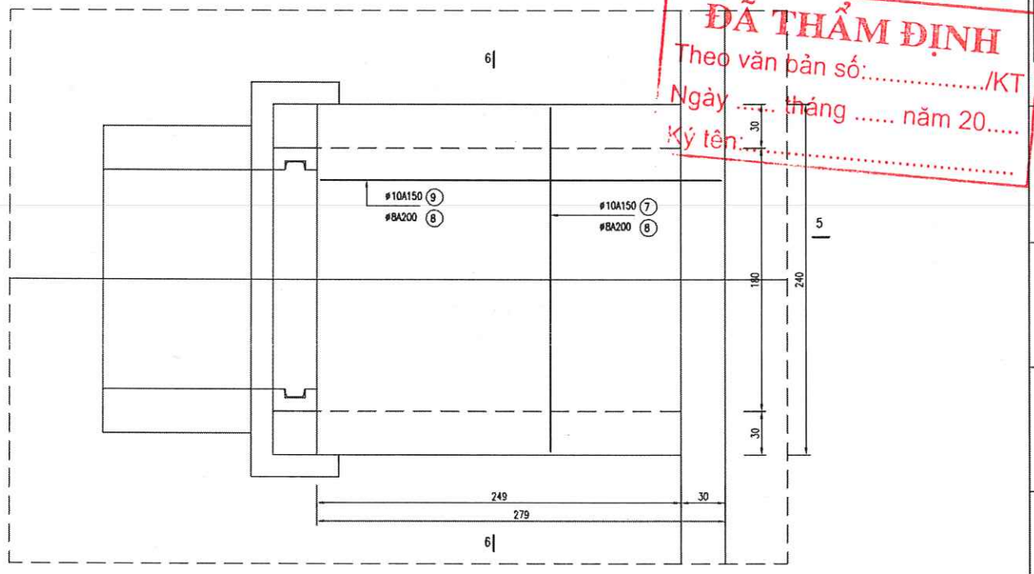

CỐT THÉP SÀN VẬN HÀNH

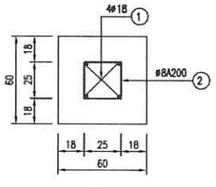

MẶT CẮT 1–1

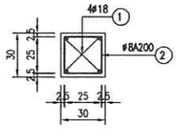

MẶT CẮT 2–2

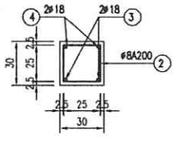

MẶT CẮT 3–3

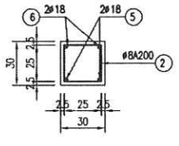

MẶT CẮT 4–4

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281858

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP KHUNG, SÀN DÀN VẬN HÀNH
CỌC C2 KM0+882.57

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 10/23

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

COC: C3
KM1+153.84

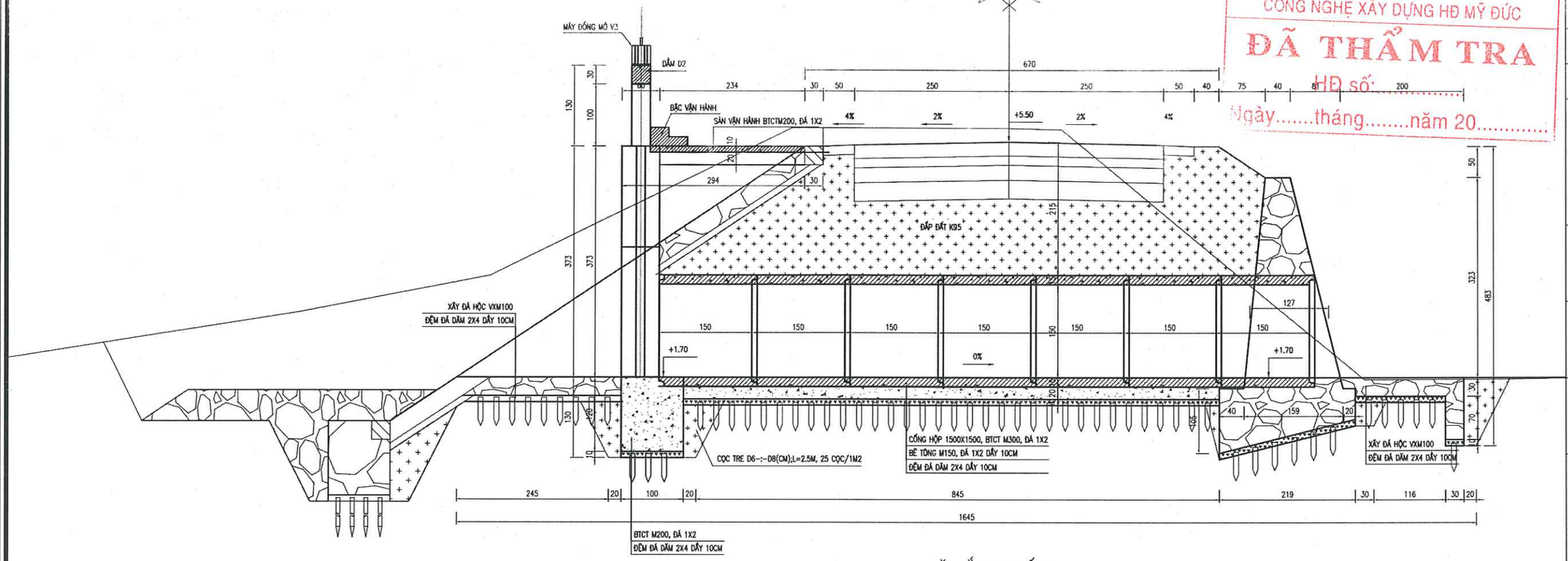

MẶT CẮT DỌC CỐNG

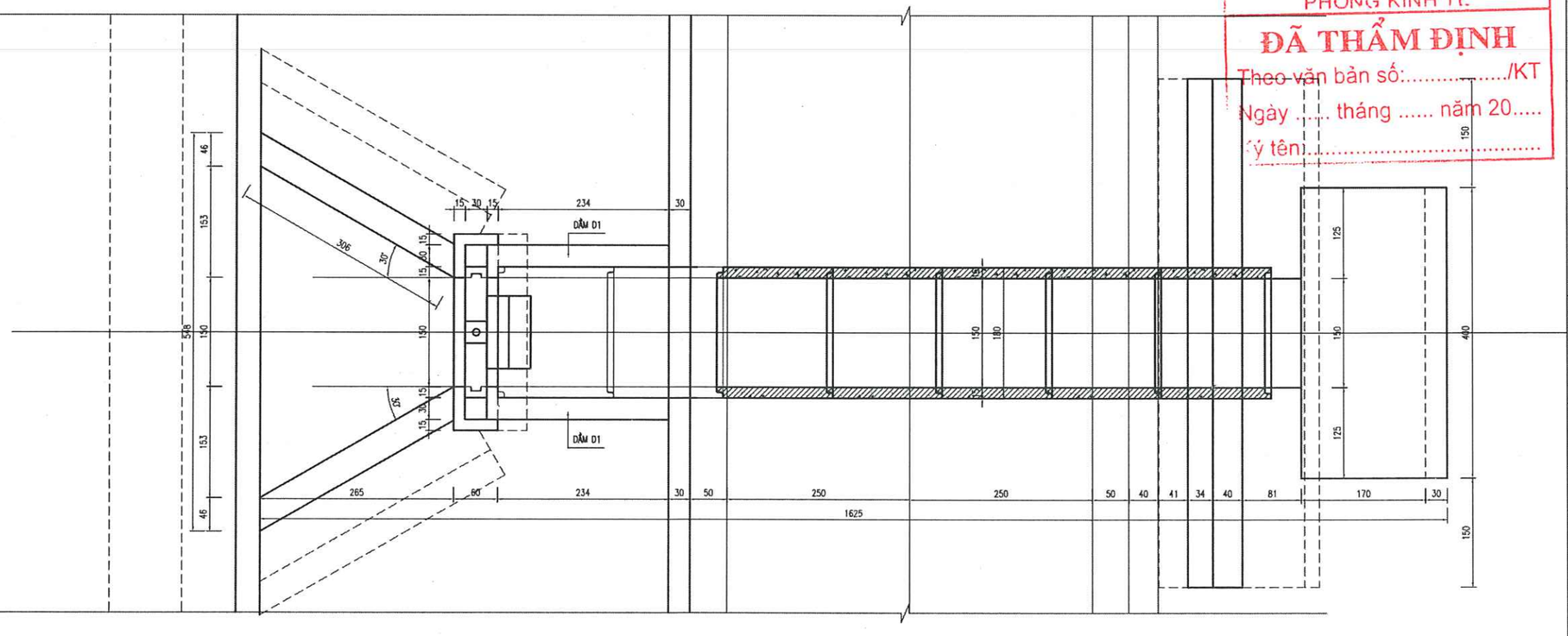

MẶT BẰNG CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số: .....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 138 KHU ĐỊCH VỌNG XÃ LA, TỔ 14, Q.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT CỐNG HỘP 1.5X1.5M
CỌC C3 KM1+153.84

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 11/23

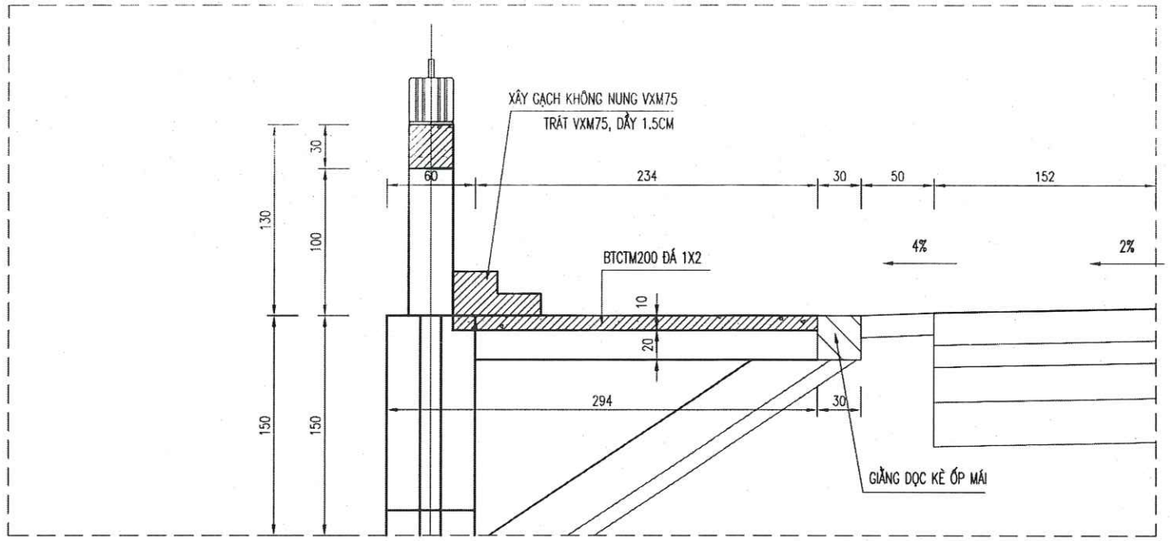

MẶT CẮT 1-1

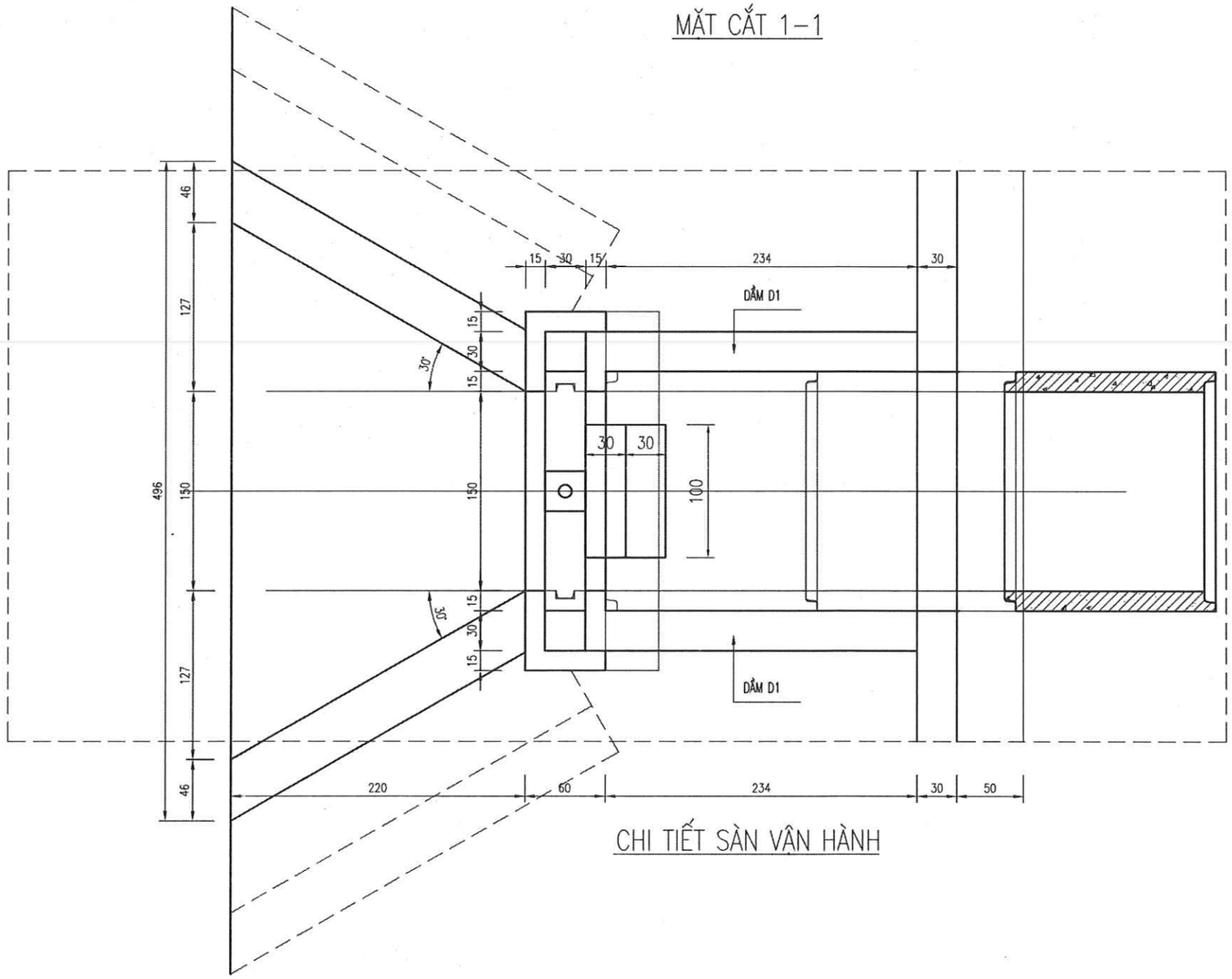

CHI TIẾT SÀN VẬN HÀNH

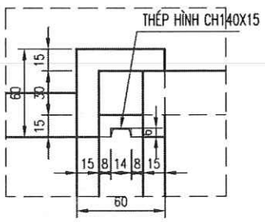

CHI TIẾT KHE PHAI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CẦU VẬN HÀNH
CỌC C3 KM1+153.84

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 12/23

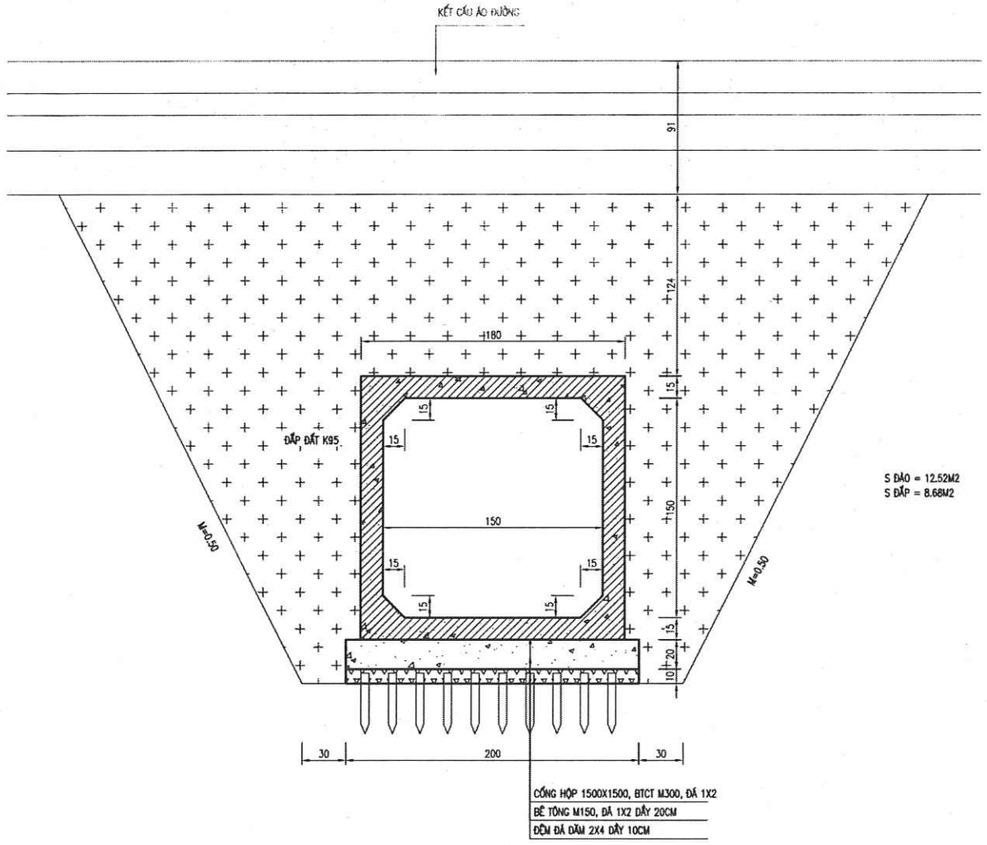

MẶT CẮT NGANG CỐNG

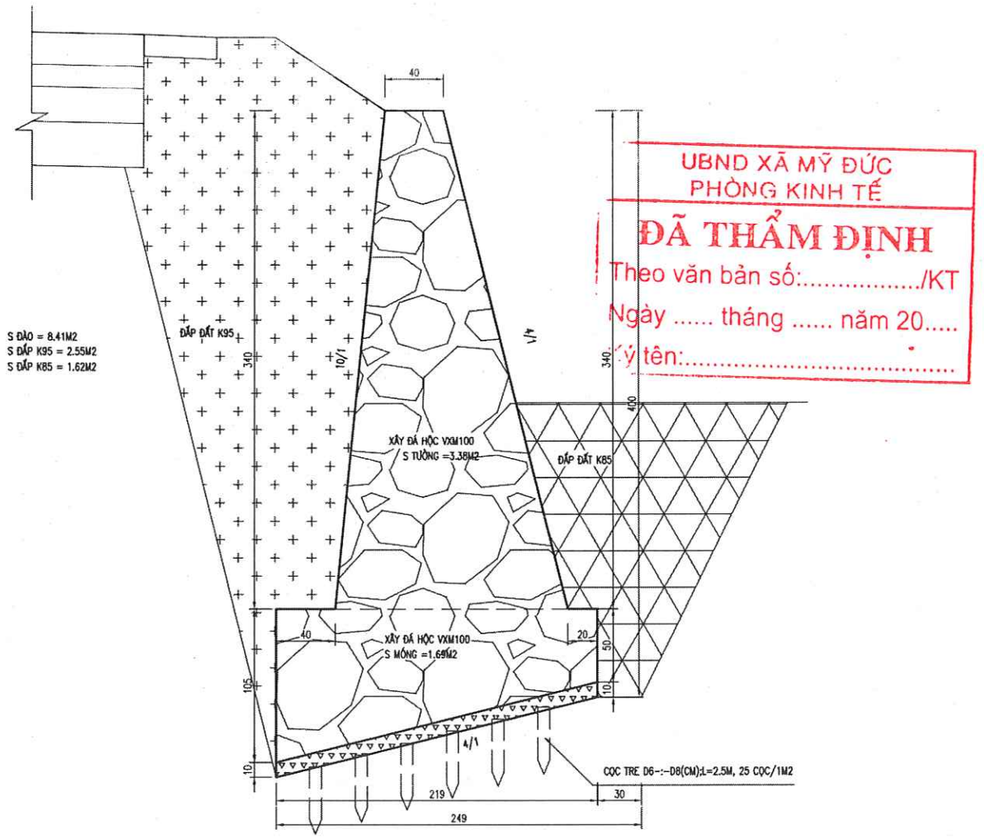

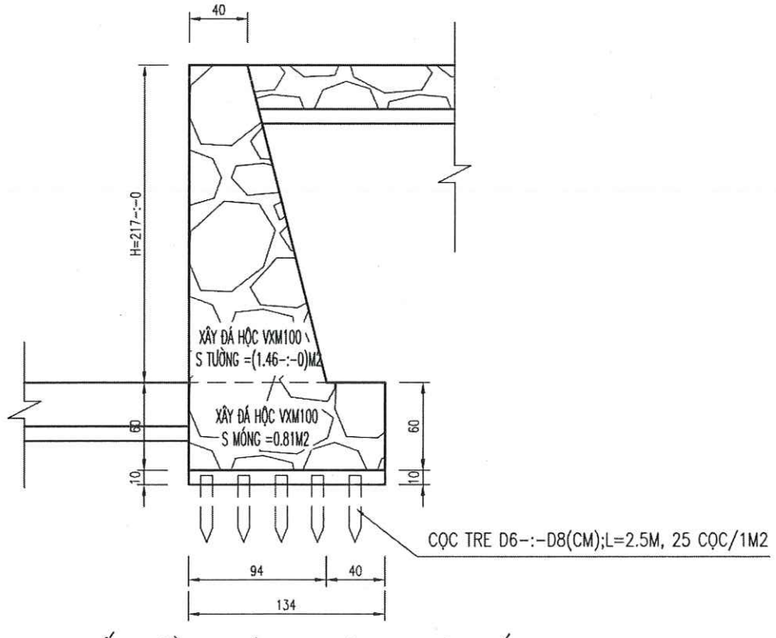

CHI TIẾT TƯỜNG CÁNH THƯỢNG LƯU CỐNG

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281868

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG CỐNG, CHI TIẾT TƯỜNG KÈ
CỌC C3 KM1+153.84

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 13/23

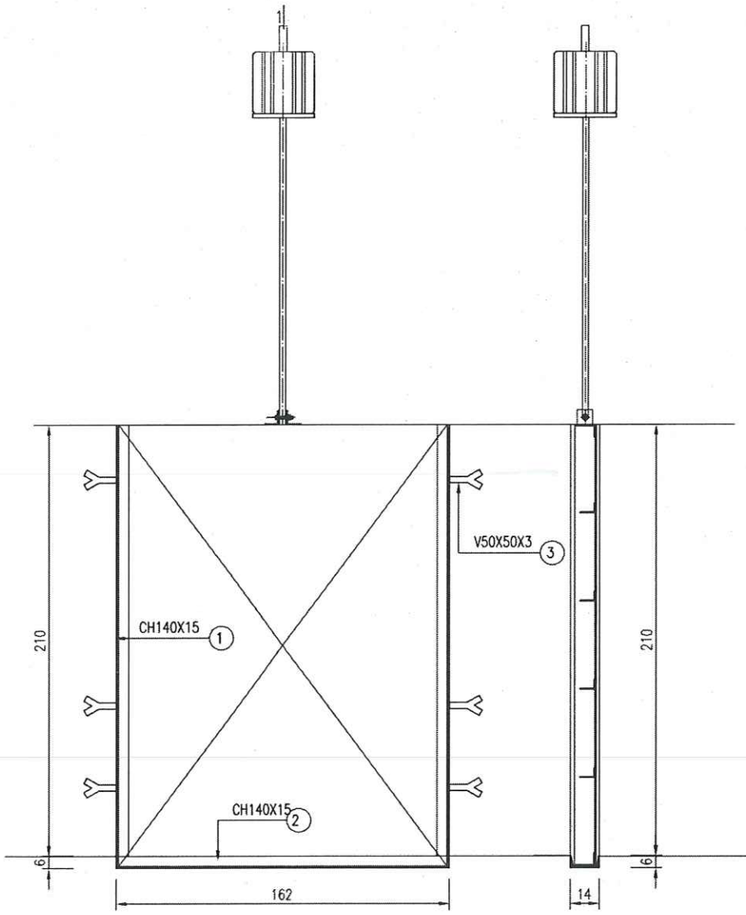

1 CHI TIẾT PHAI CỐNG ĐIỀU TIẾT

MẶT CẮT 1–1

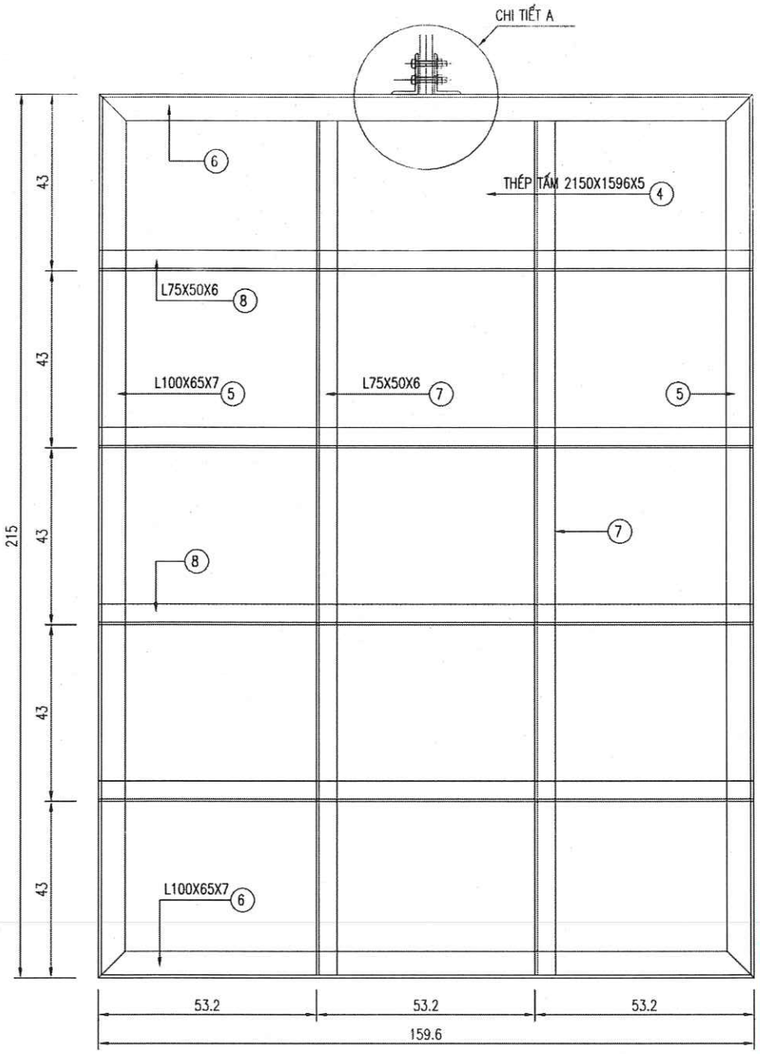

2 CHI TIẾT CÁNH CỐNG

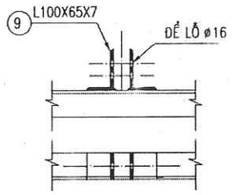

CHI TIẾT A

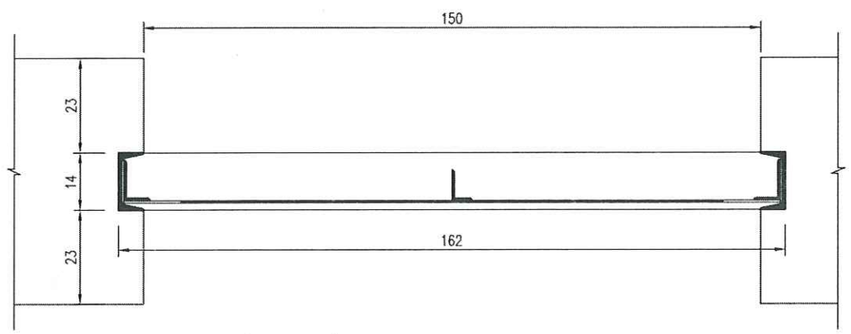

MẶT CẮT 2–2

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN		HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ø(MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH(MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
KHUNG DẦN VAN	1	CH140X15		2160	2	2	4.32	64.8
	2	CH140X15		1620	1	1	1.62	24.3
	3	V50X50X5		250	6	6	1.50	5.66
	4	THÉP TẤM 2150X1620X5			1	1		136.71
	5	L100X65X7		2150	2	2	4.3	37.71
	6	L100X65X7		1596	2	2	3.192	27.99
	7	L75X50X6		2150	2	2	4.3	24.29
	8	L75X50X6		1596	4	4	6.384	36.06
	9	L100X65X7		100	2	2	0.20	1.75
	10	MÁY ĐÓNG MỞ V3				1	BỘ	
		TỔNG (KG) :						359.27

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÝ DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON.JSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 128 KHU DỊCH VỤ X.A.A, TỔ 1 LP.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT PHAI CỐNG
CỌC C3 KM1+153.84

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 14/23

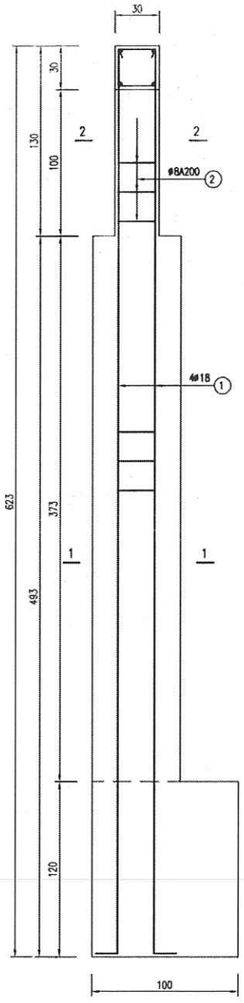

CỐT THÉP CỘT (SL:02)

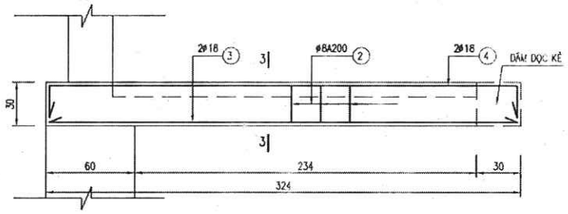

CỐT THÉP DẦM D1(SL:02)

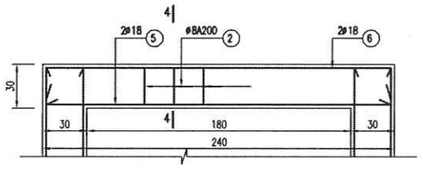

CỐT THÉP DẦM D2(SL:01)

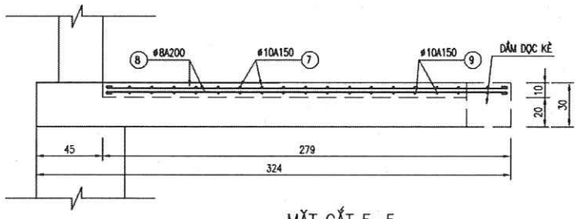

MẶT CẮT 5-5

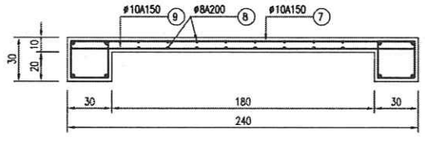

MẶT CẮT 6-6

THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ϕ (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH (MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
CT CỘT	1	150 6180	18	6330	4	8	50.64	101.16
	2	50 250 250	8	1100	32	64	70.4	27.78
CT DẦM D1	2	50 250 250	8	1100	17	34	37.4	14.76
	3	3190	18	3190	2	4	12.76	25.49
	4	250 3190 250	18	3690	2	4	14.76	29.48
CT DẦM D2	2	50 250 250	8	1100	13	13	14.3	5.64
	5	2350	18	2350	2	2	4.7	9.39
	6	250 2350 250	18	2850	2	2	5.7	11.39
CT SÀN VẬN HÀNH	7	50 2350 50	10	2450	19	19	46.55	28.72
	8	50 2740 50	8	2840	16	16	45.44	17.95
	9	2350	10	2350	19	19	44.65	27.55

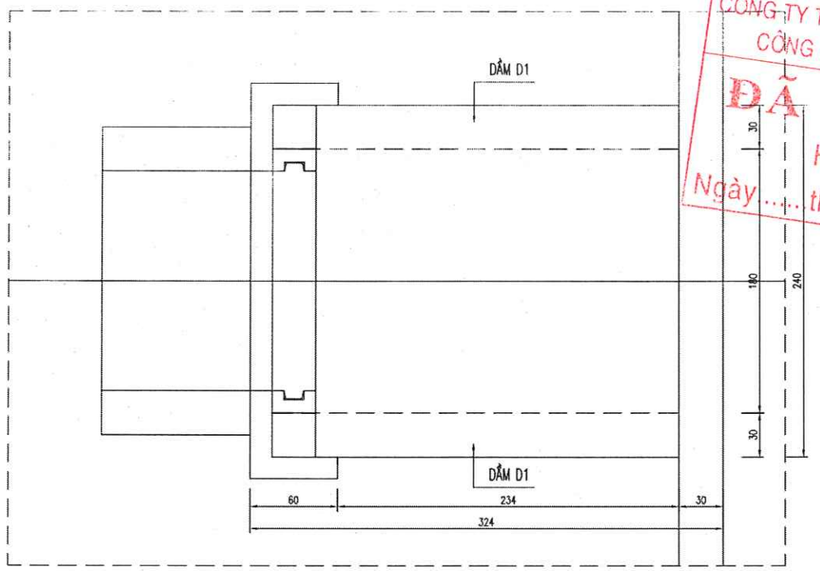

MẶT BẰNG DẦM SÀN VẬN HÀNH

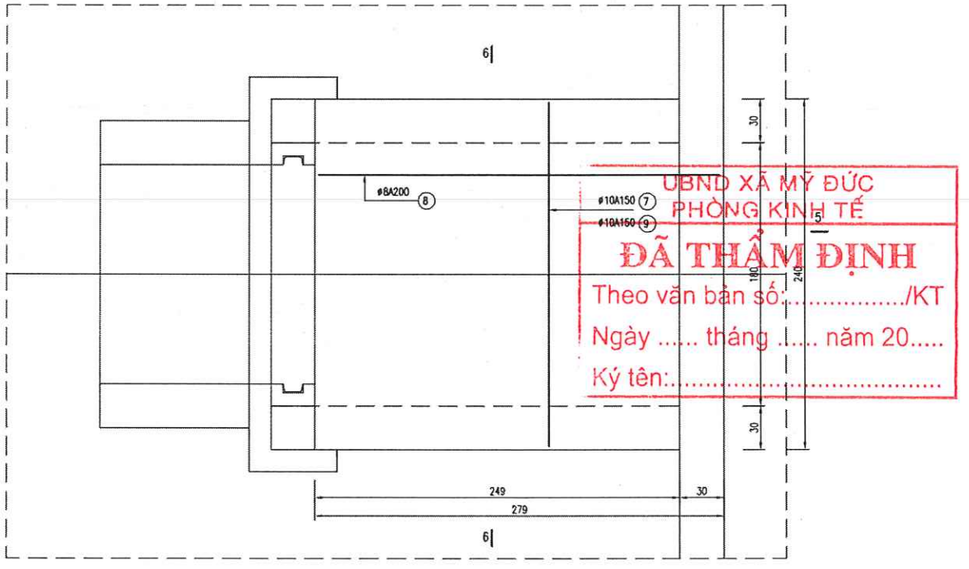

CỐT THÉP SÀN VẬN HÀNH

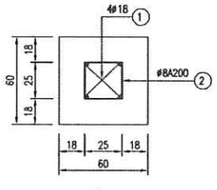

MẶT CẮT 1-1

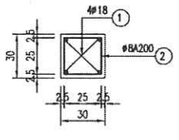

MẶT CẮT 2-2

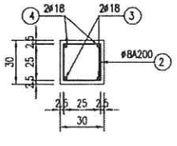

MẶT CẮT 3-3

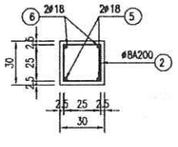

MẶT CẮT 4-4

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỌNG XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281968

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP KHUNG, SÀN DÀN VẬN HÀNH
CỌC C3 KM1+153.84

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 15/23

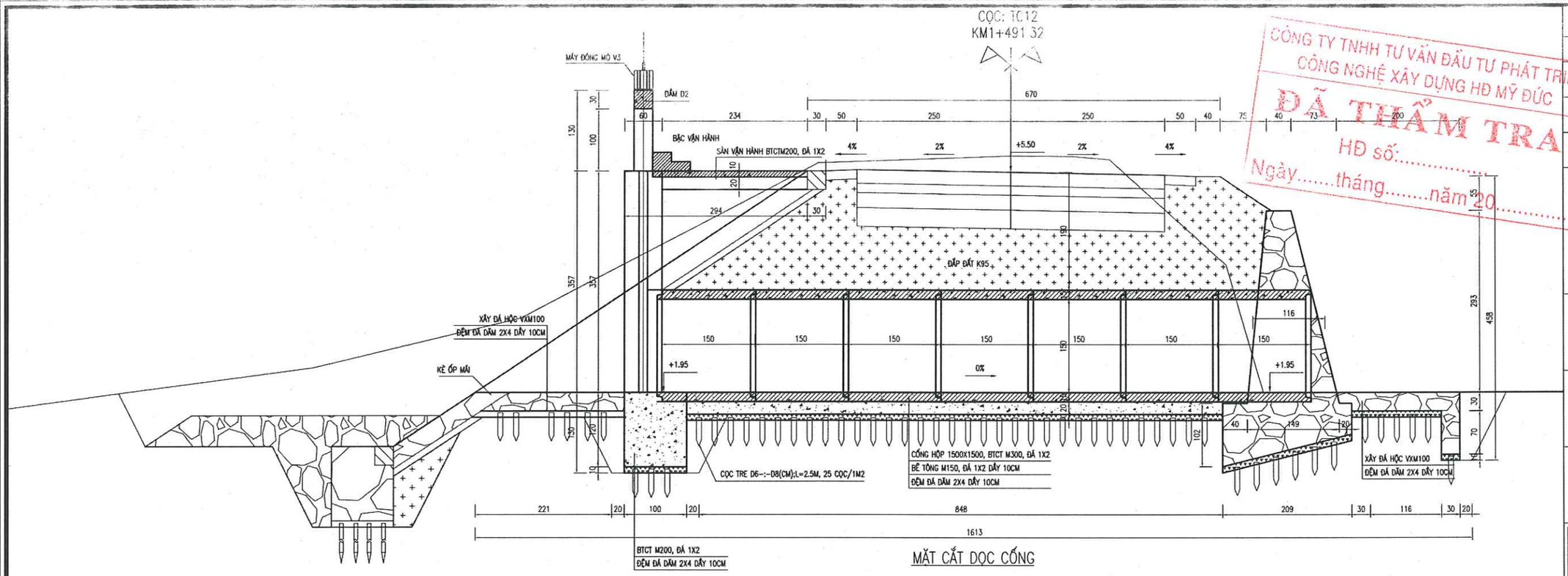

MẶT CẮT DỌC CỐNG

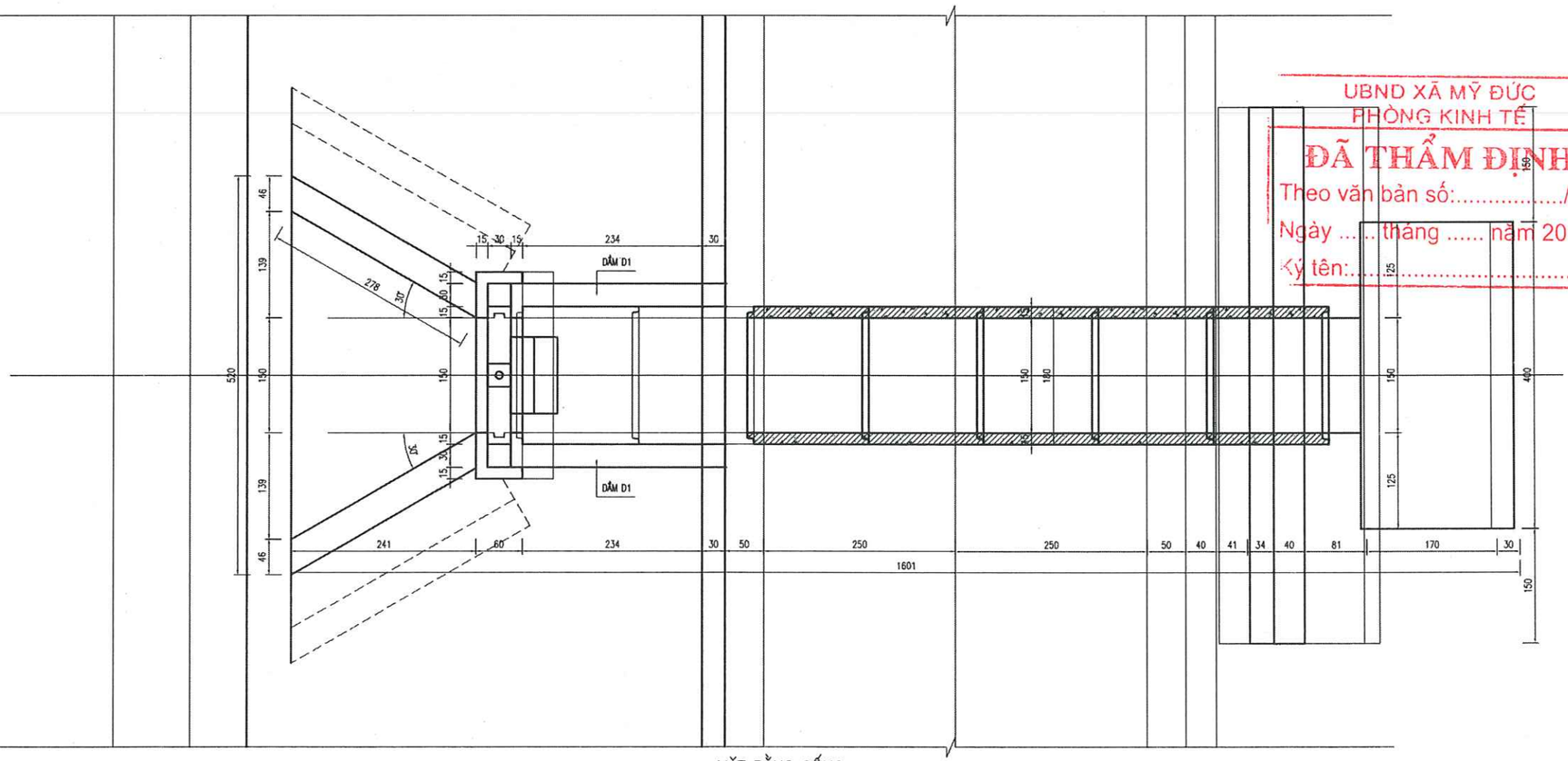

MẶT BẰNG CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, TỔ 11, PHÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT CỐNG HỘP 1X1M
CỌC TC12 KM1+491.32

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 16/23

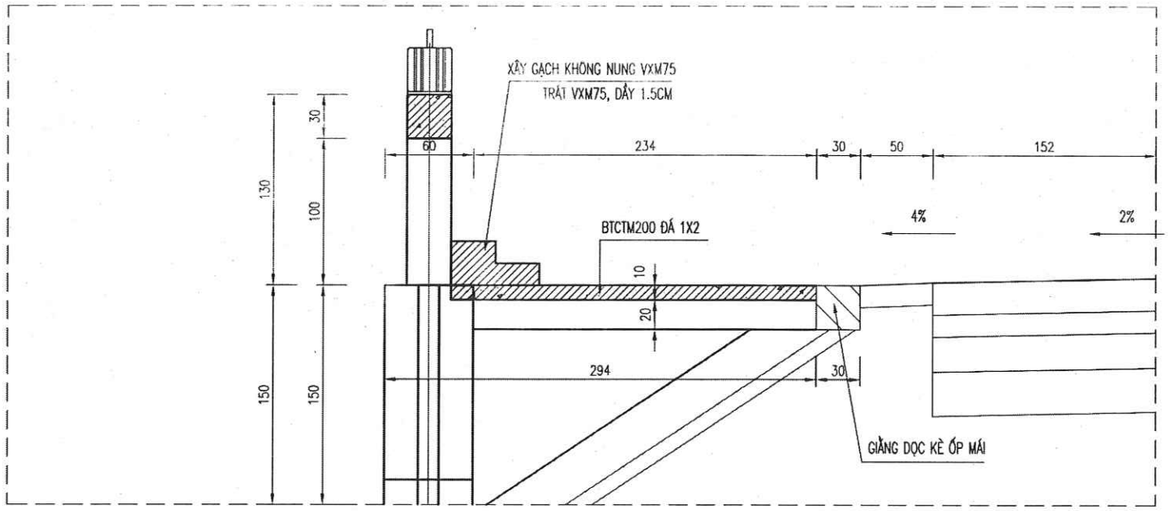

MẶT CẮT 1–1

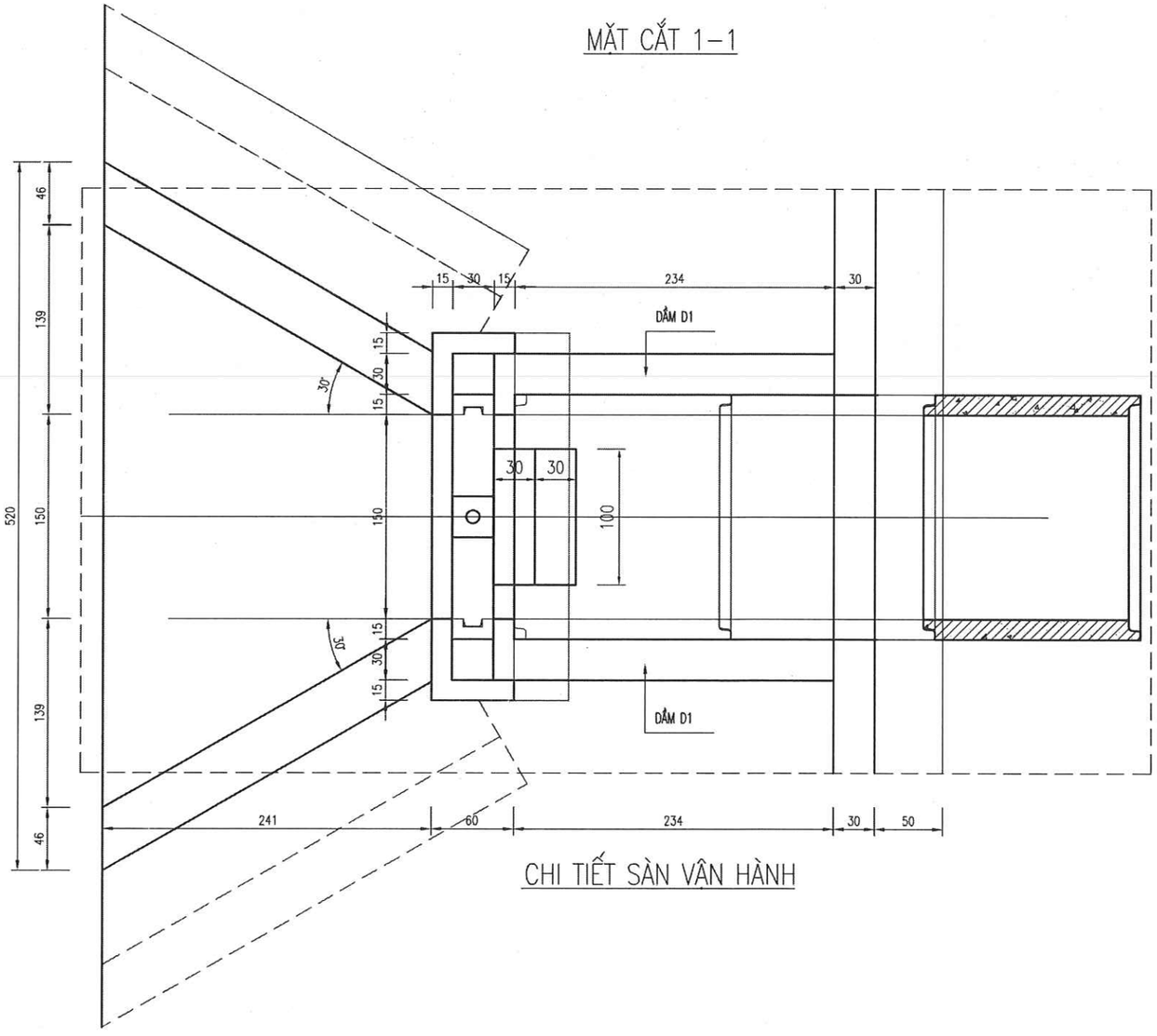

CHI TIẾT SÀN VẬN HÀNH

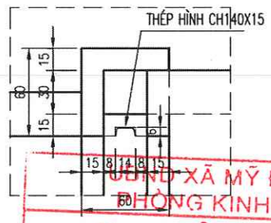

CHI TIẾT KHE PHAI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281950

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CẦU VẬN HÀNH
CỌC TC12 KM1+491.32

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 17/23

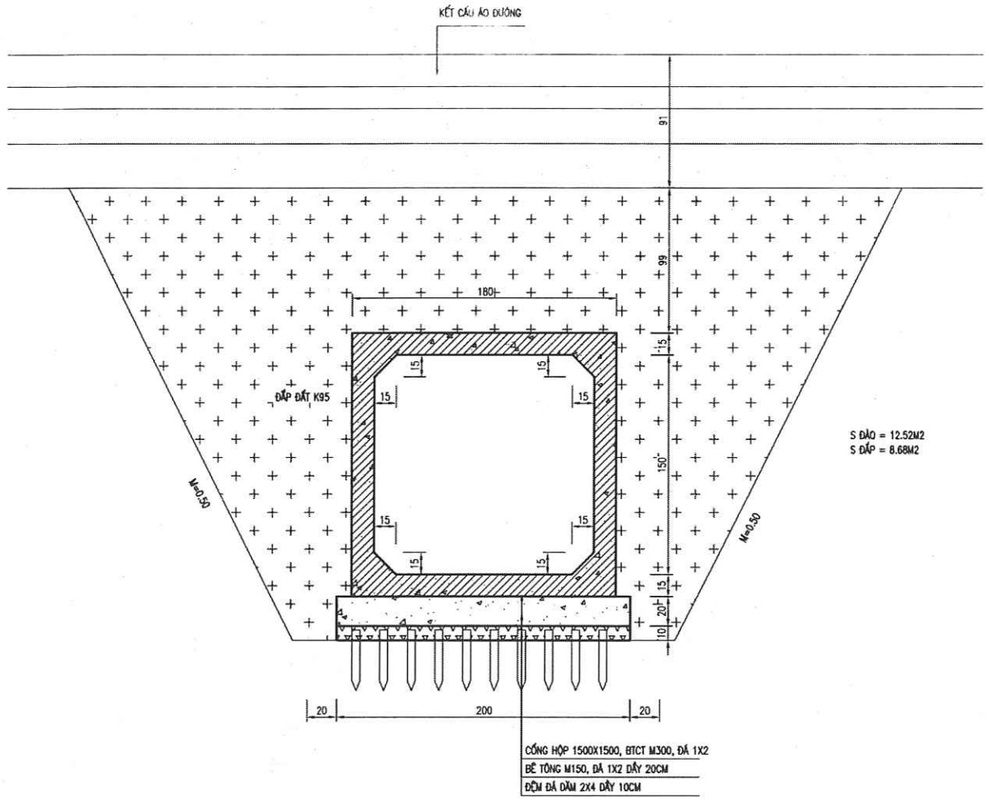

MẶT CẮT NGANG CỐNG

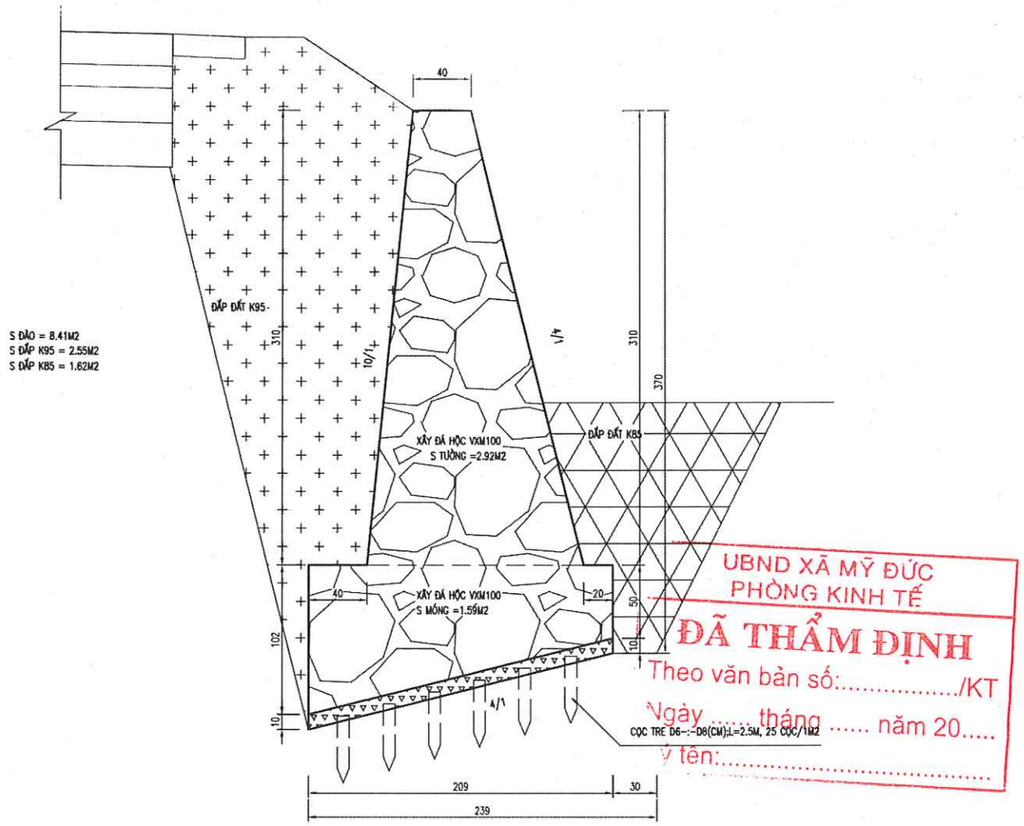

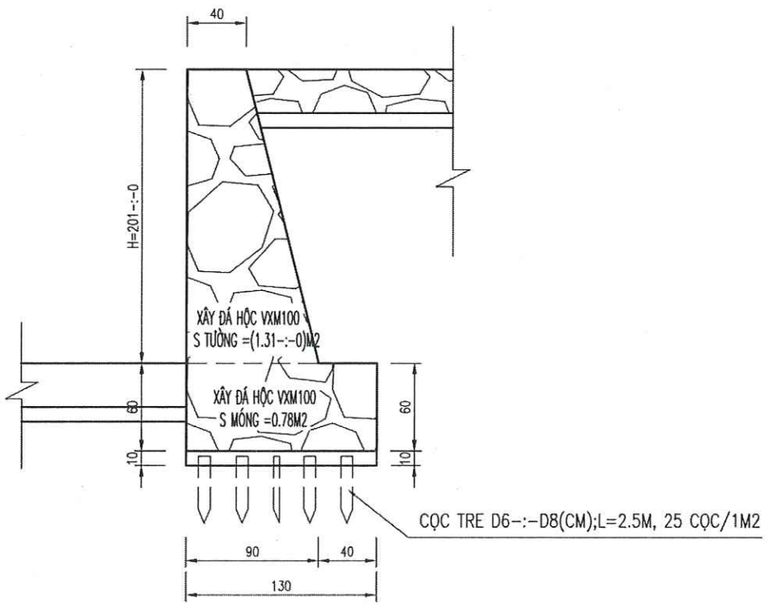

CHI TIẾT TƯỜNG CÁNH THƯỢNG LƯU CỐNG

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ý tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0812281860

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG CỐNG, CHI TIẾT TƯỜNG KÈ
CỌC TC12 KM1+491.32

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 18/23

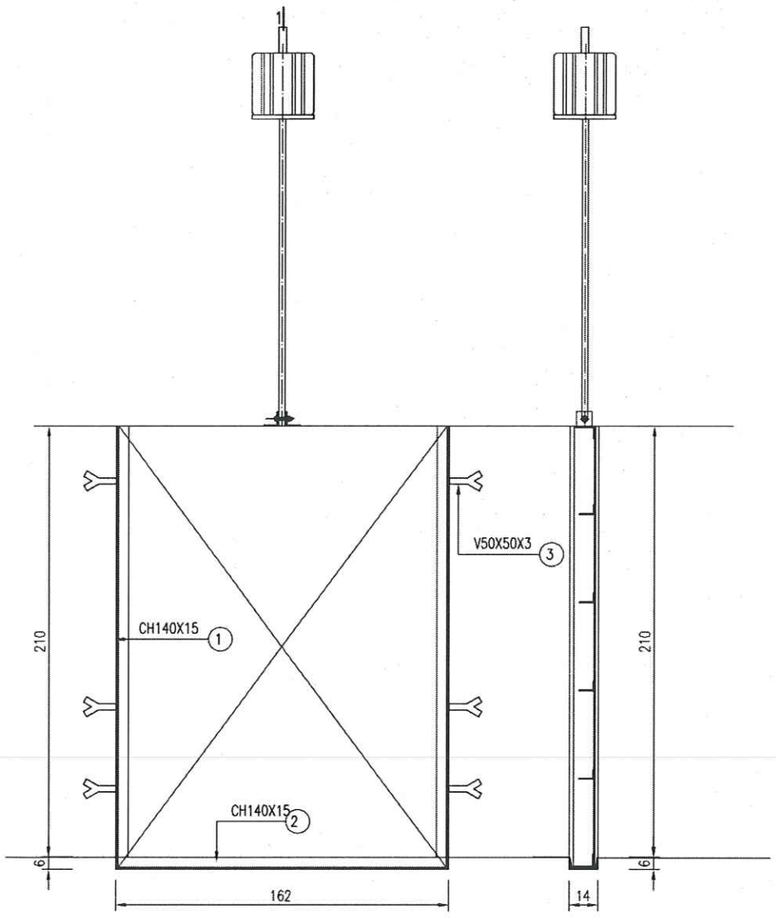

1

CHI TIẾT PHAI CỐNG ĐIỀU TIẾT

MẶT CẮT 1-1

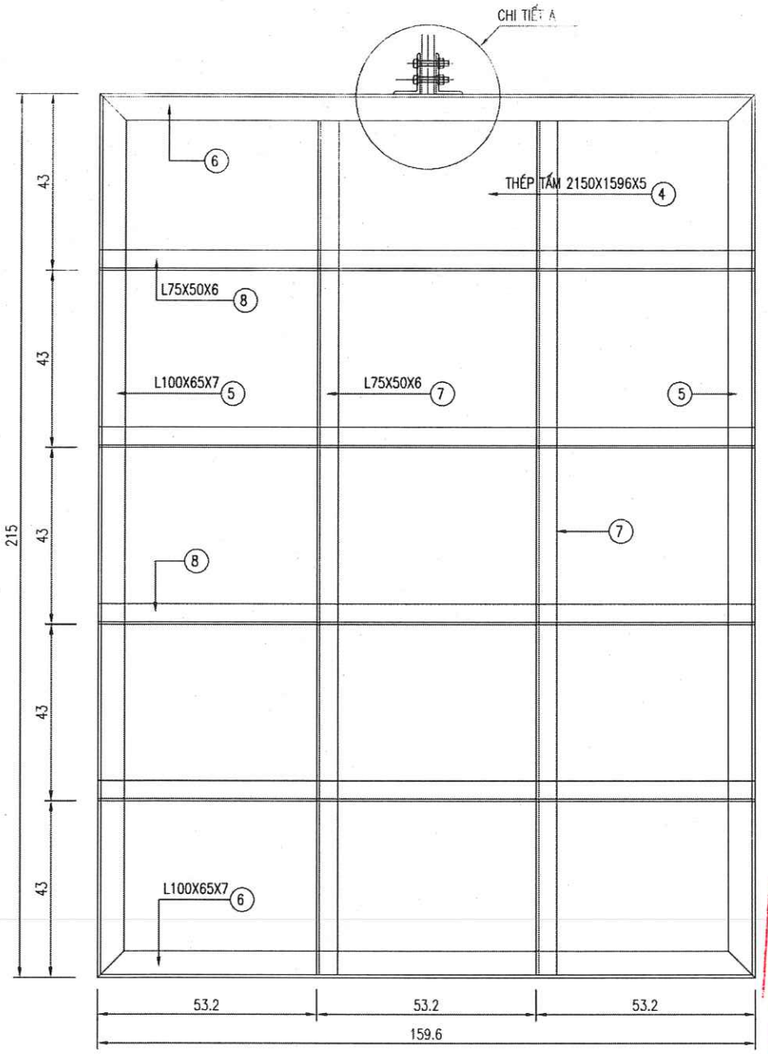

2

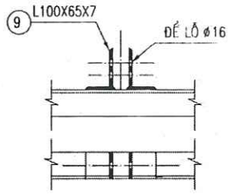

CHI TIẾT A

2

CHI TIẾT CÁNH CỐNG

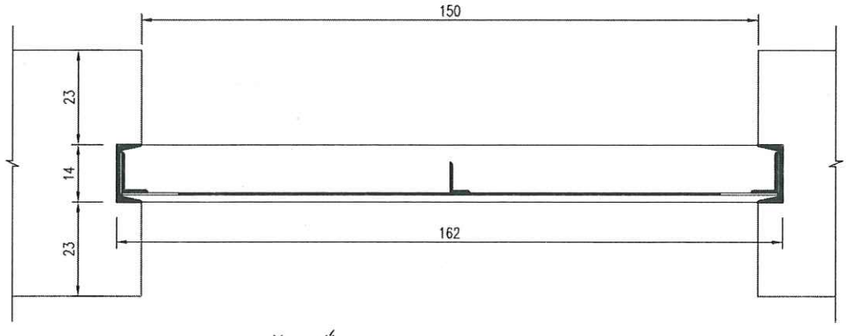

MẶT CẮT 2-2

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN		HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ø(MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH(MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
KHUNG DẪN VAN	1	CH140X15		2160	2	2	4.32	64.8
	2	CH140X15		1620	1	1	1.62	24.3
	3	V50X50X5		250	6	6	1.50	5.66
	4	THÉP TẤM 2150X1620X5			1	1		136.71
	5	L100X65X7		2150	2	2	4.3	37.71
	6	L100X65X7		1596	2	2	3.192	27.99
	7	L75X50X6		2150	2	2	4.3	24.29
	8	L75X50X6		1596	4	4	6.384	36.06
	9	L100X65X7		100	2	2	0.20	1.75
	10	MÁY ĐÓNG MỞ V3				1	BỘ	
		TỔNG (KG) :						359.27

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÝ DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON JSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT PHAI CỐNG
CỌC TC12 KM1+491.32

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 19/23

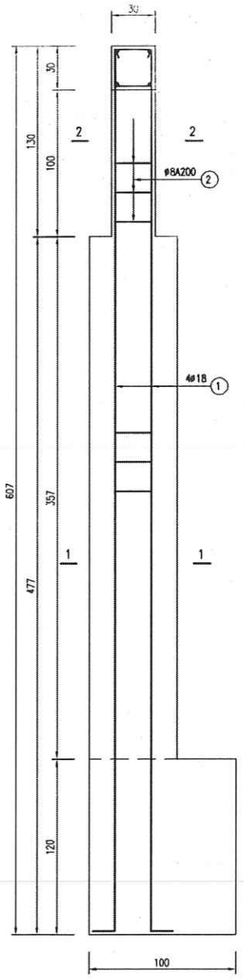

CỐT THÉP CỘT (SL:02)

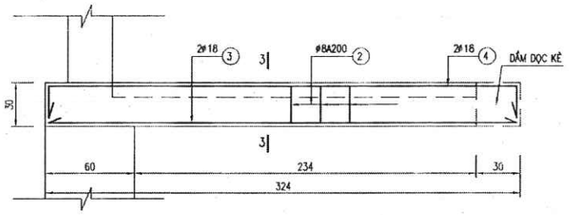

CỐT THÉP DẦM D1(SL:02)

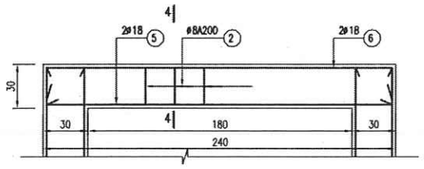

CỐT THÉP DẦM D2(SL:01)

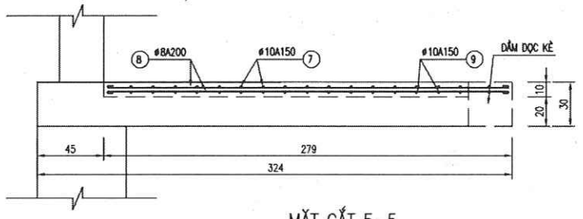

MẶT CẮT 5–5

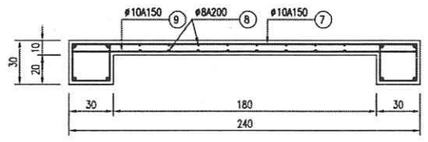

MẶT CẮT 6–6

THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH Ø (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH (MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
CT CỘT	1	150 6020	18	6170	4	8	49.36	98.6
	2	50 250 250	8	1100	31	62	68.2	26.91
CT DẦM D1	2	50 250 250	8	1100	17	34	37.4	14.76
	3	3190	18	3190	2	4	12.76	25.49
	4	250 3190 250	18	3690	2	4	14.76	29.48
CT DẦM D2	2	50 250 250	8	1100	13	13	14.3	5.64
	5	2350	18	2350	2	2	4.7	9.39
	6	250 2350 250	18	2850	2	2	5.7	11.39
CT SÀN VẬN HÀNH	7	50 2350 50	10	2450	19	19	46.55	28.72
	8	50 2740 50	8	2840	16	16	45.44	17.95
	9	2350	10	2350	19	19	44.65	27.55

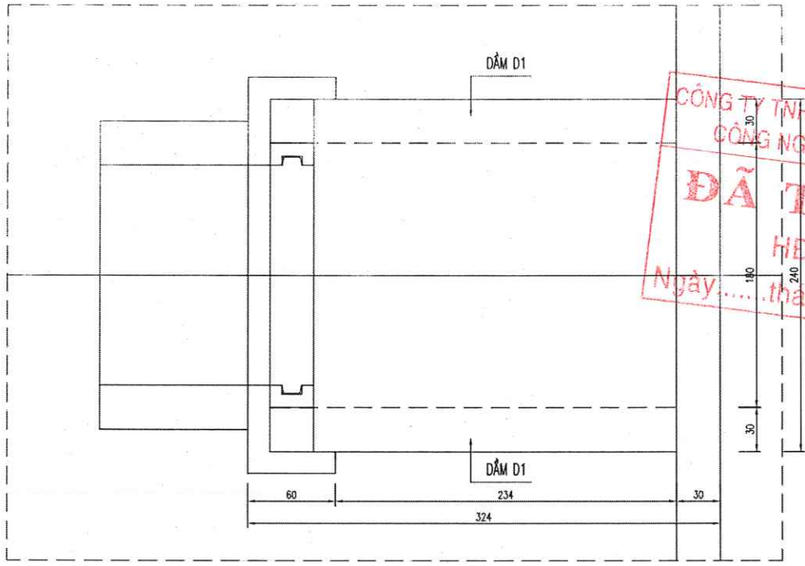

MẶT BẰNG DẦM SÀN VẬN HÀNH

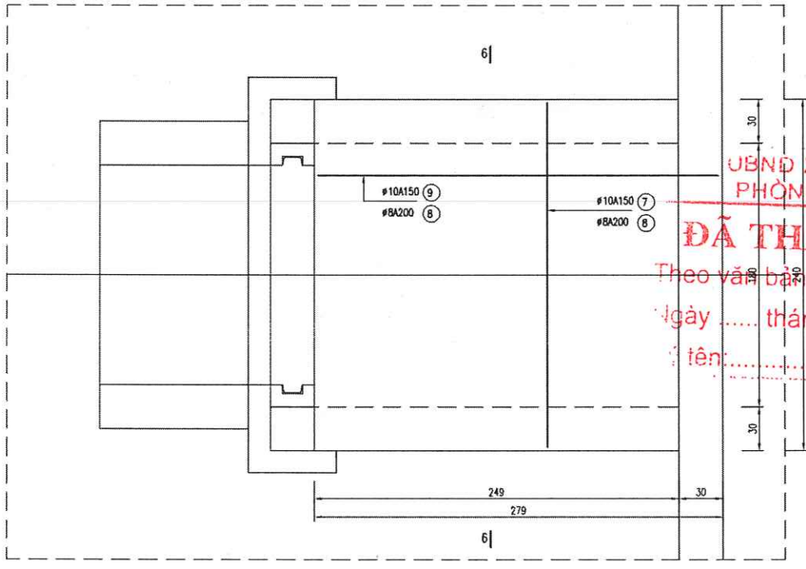

CỐT THÉP SÀN VẬN HÀNH

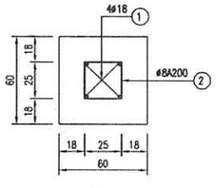

MẶT CẮT 1–1

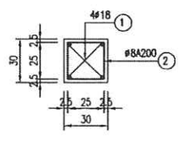

MẶT CẮT 2–2

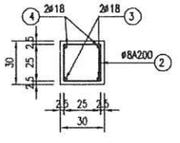

MẶT CẮT 3–3

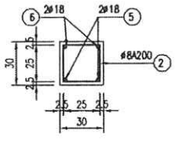

MẶT CẮT 4–4

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP KHUNG, SÀN DÀN VẬN HÀNH
CỌC TC12 KM1+491.32

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 20/23

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HẠNG MỤC KÊNH B500 TUYẾN 1

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*Khối lượng*	*Đơn vị*
I	**KÊNH B500**			
	Chiều dài kênh	Bảng tính khối lượng	*575,97*	*m*
	+ Đoạn kênh có chiều dài L=15m		*38,00*	*đoạn*
	+ Đoạn kênh có chiều dài L=5.97m		*5,97*	*đoạn*
	Số giằng ngang		*154,00*	*cấu kiện*
	+ Đoạn kênh có chiều dài L=15m		*152,00*	*cấu kiện*
	+ Đoạn kênh có chiều dài L=5.97m		*2,00*	*cấu kiện*
	Đào móng kênh	Bảng tính khối lượng	*905,74*	*m3*
	Đắp móng trong kênh	Bảng tính khối lượng	*180,44*	*m3*
	Đắp móng ngoài kênh	Bảng tính khối lượng	*138,18*	*m3*
	Chiều dài tấm đan qua kênh		*6,00*	*m*
1	Đào móng kênh	Bảng tính khối lượng	905,74	m3
2	Đệm đá dăm 2x4 dầy 10cm	(575,97 x1,39 x0,1)	80,06	m3
3	Ván khuôn móng kênh	(575,97 x2 x0,15)	172,79	m2
4	Bê tông móng kênh M200, đá 2x4 dầy 15cm	(575,97 x1,39 x0,15)	120,09	m3
5	Xây thành kênh gạch không nung VXM75	(575,97 x2 x(0,33 x0,35+0,22 x0,45))	247,09	m3
6	SXLD cốt thép giằng kênh		2.338,73	Kg
	Giằng dọc	(38 x46,75+(5,97/15) x46,75)	*1.795,11*	
	Giằng ngang	(154 x3,53)	*543,62*	
7	Ván khuôn giằng		258,96	m2
	Giằng dọc	(38 x6+((575,97-(38 x15))/15) x6)	*230,39*	
	Giằng ngang	(154 x0,19)	*28,57*	
8	Bê tông giằng M200, đá 1x2		26,57	m3
	Giằng dọc	((38 x4) x6+(2/15) x6)	*25,34*	
	Giằng ngang	(154 x0,19)	*1,22*	
9	Trát thành kênh VXM75, dầy 1.5cm	(575,97 x2 x0,9-154 x2 x0,1 x0,15)	1.032,13	m2
10	Khe lún giấy dầu tẩm 2 nước nhựa đường	28,12	28,12	m2
11	SXLD cốt thép tấm đan nắp kênh d<=10	(6 x10,38)	62,28	kg
12	SXLD cốt thép tấm đan nắp kênh d>10	(6 x5,72)	34,32	kg
13	Ván khuôn tấm đan nắp kênh	(6 x0,59)	3,55	m2
14	Bê tông tấm đan nắp kênh M200, đá 1x2	(6 x0,15)	0,87	m3
15	Đắp đất trong kênh K95	Bảng tính khối lượng	180,44	m3
16	Đắp đất móng ngoài kênh K85	Bảng tính khối lượng	138,18	m3
17	Đóng cọc tre L=1,5m; 16 cọc/m2	(575,97 x1,39 x1,5x16)	19214,36	m

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
ngày ... tháng ..... năm 20.....
tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐNG TUYẾN SỐ 1

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*Khối lượng*	*Đơn vị*
I	**CỐNG HỘP 1X1M**			
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	Bảng tổng hợp KL	69,15	m3
2	Đào móng kè	Bảng tổng hợp KL	8,44	m3
3	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	Bảng tổng hợp KL	1.856,74	m
4	Đệm đá dăm 2x4	Bảng tổng hợp KL	3,49	m3
5	Ván khuôn móng cống	Bảng tổng hợp KL	2,02	m2
10	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 20cm	Bảng tổng hợp KL	1,45	m3
7	Xây móng đá hộc VXM100	Bảng tổng hợp KL	12,75	m3
8	Xây tường đá hộc VXM100	Bảng tổng hợp KL	13,63	m3
9	Lắp đặt cống hộp 1000x1000, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	Bảng tổng hợp KL	6,00	cấu kiện
10	Đắp đất K95	Bảng tổng hợp KL	61,98	m3
11	Đắp đất K85	Bảng tổng hợp KL	4,86	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT	Bảng tổng hợp KL		
12	Đệm đá dăm 2x4	Bảng tổng hợp KL	0,22	m3
13	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	Bảng tổng hợp KL	110,00	m
14	Ván khuôn móng phai điều tiết	Bảng tổng hợp KL	7,68	m2
15	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	2,64	m3
16	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	Bảng tổng hợp KL	26,04	kg
17	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	Bảng tổng hợp KL	96,36	kg
18	Ván khuôn cột	Bảng tổng hợp KL	19,54	m2
19	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	2,47	m3
20	Ván khuôn dầm	Bảng tổng hợp KL	3,94	m2
21	Ván khuôn sàn	Bảng tổng hợp KL	2,00	m2
22	SXLD cốt thép dầm d<=10	Bảng tổng hợp KL	15,64	kg
23	SXLD cốt thép dầm d>10	Bảng tổng hợp KL	58,98	kg
25	Bê tông dầm M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	0,39	m3
26	Bê tông sàn M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	0,20	m3
27	Xây bậc vận hành gạch không nung VXM75	Bảng tổng hợp KL	0,45	m3
28	Trát VXM75, dầy 1,5cm	Bảng tổng hợp KL	1,80	m2
29	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	Bảng tổng hợp KL	275,33	kg
30	Sơn thép hình	Bảng tổng hợp KL	11,03	m2
31	Vít nâng V3	Bảng tổng hợp KL	1,00	bộ
II	**CỐNG HỘP 1,5X1,5M**			
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	Bảng tổng hợp KL	397,76	m3
2	Đào móng kè	Bảng tổng hợp KL	193,43	m3
3	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	Bảng tổng hợp KL	8.034,49	m
4	Đệm đá dăm 2x4	Bảng tổng hợp KL	13,43	m3

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*Khối lượng*	*Đơn vị*
5	Ván khuôn móng cống	Bảng tổng hợp KL	10,42	m2
6	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 20cm	Bảng tổng hợp KL	10,42	m3
7	Xây móng đá hộc VXM100	Bảng tổng hợp KL	65,83	m3
8	Xây tường đá hộc VXM100	Bảng tổng hợp KL	69,88	m3
8	Lắp đặt cống hộp 1500x1500, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	Bảng tổng hợp KL	21,00	cấu kiện
9	Đắp đất K95	Bảng tổng hợp KL	334,41	m3
10	Đắp đất K85	Bảng tổng hợp KL	37,26	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
11	Đệm đá dăm 2x4	Bảng tổng hợp KL	0,81	m3
12	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	Bảng tổng hợp KL	405,00	m
13	Ván khuôn móng phai điều tiết	Bảng tổng hợp KL	26,64	m2
14	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	9,72	m3
15	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	Bảng tổng hợp KL	78,12	kg
16	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	Bảng tổng hợp KL	289,08	kg
17	Ván khuôn cột	Bảng tổng hợp KL	59,78	m2
18	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	7,78	m3
19	Ván khuôn dầm	Bảng tổng hợp KL	19,12	m2
20	Ván khuôn sàn	Bảng tổng hợp KL	13,45	m2
21	SXLD cốt thép dầm d<=10	Bảng tổng hợp KL	61,20	kg
22	SXLD cốt thép dầm d>10	Bảng tổng hợp KL	227,25	kg
23	SXLD cốt thép sàn d<=10	Bảng tổng hợp KL	222,66	kg
24	Bê tông dầm M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	1,91	m3
25	Bê tông sàn M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	1,34	m3
26	Xây bậc vận hành gạch không nung VXM75	Bảng tổng hợp KL	0,41	m3
27	Trát VXM75, dầy 1,5cm	Bảng tổng hợp KL	2,70	m2
28	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	Bảng tổng hợp KL	1.077,81	kg
29	Sơn thép hình	Bảng tổng hợp KL	44,24	m2
30	Vít nâng V3	Bảng tổng hợp KL	3,00	bộ

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 1X1M CỌC C1 KM0+710,67

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Họ tên:.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Chiều dài cống		*7,84*	*m*
	Chiều dài kè đầu cống			*m*
	+ Chiều dài kè thượng lưu		*5,80*	*m*
	+ Chiều dài kè hạ lưu		*3,00*	*m*
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	(7,84 x8,82)	69,15	m3
2	Đào móng kè	((2,9 x2) x(0,9+2,01) x0,5)	8,44	m3
3	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	((2,51 x(3,9+1) x0,5+(2,9 x2) x1,32+1 x2,2+6,73 x1,44+2,09 x3+3,23 x1,6) x2,5 x20)	1856,74	m
4	Đệm đá dăm 2x4	((2,51 x(3,9+1) x0,5+(2,9 x2) x1,32+6,73 x1,44+2,09 x3+3,23 x1,6) x0,1)	3,49	m3
5	Ván khuôn móng cống	((6,73 x2 x0,15))	2,02	m2
6	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 20cm	((6,73 x1,44 x0,15))	1,45	m3
7	Xây móng đá hộc VXM100	((2,9 x2) x0,79+2,51 x(3,9+1) x0,5 x0,3+3 x1,59+3,23 x1,6 x0,3)	12,75	m3
8	Xây tường đá hộc VXM100	((2,9 x2) x(0+1,37) x0,5+1 x0,3 x1,16+3 x2,92-1,24 x1,24 x1,31+(3,72+1+2,72) x0,3 x1,15)	13,63	m3
9	Lắp đặt cống hộp 1000x1000, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	6	6,00	cấu kiện
10	Đắp đất K95		61,98	m3
	Móng cống	(7,84 x6,93)	*54,33*	
	Móng kè	(3 x2,55)	*7,65*	
11	Đắp đất K85	(3 x1,62)	4,86	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
12	Đệm đá dăm 2x4	((1 x2,2 x0,1))	0,22	m3
13	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	(2,2 x1 x2,5 x20)	110,00	m
14	Ván khuôn móng phai điều tiết	((1+2,2) x2 x1,2)	7,68	m2
15	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	(1 x2,2 x1,2)	2,64	m3
16	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	Bảng thống kê	26,04	kg
17	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	Bảng thống kê	96,36	kg
18	Ván khuôn cột	((2 x(0,6 x4+0,06 x2) x3,1+0,3 x4 x1,63 x2))	19,54	m2
19	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	((2 x(0,6 x0,6-0,14 x0,06) x3,1+2 x0,3 x0,3 x1,63))	2,47	m3
20	Ván khuôn dầm	((2 x1,54 x(0,3 x3)+1 x1,3 x0,3 x3))	3,94	m2
21	Ván khuôn sàn	((154 x13))	2,00	m2
22	SXLD cốt thép dầm d<=10	Bảng thống kê	15,64	kg
23	SXLD cốt thép dầm d>10	Bảng thống kê	58,98	kg
24	SXLD cốt thép sàn d<=10	Bảng thống kê	42,49	kg

M.S.D.N: 0104944034 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
25	Bê tông dầm M200, đá 1x2	((2 x1,54 x0,3 x0,3+1 x1,3 x0,3 x0,3))	0,39	m3
26	Bê tông sàn M200, đá 1x2	((1,54 x1,3 x0,1))	0,20	m3
27	Xây bậc vận hành gạch không nung VXM75	((1 x(1,2 x0,15+0,9 x0,15+0,6 x0,15+0,3 x0,15)))	0,45	m3
28	Trát VXM75, dầy 1,5cm	((1 x(1,2+0,6)))	1,80	m2
29	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	Bảng thống kê	275,33	kg
30	Sơn thép hình		11,03	m2
	Thép CH140x15	((4,32+1,12) x(0,14+0,06) x2)	*2,18*	
	Thép V50x50x5	((1,5 x0,05 x4))	*0,30*	
	Thép tấm 2150x1096x5	((2 x2,15 x1,1))	*4,71*	
	Thép L100x65x7	(6,69 x(0,1+0,06) x2)	*2,21*	
	Thép L75x50x6	(6,53 x(0,08+0,05) x2)	*1,63*	
31	Vít nâng V3		1,00	bộ

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 1,5X1,5M

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TT	Hạng mục	Khối lượng			Tổng	Đơn vị
		CỌC C2 KM0+882,57	C3 KM1+153,84	TC12 KM1+491,32		
	A. PHẦN CỐNG					
1	Đào móng cống	132,59	132,59	132,59	397,76	m3
2	Đào móng kè	75,69	58,87	58,87	193,43	m3
3	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	2714,08	2767,72	2552,70	8034,49	m
4	Đệm đá dăm 2x4	5,57	4,00	3,86	13,43	m3
5	Ván khuôn móng cống	3,47	3,47	3,47	10,42	m2
6	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 20cm	3,47	3,47	3,47	10,42	m3
7	Xây móng đá hộc VXM100	22,95	22,07	20,81	65,83	m3
8	Xây tường đá hộc VXM100	25,54	24,01	20,32	69,88	m3
8	Lắp đặt cống hộp 1500x1500, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	7,00	7,00	7,00	21,00	cấu kiện
9	Đắp đất K95	114,87	109,77	109,77	334,41	m3
10	Đắp đất K85	14,58	11,34	11,34	37,26	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT				0,00	
11	Đệm đá dăm 2x4	0,27	0,27	0,27	0,81	m3
12	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	135,00	135,00	135,00	405,00	m
13	Ván khuôn móng phai điều tiết	8,88	8,88	8,88	26,64	m2
14	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	3,24	3,24	3,24	9,72	m3
15	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	26,04	26,04	26,04	78,12	kg
16	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	96,36	96,36	96,36	289,08	kg
17	Ván khuôn cột	19,93	19,93	19,93	59,78	m2
18	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	2,59	2,59	2,59	7,78	m3
19	Ván khuôn dầm	6,37	6,37	6,37	19,12	m2
20	Ván khuôn sàn	4,48	4,48	4,48	13,45	m2
21	SXLD cốt thép dầm d<=10	20,40	20,40	20,40	61,20	kg
22	SXLD cốt thép dầm d>10	75,75	75,75	75,75	227,25	kg
23	SXLD cốt thép sàn d<=10	74,22	74,22	74,22	222,66	kg
24	Bê tông dầm M200, đá 1x2	0,64	0,64	0,64	1,91	m3
25	Bê tông sàn M200, đá 1x2	0,45	0,45	0,45	1,34	m3
26	Xây bậc vận hành gạch không nung VXM75	0,14	0,14	0,14	0,41	m3
27	Trát VXM75, dầy 1,5cm	0,90	0,90	0,90	2,70	m2
28	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	359,27	359,27	359,27	1077,81	kg
29	Sơn thép hình	14,75	14,75	14,75	44,24	m2
30	Vít nâng V3	1,00	1,00	1,00	3,00	bộ

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI
UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 1,5X1,5M CỌC C2 KM0+882,57

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Chiều dài cống		*10,59*	*m*
	Chiều dài kè đầu cống			*m*
	+ Chiều dài kè thượng lưu		*5,08*	*m*
	+ Chiều dài kè hạ lưu		*9,00*	*m*
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	(10,59 x12,52)	132,59	m3
2	Đào móng kè	(9 x8,41)	75,69	m3
3	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	((2,2 x2,1+8,68 x2+(2,54 x2) x1,27+9 x2,09+1,76 x4) x2,5 x20)	2714,08	m
4	Đệm đá dăm 2x4	((2,2 x(4,01+1,5) x0,5+(2,54 x2) x1,27+8,68 x2+9 x2,09+1,76 x4) x0,1)	5,57	m3
5	Ván khuôn móng cống	((8,68 x2 x0,2))	3,47	m2
6	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 20cm	((8,68 x2 x0,2))	3,47	m3
7	Xây móng đá hộc VXM100	(2,2 x(4,04+1,5) x0,5 x0,3+(2,54 x2) x0,76+9 x1,59+0,3 x0,7 x4+1,76 x0,3 x4)	22,95	m3
8	Xây tường đá hộc VXM100	((2,54 x2) x(0+1,19) x0,5+9 x2,92-1,8 x1,8 x1,16)	25,54	m3
8	Lắp đặt cống hộp 1500x1500, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	7	7,00	cấu kiện
9	Đắp đất K95		114,87	m3
	Móng cống	(10,59 x8,68)	*91,92*	
	Móng kè	(9 x2,55)	*22,95*	
10	Đắp đất K85	(9 x1,62)	14,58	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
11	Đệm đá dăm 2x4	((1 x2,7 x0,1))	0,27	m3
12	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	(2,7 x1 x2,5 x20)	135,00	m
13	Ván khuôn móng phai điều tiết	((1+2,7) x2 x1,2)	8,88	m2
14	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	((1 x2,7 x1,2))	3,24	m3
15	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	Bảng thống kê	26,04	kg
16	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	Bảng thống kê	96,36	kg
17	Ván khuôn cột	((2 x(0,6 x4+0,06 x2) x3,43+0,3 x4 x1,1 x2))	19,93	m2
18	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	((2 x(0,6 x0,6-0,14 x0,06) x3,43+2 x0,3 x0,3 x1))	2,59	m3
19	Ván khuôn dầm	((2 x2,34 x(0,3 x3)+1 x2,4 x0,3 x3))	6,37	m2
20	Ván khuôn sàn	((2,49 x1,8))	4,48	m2
21	SXLD cốt thép dầm d<=10	Bảng thống kê	20,40	kg
22	SXLD cốt thép dầm d>10	Bảng thống kê	75,75	kg
23	SXLD cốt thép sàn d<=10	Bảng thống kê	74,22	kg
24	Bê tông dầm M200, đá 1x2	((2 x2,34 x0,3 x0,3+1 x2,4 x0,3 x0,3))	0,64	m3
25	Bê tông sàn M200, đá 1x2	((2,49 x1,8 x0,1))	0,45	m3
26	Xây bậc vận hành gạch không nung VXM75	((1 x(0,6 x0,15+0,3 x0,15)))	0,14	m3
27	Trát VXM75, dầy 1,5cm	((1 x(0,6+0,3)))	0,90	m2
28	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	Bảng thống kê	359,27	kg
29	Sơn thép hình		14,75	m2
	Thép CH140x15	((5,94 x(0,14+0,06) x2))	*2,38*	
	Thép V50x50x5	((1,5 x0,05 x4))	*0,30*	
	Thép tấm 2150x1596x5	((2 x2,15 x1,6))	*6,86*	

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ý kiến:.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Thép L100x65x7	((7,69 x(0,1+0,06) x2))	*2,54*	
	Thép L75x50x6	((10,68 x(0,08+0,05) x2))	*2,67*	
30	Vít nâng V3		1,00	bộ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 1,5X1,5M CỌC C3 KM1+153,84

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Chiều dài cống		*10,59*	*m*
	Chiều dài kè đầu cống			*m*
	+ Chiều dài kè thượng lưu		*6,12*	*m*
	+ Chiều dài kè hạ lưu		*7,00*	*m*
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	(10,59 x12,52)	132,59	m3
2	Đào móng kè	(7 x8,41)	58,87	m3
3	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	((2,45 x(4,56+1,5) x0,5+(3,06 x2) x1,34+8,68 x2+7 x2,19+1,76 x4) x2,5 x20)	2767,72	m
4	Đệm đá dăm 2x4	((2,45 x(4,56+1,5) x0,5+8,68 x2+(3,06 x2) x1,34+ x2,19+1,76 x4) x0,1)	4,00	m3
5	Ván khuôn móng cống	((8,68 x2 x0,2))	3,47	m2
6	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 20cm	((8,68 x2 x0,2))	3,47	m3
7	Xây móng đá hộc VXM100	(2,56 x(4,56+1,5) x0,5 x0,3+(3,06 x2) x0,81+7 x1,69+1,76 x0,3 x4+0,3 x0,7 x4)	22,07	m3
8	Xây tường đá hộc VXM100	((3,06 x2) x(0+1,46) x0,5+7 x3,38-1,8 x1,8 x1,27)	24,01	m3
8	Lắp đặt cống hộp 1500x1500, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	7	7,00	cấu kiện
9	Đắp đất K95	109,7712	109,77	m3
	Móng cống	(10,59 x8,68)	*91,92*	
	Móng kè	(7 x2,55)	*17,85*	
10	Đắp đất K85	(7 x1,62)	11,34	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
10	Đệm đá dăm 2x4	((1 x2,7 x0,1))	0,27	m3
11	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	(2,7 x1 x2,5 x20)	135,00	m
11	Ván khuôn móng phai điều tiết	((1+2,7) x2 x1,2)	8,88	m2
12	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	((1 x2,7 x1,2))	3,24	m3
13	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	Bảng thống kê	26,04	kg
14	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	Bảng thống kê	96,36	kg
15	Ván khuôn cột	((2 x(0,6 x4+0,06 x2) x3,43+0,3 x4 x1,1 x2))	19,93	m2
16	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	((2 x(0,6 x0,6-0,14 x0,06) x3,43+2 x0,3 x0,3 x1))	2,59	m3
17	Ván khuôn dầm	((2 x2,34 x(0,3 x3)+1 x2,4 x0,3 x3))	6,37	m2
18	Ván khuôn sàn	((2,49 x1,8))	4,48	m2
19	SXLD cốt thép dầm d<=10	Bảng thống kê	20,40	kg
20	SXLD cốt thép dầm d>10	Bảng thống kê	75,75	kg
21	SXLD cốt thép sàn d<=10	Bảng thống kê	74,22	kg
22	Bê tông dầm M200, đá 1x2	((2 x2,34 x0,3 x0,3+1 x2,4 x0,3 x0,3))	0,64	m3
23	Bê tông sàn M200, đá 1x2	((2,49 x1,8 x0,1))	0,45	m3
24	Xây bậc vận hành gạch không nung VXM75	((1 x(0,6 x0,15+0,3 x0,15)))	0,14	m3
25	Trát VXM75, dầy 1,5cm	((1 x(0,6+0,3)))	0,90	m2
26	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	Bảng thống kê	359,27	kg
27	Sơn thép hình		14,75	m2

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Thép CH140x15	((5,94 x(0,14+0,06) x2))	*2,38*	
	Thép V50x50x5	((1,5 x0,05 x4))	*0,30*	
	Thép tấm 2150x1596x5	((2 x2,15 x1,6))	*6,86*	
	Thép L100x65x7	((7,69 x(0,1+0,06) x2))	*2,54*	
	Thép L75x50x6	((10,68 x(0,08+0,05) x2))	*2,67*	
28	Vít nâng V3		1,00	bộ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 1,5X1,5M CỌC TC12 KM1+491,32

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Chiều dài cống		*10,59*	*m*
	Chiều dài kè đầu cống			*m*
	+ Chiều dài kè thượng lưu		*5,56*	*m*
	+ Chiều dài kè hạ lưu		*7,00*	*m*
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	(10,59 x12,52)	132,59	m3
2	Đào móng kè	(7 x8,41)	58,87	m3
3	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	((2,41 x(2,48+1,5) x0,5+(2,78 x2) x1,3+8,68 x2+7 x2,09+1,76 x4) x2,5 x20)	2552,70	m
4	Đệm đá dăm 2x4	((2,41 x(4,28+1,5) x0,5+(2,78 x2) x1,3+8,68 x2+ x2,09+1,76 x4) x0,1)	3,86	m3
5	Ván khuôn móng cống	(8,68 x2 x0,2)	3,47	m2
6	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 20cm	(8,68 x2 x0,2)	3,47	m3
7	Xây móng đá hộc VXM100	(2,41 x(4,28+1,5) x0,5 x0,3+(2,78 x2) x0,78+7 x1,59+2 x4 x0,3+0,3 x0,7 x4)	20,81	m3
8	Xây tường đá hộc VXM100	((2,78 x2) x(0+1,31) x0,5+7 x2,92-1,8 x1,8 x1,16)	20,32	m3
8	Lắp đặt cống hộp 1500x1500, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	7	7,00	cấu kiện
9	Đắp đất K95	109,7712	109,77	m3
	Móng cống	(10,59 x8,68)	*91,92*	
	Móng kè	(7 x2,55)	*17,85*	
10	Đắp đất K85	(7 x1,62)	11,34	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
10	Đệm đá dăm 2x4	(1 x2,7 x0,1)	0,27	m3
11	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	(2,7 x1 x2,5 x20)	135,00	m
11	Ván khuôn móng phai điều tiết	((1+2,7) x2 x1,2)	8,88	m2
12	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	(1 x2,7 x1,2)	3,24	m3
13	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	26,04	26,04	kg
14	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	96,36	96,36	kg
15	Ván khuôn cột	((2 x(0,6 x4+0,06 x2) x3,43+0,3 x4 x1,1 x2))	19,93	m2
16	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	((2 x(0,6 x0,6-0,14 x0,06) x3,43+2 x0,3 x0,3 x1))	2,59	m3
17	Ván khuôn dầm	(2 x2,34 x(0,3 x3)+1 x2,4 x0,3 x3)	6,37	m2
18	Ván khuôn sàn	(2,49 x1,8)	4,48	m2
19	SXLD cốt thép dầm d<=10	20,4	20,40	kg
20	SXLD cốt thép dầm d>10	75,75	75,75	kg
21	SXLD cốt thép sàn d<=10	74,22	74,22	kg
21	Bê tông dầm M200, đá 1x2	(2 x2,34 x0,3 x0,3+1 x2,4 x0,3 x0,3)	0,64	m3
22	Bê tông sàn M200, đá 1x2	(2,49 x1,8 x0,1)	0,45	m3
23	Xây bậc vận hành gạch không nung VXM75	(1 x(0,6 x0,15+0,3 x0,15))	0,14	m3
24	Trát VXM75, dầy 1,5cm	(1 x(0,6+0,3))	0,90	m2

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
25	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	359,27	359,27	kg
26	Sơn thép hình	14,7465	14,75	m2
	Thép CH140x15	(5,94 x(0,14+0,06) x2)	*2,38*	
	Thép V50x50x5	((1,5 x0,05 x4))	*0,30*	
	Thép tấm 2150x1596x5	((2 x2,15 x1,6))	*6,86*	
	Thép L100x65x7	(7,69 x(0,1+0,06) x2)	*2,54*	
	Thép L75x50x6	(10,68 x(0,08+0,05) x2)	*2,67*	
27	Vít nâng V3		1,00	bộ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

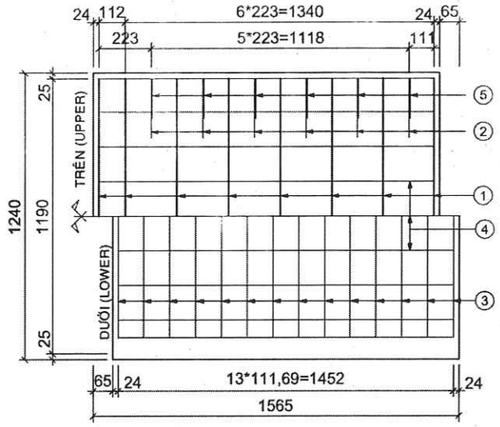

BẢN NẮP (TOP SLAB)

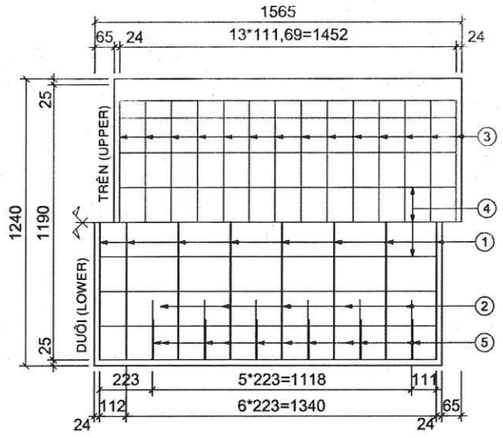

BẢN ĐÁY (BOTTOM SLAB)

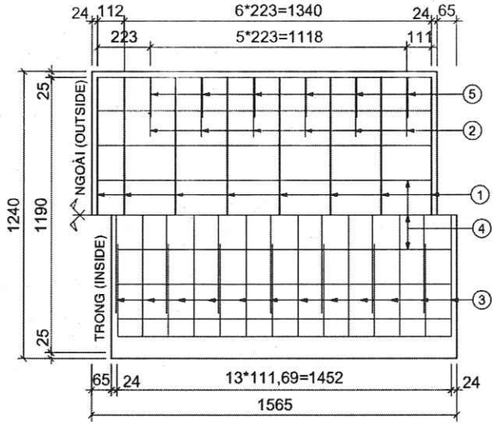

BẢN SƯỜN (SIDE SLAB)

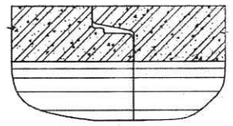

MỐI NỐI (JOINT)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

1/2 CHÍNH DIỆN (1/2 FRONT VIEW)

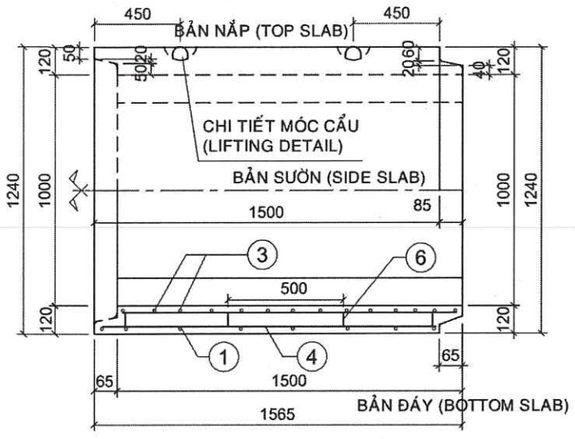

1/2 MẶT CẮT DỌC
(1/2 LONG SECTION)

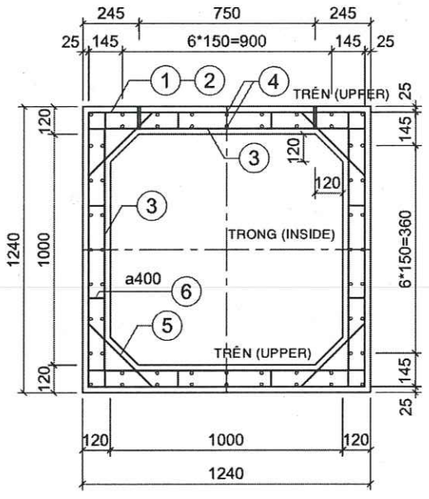

MẶT CẮT NGANG (CROSS
SECTION)

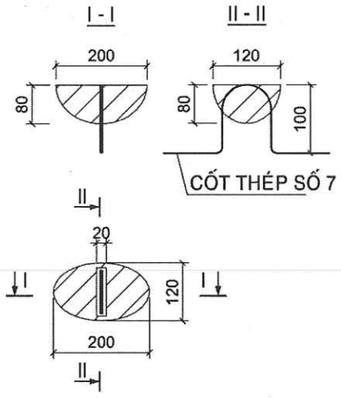

CHI TIẾT MÓC CẨU (LIFTING
DETAIL)

GHI CHÚ:

1- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm .
2- Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng thép buộc.
3- Cốt thép kéo nguội có fy = 500MPa.
4- Chiều cao đất đắp trên cống 0.5-3m.
5- Cống đặt dưới đường: Hoạt tải HL93.
6- Cống được chế tạo đổ trực tiếp.

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

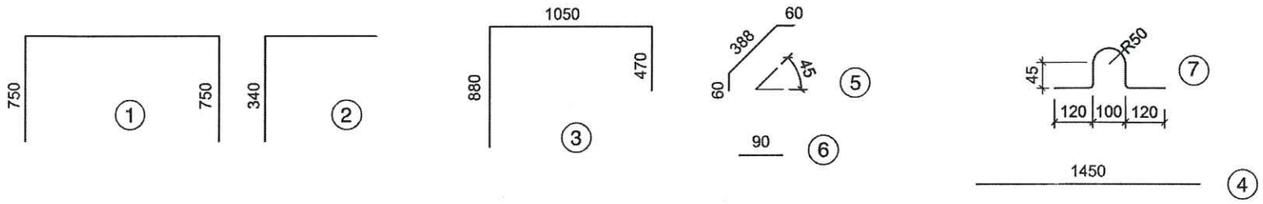

CHI TIẾT CỐT THÉP (REBAR
DETAIL)

BẢNG TỈNH KHỐI LƯỢNG 01 CK CỐNG HỘP 1000X1000X1500

Ký hiệu	Đường kính	Số lượng	Chiều dài	Khối lượng đơn vị	Tổng	
					Chiều dài	Khối lượng
	mm	Thanh	mm	kg/m	m	kg
1	D10	16	2690	0.617	43.04	26.54
2	D10	24	690	0.617	16.56	10.22
3	D10	25	2400	0.617	87.00	41.45
4	D8	60	1450	0.395	87.00	34.35
5	D10	24	508	0.617	12.19	7.52
6	D8	45	90	0.395	3.60	1.42
7	D12	2	487	0.888	1.95	1.73
Tổng			Khối lượng thép D = 8		229.35	121.30
			Khối lượng thép D = 10		1.95	1.73
	Bê tông cống đá 1x2 M300 (m3)					0.350
2	Ván khuôn cống (m2)					13.020

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO CỐNG HỘP 1X1M

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 21/23

CHI TIẾT CỐT THÉP ỐNG CỐNG ĐIỂN HÌNH BÊ TÔNG ĐÚC SẴN

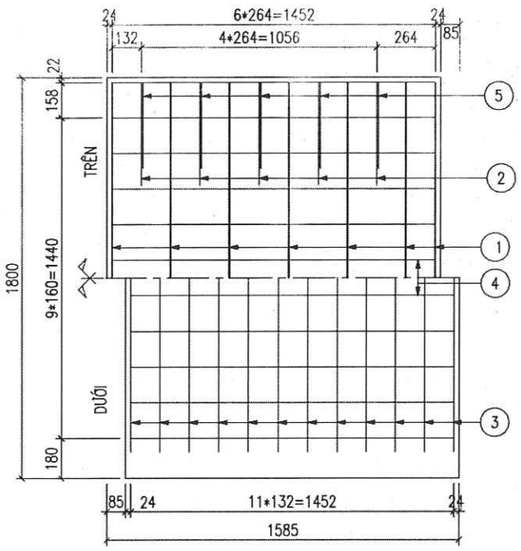

BẢN NẮP

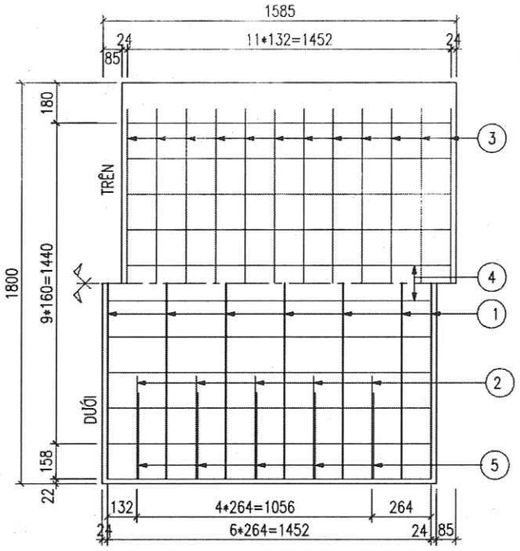

BẢN ĐÁY

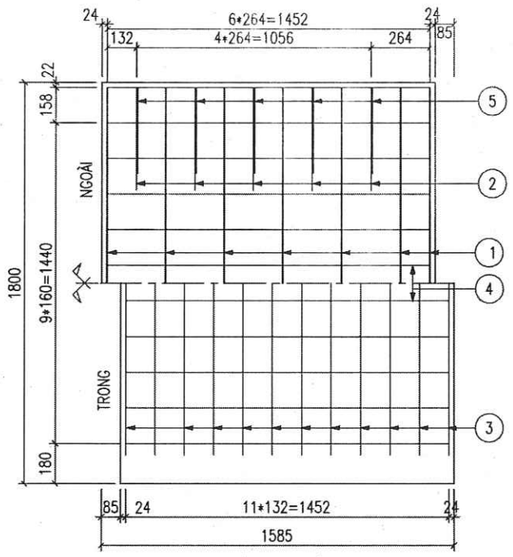

BẢN SƯỜN

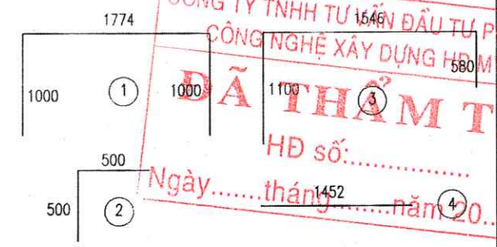

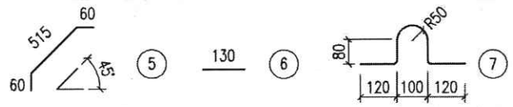

CHI TIẾT CỐT THÉP

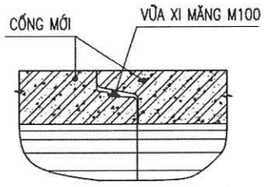

MỐI NỐI CỐNG

1/2 CHÍNH DIỆN

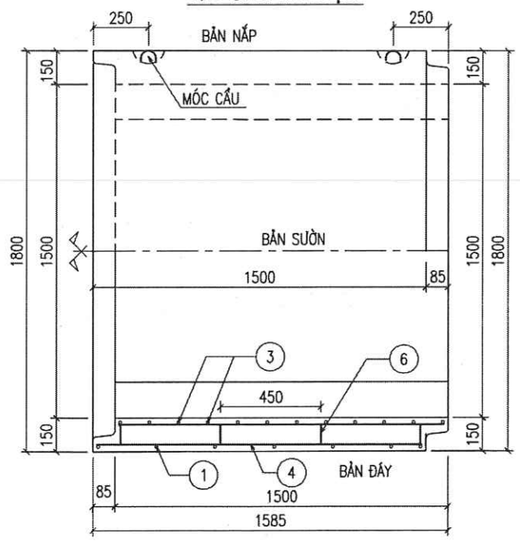

1/2 MẶT CẮT DỌC

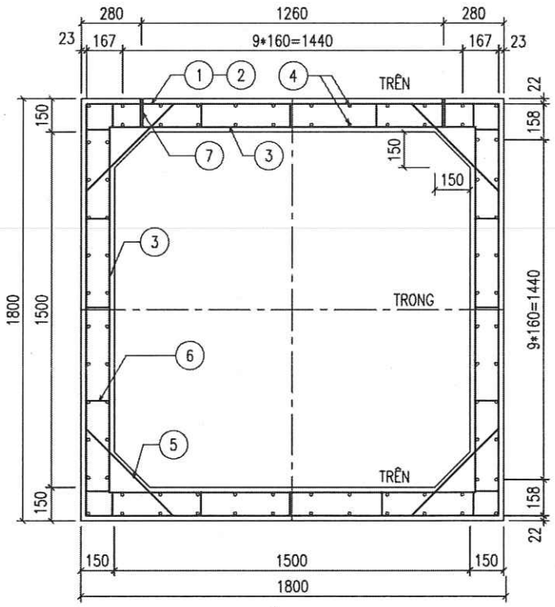

MẶT CẮT NGANG

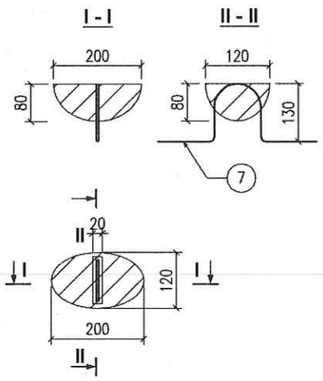

CHI TIẾT MÓC CẨU

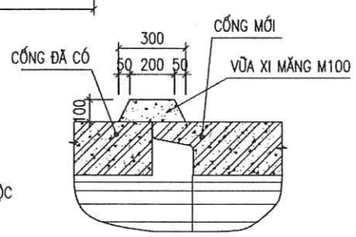

MỐI NỐI CỐNG CŨ VÀ CỐNG MỚI

GHI CHÚ:

1. KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ GHI BẰNG MM
2. LIÊN KẾT NHỮNG THANH CỐT THÉP ĐƯỢC TIẾN HÀNH BẰNG MỐI HÀN HOẶC BUỘC
3. CỐT THÉP KÉO NGUỘI CÓ FY =500MPA
4. CHIỀU CAO ĐẮP TRÊN CỐNG (0.5–3)M
5. CỐNG ĐẶT DƯỚI VỈA HÈ ĐƯỜNG: HOẠT TẢI 0.003MPA
6. CỐNG ĐƯỢC CHẾ TẠO CÔNG NGHỆ BÀN RUNG

THỐNG KÊ VẬT TƯ

Kí hiệu	Đường kính	K.L.Đ.V (Kg)	Chiều dài (mm)	Số thanh	Khối lượng
1	D10	0.617	3774	14	32 [illegible]
2	D10	0.617	1000	20	12 340
3	D10	0.617	3226	24	47 [illegible]
4	D8	0.395	1452	84	48 [illegible]
5	D8	0.395	635	20	5 01[illegible]
6	D8	0.395	130	80	4 108
7	D12	0.888	557	4	1 978
Tổng cộng	- Bê tông M250 đá 1x2 đúc sẵn			[illegible]	1.553
	Cốt thép đúc sẵn			[illegible]	151.991
	D>=10			[illegible]	150.013
	D<10			[illegible]	1.978

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỤ X4A, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO CỐNG HỘP 1.5X1.5M

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 22/23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HẠNG MỤC V: CỐNG T02

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
M.S.D.N: 0104944034 - C.T.C.P
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

HÀ NỘI, NĂM 2026

BỜ VÂY THI CÔNG

TỔNG CHIỀU DÀI L=456M

(TRONG ĐÓ BỜ VÂY THI CÔNG KÈ ĐÁ (THEO TUYẾN ĐƯỜNG) L=265.3M, BỜ VÂY TUYẾN KÈ ĐÁ L=127M, BỜ VÂY THI CÔNG CỐNG 3X1.5X3 L=63.7M)

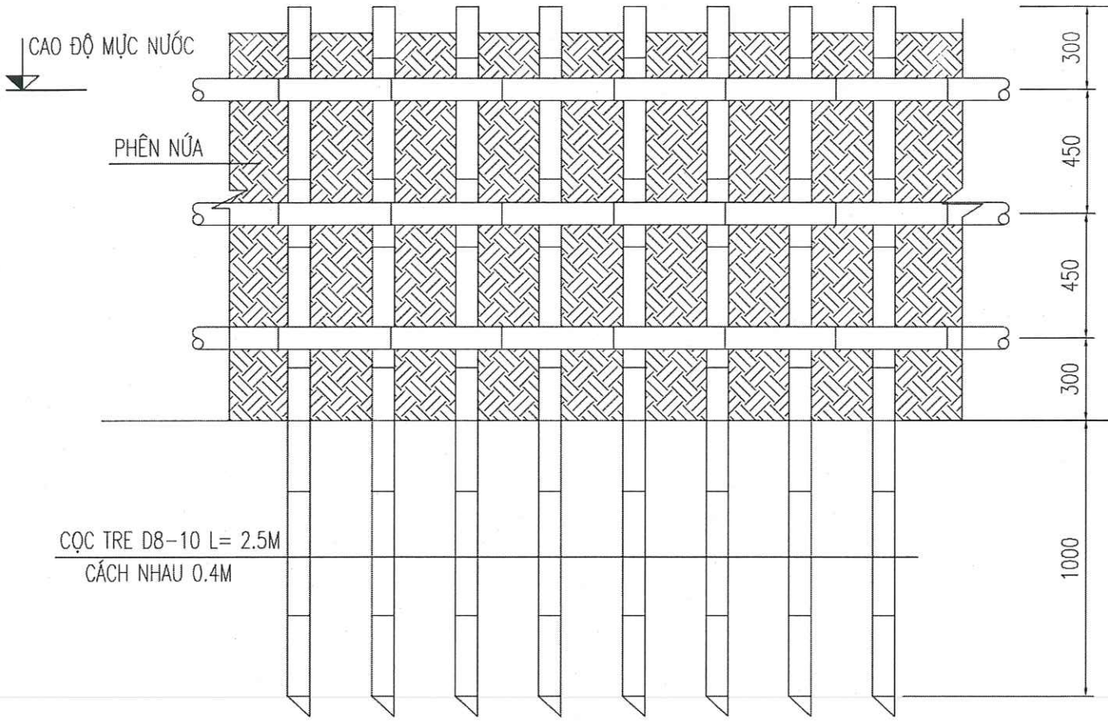

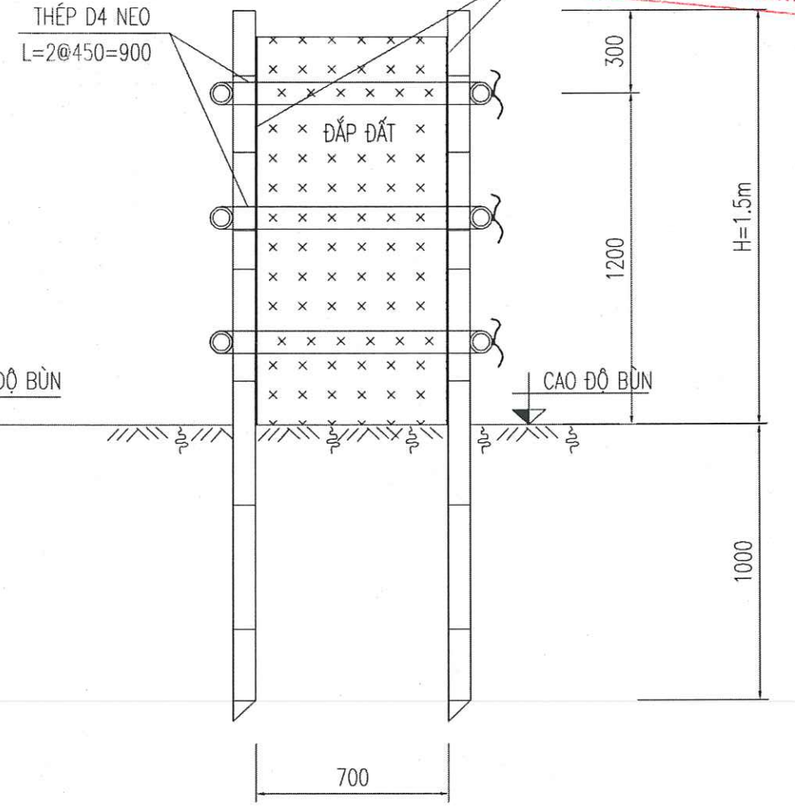

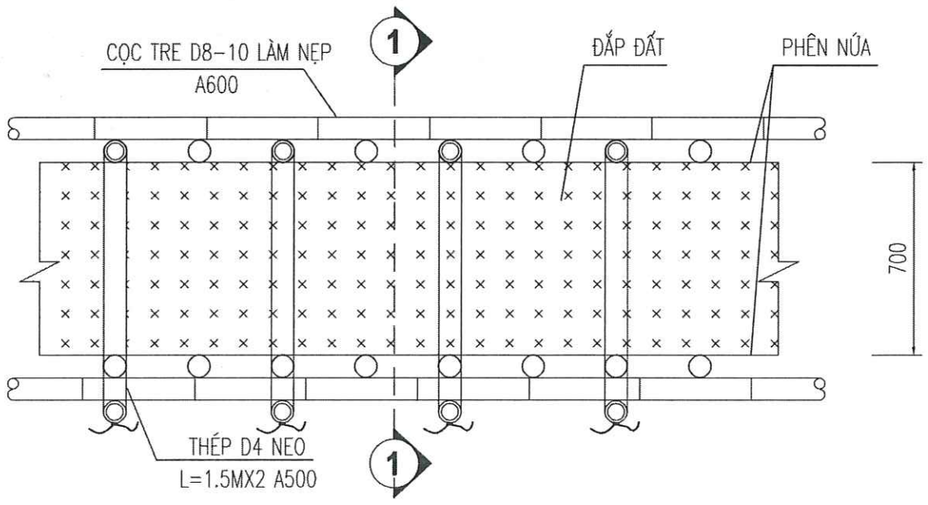

GHI CHÚ:

- DÙNG CỌC TRE ĐỰC D8-D10, ĐÓNG KHOẢNG CÁCH 0,40M 1 CỌC, CỌC DÀI 2,5M
- DÙNG THÉP D4 ĐỂ NEO, CHẮN PHÊN NỨA VÀ ĐỔ ĐẤT NGĂN NƯỚC ĐỂ THI CÔNG
- KẾT HỢP MÁY BƠM TÁT NƯỚC ĐỂ THI CÔNG
- KHI THI CÔNG XONG TƯỜNG KÈ PHẢI NHỔ BỜ VÂY THI CÔNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 156 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO BỜ VÂY THI CÔNG TUYẾN 02

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 01/37

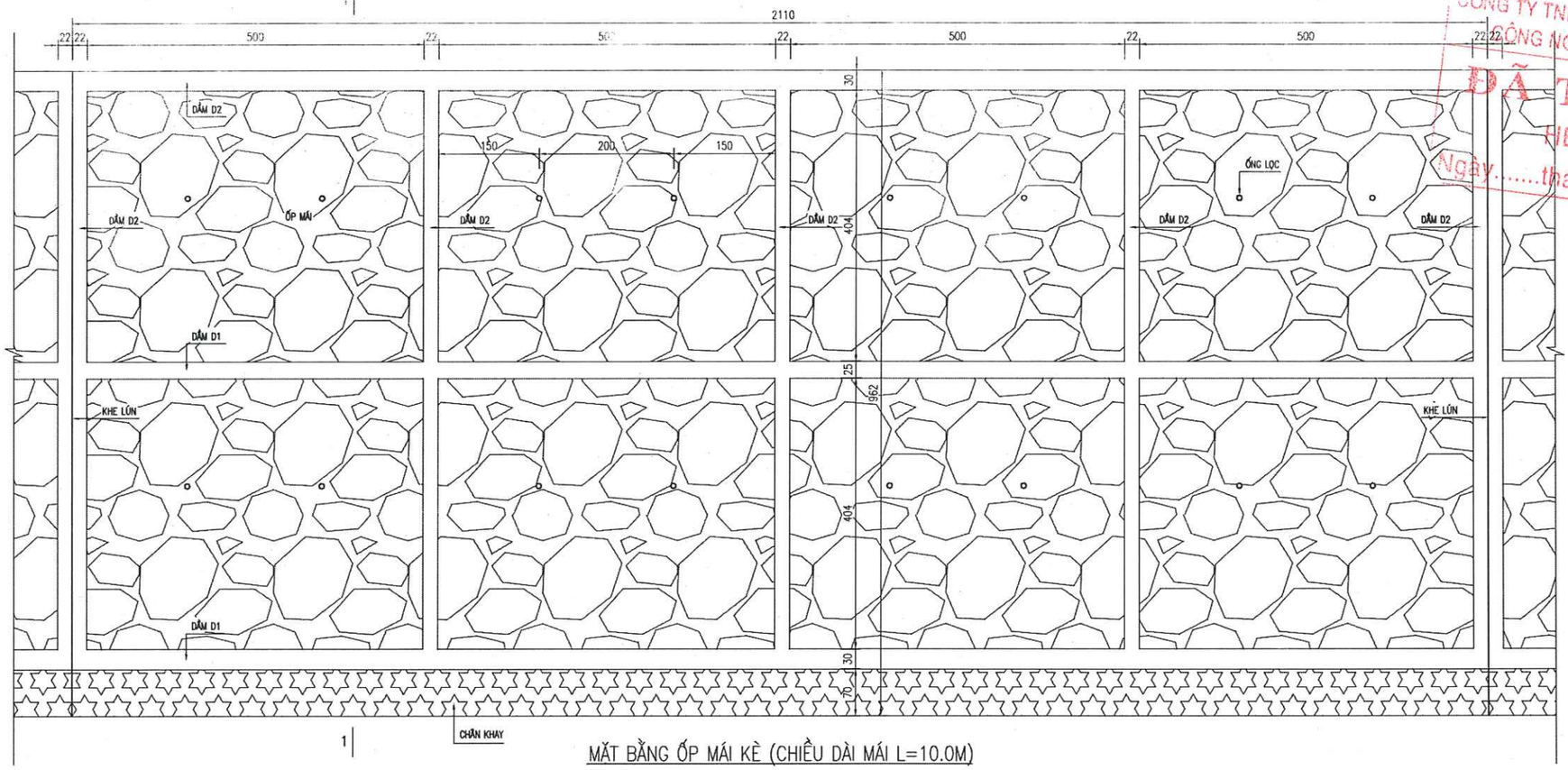

MẶT BẰNG ỐP MÁI KÈ (CHIỀU DÀI MÁI L=10.0M)

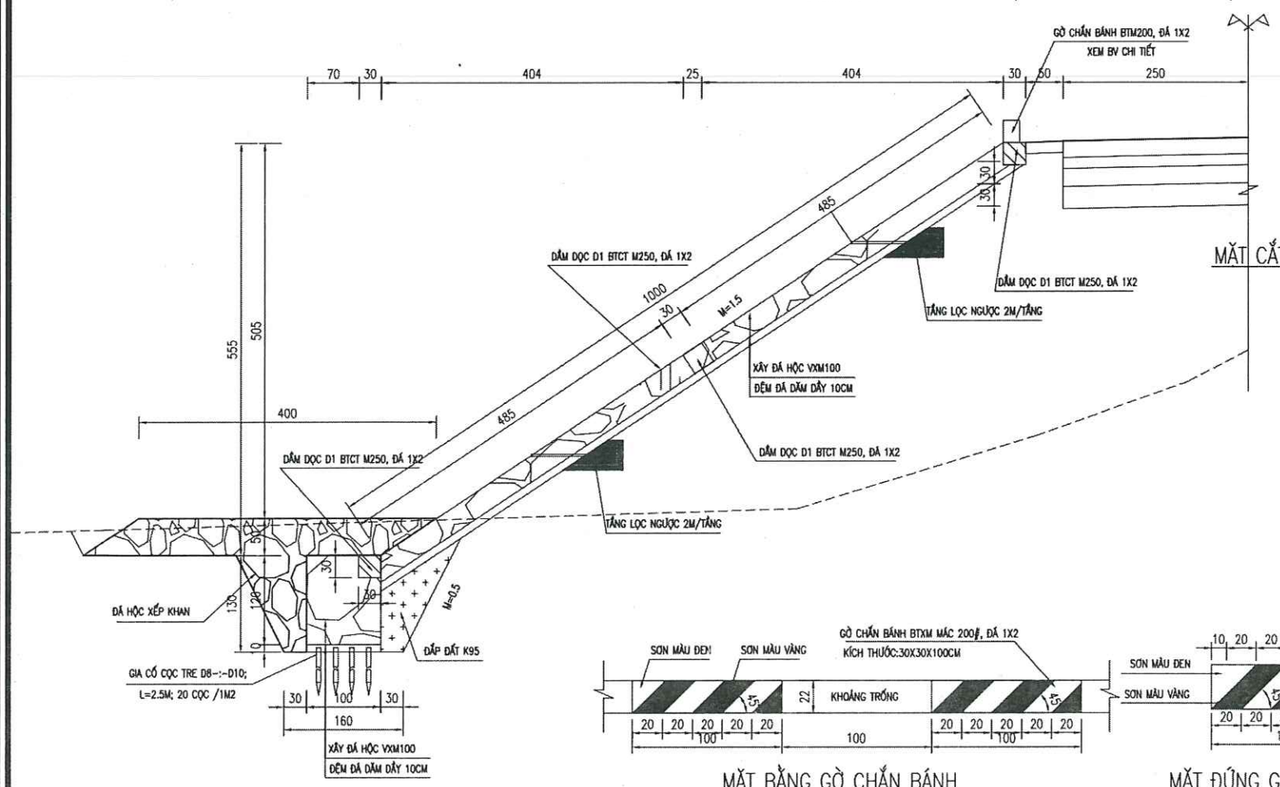

MẶT CẮT 1–1

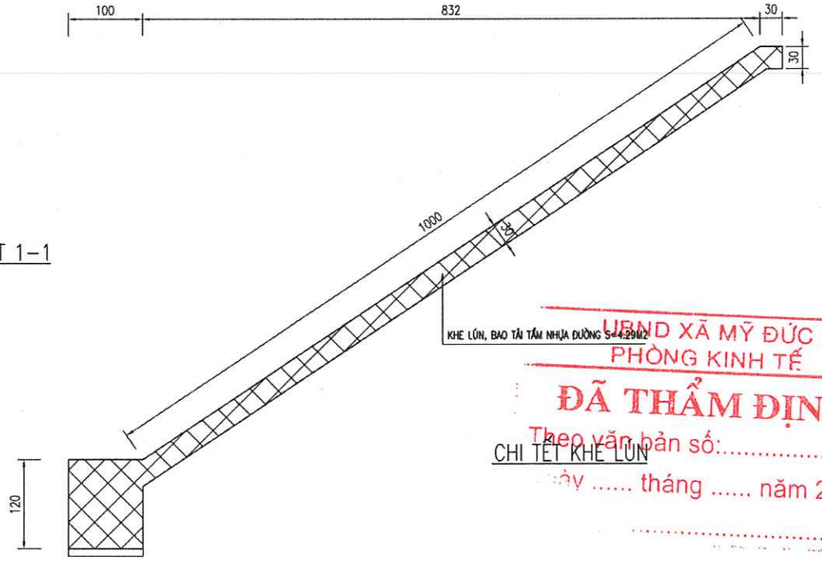

CHI TIẾT KHE LÚN

MẶT BẰNG GỜ CHẮN BÁNH

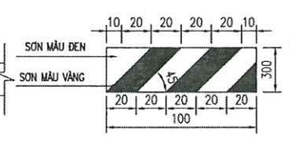

MẶT ĐỨNG GỜ CHẮN BÁNH

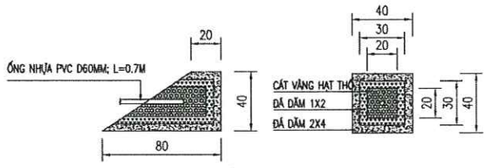

CHI TIẾT TẦNG LỌC NGƯỢC

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON.JSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỌNG XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281868

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO KÈ ỐP MÁI
(CHIỀU DÀI MÁI L=10M)

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 02/37

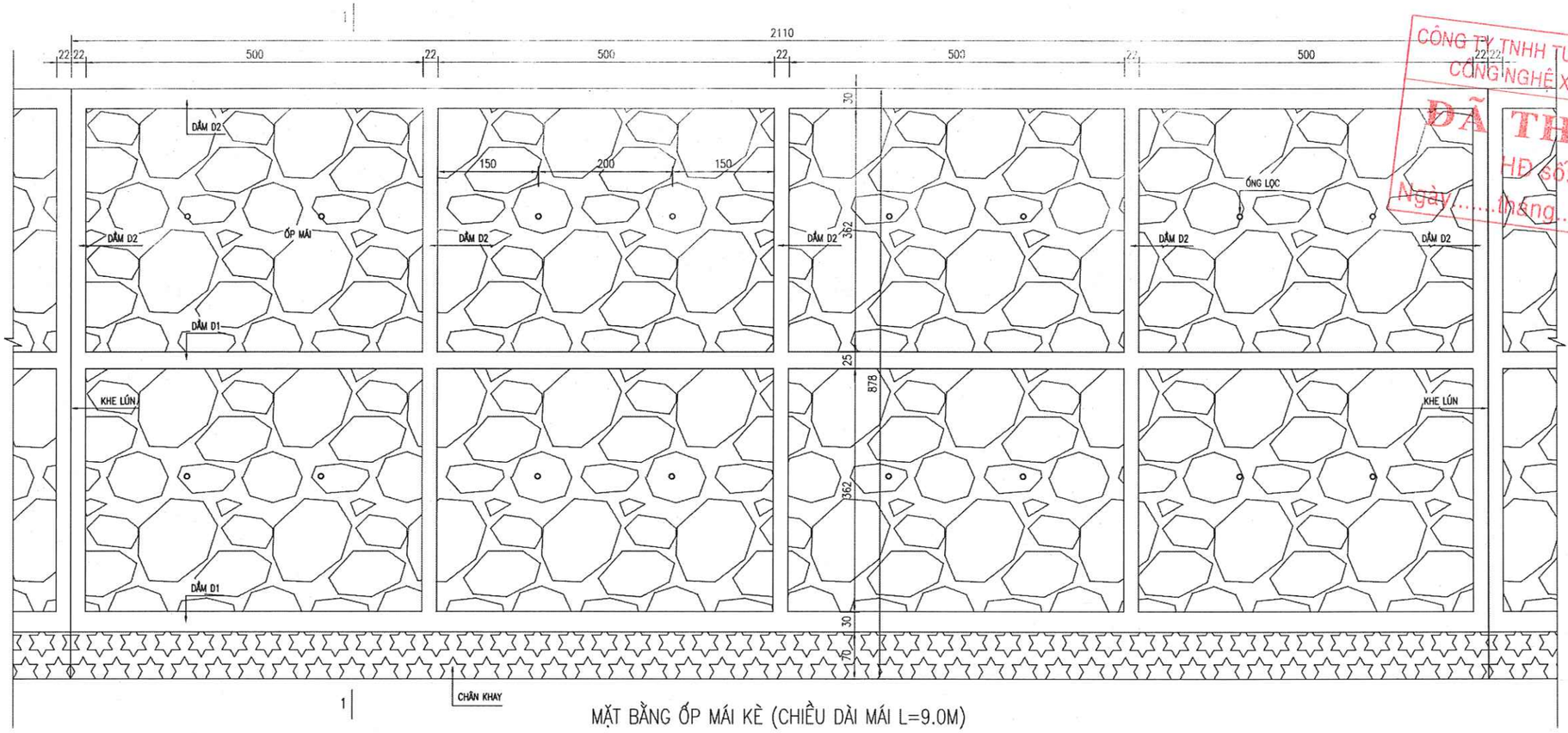

MẶT BẰNG ỐP MÁI KÈ (CHIỀU DÀI MÁI L=9.0M)

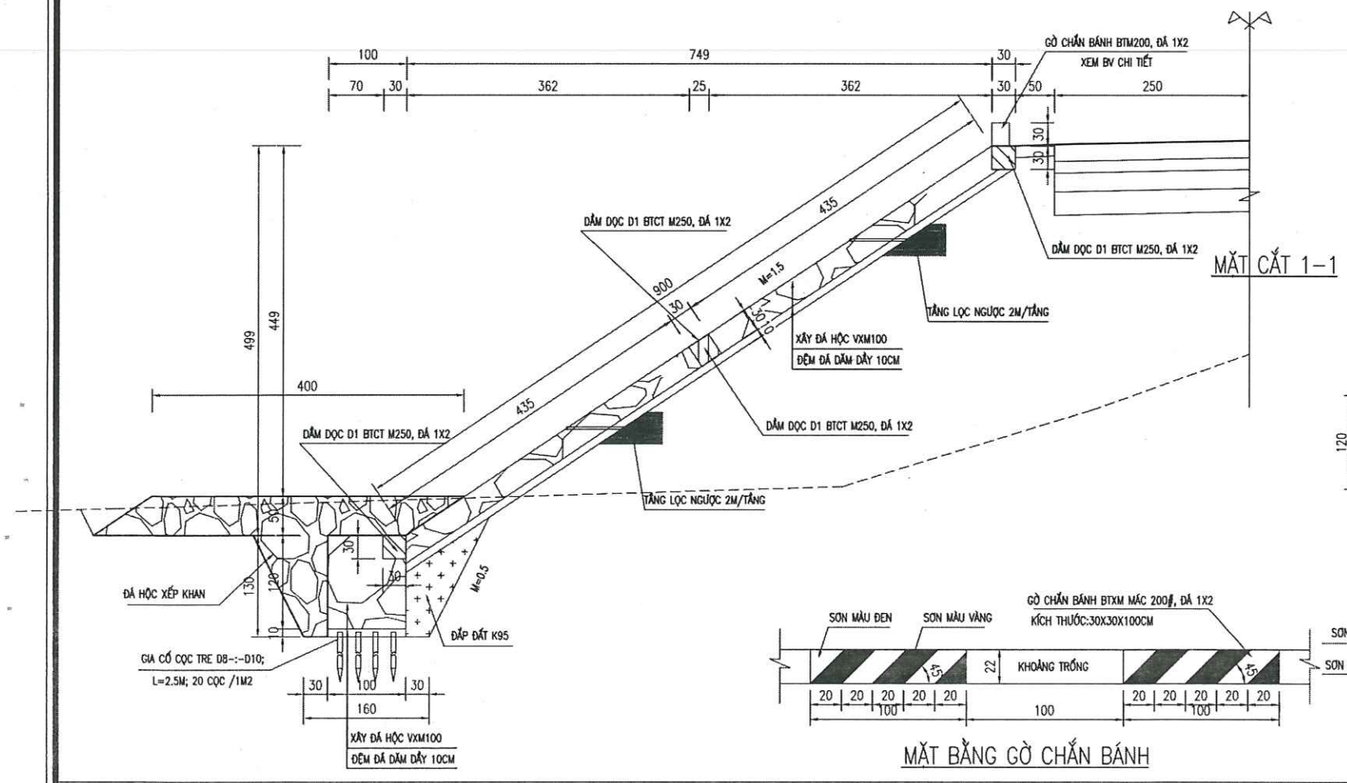

MẶT CẮT 1–1

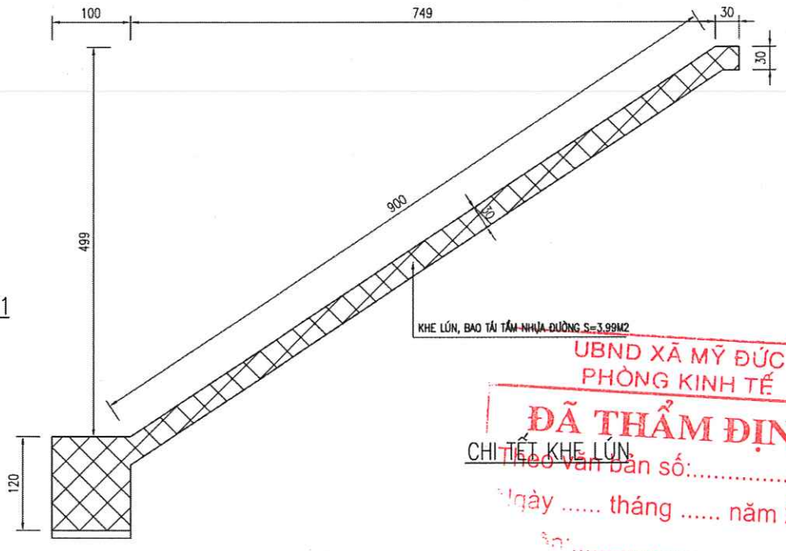

CHI TIẾT KHE LÚN

MẶT BẰNG GỜ CHẮN BÁNH

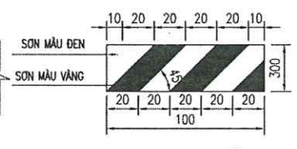

MẶT ĐỨNG GỜ CHẮN BÁNH

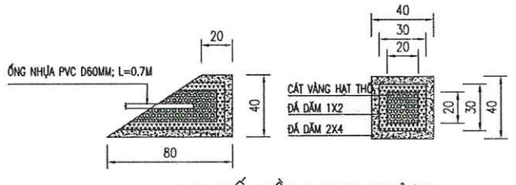

CHI TIẾT TẦNG LỌC NGƯỢC

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X.LA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO KÈ ỐP MÁI
(CHIỀU DÀI MÁI L=9M)

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 03/37

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
...tháng.....năm 20.....

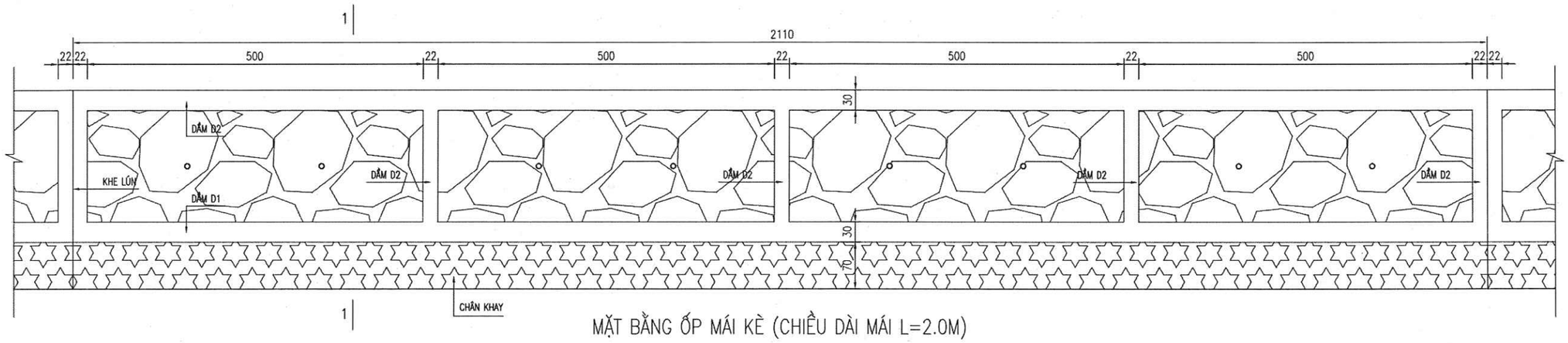

MẶT BẰNG ỐP MÁI KÈ (CHIỀU DÀI MÁI L=2.0M)

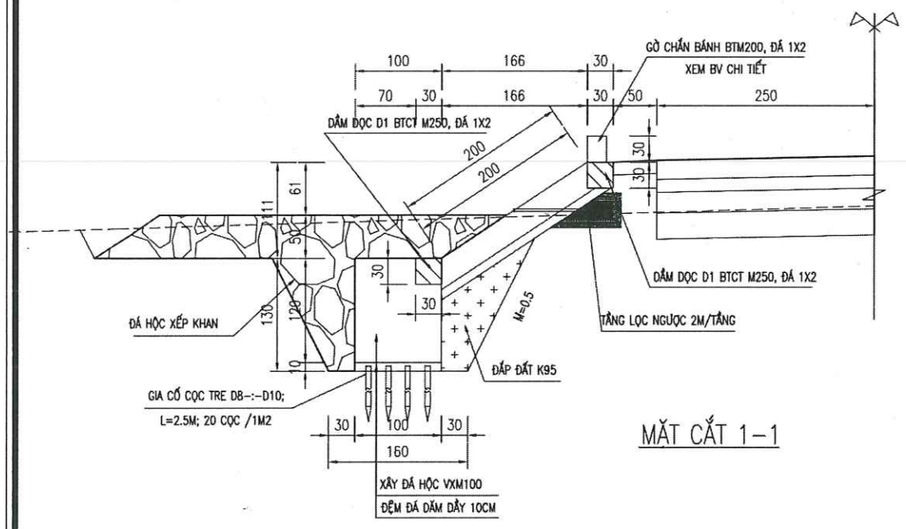

MẶT CẮT 1–1

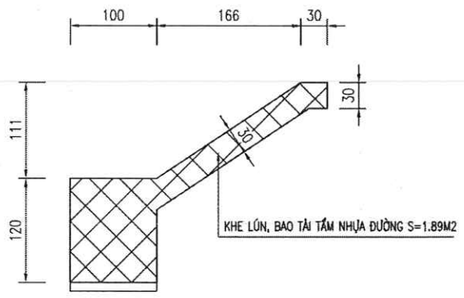

CHI TẾT KHE LÚN

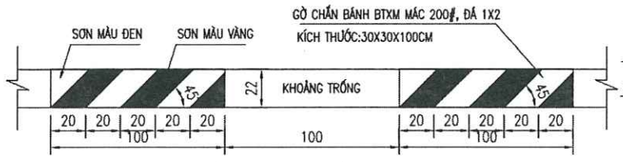

MẶT BẰNG GỜ CHẮN BÁNH

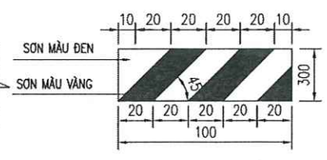

MẶT ĐỨNG GỜ CHẮN BÁNH

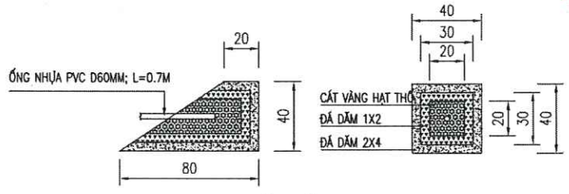

CHI TIẾT TẦNG LỌC NGƯỢC

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 126 KHU DỊCH VỤ XA LA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO KÈ ỐP MÁI
(CHIỀU DÀI MÁI L=2M)

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 04/37

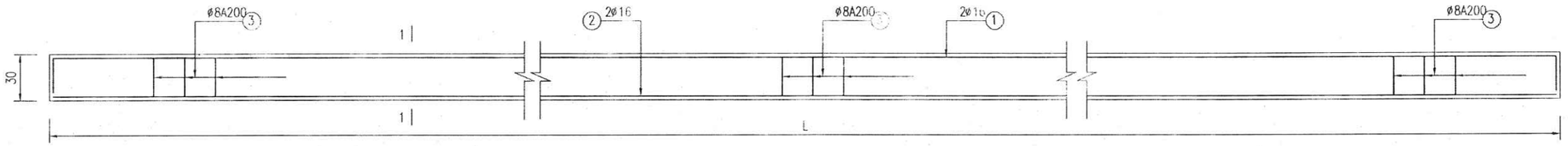

CỐT THÉP DẦM D1

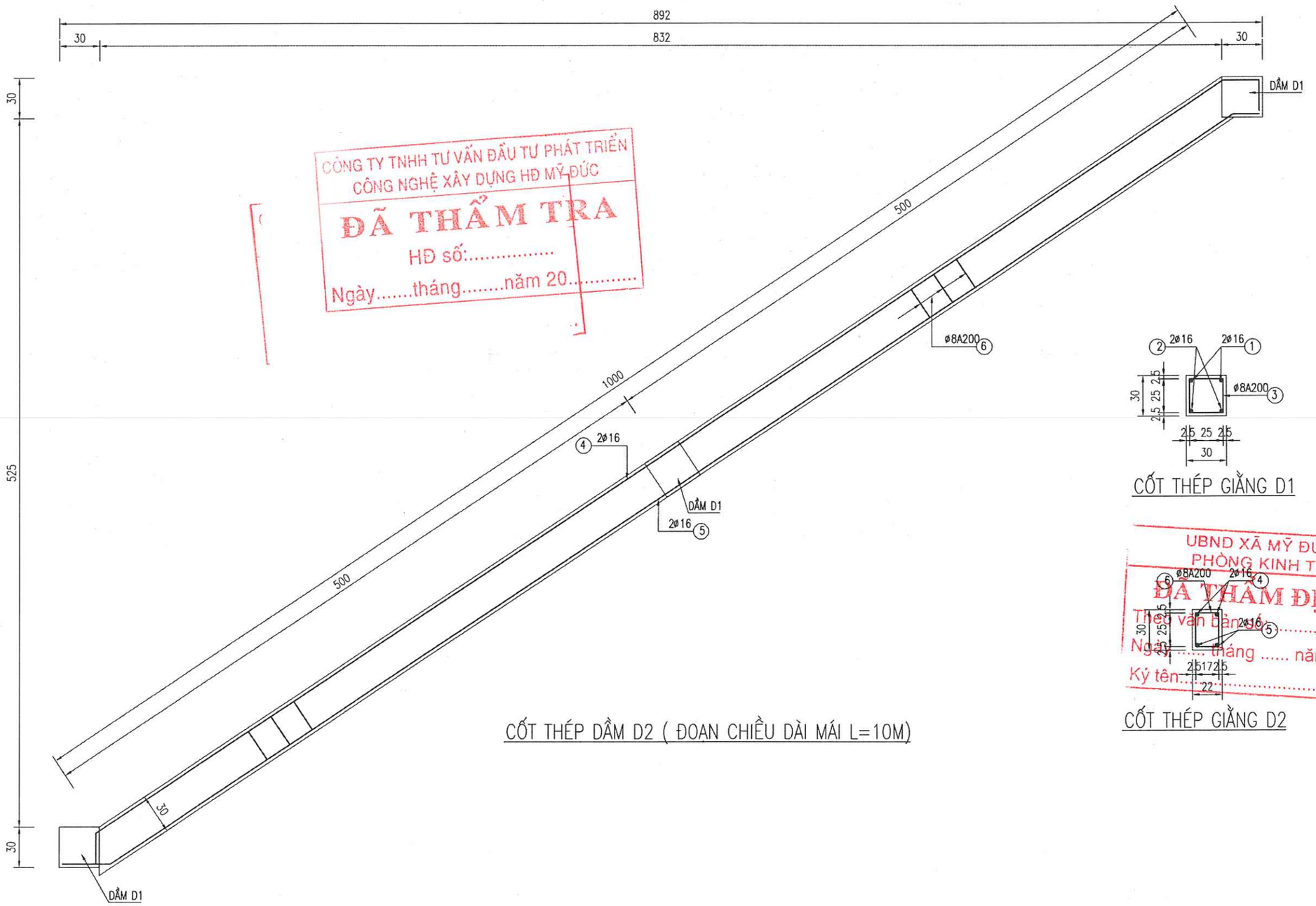

CỐT THÉP DẦM D2 (ĐOẠN CHIỀU DÀI MÁI L=10M)

CỐT THÉP GIẰNG D1

CỐT THÉP GIẰNG D2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../KT
Ngày..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X.A.LA, TỔ 11, P. HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT DẦM D1, D2

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 05/37

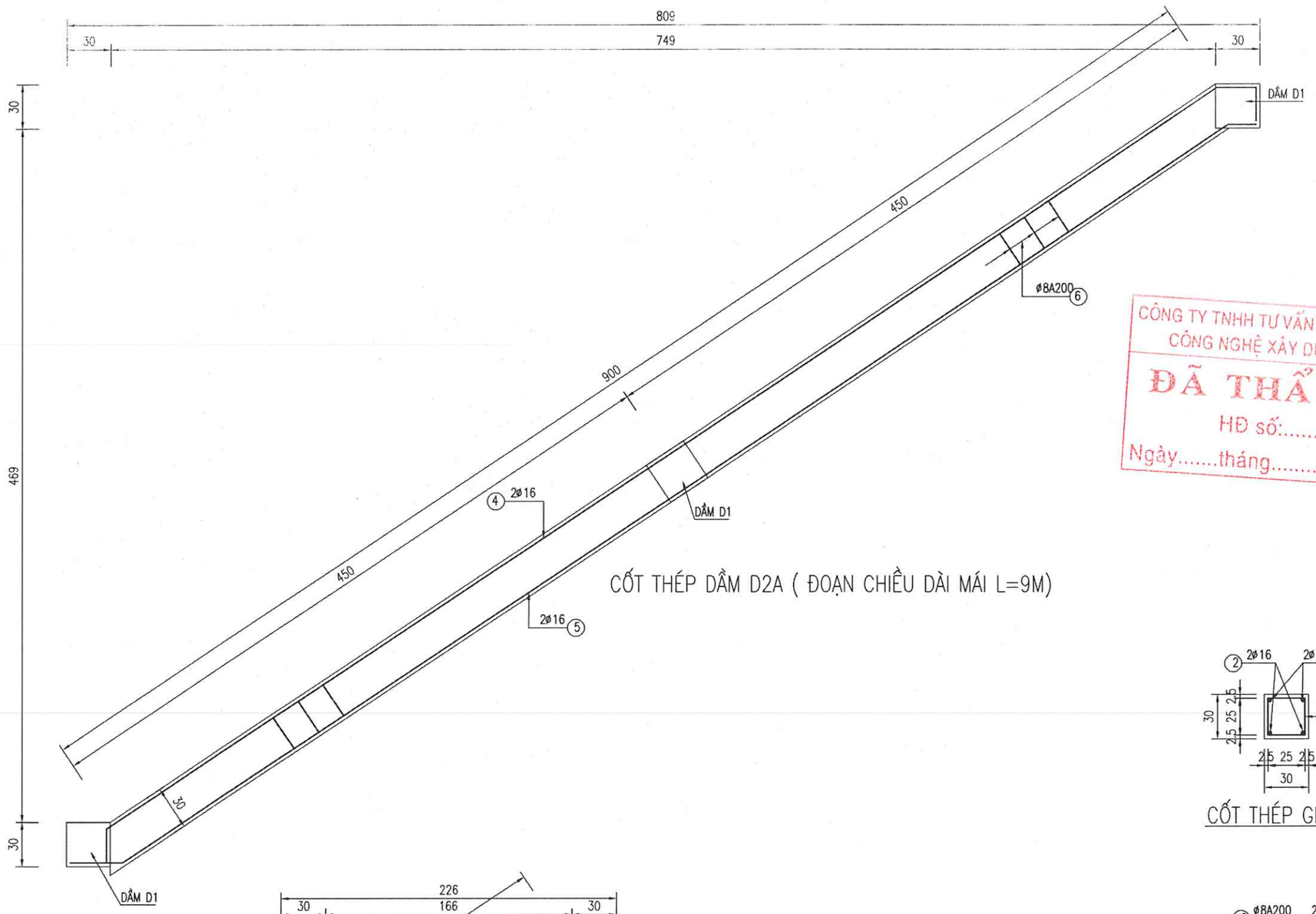

CỐT THÉP DẦM D2A (ĐOẠN CHIỀU DÀI MÁI L=9M)

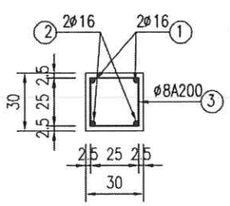

CỐT THÉP GIẰNG D1

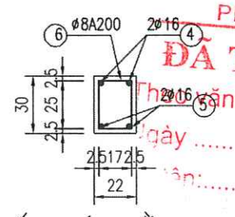

CỐT THÉP GIẰNG D2

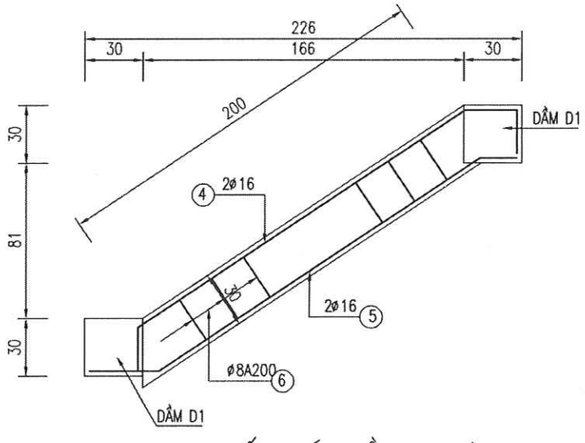

CỐT THÉP DẦM D2B (ĐOẠN CHIỀU DÀI MÁI L=2M)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT DẦM D2A; D2B

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 06/37

CỐT THÉP GIẰNG D1

CỐT THÉP GIẰNG D2

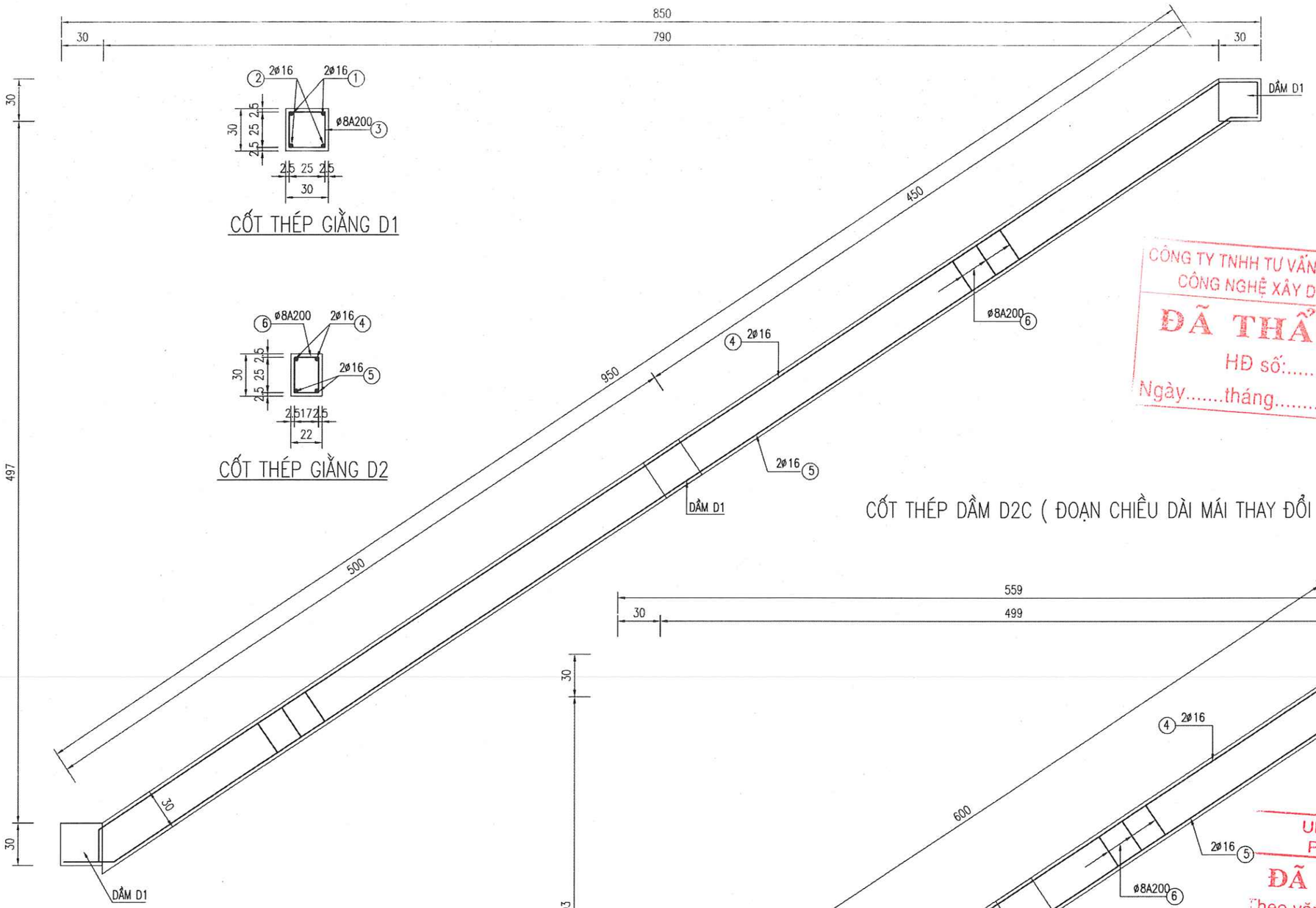

CỐT THÉP DẦM D2C (ĐOẠN CHIỀU DÀI MÁI THAY ĐỔI TỪ 10-:-9(M))

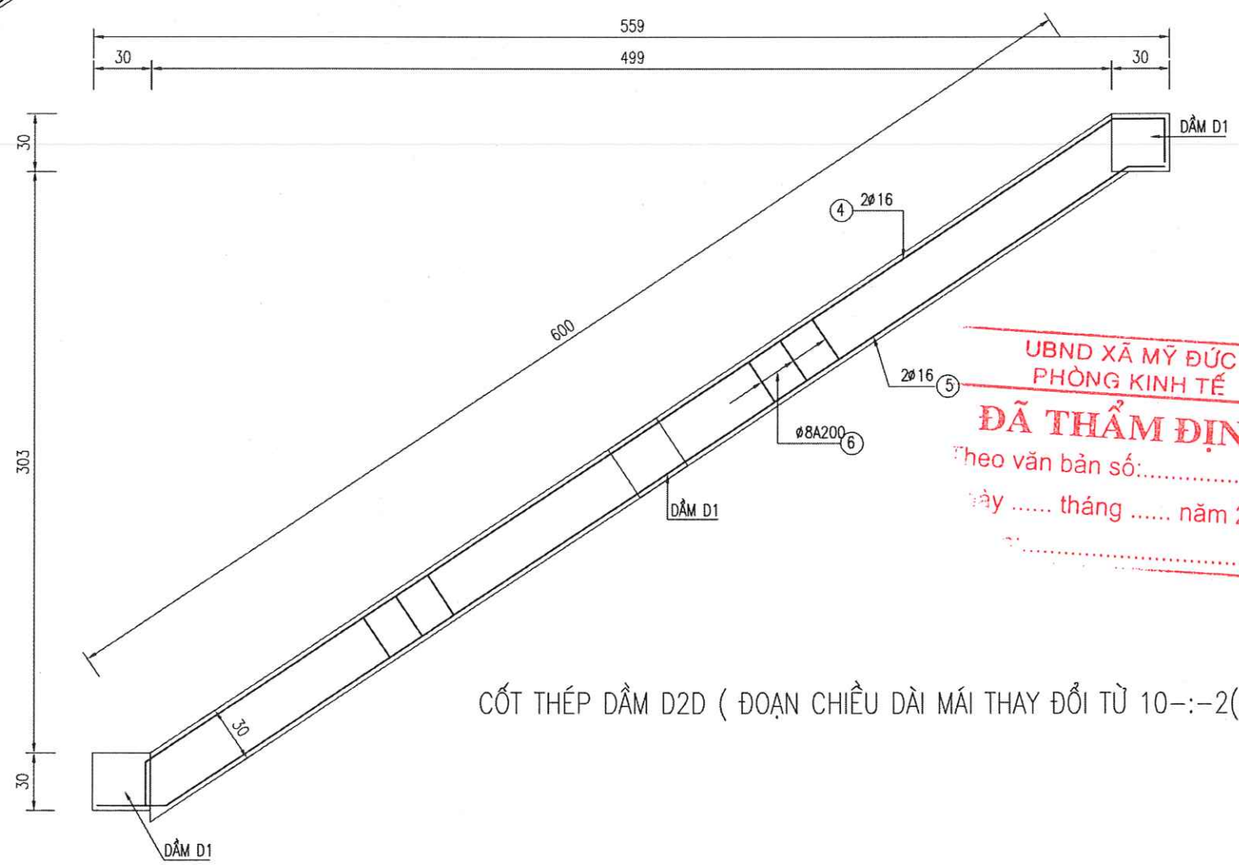

CỐT THÉP DẦM D2D (ĐOẠN CHIỀU DÀI MÁI THAY ĐỔI TỪ 10-:-2(M))

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X4,A, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281980

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT DẦM D2C; D2D

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 07/37

THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH Ø (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH (MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
DẦM D1 (1M DÀI)	1	1000	16	1000	2	2	2	3.16
	2	1000	16	1000	2	2	2	3.16
	3	50 250 250	8	1100	5	5	5.5	2.17
		CỐT THÉP D<=10: 2.17 KG CỐT THÉP D>10: 6.32 KG VÁN KHUÔN: 0.06 M2 BÊ TÔNG: 0.09 M3						
DẦM D2 (1CK)	4	250 10040 220 250	16	10760	2	2	21.52	33.97
	5	360 10000 190	16	10550	2	2	21.1	33.3
	6	50 250 170	8	940	51	51	47.94	18.92
		CỐT THÉP D<=10: 18.92 KG CỐT THÉP D>10: 67.27 KG VÁN KHUÔN: 6.00 M2 BÊ TÔNG: 0.66 M3						
DẦM D2A (1CK)	4	250 9040 220 250	16	9760	2	2	19.52	30.81
	5	360 9000 190	16	9550	2	2	19.1	30.15
	6	50 250 170	8	940	46	46	43.24	17.06
		CỐT THÉP D<=10: 17.06 KG CỐT THÉP D>10: 60.96 KG VÁN KHUÔN: 5.40 M2 BÊ TÔNG: 0.594 M3						
DẦM D2B (1CK)	4	250 2040 220 250	16	2760	2	2	5.52	8.71
	5	360 2000 190	16	2550	2	2	5.1	8.05
	6	50 250 170	8	940	11	11	10.34	4.08
		CỐT THÉP D<=10: 4.08 KG CỐT THÉP D>10: 16.76 KG VÁN KHUÔN: 1.20 M2 BÊ TÔNG: 0.132 M3						
DẦM D2C (1CK)	4	250 9540 220 250	16	10260	2	2	20.52	32.39
	5	360 9500 190	16	10050	2	2	20.1	31.72
	6	50 250 170	8	940	49	49	46.06	18.17
		CỐT THÉP D<=10: 18.17 KG CỐT THÉP D>10: 64.11 KG VÁN KHUÔN: 5.70 M2 BÊ TÔNG: 0.627 M3						
DẦM D2D (1CK)	4	250 6040 220 250	16	6760	2	2	13.52	21.34
	5	360 6000 190	16	6550	2	2	13.1	20.68
	6	50 250 170	8	940	31	31	29.14	11.5
		CỐT THÉP D<=10: 11.5 KG CỐT THÉP D>10: 42.02 KG VÁN KHUÔN: 3.60 M2 BÊ TÔNG: 0.396 M3						

STT	Kè ốp mái trái		Chiều dài kè ốp mái trái (m)					Số dầm					Chiều dài dầm D1
	Lý trình điểm đầu	Lý trình điểm cuối	(L=10m)	(L=9)	(L=2m)	(Ltb=9.5m)	(Ltb=6m)	D2	D2A	D2B	D2C	D2D	(m)
1	Km0+0.00	Km0+127.05	127.05					30	0	0	0	0	381.15
2	Km0+127.05	Km0+140.00				12.95		0	0	0	4	0	38.85
3	Km0+140.00	Km0+220.00		80				0	20	0	0	0	240
4	Km0+220.00	Km0+240.00				20		0	0	0	5	0	60
5	Km0+240.00	Km0+300.00	60					15	0	0	0	0	180
6	Km0+300.00	Km0+320.00				20		0	0	0	5	0	60
7	Km0+320.00	Km0+346.20		26.2				0	7	0	0	0	78.6
8	Km0+346.20	Km0+360.00				13.8		0	0	0	4	0	41.4
9	Km0+360.00	Km0+826.98	466.98					110	0	0	0	0	1400.94
10	Km0+826.98	Km0+840.00					13.02	0	0	0	0	4	39.06
11	Km0+840.00	Km0+854.67			14.67			0	0	6	0	0	29.34
	Tổng		**654,03**	**106,20**	**14,67**	**66,75**	**13,02**	**155,00**	**27,00**	**6,00**	**18,00**	**4,00**	**2549,34**

STT	Kè ốp mái phải		Chiều dài kè ốp mái phải (m)					Số dầm					Chiều dài dầm D1
	Lý trình điểm đầu	Lý trình điểm cuối	(L=10m)	(L=9)	(L=2m)	(Ltb=9.5m)	(Ltb=6m)	D2	D2A	D2B	D2C	D2D	(m)
1	Km0+11.12	Km0+20.00					8.88	0	0	0	0	3	26.64
2	Km0+20.00	Km0+826.98	806.98					190	0	0	0	0	2420.94
3	Km0+826.98	Km0+840.00					13.02	0	0	0	0	4	39.06
	Tổng		**806,98**	**0**	**0**	**0**	**21,9**	**190**	**0**	**0**	**0**	**7**	**2486,64**
	Tổng cộng		**1461,01**	**106,20**	**14,67**	**66,75**	**34,92**	**345**	**27**	**6**	**18**	**11**	**5035,98**

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
BẢNG THỐNG KÊ

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 08/37

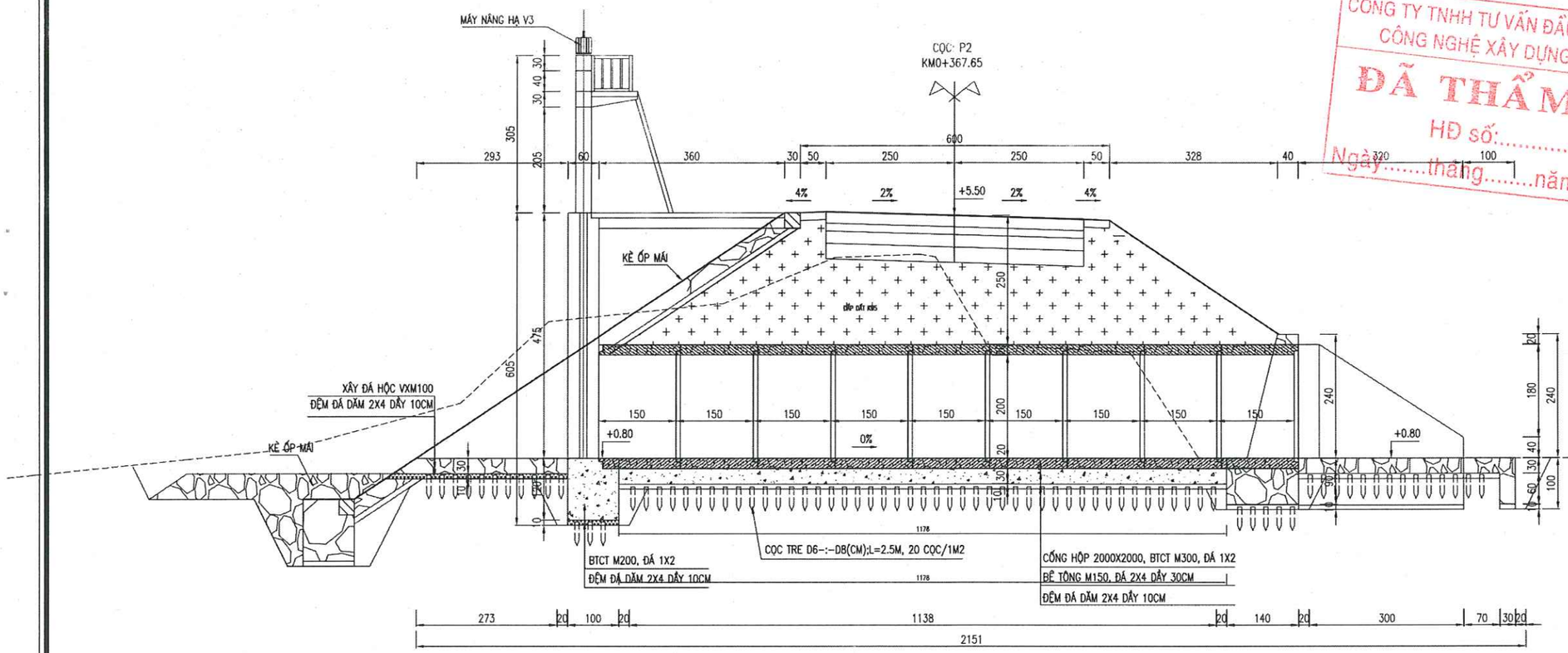

MẶT CẮT DỌC CỐNG

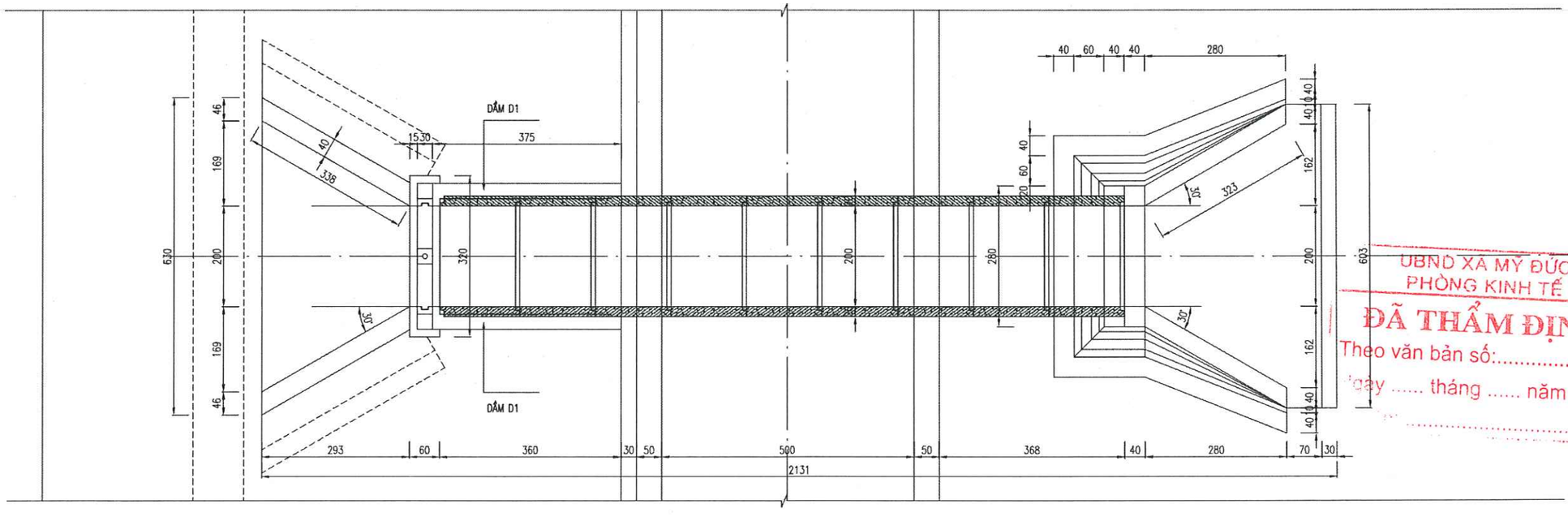

MẶT BẰNG CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
DỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐẤU GIÁ VŨ XÁ A, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT CỐNG HỘP 2X2M
CỌC P2 KM0+367.65

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 09/37

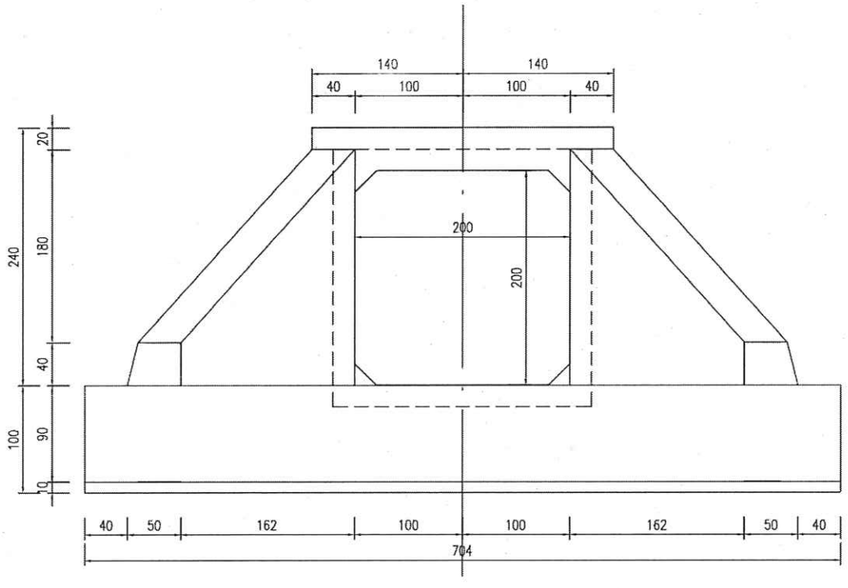

CHÍNH DIỆN HẠ LƯU CỐNG

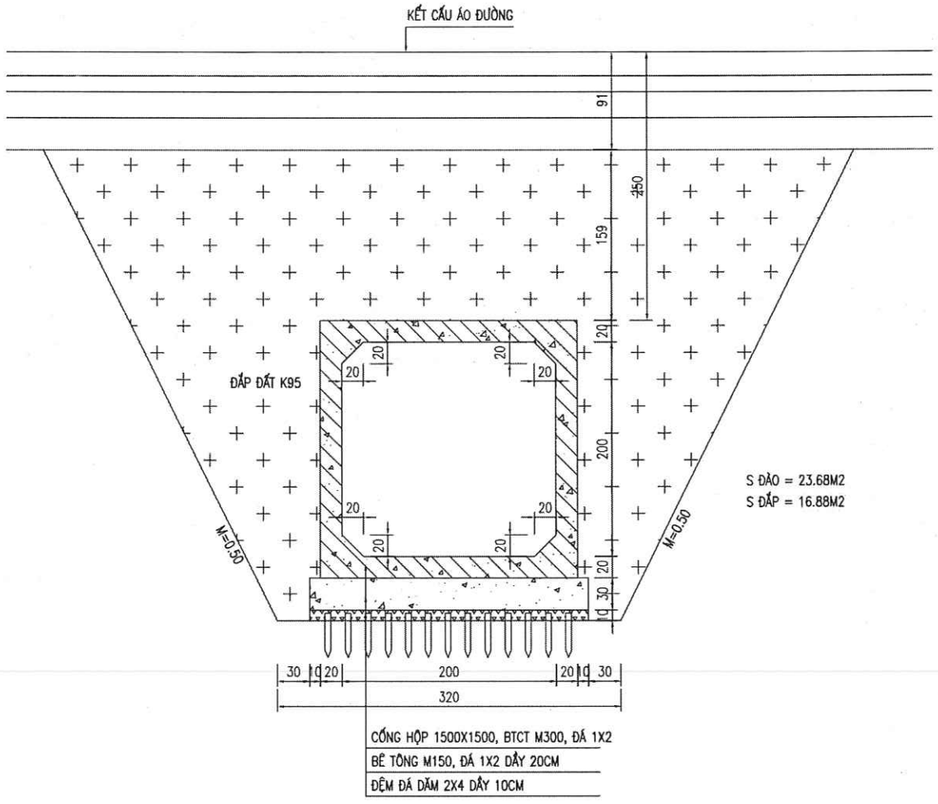

MẶT CẮT NGANG CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên: .....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X4,LÔ 11 - P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281980

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG CỐNG
CỌC P2 KM0+367.65

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 10/37

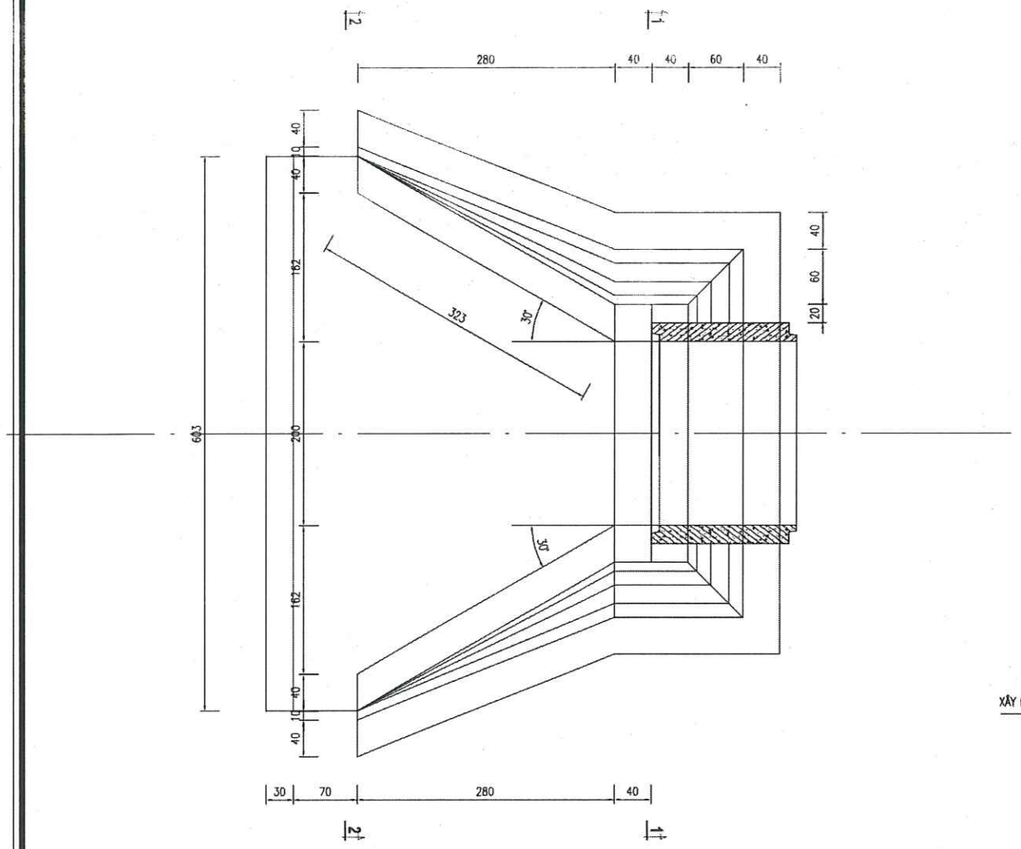

MẶT BẰNG ĐẦU CỐNG HA LƯU

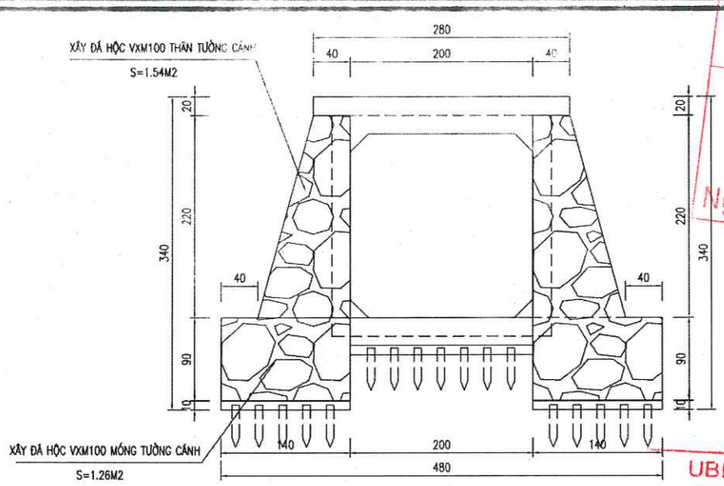

MẶT CẮT 1-1

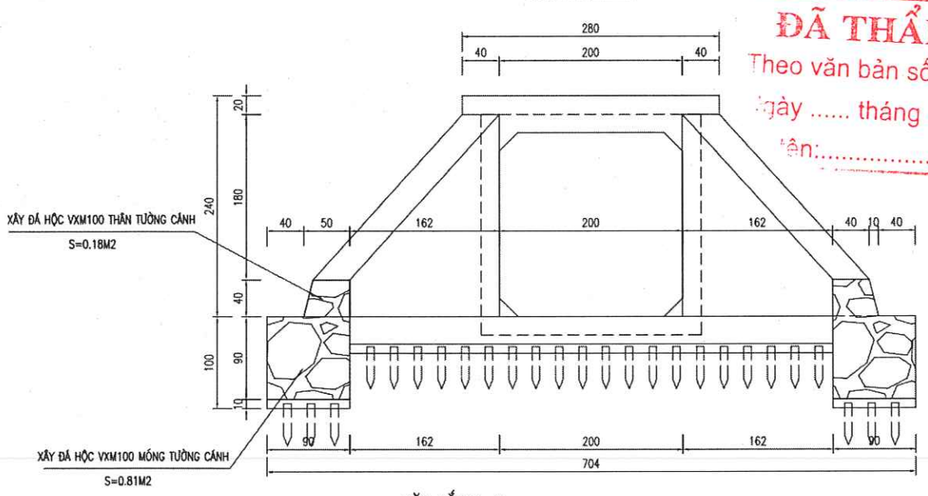

MẶT CẮT 2-2

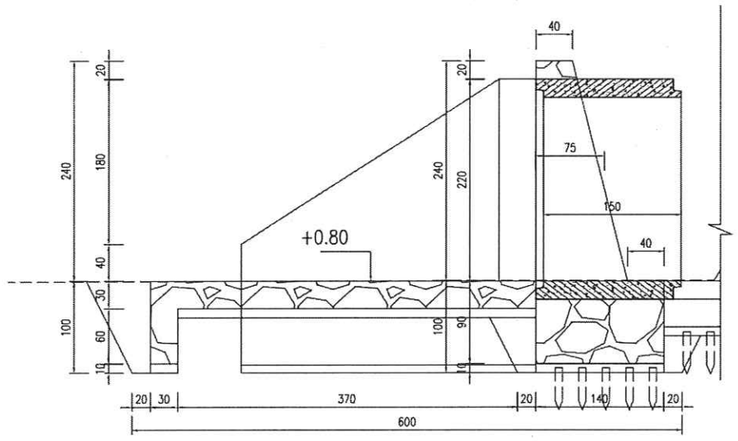

MẶT CẮT DỌC

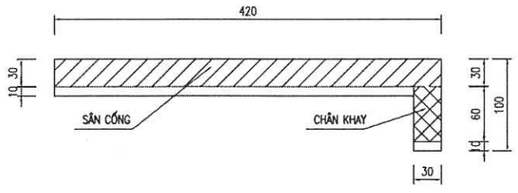

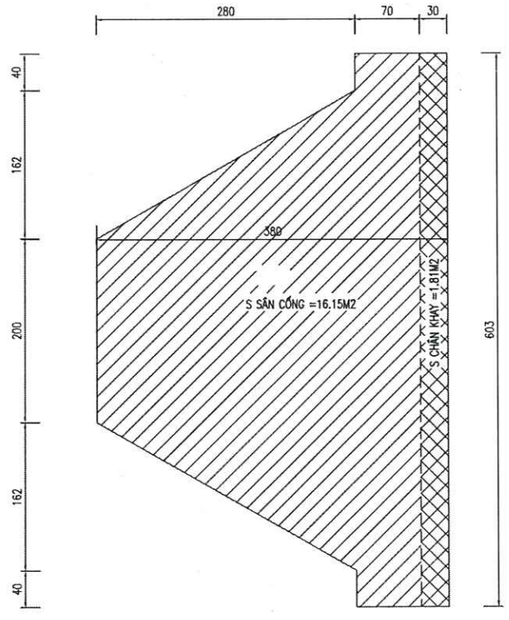

CHI TIẾT SÂN CỐNG, CHÂN KHAY

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỌNG XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860
0104944034 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG CỐNG
CỌC P2 KM0+367.65

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 10/37

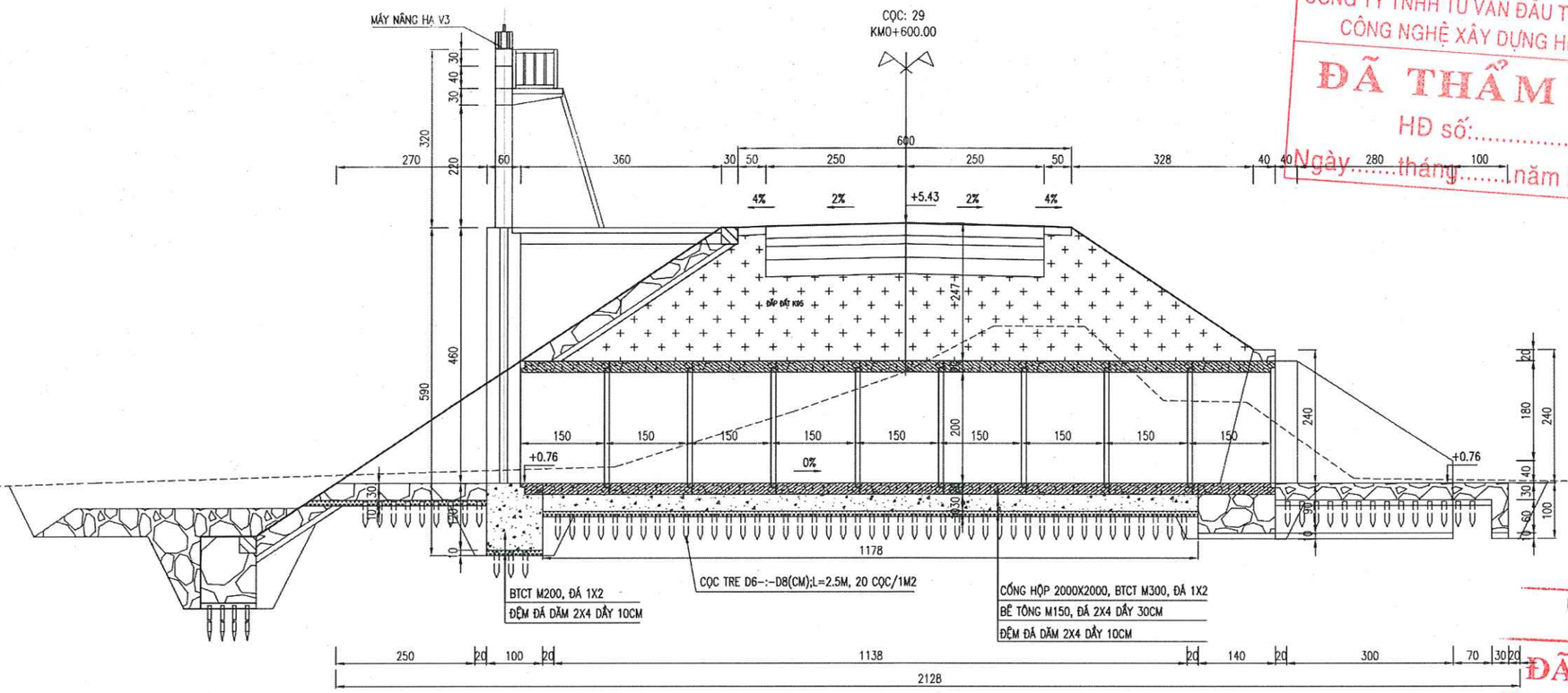

MẶT CẮT DỌC CỐNG

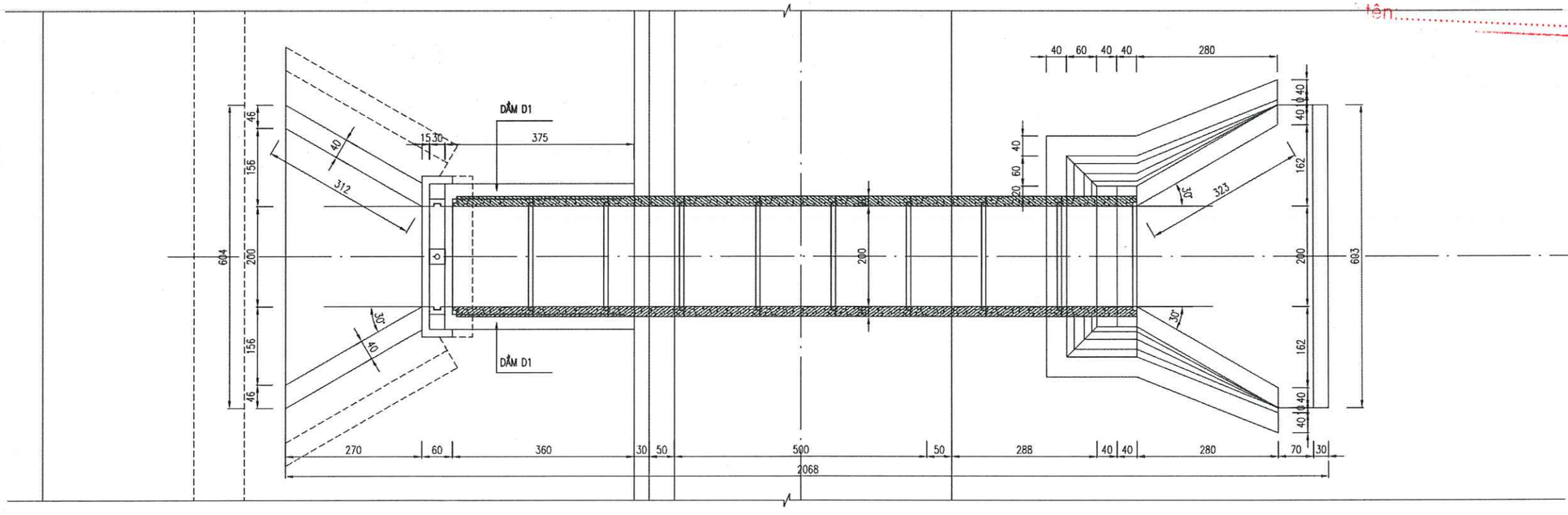

MẶT BẰNG CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON JSC
DIACHỈ SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT CỐNG HỘP 2X2M
CỌC 29 KM0+600.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 11/37

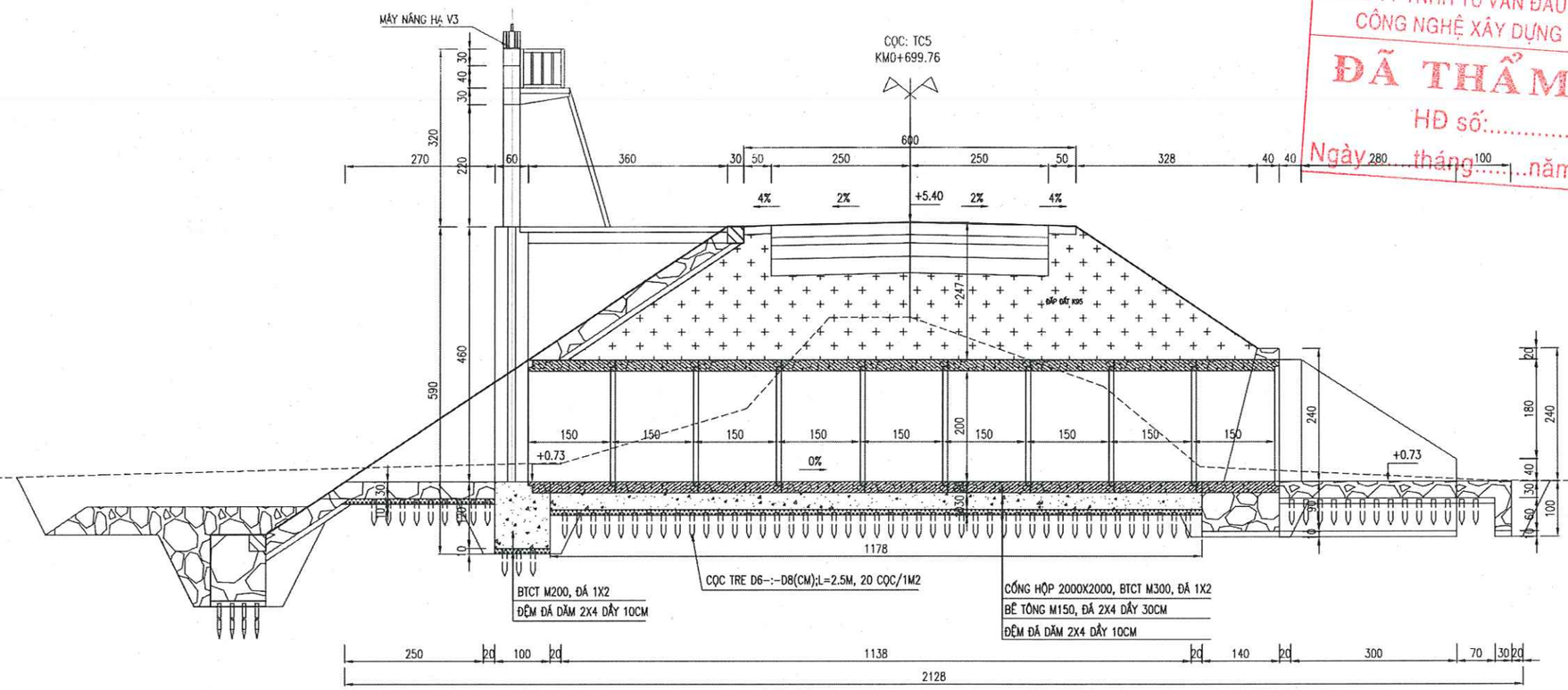

MẶT CẮT DỌC CỐNG

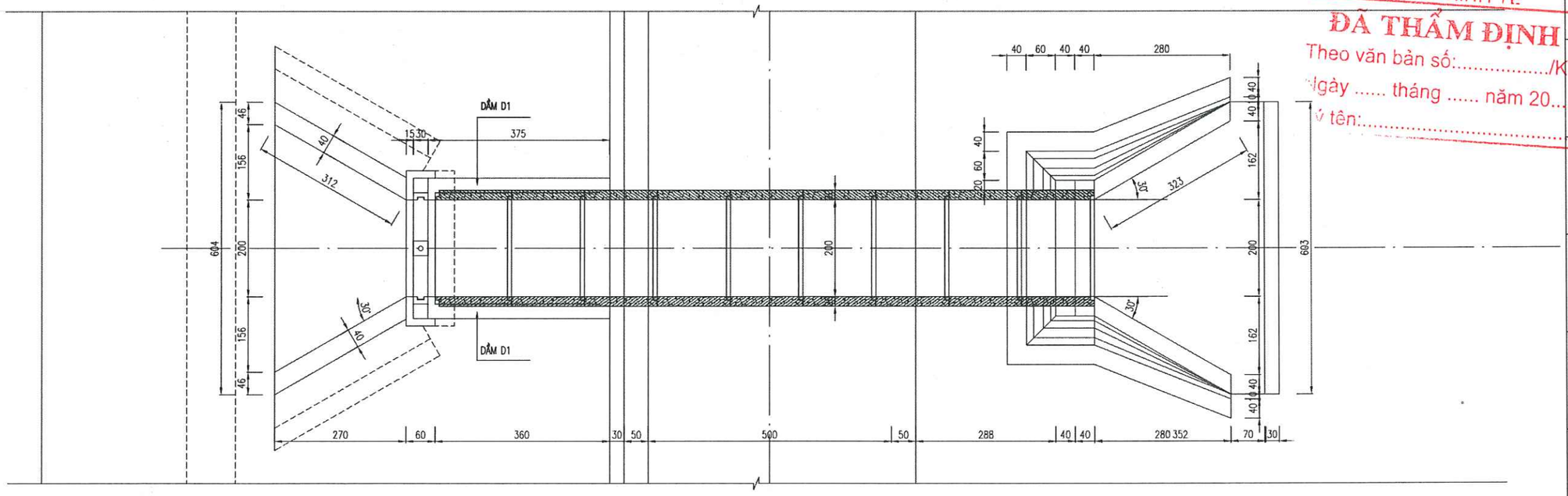

MẶT BẰNG CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày 280 tháng 100 năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT CỐNG HỘP 2X2M
CỌC TC5 KM0+699.76

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 12/37

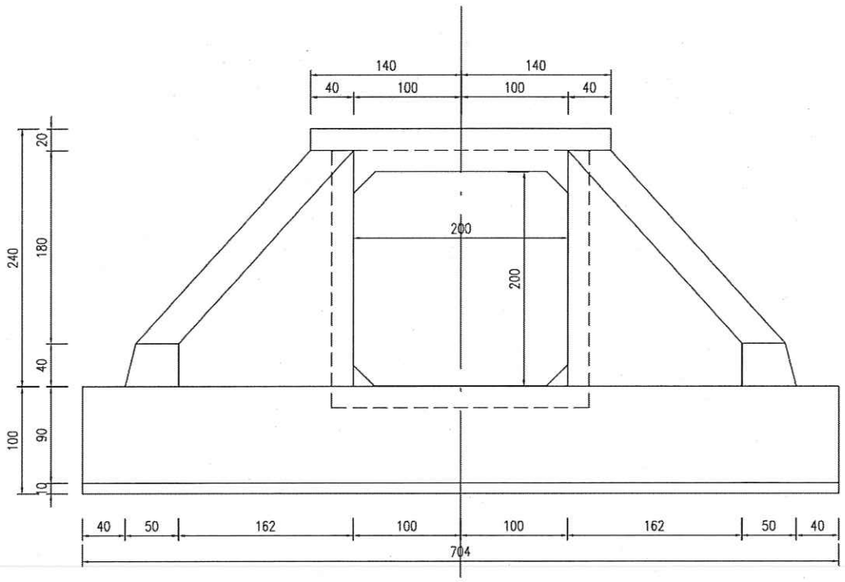

CHÍNH DIỆN HẠ LƯU CỐNG

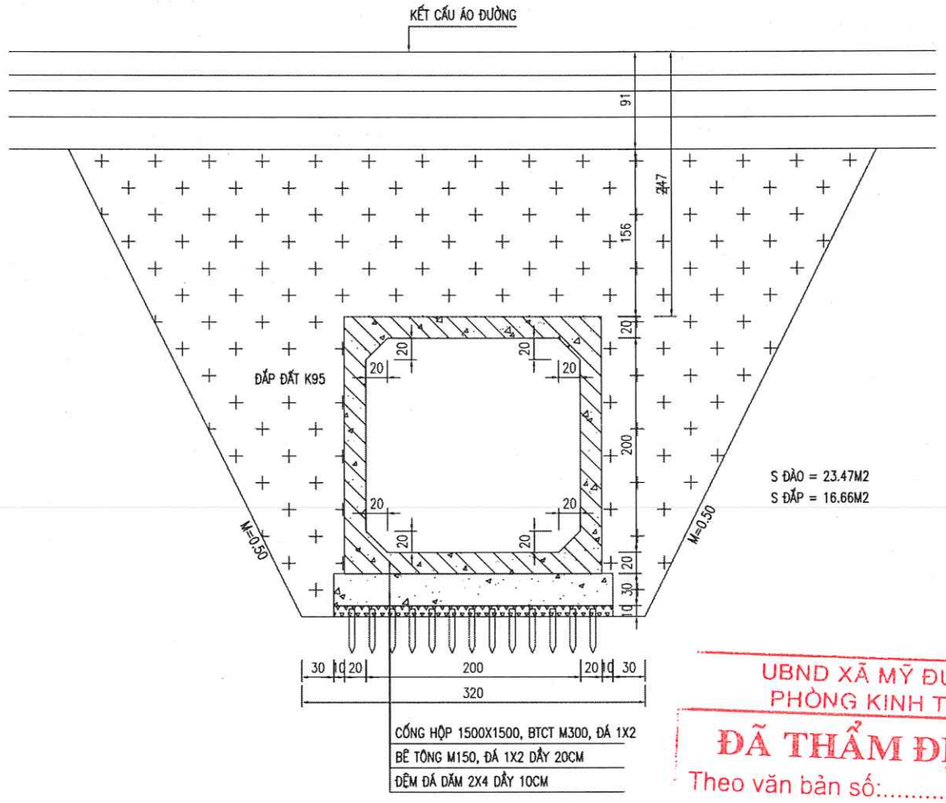

MẶT CẮT NGANG CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG CỐNG
CỌC 29 KM0+600.00; CỌC TC5 KM0+699.76

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 13/37

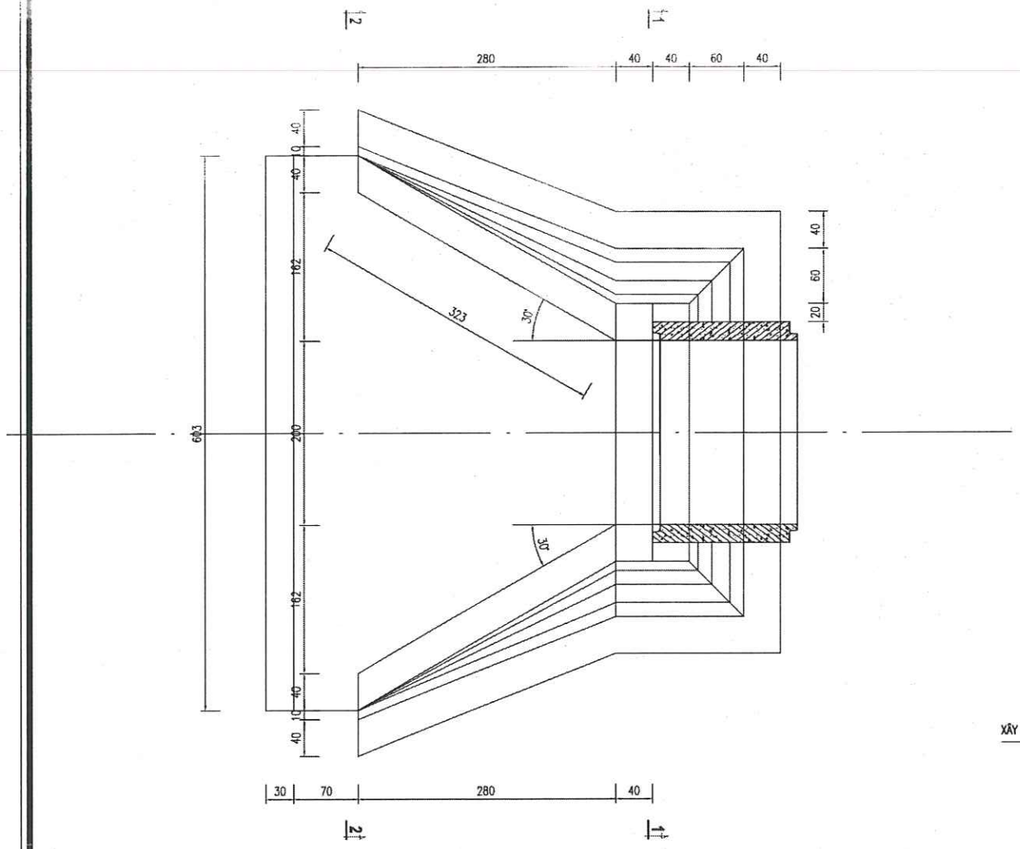

MẶT BẰNG ĐẦU CỐNG HA LƯU

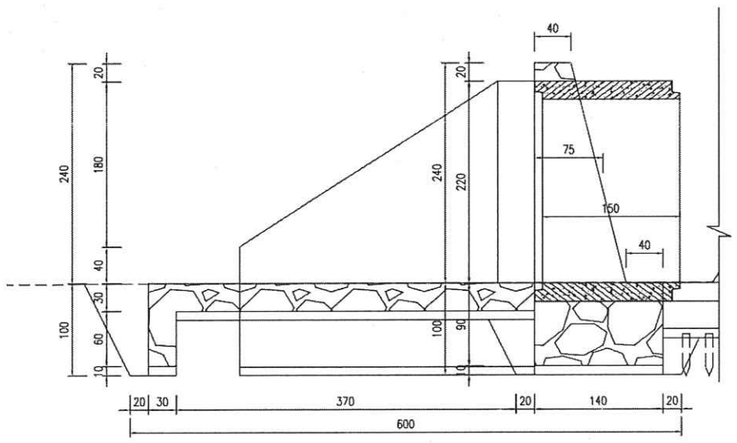

MẶT CẮT DỌC

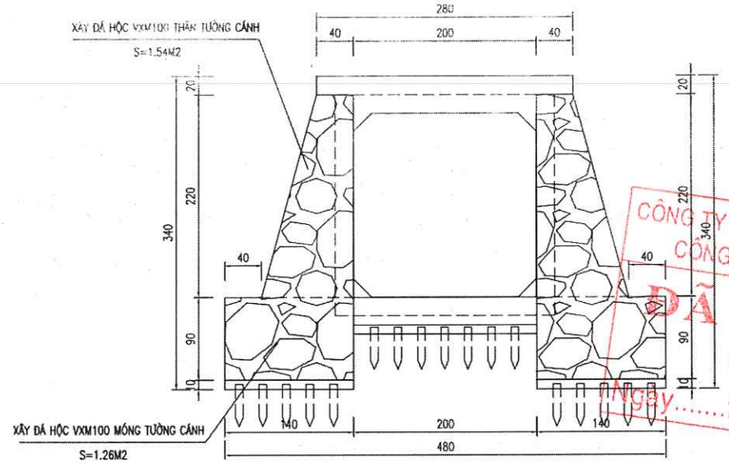

MẶT CẮT 1–1

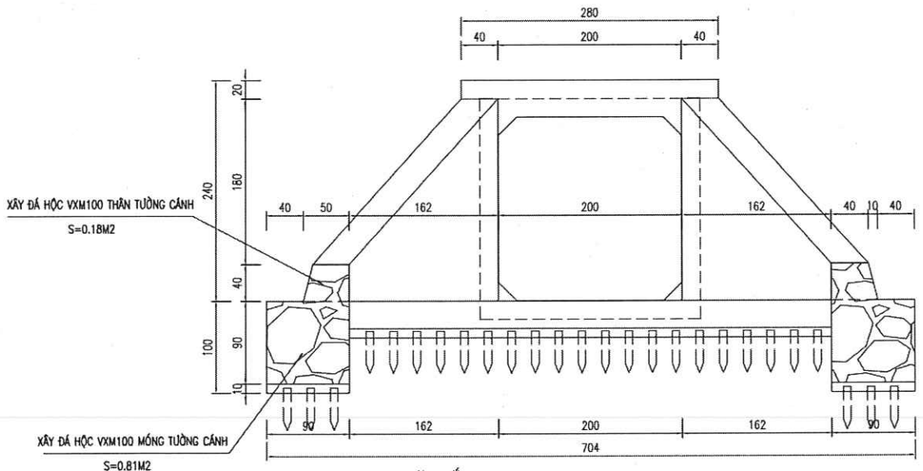

MẶT CẮT 2–2

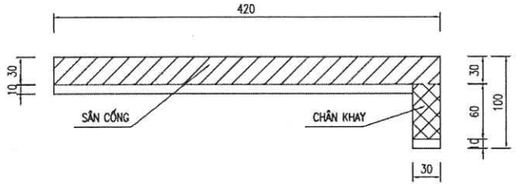

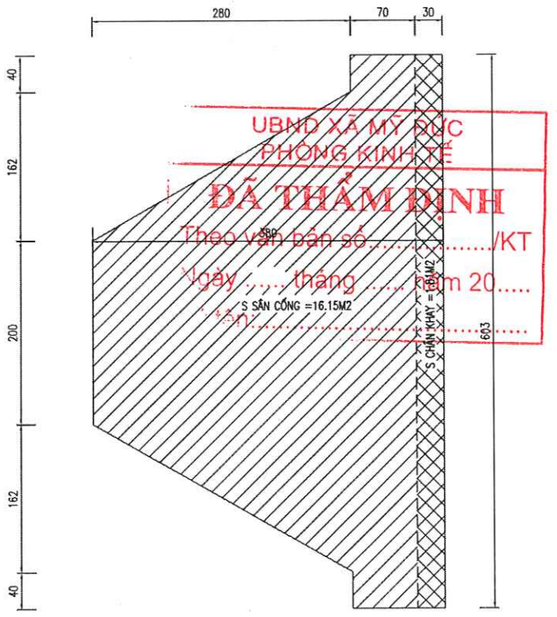

CHI TIẾT SÂN CỐNG, CHÂN KHAY

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÉN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../KT
Ngày ... tháng ... năm 20.....

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG CỐNG
CỌC P2 KM0+367.65

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 10/37

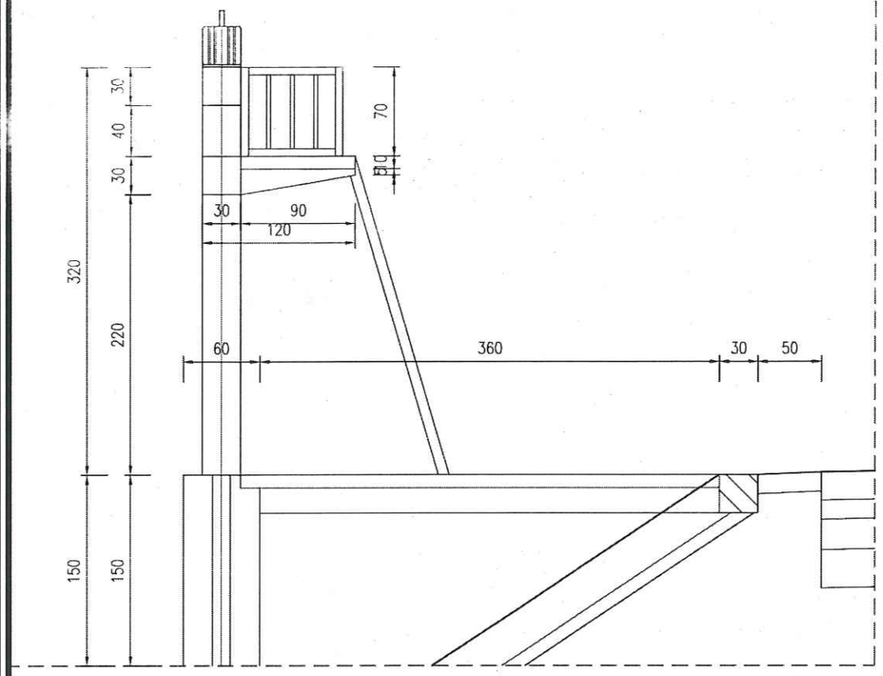

MẶT CẮT 1–1

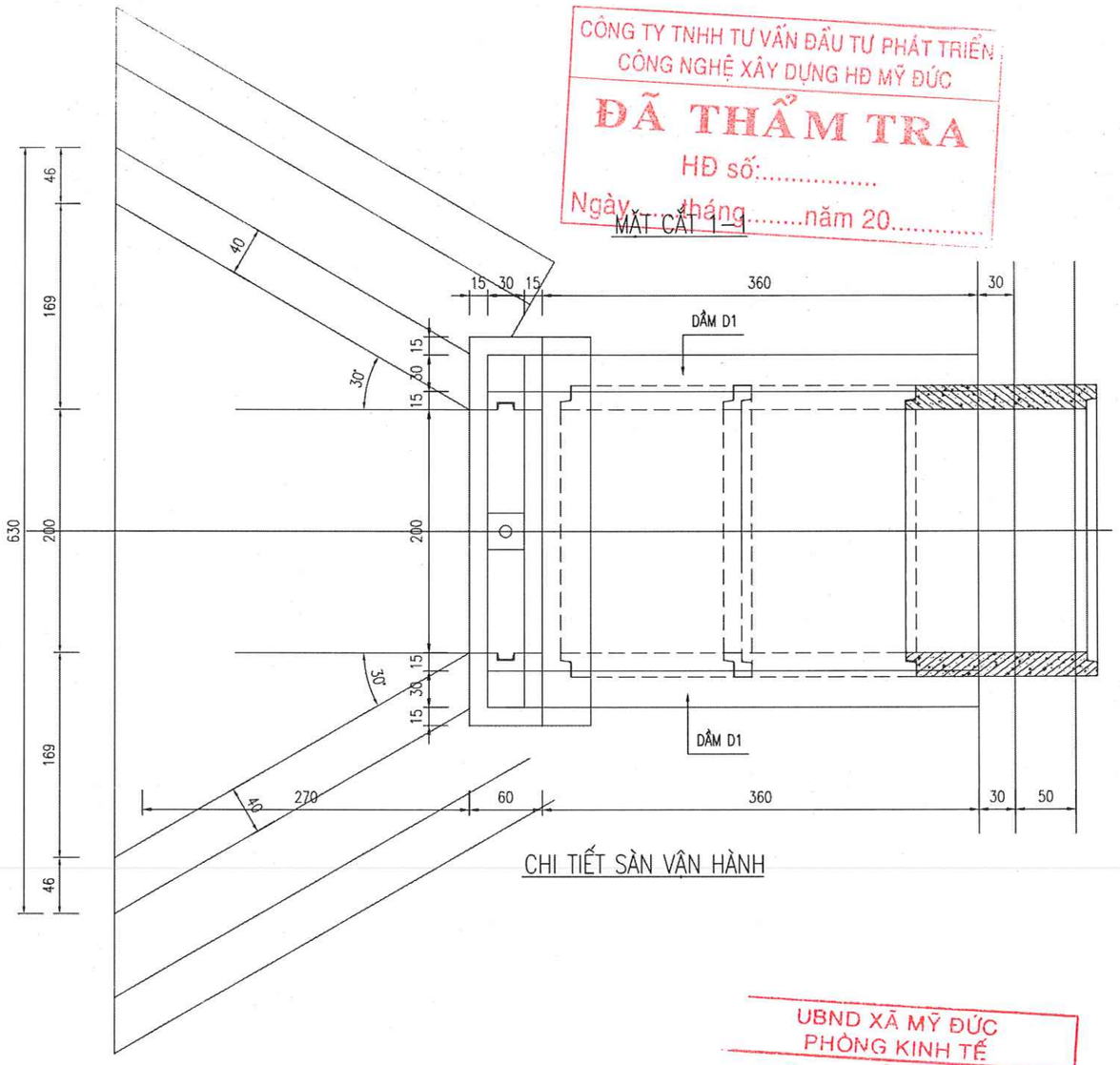

MẶT CẮT 1–1

CHI TIẾT SÀN VẬN HÀNH

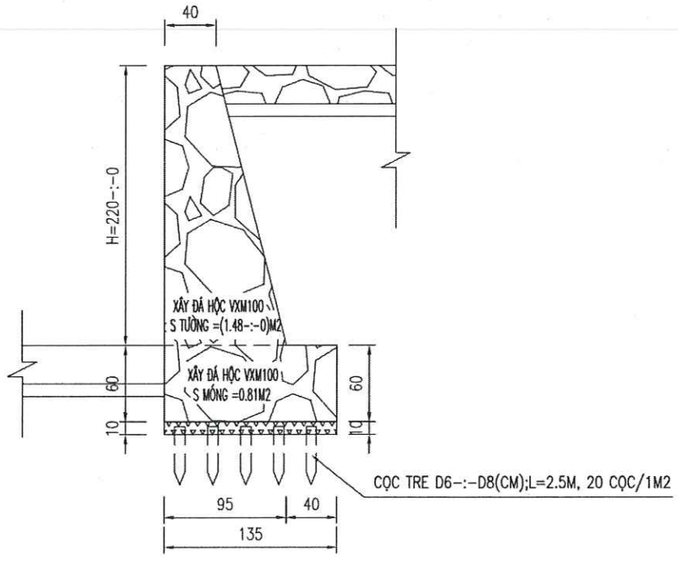

CHI TIẾT TƯỜNG CÁNH THƯỢNG LƯU CỐNG

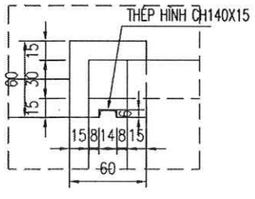

CHI TIẾT KHE PHAI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày ... tháng .....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X.A.L.A, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CẦU VẬN HÀNH

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 14/37

TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGHỀ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

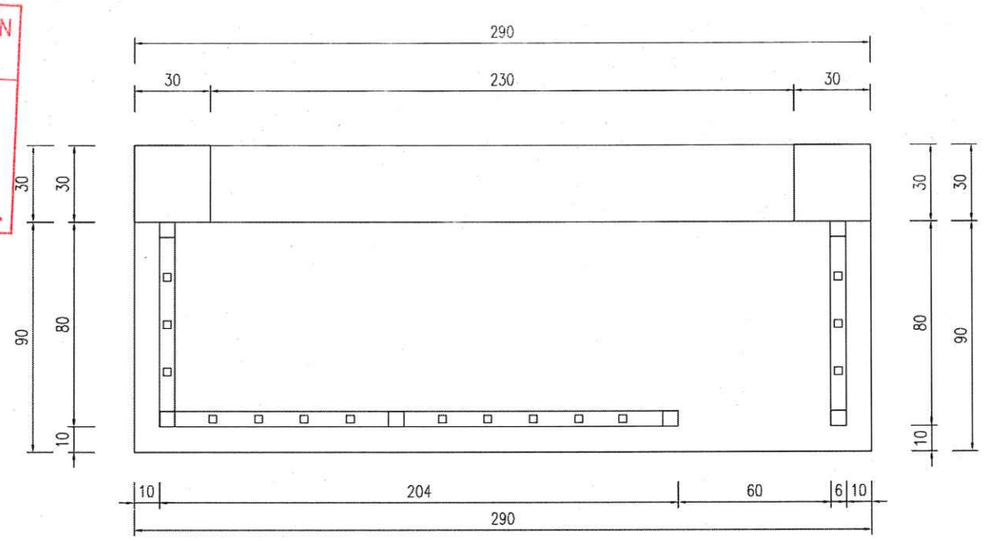

MẶT BẰNG LAN CAN CỐNG

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH	SỐ THANH	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI	KHỐI LƯỢNG (KG)
CẦU THANG	1	THÉP HỘP 80X40X1.2		2610	2	2	5.22	11.56
	2	THÉP HỘP 80X40X1.2		600	10	10	6.00	13.29
LAN CAN	3	THÉP HỘP 60X60X1.2		2780	2	2	5.56	14.76
	4	THÉP HỘP 60X60X1.2		800	2	2	1.60	4.25
	5	THÉP HỘP 60X60X1.2		480	6	6	2.88	7.65
	6	THÉP HỘP 60X60X1.2		100	6	6	0.60	1.59
	7	THÉP HỘP 30X30X1.2		480	15	15	7.20	7.81

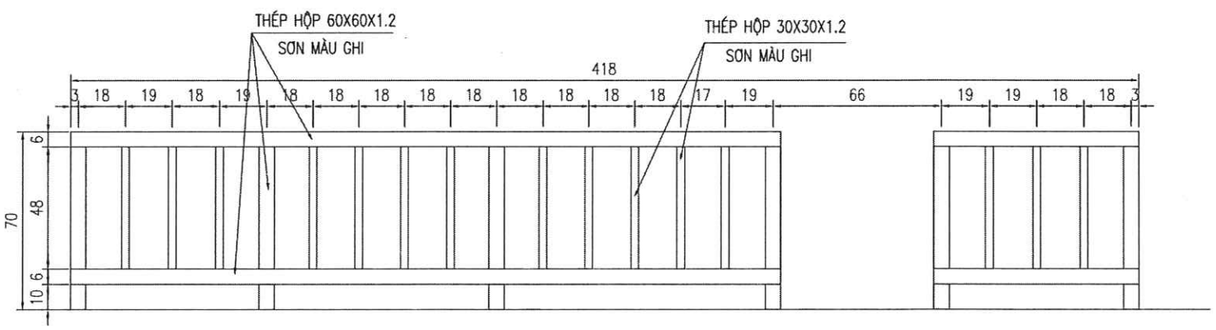

MẶT ĐỨNG LAN CAN

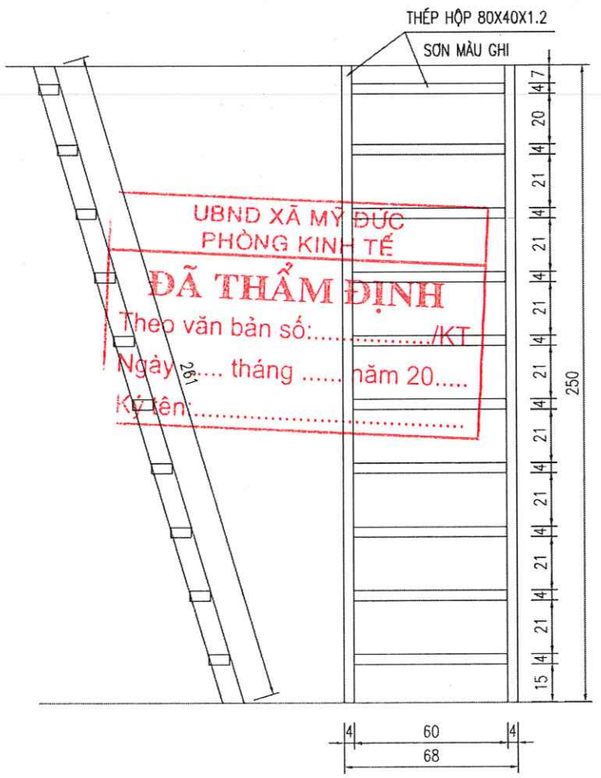

CỐT THÉP THANG LÊN XUỐNG

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON JSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XA LA, TỔ 15, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CẦU VẬN HÀNH
CỌC H6 KM0+600.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 15/37

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN		HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ø(MM)	CHIỀU DÀI MỘT THAN(MM)	SỐ THANH (10K)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
KHUNG DẦN VAN	1	CH140X15		3360	2	2	6.72	100.8
	2	CH140X15		2120	1	1	2.12	31.8
	3	V50X50X5		250	8	8	2.00	7.55
	4	THÉP TẤM 3300X2096X5			1	1		271.48
	5	L100X65X7		3300	2	2	6.60	57.88
	6	L100X65X7		2096	2	2	4.19	36.75
	7	L75X50X6		3300	3	3	9.9	55.93
	8	L75X50X6		2096	5	5	10.48	59.2
	9	L100X65X7		100	2	2	0.20	1.75
	10	MÁY ĐÓNG MỞ V2				1	BỘ	
		TỔNG (KG) :						623.14

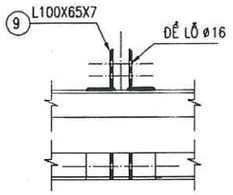

CHI TIẾT A

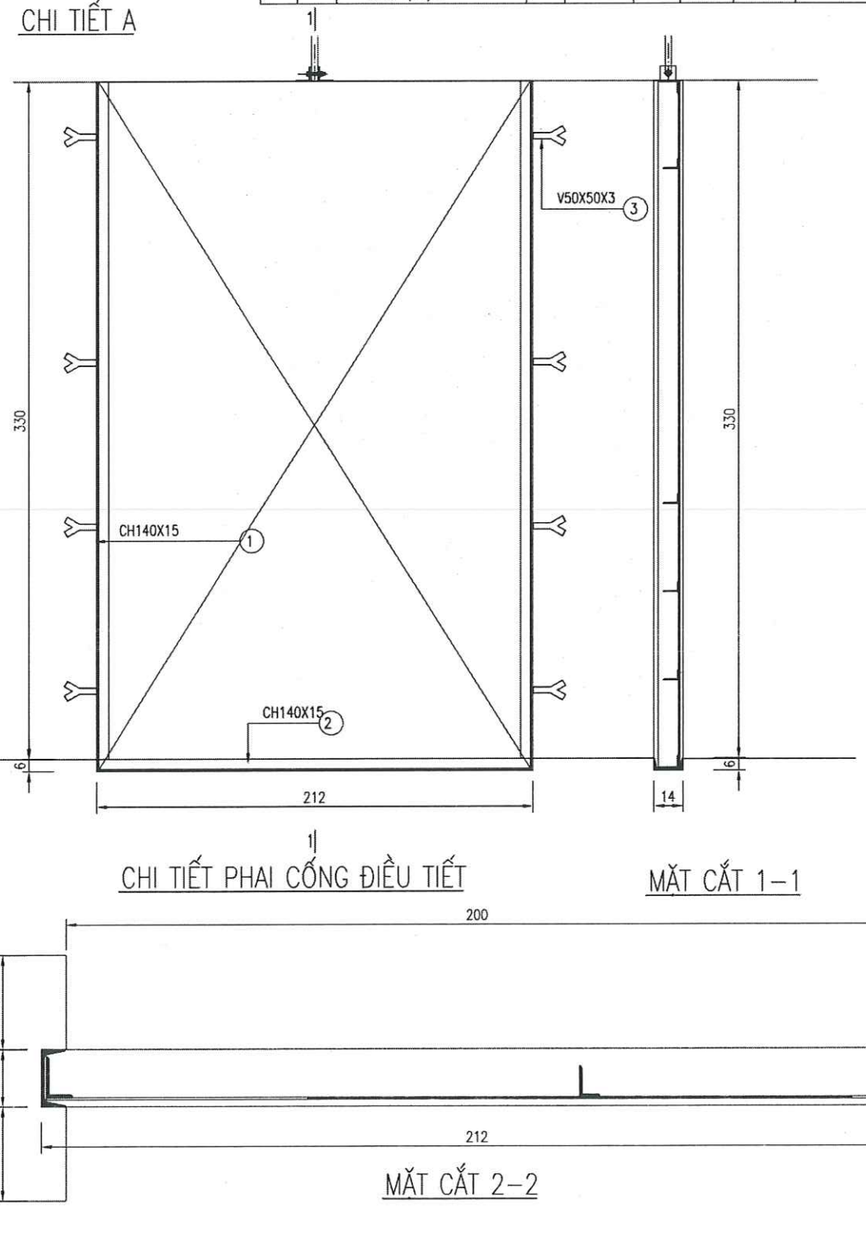

CHI TIẾT PHAI CỐNG ĐIỀU TIẾT

MẶT CẮT 1–1

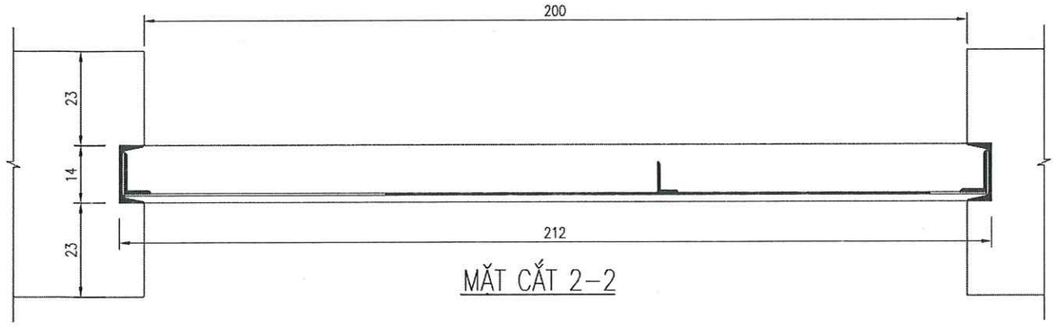

MẶT CẮT 2–2

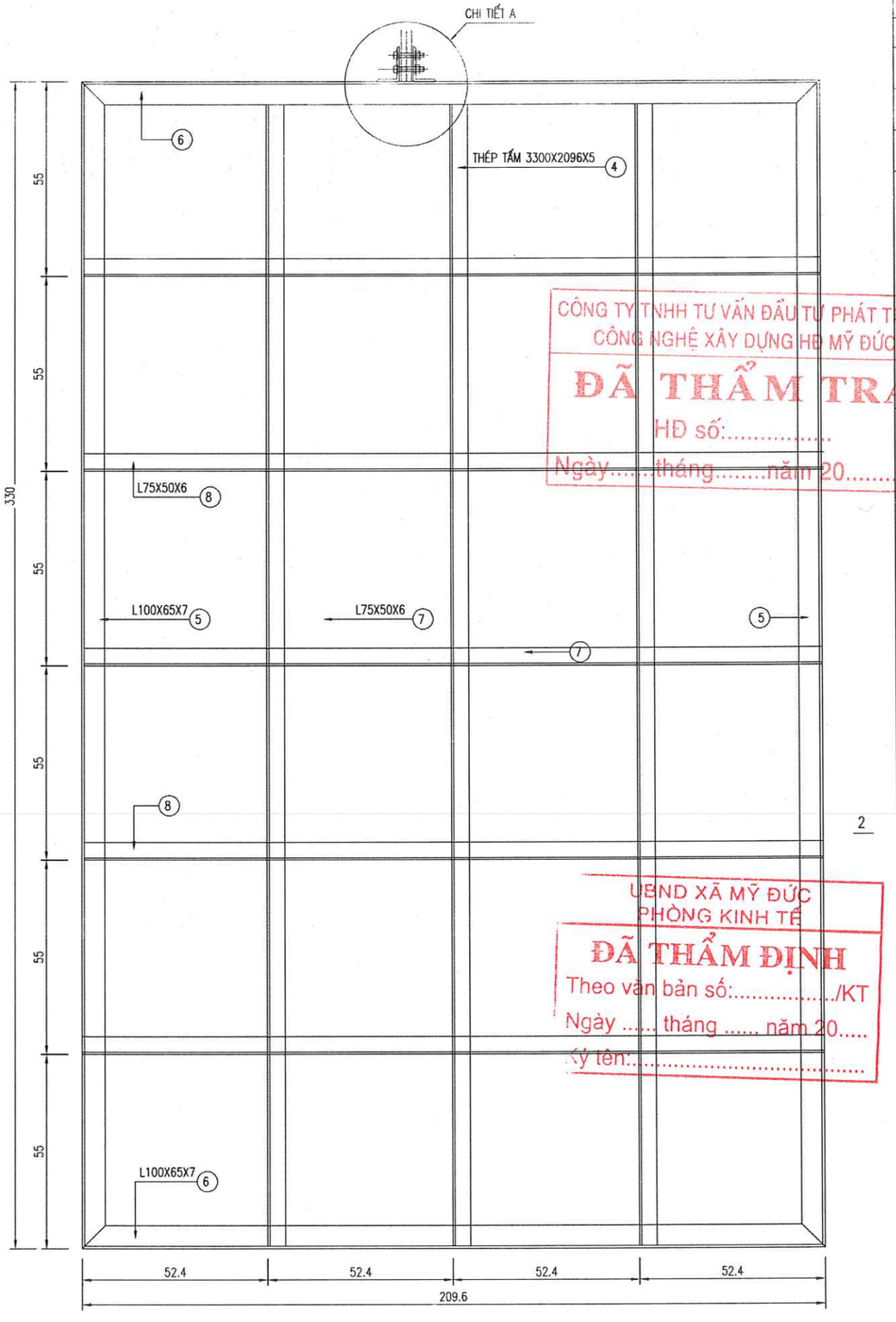

CHI TIẾT CÁNH CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HẠ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON JSC
DIA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912261960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT PHAI CỐNG
CỌC H6 KM0+600.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 16/37

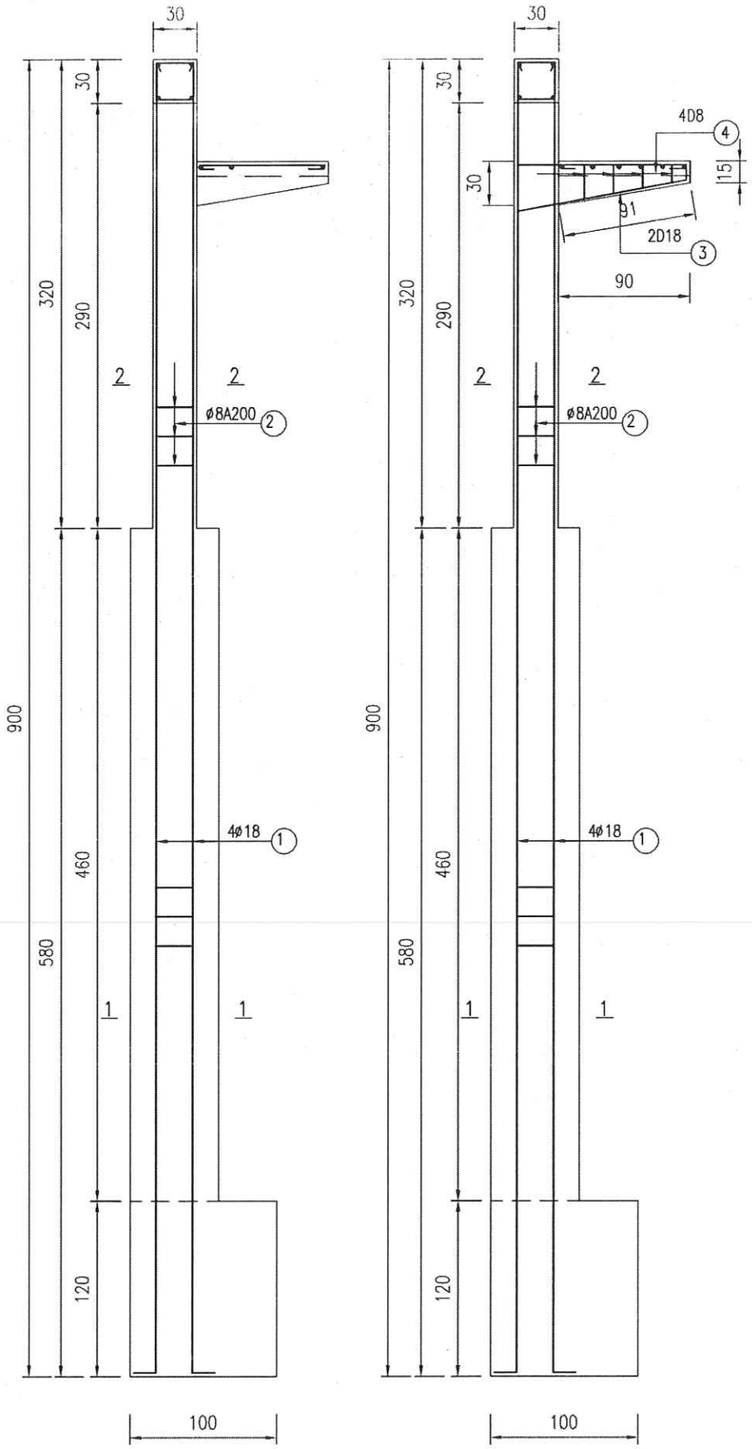

CỐT THÉP CỘT (SL:02)

CỐT THÉP CỘT (SL:02)

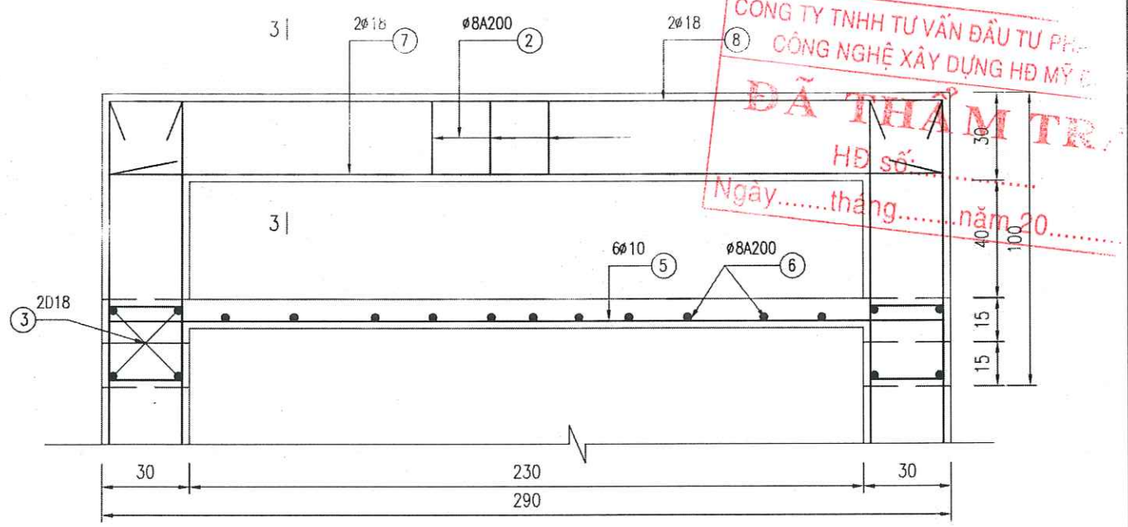

MẶT CẮT 1–1

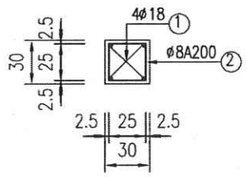

MẶT CẮT 2–2

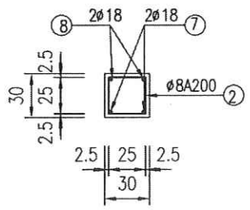

MẶT CẮT 3–3

THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH Ø (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH (MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
CT CỘT	1	150 8950	18	9100	4	8	72.8	145.42
	2	50 250 250	8	1100	46	92	101.2	39.93
	3	200 1070 100	18	2660	2	4	10.64	21.25
	4	200 1090 50 180 170	8	800	4	8	6.4	2.53
CT SÀN	5	2850	10	2850	6	6	17.1	10.54
	6	50 850 50	8	950	15	15	14.25	5.62
CT DẦM	7	2850	18	2850	2	2	5.7	11.39
	8	250 2850 250	18	3350	2	2	6.7	13.38
	2	50 250 250	8	1100	15	15	16.5	6.51
CT DẦM	9	3950	18	3950	2	4	15.8	31.56
	10	250 3950 250	18	4450	2	4	17.8	35.56
	2	50 250 250	8	1100	21	42	46.2	18.23
CT SÀN VẬN HÀNH	11	50 2850 50	10	2950	28	28	82.6	50.93
	12	2850	10	2850	28	28	79.8	49.2
	13	50 4000 50	8	4100	22	22	90.2	35.59

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PH... CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨ...
ĐÃ THẨM TR...
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 135 KHU ĐỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP KHUNG, SÀN DÀN VẬN HÀNH
CỌC H6 KM0+600.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 17/37

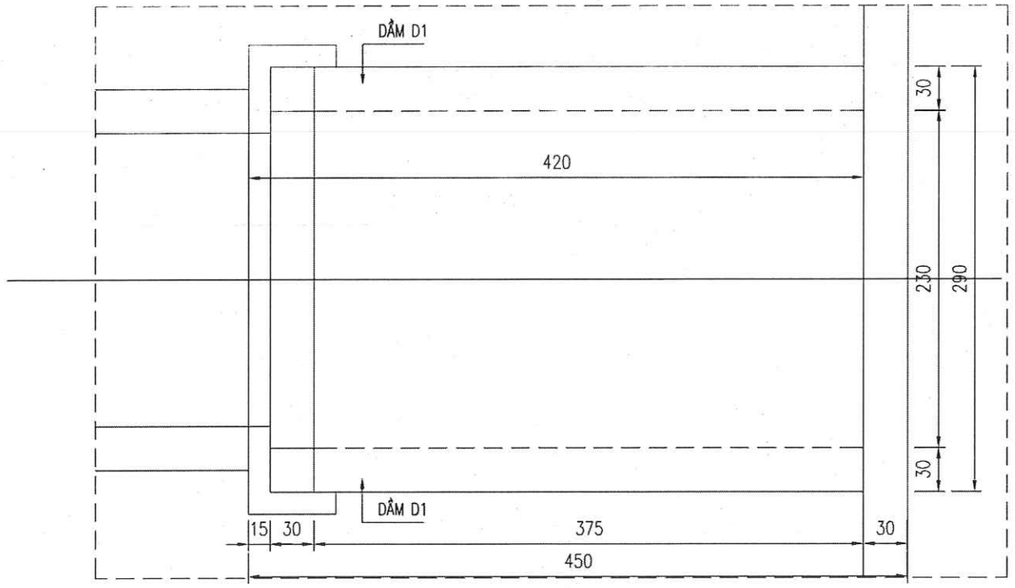

MẶT BẰNG DẦM SÀN VẬN HÀNH

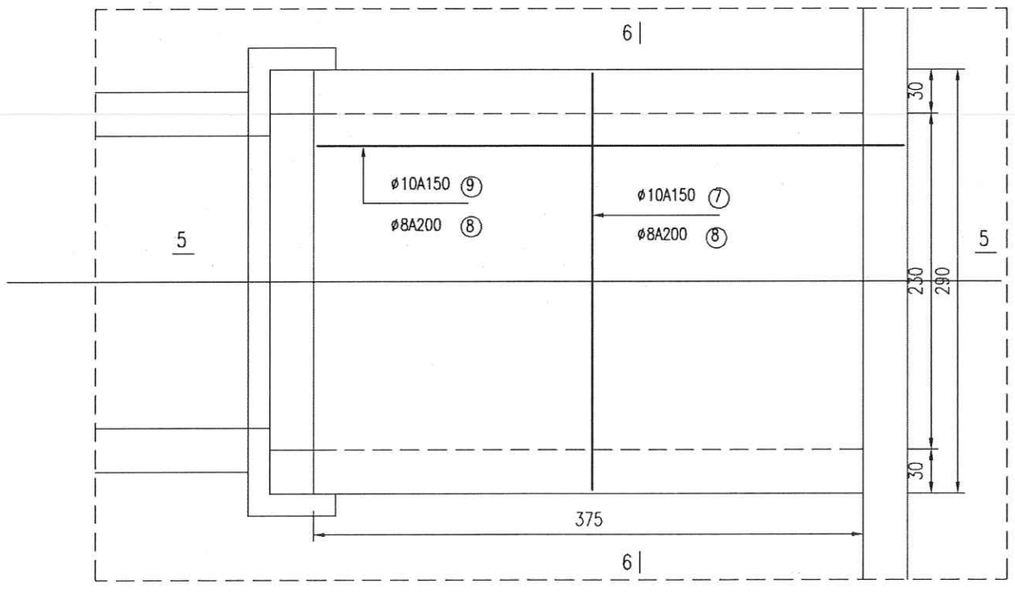

CỐT THÉP SÀN VẬN HÀNH

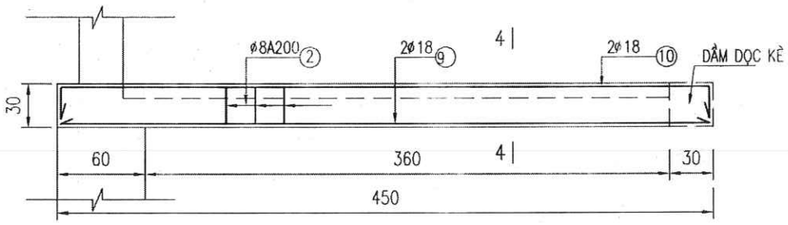

CỐT THÉP DẦM D1(SL:02)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

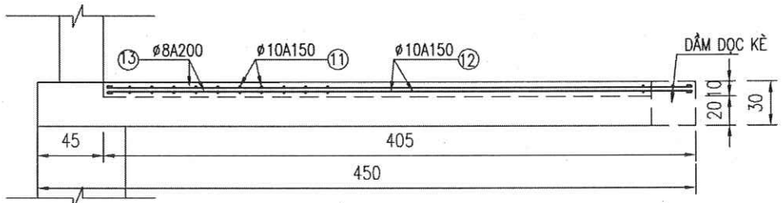

MẶT CẮT 5-5

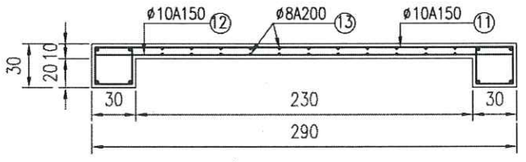

MẶT CẮT 6-6

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Họ tên:.....

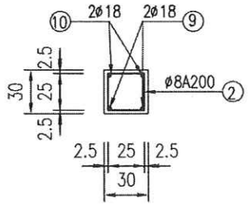

MẶT CẮT 4-4

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281980

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP KHUNG, SÀN DÀN VẬN HÀNH
CỌC H6 KM0+600.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 18/37

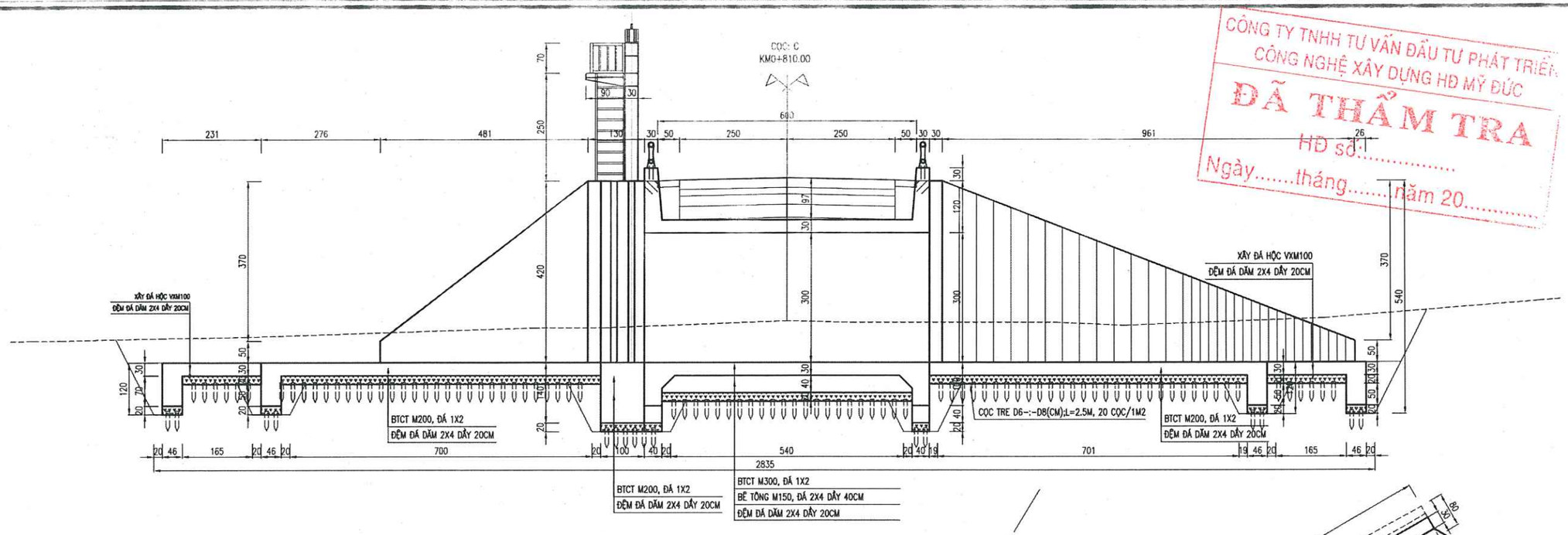

MẶT CẮT DỌC CỐNG

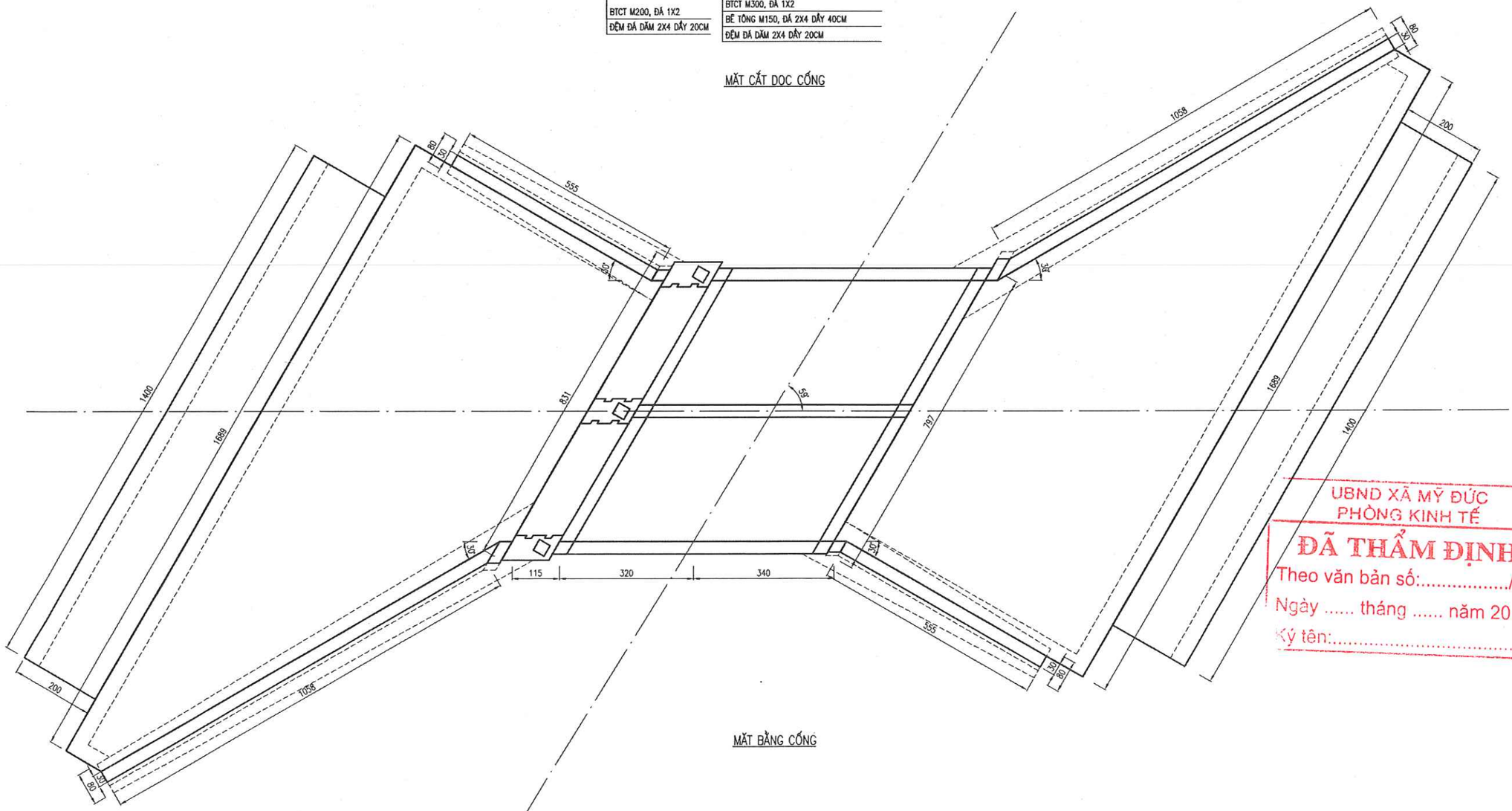

MẶT BẰNG CỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X2A1A, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT CỐNG HỘP 3X3M
COC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 20/37

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

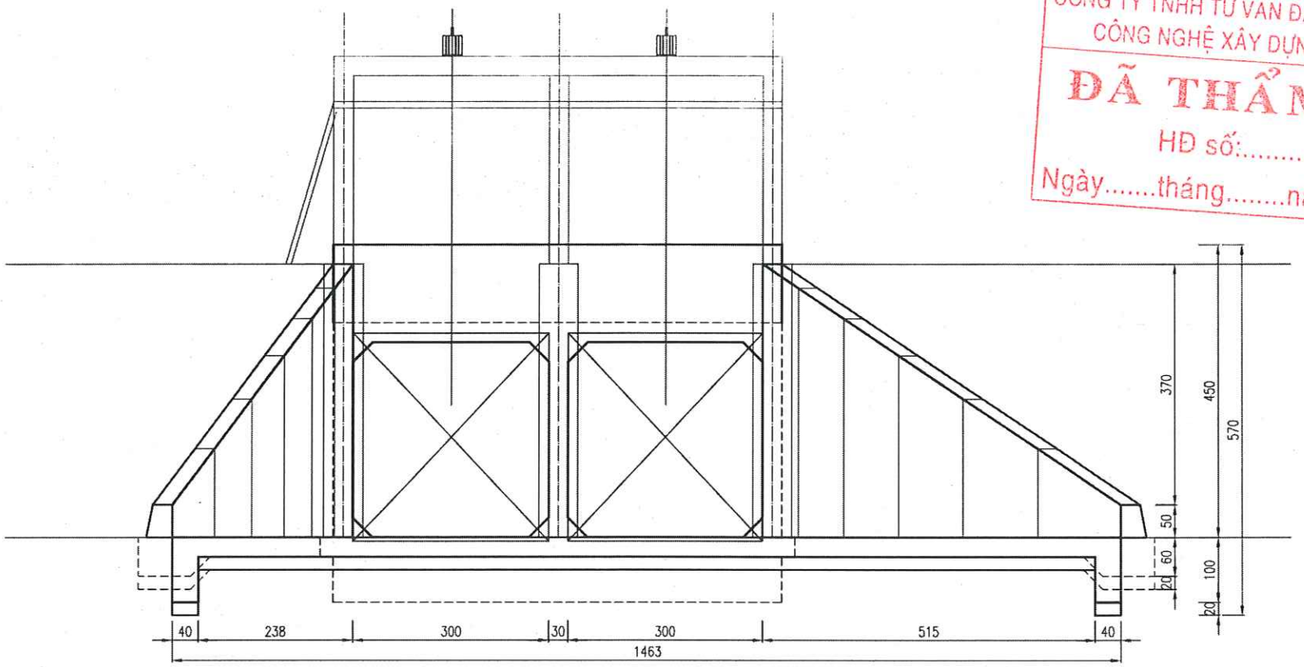

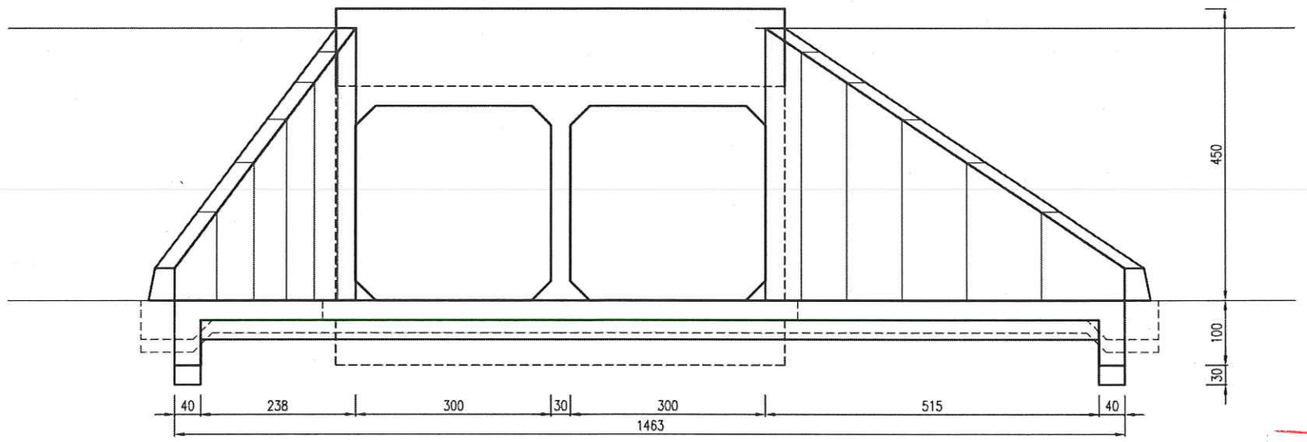

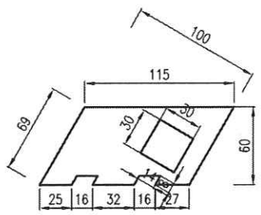

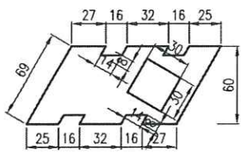

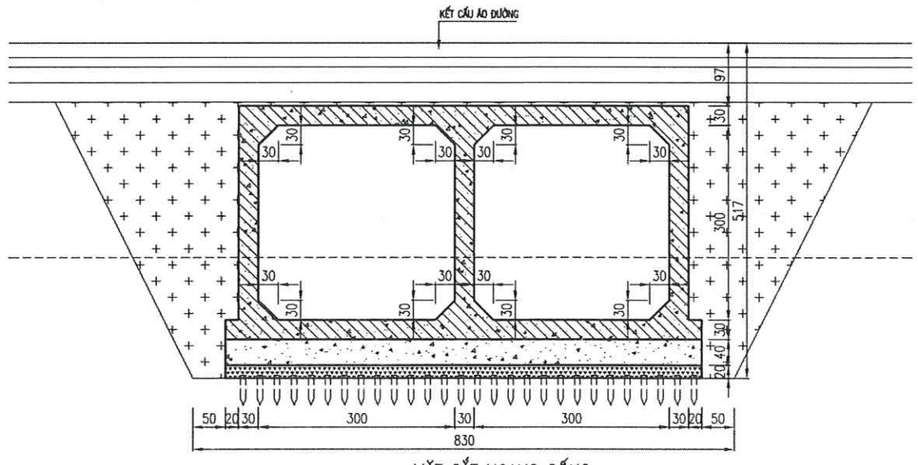

MẶT CẮT NGANG CỐNG

S ĐÀO = 17.17M2
S ĐẮP = 15.09M2

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÁ LA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912261950

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT CỐNG 3X3M
COC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 21/37

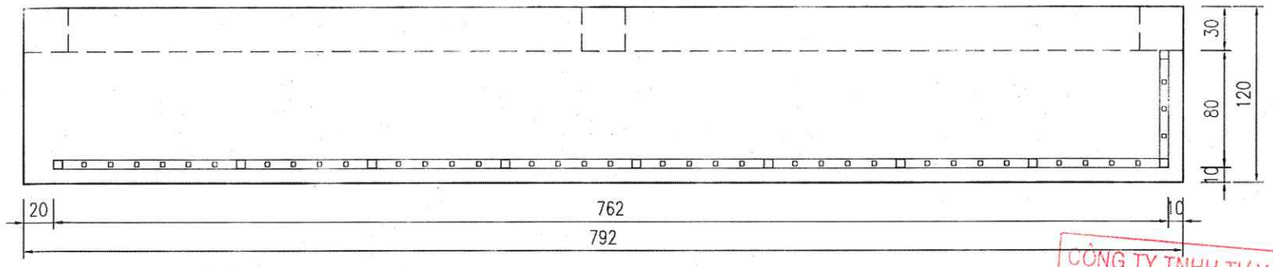

MẶT BẰNG LAN CAN CỐNG

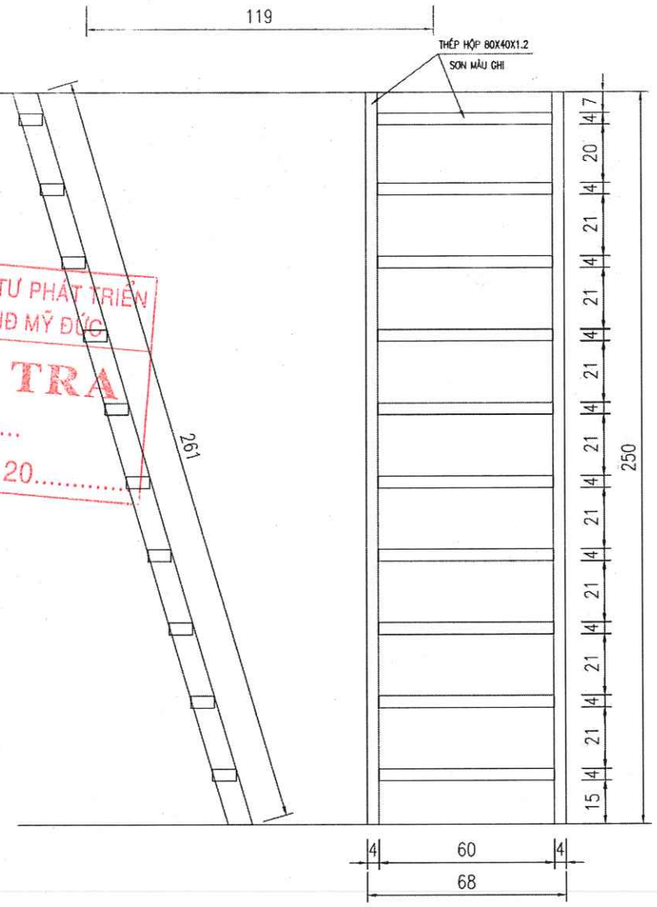

CỐT THÉP THANG LÊN XUỐNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH	SỐ THANH	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI	KHỐI LƯỢNG (KG)
CẦU THANG	1	THÉP HỘP 80X40X1.2		2610	2	2	5.22	11.56
	2	THÉP HỘP 80X40X1.2		600	10	10	6.00	13.29
LAN CAN	3	THÉP HỘP 60X60X1.2		8360	2	2	16.72	44.39
	4	THÉP HỘP 60X60X1.2		480	10	10	4.80	12.74
	5	THÉP HỘP 60X60X1.2		100	10	10	1.00	1.59
	6	THÉP HỘP 30X30X1.2		480	37	37	17.76	19.27

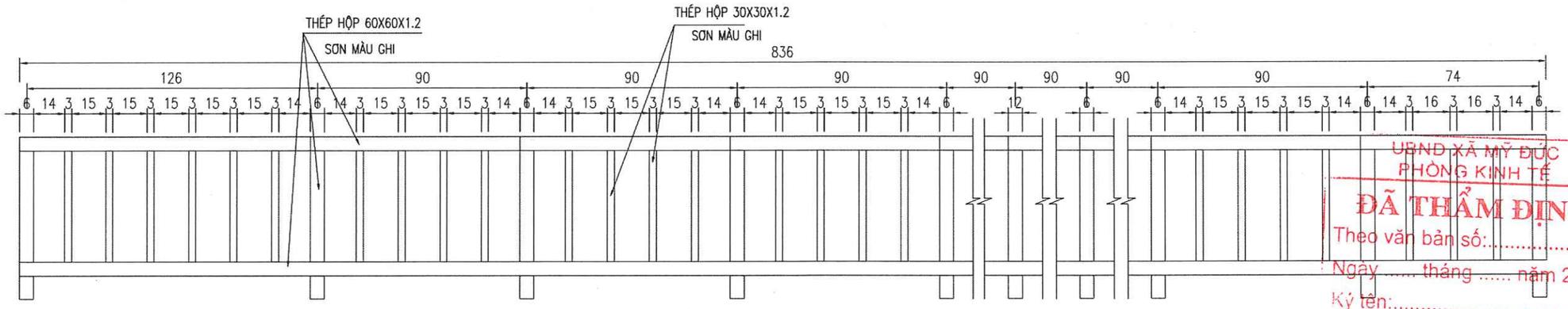

MẶT ĐỨNG LAN CAN

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỌNG, TỔ 17, P. HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG, LAN CAN VẬN HÀNH CỐNG 3X3M
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 22/37

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CHÍNH DIỆN LAN CAN TL 1:25

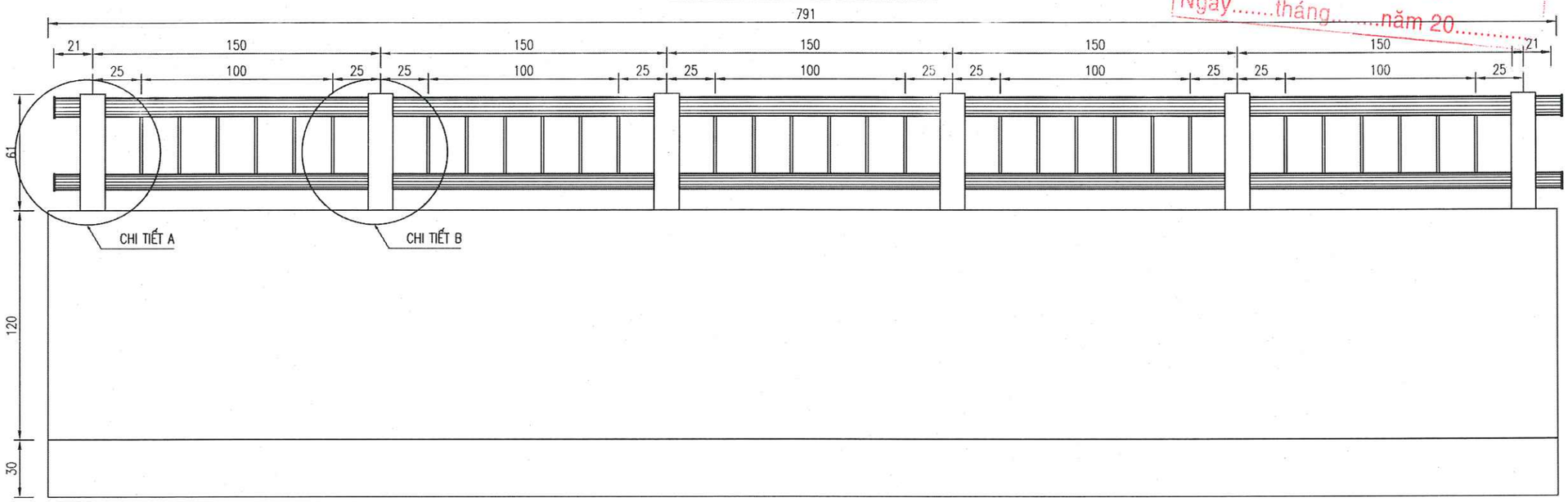

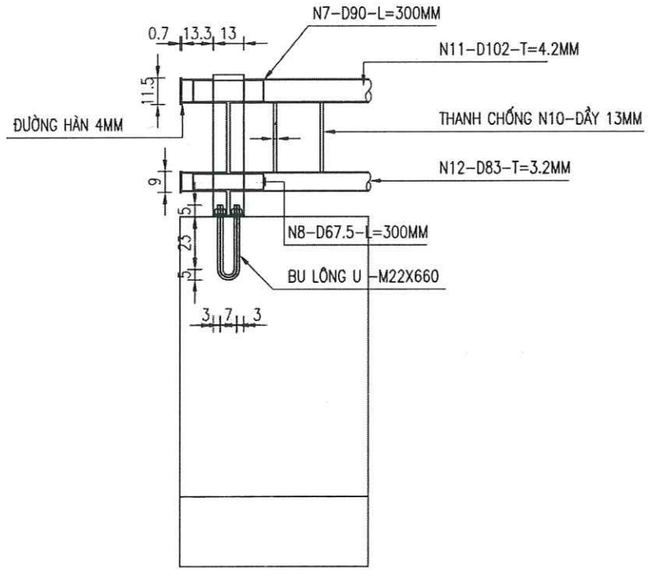

CHI TIẾT A

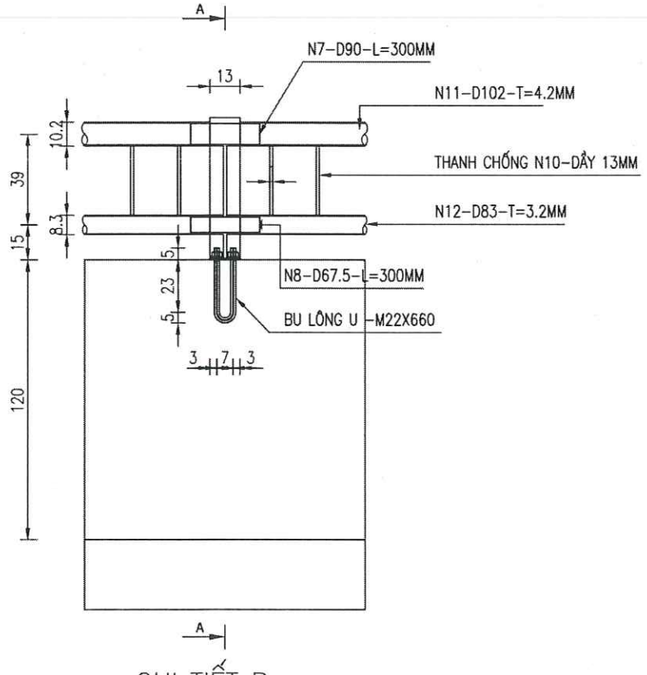

CHI TIẾT B

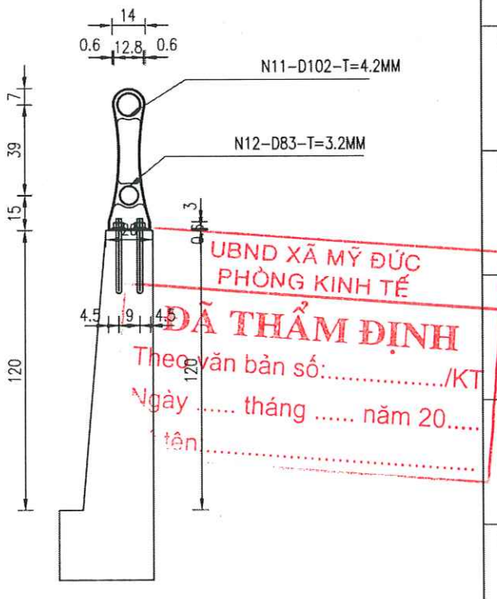

MẶT CẮT A–A

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỤ XÃ LA, TỔ 11, P. HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0942281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT LAN CAN CỐNG
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 23/37

CỘT LAN CAN TL 1:10

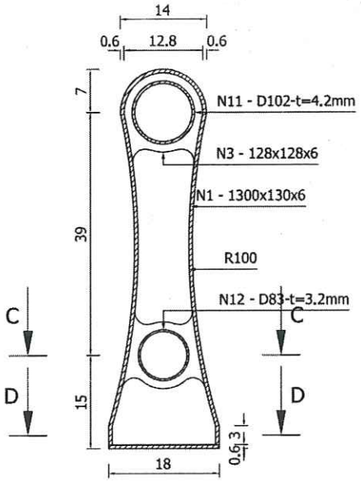

Thép bản N1:
1300x130x6

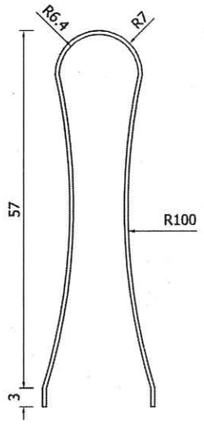

Thép bản N2:
598x168x14

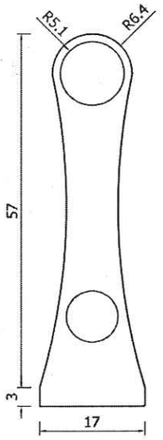

Thép bản N3:
145x128x6

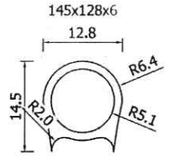

Thép bản N4:
123x135x6

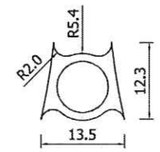

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG LAN CAN 1 NHỊP				
STT	CẤU KIỆN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	N1 - Thép bản-1300x130x6	12	KG	95.52
2	N2 - Thép bản-598x168x14	12	KG	66.96
3	N3 - Thép bản-145x128x6	24	KG	6.24
4	N4 - Thép bản-123x135x6	24	KG	6.24
5	N5 - Thép bản-D115x7	4	KG	2.28
6	N6 - Thép bản-D90x7	4	KG	1.4
7	N7 - Thép ống mạ kẽm-D90x300x4	12	KG	30.6
8	N8 - Thép ống mạ kẽm-D67.5x300x3	12	KG	17.16
9	N9 - Thép bản-130x180x6	12	KG	13.2
10	N10 - Thép bản-390x54x13	60	KG	104.4
11	N11 - Thép ống mạ kẽm-D102x7910x4.2	2	KG	160.26
12	N12 - Thép ống mạ kẽm-D83x7910x3.2	2	KG	99.67
13	Bu lông neo U - M22x660	24	Bộ	24

GHI CHÚ:

- Lan can chỉ thể hiện cho 1 nhịp, các nhịp khác tương tự.
- Các ống thép tay vịn được liên kết với cột lan can bằng ống thép liên kết.
- Kích thước bản vẽ ghi cm.

MẶT CẮT C - C TL 1:10

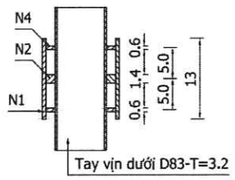

CHI TIẾT TẤM BỊT TL 1:10

TẤM BỊT N5
D115x7

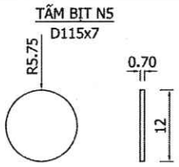

TẤM BỊT N6
D90x7

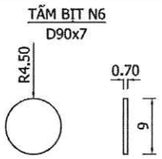

THANH CHỐNG TL 1:10

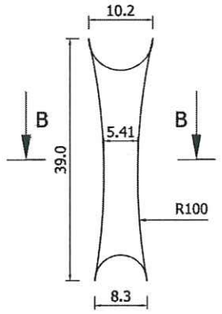

MẶT CẮT D - D TL 1:10

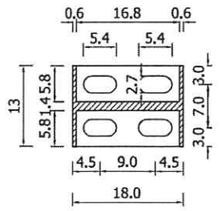

ỐNG THÉP LIÊN KẾT TL 1:10

Thép ống mạ kẽm N7
D90x300x4

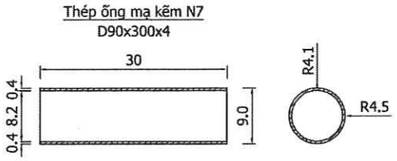

Thép ống mạ kẽm N8
D67.5x300x3

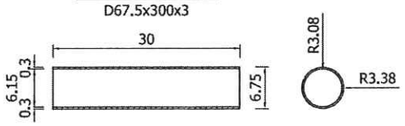

MẶT CẮT B-B TL 1:10

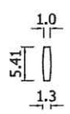

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X4,X4A - TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281866

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT LAN CAN CỐNG
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 24/37

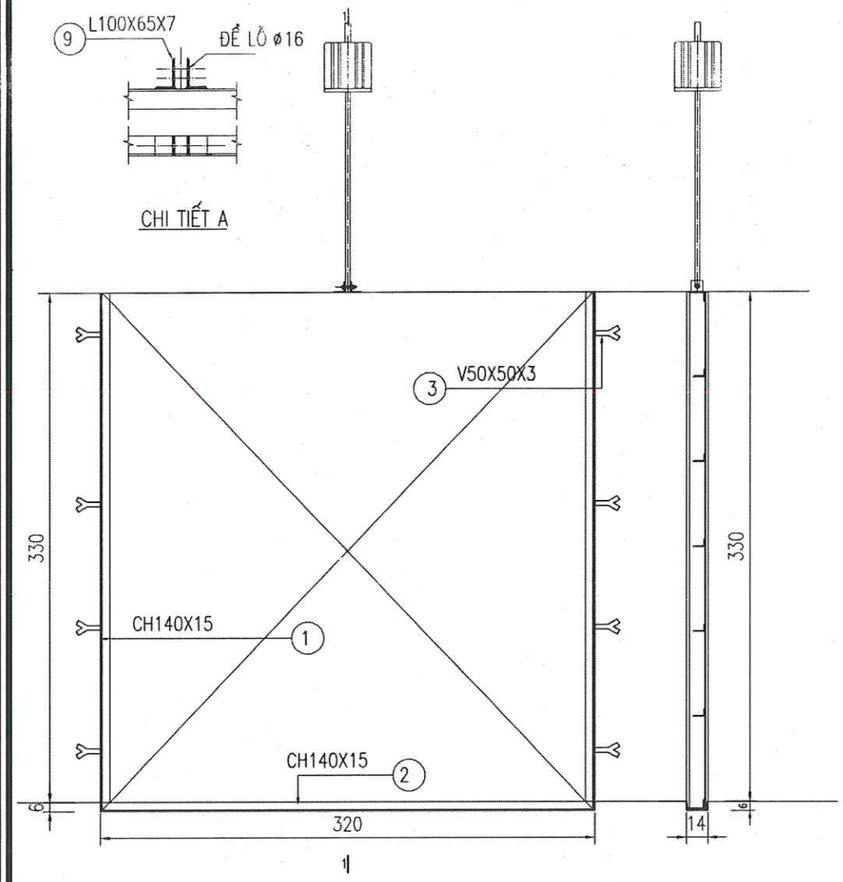

CHI TIẾT PHAI CỐNG ĐIỀU TIẾT MẶT CẮT 1–1

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN		HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH ø(MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH(MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
KHUNG DẪN VAN	1	CH140X15		3360	2	2	6.72	100.8
	2	CH140X15		3200	1	1	3.20	48
	3	V50X50X5		250	8	8	2.00	7.55
	4	THÉP TẤM 3300X3200X5			1	1		414.48
	5	L100X65X7		3300	2	2	6.60	57.88
	6	L100X65X7		3200	2	2	6.4	56.13
	7	L75X50X6		3300	4	4	13.2	74.57
	8	L75X50X6		3200	5	5	16.00	90.38
	9	L100X65X7		100	2	2	0.20	1.75
	10	MÁY ĐÓNG MỞ V2				1	BỘ	
		TỔNG (KG) :						851.54

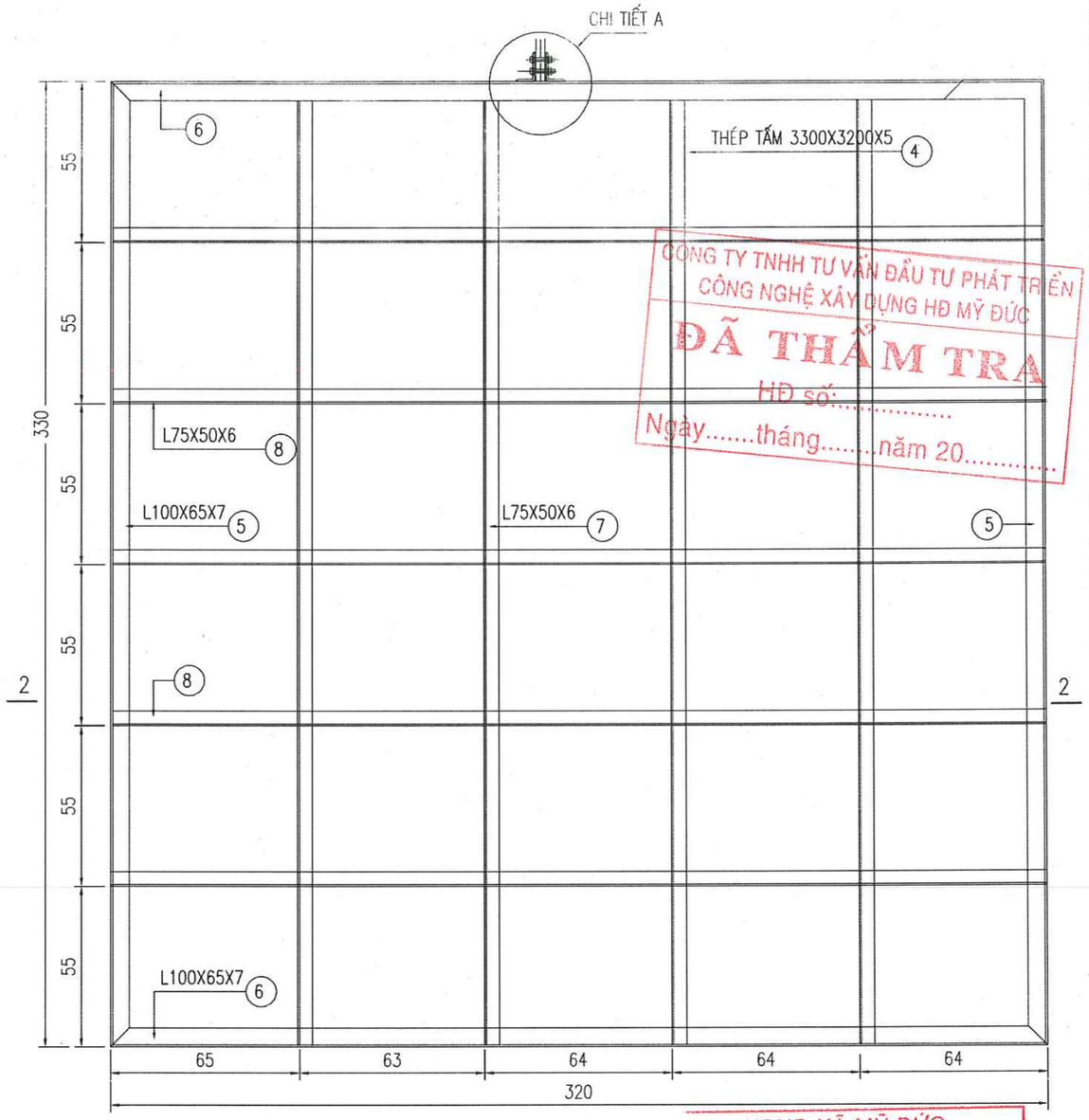

CHI TIẾT CÁNH CỐNG

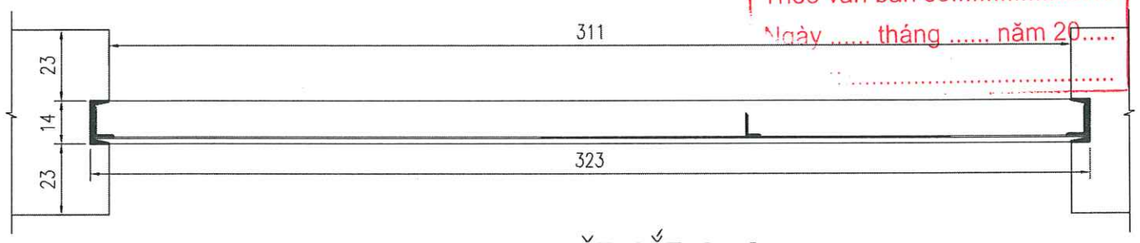

MẶT CẮT 2–2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281968

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT PHAI CỐNG
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 25/37

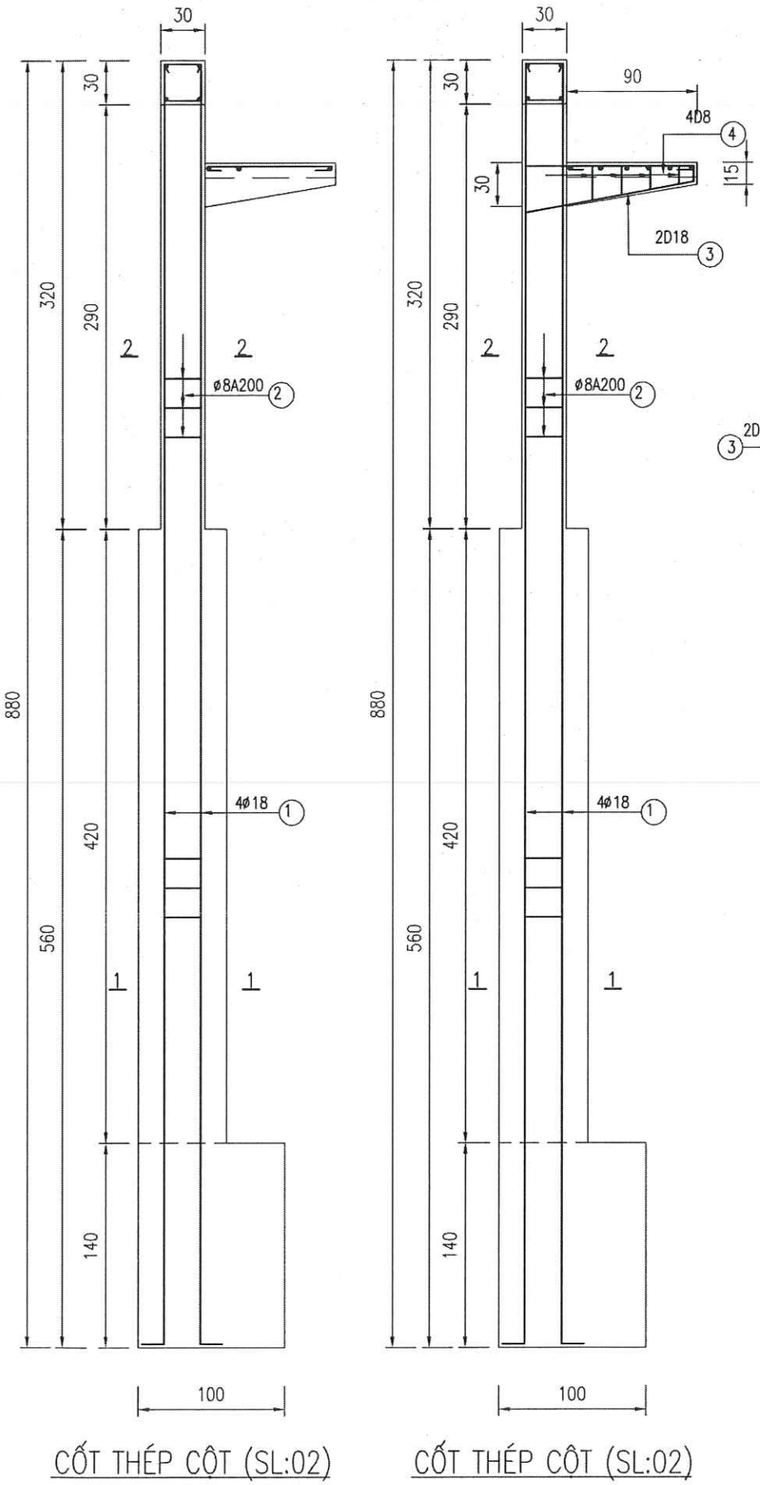

CỐT THÉP CỘT (SL:02)

CỐT THÉP CỘT (SL:02)

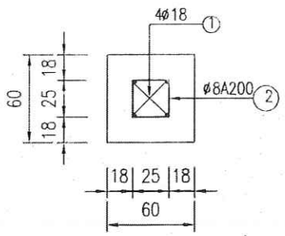

MẶT CẮT 1–1

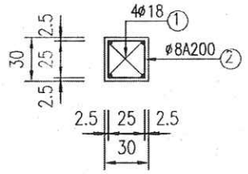

MẶT CẮT 2–2

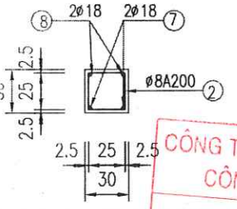

MẶT CẮT 3–3

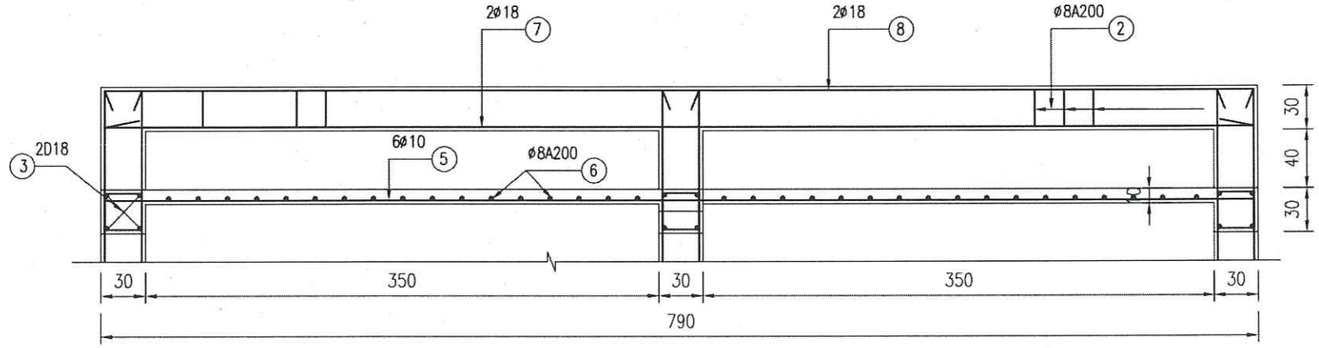

THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	THÉP SỐ	HÌNH DẠNG – KÍCH THƯỚC (MM)	ĐƯỜNG KÍNH Ø (MM)	CHIỀU DÀI MỘT THANH (MM)	SỐ THANH (1CK)	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
CT CỘT	1	150 8750	18	8900	4	12	106.8	213.34
	2	50 250 250	8	1100	45	135	148.5	58.6
	3	200 1070 100 / 200 1090	18	2660	2	6	15.96	31.88
	4	50 180 170	8	800	4	12	9.6	3.79
CT SÀN	5	7850	10	7850	6	6	47.1	29.04
	6	50 850 50	8	950	40	40	38	14.99
CT DẦM	7	7850	18	7850	2	2	15.7	31.36
	8	250 7850 250	18	8350	2	2	16.7	33.36
	2	50 250 250	8	1100	40	40	44	17.36

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20...

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
TRUONGSON JSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860
MST:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP PHAI VẬN HÀNH
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 26/37

CẮT NGANG THÂN CỐNG TL 1:50

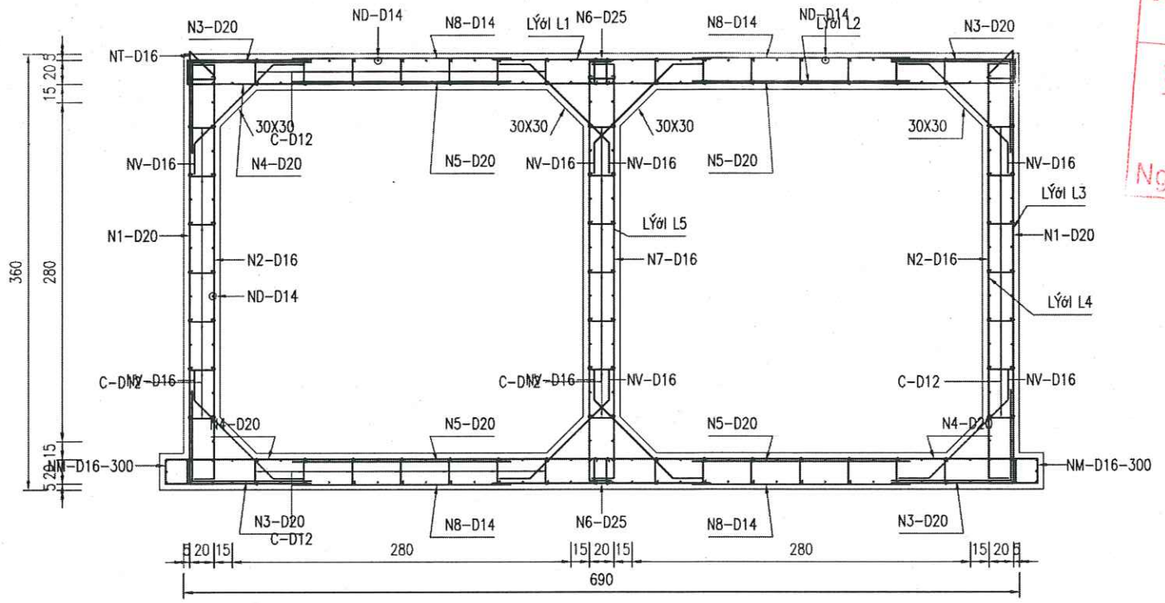

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

N4–D20–L=7200

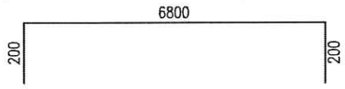

N1–D20–L=5500
N1'–D20–L=5810

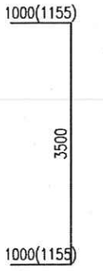

N2–D16–L=3900

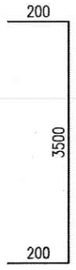

N7–D16–L=3900

NV–D16–L=1538

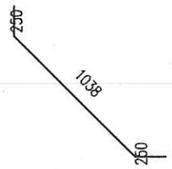

NT–D16–L=783

N5–D20–L=1800
N5'–D20–L=2078

1800(2078)

N6–D25–L=1800
N6'–D25–L=2078

1800(2078)

N8–D14–L=1800
N8'–D14–L=2078

1800(2078)

ND–D14–L=6500

6500

C–D12–L=426

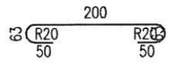

N3–D20–L=2000
N3'–D20–L=2155

NM–D16–L=1000

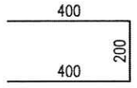

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	TÊN THANH	ĐƯỜNG KÍNH	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ THANH (thanh)	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)	KHỐI LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
	BẢN NẮP						1725.57
1	N4	20	7200	23	165.6	2.466	408.37
2	N5	20	1800	38	68.4	2.466	168.67
3	N5'	20	2078	16	33.25	2.466	81.99
4	N6	25	1800	33	59.4	3.853	228.87
5	N6'	25	2078	14	29.09	3.853	112.09
6	N8	14	1800	38	68.4	1.208	82.63
7	N8'	14	2078	16	33.25	1.208	40.16
8	Nd	14	6500	72	468	1.208	565.34
9	C	12	426	99	42.17	0.888	37.45
	BẢN SƯỜN						3275.63
1	N1	20	5500	42	231	2.466	569.65
2	N1'	20	5810	12	69.72	2.466	171.93
3	N2	16	3900	66	257.4	1.578	406.18
4	N3	20	2000	84	168	2.466	414.29
5	N3'	20	2155	24	51.72	2.466	127.54
6	N7	16	3900	46	179.4	1.578	283.09
7	Nd	14	6500	92	598	1.208	722.38
8	Nv	16	1538	184	282.99	1.578	446.56
9	C	12	426	204	86.9	0.888	77.17
10	Nt	16	783	46	36.02	1.578	56.84
	BẢN ĐÁY						1772.69
1	N4	20	7200	23	165.6	2.466	408.37
2	N5	20	1800	38	68.4	2.466	168.67
3	N5'	20	2078	16	33.25	2.466	81.99
4	N6	25	1800	33	59.4	3.853	228.87
5	N6'	25	2078	14	29.09	3.853	112.09
6	N8	14	1800	38	68.4	1.208	82.63
7	N8'	14	2078	16	33.25	1.208	40.16
8	Nd	14	6500	78	507	1.208	612.46
9	C	12	426	99	42.17	0.888	37.45

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

DIA CHỈ: SỐ 138 KHU DỊCH VỌNG LÀ, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP CỐNG HỘP 3X3M
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 27/37

LƯỚI THÉP L1 PHÂN ĐOẠN 6.6m TL 1:50

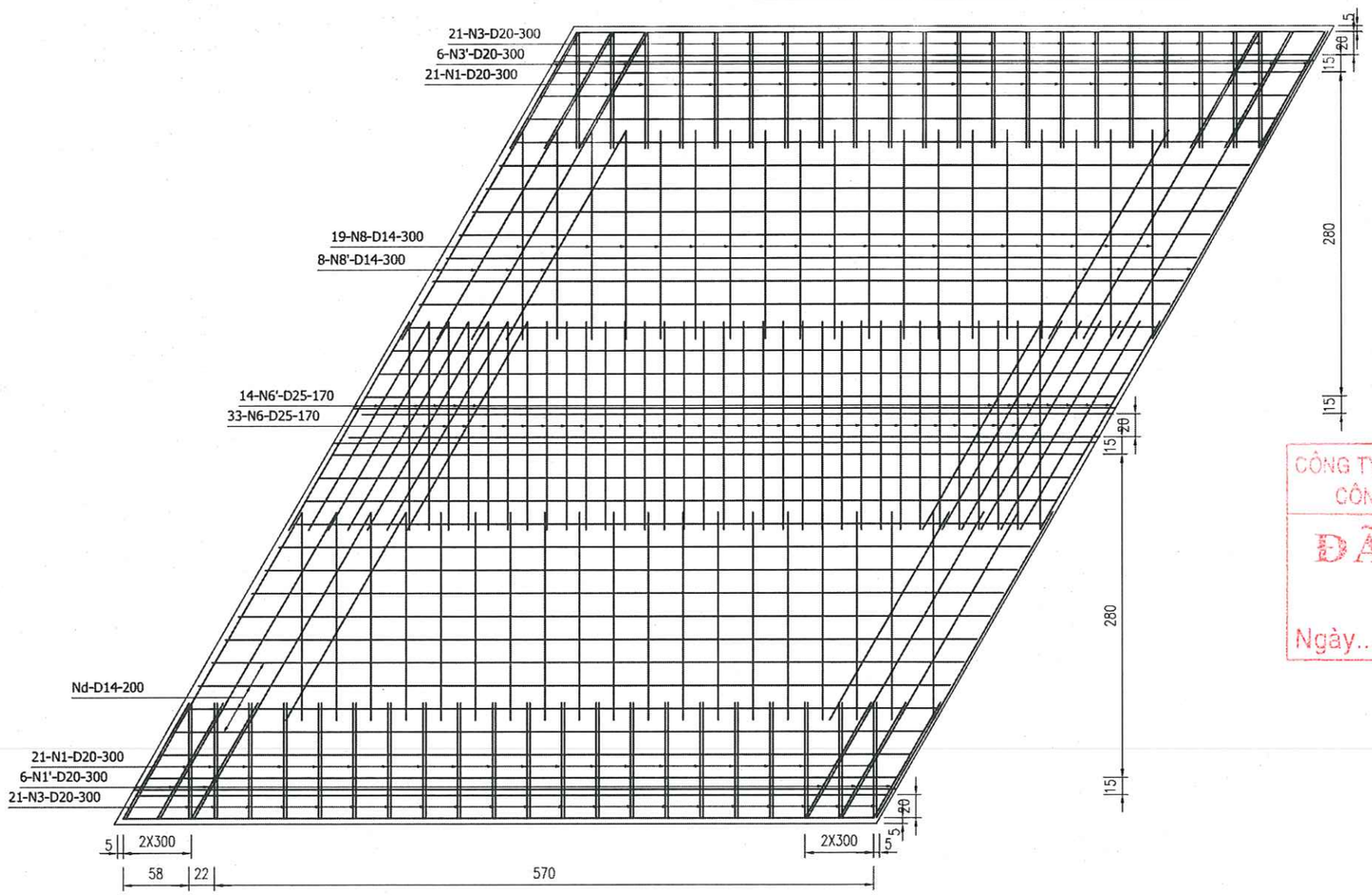

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KT

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC: LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ: NGỌ VĂN PHONG

KIỂM: ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

CỐT THÉP CỐNG HỘP 3X3M

CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 28/37

LƯỚI THÉP L2 PHÂN ĐOẠN 6.6m TL 1:50

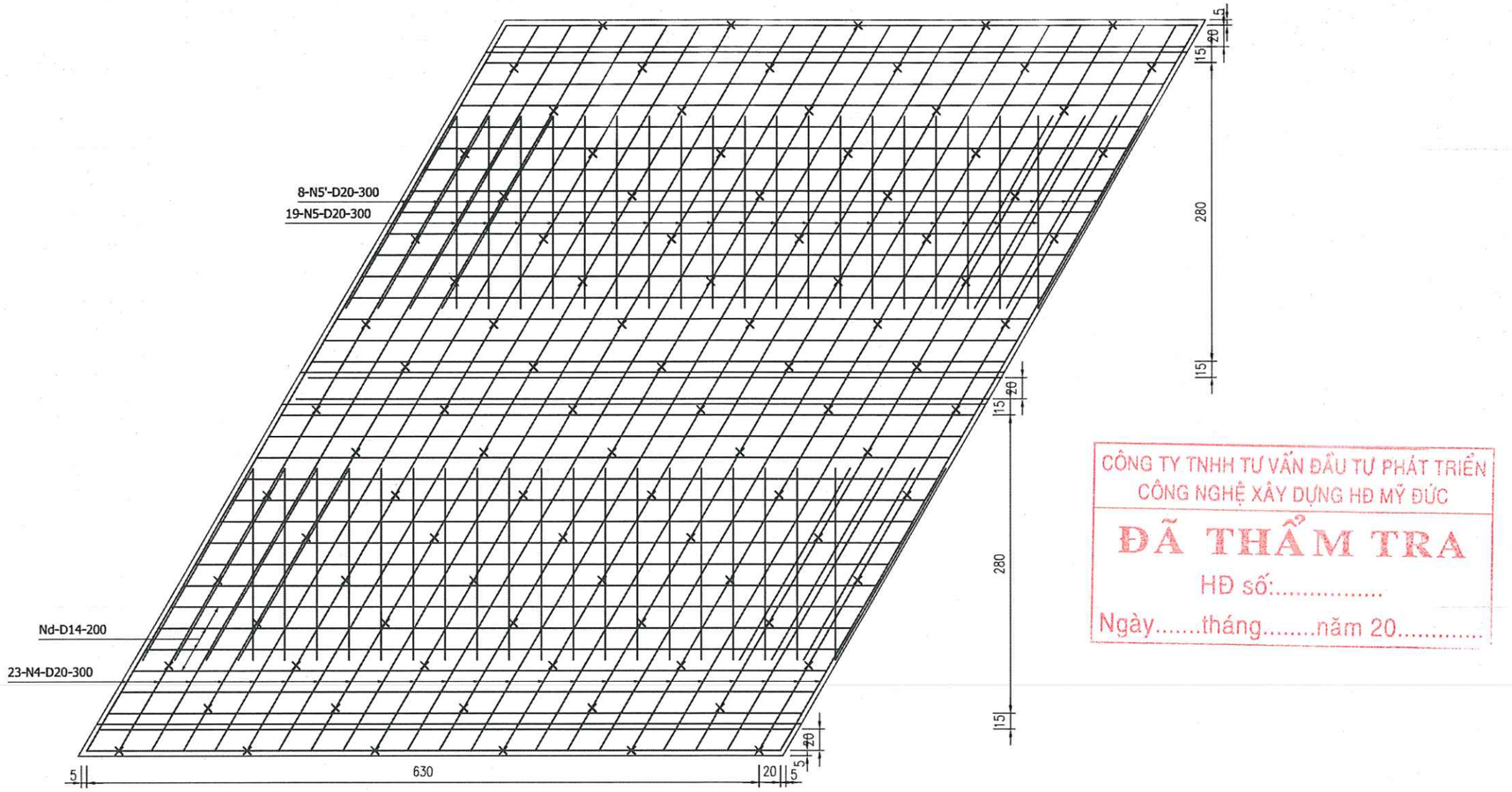

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
văn bản số:...../KT
tháng ..... năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XA LA, TỔ 1 KP, HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281980
P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP CỐNG HỘP 3X3M
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 29/37

LƯỚI THÉP L3 PHÂN ĐOẠN 6.6m TL 1:50

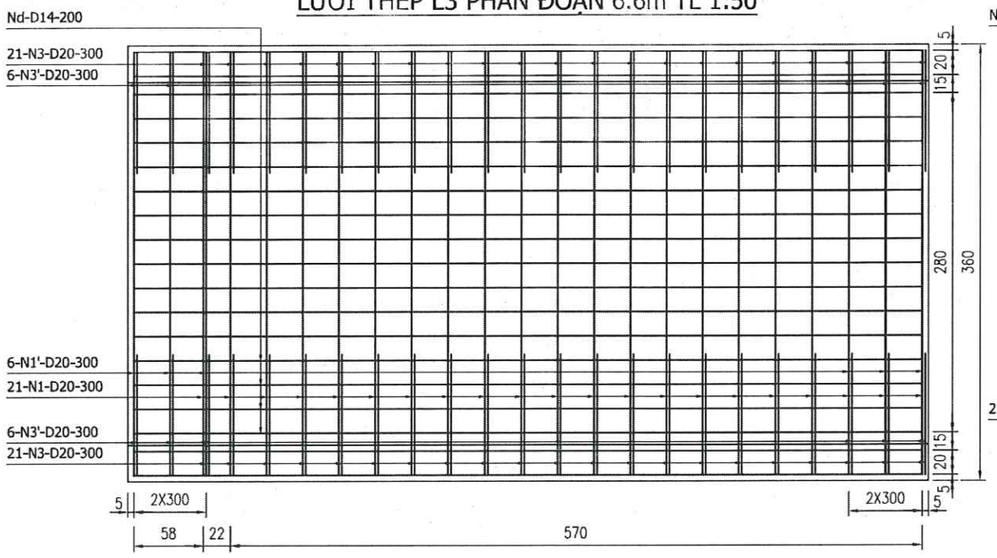

LƯỚI THÉP L5 PHÂN ĐOẠN 6.6m TL 1:50

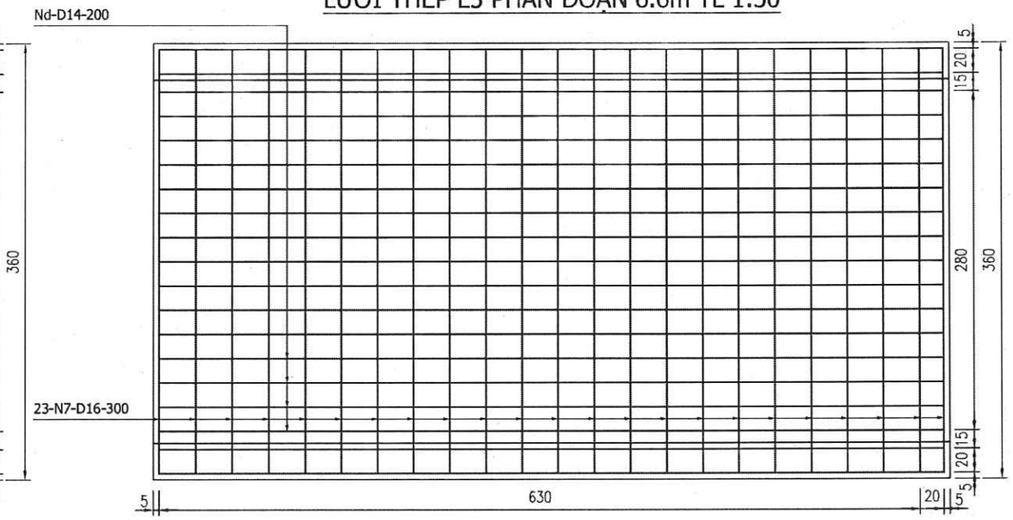

LƯỚI THÉP L4 PHÂN ĐOẠN 6.6m TL 1:50

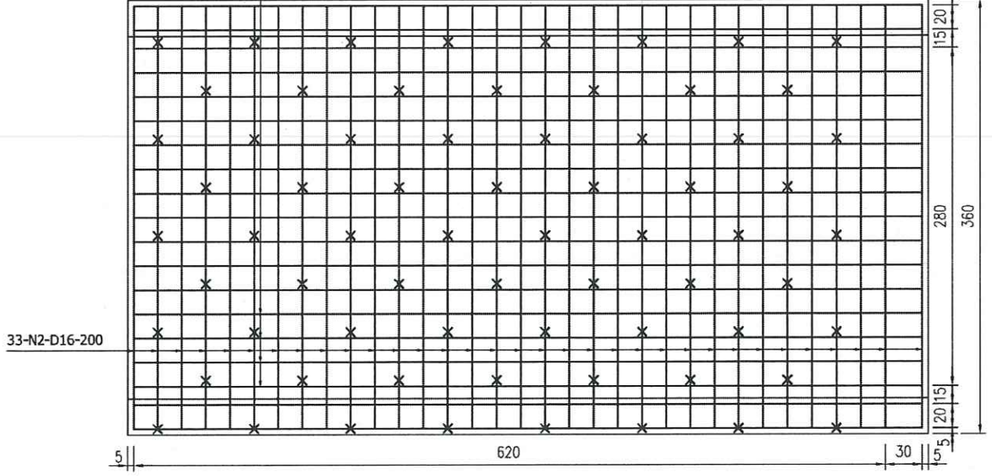

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC

ĐÃ THẨM TRA

HĐ số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

...o văn bản số:...../KT

... tháng ..... năm 20.....

.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

TRUONGSON JSC

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:

NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:

ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:

CỐT THÉP CỐNG HỘP 3X3M

CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 30/37

ĐẦU CỐNG TL 1:40

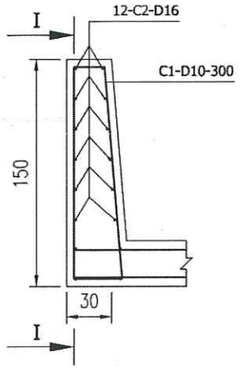

CHÂN KHAY ĐẦU TL 1:40

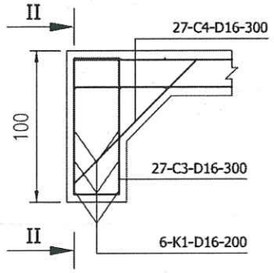

MẶT CẮT I-I TL 1:40

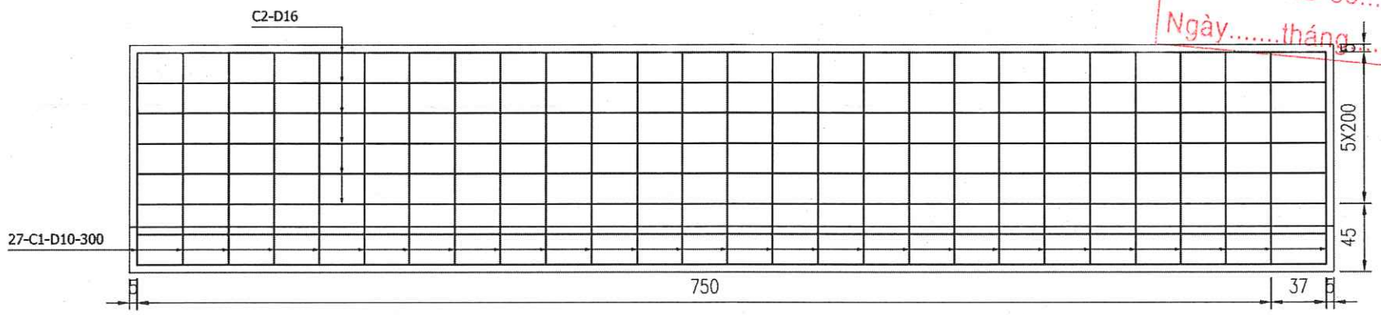

MẶT CẮT II-II TL 1:40

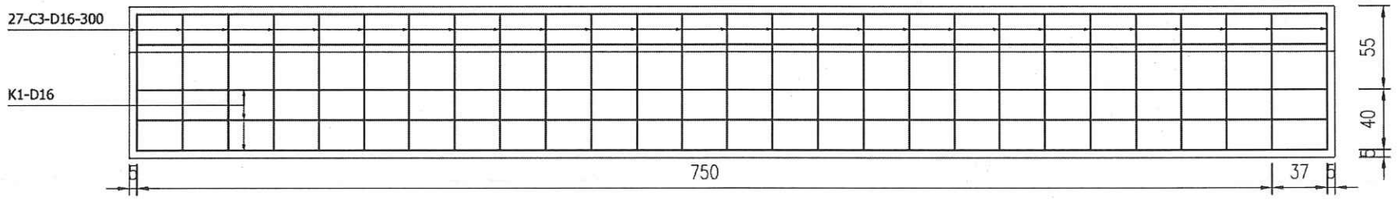

K1-D16-L=7867

C2-D16-L=6800

C4-D16-L=1559

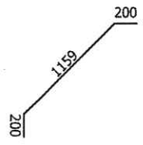

C3-D16-L=2600

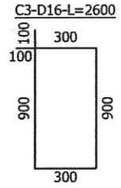

C1-D10-L=3722

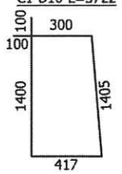

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	TÊN THANH	ĐƯỜNG KÍNH	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ THANH (thanh)	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)	KHỐI LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
	Đầu cống						381.54
1	C1	10	3722	54	200.99	0.617	124.01
2	C2	16	6800	24	163.2	1.578	257.53
	Chân khay						503.37
1	K1	16	7867	12	94.4	1.578	148.97
2	C3	16	2600	54	140.4	1.578	221.55
3	C4	16	1559	54	84.19	1.578	132.85

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281988

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP CỐNG HỘP 3X3M
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 31/37

MẶT BẰNG TƯỜNG CÁNH SÂN CỐNG TL 1:50

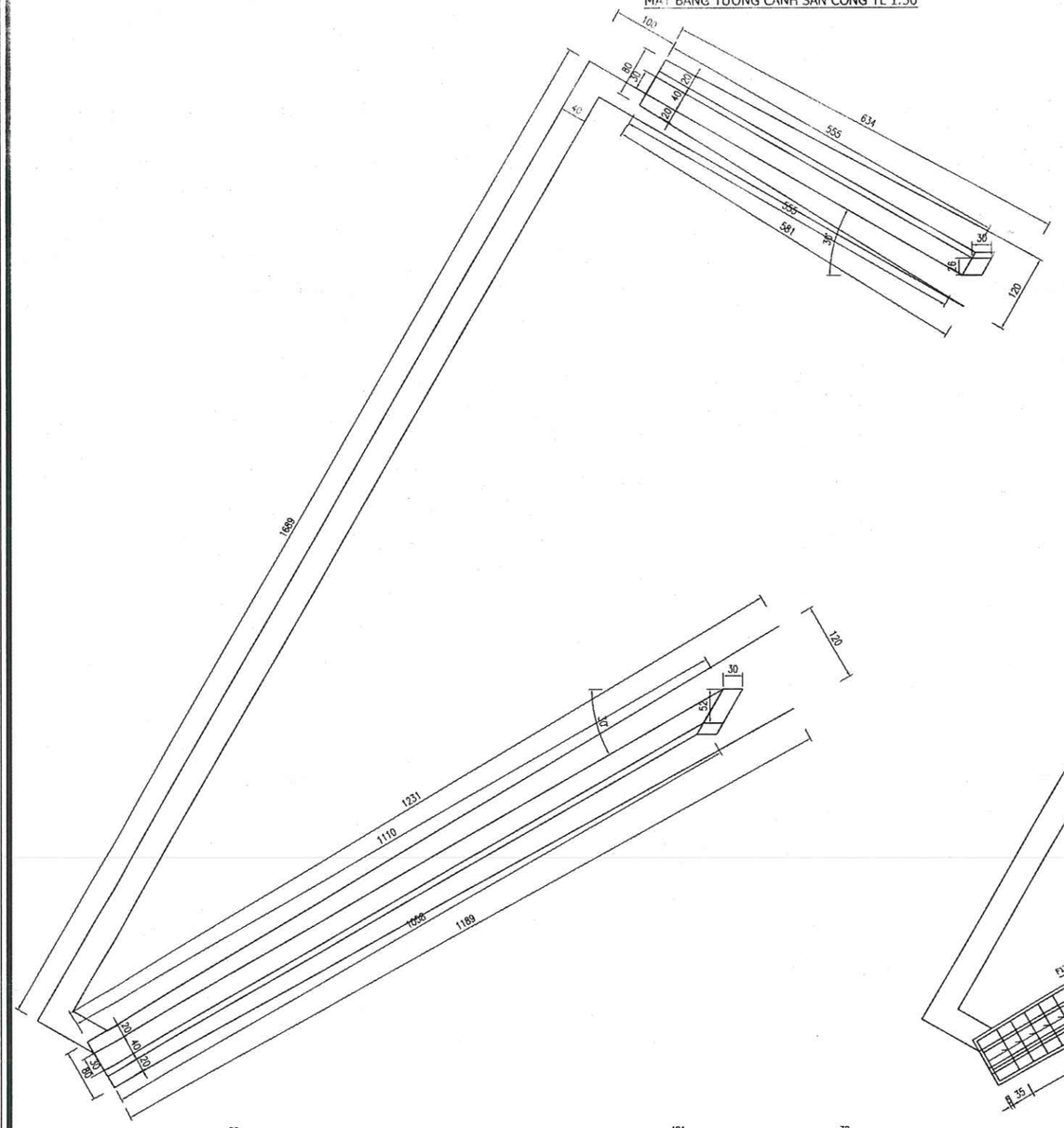

MẶT BẰNG THÉP TƯỜNG CÁNH TL 1:50

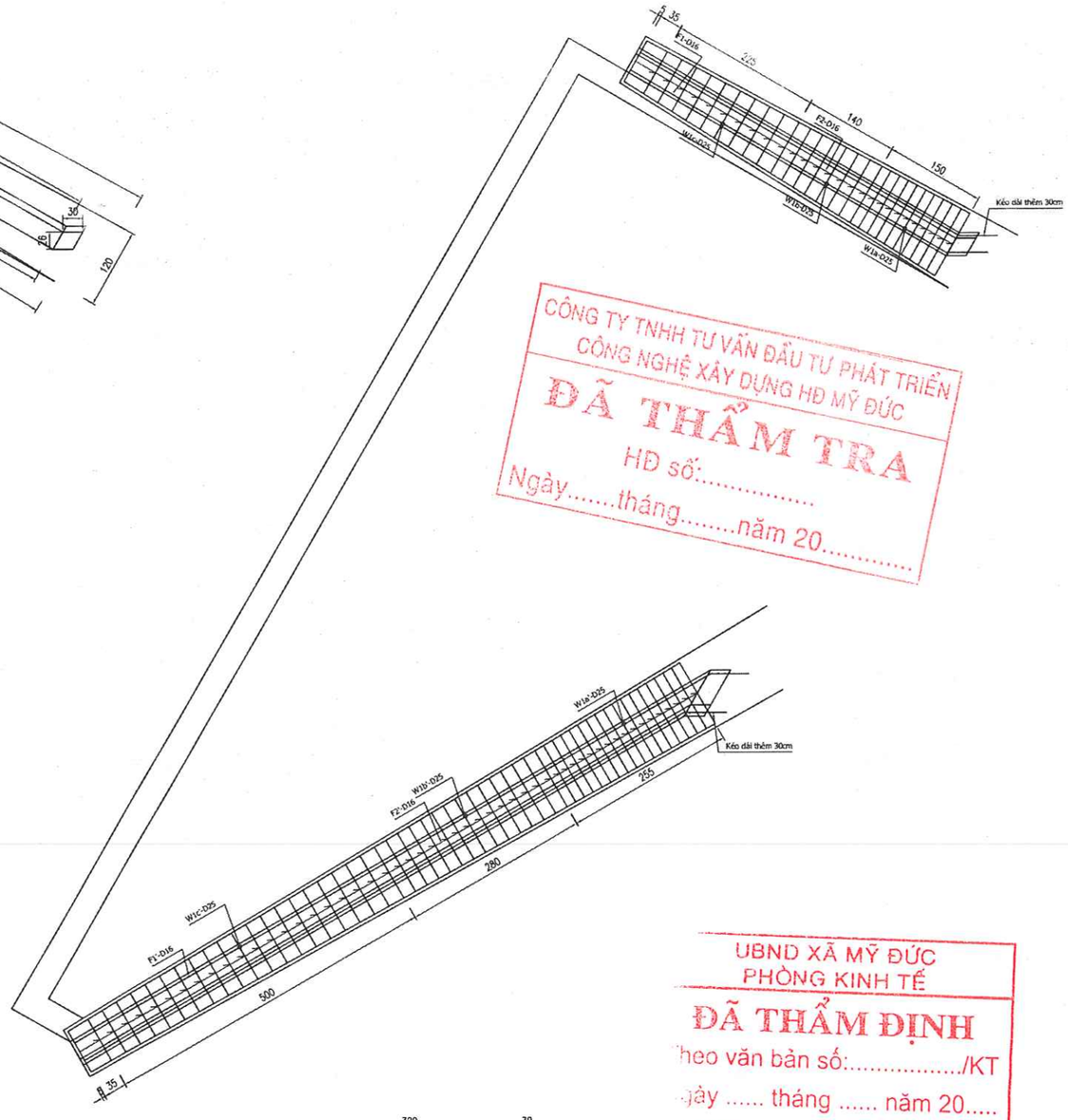

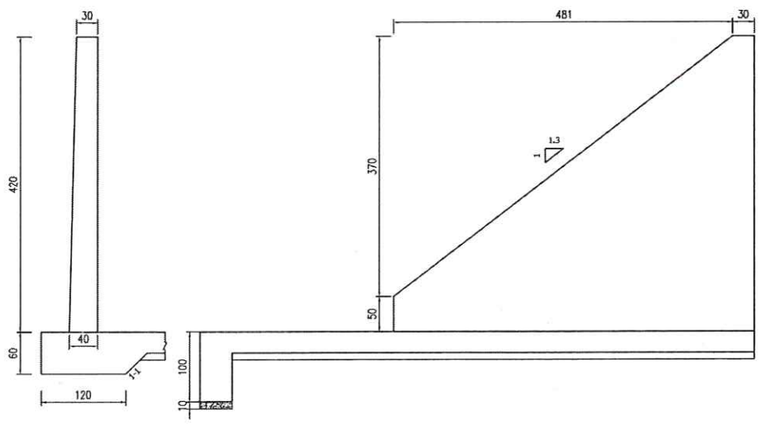

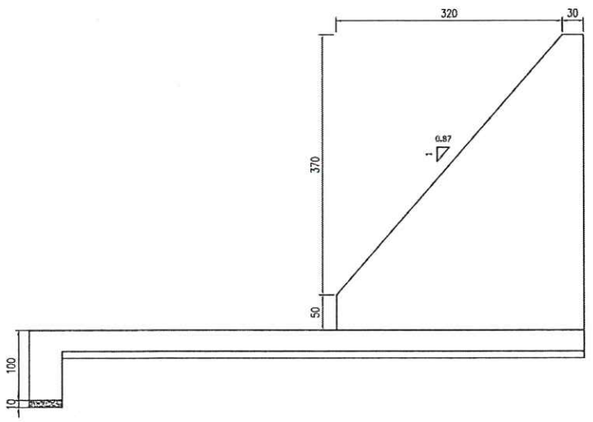

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÊN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ X2A1, TỔ 14, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281980

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP TƯỜNG CÁNH THƯỢNG LƯU
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 32/37

MẶT CẮT B-B TL 1:50

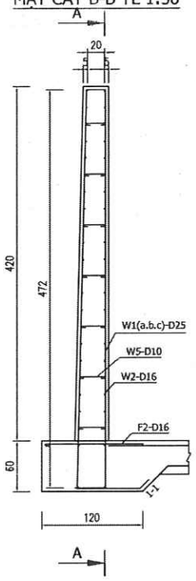

MẶT CẮT A-A TL 1:50

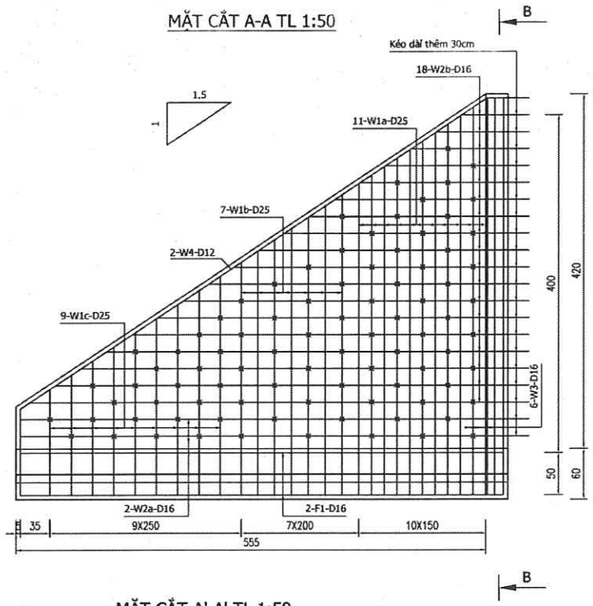

MẶT CẮT B'-B' TL 1:50

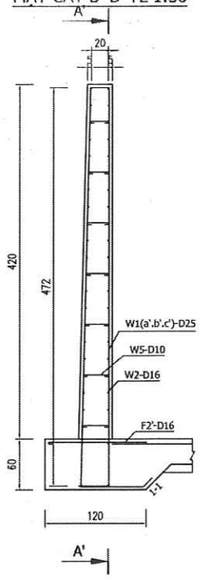

MẶT CẮT A'-A' TL 1:50

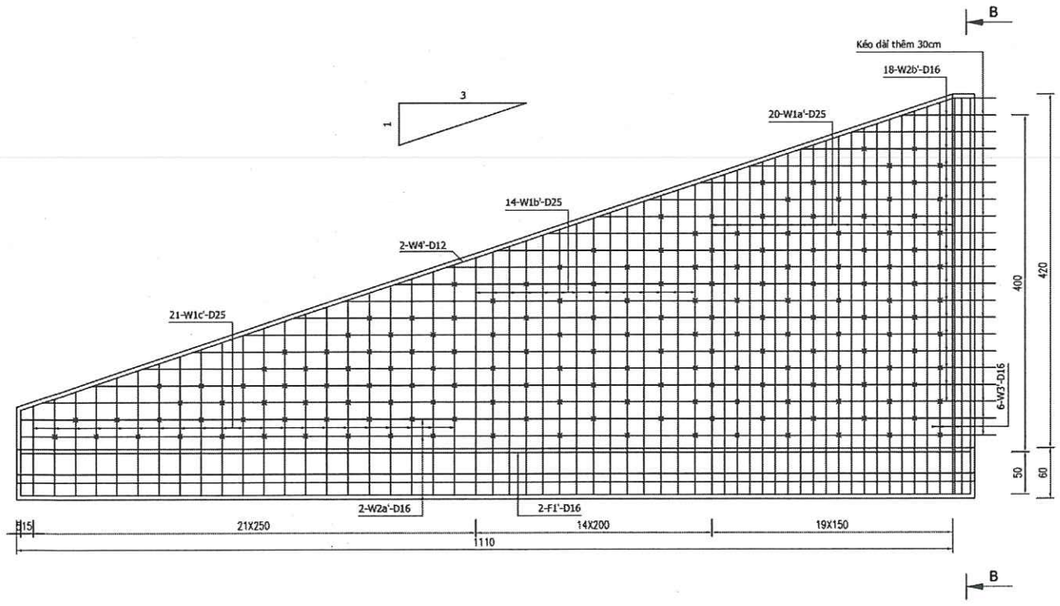

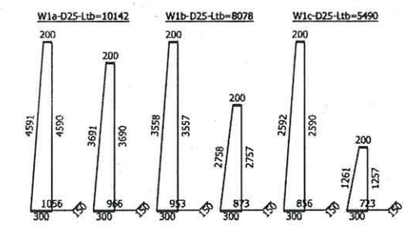

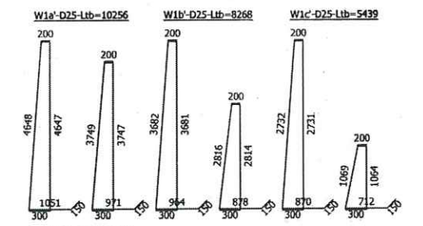

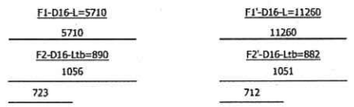

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	Tên thanh	Đường kính	Chiều dài (mm)	Số thanh (thanh)	Chiều dài Tổng cộng (m)	Khối lượng Đơn vị (kg/m)	Khối lượng Tổng cộng (kg)
1	W1a	25	10142	10	101.42	3.853	390.77
2	W1b	25	8078	7	56.546	3.853	217.87
3	W1c	25	5489.5	9	49.4055	3.853	190.36
4	W2a	16	12620	2	25.24	1.578	39.83
5	W2b	16	7190	18	129.42	1.578	204.22
6	W3	16	4700	3	14.1	1.578	22.25
7	W4	12	8095	2	16.19	0.888	14.38
8	W5	10	479.5	263	126.1085	0.617	77.81
9	W1a'	25	10256.5	19	194.8735	3.853	750.85
10	W1b'	25	8267.5	14	115.745	3.853	445.97
11	W1c'	25	5439	21	114.219	3.853	440.09
12	W2a'	16	23720	2	47.44	1.578	74.86
13	W2b'	16	12904	18	232.272	1.578	366.53
14	W3'	16	4700	3	14.1	1.578	22.25
15	W4'	12	13123	2	26.246	0.888	23.31
16	F1	16	5710	5	28.55	1.578	45.05
17	F1'	16	11260	5	56.3	1.578	88.84
18	F2	16	889.5	26	23.127	1.578	36.49
19	F2'	16	881.5	51	44.9565	1.578	70.94

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: /KT
Ngày tháng năm 20
V/v:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU ĐỊCH VỌNG, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP TƯỜNG CÁNH THƯỢNG LƯU
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 33/37

MẶT CẮT A-A TL 1:50
(KHÔNG THỂ HIỆN THANH A3)

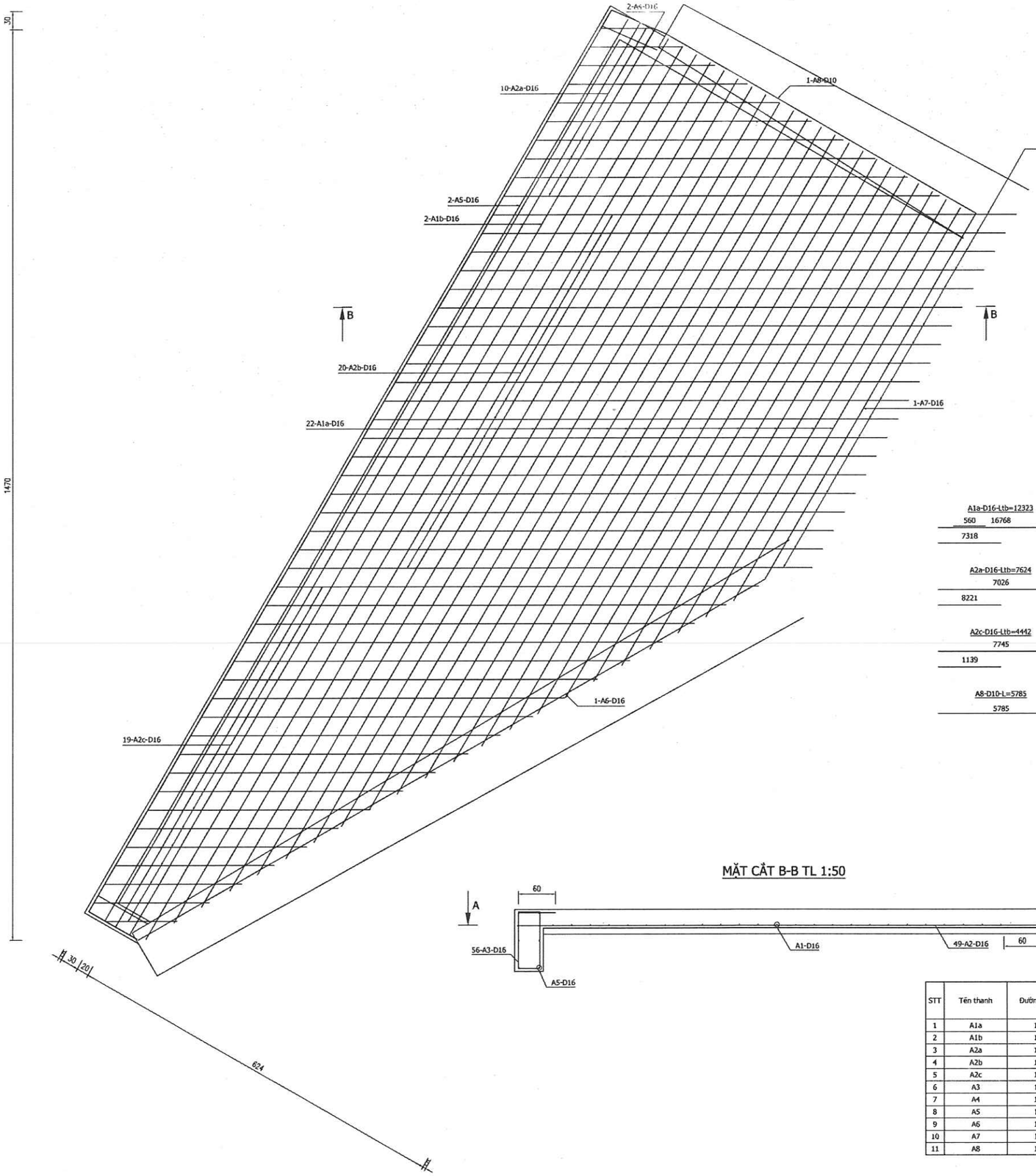

A1a-D16-Ltb=12323
560 16768
7318

A1b-D16-L=17427
560 16867

A4-D16-L=955
955

A2a-D16-Ltb=7624
7026
8221

A2b-D16-L=8434
8434

A5-D16-L=17347
560 16787

A2c-D16-Ltb=4442
7745
1139

A3-D16-L=3092
600
900
346

A6-D16-L=11627
11627

A8-D10-L=5785
5785

A7-D16-L=6818
6818

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

MẶT CẮT B-B TL 1:50

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	Tên thanh	Đường kính	Chiều dài (mm)	Số thanh (thanh)	Chiều dài Tổng cộng (m)	Khối lượng Đơn vị (kg/m)	Khối lượng Tổng cộng (kg)
1	A1a	16	12323	22	271.106	1.578	427.81
2	A1b	16	17427	2	34.854	1.578	55
3	A2a	16	7623.5	10	76.235	1.578	120.3
4	A2b	16	8434	20	168.68	1.578	266.18
5	A2c	16	4442	19	84.398	1.578	133.18
6	A3	16	3092	56	173.152	1.578	273.23
7	A4	16	955	4	3.82	1.578	6.03
8	A5	16	17347	2	34.694	1.578	54.75
9	A6	16	11627	1	11.627	1.578	18.35
10	A7	16	6818	1	6.818	1.578	10.76
11	A8	10	5785	1	5.785	0.617	3.57

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP TƯỜNG CÁNH THƯỢNG LƯU
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 34/37

MẶT BẰNG TƯỜNG CÁNH SÂN CỐNG TL 1:50

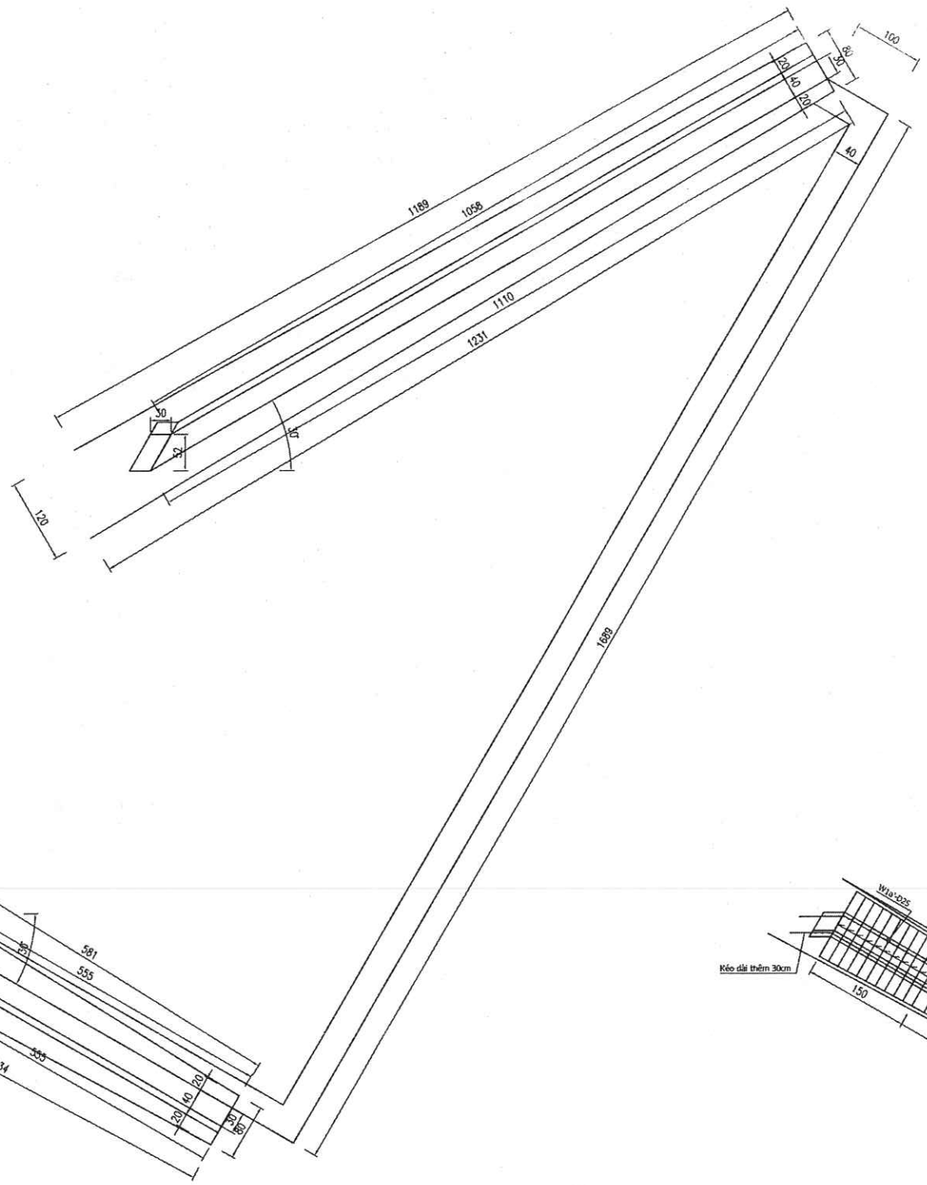

MẶT BẰNG THÉP TƯỜNG CÁNH TL 1:50

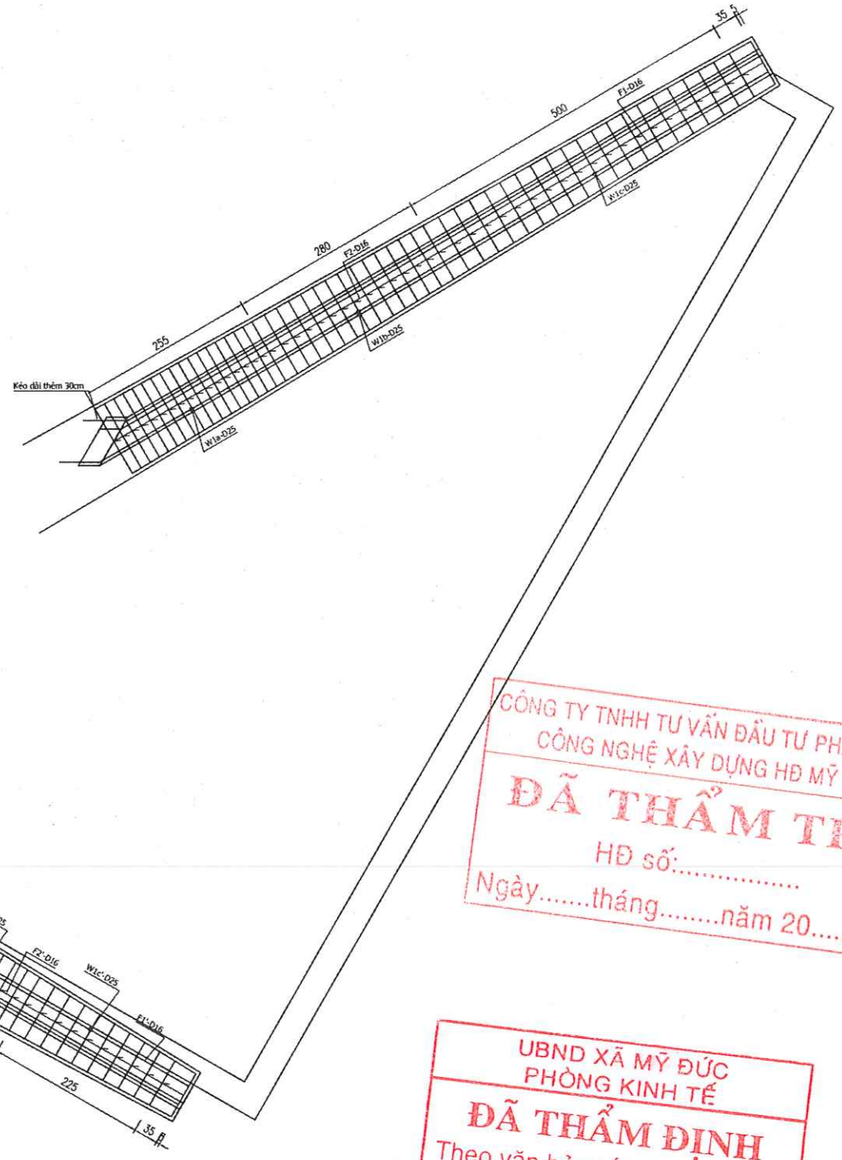

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

GHI CHÚ:
-Kích thước trong bản vẽ ghi mm

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XÃ LẠ, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281860

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP TƯỜNG CÁNH HẠ LƯU
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 35/37

MẶT CẮT B-B TL 1:50

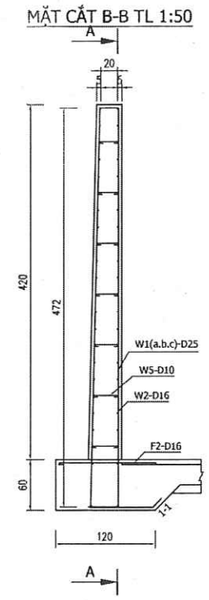

MẶT CẮT A-A TL 1:50

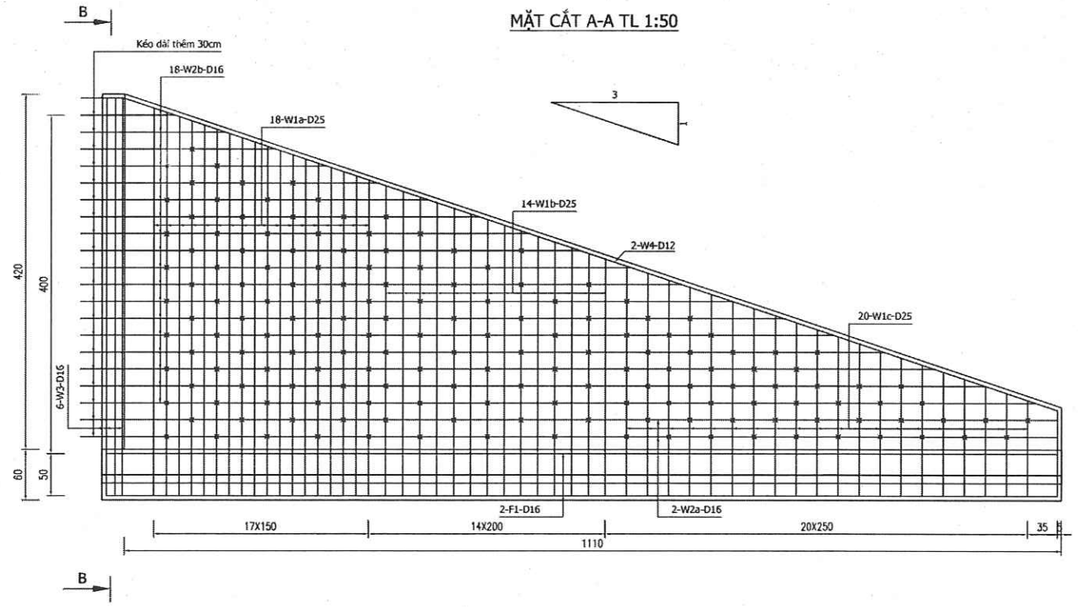

MẶT CẮT B'-B' TL 1:50

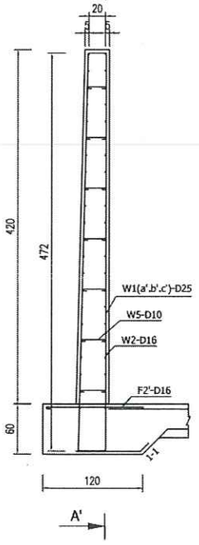

MẶT CẮT A'-A' TL 1:50

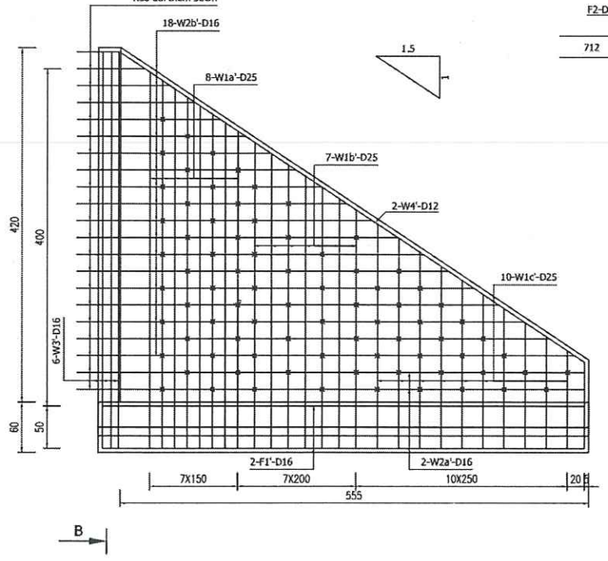

F1-D16-L=11260
11260

F2-D16-Ltb=882
1051
712

F1'-D16-L=5710
5710

F2'-D16-Ltb=890
1056
723

W1a-D25-Ltb=10126

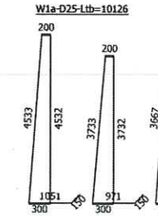

W1b-D25-Ltb=8236

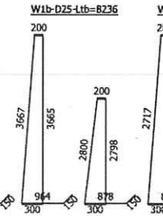

W1c-D25-Ltb=5491

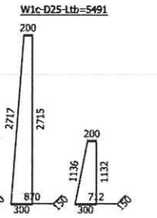

W1a'-D25-Ltb=9980

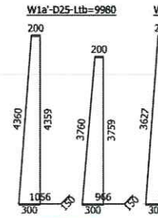

W1b'-D25-Ltb=8216

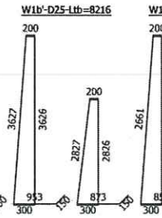

W1c'-D25-Ltb=5460

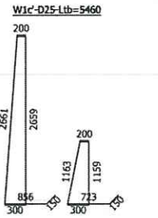

W2a-D16-L=23720

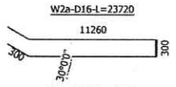

W2b-D16-Ltb=12904

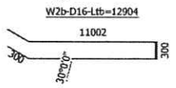

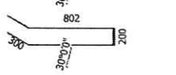

W3-D16-L=4700

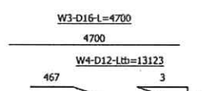

W4-D12-Ltb=13123

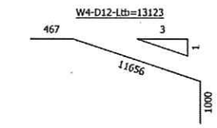

W5-D10-Ltb=480

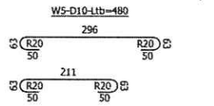

W2a'-D16-L=12620

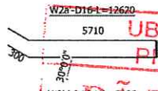

W3'-D16-L=4700

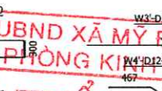

W4'-D12-Ltb=8095

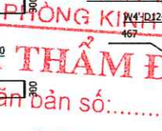

W2b'-D16-Ltb=7190

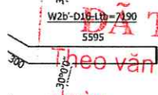

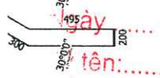

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	Tên thanh	Đường kính	Chiều dài (mm)	Số thanh (thanh)	Chiều dài Tổng cộng (m)	Khối lượng Đơn vị (kg/m)	Khối lượng Tổng cộng (kg)
1	W1a	25	10126	17	172.142	3.853	663.26
2	W1b	25	8236	14	115.304	3.853	444.27
3	W1c	25	5491	20	109.82	3.853	423.14
4	W2a	16	23720	2	47.44	1.578	74.86
5	W2b	16	12904	18	232.272	1.578	366.53
6	W3	16	4700	3	14.1	1.578	22.25
7	W4	12	13123	2	26.246	0.888	23.31
8	W5	10	479.5	246	117.957	0.617	72.78
9	W1a'	25	9980	7	69.86	3.853	269.17
10	W1b'	25	8216	7	57.512	3.853	221.59
11	W1c'	25	5460.5	10	54.605	3.853	210.39
12	W2a'	16	12620	2	25.24	1.578	39.83
13	W2b'	16	7190	18	129.42	1.578	204.22
14	W3'	16	4700	3	14.1	1.578	22.25
15	W4'	12	8095	2	16.19	0.888	14.38
16	F1	16	11260	5	56.3	1.578	88.84
17	F1'	16	5710	5	28.55	1.578	45.05
18	F2	16	881.5	51	44.9565	1.578	70.94
19	F2'	16	889.5	26	23.127	1.578	36.49

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
ngày ..... tháng ..... năm 20.....
tên:.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP TƯỜNG CÁNH HẠ LƯU
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 36/37

MẶT CẮT A-A TL 1:50
(KHÔNG THỂ HIỆN THANH A3)

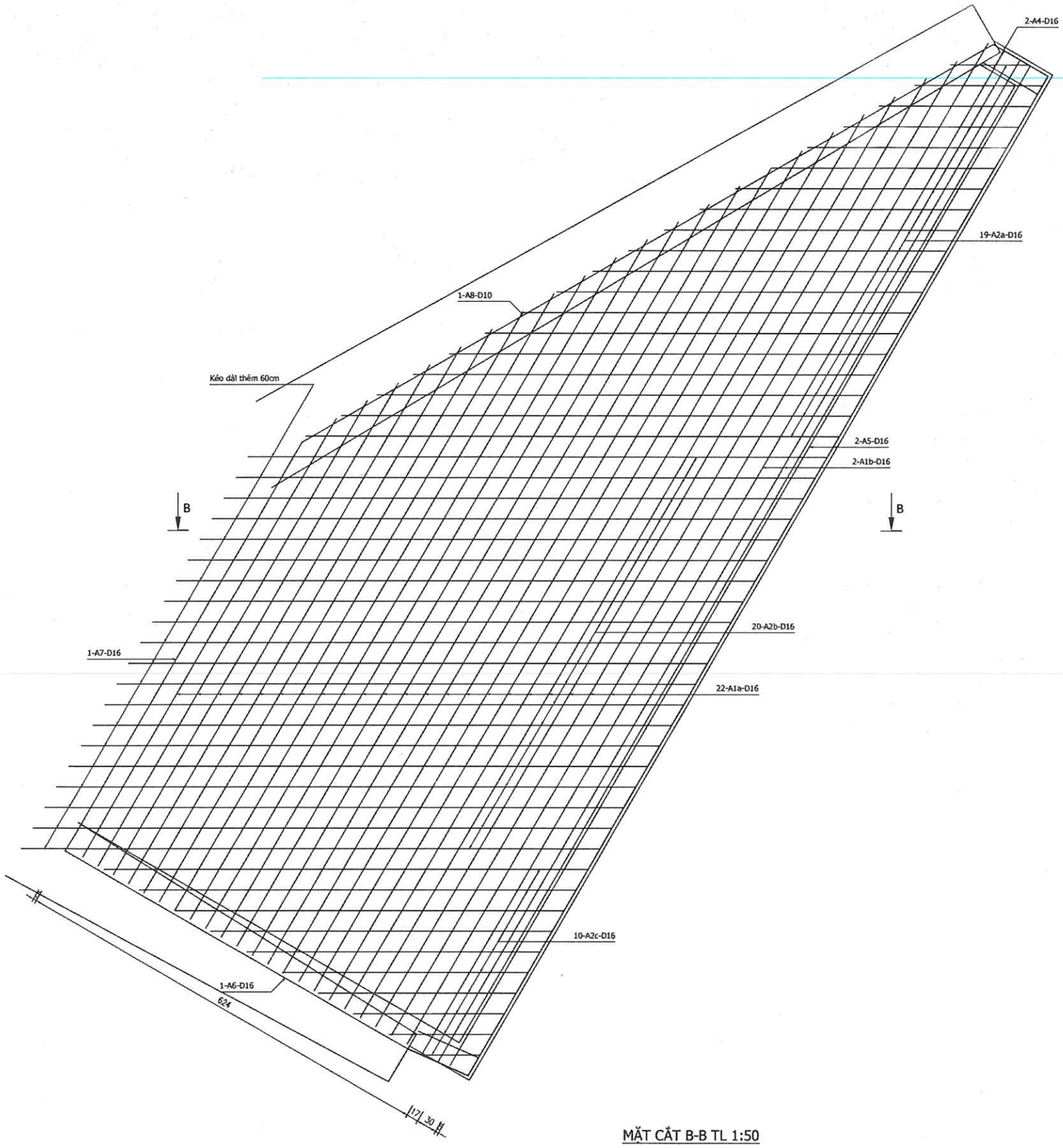

A1a-D16-Ltb=12366
560 16811
7361

A1b-D16-L=17425
560 16865

A4-D16-L=921
921

A2a-D16-Ltb=8370
7744
8995

A2b-D16-L=8406
8406

A5-D16-L=17347
560 16787

A2c-D16-Ltb=3938
7028
847

A3-D16-L=3092
600
900
346

A6-D16-L=5760
5760

A8-D10-L=11577
11577

A7-D16-L=6861
6861

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT CẮT B-B TL 1:50

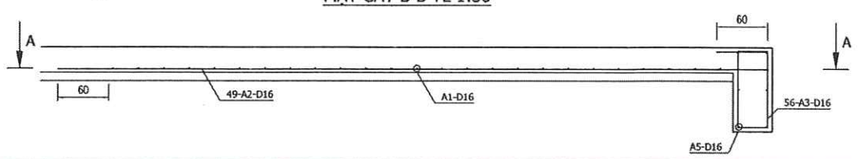

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	Tên thanh	Đường kính	Chiều dài (mm)	Số thanh (thanh)	Chiều dài Tổng cộng (m)	Khối lượng Đơn vị (kg/m)	Khối lượng Tổng cộng (kg)
1	A1a	16	12366	22	272.052	1.578	429.3
2	A1b	16	17425	2	34.85	1.578	54.99
3	A2a	16	8369.5	19	159.0205	1.578	250.93
4	A2b	16	8406	20	168.12	1.578	265.29
5	A2c	16	3937.5	10	39.375	1.578	62.13
6	A3	16	3092	56	173.152	1.578	273.23
7	A4	16	921	4	3.684	1.578	5.81
8	A5	16	17347	2	34.694	1.578	54.75
9	A6	16	5760	1	5.76	1.578	9.09
10	A7	16	6861	1	6.861	1.578	10.83
11	A8	10	11577	1	11.577	0.617	7.14

PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG & ĐÔ THỊ HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số ....../KT
Ngày..... tháng..... năm 20.....
V/v thẩm định.....

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281960

P. GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP TƯỜNG CÁNH HẠ LƯU
CỌC C KM0+810.00

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 37/37

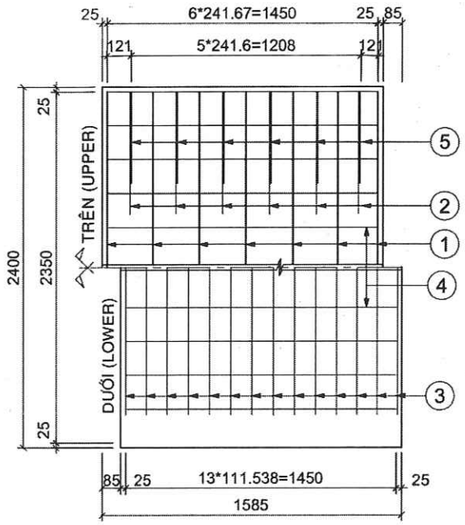

BẢN NẮP (TOP SLAB)

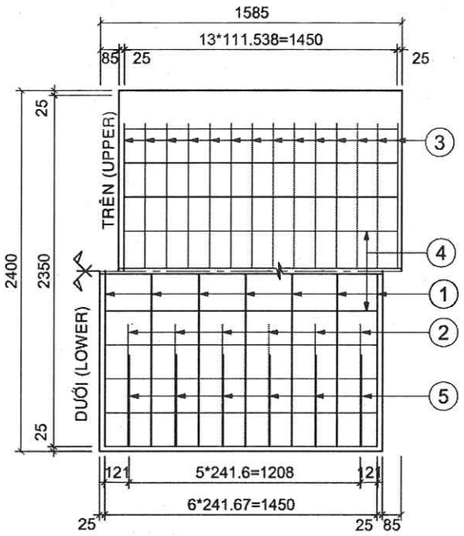

BẢN ĐÁY (BOTTOM SLAB)

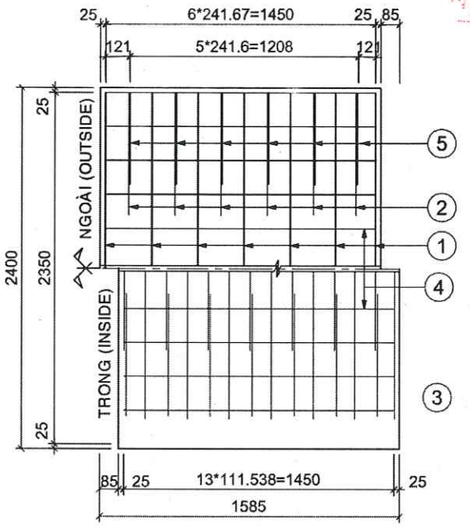

BẢN SƯỜN (SIDE SLAB)

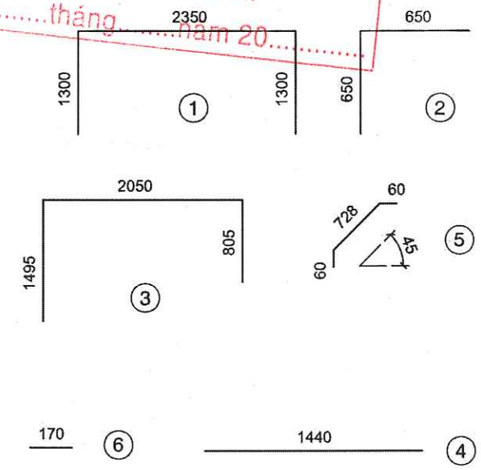

CHI TIẾT CỐT THÉP (REBAR DETAIL)

1/2 CHÍNH DIỆN (1/2 FRONT VIEW)

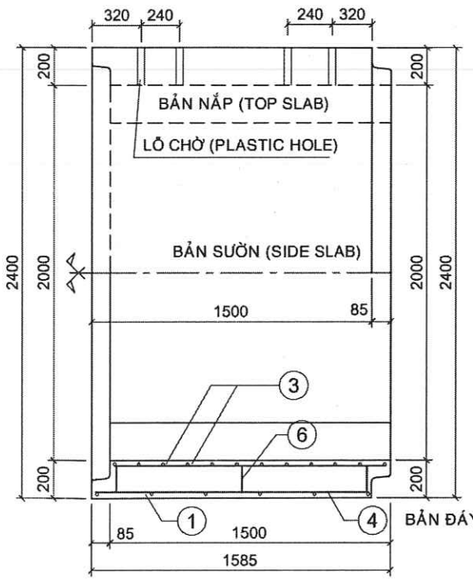

1/2 MẶT CẮT DỌC (1/2 LONG SECTION)

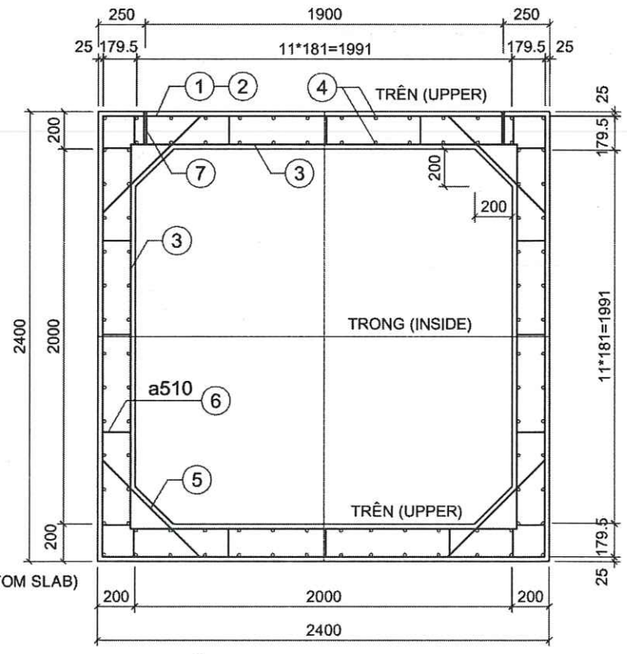

MẶT CẮT NGANG (CROSS SECTION)

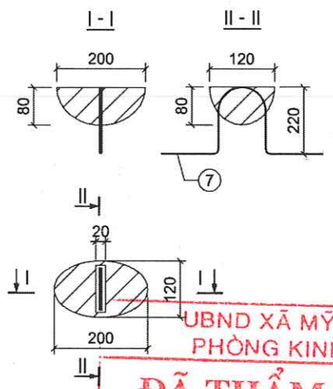

CHI TIẾT MÓC CẨU (LIFTING DETAIL)

MỐI NỐI (JOINT)

THỐNG KÊ VẬT TƯ

1		14		
		24		
		28		

GHI CHÚ (REMARKS):

1- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm (All dimensions are in mm).
2- Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng máy hàn tự động.
(Lap splice of re-bars will be welded by automatic welding machine)
3- Cốt thép kéo nguội có fy = 500MPa.
(The cold-reduced low steel wire has yield strength of 500MPa)
4- Chiều cao đất đắp trên cống 0.5-3m.
(Thickness of back fill soil over Box culvert will be 0.5-3.0 m)
5- Cống đặt dưới đường: Hoạt tải HL93.
(Box culvert under road: Live Load HL93)
6- Cống được chế tạo theo công nghệ rung bản.
(RC. Box Culvert will be manufacrured with plant vibration process)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY THÁNG	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU - HẠ TẦNG XÃ MỸ ĐỨC

TÊN CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 136 KHU DỊCH VỤ XALA, TỔ 11, P.HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0912281980

P. GIÁM ĐỐC:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
LÊ VĂN PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
LÊ VĂN PHONG

THIẾT KẾ:
NGỌ VĂN PHONG

KIỂM:
ĐẶNG VĂN HIẾU

TÊN BẢN VẼ:
CỐT THÉP CỐNG HỘP 2X2M

NGÀY HOÀN THÀNH	
TỈ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTC: 19/37

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HẠNG MỤC KÈ TUYẾN SỐ 2

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*Khối lượng*	*Đơn vị*
I	**BỜ VÂY THI CÔNG**			
	Chiều dài bờ vây thi công		*851,7*	
	Diện tích bơm nước thi công		*9595,18*	
1	Chiều dài bờ vây thi công kè	((147+111+508+54,7+31))	851,70	m
2	Khối lượng đắp đất bờ vây	(((147+111+508+54,7+31)) x0,7 x1,5)	894,29	m3
3	Cọc tre đóng bờ vây, L=2,5m, k/c 0.4m/ cọc (2 bên)	10647,5	10.647,50	m
4	Tre làm nẹp bờ vây	(((147+111+508+54,7+31)) x6)	5.110,20	m
5	Phên nứa chắn đất	(((147+111+508+54,7+31)) x2 x1,5)	2.555,10	m2
6	Thép D4 neo cọc tre	26831,7	26.831,70	m
7	Bơm nước phúc vụ thi công dùng máy CV40 (7-42m3/h)	ROUND((9595,18)*1,3/42/7;0)	42,00	ca
8	Phá dỡ bờ vây thi công	((((147+111+508+54,7+31)) x0,7 x1,5))	894,29	m3
II	**KÈ ĐƯỜNG**			
	Đào móng kè		*12.256,13*	*m3*
	Đắp móng kè		*636,87*	*m3*
	Đá hộc xếp khan		*2.410,17*	*m3*
	Xây đá hộc chân khay		*1.037,48*	*m3*
	Trái tuyến		*948,68*	*m3*
	Phải tuyến		*88,80*	*m3*
	Xây đá hộc ốp mái		*2.695,68*	*m3*
	Trái tuyến		*2.471,31*	*m3*
	Phải tuyến		*224,38*	*m3*
	Chiều dài kè ốp mái trái		*854,67*	*m*
	Chiều dài kè ốp mái phải		*80,00*	*m*
	Chiều dài giằng D1		*2.789,34*	*m*
	Số giằng D2		*170,00*	*cấu kiện*
	Số giằng D2A		*27,00*	*cấu kiện*
	Số giằng D2B		*6,00*	*cấu kiện*
	Số giằng D2C		*18,00*	*cấu kiện*
	Số giằng D2D		*8,00*	*cấu kiện*
	Số tầng lọc		*720,00*	*tầng*
	Trái tuyến		*656,00*	*tầng*
	Phải tuyến		*64,00*	*tầng*
	Diện tích ốp mái		*8.985,61*	*m2*
	Trái tuyến		*8.237,69*	*m2*
	Phải tuyến		*747,92*	*m2*
	Chiều dài bố trí gờ chắn bánh		*934,67*	*m*
	Chiều dài xây kè ốp mái (L=10m)		*721,01*	*m*
	Chiều dài xây kè ốp mái (L=9m)		*106,20*	*m*
	Chiều dài xây kè ốp mái (L=2m)		*14,67*	*m*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên.....

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Chiều dài xây kè ốp mái (L=(10-:-9)m)		*66,75*	*m*
	Chiều dài xây kè ốp mái (L=(10-:-2)m)		*26,04*	*m*
	a) Đào đắp			
1	Đào móng kè	Bảng tính khối lượng	12.256,13	m3
2	Đắp trong móng kè K95	Bảng tính khối lượng	636,87	m3
	a) Chây khay			
1	Gia cố cọc tre D8-:D10, L=2,5m, 20 cọc/m2	((854,67+80) x1 x2,5 x20)	46.733,50	m
2	Đệm đá dăm 4x6 dầy 10cm	((854,67+80) x1 x0,1)	93,47	m3
3	Xây đá hộc VXM100	1037,4837	1.037,48	m3
4	Đá hộc xếp khan	Bảng tính khối lượng	2.410,17	m3
	b) Ốp mái			
5	Đệm đá dăm 2x4 dầy 10cm	(8985,605 x0,1)	898,56	m3
6	Xây ốp mái đá hộc VXM100	(2695,6815-170 x0,66-27 x0,59-6 x0,13-18 x0,63-8 x0,4)	2552,20	m3
7	Khe lún bao tải tẩm nhựa đường	183,21	183,21	m2
	c) Giằng kè			
8	SXLD cốt thép d<=10		10.173,43	kg
	Giằng dọc D1	(2789,34 x2,17)	*6.052,87*	
	Giằng ngang D2	(170 x18,92)	*3.216,40*	
	Giằng ngang D2A	(27 x17,06)	*460,62*	
	Giằng ngang D2B	(6 x4,08)	*24,48*	
	Giằng ngang D2C	(18 x18,17)	*327,06*	
	Giằng ngang D2D	(8 x11,5)	*92,00*	
9	SXLD cốt thép d>10		32.301,15	kg
	Giằng dọc D1	(2789,34 x6,32)	*17.628,63*	
	Giằng ngang D2	(170 x67,27)	*11.435,90*	
	Giằng ngang D2A	(27 x60,96)	*1.645,92*	
	Giằng ngang D2B	(6 x16,76)	*100,56*	
	Giằng ngang D2C	(18 x64,11)	*1.153,98*	
	Giằng ngang D2D	(8 x42,02)	*336,16*	
10	Ván khuôn giằng		1.471,76	m2
	Giằng dọc D1	(2789,34 x0,06)	*167,36*	
	Giằng ngang D2	(170 x6)	*1.020,00*	
	Giằng ngang D2A	(27 x5,4)	*145,80*	
	Giằng ngang D2B	(6 x1,2)	*7,20*	
	Giằng ngang D2C	(18 x5,7)	*102,60*	
	Giằng ngang D2D	(8 x3,6)	*28,80*	
11	Bê tông giằng M250, đá 1x2		394,52	m3
	Giằng dọc D1	(2789,34 x0,09)	*251,04*	
	Giằng ngang D2	(170 x0,66)	*112,20*	
	Giằng ngang D2A	(27 x0,59)	*16,04*	
	Giằng ngang D2B	(6 x0,13)	*0,79*	
	Giằng ngang D2C	(18 x0,63)	*11,29*	
	Giằng ngang D2D	(8 x0,4)	*3,17*	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HD số.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

M.S.D.N: 0104944034 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*Khối lượng*	*Đơn vị*
	d) Tầng lọc ngược			
	Số tầng lọc ngược		*720,00*	*tầng*
12	Cát vàng	((0,4 x0,4 x0,4-0,3 x0,3 x0,4) x720)	20,16	m3
13	Đá dăm 1x2	((0,3 x0,3 x0,4-0,2 x0,2 x0,4) x720)	14,40	m3
14	Đá dăm 2x4	(0,2 x0,2 x0,4 x720)	11,52	m3
15	Ống nhựa PVC D100, L=0.70m	(0,7 x720)	504,00	m
	e) Gờ chắn bánh			
	Chiều dài gờ chắn bánh	((854,67+80))	934,67	m
1	Tổng số cấu kiện hộ lan	ROUND(934,67/2;0)+1	468,00	ck
2	Ván khuôn gờ chắn bánh	(468 x(1+0,22) x2 x0,3)	342,58	m2
3	Bê tông gờ chắn bánh M200, đá 1x2	(468 x1 x0,22 x0,3)	30,89	m3
4	Sơ phản quang gờ chắn bánh	(468 x((1+0,22) x2 x0,3+1 x0,3))	482,98	m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG KÈ TUYẾN 2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Tên cọc	Chiều dài	Đào móng kè		Đắp móng kè		Ốp mái kè trái		Đá hộc xếp khan trái		Xây đá hộc chân khay trái		Xây đá hộc ốp mái trái		Ốp mái kè phải		Đá hộc xếp khan phải		Xây đá hộc chân khay phải		Xây đá hộc ốp mái phải	
		DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	L(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	L(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
DT2		15,16		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	4,22		55,45		2,83		42,20		11,90		4,68		12,66		0,00		0,00		0,00		0,00
1		11,12		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	6,9		70,76		4,62		69,00		19,46		7,66		20,70		0,00		0,00		0,00		0,00
2		9,39		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	8,88		77,57		5,95		88,80		25,04		9,86		26,64		0,00		0,00		0,00		0,00
3		8,08		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	11,96		86,53		8,01		119,60		33,73		13,28		35,88		0,00		0,00		0,00		0,00
3A		6,39		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	8,04		110,35		5,39		80,40		22,67		8,92		24,12		0,00		0,00		0,00		0,00
4		21,06		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		334,30		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
5		12,37		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		195,60		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
6		7,19		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	19,91		141,96		13,34		199,10		56,15		22,10		59,73		0,00		0,00		0,00		0,00
TD1		7,07		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	0,09		0,64		0,06		0,90		0,25		0,10		0,27		0,00		0,00		0,00		0,00
7		7,18		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	13,48		94,90		9,03		134,80		38,01		14,96		40,44		0,00		0,00		0,00		0,00
P1		6,90		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	13,57		185,98		9,09		135,70		38,27		15,06		40,71		0,00		0,00		0,00		0,00
TC1		20,51		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	12,95		195,61		8,68		123,03		36,52		14,37		36,91		0,00		0,00		0,00		0,00
8		9,70		0,67		9		2,82		1,11		2,7		0		0		0		0	
	20		188,00		13,40		180,00		56,40		22,20		54,00		0,00		0,00		0,00		0,00
9		9,10		0,67		9		2,82		1,11		2,7		0		0		0		0	
	20		153,50		13,40		180,00		56,40		22,20		54,00		0,00		0,00		0,00		0,00
10		6,25		0,67		9		2,82		1,11		2,7		0		0		0		0	
	20		128,80		13,40		180,00		56,40		22,20		54,00		0,00		0,00		0,00		0,00
11		6,63		0,67		9		2,82		1,11		2,7		0		0		0		0	
	20		301,10		13,40		180,00		56,40		22,20		54,00		0,00		0,00		0,00		0,00
12		23,48		0,67		9		2,82		1,11		2,7		0		0		0		0	
	20		316,90		13,40		190,00		56,40		22,20		57,00		0,00		0,00		0,00		0,00
13		8,21		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		155,00		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
14		7,29		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		154,60		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
15		8,17		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		322,10		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
16		24,04		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		512,30		13,40		190,00		56,40		22,20		57,00		0,00		0,00		0,00		0,00
17		27,19		0,67		9		2,82		1,11		2,7		0		0		0		0	
	20		531,80		13,40		180,00		56,40		22,20		54,00		0,00		0,00		0,00		0,00
18		25,99		0,67		9		2,82		1,11		2,7		0		0		0		0	
	6,2		163,96		4,15		55,80		17,48		6,88		16,74		0,00		0,00		0,00		0,00
TD2		26,90		0,67		9		2,82		1,11		2,7		0		0		0		0	
	13,8		255,37		9,25		131,10		38,92		15,32		39,33		0,00		0,00		0,00		0,00
19		10,11		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số.....KT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ý kiến:.....

M.S.D.N: 0104744034 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

Tên cọc	Chiều dài	Đào móng kè		Đắp móng kè		Óp mái kè trái		Đá hộc xếp khan trái		Xây đá hộc chân khay trái		Xây đá hộc ốp mái trái		Óp mái kè phải		Đá hộc xếp khan phải		Xây đá hộc chân khay phải		Xây đá hộc ốp mái phải	
		DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	L(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	L(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
	7,65		85,26		5,13		76,50		21,57		8,49		22,95		0,00		0,00		0,00		0,00
P2		12,18		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	12,35		124,43		8,27		123,50		34,83		13,71		37,05		0,00		0,00		0,00		0,00
20		7,97		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	9,1		69,62		6,10		91,00		25,66		10,10		27,30		0,00		0,00		0,00		0,00
TC2		7,33		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	10,9		88,07		7,30		109,00		30,74		12,10		32,70		0,00		0,00		0,00		0,00
21		8,83		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		177,20		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
22		8,89		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		221,70		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
23		13,28		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		302,60		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
24		16,98		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	9,68		165,67		6,49		96,80		27,30		10,74		29,04		0,00		0,00		0,00		0,00
TD3		17,25		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	11,33		173,01		7,59		113,30		31,95		12,58		33,99		0,00		0,00		0,00		0,00
P3		13,29		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	11,33		145,87		7,59		113,30		31,95		12,58		33,99		0,00		0,00		0,00		0,00
TC3		12,46		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	7,66		85,95		5,13		76,60		21,60		8,50		22,98		0,00		0,00		0,00		0,00
25		9,98		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		191,80		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
26		9,20		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		182,70		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
27		9,07		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	7,62		68,62		5,11		76,20		21,49		8,46		22,86		0,00		0,00		0,00		0,00
TD4		8,94		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	12,96		108,48		8,68		129,60		36,55		14,39		38,88		0,00		0,00		0,00		0,00
P4		7,80		0,67		10		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	12,96		94,61		8,68		129,60		36,55		14,39		38,88		0,00		0,00		0,00		0,00
TC4		6,80		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	6,46		48,42		4,33		64,60		18,22		7,17		19,38		0,00		0,00		0,00		0,00
28		8,19		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		168,20		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
29		8,63		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		171,70		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
30		8,54		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		280,10		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
31		19,47		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		290,90		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
32		9,62		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	5,67		101,86		3,80		56,70		15,99		6,29		17,01		0,00		0,00		0,00		0,00
TD5		26,31		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	17,04		294,11		11,42		170,40		48,05		18,91		51,12		0,00		0,00		0,00		0,00
P5		8,21		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	17,05		150,13		11,42		170,50		48,08		18,93		51,15		0,00		0,00		0,00		0,00
TC5		9,40		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20,24		279,72		13,56		202,40		57,08		22,47		60,72		0,00		0,00		0,00		0,00
33		18,24		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	
	20		356,90		13,40		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
34		17,45		0,67		10,00		2,82		1,11		3		0		0		0		0	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:...
Ngày.....tháng.....năm 20.....
M.S.D.N: 0104944034 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI
UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

Tên cọc	Chiều dài	Đào móng kè		Đắp móng kè		Óp mái kè trái		Đá hộc xếp khan trái		Xây đá hộc chân khay trái		Xây đá hộc ốp mái trái		Óp mái kè phải		Đá hộc xếp khan phải		Xây đá hộc chân khay phải		Xây đá hộc ốp mái phải	
		DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	L(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	L(m)	DT(m2)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)	DT(m2)	KL(m3)
	20		472,30		20,00		200,00		56,40		22,20		60,00		0,00		0,00		0,00		0,00
35		29,78		1,33		10,00		2,82		1,11		3		10,00		2,82		1,11		3	
	20		584,80		26,60		200,00		56,40		22,20		60,00		200,00		56,40		22,20		60,00
36		28,70		1,33		10,00		2,82		1,11		3		10,00		2,82		1,11		3	
	20		601,00		26,60		200,00		56,40		22,20		60,00		200,00		56,40		22,20		60,00
37		31,40		1,33		10,00		2,82		1,11		3		10,00		2,82		1,11		3	
	10		298,50		13,30		100,00		28,20		11,10		30,00		100,00		28,20		11,10		30,00
A		28,30		1,33		10,00		2,82		1,11		3		10,00		2,82		1,11		3	
	10		377,80		13,30		100,00		28,20		11,10		30,00		100,00		28,20		11,10		30,00
38		47,26		1,33		10,00		2,82		1,11		3		10,00		2,82		1,11		3	
	6,98		322,34		9,28		69,80		19,68		7,75		20,94		69,80		19,68		7,75		20,94
B		45,10		1,33		10,00		2,82		1,11		3		10,00		2,82		1,11		3	
	13,02		329,80		17,32		78,12		36,72		14,45		23,44		78,12		36,72		14,45		23,44
39		5,56		1,33		2,00		2,82		1,11		0,6		2,00		2,82		1,11		0,6	
	14,67		108,92		14,67		29,34		41,37		16,28		8,80		0,00		0,00		0,00		0,00
CT2		9,29		0,67		2,00		2,82		1,11		0,6		0,00		0		1,11		0,6	
Tổng	***854,67***		***12.256,13***		***636,87***		***8.237,69***		***2.410,17***		***948,68***		***2.471,31***		***747,92***		***225,60***		***88,80***		***224,38***

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐNG TUYẾN SỐ 2

STT	*Hạng mục*	*Diễn giải*	*Khối lượng*	*Đơn vị*
I	**CỐNG HỘP 2X2M**			
0	**A. PHẦN CỐNG**			
1	Đào móng cống	Bảng tổng hợp KL	959,02	m3
2	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	Bảng tổng hợp KL	11.877,71	m
3	Đệm đá dăm 2x4	Bảng tổng hợp KL	24,77	m3
4	Ván khuôn móng cống	Bảng tổng hợp KL	21,20	m2
5	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 30cm	Bảng tổng hợp KL	27,57	m3
6	Xây móng đá hộc VXM100	Bảng tổng hợp KL	77,62	m3
7	Xây tường đá hộc VXM100	Bảng tổng hợp KL	36,52	m3
7	Lắp đặt cống hộp 2000x2000, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	Bảng tổng hợp KL	27,00	cấu kiện
8	Đắp đất K95	Bảng tổng hợp KL	681,72	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
9	Đệm đá dăm 2x4	Bảng tổng hợp KL	0,96	m3
10	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	Bảng tổng hợp KL	560,00	m
11	Ván khuôn móng phai điều tiết	Bảng tổng hợp KL	30,24	m2
12	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	11,52	m3
13	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	Bảng tổng hợp KL	127,38	kg
14	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	Bảng tổng hợp KL	500,01	kg
15	Ván khuôn cột	Bảng tổng hợp KL	92,59	m2
16	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	11,43	m3
17	Ván khuôn dầm	Bảng tổng hợp KL	31,32	m2
18	Ván khuôn sàn	Bảng tổng hợp KL	31,05	m2
19	SXLD cốt thép dầm d<=10	Bảng tổng hợp KL	74,22	kg
20	SXLD cốt thép dầm d>10	Bảng tổng hợp KL	275,67	kg
21	SXLD cốt thép sàn d<=10	Bảng tổng hợp KL	455,64	kg
22	Bê tông dầm M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	2,93	m3
23	Bê tông sàn M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	3,21	m3
24	SXL thép hình lan can cầu thang vận hành	Bảng tổng hợp KL	159,30	Kg
25	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	Bảng tổng hợp KL	1.869,42	kg
26	Sơn thép hình	Bảng tổng hợp KL	107,98	m2
27	Vít nâng V3	Bảng tổng hợp KL	3,00	bộ
II	**CỐNG 2X(3X3)M**	Bảng tổng hợp KL		
	A. CỐNG	Bảng tổng hợp KL		
1	Đào móng cống	Bảng tổng hợp KL	113,32	m3
2	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	Bảng tổng hợp KL	13.210,32	m
3	Đệm đá dăm 2x4	Bảng tổng hợp KL	52,84	m3
4	Ván khuôn móng cống	Bảng tổng hợp KL	11,66	m2
5	Bê tông móng cống M150, đá 2x4 dầy 20cm	Bảng tổng hợp KL	21,04	m3
6	SXLD cốt thép đáy cống	Bảng tổng hợp KL	-	0,00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁ
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ Đ
ĐÃ THẨM TR
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

STT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	Bảng tổng hợp KL	*1.276,41*	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	Bảng tổng hợp KL	*1.000,07*	*kg*
7	Ván khuôn đáy cống	Bảng tổng hợp KL	19,90	m2
8	Bê tông bản đáy M300, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	18,86	m3
9	SXLD cốt thép thành cống	Bảng tổng hợp KL	-	0,00
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	Bảng tổng hợp KL	*1.992,71*	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	Bảng tổng hợp KL	*1.283,48*	*kg*
10	Ván khuôn thành cống	Bảng tổng hợp KL	129,36	m2
11	Bê tông thành cống M300, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	20,20	m3
12	Ván khuôn bản mặt cống	Bảng tổng hợp KL	39,60	m2
13	SXLD cốt thép bản mặt cống	Bảng tổng hợp KL	-	kg
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	Bảng tổng hợp KL	-	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	Bảng tổng hợp KL	*725,81*	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	Bảng tổng hợp KL	*1.000,07*	*kg*
14	Bê tông bản mặt cống M300, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	13,66	m3
15	Đắp đất móng cống K95	Bảng tổng hợp KL	99,59	m3
	B. TƯỜNG CÁNH, SÂN THƯỢNG LƯU CỐNG	Bảng tổng hợp KL		
16	SXLD cốt thép tường	Bảng tổng hợp KL		
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	Bảng tổng hợp KL	*77,75*	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	Bảng tổng hợp KL	*1.338,36*	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	Bảng tổng hợp KL	*2.436,13*	*kg*
17	Ván khuôn tường	Bảng tổng hợp KL	85,49	m2
18	Bê tông tường M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	13,27	m3
19	SXLD cốt thép sân thượng lưu	Bảng tổng hợp KL	-	0,00
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	Bảng tổng hợp KL	*3,57*	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	Bảng tổng hợp KL	*1.365,87*	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	Bảng tổng hợp KL	-	*kg*
20	Ván khuôn sân thượng lưu	Bảng tổng hợp KL	16,89	m2
21	Bê tông sân thượng lưu M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	44,12	m3
22	Xây móng đá hộc VXM100	Bảng tổng hợp KL	12,32	m3
	C. TƯỜNG CÁNH, SÂN HẠ LƯU CỐNG	Bảng tổng hợp KL		
23	SXLD cốt thép tường	Bảng tổng hợp KL		
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	Bảng tổng hợp KL	*72,72*	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	Bảng tổng hợp KL	*972,65*	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	Bảng tổng hợp KL	*2.232,03*	*kg*
24	Ván khuôn tường	Bảng tổng hợp KL	85,49	m2
25	Bê tông tường M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	13,27	m3
26	SXLD cốt thép sân thượng lưu	Bảng tổng hợp KL	-	0,00
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	Bảng tổng hợp KL	*7,14*	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	Bảng tổng hợp KL	*1.416,66*	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	Bảng tổng hợp KL	-	*kg*
27	Ván khuôn sân thượng lưu	Bảng tổng hợp KL	16,89	m2
28	Bê tông sân thượng lưu M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	44,12	m3
29	Xây móng đá hộc VXM100	Bảng tổng hợp KL	12,32	m3

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20...
Kết quả:.....

STT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	B. LAN CAN CỔNG	Bảng tổng hợp KL		
16	SXLD thép bản 1300x130x6	Bảng tổng hợp KL	95,52	kg
17	SXLD thép bản 598x168x14	Bảng tổng hợp KL	66,96	kg
18	SXLD thép bản 145x128x6	Bảng tổng hợp KL	6,24	kg
19	SXLD thép bản 123x135x6	Bảng tổng hợp KL	6,24	kg
20	SXLD thép bản D115x7	Bảng tổng hợp KL	2,28	kg
21	SXLD thép bản D90x7	Bảng tổng hợp KL	1,40	kg
22	SXLD ống thép mạ kẽm D90x300x4	Bảng tổng hợp KL	30,60	kg
23	SXLD ống thép mạ kẽm D67,5x300x3	Bảng tổng hợp KL	17,16	kg
24	SXLD thép bản 130x180x6	Bảng tổng hợp KL	13,20	kg
25	SXLD thép bản 390x54x13	Bảng tổng hợp KL	104,40	kg
26	SXLD ống thép mạ kẽm D102x3800x4,2	Bảng tổng hợp KL	160,26	kg
27	SXLD ống thép mạ kẽm D83x3800x3,2	Bảng tổng hợp KL	99,67	kg
28	SXLD bu lông neo U M22x660	Bảng tổng hợp KL	24,00	bộ
	C. PHAI ĐIỀU TIẾT CỔNG	Bảng tổng hợp KL		
28	Đệm đá dăm 2x4	Bảng tổng hợp KL	1,66	m3
29	Ván khuôn móng phai điều tiết	Bảng tổng hợp KL	26,07	m2
30	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	11,63	m3
31	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	Bảng tổng hợp KL	62,39	kg
32	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	Bảng tổng hợp KL	245,22	kg
33	Ván khuôn cột	Bảng tổng hợp KL	30,82	m2
34	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	9,66	m3
35	Ván khuôn dầm	Bảng tổng hợp KL	7,11	m2
36	Ván khuôn sàn	Bảng tổng hợp KL	7,90	m2
37	SXLD cốt thép dầm d<=10	Bảng tổng hợp KL	17,36	kg
38	SXLD cốt thép dầm d>10	Bảng tổng hợp KL	64,72	kg
39	SXLD cốt thép sàn d<=10	Bảng tổng hợp KL	44,03	kg
40	Bê tông dầm M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	0,71	m3
41	Bê tông sàn M200, đá 1x2	Bảng tổng hợp KL	0,71	m3
42	SXLD thép hình lan can an toàn sàn vận hành, thang lên xuống	Bảng tổng hợp KL	102,84	kg
43	Sơn thép hình	Bảng tổng hợp KL	10,23	m2
44	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	Bảng tổng hợp KL	1.703,08	kg
45	Sơn thép hình	Bảng tổng hợp KL	74,29	m2
46	Vít nâng V3	Bảng tổng hợp KL	2,00	bộ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Họ tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 2,0X2,0M

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TT	Hạng mục	Khối lượng			Tổng	Đơn vị
		P2 KM0+367,65	CỌC 29 KM0+600	TC5 KM0+699,76		
	A. PHẦN CỐNG					
1	Đào móng cống	321,57	318,72	318,72	959,02	m3
2	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	3959,24	3959,24	3959,24	11877,71	m
3	Đệm đá dăm 2x4	8,26	8,26	8,26	24,77	m3
4	Ván khuôn móng cống	7,07	7,07	7,07	21,20	m2
5	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 30cm	9,19	9,19	9,19	27,57	m3
6	Xây móng đá hộc VXM100	25,87	25,87	25,87	77,62	m3
7	Xây tường đá hộc VXM100	12,17	12,17	12,17	36,52	m3
7	Lắp đặt cống hộp 2000x2000, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	9,00	9,00	9,00	27,00	cấu kiện
8	Đắp đất K95	229,23	226,24	226,24	681,72	m3
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT	0,00	0,00	0,00	0,00	0
9	Đệm đá dăm 2x4	0,32	0,32	0,32	0,96	m3
10	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	160,00	200,00	200,00	560,00	m
11	Ván khuôn móng phai điều tiết	10,08	10,08	10,08	30,24	m2
12	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	3,84	3,84	3,84	11,52	m3
13	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	42,46	42,46	42,46	127,38	kg
14	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	166,67	166,67	166,67	500,01	kg
15	Ván khuôn cột	30,86	30,86	30,86	92,59	m2
16	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	3,81	3,81	3,81	11,43	m3
17	Ván khuôn dầm	10,44	10,44	10,44	31,32	m2
18	Ván khuôn sàn	10,35	10,35	10,35	31,05	m2
19	SXLD cốt thép dầm d<=10	24,74	24,74	24,74	74,22	kg
20	SXLD cốt thép dầm d>10	91,89	91,89	91,89	275,67	kg
21	SXLD cốt thép sàn d<=10	151,88	151,88	151,88	455,64	kg
22	Bê tông dầm M200, đá 1x2	0,98	0,98	0,98	2,93	m3
23	Bê tông sàn M200, đá 1x2	1,07	1,07	1,07	3,21	m3
24	SXL thép hình lan can cầu thang vận hành	53,10	53,10	53,10	159,30	Kg
25	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	623,14	623,14	623,14	1869,42	kg
26	Sơn thép hình	35,99	35,99	35,99	107,98	m2
27	Vít nâng V3	1,00	1,00	1,00	3,00	bộ

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 2X2M CỌC P2 KM0+367,65

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
Hồ sơ:.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Chiều dài cống		*13,58*	*m*
	Chiều dài kè đầu cống			*m*
	+ Chiều dài kè thượng lưu		*6,76*	*m*
	+ Chiều dài kè hạ lưu		*9,26*	*m*
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	(13,58 x23,68)	321,57	m3
2	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	((2,93 x(5,38+2) x0,5+11,78 x2,6+(3,38 x2) x1,35+(2,8+0,4 x2) x1,4+2 x3,23 x(1,4+0,9) x0,5+16,15) x2,5 x20)	3959,24	m
3	Đệm đá dăm 2x4	((2,93 x(5,38+2) x0,5+11,78 x2,6+(2,8+3,23 x2) x1,35+(2,8+0,4 x2) x1,4+2 x3,23 x(1,4+0,9) x0,5+16,15) x0,1)	8,26	m3
4	Ván khuôn móng cống	(11,78 x2 x0,3)	7,07	m2
5	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 30cm	(11,78 x2,6 x0,3)	9,19	m3
6	Xây móng đá hộc VXM100	(2,93 x(5,38+2) x0,5 x0,3+(3,38 x2) x0,81+(2,8+0,4 x2) x1,26+2 x3,23 x(1,26+0,81) x0,5+16,15 x0,3+1,81 x0,6)	25,87	m3
7	Xây tường đá hộc VXM100	((3,38 x2) x(0+1,48) x0,5+2,8 x2,4 x(0,4+1) x0,5-1 x0,75 x2,4 x2,4+2 x0,4 x1,54+2 x3,23 x(1,54+0,18) x0,5)	12,17	m3
7	Lắp đặt cống hộp 2000x2000, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	9	9,00	cấu kiện
8	Đắp đất K95	229,2304	229,23	m3
	Móng cống	(13,58 x16,88)	*229,23*	
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
9	Đệm đá dăm 2x4	(1 x3,2 x0,1)	0,32	m3
10	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	(3,2 x1 x2,5 x20)	160,00	m
11	Ván khuôn móng phai điều tiết	((1+3,2) x2 x1,2)	10,08	m2
12	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	(1 x3,2 x1,2)	3,84	m3
13	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	42,46	42,46	kg
14	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	166,67	166,67	kg
15	Ván khuôn cột	((2 x(0,6 x4+0,06 x2) x4,6+2 x0,3 x4 x3,2))	30,86	m2
16	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	((2 x(0,6 x0,6-0,14 x0,06) x4,6+2 x0,3 x0,3 x3,2))	3,81	m3
17	Ván khuôn dầm	(2 x0,9 x(0,3+2 x(0,15+0,3) x0,5)+1 x2,9 x0,3 x3+2 x3,6 x0,3 x3)	10,44	m2
18	Ván khuôn sàn	(0,9 x2,3+3,6 x2,3)	10,35	m2
19	SXLD cốt thép dầm d<=10	24,74	24,74	kg
20	SXLD cốt thép dầm d>10	91,89	91,89	kg
21	SXLD cốt thép sàn d<=10	151,88	151,88	kg
22	Bê tông dầm M200, đá 1x2	(2 x3,6 x0,3 x0,3+1 x2,3 x0,3 x0,3+2 x0,9 x(0,15+0,3) x0,5 x0,3)	0,98	m3
23	Bê tông sàn M200, đá 1x2	(3,75 x2,3 x0,1+2,3 x0,9 x0,1)	1,07	m3

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
24	SXL thép hình lan can cầu thang vận hành	53,1	53,10	Kg
25	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	623,14	623,14	kg
26	Sơn thép hình	35,9941	35,99	m2
	Thép CH140x15	(8,84 x(0,14+0,06) x2)	3,54	
	Thép V50x50x5	((2 x0,05 x4))	0,40	
	Thép tấm 3300x2096x5	((2 x3,3 x2,1))	13,83	
	Thép L100x65x7	(21,27 x(0,1+0,06) x2)	7,02	
	Thép L75x50x6	(20,38 x(0,08+0,05) x2)	5,10	
	Thép hộp 80x40x1.2	(11,22 x(0,08+0,04) x2)	2,69	
	Thép hộp 60x60x1.2	(10,64 x0,06 x4)	2,55	
	Thép hộp 30x30x1.2	(7,2 x0,03 x4)	0,86	
27	Vít nâng V3		1,00	bộ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TI
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 2X2M CỌC 29 KM0+600

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Chiều dài cống		*13,58*	*m*
	Chiều dài kè đầu cống			*m*
	+ Chiều dài kè thượng lưu		*6,76*	*m*
	+ Chiều dài kè hạ lưu		*9,26*	*m*
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	(13,58 x23,47)	318,72	m3
2	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	((2,93 x(5,38+2) x0,5+11,78 x2,6+(3,38 x2) x1,35+(2,8+0,4 x2) x1,4+2 x3,23 x(1,4+0,9) x0,5+16,15) x2,5 x20)	3959,24	m
3	Đệm đá dăm 2x4	((2,93 x(5,38+2) x0,5+11,78 x2,6+(2,8+3,23 x2) x1,35+(2,8+0,4 x2) x1,4+2 x3,23 x(1,4+0,9) x0,5+16,15) x0,1)	8,26	m3
4	Ván khuôn móng cống	(11,78 x2 x0,3)	7,07	m2
5	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 30cm	(11,78 x2,6 x0,3)	9,19	m3
6	Xây móng đá hộc VXM100	(2,93 x(5,38+2) x0,5 x0,3+(3,38 x2) x0,81+(2,8+0,4 x2) x1,26+2 x3,23 x(1,26+0,81) x0,5+16,15 x0,3+1,81 x0,6)	25,87	m3
7	Xây tường đá hộc VXM100	((3,38 x2) x(0+1,48) x0,5+2,8 x2,4 x(0,4+1) x0,5-1 x0,75 x2,4 x2,4+2 x0,4 x1,54+2 x3,23 x(1,54+0,18) x0,5)	12,17	m3
7	Lắp đặt cống hộp 2000x2000, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	9	9,00	cấu kiện
8	Đắp đất K95	226,2428	226,24	m3
	Móng cống	(13,58 x16,66)	*226,24*	
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
9	Đệm đá dăm 2x4	(1 x3,2 x0,1)	0,32	m3
10	Gia cố cọc tre L=2,5m, 25 cọc /m2	(3,2 x1 x2,5 x25)	200,00	m
11	Ván khuôn móng phai điều tiết	((1+3,2) x2 x1,2)	10,08	m2
12	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	(1 x3,2 x1,2)	3,84	m3
13	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	42,46	42,46	kg
14	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	166,67	166,67	kg
15	Ván khuôn cột	((2 x(0,6 x4+0,06 x2) x4,6+2 x0,3 x4 x3,2))	30,86	m2
16	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	((2 x(0,6 x0,6-0,14 x0,06) x4,6+2 x0,3 x0,3 x3,2))	3,81	m3
17	Ván khuôn dầm	(2 x0,9 x(0,3+2 x(0,15+0,3) x0,5)+1 x2,9 x0,3 x3+2 x3,6 x0,3 x3)	10,44	m2
18	Ván khuôn sàn	(0,9 x2,3+3,6 x2,3)	10,35	m2
19	SXLD cốt thép dầm d<=10	24,74	24,74	kg
20	SXLD cốt thép dầm d>10	91,89	91,89	kg
21	SXLD cốt thép sàn d<=10	151,88	151,88	kg
22	Bê tông dầm M200, đá 1x2	(2 x3,6 x0,3 x0,3+1 x2,3 x0,3 x0,3+2 x0,9 x(0,15+0,3) x0,5 x0,3)	0,98	m3

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Gồm:.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
23	Bê tông sàn M200, đá 1x2	(3,75 x2,3 x0,1+2,3 x0,9 x0,1)	1,07	m3
24	SXL thép hình lan can cầu thang vận hành	53,1	53,10	Kg
25	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	623,14	623,14	kg
26	Sơn thép hình	35,9941	35,99	m2
	Thép CH140x15	(8,84 x(0,14+0,06) x2)	3,54	
	Thép V50x50x5	((2 x0,05 x4))	0,40	
	Thép tấm 3300x2096x5	((2 x3,3 x2,1))	13,83	
	Thép L100x65x7	(21,27 x(0,1+0,06) x2)	7,02	
	Thép L75x50x6	(20,38 x(0,08+0,05) x2)	5,10	
	Thép hộp 80x40x1.2	(11,22 x(0,08+0,04) x2)	2,69	
	Thép hộp 60x60x1.2	(10,64 x0,06 x4)	2,55	
	Thép hộp 30x30x1.2	(7,2 x0,03 x4)	0,86	
27	Vít nâng V3		1,00	bộ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRI
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 2X2M CỌC TC5 KM0+699,76

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
	Chiều dài cống		*13,58*	*m*
	Chiều dài kè đầu cống			*m*
	+ Chiều dài kè thượng lưu		*6,76*	*m*
	+ Chiều dài kè hạ lưu		*9,26*	*m*
	A. PHẦN CỐNG			
1	Đào móng cống	(13,58 x23,47)	318,72	m3
2	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	((2,93 x(5,38+2) x0,5+11,78 x2,6+(3,38 x2) x1,35+(2,8+0,4 x2) x1,4+2 x3,23 x(1,4+0,9) x0,5+16,15) x2,5 x20)	3959,24	m
3	Đệm đá dăm 2x4	((2,93 x(5,38+2) x0,5+11,78 x2,6+(2,8+3,23 x2) x1,35+(2,8+0,4 x2) x1,4+2 x3,23 x(1,4+0,9) x0,5+16,15) x0,1)	8,26	m3
4	Ván khuôn móng cống	(11,78 x2 x0,3)	7,07	m2
5	Bê tông móng cống M150, đá 2x4, dầy 30cm	(11,78 x2,6 x0,3)	9,19	m3
6	Xây móng đá hộc VXM100	(2,93 x(5,38+2) x0,5 x0,3+(3,38 x2) x0,81+(2,8+0,4 x2) x1,26+2 x3,23 x(1,26+0,81) x0,5+16,15 x0,3+1,81 x0,6)	25,87	m3
7	Xây tường đá hộc VXM100	((3,38 x2) x(0+1,48) x0,5+2,8 x2,4 x(0,4+1) x0,5-1 x0,75 x2,4 x2,4+2 x0,4 x1,54+2 x3,23 x(1,54+0,18) x0,5)	12,17	m3
7	Lắp đặt cống hộp 2000x2000, kết cấu BTCTM300, đá 1x2, khẩu độ L=1,5m/ đốt	9	9,00	cấu kiện
8	Đắp đất K95	226,2428	226,24	m3
	Móng cống	(13,58 x16,66)	*226,24*	
	B. PHẦN PHAI ĐIỀU TIẾT			
9	Đệm đá dăm 2x4	(1 x3,2 x0,1)	0,32	m3
10	Gia cố cọc tre L=2,5m, 25 cọc /m2	(3,2 x1 x2,5 x25)	200,00	m
11	Ván khuôn móng phai điều tiết	((1+3,2) x2 x1,2)	10,08	m2
12	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2	(1 x3,2 x1,2)	3,84	m3
13	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10	42,46	42,46	kg
14	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10	166,67	166,67	kg
15	Ván khuôn cột	((2 x(0,6 x4+0,06 x2) x4,6+2 x0,3 x4 x3,2))	30,86	m2
16	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2	((2 x(0,6 x0,6-0,14 x0,06) x4,6+2 x0,3 x0,3 x3,2))	3,81	m3
17	Ván khuôn dầm	(2 x0,9 x(0,3+2 x(0,15+0,3) x0,5)+1 x2,9 x0,3 x3+2 x3,6 x0,3 x3)	10,44	m2
18	Ván khuôn sàn	(0,9 x2,3+3,6 x2,3)	10,35	m2
19	SXLD cốt thép dầm d<=10	24,74	24,74	kg
20	SXLD cốt thép dầm d>10	91,89	91,89	kg
21	SXLD cốt thép sàn d<=10	151,88	151,88	kg
22	Bê tông dầm M200, đá 1x2	(2 x3,6 x0,3 x0,3+1 x2,3 x0,3 x0,3+2 x0,9 x(0,15+0,3) x0,5 x0,3)	0,98	m3

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI
UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

TT	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng	Đơn vị
23	Bê tông sàn M200, đá 1x2	(3,75 x2,3 x0,1+2,3 x0,9 x0,1)	1,07	m3
24	SXL thép hình lan can cầu thang vận hành	53,1	53,10	Kg
25	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết	623,14	623,14	kg
26	Sơn thép hình	35,9941	35,99	m2
	Thép CH140x15	(8,84 x(0,14+0,06) x2)	3,54	
	Thép V50x50x5	((2 x0,05 x4))	0,40	
	Thép tấm 3300x2096x5	((2 x3,3 x2,1))	13,83	
	Thép L100x65x7	(21,27 x(0,1+0,06) x2)	7,02	
	Thép L75x50x6	(20,38 x(0,08+0,05) x2)	5,10	
	Thép hộp 80x40x1.2	(11,22 x(0,08+0,04) x2)	2,69	
	Thép hộp 60x60x1.2	(10,64 x0,06 x4)	2,55	
	Thép hộp 30x30x1.2	(7,2 x0,03 x4)	0,86	
27	Vít nâng V3	1	1,00	bộ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN THÔN TỪ THÔN QUÈN DANH ĐI THÔN ĐỨC DƯƠNG, XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG HỘP 2X(3X3)M CỌC C KM0+810

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂ... CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG HĐ MỸ ĐỨC ĐÃ THẨM TRA HĐ số:..... Ngày ... tháng ... năm 20.....

Stt	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng đơn vị	Đơn vị
	A. CỐNG			
	Chiều dài cống		*6,60*	*m*
1	Đào móng cống	6,8*13,4	113,32	m3
2	Gia cố cọc tre L=2,5m, 20 cọc /m2	(7,4*4,2+3,2*2,2+3,2*1,6)*2,5*20	13210,32	m
3	Đệm đá dăm 2x4	0,4*4,2*0,2+(1,9+2,5)*3,2*0,1	52,84	m3
4	Ván khuôn móng cống	(0,4*2+5,8)*0,2	11,66	m2
5	Bê tông móng cống M150, đá 2x4 dầy 20cm	(0,4*2+5,8)*4,2*0,2	21,04	m3
6	SXLD cốt thép đáy cống			
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	*Bảng thống kê thép*	1276,41	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	*Bảng thống kê thép*	1000,07	*kg*
7	Ván khuôn đáy cống	(2*3,8*1+2*(0,4*1+0,3*0,3*0,3*2+6*0,3))	19,90	m2
8	Bê tông bản đáy M300, đá 1x2	(3,8*(2*0,7*0,4+2*0,3*0,3*0,5+6,8*0,3))	18,86	m3
9	SXLD cốt thép thành cống			
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	*Bảng thống kê thép*	1992,71	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	*Bảng thống kê thép*	1283,48	*kg*
10	Ván khuôn thành cống	(2*6,8*(2+2,25))	129,36	m2
11	Bê tông thành cống M300, đá 1x2	(2*6,8*(2*0,3+2*0,3*0,3*0,5))	20,20	m3
12	Ván khuôn bản mặt cống	(6,8*2,6+2*6,8*0,3+2*3,8*(0,6+0,32))	39,60	m2
13	SXLD cốt thép bản mặt cống			*kg*
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	*Bảng thống kê thép*	0,00	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	*Bảng thống kê thép*	725,81	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	*Bảng thống kê thép*	1000,07	*kg*
14	Bê tông bản mặt cống M300, đá 1x2	(6,8*3,8*0,3+2*3,8*(0,3+0,4)*0,5*0,3)	13,66	m3
15	Đắp đất móng cống K95	6,8*4,66	99,59	m3
	B. TƯỜNG CÁNH, SÂN THƯỢNG LƯU CỐNG			
16	SXLD cốt thép tường			
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	*Bảng thống kê thép*	77,75	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	*Bảng thống kê thép*	1338,36	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	*Bảng thống kê thép*	2436,13	*kg*
17	Ván khuôn tường		85,49	m2
18	Bê tông tường M200, đá 1x2		13,27	m3
19	SXLD cốt thép sân thượng lưu			
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	*Bảng thống kê thép*	3,57	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	*Bảng thống kê thép*	1365,87	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	*Bảng thống kê thép*	0,00	*kg*
20	Ván khuôn sân thượng lưu		16,89	m2
21	Bê tông sân thượng lưu M200, đá 1x2		44,12	m3
22	Xây móng đá hộc VXM100		12,32	m3
	C. TƯỜNG CÁNH, SÂN HẠ LƯU CỐNG			

M.S.D.N: 0104944034 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC PHÒNG KINH TẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH Theo văn bản số:...../KT Ngày ..... tháng ..... năm 20..... .....

Stt	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng đơn vị	Đơn vị
23	SXLD cốt thép tường			
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	*Bảng thống kê thép*	72,72	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	*Bảng thống kê thép*	972,65	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	*Bảng thống kê thép*	2232,03	*kg*
24	Ván khuôn tường		85,49	m2
25	Bê tông tường M200, đá 1x2		13,27	m3
26	SXLD cốt thép sân thượng lưu			
	Cốt thép đường kính D ≤ 10 :	*Bảng thống kê thép*	7,14	*kg*
	Cốt thép đường kính 10<D ≤ 18 :	*Bảng thống kê thép*	1416,66	*kg*
	Cốt thép đường kính D > 18 :	*Bảng thống kê thép*	0,00	*kg*
27	Ván khuôn sân thượng lưu		16,89	m2
28	Bê tông sân thượng lưu M200, đá 1x2		44,12	m3
29	Xây móng đá hộc VXM100		12,32	m3
	B. LAN CAN CỐNG			
16	SXLD thép bản 1300x130x6	(Bảng thống kê)	95,52	kg
17	SXLD thép bản 598x168x14	(Bảng thống kê)	66,96	kg
18	SXLD thép bản 145x128x6	(Bảng thống kê)	6,24	kg
19	SXLD thép bản 123x135x6	(Bảng thống kê)	6,24	kg
20	SXLD thép bản D115x7	(Bảng thống kê)	2,28	kg
21	SXLD thép bản D90x7	(Bảng thống kê)	1,40	kg
22	SXLD ống thép mạ kẽm D90x300x4	(Bảng thống kê)	30,60	kg
23	SXLD ống thép mạ kẽm D67,5x300x3	(Bảng thống kê)	17,16	kg
24	SXLD thép bản 130x180x6	(Bảng thống kê)	13,20	kg
25	SXLD thép bản 390x54x13	(Bảng thống kê)	104,40	kg
26	SXLD ống thép mạ kẽm D102x3800x4,2	(Bảng thống kê)	160,26	kg
27	SXLD ống thép mạ kẽm D83x3800x3,2	(Bảng thống kê)	99,67	kg
28	SXLD bu lông neo U M22x660	(Bảng thống kê)	24,00	bộ
	C. PHAI ĐIỀU TIẾT CỐNG			
28	Đệm đá dăm 2x4		1,66	m3
29	Ván khuôn móng phai điều tiết		26,07	m2
30	Bê tông móng phai điều tiết M200, đá 1x2		11,63	m3
31	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d<=10		62,39	kg
32	SXLD cốt thép cột phai điều tiết d>10		245,22	kg
33	Ván khuôn cột		30,82	m2
34	Bê tông cột phai điều tiết M200, đá 1x2		9,66	m3
35	Ván khuôn dầm		7,11	m2
36	Ván khuôn sàn		7,90	m2
37	SXLD cốt thép dầm d<=10		17,36	kg
38	SXLD cốt thép dầm d>10		64,72	kg
39	SXLD cốt thép sàn d<=10		44,03	kg
40	Bê tông dầm M200, đá 1x2		0,71	m3
41	Bê tông sàn M200, đá 1x2		0,71	m3
42	SXLD thép hình lan can an toàn sàn vận hành, thang lên xuống		102,84	kg
43	Sơn thép hình		10,23	m2
	Thép hộp 80x40x1,2		2,69	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT T
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HD MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
Theo ..... /KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

M.S.D.N: 0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: ...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Stt	Hạng mục	Diễn giải	Khối lượng đơn vị	Đơn vị
	Thép hộp 60x60x1,2		5,40	
	Thép hộp 30x30x1,2		2,13	
44	SXLD cốt thép hình, thép bản phai điều tiết		1703,08	kg
45	Sơn thép hình		74,29	m2
	Thép CH140x15		7,94	
	Thép V50x50x5		0,80	
	Thép tấm 3300x3200x5		42,24	
	Thép L100x65x7		8,71	
	Thép L75x50x6		14,60	
46	Vít nâng V3		2,00	bộ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG HĐ MỸ ĐỨC
ĐÃ THẨM TRA
HĐ số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

M.S.D.N:0104944034-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
Q.HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

UBND XÃ MỸ ĐỨC
PHÒNG KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KT
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....